

PHẬT GIÁO HÒA HẢO

**SẨM GIẢNG
THI VĂN
TOÀN BỘ**

**CỦA
ĐỨC HUỲNH GIÁO CHỦ**



**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO HÒA HẢO
BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG HẢI NGOẠI
ẤN HÀNH**



Đức Huỳnh Giáo Chủ Phật-Giáo Hòa-Hảo

VÀI NÉT VỀ ĐỨC HUỲNH GIÁO-CHỦ



Người sáng-lập Đạo Phật-Giáo Hòa-Hảo là Đức Thầy Huỳnh-Phú-Sổ. Đản sanh ngày 25 tháng 11 năm Kỷ-Mùi (15-01-1920) tại làng Hòa-Hảo, tỉnh Châu-Đốc, một tỉnh xa-xôi giáp biên-thùy Việt-Miên thuộc miền Nam Việt.

Ngài là trưởng nam của Đức Ông Huỳnh-Công-Bộ và Đức Bà Lê-Thị-Nhậm; một gia-đình trung-lưu, nhiều phúc-hậu và nhiều uy-tín với nhân-dân địa-phương.

Thuở nhỏ, vừa học xong đến hết bậc tiểu-học thì đau ốm liên-miên, nên Ngài phải rời nhà trường về dưỡng bệnh. Từ 15 đến 21 tuổi, Ngài không lúc nào dứt được cơn đau và không một lương-y nào trị được.

Năm 1939, sau khi hướng-dẫn thân-phụ đi viếng các am-động miền Thất-Sơn và Tà-Lơn – những núi non được nổi tiếng linh-thiên hùng-vĩ – Ngài tỏ ra đại ngộ. Ngày 18-5 Kỷ-Mão (1939) Ngài chính-thức mở Đạo. Bắt đầu là công việc chữa bệnh, Ngài chữa lành được các chứng hiểm-nghèo với phương-pháp thật giản-đơn là chỉ dùng lá cây, nước lã, giấy vàng, khiến các bác-sĩ Tây-y, các dược-sư Đông-y lẫn các danh-gia phù-thủy đều phải kinh-dị.

Song-song với việc chữa bệnh, Ngài thuyết-pháp thao-thao bất tuyệt. Nhiều thi-sĩ văn-gia hoặc luật-gia nghe tiếng, đến chất-vấn, đều phải nhận Ngài là một bậc siêu-phàm.

Cũng từ năm 1939, Ngài sáng-tác thật nhiều Kệ Giảng nội-dung tiên-tri chiến-cuộc sẽ tràn-lan, nhân-loại sẽ điều-linh và kêu gọi mọi người nên bỏ dũ về lành, thực-hành tứ-ân, trau-giồi thiền-tịnh để trở thành thiện-nhân trong xã-hội và tiến đến sự nhập diệu cõi đạo.

Nhìn qua công-đức giảng dân cứu chúng, người ta thấy Ngài chữa được hằng vạn chứng hiểm-nghèo, thuyết-pháp hằng ngàn lần trước đại-đa thính-chúng và sáng-tác sáu quyển Kệ Giảng cùng với hàng trăm bài thi ca, văn, chú có giá-trị siêu-việt.

Văn-chương của Ngài cực-kỳ bình-dân nhưng rất hàm-súc hấp-dẫn. Ngài viết không cần giấy nháp.

Giáo-pháp của Đức Giáo-Chủ tuy cao-siêu nhưng không kém phần thực-tế, có thể áp-dụng cho bất cứ một nơi nào trên thế-gian. Ngài là một nhà đại cách-mạng tôn-giáo. Vì trước khi Ngài ra đời, Đạo Phật Việt-Nam bị đình-đốn sai lạc, và Đạo Phật thế-giới chưa nói tới việc canh-tân. Ngài đã cắt bỏ tất cả những nghi-lễ phiền-toái mà nguyên-căn không phải của Đức Thích-Ca chủ-trương, đồng thời còn canh-tân nhiều điểm trong phương-pháp thực-hành đạo Phật mà trước kia không hề có.

Nhờ Giáo-pháp thích-thời đó nên chỉ trong một thời-gian ngắn, Ngài thu-phục được hai triệu tín-đồ tại miền Nam Việt-Nam và ảnh-hưởng mỗi lúc càng lan rộng thêm ra.

Vì Ngài được thiên-hạ quá hoan-nghinh nên nhà đương-cuộc bắt đầu để ý đến sự bành-trướng dị-thường của phong-trào tôn-giáo Phật-Giáo Hòa-Hảo, nên một biện-pháp chánh-trị đã được đem ra thi-hành và Ngài phải bị quản-thúc tại làng Nhơn-Nghĩa (Cần-Thơ).

Ở đây, Ngài lại được người ta tôn-sùng hơn trước nữa, làm cho nhà cầm quyền phải đem Ngài an-trí tại nhà thương Chợ-Quán. Sau đó, Ngài lại bị dời về Bạc-Liêu đến năm 1942.

Khi người Nhựt nhúng tay vào thời-cuộc Đông-Dương trong hồi thế-giới chiến-tranh kỳ nhì, họ cưỡng-bách đem Ngài về Sài-Gòn thì Ngài buộc lòng tá-túc tại Hiến-binh Nhựt để chờ đợi thời-cơ thuận-tiện ra gánh vác việc nước nhà. Khi đó Ngài có làm một câu đối để diễn-tả hoàn-cảnh của mình :

*“Trương Tiên qui Hớn phi thân Hớn,
Quan đế cư Tào bất đế Tào.”*

Sở-dĩ người Nhựt muốn thi ân với Ngài là vì họ muốn gây cảm-tình với khối tín-đồ không-lò của Ngài để sau này có thể lợi-dụng. Nhưng đã là một người sáng-suốt thì Ngài đâu có để cho bọn Nhựt lôi cuốn trong việc chuẩn-bị của họ chống Đồng-minh.

Sau cuộc đảo-chánh mừng 9 tháng 3 dương-lịch 1945, Ngài giữ một thái-độ hết sức dè-dặt vì Ngài biết chắc-chắn rằng người Nhật thế nào cũng thất trận. Lúc đó, Ngài nói một lời tiên-tri rất hài-huớc “*Nhật-Bôn ăn không hết con gà*”. Mà thiệt vậy ! Vì năm Dậu (con gà) mà cũng là năm 1945 chưa hết, thì số phận nước Nhật đã được định-đoạt.

Năm 1945, “*vì lòng từ-ái chứa-chan, thương bách-tính tới hồi tai-họa*”, nên Ngài đứng ra bảo-vệ quốc-gia và cứu nguy dân-chúng. Ngài từng thành-lập Phật-Giáo Liên-Hiệp Hội để đoàn-kết đạo Phật, và Việt-Nam Độc-Lập Vận-Động Hội để vận-động cuộc độc-lập nước nhà.

Sau khi Nhật-Hoàng đầu hàng Đồng-minh không điều-kiện, nước Việt-Nam phải sống một thời-kỳ bất-định, Đồng-bào Việt-Nam đương lo-sợ cảnh dịch-chủ tái-nô, Đức Huỳnh Giáo-Chủ liền hiệp với lãnh-tụ các đảng-phái và tôn-giáo để thành-lập Mặt-trận Quốc-gia Thống-Nhứt hầu lên tiếng với ngoại-bang. Mặt-trận này lại sáp-nhập vào Mặt-trận Việt-Minh mà chính Đức Huỳnh Giáo-Chủ là vị đại-diện đầu tiên ở Nam-Việt.

Sau sự thất-sách của Hồ-Chí-Minh với Hiệp-ước mừng 6 tháng 3 năm 1946, tạo cơ-hội thuận-tiện cho thực-dân trở lại, Đức Huỳnh Giáo-Chủ liền-kết với các lãnh-tụ quốc-gia để thành-lập Mặt-Trận Quốc-Gia Liên-Hiệp.

Mặt-trận này được quần-chúng nhiệt-liệt hoan-nghinh nên lại bị Việt-Minh giở ngón độc-tài giải-tán. Họ liền thành-lập Liên-Hiệp Quốc-Dân Việt-Nam Hội để che đậy màu sắc đỏ của Đệ-Tam Quốc-Tế và để làm cho quần-chúng quên cái dĩ-vãng đẫm máu của các tướng Cộng-Sản hồi cuối năm 1945.

Năm 1946, vì muốn gây cuộc đoàn-kết giữa các tầng lớp đồng-bào, Ngài ưng-thuận tham-gia Ủy-Ban Hành-Chánh với trách-vụ Ủy-Viên Đặc-Biệt.

Ngài liên-kết các chiến-sĩ quốc-gia với khối tín-đồ Phật-Giáo Hòa-Hảo để thành-lập *Việt-Nam Dân-Chủ Xã-Hội Đảng* (21-9-46), với chủ-trương công-bằng xã-hội và dân-chủ-hóa nước Việt-Nam. Ngài chẳng những là một nhà cách-mạng tôn-giáo anh-minh mà còn là một lãnh-tụ chánh-trị đa tài. Đọc Tuyên-ngôn, Chương-trình của Đảng Dân-Xã do Ngài đưa ra, dù cho đối-phương hay những người khó tánh, đều phải công-nhận Ngài có một bộ óc cải-tiến vượt bực và nhận-định sáng-suốt phi-thường.

Đồng thời, Ngài cũng gởi người ra hải-ngoại, đoàn-kết với các nhà cách-mạng quốc-gia lưu-vong để thành-lập *Mặt-Trận Thống-Nhất Toàn-Quốc*. Giải-pháp quốc-gia cũng do công-trình của Ngài và các nhà cách-mạng xuất-dương mà thực-hiện đến ngày nay.

Bởi đường lối của Ngài trái ngược với chủ-trương Cộng-Sản và bởi Giáo-thuyết của Ngài có thể gây đổ-vỡ cho chủ-nghĩa vô-thần, Cộng-Sản đã tìm mọi cách làm hại Ngài, nhưng họ đều không làm gì Ngài được.

Đầu năm 1947, các tín-đồ Phật-Giáo Hòa-Hảo ở miền Tây chống lại chủ-trương độc-đoán của các Ủy-Ban Việt-Minh vì họ áp-dụng chánh-sách độc-tài trong sự tổ-chức và cai-trị quần-chúng. Muốn tránh cuộc cốt-nhục tương-tàn, Đức Huỳnh Giáo-Chủ về miền Tây Nam-Việt với hảo ý trấn-tĩnh lòng phần-nộ của tín-đồ P.G.H.H. và để giảng-hòa hầu đoàn-kết chống thực-dân cho có hiệu-lực. Nhưng ngày 25 tháng 2 nhuận năm Đinh-Hợi (16-4-47), Ủy-Ban Hành-Chánh Việt-Minh âm-muru bắt Ngài tại Đốc-Vàng Hạ (vùng Đồng-Tháp).

Từ đó không ai rõ tin-tức chi về Đức Huỳnh Giáo-Chủ, nhưng toàn-thể tín-đồ của Ngài không ai tin rằng Việt-Cộng có thể làm hại Ngài được. Và muôn người như một, đang mong đợi một ngày về trong sứ-mạng vinh-quang nhất của Ngài.

Quyển sách *Cách Tu Hiền* sau đây là một trong nhiều tác-phẩm của Ngài, đã được tái-bản trên 300 lần với ấn-lượng trên 800.000 quyển bằng tiếng Việt-Nam. Nó ngắn-gọn nhưng đủ rõ những điều cần-thiết trong nghi-thức tu-hành theo Đạo Phật-Giáo Hòa-Hảo.

Thánh-địa Hòa-Hảo, ngày 1-1-1966
Ban Phở-Thông Giáo-Lý Trung-Ương
Giáo-Hội P.G.H.H.
(nhiệm-kỳ I, 1964 – 1966)

Kính đề



KHẢI NGÔN



Từ tháng 5 năm Kỷ-Mão (1939), sau khi mở đạo, Đức Giáo-Chủ đứng ra chữa bệnh độ đời. Tuy Ngài không có đề tâm nghiên-cứu Đông-y cũng như chẳng hề học Lỗ-ban phù-thủy, nhưng bằng phương-pháp chữa trị thật giản-đơn như giấy vàng, nước lã, lá xoài, lá ổi, lá bưởi, lá mít, bông trang mà trị được hằng vạn chứng hiểm-nghèo như bệnh tà, bệnh suyễn, bệnh phong, bệnh dịch, bệnh dư ruột... cho nên quần-chúng ngưỡng-mộ, theo về tấp-nập. Người ta do đó mà bắt đầu tin-tưởng Phật Trời, nghe Pháp và quy-y.

Đồng thời với công việc chữa bệnh, Đức Giáo-Chủ đứng ra thuyết-pháp để truyền giáo. Lời giảng của Ngài thao-thao bất tuyệt suốt cả ngày đêm. Nhiều thi-sĩ, văn-gia, hoặc luật-sư, bác-sĩ đến chất-vấn, bắt-bẻ, đều nhận Ngài là bậc đại-giác, đại-ngộ, không thể suy-bì. Ai đã từng dõng gót theo Ngài trong cuộc khuyến nông năm 1945, trong vòng 2 tháng với không biết bao nhiêu lý-luận khác nhau, đều phải công-nhận Ngài là bậc “*mồm sông bút sấm*”.

Những cuộc thuyết-pháp nói chung, nếu cộng với 107 lần chu-du khuyến nông vừa kể, chúng ta có thể nói Ngài đã trải qua một ngàn lần khuyến-thuyết quan-trọng với hằng ngàn đề-tài khác biệt.

Nhờ những cuộc thuyết-pháp như trên, người mộ-đạo quy-căn ngày càng đông thêm không xiết nói.

Nhưng công-đức vĩ-đại nhất của Đức Giáo-Chủ trong việc truyền giáo là việc viết ra Kệ Giảng. Nhờ những Kệ Giảng đó mới được phổ-truyền một cách sâu rộng chủ-trương canh-tân Phật-giáo của Ngài, và nhờ đó mà có hằng triệu người ngộ-đạo đã quay về với chân-tính, tự-tâm.

Nếu kiểm-điểm lại con số Kệ Giảng đã ấn-loát và phát-hành từ năm 1939 đến nay, ta sẽ phải ngạc-nhiên chẳng ít. Kệ Giảng đã được tái-bản trên 300 lần, với số lượng được in ra tối-thiểu cũng trên 800.000 quyển.

Nội-dung các tác-phẩm đó chứa đựng những gì ? Cách lập-giáo ra sao ? Và văn-thể, văn-từ như thế nào mà hấp-dẫn được người xem đến thế ? Đó là điều mà trong lần tái-bản này, chúng tôi xin trình-bày đại-cương để chur quý độc-giả đạo tâm bốn phương đồng lãm.

Những tác-phẩm mà Đức Giáo-Chủ viết ra, phần nhiều thuộc thể văn vần.

Một điều đặc-biệt đáng chú-ý là trong khi cầm bút, dù tản-văn hay vận-văn, Ngài luôn luôn viết thẳng một mạch không vấp không ngưng, không dùng giấy nháp và không hề bôi-xóa, cắt-xén như các văn-sĩ thường làm. Người ta cho rằng Ngài viết mau lẹ và dễ-dàng hơn ông Alcyone Krishnamurti khi viết quyển *Aux pieds du Maître*.

Có thể kể theo thứ-tự thời-gian những tác-phẩm trường-thiên sau đây của Đức Giáo-Chủ :

1.- SÁM GIẢNG KHUYÊN NGƯỜI ĐỜI TUNIỆM (tức quyển nhứt, văn lục bát, dài 912 câu, xuất bản lần đầu năm 1939).

Ngài viết xong trước Đệ-Nhị Thế-Chiến, tại làng Hòa-Hảo, Sám Giảng này khởi đầu bằng câu :

Hạ-Nguơn nay đã hết đời,

và chấm dứt bởi câu :

Tới đây cũng lặn ngừng lại bút nghiên.

Nội-dung, Đức Giáo-Chủ đánh-thức quần-chúng bằng cách tiên-tri những cảnh lâm-than khốn-khổ mà nhân-loại sẽ phải trải qua trong thời-đại nhiều-nhương. Chẳng hạn, Ngài nói trước các năm từ lúc xảy ra cho đến khi chấm-dứt đệ-nhị thế-chiến :

Mèo kêu bá-tánh lao-xao,

Đến chừng Ròng, Rắn máu đào chĩnh ghê.

Con Ngựa lại đá con Dê,

Khấp trong trần-hạ nhiều bề gian-lao.

Khi kia cũng bị xáo-xào,

Canh khuya Gà gáy máu đào mới ngưng.

Người ta đã thấy đúng trăm phần trăm từ khởi đầu cuộc chiến-tranh thế-giới lần thứ hai (Mèo kêu, 1939) cho đến khi hai quả bom nguyên-tử của Đồng-Minh bỏ xuống nước Nhứt để chấm-dứt chiến-cuộc (Gà gáy, 1945), không sai một mảy.

Cuộc giết chóc ghê-tởm của chiến-tranh tuy ngưng từ năm Gà, nhưng theo Đức Giáo-Chủ, nó sẽ còn tái-diễn tại Việt-Nam, và sẽ lan-diễn khắp nơi :

*Đời cùng còn chẳng mấy năm,
 Khấp trong các nước thây nằm bằng non.
 Cha thì chẳng thấy mặt con,
 Vợ thì chồng chẳng được còn tại-gia !*

Trong tác-phẩm này, Đức Giáo-Chủ cũng tường-thuật việc Ngài hóa-hiện ra đui-cùi, buôn bán, khi già, lúc trẻ đạo khấp “Lục-Châu” để thử lòng trăm họ, giác tỉnh mọi người, gọi họ theo về đường ngay, nẻo Đạo.

2.- KỆ DÂN CỦA NGƯỜI KHÙNG (tức quyển Nhi, văn thất-ngôn trường-thiên, dài 476 câu, xuất-bản lần đầu năm 1939).

Ngài viết tại làng Hòa-Hảo ngày 12 tháng 9 năm Kỷ-Mão. Kệ này khởi đầu bằng câu :

Ngôi Khùng trí đoái nhìn cuộc thế,

và chấm dứt bởi câu :

Ta ra sức dất-dìu bá-tánh.

Cũng như trong quyển nhứt, ở đây Đức Giáo-Chủ vừa tiên-tri tai-nạn sắp xảy đến cho nhân-dân, vừa khuyên mọi người làm lành lánh dữ, chẳng hạn như :

*Đến chùng đó bốn phương có giặc,
 Khấp hoàn-câu thiết-thiết tha-tha.
 Vây sớm mau kiếm chữ Ma-Ha,
 Thì Phật cứu khỏi nơi khói lửa.*

...

*Trung với hiếu ta nên trau-trỉa,
 Hiền với lương bổn-đạo rèn lòng.
 Thường nguyện-cầu siêu-độ Tổ-Tông,
 Với bá-tánh vạn dân vô sự.*

Rồi Ngài không ngần-ngại, đánh đổ những mê-tín dị-đoan, những âm-thanh sắc-tướng, những sự dối tu, lòe đời:

*Theo Thân-Tú tạo nhiều chuông mõ,
Từ xưa nay có mấy ai thành !...*

...

*Làm hiền-lành hơn tụng hơ-hà,
Hãy tưởng Phật hay hơn ó-ré.*

...

*Những giấy tiền vàng bạc cũng thôi,
Chớ có đốt tốn tiền vô-lý.*

...

*Tu vô-vi chớ cúng chè xôi,
Phật chẳng muốn chúng-sanh lo-lót.*

3.- SÁM GIẢNG (tức quyển ba, văn lục bát, dài 612 câu, xuất-bản lần đầu năm 1939).

Ngài cũng viết tại làng Hòa-Hảo năm Kỷ-Mão, khởi đầu bằng câu :

Ngồi trên đảnh núi liên-đài,

và chấm dứt bởi câu :

Chúc cho bá-tánh muôn sâu tiêu-tan.

Trong quyển này, Đức Giáo-Chủ dạy tu nhân-đạo, Ngài viết :

*Tu cầu Cha mẹ thánh-thời,
Quốc-vương thủy-thổ chiêu mời phản-hồi.
Tu đền nợ thế cho rồi,
Thì sau mới được đứng ngôi tòa sen.*

Đối với hạng thanh-niên nam nữ, thường dễ bị văn-minh vật-chất hoặc dục-vọng lôi-cuốn đến bờ truy-lạc, Ngài kêu gọi :

*Nghiêm-đường chịu lệnh cho an,
Loạn-luân cang-kỷ hồ mang tiếng đời.*

Hoặc là :

*Nghe lời cha mẹ cân-phân,
Tam-tùng vẹn giữ lập thân buổi này.*

Và Ngài cũng cực-lực đả-phá những hủ-tục, bài-xích những thói xa-hoa, đàng-điếm. Chẳng hạn :

*Chết rồi cũng bớt cóc-keng,
Trống đờn lễ nhạc tế xen ích gì !
Đàn nhu thầy lễ cũng kỳ,
Mắc phải chuyện gì phủ-phục bình-hưng ?*

Hay là :

*Văn-minh sửa mặt sửa mày,
Áo quần láng-mướt ngày rày ăn chơi.
Dọn xem hình-vóc lá-loi,
Ra đường ăn nói những lời nguyệt-hoa.*

Nếu chịu vẹn gìn theo lời chỉ-giáo trong quyển SÁM GIẢNG này, thì nhân-đạo của ta ắt có thể coi là hoàn-bị lắm.

4.- GIÁC MÊ TÂM KỆ (tức quyển tư, văn thất-ngôn trường-thiên, dài 846 câu, xuất-bản lần đầu năm 1939).

Đức Giáo-Chủ viết tại Hòa-Hảo ngày 20 tháng 9 năm Kỷ-Mão. Kệ này khởi đầu bằng câu :

Khai ngọn đuốc từ-bi chí-thiện,

và chấm dứt bởi câu :

Mong bá-tánh vạn dân giải-thoát.

Nơi đây, Đức Giáo-Chủ có nói trước những tai-họa hãi-hùng mà chúng-sanh sẽ phải trải qua trong thời Hạ-nguơn mặt kiếp :

*Khô với thảm ngày nay có mấy,
Sợ mai sau dòm thấy bay hồn.
Trừ tà-gian còn thiện chỉ tồn,
Cảnh sông máu núi xương tha-thiệt.*

Ngài lại còn giảng rõ thế nào là *tứ-đồ-tường, tứ-khố, ngũ-uẩn, lục-căn, lục-trần, tứ-diệu-đề, bát-chánh* và *bát-nhãn*.

Còn gì đáng coi là nhẫn-nhục, hỷ-xả hơn những câu sau đây:

*Ai chưởi mắng thì ta giả điếc,
Đợi cho người hết giận ta khuyên.
Chữ nhẫn hòa ta để đầu tiên,
Thì đâu có mang câu thù-oán.*

5.- KHUYẾN THIỆN (tức cuốn thứ năm, đoạn đầu và đoạn chót viết bằng lối văn lục-bát, đoạn giữa viết bằng lối thất-ngôn, gồm 776 câu, xuất-bản lần đầu năm 1942).

Ngài viết tại nhà thương Chợ-Quán năm 1941. Tác-phẩm này khởi đầu bằng câu :

Băng tâm ngẫu hứng thừa nhàn,

và chấm dứt bởi câu :

Rán trau đức-hạnh ngày sau sẽ tường.

Nội-dung, Đức Giáo-Chủ nhắc tiểu-sử Đức Thích-Ca và luận-giải về tám sự khổ trong cõi ta-bà, về *pháp-môn tịnh-độ*, về *cách diệt ngũ-trược*, *trừ thập-ác* và *hành thập-thiện*.

6.- CÁCH TU-HIỀN VÀ SỰ ĂN Ở CỦA MỘT NGƯỜI BỒN-ĐẠO.

Quyển này viết bằng văn xuôi, hồi tháng 5 dl 1945 tại Sài-Gòn và xuất-bản lần đầu cũng trong năm ấy. Tuy văn xuôi, quyển này có một đặc-sắc là giản-dị và lưu-loát, âm-hưởng du-dương, nhịp-nhàng.

Nơi đây, Đức Giáo-Chủ minh-giải về *tư-ân*, *tam-nghiệp*, *thập-ác* và *bát-chánh*. Ngài còn giảng-day về cách thờ-phượng, cúng lạy, nghi-thức cử-hành tang-lễ, giá-thú, cách đối-xử với các tôn-giáo bạn, với các tăng-sư, v.v...

Ngoài sáu quyển vừa kể, Đức Giáo-Chủ còn viết ra rất nhiều bài thi, bài văn mà trước đây 13 năm, một nhóm tín-đồ tại Thánh-Địa Hòa-Hảo đã gom-góp để in thành một quyển, nhan-đề SƯU-TẬP THI VĂN GIÁO-LÝ CỦA ĐỨC HUỲNH GIÁO-CHỦ.

Sách dày trên 300 trang, nội-dung gồm có gần đủ loại thơ ca: *thất-ngôn bát-cú*, *tứ-tuyệt*, *ngũ-ngôn*, *lục-bát*, *thất-ngôn trường-thiên*, *song-thất lục-bát*, *tứ-ngôn* và một số bài *biến-thể*. Trong đây, Đức Giáo-Chủ hoặc viết để dạy riêng một người hay đáp họa với một người khác, hoặc viết để cảnh-giác, hoặc viết để khuyên tu... tựu-trung, nhứt nhứt đều có bao-hàm một giáo-ngĩa thâm-huyền mà cho dầu không phải người

trong cuộc, đọc đến cũng đều có lợi-ích cho sự tu-hành.

Riêng phần văn-từ, nói chung toàn-bộ, Ngài chủ-trương :

*Quyết dạy trần nên nói lời thường,
Cho sanh-chúng đời nay dễ biết.*

Hoặc là :

*Dạy bốn-đạo lấy câu trung-đẳng,
Chẳng nói cao vì sắp rớt đời.*

Cho nên, với những lời văn vô cùng giản-dị nhưng ngọt-ngào và óng-chuốt, Đức Giáo-Chủ dụng-tâm làm cho hạng bình-dân dễ thuộc dễ theo, để sớm đưa họ tiến tới con đường lành mà Ngài đã vạch ra và đã nhất-tâm phát-nguyện :

*Quyết đưa chúng về nơi non Thửu,
Tạo Lu-bồng ngộ hội Quân-Tiên.*

Hoặc :

*Nếu chúng-sanh còn chón mê-tân,
Thì Ta chẳng an vui Cực-Lạc.*

Hay là :

*Biết làm sao gieo Đạo khắp đại-đồng,
Đưa nhơn-loại đi vào vòng hạnh-phúc.*

Như đã nói ở đoạn đầu, những Kệ Giảng nêu trên được in ra từ trước đến nay, ít nhất cũng trên 800.000 quyển.

Tuy nhiên, sách càng được in ra nhiều chừng nào, thì cái bệnh tam-sao thất-bổn càng trầm-trọng thêm chừng nấy. Bởi một lẽ rất giản-dị là suốt trong thời thực-dân thống-trị cho đến hồi độc-tài phong-kiến, vì thời-cuộc, đoàn-thể Phật-Giáo Hòa-Hảo không mấy lúc được yên-lành. Cho nên công việc phát-hành Kệ Giảng phần nhiều do các đồng-đạo có nhiệt-tâm đứng ra ấn-loát chớ ít được dịp do một cơ-quan nào trong Giáo-Hội theo dõi việc in. Cái bệnh tam-sao thất-bổn vốn đã sẵn có, tự thuở còn được truyền-bá bằng cách chép tay, nay lại càng sai thêm với biết bao nhiêu lần in, thiếu người có khả-năng chuyên-môn xem sóc...

Chính vì những sự sai lầm đáng tiếc đó mà ngay từ khi Ban Trị-Sự Trung-Ương Giáo-Hội Phật-Giáo Hòa-Hảo nhiệm-kỳ đầu tiên (18-11-1964) được tái-lập sau một thời-gian dài gián-đoạn, Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương chúng tôi đã ghi ngay vào hàng đầu của Chương-trình hoạt-động công-tác *đính-chánh Kệ Giảng* hệ-trọng này, và bắt tay vào việc ngay sau phiên đại-hội toàn-quốc về Phổ-Thông Giáo-Lý ngày 27 tháng 12 năm 1964.

Ngày 8-3-1965, một Chi-thị số 233/TU'TV/19-GL gửi các cấp Phổ-Thông Giáo-Lý Tỉnh, Quận và Xã để tham-khảo ý-kiến toàn-thể Trị-Sự-viên và tất cả đồng-đạo nào có đề tâm nghiên-cứu về những câu, những chữ cần bổ-khuyết hay *đính-chánh* trong Kệ Giảng.

Theo thời-gian-biểu của chúng tôi, thì công việc tham-khảo các cấp này kéo dài một tháng rưỡi kể từ 15-3-1965, đến 30-4-1965, và sau đó, chúng tôi mới cẩn-thận làm bản đúc-kết lại các đề-nghị để trình ra

hội-nghị, hầu tham-khảo một lần tới-hậu để lấy biểu-quyết những chỗ đáng sửa đổi.

Ngày 17-5-1965, một hội-nghị được khai-mạc tại Văn-phòng Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương (Thánh-Địa Hòa-Hảo) trong sự chứng-minh của Ông Út Huỳnh-Văn-Quốc, bào-đệ Cố Đức Ông và dưới quyền Chủ-tọa của Ông Lương-Trọng-Tường, Hội-Trưởng Ban Trị-Sự Trung-Ương.

Ông Nguyễn-Văn-Hầu, Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương giữ nhiệm-vụ Thuyết-trình-viên và Ông Trần-Minh-Quang, Thư-Ký Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương, làm Thư-Ký phiên hội.

Thành phần tham dự hội-nghị gồm có các Ông :

- Dật-Sĩ Trần-Văn-Nhựt, Cố-Vấn Ban Trị-Sự Trung-Ương kiêm Trưởng-Ban Nghiên-Cứu và Biên-Tập trong Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương.
- Trí-Viễn Lê-Hòa-Nhựt, Cố-Vấn Ban Trị-Sự Trung-Ương kiêm Cố-Vấn Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương.
- Huỳnh-Công-Kỷ, Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Tỉnh An-Giang.
- Phạm-Văn-Tốt, Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Tỉnh Kiến-Phong.
- Bùi-Văn-Triệu, Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Tỉnh Châu-Độc.
- Lê-Thanh-Quang, Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Tỉnh Phong-Dinh.

- Lâm-Văn-Trung, Kiểm-Soát B.T.S. Tỉnh Châu-Đốc.
- Nguyễn-Chi-Diệp, Cố-Vấn B.T.S. Thánh-Địa Hòa-Hảo.
- Huỳnh-Hữu-Phỉ, Nhân-sĩ kỳ-cựu P.G.H.H.
- Trần-Văn-Mành, Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Thánh-Địa Hòa-Hảo, xã Hưng-Nhon.
- Ngô-Minh-Chí, Phó Đặc-Ban Biên-Tập và Xương-ngôn Đài Phát-thanh, thuộc Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương.
- Đào-Văn-Đạm, Quản-Lý *Nguyệt-san Đuốc Từ-Bi*, thuộc Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương.
- Trịnh-Công-Dung, Hội-Trưởng B.T.S. Quận Châu-Phú.
- Lê-Văn-Phú, Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Quận Châu-Phú.
- Đặng-Thành-Tự, Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Quận Chợ-Mới.
- Trường-Thi, Hội-Trưởng B.T.S. Quận Thốt-Nốt.
- Nguyễn-Văn-Nam, Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Quận Châu-Thành (An-Giang).
- Phạm-Hữu-Vỹ, Trưởng-Ban Tiếp-Tân tại Tây-An Cổ-Tự (Long-Kiến).
- Nguyễn-Văn-Bửu, Đặc-Viên Ấn-Loát Phát-Hành, thuộc Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương.
- Nguyễn-Anh-Kiệt, Đặc-Viên Huấn-Luyện Truyền-Bá thuộc Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương.

Hội-nghị này đã làm việc một cách tận-tụy và say mê, đã đính-chánh và bổ-khuyết được nhiều điều quan-trọng mà kết-quả là quyển *Sám Giảng Thi Văn toàn-bộ* được in ra hôm nay.

Sách chia làm hai phần, phần đầu gồm sáu quyển với các loại *Sám, Kệ, Giảng, Văn...* mệnh-danh: Phần thứ nhất: *Sám Giảng Giáo-Lý* và phần sau gồm hàng trăm bài *Thi, Ca, Văn, Chú...* mệnh-danh: Phần thứ hai: *Thi Văn Giáo-Lý*. Trong các Thi Văn Sám Kệ kể trên, chúng tôi cố-gắng sắp theo thứ-tự thời-gian để Chư quý độc-giả đạo-tâm tiện bề theo dõi.

Với mục-đích “*đính-chánh những điều tam-sao thất-bổn hoặc nghe lầm nhớ lộn đã làm sai-biệt hẳn nguyên-văn và chân-y của Đức Thầy trong Kệ Giảng*”, chúng tôi làm việc theo sáu nguyên-tắc dưới đây :

1) Nỗ-lực suu-tầm trong các đồng-đạo kỳ-cựu nào còn giữ được bản chánh do chính tay Đức Giáo-Chủ viết ra để dò từng chữ mà sửa lại những chỗ in sai.

2) Những tác-phẩm nào kiếm không ra được bản chánh, thì hội-nghị mới xét tới các đề-nghị của các cấp mỗi khi gặp những chữ cần đính-chánh.

3) Các đề-nghị đính-chánh của các cấp đồng-đạo cũng như của hội-nghị là phải trưng ra những bằng-cớ cụ-thể là “*tại sao phải sửa lại như thế*” :

– do chính tai họ nghe Đức Thầy đính-chánh trước đây cùng với sự hiện-diện của ai, hồi nào ?...

– do họ là những người đã ngồi bên cạnh Đức Thầy, sao chép những bản Kệ Giảng, để phát ra cho dân-chúng trong buổi đầu mở Đạo ?...

– do những bản in cũ từ buổi đầu và xét ra hữu lý ?...

4) Hội-nghị chỉ nhắm vào công-tác đính-chánh chứ không có thẩm-quyền thêm bớt nếu không có bằng-cớ xác-đáng.

5) Ghi vào biên-bản hẩn-hỏi những chữ, những câu và những lý-do nào cần bổ-khuyết hay sửa đổi để lưu-trữ tại Văn-Phòng Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Uơng hầu làm tài-liệu tham-khảo cho những ai còn thắc-mắc.

6) Tất cả những đề-nghị sửa đổi, người đề-nghị quả-quyết nhận trách-nhiệm trước Đức Thầy, trước các Đấng Thiêng-Liêng là họ đã *nói đúng, nghe đúng và nghĩ đúng*.

Một vài thí-dụ sau đây để được sáng-tỏ thêm việc làm của hội-nghị :

– Những bài dò theo bản chánh do Đức Thầy viết ra, hội-nghị đồng ý phải cho ghi ở cuối bài là bản đó do ai còn giữ được.

– Trong bài *Sứ-mạng của Đức Thầy*, lâu nay đã in “*tuy có phải chuyển kiếp luân-hồi ở nơi hải-ngoại...*” và “*kẻ xa-xuôi từ nan chẳng tới...*”; nay Ông Dật-Sĩ xác-nhận rằng chính Ông đã thấy tận mắt trong một bản chánh hồi Ông còn ở Bạc-Liêu là “*tùy cơ-pháp chuyển kiếp luân-hồi ở nơi hải-ngoại...*” và “*kẻ xa-xuôi từ-vãn chẳng tới...*” chứ không phải như các bản đã lưu-hành trước đây.

Xét ra, Đức Thầy viết bài này tại Bạc-Liêu năm 1942, và Ông Dật-Sĩ trong thời-gian ấy cũng đang làm việc tại đó, và lại ý-nghĩa rất hợp nên hội-nghị đồng ý sửa đổi.

– Ngoài nhiều bản chánh mà Ông Nguyễn-Chi-Diệp còn giữ được để hội-nghị dùng làm tài-liệu khảo-sát, Ông Diệp còn cải-chánh sự in sai trong Sám Giảng quyển ba mà Ông đã nghe biết rõ-ràng từ khi Đức Thầy còn ở tại Thánh-Địa :

“Tu-hành tâm đạo một mai cứu đời.”

chớ không phải :

“Tu-hành tâm đạo một mai cứu đời.”

– Ông Huỳnh-Hữu-Phỉ trình-bày trước hội-nghị rằng trong bài Sa-Đéc chính Đức Thầy có sửa một bản do ông dâng lên. Câu đầu bài đó chép :

“Nhìn cuộc thế bốn bề sóng dậy,”

Đức Thầy đã sửa lại :

“Nhìn cuộc thế bốn-bề sóng dậy,”

Và cũng theo ông Phỉ câu đầu trong bài *“Nang thơ cảm tú”* có hai chữ *thanh-bạch* và *thanh-lặng* đã gây bất nhất giữa anh em tín-đồ kẻ đọc *thanh-lặng*, người cãi là *thanh-bạch* cho nên lúc Đức Thầy ở tại Sài-Gòn, đường Lefèvre, ông có trình lên thỉnh ý. Và Đức Thầy xác-nhận :

“Trời thanh-lặng gió đưa hiu-hắt,”

– Ông Lâm-Văn-Trung quả-quyết: trong bài *“Viếng làng Mỹ-Hội-Đông”*, Đức Thầy không hề viết bốn câu đầu, từ *“Buông mình thả lá...”* đến *“...máy*

huyền-sâu”, nên đề-nghị bỏ. Hội-nghị xét Ông Trung là người Mỹ-Hội-Đông, mà ông cũng được gần-gũi bên Thầy trong buổi viết bài này, nên đồng ý cho xóa mấy câu đó trong bản in trước.

Phải có những chứng-tích dẫn-giải rành-mạch và trách-nhiệm phân-minh như thế, hội-nghị mới đồng-thanh chấp-nhận và đính-chánh lại những chỗ sai lầm.

* * *

Tuy đã thận-trọng như trên, nhưng sau khi hội-nghị bế-mạc, công việc này còn phải kéo dài thêm một thời-gian làm việc nữa. Đó là công việc dò kỹ từng chữ, từng câu để sửa lại từng dấu, từng nét. Quý Ông Cố-Vấn Dật-Sĩ, Thơ-Ký Trần-Minh-Quang, Quản-Lý Đào-Văn-Đạm và Phát-Hành-viên Nguyễn-Văn-Bửu đều đã thiết-thực góp tay với Ông Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Uơng Nguyễn-Văn-Hầu trong công việc này.

Sau hết, một vấn-đề không kém quan-trọng là việc sửa ấn-cảo. Nếu ấn-cảo mà không được người có khả-năng xem sóc thì bao nhiêu công-trình từ trước sẽ không được bảo-đảm nếu không nói là hỏng đi. Ông Thành-Nam, Đệ-Nhất Phó Thư-Ký Ban Trị-Sự Trung-Uơng đã phát-tâm hoan-hỉ đảm-nhận công-tác này.

Hôm nay, quyển *Sám Giảng Thi Văn Toàn-Bộ* của Đức Huỳnh Giáo-Chủ được đến trong tay Quý-vị độc-giả đạo-tâm, là kết-quả của bao nhiêu công việc vừa trình-bày trên đây với suốt một thời-gian dài trên 10 tháng.

Đã hiểu rằng “*Nhân thân nan đắc, Phật Pháp nan văn*” cho nên làm công việc này, chúng tôi không có cao-vọng gì hơn là muốn chính-xác-hóa những chỗ in lầm trong Giáo-Pháp của Đức Huỳnh Giáo-Chủ – ***một Giáo-Pháp nhiệm-mầu và thực-tế*** – hầu có quảng-bá một cách sâu rộng hơn nữa trong quảng-đại quần-sanh, để những người có cơ-duyên sẽ do đó mà bước lên con đường cùng tu cùng tiến.

Nếu Kinh Pháp-Hoa chép: “*Phật vị nhất đại sự nhân-duyên xuất-hiện ư thế*” (Phật vì một nhân-duyên lớn mà có mặt trên đời) thì nơi đây, chúng tôi cũng dám xin nguyện-cầu Chư Phật và Đức Thầy gia-hộ cho người người được rộng mở nhân-duyên, xem ***Sám Kinh*** này mà phát-tâm thiện-nguyện.

Được như thế, chúng tôi tưởng không có nguồn vui nào hơn.

Nam Mô A-Di-Đà Phật

Thánh-Địa Hòa-Hảo, ngày rằm tháng bảy Ất-Tý (1965)

Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương

(nhiệm-kỳ I, 1964 – 1966)

Cẩn khải



THAY LỜI TỰA



Sứ-mạng của Đức Thầy
(do chính tay Ngài viết)

Ngày 18 tháng 5 năm Kỷ-Mão, vì thời-cơ đã đến, lý Thiên-Đình hoạch-định, cuộc nguy-cơ thảm-họa sắp tràn-lan. Ta đây tuy không thể đem phép huệ-linh mà cứu an tai-họa chiến-tranh tàn-khốc do loài người tàn-bạo gây nên, nhưng mà thử nghĩ: Sinh trong vòng đất Việt-Nam này, trải qua bao kiếp trong địa-cầu lăn-lộn mấy phen, tùy cơ pháp chuyển kiếp luân-hồi ở nơi hải-ngoại để thu-thập những điều đạo-học kinh-nghiệm huyền-thâm, lòng mê-si đã diệt, sự vị-kỷ đã tan mà kể lại nguồn gốc phát sinh, trải bao đời giúp nước vừa dân cũng đều mãi sinh-cư nơi đất Việt. Những tiền kiếp dầu sống cũng là dân quan đất Việt, dầu thác, cũng qui thần đất Việt chớ bao lìa. Những kiếp gần đây, may-mắn gặp minh-sư, cơ truyền Phật-pháp, gọi nhuần ân-đức Phật, lòng đà quảng-đại từ-bi, hèm vì nổi cảnh quốc phá, gia vong, máy huyền-cơ đã định, lòng thương trăm họ vương cảnh đồ lao, chi xiết xót thương chúng-sanh vạn khổ.

Nghĩ lúc còn làm người trong biển tục, lăn-lộn chôn mê đồ, mà chẳng quản thân giúp thế cứu dân, vong thân vị quốc, hưởng chi nay cơ-màu đà thấu tỏ, sớm chiều hầu chơn Phật nghe kinh, ngao du tứ-hải,

đạo khắp Tiên-bang, cảnh an-nhàn của người liễu-đạo, muôn ngày vô sự, lòng sạch phàm tâm, sao chẳng ngồi nơi ngôi vị hưởng quả bồ-đề trường thọ mà còn len-lỏi xuống chốn hồng-trần, đặng chịu cảnh chê khen ? Vì lòng từ-ái chứa-chan, thương bách-tính tới hồi tai-họa. Phật-Vương đã chỉ rõ mấy diệu huyền chuyển lập hội Long-Hoa, chọn những đáng tu-hành cao công-quả để ban cho xứng vị xứng ngôi, người đủ các thiện-căn để giáo-truyền Đại Đạo, định ngôi phân thứ gây cuộc Hòa-Bình cho vạn quốc chư bang.

Thiên-Tào đã xét định, khắp chúng-sanh trong thế-giới trong cái buổi Hạ-Nguơn này, say mê vật-dục, chìm đắm trong biển lợi danh, gây nên nghiệp-quả, luật trời đã trị tội, xét kẻ thiện-căn thì ít, người tội-ác quá nhiều, chư Phật mới nhủ lòng từ-bi cùng các vị Chơn-Tiên lâm phạm độ thế, trước ra công cứu khổ, sau chỉ rõ cơ-huyền, khuyên kẻ thế hướng thiện quày đầu, cải tà qui chánh thì mới mong Thiên-Đình ân xá bớt tội căn để kịp đến Long-Hoa châu Phật, trước biết rõ luật Trời thưởng phạt, cùng hữu duyên nghe Phật-pháp nhiệm mầu, kiến diện bậc Chơn-Sư, tu-hành mau đắc quả, sau làm dân Phật-quốc hưởng sự thái-bình, bởi đời này pháp-môn bé mọn, Thánh đạo trăn vu, người tâm trí tối đen, đời lăm Ma-Vương khuấy rối. Ta là một trong các vị cứu đời ấy. Ai liễu Đạo nơi quốc-độ nào thì cũng phải trở về quốc-độ ấy mà trợ tế nhân-dân; vì thế lòng từ-bi bác-ái cùng thù đáp những linh-hồn đã trợ duyên trong nhiều kiếp giúp Ta nương cậy tu-hành, nên ngày 18 tháng 5 năm Kỷ-Mão, Ta

hóa hiện ra đời cứu độ chúng-sanh. Tuy là nhơn-dân mới rõ pháp mà tưởng rằng Ta thượng xác cõi đồng chớ có dè đâu chuyển kiếp đã từ lâu chờ đến ngày ra trợ thế. Nên phương-pháp của Ta tùy trình-độ cơ cảm của Tín-nữ Thiện-nam, trên thì nói Phật-pháp cho kẻ có lòng mộ Đạo qui căn, gây gốc thiện-duyên cùng Thầy Tổ, dưới dùng huyền-diệu của Tiên-gia độ bệnh để cho kẻ ít căn lành nhờ được mạnh mà cảm lòng từ-bi của Chư Vị với Trăm Quan, thâm-thiết lê-dân lầm than thống-thiết, mà lời lành nghe tựa hồ như nhớ như quên, nên kẻ xa-xuôi từ-vãn chẳng tới, người lảng-diềng tiếng kệ nhảm tai. Đến trung tuần tháng Tám, Ta cùng Đức-Thầy mới tá hiệu Khùng Điền, mượn bút mực tiết-lộ lấy Thiên-cơ, truyền cho kẻ xa gần đều rõ biết hầu ăn-năn cải quá làm lành, còn kẻ chẳng tỉnh tâm sau đền tội cũng chẳng trách Phật Tiên không chỉ bảo.

Vẫn biết đời Lang-sa thống trị, phép nước nghiêm-hình, dân-chúng nếu yêu thương sẽ lắm điều hiềm-kích; nhưng mà Ta nghĩ nhiều tiền kiếp Ta cũng hy-sinh vì Đạo, nào quản xác thân. Kiếp chót này đây há lại tiếc chi thân phạm-tục, song vì tình cốt-nhục tương thân, cũng ủng-hộ, chở che cho xác phạm bớt nổi cực hình.

Bạc-Liêu, ngày 18-5 Nhâm-Ngũ (1942).



PHẦN THỨ NHỨT

SẤM GIẢNG GIÁO-LÝ

QUYÊN NHỨT

SẤM GIẢNG

KHUYÊN NGƯỜI ĐỜI TU-NIỆM

SẨM GIẢNG

KHUYÊN NGƯỜI ĐỜI TU-NIỆM



*Đây là quyển thứ nhứt mà Đức
Thầy đã viết trong khoảng năm
Kỷ-Mão (1939) tại Hòa-Hảo
(912 câu).*

1. **H**ạ-nguơn nay đã hết đời,
Phong-ba biến-chuyển đời-dời gia-cang.
Năm Mèo Kỷ-Mão rõ ràng,
Khấp trong trần-hạ nhộn-nhàng xiết chi.
Ngồi buồn Điên tỏ một khi,
Bá-gia khô-não vậy thì từ đây.
Cơ trời thế cuộc đổi xây,
Điên mới theo Thầy xuống chốn phàm-gian.
Thấy đời ly-loạn bất an,
10. Khấp trong các nước nhộn-nhàng đao binh.
Kẻ thời phụ nghĩa bố-kình,
Người thời trung-hiếu chẳng gìn vẹn hai.
Nên Điên khuyên-nhủ bằng nay,
Xin trong lê-thứ ngày rày tỉnh tâm.
Cơ thâm thì họa diệc thâm,
Nào trong sách sử có làm ở đâu.
Người khôn nghe nói càng rầu,
Người ngu nghe nói ngựa đầu cười reo.
Rồi sau sẽ thấy hùm beo,
20. Khấp trong bá-tánh hiểm nghèo đáng thương.

21. Diên này vưng lịnh Minh-Vương,
 Với lịnh Phật đường đi xuống giảng dân.
 Thấy trong bá-tánh phàm trần,
 Kẻ khinh người nhạo Thân Tiên qui tà.
 Mặc ai bàn tán gần xa,
 Quý của Phật Bà sai xuống cứu dân.
 Kẻ xa thì mến đức-ân,
 Làm cho người gần ganh-ghét khinh-khi.
 Nam mô, mô Phật từ-bi,
30. Miệng thì niệm Phật lòng thì tà-gian.
 Khắp trong bá-tánh trần-hoàn,
 Cùng hết xóm làng đều bị người Diên.
 Diên này xưa cũng như ai,
 Vào các ra đài tội bực giàu sang.
 Nghĩ suy danh lợi chẳng màng,
 Bèn lên ản-dật lâm-san tu-trì.
 Nhờ Trời may-mắn một khi,
 Thẩn-thơ lại gặp Đức Thầy Bửu-Son.
 Cúi đầu Diên tỏ nguồn-con,
40. Động lòng bác-ái ra ơn dạy truyền.
 Thấy Diên tâm tánh quá thiêng,
 Nội trong sáu khắc biết liền Thiên-cơ.
 Chuyện này thôi nói sơ sơ,
 Để rộng thì giờ nói chuyện chơn-tu.
 Dương-trần kẻ trí người ngu,
 Ham võng ham dù danh lợi xuê-xang.
 Cờ đà đến nước bất an,
 Chẳng lo tu-niệm tham-gian làm gì.
 Phật, Trời thương kẻ nhu-mì,
50. Trọng cha, yêu Chúa kính vì Tổ-Tông.

51. Ngồi buồn nói chuyện bông-lông,
Khấp trong trần-hạ máu hồng nhuộm rôi.
Chùng nào mới đặng thanh-thời,
Dậu Phật ra đời thế-giới bình-yên.
Điên này Diên của Thần-Tiên,
Ở trên Non-Núi xuống miền Lục-Châu.
Đời còn chẳng có bao lâu,
Rán lo tu-niệm đặng châu Phật-Tiên.
Thế-gian ít kẻ làm hiền,
60. Nhiều người tàn-bạo làm phiền Hóa-Công.
Thế-gian chuyện có nói không,
Đến hội Mây-Rồng thân chẳng toàn thân.
Việc đời đến lúc cần-gay,
Mà cũng tới ngày nói xéo nói xiên.
Dương-trần tội ác liên-miên,
Sau xuống huỳnh-tuyền Địa-ngục khó ra.
Điên này nói việc gần xa,
Đặng cho lê-thứ biết mà lo tu.
Tu cho qua cửa Diêm-phù,
70. Khỏi sa Địa-ngục ngao-du Thiên-đài.
Đường đời chẳng có bao dai,
Nên viết một bài cho bá-tánh coi.
Tuồng đời như pháo châm ngòi,
Bá-gia yên-lặng mà coi Khùng này.
Khùng thời ba Tớ một Thầy,
Giảng dạy dầy-đầy rõ việc Thiên-cơ.
Điên đây còn dại còn khờ,
Yên-lặng như tờ coi chúng làm sao.
Bá-gia kẻ thấp người cao,
80. Chùng thấy máu đào chúng mới chịu tu.

81. Bây giờ giả đại giả ngu,
 Cũng như Nhơn-Quý ở tù ngày xưa.
 Lúc này kẻ ghét người ưa,
 Bị Điền nói bừa những việc vừa qua.
 Dương-trần biếm nhẽ gần xa,
 Nói quý nói tà đây cũng cam tâm.
 Ngồi buồn nhớ chuyện xa-xăm,
 Đạo trong Bảy-Núi cười thắm sư-mang.
 Nói rằng lòng chẳng ham sang,
90. Sao còn ham của thế-gian làm gì ?
 Việc này thôi quá lạ kỳ,
 Cũng trong Phật-Giáo sao thì chê khen.
 Lúc này tâm trí rối beng,
 Tiếng quyền tiếng kèn mặc ý bá-gia.
 Hết gần rồi lại tới xa,
 Dân-sự nhà nhà bàn tán cười chơi.
 Chuyện này cũng lắm tuyệt-vời,
 Giả như Hàn-Tín đợi thời lòn tròn.
 Đến sau danh nổi như còn,
100. Làm cho Hạng-Võ mất hồn mấy khi.
 Chuyện xưa thanh-sử còn ghi,
 Khen anh Hàn-Tín vậy thì mưu cao.
 Chuyện đời phải có trước sau,
 Điền Khùng khờ đại mà cao tu-hành.
 Bá-gia phải rán làm lành,
 Niệm-Phật cho rành đặng thấy Thân-Tiên.
 Thương đời trong dạ chẳng yên,
 Khấp trong lê-thứ thăm phiền từ đây.
 Ngày nay thế-cuộc đổi xây,
110. Rán lo tu-niệm đặng Thầy cứu cho.

111. Mảng theo danh lợi ồm-o,
Sẵn của hét hò đưa ở người ăn.
Đừng khi nhà lá một căn,
Mà biết niệm Phật sau bằng bạc muôn.
Giàu sang như nước trên nguồn,
Gặp cơn mưa lớn nó tuôn một giờ.
Cửu-Huyền Thất-Tổ chẳng thờ,
Để thờ những Đạo ngọn cờ trắng phau.
Dương-trần bụng dạ nhiều màu,
120. Thấy cảnh bên Tàu sao chẳng nghĩ suy.
Lời xưa người cổ còn ghi,
Những việc lạ kỳ nay có hay chưa ?
Chưa là với kẻ chẳng ưa,
Chớ người tâm đạo biết thừa tới đâu.
Bá-gia mau kíp lo âu,
Để sau đôi đầu chẳng đặng toàn thân.
Việc đời nói riết thêm nhây,
Nếu muốn làm Thầy phải khổ phải lao.
Mèo kêu bá-tánh lao-xao,
130. Đến chùng rông rảnh máu đào chĩnh ghê.
Con ngựa lại đá con dê,
Khấp trong trần-hạ nhiều bề gian-lao.
Khỉ kia cũng bị xáo-xào,
Canh khuya gà gáy máu đào mới ngưng.
Nói ra nước mắt rung rung,
Diên biểu dân đừng làm dữ làm hung.
Việc đời nói chẳng có cùng,
Đến sau mới biết đây dùng kế hay.
Bây giờ mắc việc tà-tây,
140. Nên mới làm vậy cho khỏi ngại nghi.

141. Thiên-cơ số-mạng biết tri,
 Mà sao chẳng chịu chạy đi cho rồi ?
 Những người giả đạo bồi-hồi,
 Còn chi linh-thính mà ngồi mà nghe.
 Việc đời như nước trong khe,
 Nó tưởng đặt về nói biếm người hung.
 Điên này nổi chí theo Khùng,
 Như thể dây dùn đặng cứu bá-gia.
 Sau này kẻ khóc người la,
150. Vài ba năm nữa biết mà tà-tinh.
 Điên biết chẳng lẽ làm thính,
 Nói cho bá-tánh mặc tình nghe không.
 Việc Điên, Điên xử chưa xong,
 Lục-Châu chưa giáp mà lòng ủ-ê.
 Người nghe đạo-lý thì mê,
 Kẻ lại nhún trề nói: Lão kiếm cơm.
 Thấy nghèo coi thể rác-rơm,
 Rồi sau mới biết rác-rơm của Trời.
 Vì Điên chưa đến cái thời,
160. Nên còn ẩn dạng cho người cười chê.
 Từ đây sắp đến thăm-thê,
 Con lia cha mẹ, vợ kia xa chồng.
 Tới chừng đến việc ngóng trông,
 Trách rằng Trời Phật không lòng từ-bi.
 Di-Đà lục-tự rán ghi,
 Niệm cho tà quỷ vậy thì dang ra.
 Khuyên đừng xài phí xa-hoa,
 Ăn cần ở kiệm đặng mà lo tu.
 Đừng khinh những kẻ đui mù,
170. Đến sau sẽ khổ gấp mười mù đui.

171. Đòi nay xét tới xem lui,
Chùng gặp tuổi Mùi bá-tánh biết thân.
Tu-hành sau được đức-ân,
Nhờ Trời ban bố cho gần Phật Tiên.
Nói ra trong dạ chẳng yên,
Diên gay chèo quế đạo miền Lục-Châu.
Tới đâu thì cũng như đâu,
Thêm thăm thêm sâu lòng dạ người xưa.
Bá-gia ai biết thì ưa,
180. Tôi chẳng nói thừa những việc Thiên-cơ.
Khi già lúc lại trẻ thơ,
Giả quê giả dốt khắp trong thị-thiền.
Đi nhiều càng thăm càng phiền,
Lên doi xuống vịnh nào yên thân Già.
Tay chèo miệng lại hát ca,
Ca cho bá-tánh biết đời loạn-ly.
A-Di-Đà Phật từ-bi,
Ở bên Thiên-Trước chứng tri lòng này.
Từ ngày thọ giáo với Thầy,
190. Đẹp lòng vị-kỷ đầy lòng yêu dân.
Ngày nay chẳng kể tấm thân,
Miễn cho bá-tánh được gần Bồng-Lai.
Đời này vốn một lời hai,
Khấp trong trần-hạ mấy ai tu-trì.
Đời này giành-giặt làm chi,
Tới việc ly-kỳ cũng thả trôi sông.
Thuyền đưa Tiên-cảnh Non-Bồng,
Mấy ai mà có thiền lòng theo đây.
Cứ lo làm việc tà-tây,
200. Bắt ngư bắt cày đặng chúng làm ăn.

201. Chùng đau niệm Phật lăng-xăng,
 Phật đau chúng kịp lòng người ác-gian.
 Thấy đời mê-muội lầm-than,
 Ăn bạ nói càn tội-lỗi chửi ghê.
 Chữ tu không phải lời thề,
 Mà không nhớ đến đặng kẻ Tiên-bang.
 Nói nhiều trong dạ xôn-xang,
 Cùng hết xóm làng tàn-ác nhiều hơn.
 Thầy chùa như thể cây son,
210. Ngoài da coi chắc trong thời mỗi ăn.
 Buồn thay cho lũ ác-tăng,
 Làm điều dối thế cho hư Đạo-màu.
 Di-Đà Phật-Tổ thêm rầu,
 Giận trong tăng chúng sao lừa-dối dân.
 Có thân chẳng liệu lấy thân,
 Tu như lối cũ mau gần Diêm-Vương.
 Bá-gia làm lạc đáng thương,
 Nên trước Phật đường thọ lãnh dạy dân.
 Dương-trần nhiều kẻ ham sân,
220. Cứ theo biếm-nhẽ xa gần người Diên.
 Lòng buồn mượn lấy bút nghiên,
 Viết cho trần-hạ bớt phiền lo tu.
 Thương đời chớ chẳng kiếm xu,
 Buồn cho bá-tánh hết mù tới đui.
 Có chi mà gọi rằng vui,
 Khấp trong bá-tánh gập hồi gian-lao.
 Từ đây hay ốm hay đau,
 Rán tu đem được Phật vào trong tâm.
 Lời hiền nói rõ họa thâm,
230. Đặng cho bá-tánh tỉnh tâm tu-hành.

231. Ngày nay Diên mở Đạo lành,
Khấp trong lê-thứ được rành đường tu.
Nay đà gần cuối mùa thu,
Hết ngu tới đại công-phu gần thành.
Xác trần đạo-lý chưa rành,
Mấy ai mà được lòng thành với Diên.
Diên này sẽ mở xích-xiêng,
Dắt-diu bá-tánh gần miền Tiên-bang.
Không ham danh lợi giàu sang,
240. Mong cho bá-tánh được nhân tâm thân.
Thường về châu Phật tấu trần,
Cầu xin Phật-Tổ ban lần đức-on.
Nay đà bày tỏ nguồn-con,
Cho trong trần-hạ thiệt hơn tỏ tường.
Phật, Trời thấy khổ thời thương,
Muốn cho lê-thứ thường thường làm nhơn.
Đừng ham tranh-đấu thiệt hơn,
Tu-niệm chớ sòn uổng lắm dân ôi !
Hồng-trần biển khổ thấy rồi,
250. Rán tu nhơn-đạo cho tròn mới hay.
Đừng ham nói đấng nói cay,
Cay đắng sau này đau đớn, sâu-bi.
Tu-hành tâm trí rán trì,
Sau này sẽ thấy việc gì trên mây.
Đừng làm tàn-ác ham gây,
Sẽ có người này cứu vớt giùm cho.
Dương-trần lắm chuyện đôi co,
Phải dẹp vị-kỷ mà lo tu-hành.
Kệ kinh tương-niệm cho sành,
260. Ngày sau thấy Phật đành rành chẳng sai.

261. Lúc này thế-giới bi-ai,
 Chẳng nói vẫn dài Phật nọ tức tâm.
 Mấy lời khuyên nhủ chẳng lầm,
 Từ đây đạo-hạnh được mầm thanh-cao.
 Hồng-trần lao-khổ xiết bao,
 Khuyên trong lê-thứ bước vào đường tu.
 Xưa nay đạo-hạnh quá lu,
 Ngày nay sáng tỏ đền bù ngày xưa.
 Mặc tình kẻ ghét người ưa,
270. Diên chẳng nói thừa lại với thứ-dân.
 Quan-trường miệng nói vang rân,
 Mà tâm dính chặt hồng-trần bụi nhờn.
 Buồn đời nên mới làm thơ,
 Cũng còn tai lấp mắt ngơ mới kỳ.
 Người đời lòng dạ bất tri,
 Trông cho làm bịnh dị-kỳ nó coi.
 Dương-gian chậu úp được voi,
 Giấu đầu rồi lại cũng lòi sau đuôi.
 Nói nhiều mà dạ chẳng nguôi,
280. Việc tu bá-tánh bản lụi như tằm.
 Tưởng Phật được lúc đầu hôm,
 Đêm khuya muốn giựt nôi cơm của người.
 Thế-gian nhiều việc nực cười,
 Tu-hành chẳng chịu, lo cười lo khinh.
 Người già ham muốn gái xinh,
 Đến sau chẳng biết thân mình ra sao ?
 Xác thân cọp xé beo quào,
 Còn người tàn-bạo máu đào tuôn rơi.
 Tu-hành hiền-đức thành-thời,
290. Ngay cha thảo Chúa, Phật Trời cứu cho.

291. Bá-gia hãy rán mà lo,
Kiếm Lão Đưa Đò nói chuyện huyền-cơ.
Bấy lâu chẳng biết làm thơ,
Nay viết ít tờ trần-hạ tỉnh tâm.
Đến sau khổ-hạnh khỏi lâm,
Nhờ công tu-niệm âm-thầm quá hay.
Chùng nào chim nợ biếng bay,
Cá kia biếng lội khổ này mới yên.
Nhắc ra quá thảm quá phiền,
300. Bể khổ gần miền mà chẳng chịu tu.
Ngọn đèn chơn-lý hết lu,
Khấp trong lê-thứ ao tù từ đây.
Thấy trong thời-cuộc đổi xây,
Đời nay trở lại khác nào đời Thương.
Nhắc ra thêm ghét Trụ-Vương,
Ham mê Đắc-Kỷ là phường bội cha.
Hết gần Điên lại nói xa,
Nói cho bá-tánh biết mà người chi.
Lời lành khuyên hãy gần-ghi,
310. Dương-trần phải rán tu-trì sớm khuya.
Đừng ham làm chức nấc-nia,
Ngày sau như khóa không chìa dân ôi !
Tu-hành như thể thả trôi,
Nay lờ mai bồi chẳng có thiêng tâm.
Muru sâu thì họa cũng thâm,
Ngày sau sẽ biết thú cầm chĩnh ghê.
Hùm beo tây tượng bộn-bề,
Lại thêm ác thú mãng-xà, rít to.
Bá-gia ai biết thì lo,
320. Gác tai gièm-siêm đôi-co ích gì !

321. Hết đây rồi đến dị-kỳ,
 Suu cao thuế nặng vậy thì thiết-tha.
 Dân nay như thể không cha,
 Chẳng ai dạy-dỗ thiệt là thảm-thương.
 Thứ này đến thứ Minh-Vương,
 Nơi chốn Phật đường mặt ngọc ủ-ê.
 Cám thương trần-hạ nhiều bề,
 Bởi chung tàn-bạo khó kè Phật Tiên.
 Chúng ham danh lợi điền-viên,
330. Ngày sau đến việc lụy-phiền suốt canh.
 Kệ kinh tụng niệm đêm thanh,
 Ấy là châu-ngọc để dành ngày sau.
 Bây giờ chưa biết vàng thau,
 Đòi sau kính trọng người cao tu-hành.
 Nam mô miệng niệm lòng lạnh,
 Bá-gia phải rán biết rành đường tu.
 Thương ai ham võng ham dù,
 Cũng như những kẻ đui mù đi đêm.
 Khuyên đời như vá múc thêm,
340. Mảng lo tranh đoạt thù-hềm với nhau.
 Đến chừng có ốm có đau,
 Vang mồm niệm Phật, Phật nào chứng cho.
 Dương-trần tiếng nhỏ tiếng to,
 Nói ngỗng nói cò đây cũng làm thình.
 Tưởng rằng thân nó là vinh,
 Chẳng lo tu-niệm cứ ghình với Diên.
 Nói ra trong dạ chẳng yên,
 Bây giờ nói chuyện cõi thuyên khuyên dân.
 Đêm ngày chẳng nại tấm thân,
350. Nắng mưa chẳng quản tảo-tần ai hay.

351. Chùng sau đến hội Ròng Mây,
Người đời mới biết Điên này là ai.
Lui thuyền chèo quế tay gay,
Thuyền đi nước ngược đến rày cù lao.
Xa xa chẳng biết làng nào,
Thiệt làng Long-Khánh ít người nào tu.
Tớ Thầy liền giả đui mù,
Bèn đi ca hát kiếm xu dương-trần.
Bá-gia tụt lại rần rần,
360. Trong nửa ngày trần chẳng có đồng chi.
Nực cười trần-hạ một khi,
Ở một đêm thì sáng lại qua sông.
Bình-minh vừa buổi chợ đông,
Bày trò bán thuốc hát ròng đời nay.
Cho thiên-hạ tụt đông vầy,
Rồi mới ra bài hát việc Thiên-cơ.
Tới đây bá-tánh làm ngờ,
Buồn cho lê-thứ kịp giờ ra đi.
Lìa xa Hồng-Ngự một khi,
370. Thẳng đường trực chỉ Điên đi Tân-Thành.
Tới đây ra mặt người rành,
Nói chuyện thiệt sành thông-lầu Đạo Nho.
Nhiều người xúm lại đôi co,
Chê Lão Đưa Đò mà biết việc chi.
Thấy đời động tánh từ-bi,
Điên chẳng bắt tì còn mách việc xa.
Khoan khoan chơn nọ bước ra,
Giáp rạch Cả-Cái rồi ra ngoài vàm.
Đoái nhìn mây nọ trắng lam,
380. Điên ra sức lực chèo chơi một giờ.

381. Xa nhìn sương bạc mờ mờ,
 Tân-An làng nọ dân nhờ bấp khoai.
 Giả người bán cá bằng nay,
 Dân-chúng ngày rày xúm lại mua đông.
 Tới lui giá cả vừa xong,
 Diên cũng bằng lòng cân đủ cho dân.
 Có người chẳng chịu ngang cân,
 Bỏ thêm chẳng bớt mấy lần không thôi.
 Nực cười trần-hạ lắm ôi !
390. Giảng cho bá-tánh một hồi quá lâu.
 Thân già thức suốt canh thâu,
 Nói cho lê-thứ quày đầu mới thôi.
 Nhiều người nghe hết phui rồi,
 Quày thuyền trở lại bồi-hồi sàu-bi.
 Giả người tàn-tật một khi,
 Xuống vạm kinh Xáng được thì chút vui.
 Một người nhà lá hẩm hui,
 Mà biết đạo-lý mời Cùi lên chơi.
 Bàn qua kim-cổ một hồi,
400. Cùi xuống giữa vời Châu-Đốc thẳng xông.
 Đến nơi thiên-hạ còn đông,
 Giả gái không chồng đi bán cau tươi.
 Thấy dân ở chợ nực cười,
 Xúm nhau trêu gheo đặng cười Gái Tơ.
 Buồn đời lẳng mạ ngẩn-ngơ,
 Biến mắt lên bờ liền giả cùi đui.
 Phổ-phường nhiều kẻ tới lui,
 Thấy kẻ Đui Cùi chẳng muốn ngó ngang.
 Đời nay quý trọng người sang,
410. Giả ra gậy lộn nói toàn tiếng Tây.

411. Tây, Nam, Chà, Chệt, chú thầy,
Nó thấy làm vậy chẳng bắt ngại nghi.
Xuống thuyền quày quả một khi,
Chèo lên Vĩnh-Tế vô thì núi Sam.
Đi ngang chẳng ghé chùa am,
Xuôi dòng núi Sập đặng làm người ngu.
Xem qua đầu tóc u-xù,
Cũng như người tội ở tù mới ra.
Chèo ghe rao việc gần xa,
420. Bồng-Lai Tiên-cảnh ai mà đi không ?
Nhiều người tâm đạo ước mong,
Nếu tôi gặp được như rồng lên mây.
Ấy là tại lịnh Phương Tây,
Cho kẻ bạo-tàn kiến thấy Thần Tiên.
Có người nói xéo nói xiên,
Chú muốn kiếm tiền nói gạt bá-gia.
Thoáng nghe lời nói thiết-tha,
Rung rung nước mắt chèo về Mặc-Dung.
Tay chèo miệng cũng rao chùng,
430. Đường đi Tiên cảnh ai từng biết chưa ?
Khúc thời nhắc lại đời xưa,
Lúc chàng Lý-Phủ đồ thừa Trọng-Ngu.
Nhà anh có của tiền dư,
Sao chẳng hiền-từ thương-xót bá-gia ?
Bấy giờ gặp việc thiết-tha,
Bạc vàng có cứu anh mà hay không ?
Hết tây Điên lại nói đông,
Có ai thức-tỉnh để lòng làm chi !
Mặc-Dung mất dạng Từ-Bi,
440. Thuyền đi trở ngược về thì Vàm-Nao.

441. Dòm xem thiên-hạ lao-xao,
 Không ghé nhà nào cũng gọi vài câu.
 Con sông nước chảy vòng cầu,
 Ngày sau có việc thăm-sâu thiết-tha.
 Chùng ấy nổi dậy phong-ba,
 Có con nghiệt-thú nuốt mà người hung.
 Đến chùng thú ấy phục-tùng,
 Bá-gia mới biết người Khùng là ai.
 Bây giờ phải chịu tiếng tai,
450. Giảng Đạo tối ngày mà chẳng ai nghe.
 Đòi như mản nợ bằng the,
 Hễ rán đọc vè của kẻ Khùng-Điên.
 Khởi vòm Điên mới quày thuyền,
 Xuống miền Cao-Lãnh lại phiền lòng thêm.
 Tới đây ca hát ban đêm,
 Ai có thù-hềm chưởi mắng cũng cam.
 Cho tiền cho bạc chẳng ham,
 Quyết lòng dạy-dỗ dương-trần mà thôi.
 Nghe rồi thì cũng phải rồi,
460. Nào ai có biết đây là người chi.
 Trở về Phong-Mỹ một khi,
 Thuyền đi một mạch tới thì Rạch-Chanh.
 Ghe chèo khúc queo khúc quanh,
 Ở đây có một người lành mà thôi.
 Nhắc ra tâm trí bồi-hồi,
 Khó đứng khôn ngồi thương xót bá-gia.
 Kiến-Vàng làng nợ chẳng xa,
 Kíp mau tới đó vậy mà thử coi.
 Xứ này nhà cửa ít-oi,
470. Mà trong dân-sự nhiều người chơn-tu.

471. Thấy người đói rách xin xu,
Ra tay cứu vớt đui mù chẳng chê.
Khỏi đây đến chỗ bộn-bề,
Rõ ràng Bén-Lức đã kê bên ghe.
Giả Người Tàn Tật đón xe,
Rồi lại nói về ròng việc Thiên-cơ.
Hết về rồi lại nói thơ,
Làm cho bá-tánh ngẩn-ngơ trong lòng.
Thơ về Điền đã nói xong,
480. Đi luôn Ba-Cụm kéo lòng ước-mơ.
Tới đây dẹp hết về thơ,
Giả Người Bán Mắm quá khờ quá quê.
Chợ này thiên-hạ bộn-bề,
Kẻ nhún người trề chề mắm chẳng ngon.
Bạn hàng tiếng nói quá dòn :
Giá này chẳng bán còn chờ chuyện chi ?
Bung thời kẻ níu người trì :
Ở đây không bán chị thì đi đâu ?
Dứt lời rồi lại câu-mâu,
490. Mắng: con đĩ chó khéo hậu làm khôn !
Muôn làm cho có người đồn,
Biến mất xác hồn cho chúng chín ghê.
Nói ra thêm thắm thêm the,
Ông-Lãnh dựa kê giả Bán Trầu Cau.
Bạn hàng xúm lại lao-xao :
Ông bán giá nào nói thử nghe coi ?
Trầu thời kẻ móc người moi,
Còn cau bẻ giấu thấy lời tánh tham.
Thấy già bán rẻ nó ham,
500. Bị thêm quê dốt nó làm thẳng tay.

501. Ghe người biển mắt bằng nay,
 Cho chúng biết tài của kẻ Thần Tiên.
 Bến-Thành đến đó đậu liền,
 Gặp hai thằng lính tra liền thuế thân.
 Tớ Thầy nói chuyện cân-phân :
 Mới lỡ một lần xin cậu thứ-tha.
 Hai người tôi ở phương xa,
 Bởi chung khổ-não mới là nổi trôi.
 Lính nghe vừa dứt tiếng rồi,
 510. Khoát nạt một hồi rồi lại bắt giam.
 Thấy đời trong dạ hết ham,
 Ghe người biển mắt coi làm chi đây.
 Tức thời Diên giả làm thầy,
 Đi coi đi bói khắp trong phố-phường.
 Có người tu-niệm đáng thương,
 Diên mới chỉ đường Tịnh-Độ vãng-sanh.
 Đạo cùng khắp cả Sài-Thành,
 Khi ca khi lý nói rành Thiên-cơ.
 Bá-gia bá-tánh làm ngờ,
 520. Tưởng như những kẻ nói thơ kiếm tiền.
 Văn-minh trọng bạc trọng tiền,
 Khôn-ngoaan độc-ác làm phiền người xưa.
 Mặc ai ghét ghét ư ư,
 Chẳng dám nói bừa cho bá-tánh nghe.
 Phiền-ba ngựa ngựa xe xe,
 Diên giả Người Què Gia-Định thẳng xông.
 Què này đường xá lâu-thông,
 Khấp trong thiềng-thị rồi thì nhà-quê.
 Kêu com bá-tánh nghe ghê,
 530. Thêm nói bộn-bề những việc về sau.

531. Dương-trần bàn tán thấp cao,
Chẳng biết người nào rõ việc tiên-tri.
Giã từ Gia-Định một khi,
Thuyền loan trực chỉ đến thì Cần-Thơ.
Tới đây giả Kẻ Quá Khờ,
Vợ điên chồng lại đứng hờ một bên.
Phổ-phường xóm dưới đầu trên,
Cùng người đi chợ xúm nhau reo cười.
Thị-thiềng hiền-đức được mười,
540. Phần nhiều xúm lại chê cười người điên.
Vợ thời ca hát huyên-thiên,
Chồng chẳng có tiền lại quán xin cơm.
Bá-gia coi thể rác-rom,
Ai cũng sẵn hờm đặng có gheo chơi.
Điên mà ca hát việc đời,
Vớ việc hiện thời khổ-não Âu-Châu.
Chạy cùng chẳng sót đầu đầu,
Lòng quá thảm-sầu lia lại Vĩnh-Long.
Chợ quê giảng dạy đã xong,
550. Thuyền loan trực chỉ đến rày Bến-Tre.
Chợ này đậu tại nhà bè,
Giả Chị Bán Chè dạo khắp các nơi.
Giọng rao rất tiếng kim thời,
Rước rước mời mời anh chị mua ăn.
Trẻ già qua lại lãng-xăng,
Nói nói rằng rằng những việc bướm-ong.
Gánh chè bán hết vừa xong,
Điên cũng nói rờng chuyện khổ về sau.
Nói rồi chơn bước mau mau,
560. Lìa xa thiềng-thị đến thì thôn-quê.

561. Đi đâu cũng bị nhún trề,
 Kể lại chưởi thề nói: lũ bá-vơ.
 Thấy đời tai lấp mắt ngơ,
 Lúc ở trên bờ khi lại đi ghe.
 Đạo cùng khắp tỉnh Bến-Tre,
 Đủ bực thơ về lia lại Trà-Vinh.
 Tới đây bày đặt hát kinh,
 Đua nhau bán thuốc mặc tình mua không.
 Nói ra những chuyện bông-lông,
570. Trách trong lê-thứ không lòng từ-bi.
 Gặp người đói khó khinh-khi,
 Điền-viên sự sản ai thì làm cho.
 Dạy rồi thuyền lại Mỹ-Tho,
 Khuyên trong trần-hạ rán lo tu-trì.
 Xưa nay không có mấy khi,
 Dương-trần có Phật vậy thì xuống đây.
 Chợ quê giáp hết thuyền quay,
 Đi trở lộn về Ông-Chường giảng dân.
 Quản chi nắng Sở mưa Tần,
580. Chèo xuôi chèo ngược mấy lần không thôi.
 Thảm-thương bá-tánh lắm ôi !
 Bông-Lai Tiên-cảnh rao rồi một khi.
 Nếu ai rảnh việc thì đi,
 Còn mắc nợ thì ở lại dương-gian.
 Có người xung hiệu ông Quan,
 Tên thiệt Vân-Trường ở dưới dinh Ông.
 Thấy đời cũng bắt động lòng,
 Ghé vào tậ-xá thẳng xông lên nhà.
 Minh người tu-niệm vậy mà,
590. Nói chi lớn tiếng người mà khinh-khi.

591. Người nhà cảm tạ một khi,
Cúng năm các bạc tiền đi Non Bồng.
Xuống thuyền xuôi nước thẳng xông,
Ghé nhà chủ Phôi xem lòng Đạo Ba.
Ngồi chơi đạo-lý bàn qua,
Mấy bà có biết lúa mà bay không ?
Có người đạo-lý hơi thông,
Xin ông bày tỏ cho tôi hiểu rày.
Điên nghe liền mới tỏ bày :
600. Lúa bay về núi dành rày ngày sau.
Hỏi qua tu-niệm âm-hao,
Không biết câu nào trái ý Đạo Ba.
Buồn đời Diên mới bước ra,
Tay gay chèo quế đạo thì khắp nơi.
Đi hoài chẳng có nghỉ ngơi,
Miệng cũng rao mời Tiên-cảnh Bồng-Lai.
Có người xuống bến bằng nay,
Mách chơi ít tiếng người rày mạng vong.
Nhà người thiệt chẳng có lòng :
610. Đòi đã hai lần sao chẳng chịu đi ?
Thương đời Ta luông sâu-bi,
– Đò đi tới chốn ăn thì bao nhiêu ?
Điên rằng tôi chẳng ham nhiều,
Bao nhiêu tự ý cho nhiều chẳng ham.
Điên này bụng chẳng có tham,
Ghe đã chở đầy chạt nứt trong mui.
Già đây cũng chở cầu vui,
Vậy chú hãy ngồi ngay chỗ sau đây.
Thấy người lòng dạ tà-tây :
620. – Thân tôi làm vậy ông chẳng cho vô ?

621. Trong mui đã mát lại khô,
 Tôi có đủ tiền mà trả cho ông.
 Trong mui dòm thấy trông không,
 Bước nhâu vào đó máu hồng trào ra.
 Cho người hung bạo biết Ta,
 Thuyền Người biển mát vậy mà còn chi.
 Trở lên Chợ-Mới một khi,
 Chèo lên chèo xuống vậy thì cũng rao.
 Năm xưa đây có máu đào,
630. Mà nay chưa có người nào chơn-tu.
 Nào Diên có muốn kiếm xu,
 Mà trong trần-hạ đui mù không hay.
 Hỏi ông người ở đâu rày,
 Trả lời rằng ở Non cày Vua Nghiêu.
 Tới đây trong dạ buồn hiu,
 Bỏ ghe Diên cũng đánh liều chưa thôi.
 Giả ra một Kẻ Hàn Nôi,
 Khấp trong hàng xóm đi rồi sạch tron.
 Tới đâu cũng tỏ thiệt hơn,
640. Nhà tôi vốn thiệt có đờn năm dây.
 Tôi còn mắc cái nợ này,
 Nên mới làm vậy cho giải quả-căn.
 Nhà tôi đâu phải khó-khăn,
 Đem theo trong xách bạc hăng tám mươi.
 Nhiều người nghe nói reo cười,
 Thân tôi lao-lý anh cười tôi chi ?
 Giã từ Chợ-Mới một khi,
 Thuyền đi xuôi ngược đến thì Ba-Răng.
 Ít ai biết được Đạo hăng,
650. Ghé am thầy pháp nói rằng lỗ chơn.

651. Trước sau bày tỏ nguồn-con,
Vì thương lê-thứ chi sòn lòng Đây.
Có người lối xóm muốn gây,
Xin sáu trái bắp liền quày xuống ghe.
Ghe Điền vốn thiệt ghe be,
Mà lại Điền nhè nước ngược thẳng xông.
Ra oai thuyền chạy như đông,
Người nhà xuống bến trong lòng ngại nghi.
Ông này chẳng biết người chi,
660. Chèo quế vậ thì mạnh bạo quá tay.
Thần Tiên mà chẳng ai hay,
Cứ biếm-nhẻ hoài buồn dạ Người Xưa.
Đời nay mỏng tợ màn thưa,
Khuyên trong lê-thứ chẳng thừa một câu.
Thân Nầy chẳng nệ mau lâu,
Miễn cho bá-tánh gặp châu vinh-huê.
Thương trong trần-hạ thảm-thê,
Lao khổ nhiều bề chớ chẳng còn vui.
Nhiều người nghèo khổ hẩm hui,
670. Không dất cặm dùi mà chẳng ai thương.
Con thuyền đương lướt gió sương,
Bỗng nghe tiếng khóc tu-lương ai-hoài.
Có người ở xóm bằng nay,
Bị mất trộm rày đồ-đạc sạch tron.
Du-Thần bày tỏ nguồn-con :
Rằng người nghèo-khó đương hờn phận duyên.
Điền nghe vội-vã quày thuyền,
Dùng khoa coi bói giải phiền phàm nhơn.
Coi rồi bày tỏ thiệt hơn,
680. Khuyên cô đừng giận đừng hờn làm chi.

681. Rồi đi dạo xóm một khi,
 Đi lên nhà thì giã gạo mà chơi.
 Vào nhà nói chuyện một hơi,
 Gặp người bán thuốc cũng thời ghé vô :
 – Mua một ve uống hồi cô,
 Uống vô bổ khỏe trị nhiều chứng phong.
 Uống thì pha nước nóng trong,
 Chớ dùng pha rượu nó hòng ky thai.
 Hai thằng ở xóm bằng nay,
690. Nó nói ngày rày thuốc chẳng có hay.
 Người cha đi lại thấy rày :
 – Thiệt mấy đũa này cãi-cọ làm chi.
 Bước ra nhà nọ một khi,
 Đi lên đi xuống kiếm thì xe lôi.
 Gặp xe chẳng có lên ngồi,
 Chạy trước đi rồi ngừng lại chỗ kia.
 Xóm này kẻ ghét người ưa,
 Ghé vào nhà nọ nhỏ bừa cái răng.
 Nhỏ rồi lui tới lãng-xăng,
700. Liền bước xuống thuyền Thầy Tứ thả trôi.
 Vàm-Nao rày đã đến rồi,
 Quay thuyền ghé lại bằng nay Chợ-Đình.
 Hát hai câu hát huê-tình,
 Đạp xem dân-chúng Chợ-Đình làm sao.
 Sáng ngày chợ nhóm lao-xao,
 Giả Bận Áo Màu ai cũng dòm xem.
 Mấy thằng trai trẻ thấy thèm,
 Đứng xa quanh-quẩn nói gièm với nhau.
 Đũa này nói để cho tao,
710. Đũa kia xạo-xự áo màu quá ngon.

711. Nhắc ra động tấm lòng son,
Buồn cho lê-thứ sao còn ham vui.
Ở đây một buổi ghe lui,
Về trên Bảy-Núi ngùi ngùi thương dân.
Thầy Trò chẳng nại tấm thân,
Rảo khắp Non Tàn bận nữa thử coi.
Chơn-tu thì quá ít-oi,
Nhiều người ân-sĩ quá lòi tánh tham.
Đi lần ra đến núi Sam,
720. Đến nơi rảo khắp chùa am của người.
Dạy rồi bắt quá tức cười,
Thầy tu nhiều kẻ biếng lười quá tay.
Trẻ già biến hóa ại hay,
Dạo trong Bảy-Núi chẳng nài công-lao.
Rú-rừng lúc thấp lúc cao,
Giả ra Nghèo-Khó vào nhiều am-vân.
Tu-hành nhiều kẻ tham sân,
Làm sao cho đặng mau gần Phật-Tiên.
Ai ai cũng cứ ham tiền,
730. Ấy là đem sợi xích-xiềng trói thân.
Lìa xa Bảy-Núi lần lần,
Xuống thuyền trực chỉ lên gần Hà-Tiên.
Đến đây giả Kẻ Không Tiền,
Rảo khắp thị-thiền xin-xỏ bá-gia.
Đi rồi cũng quá thiết-tha,
Trở về non cũ đặng mà dạo chơi.
Non Tiên gió mát thanh-thời,
Nhưng nhớ việc đời lụy ngọc nhỏ sa.
Xuống trần lúc hát lúc ca,
740. Mà trong lê-thứ có mà biết chi.

741. Nam mô hai chữ từ-bi,
 Trần-hạ nói gì đây cũng làm thình.
 Tu thời nhàn hạ thân mình,
 Phần Điền khuyên nhủ mặc tình ghét ưa.
 Thiên-cơ ai dám nói thừa,
 Mà trong bá-tánh chẳng ưa Điền Khùng.
 Xuống thuyền chèo quế thung-dung,
 Đi dạy đủ chỗ khắp cùng thử coi.
 Rạch-Giá chợ nọ thoi-loi,
750. Gần nơi ven biển cá mòi nhiều hơn.
 Tới đây giả Kẻ Có Con,
 Khi say khi tỉnh lúc hờn số căn.
 Dương-trần đi lại lãng-xăng,
 Chê chê nhạo nhạo cười rằng quân điền.
 Ở đâu mà tới thị-thiềng,
 Lính chẳng bắt xiềng nó lại bót đi.
 Lòng thương vì tánh từ-bi,
 Dạy-dỗ chuyện cùng mà chẳng ai nghe.
 Dạy rồi Điền lại xuống ghe,
760. Long-Xuyên, Sa-Đéc nói ròng vè-thơ.
 Vợ chồng nghèo khổ bơ-vơ,
 Ở nơi giữa chợ lại khờ lại quê.
 Buồn trong lê-thứ ử-ê,
 Sóc-Trăng chợ ấy thuyền kẻ đến nơi.
 Đến đâu thì cũng tả-toi,
 Nói rõ việc đời sắp khổ sắp lao.
 Thị-thiềng thiên-hạ lao-xao,
 Chẳng có người nào tu-niệm hiền-lương.
 Thấy trong trần-hạ thảm-thương,
770. Đâu có biết đường chơn-chánh mà đi.

771. Lìa xa đô-thị một khi,
Thuyền loan trực chỉ đến thì Bạc-Liêu.
Chợ này tàn-ác quá nhiều,
Phố-phường dân Thổ dân Tiều nhiều hơn.
Đi cùng thành-thị ráo trơn,
Cà-Mau đến đó thiệt hơn tỏ bày.
Cho trong bá-tánh chợ này,
Rõ việc đẩy đầy lao-ly về sau.
Đường đi lao khổ sá bao,
780. Miễn cho trần-hạ biết vào đường tu.
Tu-hành đâu có tổn xu,
Mà sau thoát khỏi lao-tù thế-gian.
Thầy Trò lắm cảnh gian-nan,
Chùng nào hết khổ mới an tâm lòng.
Đằng-vân đến tỉnh Gò-Công,
Vì thương dân-thứ mới hòng đến đây.
Xưa kia bão-lụt tỉnh này,
Mà sau cảnh khổ xứ này gần hơn.
Yêu dân lòng nọ chẳng sờn,
790. Thầy hát Tứ đờn dạy cũng khắp nơi.
Khỏi đây Bà-Rịa tách vời,
Đến đó vậy thời trời mới sáng ra.
Chợ này đông-đúc người ta,
Nhiều đuông chà-là lại với nho tươi.
Đến đây Thầy Tứ hóa mười,
Nói nói cười cười bán thuốc Sơn Đông.
Ai ai đều cũng ngóng trông,
Coi lũ khách này hát thuật làm sao.
Hát mà trong bụng xáo-xào,
800. Nói chuyện bên Tàu máu đỏ tuôn rơi.

801. Cả kêu dân-chúng hỡi ôi !
 Sao không thức tỉnh việc đời gần bên.
 Khổ ã đi đến như tên,
 Rán lo tu-niệm tìm nền vinh-hoa.
 Vinh này của Đức Phật-Bà,
 Của Ông Phật-Tổ ban mà cho dân.
 Tu cho nhàn toại tấm thân,
 Đừng làm tàn-ác xa lần Tiên-bang.
 Hát kêu bớ kẻ giàu sang,
810. Rán lo làm phước làm doan mới là.
 Đến lâm cảnh khổ có Ta,
 Với lệnh Phật Bà cứu vớt giùm cho.
 Tu-hành phải rán trì mò,
 Gặp Lão Đưa Đò đừng có khinh-khi.
 Dạy rồi Thầy Tớ liền đi,
 Biên-Hòa đến đó vậy thì xem qua.
 Đến đây dạy-dỗ gần xa,
 Khuyên trong bá-tánh vậy mà tỉnh tâm.
 Ngày nay gặp Bạn Tri-Âm,
820. Rán mà trì chí đặng tầm huyền-cơ.
 Tân-An dạy-dỗ kịp giờ,
 Chẳng dám chần chờ đi thẳng Tây-Ninh.
 Tới đây vừa lúc bình-minh,
 Diên ra sức giảng mặc tình nghe không.
 Giảng rồi Dầu-Một thẳng xông,
 Thiêng-thị giáp vòng thứ chót là đây.
 Thương dân giảng dạy dầy-đầy,
 Rảo khắp tới ngày chẳng có nghỉ chơn.
 Nhiều người hung-ác quá chùng,
830. Không biết đời khổ lo mừng lo vui.

831. Nhắc ra dạ nọ nào nguôi,
Từ đây Lục-Tĩnh đui cùi thiếu chi.
Nói mà trong dạ sâu-bi,
Bá-gia chậm chậm khinh-khi Diên này.
Đừng ham nói nọ nói này,
Lặng yên coi thử Diên này là ai.
Cảm thương Ông Lão Bán Khoai,
Vì yêu dân-chúng chẳng nài nắng mưa.
Câu này nhắc chuyện năm xưa,
840. Khuyên trong trần-hạ hãy chừa lòng tham.
Khùng thời quê ngụ núi Sam,
Còn Diên chẳng có chùa am dưới này.
Vua Nghiêu xưa mở đất cày,
Ngày nay nhường lại cảnh này cho Diên.
Xuống trần dạy-dỗ huyên-thiên,
Dạy rồi thì lại thăm-phiên nhiều hơn.
Cầu xin Phật-Tổ ra ơn,
Lời Diên khuyên-nhủ như đờn Bá-Nha.
Thị-thiền khắp hết gần xa,
850. Từ đây sắp đến quê nhà Diên đi.
Đừng thấy ngu dại mà khi,
Thầy thì Huệ-Lộ, Tớ thì Huệ-Tâm.
Đời cùng còn chẳng mấy năm,
Khắp trong các nước thầy nằm bằng non.
Cha thì chẳng thấy mặt con,
Vợ thì chồng chẳng được còn tại gia.
Khuyên trong lê-thứ trẻ già,
Tu-hành hiền đức Phật mà cứu cho.
Ấy là quý-báu thom-tho,
860. Đừng ham gây-gổ nhỏ to làm gì.

861. Con thì ăn ở nhu-mì,
 Học theo luân-lý kính vì mẹ cha.
 Sau này sấu bắt hùm tha,
 Xử người tàn-bạo vậy mà tại đây.
 Đời xưa quả-báo thì chầy,
 Đời nay quả-báo một giây nhần tiền.
 Dương-trần phải rán làm hiền,
 Đừng trọng bạc tiền bỏ nghĩa bỏ nhân.
 Người hung phải sửa cái thân,
870. Từ đây có kẻ Du-Thần xét soi.
 Chuyện người chớ móc chớ moi,
 Hãy treo gương thiện mà soi lấy mình.
 Ai thương ai ghét mặc tình,
 Phận mình cứ giữ tâm mình cho ngay.
 Diên đây vưng lệnh Phương Tây,
 Hầu hạ bên Thầy đặng cứu bá-gia.
 Thấy đời lòng dạ tây-tà,
 Cứ theo chế nhạo cười mà người Diên.
 Ngồi buồn kể chuyện huyền-thiên,
880. Chẳng có ham tiền cũng bị ghét vợ.
 Viết cho bá-tánh ít tờ,
 Đi làm ruộng rẫy bỏ hờ theo xem.
 Thương người nghèo khổ lấm-lem,
 Thấy cảnh sung-sướng nó thềm quá tay.
 Ai mà biết đặng ngày mai,
 Ngày nay yên-tĩnh ngày mai thảm-sầu.
 Từ rày gặp cảnh buồn rầu,
 Cho người tàn-bạo cứng đầu khinh-khi.
 Dương-trần nay đáng sấu-bi,
890. Nên Diên mới nói chuyện ni tỏ tường.

891. Đêm ngày tưởng Phật cho thường,
Phải rán lo-lường kim-chỉ từ đây.
Thương đời Diên mới tỏ bày,
Dạy trong trần-hạ ngày rày rán nghe.
Đừng khi nhà lá chồi tre,
Nhà săng cột lớn bù-xè hay ăn.
Lúc này Diên mắc lãng-xãng,
Dương-trần biết đặng Đạo-hằng mới thôi.
Chẳng ham cúng kiếng chè xôi,
900. Phật Trời chẳng muốn điều tôi ấy đâu.
Muốn cho dân hiểu Đạo màu,
Chớ không có muốn chùa lầu cho cao.
Bao nhiêu cũng biết vàng thau,
Dạy khôn trần-thế chớ nào dạy ngu.
Sáng ngày con chó sủa tru,
Chùng heo cắn ổ hiềm-thù mới yên.
Đừng ham giành-giựt của tiền,
Người hung hay gọi kẻ hiền rằng ngu.
Nay Diên chỉ rõ đường tu,
910. Ấy là đủ việc tài bù cho dân.
Thôi thôi nói riết dần lân,
912. Tới đây cũng lần ngừng lại bút nghiên.

NAM MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT

*BỮU châu công luyện chón non Tân,
SON thủy môn giang bảo giác dân.
KỲ quái chờ nơi Thiên nứt định,
HUÔNG nồng dành thưởng kẻ tròn ân.*



**QUYỀN NHÌ
KỆ DÂN
CỦA NGƯỜI KHÙNG**

KÊ DÂN

của NGƯỜI KHÙNG



*Đây là quyển thứ nhì mà
Đức Thầy đã viết ngày 12
tháng 9 năm Kỷ-Mão (1939)
tại Hòa-Hảo (476 câu).*

1. **N**gòi Khùng trí đoái nhìn cuộc thế,
Thấy dân mang sưu thuế mà thương.
Chẳng qua là Nam-Việt vô vương,
Nên tai-ách xảy ra thảm-thiết.
Bạc không cánh đổi thay chẳng biết,
Vàng bị nghèo mấy chiếc chẳng còn.
Mới mấy năm sao quá hao-mòn,
Mùa màng thất, đói đau không thuốc.
Thương hại bấy lê-dân đứt ruột,
10. **T**hảm vợ con đói rách đùm-đeo.
Gẫm chữ nghèo thường mắc chữ eo,
Thêm gạo lúa lại tăng giá mắt.
Nhìn cuộc thế đổi thay quá gắt,
Máu Thiên-cơ mỗi phút mỗi thay.
Nẻo thanh suy như thể tên bay,
Đường vinh-nhục rủi may một lát.
Ai phú-quí vào đài ra các,
Ta Diên Khùng thương hết thế-trần.
Khuyên chúng-sanh chẳng biết mấy lần,
20. **N**ào ai có tỉnh tâm tìm Đạo.

21. Trai trung-liệt đáng trai hiền-thảo,
 Gái tiết-trinh mới gái Nam-trào.
 Lờ Thánh Hiền để lại biết bao,
 Sao trai gái chẳng coi mà sửa ?
 Đòi tận thế mà còn lần-lựa,
 Chẳng chịu mau cải dữ về lành.
 Làm Phật-Nhi phải được lòng thành,
 Thì mới đặng vãng-sanh Cực-Lạc.
30. Tương với muối cháo rau đạm bạc,
 Nghèo lương hiền biết niệm Di-Đà.
 Mà mai sau thoát khỏi tình ma,
 Lại được thấy cảnh Tiên nhàn-hạ.
 Trên Bảy-Núi còn nhiều báu lạ,
 Rán tu tâm dưỡng tánh coi đòi.
 Coi là coi được Phật được Trời,
 Coi phép lạ của Tiên của Thánh.
 Cuộc dương-thế ngày nay mỏng-mảnh,
 Mà sang giàu còn hiệp nghèo nàn.
 Phải xả thân tầm Bát-Nhã toàn,
40. Sau mới khỏi hùm tha sáu bắt.
 Đến chùng đó bốn phương có giặc,
 Khấp hoàn-cầu thiết thiết tha tha.
 Vậy sớm mau kiếm chữ Ma-Ha,
 Thì Phật cứu khỏi nơi khói lửa.
 Tưởng nhớ Phật như ăn cơm bữa,
 Vọng Cửu-Huyền sớm tối mới mầu.
 Chữ Nam Mô đẹp được lòng sâu,
 Sau thấy được nhà Tiên cửa Thánh.
 Ghét những đứa giàu sang kiêu-hãnh,
50. Thương những người đói-rách cơ-hàn.

51. Cảnh phồn-hoa khó sánh lâm-san,
 Sau sẽ có nhiều điều vinh-hạnh.
 Cõi trần-thế hết suy tới thịnh,
 Hết lâm nguy đến lúc khai-hoàn.
 Tuy tu-hành chịu chữ nghèo-nàn,
 Sau đắc Đạo gặp điều cao-quí.
 Mặc bá-tánh đời này dị-nghị,
 Ta Diên Khùng mà tánh lương-hiền.
 Lòng yêu dân chẳng trọng bạc tiền,
60. Mà dương-thế cứ theo biêm nhẽ.
 Sau lập Hội thì già hóa trẻ,
 Khấp hoàn-cầu đổi xác thay hồn.
 Đức Ngọc-Hoàng mở cửa Thiên-môn,
 Đặt ban thưởng Phật Tiên với Thánh.
 Khuyên trai gái học theo Khổng-Mạnh,
 Sách Thánh Hiền dạy Đạo làm người.
 Xem truyện thơ chẳng biết hổ-ngươi,
 Mà làm thói Điêu-Thuyền, Lữ-Bố.
 Sau kẻ ấy làm mỗi mãnh-hổ,
70. Cảnh Núi-Non nhiều thú dị-kỳ.
 Nó trọng ai hiền-đức nhu-mì,
 Sát phạt kẻ bội cha phản chúa.
 Đến chùng đó thiên-la lưới bủa,
 Mới biết rằng Trời Phật công-bằng.
 Nếu dương-trần sớm biết ăn-năn,
 Làm hiền-đức khỏi đường lao-ly.
 Học tả-đạo làm điều tà-mị,
 Theo dị-đoan cúng kiếng tinh-tà.
 Thì sau này gặp chuyện thiết-tha,
80. Đùng có trách Khùng Diên chẳng cứu.

81. Thấy bá-tánh nghinh tân yếm cụ,
 Học ai mà ngang-ngược nhiều lời.
 Phụ mẹ cha khinh-dể Phật Trời,
 Chẳng có kẻ công sanh dưỡng-dục.
 Thương lê-thứ bày tường trong đục,
 Mặc ý ai nghe phải thì làm.
 Lời của người di-tịch Núi-Sam,
 Chớ chẳng phải bày điều huyền-hoặc.
 Cảnh Thiên-Trước thơm-tho nồng-nặc,
90. Chẳng ở yên còn xuống phàm-trần.
 Ấy vì thương trăm họ vạn dân,
 Nên chẳng kể tám thân lao khổ.
 Giả Quê Dốt khuyên người tỉnh-ngộ,
 Giả Bán Buôn thức giấc người đời.
 Rằng ngày nay có Phật có Trời,
 Kéo dân-thứ nhiều người kiêu ngạo.
 Xuống mượn xác nhằm năm Kỷ-Mão,
 Buồn xóm làng cứ ghét Diên Khùng.
 Nếu trẻ già ai biết thì dùng,
100. Chẳng có ép có nài bá-tánh.
 Nghe Diên dạy sau này thời-thánh,
 Đây chỉ đường Cực-Lạc vãng-sanh.
 Đừng có ham lên mặt hùng-anh,
 Sa địa-ngục uổng thân uổng kiếp.
 Theo đạo-lý nhứt tâm mới kịp,
 Ngày nay đã gặp dịp tu-hành.
 Niệm Di-Đà rán niệm cho rành,
 Thì mới được sống coi Tiên-Thánh.
 Đức Minh-Chúa chẳng ai dám sánh,
110. Xưa mặt Thương phụng gáy non Kỳ.

111. Bởi Võ-Vương đáng bực tu-mi,
Nay trở lại khác nào đời trước.
Kẻ gian-ác bị guơm ba thước,
Nơi pháp-tràng trị kẻ hung-đồ.
Được thánh-thời nhờ chữ Nam Mô,
Khuyên bỏn-đạo rán mà trì-chí.
Xưa Tây-Bá thất-niên Dũ-lý,
Huống chi Ta sao khỏi tiếng đời.
Dòm biển trần cảnh khổ voi voi,
120. Lao với khổ, khổ lao chẳng xiết.
Ghét bạo chúa là xưa Trụ Kiệt,
Mất cơ-đồ lại bị lửa thiêu.
Thương Minh-Vương bắt chước Thuần-Nghiêu,
Lòng hiền-đức nào ai có biết.
Thương trần-thế kẻ sao cho xiết,
Mượn xác trần bút tả ít hàng.
Kể rõ ràng những việc làm-than,
Mặc làng xóm muốn nghe thì chép.
Việc tu-tĩnh Khùng không có ép,
130. Cho giấy vàng Điên chẳng có nài.
Lòng yêu dân chẳng nệ vấn dãi,
Cho bỏn-đạo giải khuây niệm Phật.
Việc xảy đến Đây truyền sự thật,
Ấy là lời của Phật giáo-khuyên.
Rán nghe lời của kẻ Khùng-Điên,
Phật, Tiên, Thánh hãy nên trọng kính.
Bịnh ôn-dịch cũng đừng mời thỉnh,
Cõi Ngũ-hành chẳng khá réo-kêu.
Hãy gìn lòng chớ khá dệt-thêu,
140. Nói xiên-xỏ cũng không no béo.

141. Đồi Nguơn-Hạ ngày nay mông-mẻo,
 Khuyên thế-trần hãy rán kiêng-dè.
 Mặc tình ai lên ngựa xuống xe,
 Ta chẳng có ham nơi phú-quí.
 Trong bồn-đạo từ nay kim-chỉ,
 Đói với nghèo sắp đến bây giờ.
 Vì thương đời nên Lão kể sơ,
 Cho bá-tánh rõ lời châu ngọc.
 Nước Nam-Việt ai là thẳng ngọc,
150. Người đời nay như ốc mượn hồn.
 Chim tìm cây mới gọi chim khôn,
 Người hiền-đức mới là người trí.
 Theo Phật-Giáo sau này cao-quí,
 Được nhìn xem Ngọc-Đế xử phân.
 Lại dựa kê Bệ-Ngọc Các-Lân,
 Cảnh phú-quí nhờ ơn Phật-Tổ.
 Thấy bá-tánh nhiều điều tai-khổ,
 Khùng thương dân nên phải hết lời.
 Đạo Lục-Châu chẳng có nghĩ-ngoi,
 Mà lê-thứ nào đâu có biết.
160. Dạy Đạo chánh vì thương Nam-Việt,
 Ở Cao-Miên vì mến Tần-Hoàng.
 Trở về Nam đặng có sửa-sang,
 Cho thiện-tín được rành chơn-lý.
 Trong Sáu-Tĩnh nhiều điều tà-mị,
 Tu-hành mà vị-kỷ quá chùng.
 Thì làm sao thoát khỏi trầm-luân,
 Khuyên bồn-đạo rán tầm nẻo chánh.
 Chùng lập Hội xác thân mới rảnh,
170. Nếu không thời khó thấy Phật Trời.

171. Khùng dạy dân chẳng dám nghi-ngoi,
Đi chẳng kể tấm thân già cả.
Cảnh trần-thế mặc ai thông-thả,
Chớ lòng Ta chẳng đấm hồng-trần.
Có thân thì rán giữ lấy thân,
Để đến việc ăn-năn chẳng kịp.
Yêu những kẻ tâm đầu ý hiệp,
Mến những ai biết kiếm Đạo-mầu.
Cảnh Tây-Thiên báu ngọc đầy lâu,
180. Rán tu-tĩnh tìm nơi an dưỡng.
Kẻ hiền-đức sau này được hưởng,
Phép Thần-Linh của Đức Di-Đà.
Lại được thêm thoát khỏi Ta-Bà,
Khỏi luân chuyển trong vòng Lục Đạo.
Đức Diêm-Chúa yêu người hiền-thảo,
Trọng những ai biết niệm Di-Đà.
Lại được gần Bệ-Ngọc Long-Xa,
Coi chừ quốc tranh-giành châu-báu.
Trai nhỏ tuổi kính thành trưởng lão,
190. Gái bé thơ biết trọng tuổi già.
Rán tỉnh tâm dẹp được lòng tà,
Thì được thấy Phật, Tiên, Thần, Thánh.
Việc hung-dữ hãy nên xa lánh,
Theo gương hiền trau sửa làm người.
Sau tà-tinh ăn sống nuốt tươi,
Mà bá-tánh chẳng lo cải thiện.
Miệng dương-thế hay bày nói huyễn,
Sách Thánh Hiền ghét kẻ nhiều lời.
Khuyên chúng-sanh niệm Phật coi đời,
200. Cõi Hạ-Giải rỗng mây chơi giỡn.

201. Ở chòm-xóm đừng cho nhơ-bợn,
 Rán giữ gìn phong-hóa nước nhà.
 Câu tam-tùng bợn gái nước ta,
 Chữ hiếu-nghĩa trẻ trai cho vẹn.
 Ghét những kẻ có ăn bỗn-sỗn,
 Thương những người đói rách lương hiền.
 Muốn tu-hành thì phải cần-chuyên,
 Tưởng nhớ Phật chớ nên sai buổi.
 Kẻ phú-quí đừng vong cơm nguội,
210. Sau đói lòng chẳng có mà dùng.
 Ta yêu đời than-thở chẳng cùng,
 Mà bá-tánh chẳng theo học hỏi.
 A-Di-Đà nhìn xem khắp cõi,
 Đặng trông chờ mong-mỏi chúng-sanh.
 Hiện hào-quang ngũ sắc hiền-lành,
 Đặng tìm kiếm những người hiền-đức.
 Kẻ tâm trí mau mau tỉnh-thức,
 Kiếm Đạo-mầu đặng có hưởng nhờ.
 Chốn hồng-trần nhiều cảnh nhuốc-nhơ,
220. Rán hiểu rõ huyền-cơ mà tránh.
 Chốn tử-điêm ta nên xa lánh,
 Tứ-đồ-tường đừng có nhiễm vào.
 Người tránh xa mới gọi trí cao,
 Sa bỗn-vách mang điều nhơ-nhuốc.
 Muốn tu-tĩnh nay đà gặp cuộc,
 Đức Di-Đà truyền mở Đạo lành.
 Bởi vì Ngài thương xót chúng-sanh,
 Ra sắc lệnh bảo Ta truyền dạy.
 Nên khổ lao Khùng không có nại,
230. Miễn cho đời hiểu đặng Đạo mầu.

231. Ai muốn tâm Đạo cả cao sâu,
Thì hãy dẹp tánh tình ích-kỷ.
Mau trở lại đừng theo tà-quỉ,
Tham, Sân, Si chớ để trong lòng.
Phải giữ lòng cho được sạch trong,
Mới thoát khỏi trong vòng bịnh khổ.
Lớp đau chết kể thôi vô số,
Thêm tà-ma yêu-quái chập đường.
Chốn hồng-trần nhiều nỗi thảm-thương,
240. Làm sao cứu những người hung-ác.
Khấp thế-giới cửa nhà tan-nát,
Cùng xóm làng thừa-thớt quạnh-hiu.
Bấy lâu nay nuôi dưỡng chắt-chiu,
Nay tận-diệt lập đời trở lại.
Khấp lê-thứ biển vi thương-hải,
Dùng phép-màu lập lại Thượng-Nguơn.
Việc Thiên-Cơ Khùng tỏ hết trơn,
Cho trần-hạ tường nơi lao-ly.
Lão nào có bày điều ma-mị,
250. Mà gạt-lường bỗn-đạo chúng-sanh.
Đức Minh-Vương ngự chốn Nam-thành,
Đặng phân xử những người bội nghĩa.
Trung với hiếu ta nên trau-triã,
Hiền với lương bỗn-đạo rền lòng.
Thường nguyện-cầu siêu-độ Tổ-Tông,
Vớ bá-tánh vạn dân vô sự.
Đời Nguơn-Hạ nhiều người hung-dữ,
Nên xảy ra lắm sự tai-ương.
Đức Di-Đà xem thấy xót thương,
260. Sai chư Phật xuống miền dương-thế.

261. Tu kíp kíp nếu không quá trễ,
 Chùng đôi đầu khó kiếm Diên Khùng.
 Cứu lương-hiền chẳng cứu người hung,
 Kẻ gian-ác đến sau tiêu-diệt.
 Nay trở lại như đời Trụ-Kiệt,
 Hãy tu nhơn chớ có tranh-giành.
 Tuy nghèo hèn mà chí cao-thanh,
 Được hồi-phục nhờ ơn chư Phật.
 Hãy thương xót những người tàn-tật,
270. Thấy nghèo hèn chớ khá khinh cười.
 Trên Năm-Non rông phụng tốt tươi,
 Miền Bấy-Núi mà sau báu-quí.
 Mặc trai gái trẻ già có nghĩ,
 Thì khoan cười tôi rất cảm ơn.
 Khùng ra đời truyền dạy thiệt hơn,
 Chư bốn-đạo chớ nên khinh-rẻ.
 Nay Khùng đã hết già hóa trẻ,
 Nên giữa dòng bỗng lại có sông.
 Ở Tây-Phương chư Phật ngóng trông,
280. Chờ bá-tánh rủ nhau niệm Phật.
 Làm nhơn-ái ắt tiêu bịnh-tật,
 Vậy hãy mau tầm Đạo Thích-Ca.
 Phật tại tâm chớ có đâu xa,
 Mà tìm kiếm ở trên Non-Núi.
 Chúng đục-đẻo những cây với củi,
 Đắp xi-măng sơn phết đặt tên.
 Ngục A-Tỳ dựa kể một bên,
 Chờ những kẻ tu-hành giả-dối.
 Khuyên sư-vãi mau mau cải-hối,
290. Làm vô-vi chánh Đạo mới mau.

291. Đạo Thích-Ca nhiều nẻo cao sâu,
Hãy tìm kiếm cái không mới có.
Ngôi Tam-Bảo hãy thờ Trần-Đỗ,
Tạo làm chi những cốt với hình.
Khùng nói cho già trẻ làm tin,
Theo Lục-Tổ chớ theo Thần-Tú.
Khuyên bốn-đạo chớ nên mê ngủ,
Thức dậy tìm Đạo chánh của Khùng.
Đặng sau xem liệt quốc tranh hùng,
300. Được sanh sống nhờ ơn Chín-Bê.
Hóa phép lạ biết bao mà kẻ,
Chín từng mây nhạc trời tiêu-thiều.
Kẻ tà-gian sau bị lửa thiêu,
Người tu-niệm sống đời thượng-cổ.
Khùng vưng lịnh Tây-Phương Phật-Tổ,
Nên giáo-truyền khắp cả Nam-Kỳ.
Hội Long-Hoa chọn kẻ tu-mi,
Người hiền-đức đặng phò chơn Chúa.
Khuyên những kẻ giàu sang có của,
310. Hãy mở lòng thương xót dân nghèo.
Cảnh vinh-hoa lại quá cheo-leo,
Nhà giàu có sau nhiều tai-ách.
Hỡi bá-tánh rừng sâu có mạch,
Tuy u-minh mà có đèn vàng.
Lịnh Quan-Âm dạy biểu Khùng tràn,
Cho bốn-đạo rõ nguồn chơn-lý.
Lũ thầy-đám hay bày trò khi,
Mượn kinh luân tụng mượn lấy tiền.
Chốn Diêm-Đình ghi tội liên-miên,
320. Mà tăng chúng nào đâu có rõ.

321. Theo Thần-Tú tạo nhiều chuông mõ,
 Từ xưa nay có mấy ai thành ?
 Phật từ-bi độ tử độ sanh,
 Là độ kẻ hiền-lương nhơn-ái.
 Xá với phươn là trò kỳ quái,
 Làm trai-đàn che miệng thế-gian.
 Kẻ vinh-hoa phú-quí giàu sang,
 Mướn tăng chúng đặng làm chữ hiểu.
 Thương bá-tánh vì không rõ hiểu,
330. Tưởng vậy là nhơn nghĩa vẹn tròn.
 Thấy lạc làm Đây động lòng son,
 Khuyên bốn-đạo hãy nên tỉnh-ngộ.
 Ở dương-thế tạo nhiều cảnh khổ,
 Xuống huỳnh-tuyền Địa-Ngục khảo hình.
 Tuy lưới Trời thưa rộng thình thình,
 Chớ chẳng lọt những người hung-ác.
 Khi nhắm mắt hồn lìa khỏi xác,
 Quỷ vô-thường dắt xuống Diêm Đình.
 Sổ sách kia tội phước đình-ninh,
340. Phật với thương hai đường tỏ rõ.
 Tìm Cục-Lạc, Đây rành đường ngõ,
 Hãy mau mau tu-tĩnh mới mau.
 Tận thế-gian còn có bao lâu,
 Mà chẳng chịu làm tròn nhơn-đạo.
 Kẻ nghèo khó hực tiền thiếu gạo,
 Mở lòng nhơn tiếp rước mới là.
 Làm hiền-lành hơn tụng hơ-hà,
 Hãy tưởng Phật hay hơn ó-ré.
 Đã chánh Đạo thêm còn sức khỏe,
350. Đặng nuôi cha dưỡng mẹ cho tròn.

351. Vẹn mười ơn mới đạo làm con,
Lúc sanh sống chớ nên phụ bạc.
Nếu làm đấm được về Cự-Lạc,
Thì giàu sang được trọn hai bề.
Ý tước-quyền làm ác ê-hề,
Khi bỏ xác nhiều tiền lo-lót.
Kinh với sám tụng nghe thanh-thót,
Lũ nhun-bông tập luyện đã rành.
Đầu với đờn, kèn, trống, nhịp sanh,
360. Làm ăn rập đặng đòi cao giá.
Tâm trần-tục còn phân nhơn ngã,
Thì làm sao thoát khỏi luân-hồi.
Những giấy-tiền vàng-bạc cũng thôi,
Chớ có đốt tổn tiền vô lý.
Xưa Thân-Tú bày điều tà-mị,
Mà dất-dùi bá-tánh đời Đường.
Thấy chúng-sanh làm lạc đáng thương,
Cõi Âm-Phủ đâu ăn của hối.
Đúc Phật lớn chùa cao bồi-rồi,
370. Mà làm cho Phật-Giáo suy đồi.
Tu Vô-Vi chớ cúng chề xôi,
Phật chẳng muốn chúng-sanh lo lót.
Tặng với chúng ưa ăn đồ ngọt,
Nên bày ra cúng kiếng hoài hoài.
Ý nhiều tiền chẳng biết thương ai,
Cúng với lạy khó trừ cho đặng.
Kẻ nghèo khó tu-hành ngay thẳng,
Không cầu siêu Phật bỏ hay sao ?
Lập trai đàn chạy chọt lao-xao,
380. Bôi lem mặt làm tuồng hát Phật.

381. Nay nhằm lúc mùa màng ngập thát,
 Vậy hãy mau bỏ bớt dị-đoan.
 Rán giữ gìn luân-lý tam cương,
 Tròn đức-hạnh mới là báu-quí.
 Nay gần đến long phi xà vĩ,
 Cảnh gian-nan bá-tánh hầu kê.
 Thấy chúng-sanh còn hơi say mê,
 Khùng chỉ rõ đường tà nẻo chánh.
 Ta là kẻ vô hình hữu ảnh,
390. Ăn xác phàm gìn đạo Thích-Ca.
 Làm gian-ác là quỷ là ma,
 Làm chơn-chánh là Tiên là Phật.
 Hiếm những kẻ không nhà không đất,
 Mà sang giàu chẳng xót thương giùm.
 Có lẽ lắm chưởi mắng um-sùm,
 Thêm đánh đập khác nào con vật.
 Ăn không hết lo dành lo cất,
 Đem bạc trăm cúng Phật làm chi ?
 Phật Tây-Phương vốn tánh từ-bi,
400. Đâu túng thiếu mà quơ mà tới.
 Khùng cả tiếng kêu dân ơi hội,
 Hãy giúp cho kẻ đói mới nhằm.
 Đến loạn-ly khổ hạnh khỏi lâm,
 Còn hơn đúc chuông đồng Phật bự.
 Chẳng làm phước để làm hung-dữ,
 Rồi vào chùa lạy Phật mà trừ.
 Phật Tây-Phương có lẽ hiểu dư,
 Dụng tâm ý chớ không dụng vật.
 Muốn bỏ-đạo tánh tình chơn-chất,
410. Rèn lòng hiền thương xót lẫn nhau.

411. Kể từ rày vàng lộn với thau,
Phật, Tiên, Thánh cùng nhau xuống thế.
Cứu bá-tánh không cần lễ mễ,
Để dất-diu đạo-lý rành đường.
Nước Nam-Việt nhằm cõi Trung-Uông,
Sau sẽ có Phật Tiên tại thế.
Khuyên sư vãi bớt dùng của thế,
Gắng công tu đặng có xem đời.
Tu thật tâm thì được thanh-thoi,
420. Tu giả-dối thì lao thì lý.
Khùng khuyên hết kẻ ngu người trí,
Rán tỉnh tâm suy nghĩ Đạo-màu.
Chuyện huyền-cơ bí-hiểm cao sâu,
Hãy nghiệm xét hai đường tà chánh.
Các chư Phật không khi nào rảnh,
Tâm từ-bi vẫn nhớ chúng-sanh.
Các chư Thần tuàn vãng năm canh,
Về Thượng-Giải tâu qua Thượng-Đế.
Sở tội ác thì vô số kể,
430. Còn làm nhờn thì quá ít oi.
Hội công-đồng xem xét hẩn-hòi,
Sai chư tướng xuống răn trần-thế.
Đau nhiều chứng dị-kỳ khó kể,
Sắp từ nay lao khổ đến cùng.
Kẻ dương gian khó nổi thung-dung,
Người bạo ác không toàn tánh mạng.
Đường đạo-lý chớ nên chán-nản,
Hãy bền lòng tầm Phật trong tâm.
Phật Tây-Phương thiệt quá xa-xăm,
440. Phải tìm kiếm ở trong não trí.

441. Sau đến việc sơn băng kiệt thủy,
 Khùng thảm-thương bá-tánh quá chừng.
 Nhìn xem trần nước mắt rung rung,
 Cảnh áo-não kể sao cho xiết.
 Ta dạy-dỗ là vì tình thiệt,
 Cho bá-gia rõ biết người Khùng.
 Thấy dương-trần làm dữ làm hung,
 Nên khuyên nhủ cho người lương-thiện.
 Chữ Lục-Tự trì tâm bất viễn,
450. Thì lâm nguy có kẻ cứu mình.
 Ai lòng nơn hoặc chép hay in,
 Mà truyền-bá đặng nhiều phước đức.
 Trong bá-tánh từ nay buồn bực,
 Khùng yêu dân chỉ rõ Đạo-mầu.
 Rán trì tâm tưởng niệm canh trâu,
 Nằm đi đứng hay ngồi chẳng chấp.
 Việc biến chuyển Thiên-Cơ rất gấp,
 Khuyên chúng-sanh hãy rán tu-hành.
 Cầu linh-hồn cho được vãng-sanh,
460. Đây chỉ rõ đường đi nước bước.
 Hãy tưởng Phật đừng làm bạo ngược,
 Ta phân hồn đạo khắp thế-gian.
 Vào xác trần nước mắt chứa-chan,
 Khấp lê-thứ nghe lời thì ít.
 Chốn sơn-lãnh bây giờ mù mịt,
 Cho nên dân dạy chẳng nghe lời.
 Kể từ nay nói chuyện chiều mơi,
 Chớ chẳng nói dông dài khó hiểu.
 Cờ đã thất còn chờ nước chiếu,
470. Mà còn ăn con chót làm chi.

471. Ai là người quân-tử tu-mi ?
Phải sớm xử thân mình cho vẹn.
Chừng lập Hội khỏi thù khỏi thẹn,
Vớ Phật Tiên cũng chẳng xa chi.
Lời cao-siêu khuyên hãy gắn ghi,
476. Ta ra sức dất-diu bá-tánh.

NAM MÔ TAM-GIÁO QUI NGUỒN,
PHỔ-ĐỘ CHÚNG-SANH A-DI-ĐÀ PHẬT

BỬU ngọc vãng lai rõ Đạo-mầu,
SON tâm hạnh Thích nẻo cao sâu.
KỶ giả thức tâm tìm Đạo-ly,
HƯƠNG tuyệt đặng lui bãi phục cầu.



QUYÊN BA
SÁM GIẢNG

SÁM GIẢNG



*Đây là quyển thứ ba mà
Đức Thầy đã viết năm 1939
tại Hòa-Hảo (612 câu).*

1. **N**gôi trên đỉnh núi liên đài,
Tu-hành tâm Đạo một mai cứu đời.
Lan-thiên một cõi xa chơi,
Non cao đỉnh thượng thanh-thời vô cùng.
Hiu hiu gió thổi lạnh-lùng,
Phát-phơ liễu yếu lạnh-lùng tòng mai.
Mùa xuân hứng cảnh lâu-đài,
Lúc còn xác thịt thi tài hùng-anh.
Tứ-vi mây phủ nhiễu đoanh,
10. **B**ồng-Lai một cõi hữu danh chữ đề.
Kể từ Tiên-cảnh Ta về,
Non Bồng Ta ở dựa kê mấy năm.
Đạo chơi tâm bực tri-âm,
Nay vì thương chúng trần-gian phản hồi.
Nghĩ mình trong sạch đã rời,
Đào tiên tạm thực về ngôi cõi xa.
Phong-trần tâm đã rời ra,
Ngọc-Thanh là hiệu ai mà dám tranh.
Ngày ra chơi chốn rừng xanh,
20. **T**ối về kinh kệ cử canh mặc người.

21. Xuống trần lỡ khóc lỡ cười,
Ham vui đào mận vuông tròn chẳng xong.
Chùng nào sấu nọ hóa long,
Trần-gian mới rõ tấm lòng Thần Tiên.
Thương đời Ta mượn bút nghiên,
Thở-than ít tiếng giải phiền lòng son.
Bắt đầu cha nọ lạc con,
Thân Này thương chúng hao-mòn từ đây.
Minh-Hoàng chưa nộ đài mây,
30. Gẫm trong thế-sự còn đây gian-truân.
Đò đưa cứu kẻ trầm-luân,
Đặng chờ vận đến mới mừng chúa tôi.
Thảm-thương thế-sự lắm ôi,
Dầy-đầy thâm-thảm lắm hồi mê ly.
Dạo chơi Lục-Tĩnh một khi,
Rước đưa người tục tu-trì xa khơi.
No chiều rồi lại đối moi,
Dương-trần sắp vương bịnh Trời từ đây.
Khuyên trần sớm liệu bấp khoai,
40. Cháo rau đỡ dạ tháng ngày cho qua.
Nhấn cùng bốn-đạo gần xa,
Tu-hành trì-chí mới là liễu mai.
Nguyện-cầu qua khỏi nạn tai,
Đặng coi Tiên Thánh lầu-đài quốc-vương.
Niệm Phật nào đợi mùi hương,
Miễn tâm thành-kính tòa-chương cũng gần.
Lao-xao bề Bắc non Tần,
Quân Phiên tham báu xa gần cũng qua.
Tranh phân cho rõ tài ba,
50. Cùng nhau giành-giựt mới là thân phôi.

51. Khổ-lao đà sắp đến nơi,
 Thế-gian bớt miệng kêu mời cõi âm.
 Dầu cho có ở xa-xăm,
 Cũng là rán tới viêng thăm dương-trần.
 Ngũ-Hành cùng các chư Thần,
 Từ đây sắp đến xuống gần chúng-sanh.
 Chuông kia treo sợi chỉ mảnh,
 Chẳng lo thân phận lo giành bướm ong.
 Hiếu-trung hãy liệu cho xong,
60. Đến chùng gặp Chúa mới mong trở về.
 Bây giờ kẻ Sở người Tề,
 Hiền-lương đến Hội cũng kẻ với nhau.
 Phật Trời chẳng luận nghèo giàu,
 Ai nhiều phước đức được vào cõi Tiên.
 Hữu phần thì cũng hữu duyên,
 Sửa tâm hiền-đức cõi Tiên cũng gần.
 Ta mang mình thịt xác trần,
 Ra tay dất chúng được gần Bồng-Lai.
 Mai sau nhiều cuộc đất cày,
70. Đua nhau mà chạy lâu dài cũng xa.
 Lập rồi cái Hội Long-Hoa,
 Đặng coi hiền-đức được là bao nhiêu.
 Gian-tà hồn xác cũng tiêu,
 Thảm-thương bá-tánh chín chiều ruột đau.
 Mặc ai tranh luận thấp cao,
 Thương trong lê-thứ xáo-xào từ đây.
 Chinh chinh bóng xế về tây,
 Đoái nhìn trần-thế xác thân ê-hề.
 Thương trần Ta cũng rán thề,
80. Đặng cho bá-tánh liệu bề tu thân.

81. Tu-hành chẳng được đức-ân,
 Thì Ta chẳng phải xác thân người đời.
 Phật truyền Ta dạy mấy lời,
 Đặt cho trần-thế thức thời tu-thân.
 Nào là luân-lý Tứ-Ân,
 Phải lo đền-đáp xác thân mới còn.
 Ai mà sửa đặt vuông tròn,
 Long-Vân đến hội lâu son dựa kê.
 Thương đời vãn-vật say mê,
90. Làm điều gian-ác thảm-thê sau này.
 Kể từ hầu hạ bên Thầy,
 Vào ra châu-chực đài mây cũng gần.
 Tuy là nương dựa non Tần,
 Ngày sau thế cuộc xoay vần về Nam.
 Qua sông nhờ được cầu Lam,
 Tu-hành nào đợi chùa am làm gì.
 Bây giờ bạc lộn với chì,
 Nữa sau lọc lại vít tì cũng chê.
 Bớ dân chớ có say mê,
100. Trung-lương chánh-trực dựa kê đài mây.
 Mảng lo gây-gỗ tối ngày,
 Chẳng lo rèn đúc trí tài hiền-lương.
 Thân Này ăn tuyết nằm sương,
 Chẳng than chẳng thở vì thương thế-trần.
 Theo Thầy giảng dạy nhiều lần,
 Dương-gian nào biết thế-trần nào hay.
 Cầu cho dân khỏi nạn tai,
 Qua nơi khổ-não mặc ai chê cười.
 Bạc đâu dám sánh vàng mười,
110. U-mê mà lại chê cười Thần Tiên.

111. Giã từ sơn-lãnh lâm-tuyền,
 Về đây hội hiệp sạ duyên tở Thầy.
 Ở rừng bạn với cáo-cây,
 Bây giờ xuống thế cáo-cây lia xa.
 Thiên-cơ biến đổi can qua,
 Gẫm trong thế-giới còn đôi ba phần.
 Mau mau kíp kíp chuyên cần,
 Chúng-sanh còn có lập thân hội này.
 Tuần hườn Thiên Địa đổi xây,
120. Cám thương trần-hạ lòng Đây chẳng sòn.
 Cũng còn kẻ ghét người hờn,
 Vì không rõ hiểu sạ-duon của Thầy.
 Hồ-lang ác thú muôn bày,
 Lốp bay lớp chạy sau này đa-đoan.
 Ai mà ăn ở nghinh-ngang,
 Đón đường nó bắt xé tan xác hồn.
 Chử rằng họa phước vô môn,
 Đáo đầu cũng phải xác hồn tiêu tan.
 Khuyên người hữu phước giàu sang,
130. Mau mau làm phước làm doan cho rồi.
 Để sau khó đứng khôn ngồi,
 Thương nhà tiếc của biết hồi nào nguôi.
 Ai mà ăn ở ngược xuôi,
 Bị nơi rấn rít chẳng vui đâu là.
 Rấn to tên gọi mãng-xà,
 Trên rừng nó xuống nó tha dương-trần.
 Ai mà tu-tĩnh chuyên cần,
 Làm đường ngay thẳng có Thần độ cho.
 Thương đời hết dạ cần lo,
140. Chẳng lo niệm Phật nhỏ to làm gì.

141. Tu là tâm trí nhu mì,
 Tu-hiền tu-thảo vậy thì cho xong.
 Tu cầu cứu vớt Tổ-Tông,
 Vớ cho bá-tánh máu hồng bớt rơi.
 Tu cầu cha mẹ thành-thời,
 Quốc-vương thủy-thổ chiều mời phản hồi.
 Tu đền nợ thế cho rồi,
 Thì sau mới được đứng ngôi tòa sen.
 Người tu phải lánh hơi men,
150. Đừng ham sắc-lich lắm phen lụy mình.
 Tu là sữa trộn ân tình,
 Tào-khang chồng vợ bố-kình đừng phai.
 Tu cầu Đức Phật Như-Lai,
 Cứu dân qua khỏi nạn tai buổi này.
 Chử tu chớ khá trể chầy,
 Phải traу phải sửa nghe Thầy dạy khuyên.
 Ra đời xưng hiệu Khùng Điền,
 Nào ai có rõ Thần Tiên là gì.
 Tu không cần lạy cần qui,
160. Ngồi đâu cũng sửa vậy thì mới mau.
 Trí hiền tâm đức chùi lau,
 Ra công lợc kỹ thì thau ra vàng.
 Vinh-hoa phú-quí chẳng màng,
 Ra oai ra lực cõi toàn xa chơi.
 Con sông dòng nước chiều mời,
 Độc lòng trả nợ nước đời cho xong.
 Chùng nào bỗn-đạo hiểu thông,
 Thiên-cơ đạo-lý để lòng mới thôi.
 Chử vinh chử nhục mấy hồi,
170. Đến khi thất vận làm mỗi yêu tinh.

171. Tu rèn tâm-trí cho mình,
 Tánh kia thành kiếng phỉ tình chùi lau.
 Hiểu rồi những việc lao-đao,
 Ở cùng cô bác làm sao cho tròn.
 Kính yêu nào phải hao mòn,
 Ở cho phải nghĩa lòng son mới vừa.
 Nghinh-ngang hỗn-ảo phải chừa,
 Bà con nội ngoại dạ thừa mới là.
 Xóm diềng phải ở thật-thà,
180. Dầu không quen biết cũng là như quen.
 Ở cho cha mẹ ngợi khen,
 Gặp người lâm nạn đua chen giúp giùm.
 Xác thân là cái gông cùm,
 Nếu làm chẳng trọn thú hùm xé thân.
 Cho rồi nhơn-nghĩa mới hay,
 Lễ-nghi phong-hóa đổi thay làm gì ?
 Từ đây biến đổi dị-kỳ,
 Dương-thế chuyện gì cũng có chuyển lay.
 Rèn tâm cho được thẳng ngay,
190. Khỏi nơi tà quỷ một mai thấy đời.
 Cũng là người ở trong trời,
 Có sao ăn ở nhiều lời ngổ-ngang.
 Hung-hăng ý của giàu sang,
 Chẳng kiêng Trời Phật mê-man ý tiền.
 Dạy rồi cái đạo tu-hiền,
 Làm trai nhỏ tuổi tình duyên đang nồng.
 Cũng đừng gheo gái có chồng,
 Cũng đừng phá-hoại chữ đồng gái trinh.
 Ra đường chọc gheo gái xinh,
200. Nữa sau mắc phải yêu-tinh hư mình.

201. Xử cho vẹn chữ nghĩa tình,
 Vâng lời cha mẹ mà gìn gia-cang.
 Nghiêm-đường chịu lệnh cho an,
 Loạn-luân cang-kỷ hồ mang tiếng đời.
 Anh em đừng có đôi dôi,
 Phụ-phàng đưa muối xe lơi nghĩa tình.
 Tuy là Trời đất rộng thình,
 Có Thần xem xét phân minh cho người.
 Vô duyên chưa nói mà cười,
210. Chưa đi mà chạy hời người vô duyên.
 Lớn lên phận gái cần-chuyên,
 Làm ăn thì phải cho siêng mới là.
 Phải gìn dục-vọng lòng tà,
 Đừng chiều theo nó vậy mà hư thân !
 Nghe lời cha mẹ cân phân,
 Tam tùng vẹn giữ lập thân buổi này.
 Tình duyên chẳng kíp thì chầy,
 Chớ đừng cãi lệnh gió mây ngoại-tình.
 Đi thưa về cũng phải trình,
220. Công, dung, ngôn, hạnh, thân mình phải trau.
 Công là phải sửa làm sao,
 Làm ăn các việc tầm-phào chẳng nên.
 Minh là gái mới lớn lên,
 Đừng cho công việc hớ-hênh mới là.
 Chữ Dung là phận đàn bà,
 Vóc hình tươi-tắn đứng đi dịu-dàng.
 Dầu cho mắc chữ nghèo-nàn,
 Cũng là phải sửa phải sang mới màu.
 Ngôn là lời nói mặc dầu,
230. Cũng cho nghiêm-chỉnh mới hầu khôn-ngoan.

231. Đùng đùng lời tiếng phang-ngang,
Thì cha với mẹ mới an tâm lòng.
Hạnh là đức tánh phải không ?
Ở cùng chòm-xóm đùng cho mát lòng.
Bốn điều nếu đã làm xong,
Cũng gìn chữ hiếu phục tòng song thân.
Dạy rồi những chuyện đức ân,
Phận làm cha mẹ xử phân lẽ nào.
Lỗi-lầm chớ có hùng-hào,
240. Đùng chưởi đùng rửa đùng cào đùng bươi.
Đem lời hiền-đức tốt tươi,
Đặng mà giáo-hóa vàng mười chẳng hơn.
Cũng đùng gây gỗ giận-hờn,
Cho con bắt chước sạ dươn mới là.
Nam Mô sáu chữ Di-Đà,
Từ-bi tế-độ vậy mà chúng-sanh.
Xưa nay Sáu Chữ lạnh tanh,
Chẳng ai chịu khó niệm sành thử coi.
Trì tâm thì quá ít-oi,
250. Bây giờ dùng thử mà coi lẽ nào.
Rạch tim đem để Nó vào,
Thì là mới khỏi máu đào tuôn rơi.
Để sau đến việc tả-toi,
Rồi tu sao kịp chiều moi cho thành.
Ngày nay chim đã gặp cành,
Chẳng lo đậu lại cho rành gió mưa.
Tu-hành nhiều kẻ chẳng ưa,
Mặc ai gièm-siểm sớm trưa chẳng màng.
Gẫm trong thế-sự trần-hoàn,
260. Người hung người ác tà-gian cũng nhiều.

261. Thương đời Ta mới đánh liều,
 Mong người tu-tĩnh ít nhiều cũng hay.
 Muốn tu còn đợi chiều mai,
 Khuyên người rèn sớm thì xài lâu hư.
 Những người có của tiền dư,
 Hãy nên bố-thí dành tư làm gì.
 Sau đây nhiều chuyện ly-kỳ,
 Kể sao cho xiết vậy thì dân ôi !
 Tại sao chẳng cúng chè xôi,
270. Bởi vì tận thế Phật thôi ăn chè.
 Cũng không có muốn hoa-hòe,
 Lầu-đài sơn phết cũng là chẳng ham.
 Ai chê khờ dại cũng cam,
 Chớ Tôi cũng chẳng có ham lầu đài.
 Chử tu hãy rán miệt-mài,
 Đừng kể vắn dài đừng nệ mau lâu.
 Giáo khuyên khắp hết đầu đầu,
 Bớt điều mị-dối mới hầu thấy Ta.
 Đừng theo lũ qui lũ ma,
280. Cúng kiếng nó mà nó phải ăn quen.
 Chết rồi cũng bớt cóc keng,
 Trống đờn lễ nhạc tế xen ích gì.
 Đàn nhu thầy lễ cũng kỳ,
 Mắc phải chuyện gì phủ phục bình hung ?
 Lại thêm đờn địch từng tung,
 Dem con heo sồng mà dung làm gì ?
 Chủ gia kẻ lạy người qui,
 Làm chuyện dị-kỳ giả-dối hay không ?
 Nếu không thì trả lời không,
290. Bằng mà có dối thì hòng sửa đi.

291. Thương đời Ta luống sầu-bi,
Học Nho cứ mãi làm thi ngạo đời.
Rung đùi ngâm chuyện trên trời,
Tình-duyên cá nước vậy thời đỗ con.
Thấy đời Ta cũng héo von,
Học Nho mà chẳng làm tròn nghĩa-nhơn.
Khoe mình chẳng có ai hơn,
Nhờ làm thuốc bắc đỡ cơn túng nghèo.
Hiền nhơn chẳng chịu làm theo,
300. Đợi ai có bệnh túng nghèo chẳng tha.
Hốt thời các bầy các ba,
Nó đòi năm các người ta hoảng hồn.
Lành bay còn ác lại tồn,
Đến chùng lập Hội xác hồn lia xa.
Mấy anh thầy thuốc Lang-sa,
Cũng là mỏ mật người ta lấy tiền.
Xin trong anh chị đừng phiền,
Đồng bạc đồng tiền là thứ phi ân.
Muốn sau dựa được Các-Lân,
310. Hãy nên trau sửa hiền-nhân mới là.
Những người quê dốt thật-thà,
Cũng nên tu-niệm nhờ mà thân sau.
Lập đời mới biết thấp cao,
Bây giờ chưa biết ai thau ai chì.
Đời xưa có Ngũ-Viên-Kỳ,
Dem tài học thuốc hiến thi cho dân.
Người xưa còn chẳng cần thân,
Miễn cho trong nước chúng dân được nhờ.
Để tâm yên-lặng như tờ,
320. Nghĩ suy lời lẽ tỏ mờ thể nao.

321. Luận xem thế-sự thấp cao,
 Khuyên dân hãy bớt làm màu hiếu nhi.
 Bớt bỏ rình-rang một khi,
 Nếu cha mẹ chết làm y lời này.
 Là lời truyền giáo của Thầy,
 Bông hoa cầu Phật hiệp vầy đi chôn.
 Còn mình muốn đãi làng thôn,
 Thì là tùy ý đáp ngôn cho người.
 Gẫm trong thế-sự nực cười,
330. Chẳng lo cải sửa cho người tâm ngay.
 Minh làm chữ hiếu mới hay,
 Chớ mướn người ngoài cầu nguyện khó siêu.
 Muốn cho tội-lỗi mòn tiêu,
 Thành tâm cầu nguyện sớm chiều mới hay.
 Mục-Liên cứu mẹ bằng nay,
 Nhờ người hiếu hạnh tâm rày từ-bi.
 Ai ai hãy rán mà suy,
 Thương đời Ta tỏ chuyện ni rõ ràng.
 Làm tuần trà rượu xinh-xoàng,
340. Rồi thì chưởi-lộn mà an nổi gì ?
 Dương-trần làm chuyện dị-kỳ,
 Tạo nhiều cảnh giả chơn thì chẳng theo.
 Của tiền chớ có bỏ theo,
 Chết rồi té-lễ bò heo làm gì ?
 Nếu ai biết chữ tu-trì,
 Cha mẹ còn sống vậy thì cho ăn.
 Không làm đẽ ở lung-lãng,
 Chưởi cha mắng mẹ lãng-xăng thiếu gì.
 Ở cho biết nhượng biết tùy,
350. Vui lòng cha mẹ vậy thì mới ngoan.

351. Đạo là vốn thiệt cái đàng,
 Ta ra sức dọn cho toàn chúng-sanh.
 Thôi thôi bớt miệng hùng-anh,
 Ở nơi cửa khẩu thiệt rành tiếng ni.
 Chung bày quân-tử làm chi,
 Của đồ hổ-bị vậy thì xung hô.
 Lũ đàng lũ điểm hò-đò,
 Anh-hùng quân-tử xung hô rền trời.
 Gặp ai mắc nạn cười chơi,
360. Chớ không ra sức giúp đời điều chi.
 Hồ mình là bực tu-mi,
 Chưa tròn bổn-phận mà ti tôn mình.
 Kể từ thượng lộ đặng trình,
 Vào Nam ra Bắc mặc tình ôn-phi.
 Khuyên răn trần-thế một khi,
 Tuồng đời sắp hạ bằng ni rõ ràng.
 Dương-gian làm huyện nói càn,
 Cùng xóm cuối làng đâu cũng như đâu.
 Hò reo giục trống nhiều câu,
370. Sai đồng khiển quỷ nói lâu nực cười.
 Ta khuyên hết thầy các người,
 Nhiều chuyện trò cười hãy bỏ bớt đi.
 Đùng hò đùng réo làm chi,
 Nghinh-ngang kêu múa có khi hại mình.
 Nghe không thì cũng mặc tình,
 Nói cho rõ-rệt dân tin không là.
 Quan-Âm Nam-Hải Phổ-Đà,
 Cùng Thầy ra lệnh nên Ta giáo-truyền.
 Thánh Thần không phải thiếu tiền,
380. Mà kêu mà réo xuống trần mà sai.

381. Nam Mô Quan-Âm Như-Lai,
 Cầu xin chư Phật cứu nay dương-trần.
 Khuyên đừng chưởi Thánh mắng Thần,
 Xưa nay thứ lỗi thể-trần chẳng kiêng.
 Lưỡng Thần ghi chép liên miên,
 Nào tội nào phước dưới miền trần-gian.
 Tâu qua Thượng-Đế Ngọc-Hoàng,
 Dương-trần hung ác đa đoan quá nhiều.
 Chúng-sanh ngang-ngược làm liều,
390. Ngọc-Hoàng Ngài muốn xử tiêu cho rồi.
 Minh-Vương khó đứng khôn ngời,
 Thảm-thương lê-thứ mắc hồi gian-truân.
 Trước đèn mắt ngọc lụy rung,
 Quý yêu bá-tánh biết chừng nào nguôi.
 Làm sao cho dạ được vui,
 Cúi đầu lạy Phật cầu xin cứu trần.
 Lời khuyên xưa cũng một lần,
 Nay mượn xác trần xuống bút ra cơ.
 Khôn-ngoan nghe nói ngẩn-ngơ,
400. Ngu-si thì tưởng như thơ biếm đời.
 Ở đâu cũng Phật cũng Trời,
 Tâm thành chí nguyện xem đời khó chi.
 Văn-Thù Bồ-Tát từ-bi,
 Chèo thuyền Bát-Nhã cứu thì trần-gian.
 Gió đưa lướt sóng buồm loan,
 Rước người tu-niệm xuê-xang phỉ tình.
 Ai mà Ta dạy chẳng gìn,
 Thì sau đừng trách mắt tình yêu-đương.
 Bàn-môn tài phép nào tương,
410. Kêu Trời giậm Đất cũng thì dạ rân.

411. Nói cho trần-thế liệu toan,
 Chớ theo tả-đạo mà tan xác hồn.
 Nó làm nhiều phép nhiều môn,
 Bùa mê thuốc lú mê hồn chúng-sanh.
 Thành binh sái đậu cũng rành,
 Nếu tin thời mắc tan tành về sau.
 Bây giờ bắt lộn người nào,
 Không dùng của thế sắc màu cũng không.
 Nói cho bôn-đạo rõ lòng,
420. Ấy là chơn-chánh mới hồng vinh-vang.
 Địa-Tiên tài phép đa đoan,
 Phi đao bửu kiếm mê-man mắt trần.
 Phật truyền thâm hết phép Thần,
 Cứu an bá-tánh một lần nạn nguy.
 Phiên-binh bốn phía tứ vị,
 Kể sao cho xiết chuyện ni sau này.
 Lốp thì thú ác dẫy-đầy,
 Lốp thì tranh đấu tối ngày chẳng thôi.
 Kể hung chừng đó làm môi,
430. Cho bày ác-thú đèn bồi tội xưa.
 Bây giờ còn mãi lọc lừa,
 Chẳng lo kiếm chỗ đụt mưa sau này.
 Hiền-lành chừng đó sum vầy,
 Quân-thần cộng lạc mấy ngày vui chơi.
 Đến đó Ta mới mừng cười,
 Nhìn xem Ngọc-Đế giữa Trời định phân.
 Thiên-Hoàng mở cửa Các-Lân,
 Địa-Hoàng cũng mở mấy tầng ngục môn.
 Mươi cửa xem thấy ghê hồn,
440. Cho trần coi thử có mà hay không.

441. Nhơn-Hoàng cũng lấy lẽ công,
 Cũng đồng trừng-trị kẻ lòng tà-gian.
 Ấy là đến lúc xuê-xang,
 Tam-Hoàng trở lại là đời Thượng-Nguơn.
 Khuyên dân lòng chó có sòn,
 Rán tu thì được xem đờn trên mây.
 Người hung chết đất chậi thây,
 Nhìn xem bắt thảm ngày rày cho dân.
 Mấy người còn được xác thân,
450. Thì là Đái-Ngọc Các-Lân mới kê.
 Bây giờ kẻ nhún người trề,
 Chê Ta rằng đại rằng khờ cũng cam.
 Dương-trần bỏ bớt tánh tham,
 Đùng chơi cờ-bạc đùng làm ác-gian.
 Để sau coi Hội coi hàng,
 Coi Tiên coi Phật mới ngoan bớ trần.
 Điếm-đàng đĩ-thõa chó gằn,
 Để sau xem thấy non Tàn xôn-xao.
 Tuy nghèo dùng đỡ cháo rau,
460. Bền lòng niệm Phật thì sau thanh nhàn.
 Đùng quen thói cũ làm càn,
 Trộm gà cắp vịt xóm làng ghét vợ.
 Khi xưa Ta cũng làm thơ,
 Mà đời trần-hạ làm ngơ ít nhìn.
 Dạy cho trần-thế phỉ tình,
 Đàng Tiên cõi tục phân minh hai đờng.
 Bây giờ hát bộ là thường,
 Để sau Phật hát tỏ tường cho xem.
 Cải-lương tuồng ấy cũ mèm,
470. Tồn tiền buồn ngủ lại thềm đồ ăn.

471. Nhảy lui nhảy tới lãng-xãng,
 Làm tuồng mèò mả thêm nhăng cho đời.
 Hạ-nguon lòng dạ đỏi dòi,
 Bây giờ khô-não đên đời là đây.
 Rán nghe lời dạy của Thầy,
 Để chừng đến việc kiếm Thầy khó ra.
 Tây-Phuong Thầy lại quá xa,
 Nên Ta mới nói cạn lời dân nghe.
 Đùng ham lên ngựa xuống xe,
480. Ăn xài phí của lụa the làm gì.
 Xuống trần Ta dạy cố lý,
 Cốt cho trần-thế nghe thì mới thôi.
 Ngày nay xe lét xe lôi,
 Đúng lời truyền sấm của hồi đời Lê.
 Là năm Rồng, Rắn, Ngựa, Dê,
 Chúng-sanh thế-giới ê-hề thây phơi.
 Trạng-Trình truyền sấm mấy lời,
 Ngày nay dân-chúng vậy thời rán tri.
 Hiền hơn bốn-phận tu-mi,
490. Hãy mau thức tỉnh kiếm thì huyền-cơ.
 Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,
 Chúng-sanh còn đợi còn chờ chuyện chi.
 Trên Trời xuất hiện Tử-Vi,
 Quang-minh sáng suốt vậy thì dân ôi !
 Thương dân khó đứng khôn ngồi,
 Xót-xa dạ Ngọc bồi-hôi tâm Trung.
 Gió đông thì cội cây rung,
 Phương xa có giặc thung-dung đặng nào ?
 Trời tây chúng nó hùng-hào,
500. Dem lòng gây-gỗ máu đào mới tuôn.

501. Cầu Trời cho chúng qua truông,
 Thế-gian yên-lặng hát tuồng khải-ca.
 Tây-Phương tuy ở cõi xa,
 Thành tâm thì có Phật mà đáo lai.
 Ước mong dân khỏi nạn tai,
 Đất-dìu Tiên-cảnh Bồng-Lai nhiều người.
 Xem trần khó nổi vui cười,
 Lo giàu lo lợi chẳng rời bỏ dân.
 Mẹ cha là kẻ trọng ân,
510. Dưỡng nuôi báo hiếu lúc thân yếu già.
 Giường linh đơm quây mới là,
 Có chi cúng nầy vậy mà dân ôi !
 Ta là thân phận làm tôi,
 Phải đền phải đáp cho rồi mới hay.
 Mặc ai tranh luận đầu tài,
 Khuyên dân nên hãy miệt-mài chữ Tu.
 Giảng nầy ra cuối mùa thu,
 Dạy ăn dạy ở chữ Tu vương tròn.
 Học theo mỗi đạo làm con,
520. Luận xem học mới mấy đon đòi nầy.
 Văn-minh sửa mặt sửa mày,
 Áo quần láng mượt ngày rày ăn chơi.
 Dọn xem hình vóc lả-lơi,
 Ra đường ăn nói những lời nguyệt-hoa.
 Trong tâm nhớ những điều tà,
 Lời ăn tiếng nói thiệt là quá lạnh.
 Xung là đầu trẻ tuổi xanh,
 Chẳng trau hiền-đức học hành làm chi ?
 Khôn-ngoan thời những chuyện gì,
530. Cũng là lừa dối vậy thì dân quê.

531. Người xưa nó lại khinh chê,
Ông cha hủ-bại u-mê hơn mình.
Tự-do trai gái kết tình,
Vói lo trau sửa cho mình đẹp tươi.
Gái trai đến tuổi đôi mươi,
Chẳng kiêng cha mẹ nói cười lả-loi.
So hình sửa sắc chiều mơi,
Đặng làm những chuyện trái đời vô liêm.
Cớ sao chê cổ trọng kim,
540. Phụ cha phản chúa lỗi niềm tôi con.
Thấy đời trần-hạ thon-von,
Ai nuôi cho lớn mà còn khinh-khi.
Ông cha thuở trước ngu-si,
Mà ngay mà thật hơn thì đời nay.
Học hay lợi dụng tiền tài,
Lên quan xuống huyện ăn xài lả-lê.
Gặp ai đối rách cười chê,
Miệng kia hể mở chưởi thề vang rân.
Chẳng lo rèn trí lập thân,
550. Để làm xảo-trá khổ thân sau này.
Giáo-viên các sở các thầy,
Khuyên mau tỉnh ngộ tập rày lòng nhơn.
Giúp đời đừng đợi trả ơn,
Miễn tròn bổn-phận hay hơn bạc vàng.
Đánh liều Ta cũng nói càn,
Cứu dân bất luận giàu sang khó nghèo.
Vinh-hoa như thể bọt bèo,
Hiền-lương bất luận khó nghèo cũng xinh.
Nhắc năm Gia-Tĩnh triều Minh,
560. Nàng Kiều vì hiếu bán mình chuộc cha.

561. Tuy là lư-lạc bôn-ba,
 Đến khi mãn hạn bạn xưa cũng nhìn.
 Ghét ư Ta cũng mặc tình,
 Nghiệm kim suy cổ biện minh thế nào.
 Bá-gia kẻ thấp người cao,
 Hiền thần hiếu nghĩa rán trau cho rồi.
 Giảng này chỉ các điều tòi,
 Khuyên dân hãy rán mà ngồi mà suy.
 Thân Ta, Ta chẳng tiếc chi,
570. Miễn cho bá-tánh nạn gì cũng qua.
 Luận xem những việc sâu xa,
 Chúng-sanh tưởng Phật thì là hãy coi.
 Tháng ngày như thể đưa thoi,
 Nguyên cầu thế-giới bớt ngòi chiến-tranh.
 Ngồi buồn dân gặp chiếu manh,
 Ta cho bá-tánh bức tranh vô hình.
 Ai ai cũng rán xét mình,
 Nếu còn tánh xấu thì rinh ra ngoài.
 Cạn lời mà ý còn dài,
580. Hiền cho trần-hạ một bài ngụ-ngôn.
 Tới đây Ta già làng thôn,
 Ngọc-Thanh lui gót phi-bôn Nam-Kỳ.
 Hiền thần sách sử nêu ghi,
 Miếu son tạc để tu-mi trung thần.
 Thôi thôi cảnh khổ hầu gần,
 Ta khuyên dân-chúng ân-cần nhìn xem.
 Ra đời dạy-dỗ anh em,
 Xem qua ít bận rán đem vào lòng.
 Người tu như thể bá-tòng,
590. Ai ai cũng quý cũng trông cũng nhìn.

591. Sửa trau là phận của mình,
Xưa nay lời lẽ sử kinh rõ ràng.
Chùng nào Ta gặp Hón-Hoàng,
Chúng-sanh mới hết phàn-nàn số căn.
Mạnh-Tông xưa cũng khóc măng,
Đất khô nẩy mọt rõ lòng hiếu-nhi.
Mặc ai nhạo-báng khinh-khi,
Phần Ta niệm chữ từ-bi độ đời.
Muốn xem được Phật được Trời,
600. Thì là phải rán nghe lời dạy răn.
Bá-gia cùng các chư tăng,
Việc tu không đợi hương đăng làm gì.
Đòi cùng tu gấp kịp thì,
Đăng xem báu ngọc ly-kỳ Năm Non.
Phật thương bôn-đạo như con,
Muốn cho bôn-đạo lòng son ghi lời.
Nữa sau đến việc biết đời,
Bây giờ chưa thấy nó thời không tin.
Tới đây cũng dứt giảng kinh,
610. Nếu ai biết sửa tâm linh mới mau.
Nam mô lòng sở nguyện cầu,
612. Chúc cho bá-tánh muôn sâu tiêu tan.

NAM MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT

(tam niệm)

Cầu Phật-Tổ, Phật-Thầy, quan Thượng-Đẳng Đại-Thần, chư quan Cựu-Thần, chư vị Sơn-Thần, chư vị Năm Non Bảy Núi phổ-độ bá-tánh vạn dân tiêu tai tịnh sự giải-thoát mê ly.



QUYÊN TƯ
GIÁC MÊ TÂM KỆ

GIÁC MÊ TÂM KỆ



*Đây là quyển thứ tư mà
Đức Thầy đã viết ngày 20
tháng 9 năm Kỷ-Mão (1939)
tại Hòa-Hảo (846 câu).*

1. **K**hai ngọn đuốc từ-bi chí thiện,
Tìm con lành dắt lại Phật đường.
Thương dân hiền giáo đạo Nam-phương,
Đặng chỉ ngõ làm lành lánh dữ.
Sách Thánh đạo ghi trong Tam-Tự,
Người mới sanh tánh thiện Trời dành.
Bởi lớn lên tập nhiễm lợi danh,
Nên tật xấu che mờ thiện-tánh.
Thiếu giáo-dục thiếu thêm đức-hạnh,
10. Ta quyết lòng nhắc lại tánh xưa.
Mặc tình đời gièm-siểm ghét ưa,
Rừng kinh kệ ít người hay chữ.
Quá mắc mớ bởi chung Phạn-ngữ,
Nên người đời khó kiếm cho ra.
Mỡ chuông bày đọc tụng ó la,
Chớ hiểm kẻ tường thông nghĩa-lý.
Dòm trước mắt thấy điều hồ-mị,
Nên động tình bác-ái dạy răn.
Réo những ai lợi dụng làm xằng,
20. Cho suy-sụp chơn-nhơn mờ-mịt.

21. Nào có khác mây đen phủ bít,
 Rồi dất nhau đến chỗ đại ngậy.
 Lấy tinh-thần hiệp vén ngút mây,
 Trong bốn-đạo tự thân phải xử.
 Xuống dương-thế đạo trong lê-thứ,
 Thấy bá-gia gặp lúc nã-nùng.
 Cảnh trần-gian nhiều nổi lao-lung,
 Việc tu-tĩnh ít người hiểu lý.
 Trong bá-tánh muốn nơi cao quý,
30. Phải truy tâm huyền-bí nơi cơ.
 Từ sấm kinh cho đến thi thơ,
 Trong chón ấy nhiều nơi trọng yếu.
 Tạo làm chi những trung với hiếu !
 Ấy là người bốn-phận phải trau.
 Khuyên dương-trần đừng nệ cần-lao,
 Cũng rán sữa rán trau nền đạo.
 Tu đầu tóc không cần phải cạo,
 Miễn cho rồi cái đạo làm người.
 Kể từ nay lỡ khóc lỡ cười,
40. Vì buồn bực thấy đời biến chuyển.
 Các chư Phật từ đây lựa tuyền,
 Coi ai là đức-hạnh hiền-từ.
 Lời sách xưa cận thủy tri ngư,
 Cận sơn lãnh trần-gian tri điều.
 Trong sấm giảng nếu ai không hiểu,
 Tâm kệ này Ta chỉ nẻo đường.
 Quyết dạy trần nên nói lời thường,
 Cho sanh-chúng đời nay dễ biết.
 Trời đông gió sái mùa sái tiết,
50. Nắng cùng mưa cũng khác xưa rồi.

51. Khuyên dương-gian bỏ các việc tòi,
Đặng lo liệu cho tròn phận-sự.
Thấy trần-thế hãy còn lưỡng-lự,
Muốn tu mà còn hời chần-chờ.
Việc thế-gian như thế cuộc cờ,
Thắng với thối một hai nước tướng.
Nào Ai có gạt dân nói bướng,
Mà dương-trần liệu lượng chánh tà.
Ta mến yêu những kẻ thiết-thà,
60. Nghe cơ-giảng thiết-tha lo-liệu.
Học đạo-lý như đờn trúng điệu,
Hòa bản rồi thì cứ làm theo.
Lữ Tam-Bành trong bụng còn đeo,
Đoàn Lục-Tặc ta mau sớm giết.
Mài gương trí cho tinh cho khiết,
Dứt tâm trần kiếm chữ sắc không.
Đức Di-Đà Phật-Tổ ngóng trông,
Chờ dân-chúng tìm nơi diệt khổ.
Theo Phật-Giáo từ kim chí cổ,
70. Gốc ông cha ta cũng tu-hành.
Mà ngày nay cứ mãi tranh giành,
Danh với lợi, của tiền, quyền tước.
Thấy trần-thế ai ai cũng ước,
Đời sao không tới phút cho rồi.
Nay khổ lao khó đứng khôn ngồi,
Lúc đói cơm buồn lòng ngơ ngẩn.
Làm ác đức nhiều điều quanh quẩn,
Như gà cồ ăn bản cối xay.
Thấy người hiền nói đắng nói cay,
80. Sau mới biết thân ai lao khổ.

81. Nhớ thuở trước oai-linh Phật-Tổ,
 Phép thần-thông trừ lũ Ma-Vương.
 Chốn rừng tòng ngồi chịu nắng sương,
 Tìm đạo-lý hiển cho trần-thế.
 Hiệu Lão-Sĩ ra đời thật-tế,
 Đem lời vàng dạy dỗ dương-trần.
 Khuyên chúng-sanh khuya sớm chuyên-cần,
 Tìm nguồn-cội diệt-trừ Tứ-Khổ.
 Bình với Tử từ kim chí cổ,
90. Sanh với Già hai chữ hoài hoài.
 Đức Thích-Ca xưa ở lâu-đài,
 Nghiệm Tứ-Khổ nên Ngài tầm Đạo.
 Lo tu-tĩnh mặc ai khinh-ngạo,
 Diệt Lục-Căn đừng nhiễm Lục-Trần.
 Chữ Sắc Thịnh chớ có hầu gần,
 Hương với Vị xác trần nên lánh.
 Chữ Xúc Pháp treo gương Hiền Thánh,
 Tránh Sáu Đường cũng đặng về Thần.
 Từ xưa nay dạy chỉ nhiều lần,
100. Mà lê-thứ không lo chẳng liệu.
 Nhãn thấy sắc thường hay bận-bịu,
 Tai ưa nghe những điệu âm thanh.
 Mắt với tai đều chọn đẹp xinh,
 Còn lỗ mũi ưa mùi êm dịu.
 Đồ thơm tho nó ưa nó chịu,
 Chốn xạ hương hay lết lại gần.
 Lưỡi ưa ngon là chuyện ân-cần,
 Đồ ngọt béo nó ưa nó mến.
 Thân tham sướng muốn tiền của đến,
110. Đặng ăn xài cho phỉ tâm tình.

111. Ý thì ưa sửa sắc soi hình,
Vớ chức phận cho cao cho quý.
Sáu đường ấy ở trong tâm ý,
Ta mau mau dứt nó cho rồi.
Nếu tinh tâm nào có mấy hồi,
Mượn trí-đạo đuổi ra khỏi xác.
Dứt được nó ấy là giải-thoát,
Thì xác trần mới khỏi đọa-đày.
Cả tiếng kêu những kẻ trí tài,
120. Hãy yên-lặng bình tâm suy nghĩ.
Tiên xử kỷ hậu lai xử bỉ,
Bắt lỗi người phải xét lỗi mình.
Vậy mới là phải bực công-bình,
Nẻo chánh-trực chí người quân-tử.
Người biết Đạo phải gìn ngôn ngữ,
Nói với ai chớ có sai lời.
Trọng mẹ cha kính nể Phật Trời,
Đừng nhiều tiếng nghinh-ngang mang lỗi.
Tánh ngay thẳng ta không đời đổi,
130. Dầu tan xương nát thịt chẳng màng.
Ta Khùng Điên nói đại nói can,
Chẳng có sợ ai rầy ai mắng.
Trời còn lúc tối mưa sớm nắng,
Thì trần-gian còn mãi khổ lao.
Ở trên đời kẻ thấp người cao,
Kẻ hiền-hậu người thì gian-ác.
Không quen biết mà cao tuổi tác,
Ta cũng nên kính trọng mới là.
Tâm từ-bi sánh thể ngọc-ngà,
140. Trong các báu khó bì tánh Thiện.

141. Phải xử thế chớ nên bày biện,
 Miệng xảo ngôn thường kiện tâm thân.
 Việc bán buôn phải giữ ngang cân,
 Chớ tập tánh lặn lường tráo đầu.
 Các công cuộc của người tánh xấu,
 Ta giữ-gìn chớ có nhiễm vào.
 Tâm Bàn Tăng chẳng mển sắc màu,
 Mển những kẻ biết vào đường chánh.
 Ta dạy thế mọn lời Phật Thánh,
150. Nên truyền ban cho chúng-sanh tương.
 Tuy ngày nay chúng nó hùng-cường,
 Chùng phân định thì Ta cao-quí.
 Khuyên bốn-đạo lập thân nuôi chí,
 Đặng chờ ngày yết-kiến Phật Trời.
 Quá yêu dân cạn tỏ nhiều lời,
 Cho trần-hạ tìm trong lánh đục.
 Chẳng chịu tu mãi còn lục-thục,
 Lo giàu nghèo lo cũng chẳng rành.
 Ham công-danh quên chữ sanh-thành,
160. Mển phú-quí quên câu dưỡng-dục.
 Rán kiếm chỗ tầm Tiên lánh tục,
 Người ở đời phải được lòng trong.
 Biển hồng-trần sớm gọi cho xong,
 Ngày lập Hội mới mong trở lại.
 Chữ bản-tiện khuyên dân đừng nại,
 Miễn cho ta trở lại ngay đàng.
 Chữ vinh-hoa giờ chớ có màng,
 Bởi giả tạm của đời Nguơn-hạ.
 Gắng công tu xem nhiều phép lạ,
170. Của Thần Tiên trừ lũ hung-đồ.

171. Nào lựa là, lãnh nhiều, tố sô,
Chớ ham mển mà sau lao-ly.
Ngày tiêu-diệt từ năm Bính-Tý,
Đến năm nay hao hót đã nhiều.
Các ngoại bang đà nhuộm máu điều,
Sao trần-thế không toan chẳng liệu.
Để đến việc dang lưng mà chịu,
Chớ Phật đâu cứu kịp cho người.
Khuyên chúng-sanh bỏ tánh biếng lười,
180. Phải sốt-sắng làm ăn cần-thiết.
Nghèo với đói từ đây sẽ biết,
Hàng ngoại bang bố-thiết ta hoài.
Nên bá-gia hãy rán miệt-mài,
Dầu rách rưới cũng mau cần kiệm.
Lời Ta dạy hãy nên suy-nghiệm,
Phải phá tan Ngũ-Uẩn trong mình.
Chữ Tham trong ý muốn mặc tình,
Rán định tánh trừ cho nó tuyệt.
Chữ gây-gỗ là Sân hãy diệt,
190. Cho nó đừng thấp-thoảng trong lòng.
Thêm chữ Si thiệt quá lòng-dòng,
Nên tỉnh trí tìm nơi dứt tắt.
Chữ Nhon Ngã cũng là quá gát,
Ta chớ nên phân-biệt với người.
Dẹp năm tên đợc mới mừng cười,
Vô pháp tướng mới là thiệt tướng.
Người tu-hành phải trừ nghiệp-chương,
Vớ bốn ma mới đặng an nhàn.
Tửu nhiễm vào thân-thể bất an,
200. Sắc mển nó ngày kia lao khổ.

201. Ta nghiệm xét từ đời Bàn-Cổ,
 Có ai dùng mà đặng thành Tiên.
 Mà đời nay theo nó liên-miên,
 Chữ Tài của khổ riêng một kiếp.
 Bị tội cướp nào ai có tiếp,
 Mà đời nay nó cứ mãi làm.
 Chữ Khí hùng khuyên chớ có ham,
 Mà lao-lý tẩm thân trần-thế.
 Kẻ nhứt dạ thường sanh bá kế,
210. Để gạt người làm thế cho mình.
 Ngày sau này lắm nỗi tội tình,
 Sao sanh-chúng chẳng lo cải sửa.
 Bệnh ôn-dịch thường hay ói mửa,
 Mà dương-trần chẳng chịu kiêng-dè.
 Qua năm Dê đến lúc mùa hè,
 Trong bá-tánh biết ai hữu chí.
 Ta chịu lệnh Tây-Phương thọ ký,
 Gìn Nghiệt-Long đặng cứu dương-trần.
 Nên ra đời dạy-dỗ ân-cần,
220. Khuyên bá-tánh vạn dân liệu lấy.
 Khổ với thảm ngày nay có mấy,
 Sợ mai sau dòm thấy bay hồn.
 Trừ tà-gian còn thiện chỉ tồn,
 Cảnh sông máu núi xương tha-thiệt.
 Trần với thế bây giờ nào biết,
 Chừng nhìn xem hư thiệt mới tường.
 Ta bây giờ tu-niệm tâm thường,
 Sau danh thể xạ hương khắp chốn.
 Nhà giàu có xài không sợ tốn,
230. Phải để tiền cho kẻ nghèo nàn.

231. Lo ăn xài trà rượu xinh-xoàng,
Chùng khỏ-não phàn-nản căn số.
Lời truyền sấm như bài toán đố,
Ai biết tâm thì đặng hưởng nhờ.
Ta khuyên tu dân cứ mãi ngờ,
Sợ gạt chúng kiếm xu kiếm cắc.
Bị ngoại quốc bán hàng quá gắt,
Nên dân ta chịu chữ cơ-hàn.
Ta Khùng Điền của cải chẳng màng,
240. Miễn lê-thứ được câu hạnh-phúc.
Cờ thế-giới ngày nay gằn thúc,
Nên Phật Tiên phải xuống hồng-trần.
Chùng lao-xao ác thú non Tần,
Thì Nam-Quốc lương-dân mới biết.
Nay dạy thế cậ cùng ngòi viết,
Vớ xác trần du-thuyết ít hàng.
Ai nói chi Ta cũng chẳng màng,
Sau biết đặng dân đừng có tiếc.
Con phù-du hẫng-hờ nào biết,
250. Thấy bóng đèn thì quyết chun vô.
Thảm-thương thay chết héo chết khô,
Nhìn đèn nọ thấy mờ phù-dũ.
Kệ khuyên trần đã mãn mùa thu,
Đeo danh lợi như con vật ấy.
Giống xe cát biển đông thường thấy,
Tên dã-tràng rất ủng công-trình.
Khi nước ròng nhờ lúc bình-minh,
Lúc nước lớn cát kia tan rã.
Trần phú-quí thì trần thông-thả,
260. Chớ còn Ta cứ khổ lao hoài.

261. Viêt kê-cơ giảng dạy ít bài,
 Mặc lê-thứ làm không tự ý.
 Cõi rồi phải nhận cho hiểu lý,
 Câu huyền-sâu của kẻ Khùng này.
 Bởi chữ Khùng của Phật của Thầy,
 Chớ chẳng phải của người lã trí.
 Mê với tỉnh nhận ra là lý,
 Thấy dương-trần ngủ mãi ngủ hoài.
 Thức dậy mà tầm Đạo kiếm bài,
270. Đề thi-cử khỏi mang tiếng rớt.
 Sách khuyến-thiện miệng kêu không ngớt,
 Mà nào ai có thức dậy tầm.
 Ta nghĩ suy cũng bắt hổ thềm,
 Nên than-thở cùng trần ít tiếng.
 Tâm sáng-suốt như đài nguyệt-kiến,
 Tánh trong như nước bích mùa xuân.
 Nếu không tu chùng khổ cũng ung,
 Đừng có trách sao không chỉ bảo.
 Từ nhỏ tuổi đến người trưởng lão,
280. Mắc trong vòng sanh-tử luân-hồi.
 Xuống Diêm-Đình thấy tội hỡi ôi !
 Đó mới biết có nơi địa-ngục.
 Kỳ xả tội nay còn một lúc,
 Sao chẳng tu đặng có hưởng nhờ.
 Gặp giảng kinh trần cứ làm ngờ,
 Trông bông kiếng giống chi hưởng này.
 Địa-ngục cũng tại Tâm làm quấy,
 Về thiên-đàng Tâm ấy tạo ra.
 Cái chữ Tâm mà Quỷ hay Ma,
290. Tiên hay Phật cũng là tại nó.

291. Tu với tỉnh biết làm chẳng khó,
Nếu lặng Tâm tỏ-ngộ Đạo màu.
Cảnh dương-gian muôn thắm ngàn sâu,
Ngó vạn vật dài lâu chẳng có.
Sông với núi trước kia mắt ngó,
Khi chết rồi thấy nó đặng nào.
Ai biết đường hãy sớm tẩu-đào,
Kiếm Đạo-lý mà nhờ mà nhờ.
Chịu cay-đắng tu-hành mới giỏi,
300. Ta thương đời len-lỏi xuống trần.
Đạo vô-vi của Phật ân-cần,
Nổi theo chí Thích-Ca ngày trước.
Câu phú-quí Ngài không màng-ước,
Chữ bồ-đề như cội bá-tòng.
Rán dưỡng nuôi chữ đó trong lòng,
Thì là được định chùng diệu-quả.
Lời thuyết-pháp chẳng vì nhơn-ngã,
Người nào đâu có Phật-tánh là.
Xem kệ này như ngọc như ngà,
310. Phải nảy nở như cơn mưa thuận.
Hạ mùa tiết giống kia bất luận,
Thảy mọc mầm trở lá mới màu.
Trông chúng-sanh nghĩ tận đuôi đầu,
Về Cực-Lạc mới là hết khổ.
Đạo với lý từ đây nhiều chỗ,
Phải lọc-lừa cho kỹ mà nhờ.
Chọn nơi nào Đạo chánh phượng thờ,
Thì mới được thân sau cao-quí.
Nhìn Phật-Giáo mà tìm cái lý,
320. Coi tại sao ta phải tu-hành.

321. Vì yêu dân Ta kể ngọn-ngành,
 Khuyên lê-thứ làm lành mà tránh.
 Cảnh Niết-Bàn là nơi cứu cánh,
 Về chôn ni xa lánh hồng-trần.
 Dầu không siêu cũngặng về Thần,
 Nhờ hai chữ trung-quân ái-quốc.
 Chừng lập Hội biết ai còn mất,
 Giờ chưa phân chưa biết chánh tà.
 Ta vì vung sắc-lĩnh Ngọc-Tòa,
330. Đèn Linh-Khứu sơn-trung chịu mạng.
 Nền đạo-đức Ta bày quá cạn,
 Mà dương-gian còn gạn danh từ.
 Làm cho Ta lỡ khóc lỡ cười,
 Khóc là khóc thương người ngu-muội.
 Thấy Diên Khùng làm như sắt nguội,
 Chẳng tranh đương nó lại khinh-khi.
 Ngó về Tây niệm chữ từ-bi,
 Cười trần-thế mê-si thái quá.
 Tranh với luận đặng giành cơm cá,
340. Khuyên-dụ người đặng kiếm bạc tiền.
 Thấy chúng-sanh ghét ngổ ganh hiền,
 Theo chế-nhạo những người tu-tĩnh.
 Tu không tu cũng không mời thỉnh,
 Mặc tình ai trọng-kính hay chê.
 Thương lê-dân còn mắng say mê.
 Chẳng tu-tĩnh cho rành sương nắng.
 Thấy Ta lại nói cay nói đắng,
 Đắng với cay Ta cũng chẳng màng.
 Chừng trần-gian kiến thấy phụng-hoàng,
350. Sè cánh múa chào mừng Phật Thánh.

351. Thấy đạo-lý chớ nào thấy tánh,
Còn ẩn nơi tim óc xác phàm.
Ai biết tri việc phải cứ làm,
Sau mới biết ai Phàm ai Thánh.
Đức Lục-Tổ ít ai dám sánh,
Người dốt mà nói pháp quá rành.
Lựa làm chi cao chữ học hành,
Biết tỏ ngộ ấy là gặp Đạo.
Việc cổ-tích cần chi phải thạo,
360. Chuyện qua rồi kể lại làm gì.
Nếu ai mà biết chữ tu-trì,
Tâm bình-tĩnh được thì phát huê.
Ta yêu chúng viết ra Giảng Kệ,
Khuyên tặng-đồ cùng các tín-đồ.
Nghe cạn lời chớ có mờ-hồ,
Tìm hiểu nghĩa làm theo đức Đạo.
Trần với thế nó hay kiêu-ngạo,
Các nhà sư hãy rán sửa mình.
Nếu xuất gia ngũ-giải rán gìn,
370. Tu chơn-chánh mới không hổ tiếng.
Cả ngàn năm nhọn tâm xao-xuyến,
Sao tu hoài chẳng thấy ai thành.
Bởi chữ tu liền với chữ hành,
Hành bất chánh người đời mới nói.
Bị tặng chúng quá ham chùa ngôi,
Nên tới khuyên khắp chốn cùng làng.
Phật nào ham tượng cốt phết vàng,
Mà tặng tạo hao tiền bá-tánh.
Việc giả-dối từ đây nên lánh,
380. Bỏn-đạo ôi ! hãy rán sửa mình.

381. Cuộc dạy đời Ta lắm công-trình,
 Làm chẳng trọn uổng thay một kiếp.
 Lời chơn-chánh trần hay bỏ liếp,
 Mãi lo làm húng-hiếp người hiền.
 Mà làm cho Ngọc-Đế thăm-phiên,
 Muốn trừng-trị trần-gian thăm-thiết.
 Đức Phật-Tổ tâm Ngài nhưt quyết,
 Tàu Ngọc-Hoàng để Phật dạy trần.
 Nên ra Kinh, Cơ-Giảng nhiều lần,
390. Mà dương-thế chẳng cần xét đến.
 Xác trần-tục như cây cạnh khén,
 Làm hiền hoài ắt phải tiêu mòn.
 Đẽo với bào riết nó cũng tròn,
 Đến chùng đó trông vào rất tốt.
 Lũ giả-dối thường hay thê-thốt,
 Nó chẳng kiêng Thần Thánh là gì.
 Tâm kẻ hung làm chuyện cố lý,
 Chẳng có sợ mang điều tội phước.
 Ghét những kẻ tu-hành bốc-xước,
400. Miệng kêu gào chuyện phước bề ngoài.
 Bước vào chùa thấy Phật lay dài,
 Lui khỏi cửa ra tay cầu-xé.
 Thấy quyền-quí nó hay dựa mé,
 Đặng bợ-bung những kẻ hung-sùng.
 Ta thương đời nói những chuyện cùng,
 Chẳng có vị có dung kẻ quấy.
 Cuộc sám-hồi vô chùa thường thấy,
 Làm gian lừa biết mấy nhiều lần.
 Thấy dương-gian lờng gạt Thánh Thần,
410. Mà chua xót cho đời Nguơn-Hạ.

411. Chữ tự hỏi nào ai có lạ,
Là ăn-năn cải-sửa tâm lành.
Phật chẳng qua dụng chữ tín-thành,
Chớ nào dụng Hương, Đăng, Trà, Quả.
Làm chay đấm tạo nhiều xá-mã,
Bay về Tây nói những chuyện gì ?
Thấy chúng tăng làm chuyện quái kỳ,
Ta khuyên mãi cũng không chịu bỏ.
Lời chơn-chánh hình như nói xỏ,
420. Mà không không nào có biếm đời.
Thấy lạc-lầm khuyên nhủ ít lời,
Chớ nào có gạo chi tăng chúng.
Coi tâm kệ làm theo mới trúng,
Để lạc-lầm lấm bớ tăng-đồ !
Định tâm-thần như mặt nước hồ,
Suy với nghĩ, nghĩ suy đường lối.
Muốn niệm Phật chẳng cần sớm tối,
Ghi vào lòng sáu chữ Di-Đà.
Thì hiện-lương quên mất điều tà,
430. Đặng hạnh-phúc nhờ lòng cố-gắng.
Việc đạo-đức bất cần thôi thẳng,
Chữ tu-hiền ngay thẳng lần hồi.
Thấy Thiên-cơ khó nổi yên ngồi,
Thương lê-thứ tới hồi khổ-não.
Thầy lạc tứ không ai chỉ bảo,
Như vịt con diu-dắt nhờ gà.
Phải nghĩ suy cạn lẽ mới là,
Nay gặp góc phải mau tìm góc.
Để gặp Phật ngồi mà than khóc,
440. Gỡ làm sao hết rối mà về.

441. Mắt nhìn xem yêu quái bốn bề,
 Bỏ ác đức nên không ai cứu.
 Mang thủy ách hồi năm Đinh-Sửu,
 Đến năm nay tái lại một lần.
 Khổ-ách này đặng thức-tỉnh trần,
 Rằng thiên-định tuồng đời sắp hạ.
 Trẻ nhỏ tuổi đời này lãng-mạ,
 Bị văn-minh cảm dỗ loài người.
 Kể từ rày cười một khóc mười,
450. Kéo chúng nó dễ-ngươi Phật Thánh.
 Đạo Qui-Vương rất nhiều chi nhánh,
 Khuyên dương-trần sớm tránh mới mầu.
 Để ngày sau đến việc thăm-sầu,
 Rán nghe kỹ lời Ta mách trước.
 Thuyền chúng nó thặng buồm chạy lướt,
 Lọt ngoài khơi mới hết hò khoan.
 Tu mà ham cho được giàu sang,
 Với quyền tước là tu dối thế.
 Nhớ thuở trước vua Lương-Võ-Đế,
460. Tạo chùa-chiền khắp nước tu-hành.
 Đến chùng sau nọ-tử Đài-thành,
 Phật bất cứu vì tâm còn ác.
 Tu biết cách như đươn biết đất,
 Đươn đất rành đặng dựa Xe-Loan.
 Ai biết nghe thì sớm liệu toan,
 Để đến việc như người thất nghiệp.
 Phải qui căn cùng nhau hội hiệp,
 Rán mau chơn mới kịp Đạo mầu.
 Sớm với chiều gắng chí nguyện-cầu,
470. Thì sẽ được Tòa-Chương dựa kế.

471. Chúng-sanh thể như gà thất thể,
Phải nằm chờ tới nước bắt ra.
Thời-kỳ này nhiều quý cùng ma,
Trời mở cửa Quý-Vương xuống thế.
Nên Ta mới ra tay cứu-tế,
Kẻ chúng-sanh bịnh khổ quá chừng.
Sau Quý-Vương đi đứng nửa lừng,
Thêm tên tuổi chúng-sanh nó biết.
Làm đủ cách xuống lên tha-thiết,
480. Ở ngoài đường nó biết tên mình.
Tin cùng không thì cũng mặc tình,
Chớ Ta lắm công-trình dạy-dỗ.
Hồi thuở trước Thích-Ca Phật-Tổ,
Ngồi tham-thiền bị nó gheo hoài.
Mà cũng không rúng động đặng Ngài,
Nên cố oán phá đời mãi mãi.
Trong bốn-đạo cùng là sư vãi,
Rán bền lòng cho được hiền từ.
Hết khổ lao thì đến vui cười,
490. Chừng đó mới phỉ-tình nguyện-ước.
Bọn gái mới ra đường tha-thuốt,
Bỏ hết tron nề-nếp ông cha.
Khác tánh-tình người cổ nước ta,
Nên phải chịu đờn-đau đủ cách.
Trai với gái rán coi sử sách,
Đứng trung-thần với kẻ tiết-trinh.
Dọn bề trong mới gọi đẹp xinh,
Chớ mang lột bề ngoài chẳng tốt.
Dạy chẳng đặng lòng như lửa đốt,
500. Khấp dương-gian chưa đặng ba phần.

501. Kẻ từ nay Tiên, Phật, Thánh, Thần,
 Lo dạy-dỗ dương-trần chẳng xiết.
 Đúc Thượng-Đế ngự đền Ngọc-Khuyết,
 Nhìn dương-gian cũng luống thờ dài.
 Thấy chúng-sanh trau-tría mặt mày,
 Chớ chẳng chịu trau tâm tría tánh.
 Kẻ đói khó người sang hay lánh,
 Bước lại gần chê lũ tanh-hôi.
 Cõi ta-bà Ta thấy hỡi ôi !
510. Sầu bá-tánh quá nên kiêu-cách.
 Người tàn-tật đui cùi đói-rách,
 Ít có ai để mắt nhìn vào.
 Chuộng những người dù võng sắc màu,
 Cậu với mợ, ông-thầy, cô-bác.
 Thị kẻ khó như rơm như rác,
 Ta quá rầu đài-các văn-minh.
 Mấy ai mà giữ dạ sắt đing,
 Theo Tông-Tổ của mình thuở trước ?
 Đầu với tóc áo quần lảng-murót,
520. Chũ lạnh khôn của quỷ của ma.
 Chớ nó không có giống người ta,
 Ma với quỷ sanh người hung ác.
 Lo tập luyện những câu đờn hát,
 Chớ chẳng lo dạy-dỗ ngu khờ.
 Để cái tâm yên-lặng như tờ,
 Coi Ta nói câu nào bất chánh ?
 Rán bắt chước làm theo Phật Thánh,
 Nếu thiệt người thì biết thương người.
 Thấy kẻ khờ quê dốt ngạo cười,
530. Nào có lấy lời chi chỉ bảo.

531. Ta thương xót lo tần lo tảo,
Chẳng thấy ai rẻ thảo dâu hiền.
Làm cho người Thượng-Cổ thêm phiền,
Rất đau xót cho nòi cho giống.
Biết chùng nào được qui nhứt thống,
Khấp hoàn-cầu dân biết thương nhau.
Nhắc ra thì dạ ngọc đờn-đau,
Không nhắc đến biết đâu dân sửa.
Cơm được chín ta nhờ có lửa,
540. Dân được vui nhờ lúc khải-hoàn.
Phật Như-Lai cho phép Khùng troàn,
Cho bỗn-đạo khắp nơi đặng biết.
Ai chưởi mắng thì ta giả điếc,
Đợi cho người hết giận ta khuyen.
Chữ nhân-hòa ta đề đầu tiên,
Thì đâu có mang câu thù-oán.
Việc hung-ác hễ vừa thấp-thoảng,
Chữ từ-bi ta diệt nó liền.
Sự oán-thù đáp lại chữ hiền,
550. Thì thù-oán tiêu-tan mất hết.
Chữ bạn-tác dầu cho đến chết,
Cũng keo-sơn gắn chặt mới là.
Bước ra đường ăn nói thiệt-thà,
Dầu khôn-khéo cũng là giả đại.
Nếu tranh-đương ắt ta bị hại,
Thêm sa-cơ lại bị xích-xiêng.
Vì đời nay chúng nó dụng tiền,
Ít ai dụng chữ hơn chữ nghĩa.
Theo học Đạo mặc ai mai-mĩa,
560. Ta cũng đừng gây-gỗ với người.

561. Được mấy điều thì đáng vàng mười,
Thiệt hiền-đức có ai mắng chưởi.
Xưa đức Thánh luận bàn cái lưỡi,
Ngài nói rằng các việc tại mây.
Thuận với hòa hay ghét với rầy,
Cũng cái lưỡi làm thầy các việc.
Phải kiếm cách đặng ta trừ tuyệt,
Lấy tâm-thần làm chủ mới mầu.
Cũng chẳng nên theo tánh võ-hầu,
570. Thấy chẳng nói mà nhẩn mà nhướng.
Hãy liệu sức chớ nên nói bướng,
Dầu việc chi liệu lượng mà làm.
Điên Khùng này chẳng có nói xàm,
Nói những chuyện từ-bi bác-ái.
Nếu bôn-đạo còn ai làm sai,
Coi kệ này mình sửa lấy mình.
Ta không tranh mà cũng không kinh,
Cho bá-tánh gièm-pha thỏa chí.
Ai làm phước in ra mà thí,
580. Thì được nhiều hạnh-phúc sau này.
Chôn non xanh dạy-dỗ cáo-cày,
Xuống trần-thế ra tay dắt chúng.
Tới với Ta chớ đem đồ cúng,
Chỉ đem theo hai chữ thành lòng.
Chẳng có cần trà, quả, hương-nồng,
Mong sanh-chúng từ-lòng hối-ngộ.
Kẻ xa-xuôi có lòng ái mộ,
Xem Kệ này tu-tĩnh tại nhà.
Ở ruộng đồng cũng niệm vậ mà,
590. Phật chẳng chấp chẳng nài thời khắc.

591. Chay bốn bữa ấy là quy-tắc,
Của kẻ Khùng chỉ dất chúng-sanh.
Con Phật thì chẳng có khôn-lanh,
Đòi văn-vật khôn ma khôn qui.
Lo trang-sức kim-thời huê mỹ,
Rồi phụ-phàng tục cổ nước nhà.
Trong tâm thì chứa chữ gian-tà,
Chớ chẳng chứa tấm lòng bác-ái.
Học chữ nghĩa cho thông cho thái,
600. Đặng xuê-xang đài-các xe-tàu.
Tiếng chào mừng cửa miệng làm màu,
Trong tâm ý mưu-mô đủ thể.
Ta còn mắc phiêu-lưu dương-thế,
Đạo Lục-Châu đặng cứu bá-gia.
Mặc tình ai xem kệ ngâm-nga,
Hay sửa đổi tùy lòng hư-hỷ.
Thương sanh-chúng tỏ bày quá kỹ,
Hỡi dương-trần nên sớm quày đầu.
Đặng sau xem Phật-pháp nhiệm-mầu,
610. Với báu quý đài-lầu tươi tốt.
Xác Ta vốn là người quê dốt,
Nên mở mang chưa được mấy rành.
Khắp dương-gian như sợi chỉ mảnh,
Mong bỗn-đạo tâm thành trở lại.
Dầu cực-khổ thân này chẳng nại,
Chẳng cần ai bái lạy khấn-cầu.
Bỏ dị-đoan mới thấy Đạo-mầu,
Bớt giả-dối gặp Người Thượng-Cổ.
Gốc thuở trước của Tông của Tổ,
620. Đâu có bày dối-mị như vậy.

621. Những sám truyền xưa của Phật Thầy,
 Dân rán kiếm mà truy thì biết.
 Xưa để lại nhiều câu thăm-thiết,
 Mà nào ai có biết để lòng.
 Chuyện Thiên-Cơ nói rất não-nông,
 Câu hữu lý bá-tòng khó sánh.
 Chốn tựu hội chớ nên léo-hánh,
 Vì lời xưa có dặn rạch-ròi.
 Dân chớ nên phụ bạc giống nòi,
630. Thì lao-lý tâm thân vô ích.
 Phải nhẫn-nhục chờ Người Cổ Tích,
 Phật với Trời phân định cho ta.
 Người xưa tuy ít chữ nô-m-na,
 Chớ chơn-chất người ta ngay thẳng.
 Dạy bôn-đạo lấy câu trung-đẳng,
 Chẳng nói cao vì sắp rớt đời.
 Đáng nam-nhi ản-nhẫn tùy thời,
 Vậy mới gọi khôn-ngoaan hữu chí.
 Ta ra sức viết câu huyền-bí,
640. Chúng dân ôi ! rán kiếm rán tìm.
 Giống thú kia là loại sanh cầm,
 Mà còn biết kiếm tầm đạo-đức.
 Thú-vật biết tu-hành nào-nức,
 Còn người sao chẳng rút hồng-trần ?
 Việc tu-hành phải vẹn nghĩa ân,
 Kinh với Sám chúng dân thường thấy.
 Chữ Bát-Chánh rõ ràng trong giấy,
 Là chơn truyền của Đức Thích-Ca.
 Người tu-hành cần phải tìm ra,
650. Cho dân biết mục đầu Chánh-Kiến.

651. Trí linh-mẫn nhìn xem các chuyện,
Phải dừng cho lắm-lạc nẻo tà.
Dầu việc người hay việc của ta,
Nên phán-đoán cho tường cho tận.
Tội với phước xét coi nhiều bận,
Mới khỏi làm tà-kiến đem vào.
Chánh Tư-Duy mục ấy thanh-cao,
Hãy tưởng nhớ những điều đáng nhớ.
Trên cùng dưới dầu thầy hay tớ,
660. Cũng tưởng điều trung-chánh mới mau.
Việc vui say mèò-mả đâu đâu,
Hãy dẹp gác nhớ câu Lục-Tự.
Câu Chánh-Nghiệp cũng là quá bự,
Dầu nghề chi làm việc ngay đường.
Ta đừng nên theo kẻ bất lương,
Học ngón xảo để lừa đồng loại.
Chánh Tinh-Tấn dầu thành hay bại,
Cứ một đường tín-ngưỡng của mình.
Dầu cho ai phá rối đức tin,
670. Ta cũng cứ một đàng đi tới.
Mục Chánh-Mạng chúng-sanh ơi hỡi,
Cho hồn-linh cai-quản châu-thân.
Lấy chơn-nhơn dẹp tánh phàm-trần,
Mới có thể mong về Cực-Lạc.
Câu Chánh-Ngữ lòng son ghi tạc,
Tiếng luận bàn ngay ngăn tỏ tường.
Nói những điều đức-hạnh hiền-lương,
Chớ thêm bớt mà mang tội-lỗi.
Việc tráo-chác ấy là nguồn cội,
680. Lời xảo ngôn do đó mà ra.

681. Kinh-nghiệm rồi Ta mới diễn ca,
 Câu Chánh-Niệm thiết-tha nhiều nổi.
 Khi cầu nguyện đừng cho phạm lỗi,
 Phải làm tròn các việc vẹn toàn.
 Dân chớ nên làm bướng làm càn,
 Trong lúc ấy niệm cho lấy có.
 Mục Chánh-Định thiết là rất khó,
 Giữ tâm lòng bất động như như.
 Cho hồn-linh yên-lặng an-cư,
690. Thì mới được huần-nguyên phản-bổn.
 Tà với chánh còn đương trà-trộn,
 Người muốn tu phải sớm lọc-lừa.
 Tứ-Diệu-Đề ai có mến ưa,
 Thì Lão cũng kể sơ thêm nữa.
 Chữ Tập-Đề nay đã mở cửa,
 Đề đem vào khuôn-khổ người hiền.
 Rán cực lòng một bước đầu tiên,
 Sau mới được làm nên Phật Thánh.
 Về Thượng-Giải cõi Tiên mới bảnh,
700. Đến Diệt-Đề trừ vật-dục xưa.
 Cõi hồng-trần các việc mến ưa,
 Sự giả tạm ta nên rút bỏ.
 Muốn tâm tánh ngày kia sáng tỏ,
 Thì Khổ-Đề phải chịu nhọc-nhàn.
 Lòng dục tu thì phải thiết-hành,
 Chớ đừng có ham điều sung-sướng.
 Đức Phật-Tổ nào đâu hẹp lượng,
 Chịu nhọc-nhàn mới rõ Đạo-Đề.
 Thấy một đàng thẳng-bằng mà mê,
710. Ôi chừng đó mới là mầu-nhiệm.

711. Mùi đạo diệu chúng dân rán kiếm,
Trễ thời kỳ khó gặp đặng Ta.
Rồi hành luôn Bát-Nhẫn mới là,
Thì muôn việc đều an bá tuế.
Chữ thứ nhứt Nhẫn-Năng-Xử-Thế,
Là người hiền khó kiếm trong đời.
Lập thân danh tuần trải nơi nơi,
Chờ thời-đại mới là khôn khéo.
Chữ Nhẫn-Giải trì tâm trong treo,
720. Khuyên dương-trần giữ phận làm đầu.
Nhẫn-Hương-Lân cùng khắp đầu đầu,
Trên cùng dưới đều hòa ý hỉ.
Nhẫn-Phụ-Mẫu gọi trang hiền sĩ,
Phận xướng-tùy chồng vợ nhịn nhau.
Nhịn xóm-chòm cô bác mới cao,
Nhẫn-Tâm nọ ngày ngày an-lạc.
Nhịn tất cả những người tuổi tác,
Nhẫn-Tánh lành yên-tĩnh dài lâu.
Giữ một lòng hiền-hậu mới mầu,
730. Quanh năm cũng bảo toàn thân-thể.
Chữ Nhẫn-Đức kẻ ra luôn thể,
Thì trong đời vạn sự bình an.
Chữ Nhẫn-Thành báu-quí hiển-vang,
Khắp bá-tánh được câu hòa-nhã.
Câu đạo-đức bay mùi thơm lạ,
Muôn ném thì phải rán suru tâm.
Các Đạo tà mưu khéo âm thầm,
Dân rán tránh kéo lâm mà khổ.
Chúng nó xuống khuyên răn nhiều chỗ,
740. Dùng phép mầu lòn mắt chúng-sanh.

741. Ai ham linh theo nó tập-tàn,
 Sa cạm-bẫy khó mong sống-sót.
 Ta chẳng phải dùng lời chuốt-ngót,
 Mà làm cho dân-chúng say mê.
 Nẻo chánh tà biện luận nhiều bề,
 Cho bá-tánh tìm nơi cội-gốc.
 Lựa cho phải kẻo xưa danh mộc,
 Đùng để làm thợ khéo sơn da.
 Thì sau này đến lúc phong-ba,
750. Đông gió lớn cột kèo khỏi gãy.
 Thấy sanh-chúng nhiều người khờ dại,
 Chẳng biết gìn phong-hóa lễ-nghi.
 Nên Ta đem đạo-đức duy-trì,
 Gìn tục cổ để người chẳng rã.
 Còn chậm-chạp Đạo-mâu chưa tỏ,
 Như rừng hoang mới dọn một đường.
 Tớ với Thầy nào quản thân lơn,
 Muốn cứu thế sá chi bần-trịn.
 Thương quá sức nên Ta bịn-rịn,
760. Quyết độ đời cho đến chung thân.
 Nếu thế-gian còn chón mê-tân,
 Thì Ta chẳng an vui Cực-Lạc.
 Dạy bỗn-đạo lấy lời đích-xác,
 Mà chẳng tu là bởi không ưa.
 Chớ nước sâu mà bị gàu thừa,
 Dân đông-đảo lời truyền chẳng xiết.
 Nên phải tạm mượn cây ngòi viết,
 Đem Đạo mầu như hạn cho mưa.
 Đặng tỏ-trần tâm ý Người Xưa,
770. Chữ thậm thâm trong kinh Phật-Giáo.

771. Nền chơn-ly chúng chê rằng lão,
Mà nào Ta có lợi-dụng ai.
Trong bá-gia nhiều ít lòng chay,
Để giữ trọn trong nền Phật Pháp.
Gìn giới cấm sửa tâm ô-tạp,
Niệm Phật thì phải dẹp lòng tà.
Nhớ từ-bi hai chữ ngâm-nga,
Dầu làm lụng cũng là trì chí.
Chờ Thiên-Địa châu-nhi phục-thỉ,
780. Như đời xưa có gã Tử-Phòng.
Xem thời cơ người đã rõ thông,
Dùng tôi thiếu mà an bá-tánh.
Đời vật-chất văn-minh tranh-cạnh,
Chữ lợi quyền giựt-giết lẫn nhau.
Động lòng hiền chư Phật đốn đau,
Cho kinh sám dạy răn trần-thế.
Nhìn thấy chuyện gạo châu củi quế,
Nghèo bạc vàng đạo-đức cũng nghèo.
Ta xuống trần nhằm lúc nạn eo,
790. Nên phải bị kẻ hung khinh-bỉ.
Vì bác-ái nên thân Cuồng-Sĩ,
Phải chịu điều khổ hạnh sâu-xa.
Mong cho đời gặp lúc khai-ca,
Trong bốn biển thái-bình mới toại.
Phật, Tiên, Thánh, lòng nhọn hà-hải,
Những ước-ao thế-giới hòa-bình.
Nên khuyên đời truyền-bá sử-kinh,
Cho sanh-chúng sửa mình trong sạch.
Giàu đổi bạn khinh-khi kẻ rách,
800. Là những câu trong sách Minh-Tâm.

801. Tánh kẻ sang đời vợ nào làm,
 Thánh-nhơn để nhiều câu hữu-ly.
 Có mấy kẻ ăn-năn xét kỹ ?
 Mãi ý tài chê bướng chê càn.
 Thì ngày sau đừng có trách than,
 Những tội-lỗi của mình tạo lấy.
 Bị háo-thắng việc người không thấy,
 Rồi mắng lo gièm-siêm nhiều lời.
 Vì vậy nên tình nghĩa xe loi,
810. Đâu gần-gũi mà tường diệu lý.
 Trong Lục-Tĩnh ai là người trí,
 Mau thức thời tìm Đạo nhiệm-sâu.
 Khuyên dân đừng chia áo rẽ râu,
 Phải hợp-tác gieo trồng giống quý.
 Coi rồi phải thân mình tự trị,
 Chẳng độ xong Phật khó dất-dìu.
 Thả thuyền Từ bến Giác nâng-niu,
 Kẻ hiểu Đạo mau mau bước xuống.
 Việc trải qua như mây gió cuốn,
820. Nhìn cuộc đời ngày tháng trôi đưa.
 Trời sáng ra kể lại thấy trưa,
 Năm cũ đó rồi qua năm mới.
 Mười hai tháng mà còn mau tới,
 Thì tuồng đời cũng chóng đổi thay.
 Chũ phù-vân phú-quí nay mai,
 Luân với chuyển đời qua đổi lại.
 Cõi Ta-Bà mấy ai tồn-tại,
 Sống dư trăm như tuổi lão Bành.
 Đời Hạ-Nguon hay chết tuổi xanh,
830. Như thuở trước Nhan-Hồi còn trẻ.

831. Miễn cho được ngày hai com tẻ,
Buổi bàn hàn đặng có tu-thân.
Nhờ ơn Trời ban-bổ đức ân,
Xem chung cuộc Phong-Thần tại thế.
Xử những kẻ hung-hăng tội-tệ,
Thưởng những người trung nghĩa vẹn toàn.
Ra Kệ này hai chữ bảo-an,
Cho trần-thế được tâm thanh-tịnh.
Ngọc báu quý ẩn trong Nam-đỉnh,
840. Muốn tìm kim đáy biển gắng công.
Thấy dân tình luống những ước mong,
Gặp giống tốt hãy mau cày cấy.
Ai có nói Ta là người quấy,
Ta cũng cam bụng chịu tiếng lời.
Tỏ ít câu cầu chúc cho đời,
846. Mong bá-tánh vạn dân giải-thoát.



QUYỂN NĂM

KHUYẾN THIỆN

LỜI KHUYẾN THIỆN CỦA ÔNG VÔ DANH CƯ-SĨ

KHUYẾN THIỆN

Lời khuyến-thiện của ông « VÔ-DANH CƯ-SĨ »



*Đây là quyển thứ năm mà
Đức Thầy đã viết năm 1941
tại Chợ-Quán (776 câu).*

1. **B**ằng tâm ngẫu hứng thừa nhân,
Theo đòi nghiên-bút luận bàn Tục, Tiên.
Ta là cư-sĩ canh điền,
Lo nghề cày cuốc cũng chuyên tu-hành.
Xa nơi tranh-đấu lợi danh,
Giữ lòng thanh-tịnh tánh lành trau-tria.
Gắng công trì-niệm sớm khuya,
Thân tuy còn tục tâm lìa cõi mê.
Chí toan gieo giống BỒ-ĐỀ,
10. Kiếm người lương thiện dất về Tây-Phang.
Dạy khuyên những kẻ ngỗ-ngang,
Biết câu Lục-tự gìn đàng Tứ-ân.
Ở trần xử trọn nghĩa-nhân,
Quyết làm tôi Phật gởi thân Liên-Đài.
Cầu cho mối Đạo hoằng-khai,
Cầu cho trăm họ Bồng-Lai được gần.
Sớm về cõi Phật an-thân,
Kéo kiếp phong-trần dày gió dạn sương.
Phật-đài phưởng-phất mùi hương,
20. Cúi đầu đánh lễ cậy nương đức mẫu.
Từ-bi oai-lực nhiệm sâu,
Độ con thoát chốn ưu-sầu trần-ai.

23. Nam Mô Thích-Ca Như-Lai,
Ta-Bà Giáo-Chủ xin Ngài chứng-minh.
Dưới đây lược tả sách kinh,
Cho trong nam nữ hữu tình thì coi.
Lời lành của Phật truyền roi,
28. Đọc qua suy nghiệm xét soi chánh tà.

THI

30. Tiếng kệ từ-bi quá diệu-trầm,
Diệt lòng tham vọng diệt thính-âm.
Trần-gian say-đắm theo màu-sắc,
Tịnh-độ giác-thuyền trị dục-tâm.
Phải rõ nghiệp-duyên trần cấu tạo,
Nghe rành chánh-pháp thoát tà-dâm.
Phù-sanh nhược mộng đời lao khổ,
Tĩnh trí tu-thân khỏi lạc lầm.



40. *Hào-quang chư Phật rọi mười phương,
Đạo-pháp xem qua chớ gọi thường.
Chuyên-chú nghĩ suy từ nét dấu,
Cố công gìn giữ tánh thuần-lương.*

KỆ

44. Lòng quảng ái xót thương nhân chúng,
Buổi ló-lăng Phật-Giáo suy đòi.
Kẻ tu-hành ai nữ yên ngồi,
Mà sớm kệ chiều kinh thông thả.

45. Minh đã gặp con thuyền Bát-Nhã,
 Có lý nào ích-kỷ tu thân ?
 Phật-Tổ xưa còn ở nơi trần,
 Ngài gắng sức ra công hoằng-hóa.
 Nền Đại-Đạo lưu thông khắp cả,
50. Bực tiên hiền đều trọng Phật-gia.
 Rèn dân bằng giáo-thuyết bình-hòa,
 Giống bác-ái gieo sâu vô tận.
 Sau nhằm buổi phong-trào tân-tấn,
 Đua chen theo vật-chất văn-minh.
 Nên ít người khảo xét kệ kinh,
 Được dắt chúng hữu tình thoát khổ.
 Thêm còn bị lăm phen đông-tổ,
 Lời tà-sư ngoại-đạo gieo vào.
 Cho nhờn-sanh trong dạ núng-nao,
60. Chẳng gìn chặt gương xưa mạnh mẽ.
 Dùng thế-lực dùng nhiều mánh-khỏe,
 Cám-dỗ người đặng có khiến sai.
 Chúng nằm không hưởng của hoạnh tài,
 Để khốn-khổ mặc ai trôi kệ.
 Mắt thấy rõ những điều tội-tệ,
 Tai thường nghe lăm giọng ru người.
 Thêm thời này thế-kỷ hai mươi,
 Cố xô sập thần (thánh) quyền cho hết.
 Người nhẹ dạ nghe qua mê-mết,
70. Rằng: nên dùng sức mạnh cạnh-tranh.
 Được lợi-quyền lại được vang danh,
 Bài-xích kẻ tu-hành tác phước.
 Làn sóng ấy nhiều người đón rước,
74. Dục dân tâm sôi-nổi tràn-trề.

75. Cỗ tục nhà phi-báng khinh-chê,
 Cho tôn-giáo là mùi thuốc phịên.
 Ai nếm vào ắt là phải nghiện,
 Chẳng còn lo trang võ đầu chinh.
 Lấy sắc-thân đẹp nổi bất-bình,
80. Bỏ đức-tính của câu nhơn-quả.
 Dầu ai có bèn gan sắt-đá,
 Cũng động lòng trước cảnh ngửa-nghiêng.
 Đạo diệu-mầu gặp lúc truân-chuyên,
 Phận môn-đệ phải lo vun quén.
 Tầm sức nhỏ còn làm nên kén,
 Người không lo có thẹn hay chằng ?
 Cả tiếng kêu cùng khắp chư tăng,
 Vói tín-nữ thiện-nam Phật-Giáo.
 Nên cố-gắng trau thân gìn Đạo,
90. Hiệp cùng nhau truyền-bá kinh lành.
 Làm cho đời hiểu rõ thanh-danh,
 Công-đức Phật từ-bi vô lượng.
 Đồng đẹp bớt âm-thinh sắc-tướng,
 Lo chân-hung Phật-Pháp mới là.
 Nói cho đời hiểu Phật Thích-Ca,
 Lòng tự-giác xả-thân tâm Đạo.
 Ta cũng chẳng hoàn-toàn thông-thạo,
 Nhưng phân cùng bổn-đạo xa gần.
 Có một điều già trẻ ân-cần,
100. Là phải biết nguyên-nhân Phật-Giáo.
 Hồi thế-kỷ khoáng trong thứ sáu,
 Trước kỷ-nguyên tây-lịch thời xưa.
 Pháp-Giáo chưa biệt-lập tam thừa,
104. Thuở Trung-Quốc nhà Châu Chiêu-Đế.

105. Bên Ấn-Độ thành Ca-Tỳ-La-Vê,
Có đức vua Tịnh-Phạn nhơn-từ.
Khắp thần dân lạc-nghiệp an-cư,
Trên chúa thẳng tôi ngay phò tá.
Đức Hoàng-hậu Ma-Da phong-nhã,
110. Sắc đẹp dường ngọc thốt hoa cười.
Một hôm kia vẽ mặt vui tươi,
Đến trước bệ râu cùng Thánh-thượng.
Rằng: Thần-thiếp nhờ ơn chung hưởng,
Của hoàng-gia cũng được vinh-quang.
Kể từ nay thiếp muốn an-nhàn,
Dưỡng tâm-trí lần xa thế trước.
Chẳng phiền kẻ hầu sau đón trước,
Chỉ trừ người ý hiệp tâm đầu.
Xin một điều ở chốn long lâu,
120. Tập đức tánh khoan-dung đại-độ.
Tránh tất cả những điều thô-lỗ,
Chẳng ưa gần kẻ bạo ngang-tàng.
Thiếp cúi đầu ngưỡng-vọng Thiên-nhan,
Phê cho thiếp những điều xin ấy.
Vua nghe xong vội-vàng đứng dậy,
Bèn chuẩn-y tỏ ý vừa lòng.
Bà râu thêm ở trước đền rồng,
Xin Thánh-thượng bao-dung kẻ khó.
Lòng yêu dân ví như con đỏ,
130. Tội giảm tha, đỏi giúp cơm tiền.
Cứu dân nghèo trong lúc đảo điên,
Lấy đức rộng bủa trong bá-tánh.
Vua hứa chịu giúp người đỏi lạnh,
134. Bà lui về cung-điện nghỉ-ngơi,

135. Đêm trăng thanh gió mát thanh-thoi,
 Tiết hòa-thuận khắp nơi hoa nở.
 Đức Hoàng-hậu trong lòng hớn-hở,
 Giác chiêm-bao Bà thấy lạ-lùng.
 Bạch-tượng từ ở chốn không trung,
140. Bồng sa xuống mình Bà hồi-hả.
 Vừa tỉnh giấc mơ tiên mới lạ,
 Khắp phòng-huê thơm nức mùi hương.
 Bà rảo chơn bèn bước ra vườn,
 Truyền thị-vệ thỉnh vua lai đáo.
 Vua y lời đến nơi hoa thảo,
 Lại gần Bà sao rất quái-kỳ.
 Tay chơn bèn run-rẩy một khi,
 Muốn quì xuống mắt dường tăm-tối.
 Tiếng Thần Tiên trên không ca trối,
150. Rằng ta mừng vua hữu thiện-căn.
 Sắp có con thế-giới chẳng bằng,
 Sau người ấy lập nên Đạo cả.
 Vua nghe xong cúi đầu bái tạ,
 Liền phán cùng Hoàng-hậu Ma-Da.
 Có việc chi vội-vã dời ta,
 Khá nói lại đầu đuôi tường tất.
 Bà thuật rõ chiêm-bao trong giấc,
 Xin vua vời ít kẻ bàn giùm.
 Các thầy bàn được lệnh vào cung,
160. Nghe xong-xả tâu rằng diễm quý.
 Ngày thám-thoát đông qua hạ chí.
 Bà trở sanh Thái-tử đẹp tươi.
 Mặt trang-nghiêm khí-phách hơn người,
164. Vua cùng khắp thần-dân mừng rỡ.

165. Họ Thích-Ca từ đây cũng ngở,
 Sẽ có người nối nghiệp hoàng-gia.
 Liền đặt tên là Sĩ-Đạt-Ta,
 Cả triều-chính treo hoa yển-âm.
 Có nhà sư cách thành mấy dặm,
170. Thường ở ẩn trong sạch hiền-từ.
 Lòng thẳng ngay chẳng có vị tư,
 Đòi thanh-tĩnh gìn theo Đạo-lý.
 Ông lại được Thần Tiên dẫn chỉ,
 Hiểu thiên-cơ thấu mỗi diệu-huyền.
 Ông là người Bà-la-môn tiên,
 A-Tư-Đà tiên hiền tên lão.
 Thời buổi ấy vua ưa người Đạo,
 Bèn vào châu tâu trước bệ rồng.
 Xin vua cho ông bước vào trong,
180. Được yết-kiến Tử-hoàng luôn thể.
 Ông xem xong bỗng liền sa lệ,
 Vẻ mặt buồn chẳng thốt ra lời.
 Thấy lạ-lùng vua bước đến nơi,
 Liền phán hỏi bảo ông phân rõ.
 Trước cung-điện ông liền bày tỏ,
 Rằng Tử-hoàng chùng được thành non,
 Lìa đền-đài khổ-cực chẳng sờn,
 Tìm Đạo-lý dất-dìu sanh-chúng.
 Ngài sẽ được thế-gian ca tụng,
190. Chắc phần Ngài quả Phật vẹn tròn.
 Buồn vì tôi tuổi lớn sức mòn,
 Chẳng sống đặng nghe lời Phật thuyết.
 Cả hồng-trần đau-thương thống-thiết,
194. Nhờ Ngài mà diệt nẻo luân-hồi.

195. Vô phước nên tui bầy phận tôi,
 Chớ chẳng có điều chi lo ngại.
 Đức Hoàng-hậu đến ngày thứ bảy,
 Dứt nợ trần nên vội qui tiên.
 Có bà di thay thế mẹ hiền,
200. Giùm sẵn-sóc trông-nom Thái-tử.
 Khi lớn lên cho người dạy chữ,
 Lúc vào trường chẳng học mà thông.
 Buổi trưởng thành vua vẫn hằng mong,
 Cho Thái-tử đừng lia cung-điện.
 Hội triều-đình các quan lựa tuyền,
 Nàng Du-Gia được chọn kết hôn.
 Vua nghĩ rằng muốn tâm yên-ổn,
 Chọn cung-phi mỹ-nữ làm trò.
 Cát đèn-đài lộng-lẫy đẹp to,
210. Ngày ca múa đêm bày lời-lả.
 Lòng Thái-tử cũng không xiêu-ngả,
 Ra khỏi đèn du ngoạn một khi.
 Buổi đầu tiên gặp những chuyện gì,
 Gặp cụ lão tay nương gây chống.
 Ngài xem qua lòng bèn cảm-động,
 Lần thứ hai thấy kẻ ốm đau.
 Xét cõi trần trong dạ héo-xào,
 Chi xiết nổi núng-nao cõi tạm.
 Lần thứ ba xe lia khỏi trạm,
220. Được trông nhìn kẻ chết đang khiêng.
 Về đèn-đài cảm xúc buồn riêng,
 Hằng để trí tâm phương giải-thoát.
 Lần thứ tư vừa đi đạo mát,
224. Bỗng gặp người tốt đẹp trang-nghiêm.

225. Nào dè đâu Trời đã ứng điềm,
Giả tăng-sĩ gọi lòng Thái-tử.
Ngài hiểu rõ ấy là phận-sự,
Phải xuất gia tầm Đạo mau mau.
Liên quày xe trở lại lai trào,
230. Xin Vương-phụ lánh xa mùi thế.
Vua buồn thảm dùng lời khóc kể,
Rằng: Cha già biết cậy nhờ ai.
Khuyên con nên ở chốn điện-đài,
Lo nối nghiệp sau tu chẳng muộn.
Lòng Thái-tử quyết theo ý muốn,
Thừa đêm khuya lén trốn vào rừng.
Lìa cha già, vợ đẹp, con cung,
Thân chẳng sá xông pha bờ bụi.
Ngài thưở ấy nên mười chín tuổi,
240. Tâm đại-hùng cương-quyết tu-trì.
Trải bao phen lao khổ xiết chi,
Sau Ngài đến Rạch-Ni Liên-Thuyền.
Thấy cỏ hoa cảnh bắt tham-thiền,
Ngồi khổ-hạnh sáu năm bên ấy.
Đạo gần đắc Ma-Vương theo khuấy,
Dùng thần-thông nghị-lực dẹp tan.
Ấy mới vừa đắc Đạo hoàn-toàn,
Và lần bước phô-trưng độ chúng.
Ngài bèn xét ở trong Phật chủng,
250. Các chúng-sanh đều có như Ta.
Bị vô-minh vọng-tưởng vạy-tà,
Nên quây lộn Ta-bà cõi khổ.
Lòng thương chúng thuyết phương Tịnh-độ,
254. Đặng dắt-dìu tất cả chúng-sanh.

255. Nếu như ai cố chí làm lành,
 Chuyên niệm Phật cầu sanh Phật-quốc.
 Cả vũ-trụ khắp cùng vạn-vật,
 Dầu Tiên, Phạm, Ma, Quỷ, Súc-sanh.
 Cứ nhứt tâm tín, nguyện, phụng-hành,
260. Được cứu-cánh về nơi an-dưỡng.
 Chỉ một kiếp Tây-phương hồi hương,
 Thoát mê-đồ dứt cuộc luân-hồi.
 Xét cõi trần sông khổ giạt-trôi,
 Vô lượng thứ ở trong thế-giới.
 Lời Phật thuyết Ta xin nhắc lại,
 Ta-bà khổ, Ta-bà lắm khổ.
 Có bao người xét cho tột chỗ,
 Tịnh-độ vui, Tịnh-độ nhàn vui,
 Cảnh thanh-minh sen báu nặc mùi,
270. Nào ai rõ cái vui triệt đáo.
 Vì phần Ta rất yêu-mến Đạo,
 Chẳng nệ chi trí siển tài sơ.
 Lấy lời xưa kết lại ít tờ,
 Cho thiện-tín rồi nhàn xem-xét.
 Dứt mê tâm dứt điều hờn ghét,
 Rán cần-chuyên niệm Phật làm lành.
 Thường trau-giồi chí-hướng cao-thanh,
 Cho khỏi thẹn con lành Phật-Giáo.
 Đức Thích-Ca từ xưa dạy bảo :
280. Khổ Ta-bà nhiếp lại tám phần.
 Bởi chúng-sanh mang lấy xác thân,
 Khổ thứ nhứt sự Sanh là gốc.
 Vào bụng mẹ chung quanh bao-bọc,
284. Có khác nào ở chốn ngục tù.

285. Buổi mẹ đau huyết kiệt hình thu,
 Lúc mẹ đói đường treo lỏng-bồng.
 Ta kể sơ những điều bi-thống,
 Mẹ no cơm chậ-chội khó-khăn.
 Khi ra đời đau-đớn vô ngần,
290. Cát tiếng khóc ném mùi dương-thế.
 Đoạn Lão khổ thứ nhì xin kể,
 Từ trẻ thơ đến tuổi thành nhân.
 Hết tráng-cường đến lúc mòn thân,
 Răng lùn rụng lưng cong gối mỏi.
 Nằm đi đứng đỡ nung chông chỏi,
 Thử nghĩ coi lao nhọc cùng chằng ?
 Đoạn thứ ba ma Bệnh làm nhặng,
 Đeo hành phạt xác thân ô-úế.
 Bởi thời-thế chuyển xây biên-thế,
300. Thêm uống ăn chẳng được điều-hòa.
 Là nguyên-nhân căn bệnh phát ra,
 Thân trần-trọc hôn-mê nhưc-nhối.
 Cơn bệnh hoạn càng không tránh nổi,
 Còn mang thêm tật nọ tật kia.
 Rồi từ đây đến lúc chia lìa,
 Đoạn Tử khổ thứ tư phân giải.
 Trên dương-thế hữu hình tắc hoại,
 Có sanh ra khổ-hải đâu chừa.
 Trải bao phen dải gió dầm mưa,
310. Ngày kiệt sức huyền-thân tan nát.
 Gần hấp-hối tâm-thần xao-xác,
 Trí vẩn-vơ kinh-sợ vô cùng.
 Rồi mòn lặn đến lúc lâm-chung,
314. Giã cối tạm theo đường tội phước.

315. Nhiều phương thuốc ngừa sau ngăn trước,
 Mà cũng không thoát luật tuần-huòn.
 Dầu ân nơi cùng cốc thâm sơn,
 Chẳng trốn lánh tử-thần cho khỏi.
 Đoạn thứ năm nghĩ suy tìm-tỏi,
320. Cầu chẳng thành những việc thích-ham.
 Người trên đời ai cũng lòng tham,
 Muốn phước, thọ, phẩm, hàm, tiền của.
 Nào vợ đẹp, hầu xinh, là-lụa,
 Không được thì bực-tức ưu-phiền.
 Cả tâm thần điều-đứng đảo-điên,
 Vậy có phải khổ hay là chẳng ?
 Đoạn thứ sáu Biệt-Ly cay đắng,
 Người mình thương bỗng lại chia lìa.
 Khi khóc than nước mắt đầm-đìa,
330. Lúc trông nhớ ruột tằm chua-xót.
 Ở thế-gian mấy ai thoát lọt,
 Nợ gia-đình đeo đấm căn-duyên.
 Con nguy nghèo thân-thể truân-chuyên,
 Kẻ lưu-lạc người chờ trông mãi.
 Cuộc tan hiệp, hiệp tan ân-ái,
 Đến xong đời để lại sầu-ưu.
 Cái khổ này dầu lấm trí mưu,
 Cũng chung chịu như người tắm-tối.
 Đoạn thứ bảy khổ Oan-Tắng-Hội,
340. Hễ thương nhau tất có ghét nhau.
 Thường tranh-đua tiếng thấp lời cao,
 Chẳng nhẫn-nhịn thành ra cừ oán.
 Muốn tránh xa đừng trông tấm dạng,
344. Cứ gặp nhau mắt tựa kim châm.

345. Làm cho người đau-đớn âm-thâm,
 Khổ như thế diễn ra mãi mãi.
 Đoạn thứ tám Ưu-Sầu lo ngại,
 Cuộc tang-thương dâu bể cảnh trần.
 Nghèo thì lo một nỗi nợ-nần,
350. Lo đau-đói liệu cơn nhà rách.
 Buồn duyên-số phận mình như sạch,
 Rầu gia-đình chúng bạn khinh cười.
 Giàu thì lo chen lấn với người,
 Miễn cho được đầy rương đầy tử.
 Của dương-thế góp tom bảo-thủ,
 Sợ gian-phi trộm cướp rình-mò.
 Lo tước-quyền cho được thom-tho,
 Sợ kẻ khó thiếu tiền chẳng trả.
 Ôi ! cả sang hèn chẳng ai thông-thả,
360. Sao nhơn-sanh cứ mãi đắm say.
 Chẳng tu thân đặng dựa Phật-Đài,
 Cho thông-thả hưởng mùi sen báu.
 Thần-Thức nhập Thai-Sen tinh-hảo,
 Nên khỏi màng lo nỗi khổ sanh.
 Thân thì Thân Công-Đức hiền-lành,
 Bất di-dịch khỏi vì khổ lão.
 Thể Thanh-Tịnh thường không huyên-náo,
 Hết lo toan nắng lạnh gió mưa.
 Khổ bệnh kia bởi đó mà chừa,
370. Ta thoát cuộc lao-đao vì nó.
 Đường sanh-mạng Phật, ta đồng thọ,
 Tánh an-nhiên bất-diệt trường-tồn.
 Tử-thần kia đâu dám dất hồn,
374. Thoát luân-chuyển khỏi đeo khổ tử.

375. Cuộc y thực muốn chi đủ thứ,
 Không nhọc-nhần lo việc sanh-nhai.
 Trí yên nhàn nhìn cảnh Phật-đài,
 Khỏi quả khổ mưu cầu bất đắc.
 Cả Hải-Chúng thấy đều vững-chắc,
380. Toàn dân lành đâu có đấn-đo.
 Dứt ái-ân quyền-thuộc chuyện-trò,
 Thoát sống khổ thương-yêu, ly-biệt.
 Chữ Hòa-Thuận kể sao cho xiết,
 Tâm đồng nhau thương-thiện vui-vây.
 Cảnh như như chẳng có đổi thay,
 Không màng biết phân chia nhơn-ngã.
 Sẵn vị ngôi rành phân thượng hạ,
 Khỏi khổ câu oán ghét gặp nhau.
 Thân tâm thường-trụ hết rạt-rào,
390. Chất thô-trọc tiêu tan mất cả.
 Cõi Tịnh-độ lắm điều thanh-nhã,
 Khổ, buồn, rầu, lo, sợ chẳng còn.
 Chốn Ta-bà tìm lụn dầu mòn,
 Thân tứ-đại của người cũng thế.
 Mau thức-tỉnh tu-thân kéo trễ,
 Đến tội rồi mới hối muộn màng.
 Chi cho bằng ta sớm lo toan,
 Gìn giới-luật nghe Kinh trọng Phật.
 Đến lâm-chung quả lành đâu mất,
400. Cõi Tây-Phương chừ Phật đợi chờ.
 Việc tu thân thiện-tín hằng-hờ,
 Chùng họa đến e cho khó tránh.
 Môn Tịnh-độ là phương cứu-cánh,
404. Rán phụng-hành kéo phụ Phật xưa.

405. Lòng từ-bi chẳng quản nắng mưa,
 Xông thuyền giác rước đưa sanh-chúng.
 Trong một nước nhân-tài hữu dụng,
 Kể tu-hành đa phước thì nên.
 Quyết trau thân tánh-hạnh cho bền,
410. Niềm ơn nghĩa toan đền dứt nợ.
 Ao sen báu Tây-phương đưa nở,
 Chờ chúng-sanh niệm Phật chí tâm.
 Rán tu cho qui khiếp thần khâm,
 Được tâm phát Bồ-Đề vững chắc.
 Giữ đưng cho Ma-Vương dẫn-dắt,
 Thường nhớ câu Đại-Lục, Đại-Hùng.
 Thắng Thất-Tĩnh giữ vẹn Đạo-Trung,
 Trừ Lục-Dục chớ cho ô nhiễm.
 Thập-tam Ma diệt bằng trí-kiêm,
420. Rút xong rồi vô sự thành-thời.
 Biển hồng-trần lao-lý diệu-vời,
 Xô đẩy mãi trong vòng Ngũ-Trược.
 Thân hôi tanh muối, ruồi đón rước,
 Thêm nhọt-u, ghẻ-lác, phung-cùi.
 Đâu lúc nào toàn vẹn yên vui,
 Là Kiếp Trược, Ta xin kể trước.
 Dòm việc quấy ngấm điều bạo-ngược,
 Mắt trông vào những chỗ đê-hèn.
 Nào được xem cảnh báu đài sen,
430. Nghĩa Kiến Trược giải ra như vậy.
 Trí vắn-vơ tưởng đó nhớ đây,
 Thiết mưu-kế toan bề thắng-thối.
 Ghi thù oán chường điều đáp đối,
434. Nên ma Phiền-Não Trược đắm say.

435. Chuyển-luân trong nhân-vật các loài,
 Căn mờ-ám làm điều đại-dột.
 Chúng-Sanh Trược, Ta đà kể nốt,
 Còn thứ năm là Mạng Trược trung.
 Số giàu sang, họa phước, bản-cùng,
 440. Giàu hoa-nguyệt thung-dung cầu-thả.
 Ưa đẹp mắt mền điều mới lạ,
 Sang oai-quyền, hối-lộ gần xa.
 Nghèo a-dua, bợ-đỡ nịnh tà,
 Khó trộm-cướp cũng là nhơ xấu.
 Nguyên cùng Phật dứt duyên trần-cấu,
 Phải trừ thêm Thập-Ác huyền thân.
 Khuyên nữ nam suy-nghiệm ân-cần,
 Ác nơi khẩu nhứt là Luỡng-Thiệt.
 Với người này dùng lời tha-thiệt,
 450. Đến kẻ kia đâm-thọc cho gậy.
 Khá chừa đi hương-đăng bớt rầy,
 Dùng sự thiệt giải bày tâm trí.
 Người choảng nhau tại mình gia vị,
 Mà cũng không hưởng được lợi danh.
 Sau rõ ra chúng lại ghét-ganh,
 Chiêu cảm quả bất lành thêm nữa.
 Ác thứ nhì Ý-Ngôn chất-chứa,
 Đợi cho người lầm lỗi xéo vày.
 Cửa tiền nhiều tự phụ rằng hay,
 460. Chủ ý thế nhiếc xài kẻ dưới.
 Lắc-léo chi có ba tác lưởi,
 Quan ý khôn mặt-sát dân ngu.
 Nghèo ý lạnh láo-xược lu-bù,
 464. Ôi ! thấy thế lòng đau tợ cắt.

465. Khuyên bá-tánh giữ gìn cho chặt,
 Đùng để cho qui dất đường cong.
 Dùng từ-ngôn nói tận đáy lòng,
 Dầu trên dưới cũng không mấy khác.
 Chúng vô phước đời này dốt-nát,
470. Người khôn-ngoan chỉ-dẫn mới là.
 Lời trang-nghiêm êm-ái thốt ra,
 Đùng bao-biếm mới là nhờn-thiện.
 Tới Ác-Khẩu thứ ba bày-biện,
 Tiếng tục-tần thô-lỗ hung-hăng.
 Nào chưởi cha, mắng mẹ lảng-xăng,
 Chẳng kể đến luân-thường thảo-hiếu.
 Hăm đánh giết những người hèn yếu,
 Hiếp xóm-chòm cô bác chẳng kiêng.
 Trong gia-đình chưởi rửa liên-miên,
480. Hết Dương-thế kêu sang Thần-Thánh.
 Chẳng kiêng nể Phật Trời thượng cảnh,
 Cõi Long-cung mời thỉnh tối ngày.
 Đời ám-u tội trạng thảm thay,
 Khuyên bá-tánh bá-gia rán bỏ.
 Gương tổ-phụ còn roi lại đó,
 Sao không theo nề-nếp gia-phong.
 Chư Thánh-Thần đâu có mắt lòng,
 Mà kêu réo Đông, Tây, Nam, Bắc ?
 Mấy câu trên toàn là ròng-rặc,
490. Những đàn-bà khe-khắt cháu con.
 Kể từ nay phải giữ cho tròn,
 Không chừa dứt ắt mang tai-ách.
 Lựa lời tiếng dịu-dàng trong sạch,
494. Khi thốt ra đoan-chánh hiền-từ.

495. Tích thiện thì thường có phúc dư,
 Bằng tích ác họa-ương đeo đấm.
 Ác Vọng-Ngũ thứ tư cũng cấm,
 Nói thêm thừa huyền-hoặc đủ điều.
 Ghét người thời kiếm chuyện dệt-thêu,
500. Thương viện lẽ thấp cao bào-chữa.
 Đòi bắt công mảy ai xem sửa,
 Trên điêu-ngoa dưới chẳng phục-tòng.
 Khuyên nhơn-sanh lấy lẽ chí-công,
 Mà ăn ở nói năng chơn-chất.
 Phật từ-bi độ trong nhơn vật,
 Là luật kinh dạy rất tinh-tường.
 Nếu chẳng nghe hồn vương tai-ương,
 Chừng ấy mới kêu mời khó rước.
510. Người dương-thế chẳng ưa bốc-xước,
 Phật Thần nào gần kẻ xảo-ngôn.
 Đã tu-hành đừng có bôn-chôn,
 Tưởng hay giỏi khoe-khoang tài cán.
 Người hiểu rành mới càng thêm chán,
 Chi bằng ta bỏ lối trớ-trêu.
 Nói với ai cũng phải lựa điều,
 Đừng tráo-chác cho người khinh-dễ.
 Ác Tà-Dâm thứ năm càng tệ,
 Chúa hôn-mê chiếm-đoạt thê thần.
 Làm đảo-huyền tất cả quốc-dân,
520. Tôi bất chánh hoàng-cung dâm-loạn.
 Tội-lỗi ấy diễn nhiều thâm trạng,
 Từ xưa nay Trời đất đâu dung.
 Giàu của nhiều dâm hiếp bần-cùng,
524. Quan lẩn thế dâm-ô dân khó.

525. Trai liêu-lĩnh điều này nên bỏ,
 Đừng phá trinh hại tiết nữ nhon.
 Gái lẳng-lơ tiếng huyên lời đờn,
 Hoa có chủ đèo-bồng tình mới.
 Cát tiếng gọi nữ nam ơi hỡi,
530. Bỏ những điều điểm-nhục tông-môn.
 Đứng nam-nhi học lấy điều khôn,
 Lòng trung-hiếu gìn theo đạo-lý.
 Hàng phụ-nữ gương xưa nổi chí,
 Những mẹ hiền dâu thảo roi-truyền.
 Niệm Phật mà gây lấy thiện duyên,
 Cho đẹp mặt Tổ-tiên nòi giống.
 Thờ Phật-Đạo tỉnh cơn ác mộng,
 Thoát mê-đồ thường phóng quang-minh.
 Rán hiểu rành tiếng kệ lời kinh,
540. Ác thứ sáu ấy là Đạo-Tặc.
 Lấy của người sấm ăn sấm mặc,
 Chẳng kể công nước mắt mồ-hôi.
 Phá lương dân dạ luống bồi-hôi,
 Ngày làm-lụng đêm lo gìn-giữ.
 Trốn pháp-luật tập-tàn đủ thứ,
 Nào đào tường, khoét vách, khuân đồ.
 Tội chập-chồng đâu biết ở mô,
 Trốn người khỏi trốn Trời sao khỏi.
 Nay đước huệ Từ-Bi đã rọi,
550. Vào thâm-tâm những kẻ gian-phi.
 Hãy tu thân chừa thói vô-nghi,
 Của phi-nghĩa làm chi xong chuyện.
 Luật nhon-quả thật là cao viển,
554. Suốt cổ kim chẳng lọt một ai.

555. VẬY ta nên làm việc thẳng ngay,
 CỨ bèn chí có ngày thông-thả.
 Ác thứ bảy Sát-Nhơn gây vạ,
 Tánh hung-hăng đâm chém chặt bằm.
 Chết-chứa điều hung dữ trong tâm,
560. Chờ đắc thể ra tay hạ sát.
 Viết đến đây động lòng rào-rạt,
 Gẫm nhiều người bội-bạc thâm ân.
 Nào kẻ chi là đạo Quân-Thần,
 Tôi giết chúa, con đành sát phụ.
 Lúc nguy-cơ tớ mong hại chủ,
 Trò giết thầy tội ấy đáng không.
 Thêm chồng giết vợ, vợ giết chồng,
 Niềm huynh-đệ cùng nhau xâu-xé.
 Cũng hiêm lúc con còn giết mẹ,
570. Giành của tiền cốt-nhục giết nhau.
 Tranh lợi danh giết lẫn đồng-bào,
 Tình nhơn-loại phân chia yểm-bách.
 Giết sanh vật đầy lòng kiêu-cách,
 Tưởng rằng mình như thế là ngoan.
 Khuyên bá-gia bá-tánh việt-đàn,
 Chớ sát-hại mạng người như thế.
 Bớt giết vật đặng mà cúng tế,
 Gẫm Thánh-Thần đâu có tư riêng.
 Rủi ốm đau bởi tại căn-tiền,
580. Hoặc hiện-kiếp làm điều bạo-ác.
 Phải ăn-năn phước điền tạo-tác,
 Lo thuốc thang khăn-vái Phật Trời.
 Nguyện sửa lòng ắt Phật giúp đời,
584. Xuống phước rộng từ-bi hỉ-xả.

585. Đấng Thần-Minh công-bình trực dạ,
Đâu ăn lo đời họa làm may.
Mở tâm linh nghĩ đến đoạn này,
Điều họa phước ấy cơ báo ứng.
Chẳng biết thân còn toan chữa đặng,
590. Quả bắt lành chưa trả vay thêm.
Cầu cho đời sóng lặng gió êm,
Đặng bá-tánh an-nhàn tu-niệm.
Ác thứ tám là lòng Tham-Hiêm,
Muôn bao gồm của thế một mình.
Tham nhà cao, cửa rộng, thân vinh,
Tham vườn ruộng cò bay thẳng kiếng.
Thấy của người thềm khô nước miếng,
Tính làm sao lường-gạt lấy đi.
Sẵn túi tham bất cứ chuyện gì,
600. Dầu xấu tốt cũng là đòn chừa.
Nhớ lời Phật khi xưa dạy sửa,
Của thế-trần như mật dính dao.
Trẻ tham ăn kê miệng liếm vào,
Chùng đứt lưỡi mới là hối-hận.
Tham của tạm làm điều tàn-nhẫn,
Nhắm mắt rồi đâu có mang theo.
Tham tiền tài thường vương nạn eo,
Tham sắc đẹp nhà tan cửa nát.
Lúc tận số nằm trơ một xác,
610. Gỡ kim-tiền bội-bạc bắt tài.
Không làm cho ta được sống dai,
Lại chẳng bước tiến đưa một bước.
Thà nghèo thanh hơn giàu mà trước,
614. Lo vun-trồng cõi phước về sau.

615. Muốn trừ tham phải liệu cách nào,
 Phải bố-thí diệt lòng ích-kỷ.
 Tâm chánh-niệm thường-thường suy nghĩ,
 Vật ở trần (như) bọt nước làn mây.
 Thân ta còn rày đó mai đây,
620. Của ấy cũng khi tan khi hiệp.
 Ác thứ chín Hận-Sân luận tiếp,
 Lửa trong tâm chẳng đốt mà lừng.
 Nổi lôi-đình đầu có định chừng,
 Cho ta biết mà toan giữ trước.
 Tánh sân-nộ thường làm bạo-ngược,
 Nên loài người ở cõi thế-gian.
 Giận hờn nhau thù-oán đẩy tràn,
 Mới có cuộc tranh tài đấu lực.
 Hờn tự-đắc, khoe-khoang đồng sức,
630. Phải bị người hiềm-khích ghét-ganh.
 Thua hỏ-người làm chuyện bất lành,
 Gây nghiệp dữ oan oan tương báo.
 Trong cơn giận kể gì nhọn-đạo,
 Tỷ như con cọp dữ trên rừng.
 Gặp thịt toan cấu xé tưng-bừng,
 Phân từ mảnh mới là thỏa dạ.
 Diệt được nó tâm trần thông-thả,
 Ta thường nên tập tánh khoan-dung.
 Thiệt-hành đi đùng có ngại-ngùng,
640. Tha-thứ kẻ lỗi-lâm ngu-xuẩn.
 Và nhẫn-nhịn đừng ham tranh-luận,
 Khỏi mất lòng tất cả mọi người.
 Tánh thuận-lương vẻ mặt vui tươi,
644. Vậy mới đáng tín-đồ Phật-Giáo.

645. Nay ta đã quy-y cầu Đạo,
Gây-gỗ là trái thuyết từ-bi.
Ác thứ mười đoạn chót Mê-Si,
Nguyên tằm-tối từ hồi vô-thỉ.
Màn vô-minh che mờ căn trí,
650. Nên thường khi nhận ngục làm chơn.
Lo huyễn-thân vật-chất kém hơn,
Chẳng tìm biết tinh-thần đạo-đức.
Dệt lưới nghi đeo điều phiền-phức,
Bị-rịn đời cực-khổ tang-thương.
Khi nói làm ít chịu suy-lường,
Mãi phạm tội nên rằng nghiệp ác.
Diệt mê-si phải nương thuyền giác,
Muôn việc làm chính-trực khôn-ngoan.
Đừng bạ đâu tin bướng nghe càn,
660. Làm ngu-muội đọa thân uổng kiếp.
Ác trừ xong hiện ra thiện-nghiệp,
Lóng nguồn chơn Phật tiếp-dẫn cho.
Trồng cây lành vị-quả thơm-tho,
Tuy không thấy mà sau chẳng mất.
Dầu ai có cười ta khờ-khật,
Cũng đừng phiền xao-lãng chơn tâm.
Mong tiếng kêu thấu đến Tòng-lâm,
Cùng thiện-tín bá-gia hưởng-ứng.
Muôn Phật-Giáo từ đây bền vững,
670. Đừng riêng lo lợi-duỡng một mình.
Nếu xuất-gia thì phải hy-sinh,
Cả vật-chất tinh-thần lo Đạo.
Chớ giả-dối mà mang sắc áo,
674. Mượn bồ-đề chuối hột lòe người.

675. Làm cho dân khinh-dể ngạo cười,
 Tội-lỗi ấy luật nào dung-thứ.
 Tu còn ham chay to đám bự,
 Đặng thế-gian dung cúng bạc tiền.
 Dối rằng: lo tu-bổ chùa chiền,
 680. Mà làm của xài riêng cho thỏa.
 Bảo làm sao dân không sa-ngã,
 Nghe lời rù tông nọ phái kia.
 Cả tăng-đồ trong nước chia-lià,
 Riêng pháp-bảo, riêng chùa, riêng Phật.
 Trong bá-tánh sàu-thành chất-ngất,
 Mãi nghi-nan chẳng biết đảng nào.
 Lòng mên yêu chẳng nệ công-lao,
 Mượn bút mực đôi lời trần-thuyết.
 Tùy thiện-tín hiểu Ta giả thiệt,
 690. Làm hay không chẳng dám ép nài.
 Nguyên mười phương chư Phật đáo lai,
 Đồng tiếp-đẫn chúng-sanh giải-thoát.

KỆ :

693. Đêm thanh hiên nguyệt dựa kê,
 Nhìn xem thế-sự nã-nê tâm-can.
 Từ Ta nương chốn Phật-đàng,
 Dứt tâm trần-cấu chẳng màng vinh-huê.
 Trần-hoàn thiện-tín còn mê,
 Thêm lời giục-thúc gọi về đảng tu.
 Độc lòng vạch ngút mây mù,
 700. Đặng diu bá-tánh đường tu chen vào.

701. Lời Thầy cạn tỏ âm-hao,
Để truyền hậu-thế vàng thau lọc-lừa.
 Tu cầu thuận gió hòa mưa,
An-hòa nhơn-vật phước thừa trời ban.
 Tu cầu thoát chôn gian-nan,
Cầu trong chư quốc chư bang giao-hòa.
 Tu cầu yên nước lợi nhà,
Cửu-huyền Thất-tổ Diêm-La thoát hình.
 Tu cầu Phật hóa tánh tình,
710. Lưới mê chẳng buộc nhẹ mình tiêu-dao.
 Tu cầu cửa Phật đặng vào,
Gót sen thông-thả xiết bao thanh-nhàn.
 Tu cầu bịnh tật tiêu-tan,
Từ-bi hỉ-xả Phật ban phép lành.
 Tu cầu thoát khỏi tử sanh,
Nương theo Phật-quốc lời lành hằng nghe.
 Cõi trần đừng đắm ngựa xe,
Đeo tuồng mộng-huyễn lập-lòe sắc-hương.
 Tu cầu trăm họ hiền lương,
720. Đồng tinh niệm Phật tai-ương chẳng còn.
 Tu cầu gia-đạo vuông tròn,
Chông hòa vợ thuận cháu con thảo hiền.
 Tu cầu thoát khỏi xích-xiềng,
Dựa kê chơn Phật xa miền trần-lao.
 Tu cầu chóng hết binh-đạo,
Gặp đời bình-trị xiết bao vui-vầy.
 Mắt nhìn chư Phật đồng đây,
Thành vàng điện ngọc trò Thầy đặng tiên.
 Ai mà muốn đặng phước-duyên,
730. Nghe lời khuyến-thiện lòng liền phát tâm.

731. Tu cho rõ mối huyền-thâm,
 Qui đầu Phật Pháp khỏi lâm tai-nàn.
 Phước đức quý hơn bạc vàng,
 Những người bạc-ác giàu sang ích gì.
 Chi bằng ăn ở nhu-mì,
 Nghe lời Phật Thánh kính vì người trên.
 Hiếu-trung lòng chớ vội quên,
 Sống lo trọn Đạo, thác lên Tiên-Đài.
 Nam mô miệng niệm hằng ngày,
740. Lánh lời dua-mị học rày kệ kinh.
 Trau tâm luyện tánh cho minh,
 Chuyên lo niệm Phật sửa mình cho tron.
 Lóng tai nghe rõ tiếng đờn,
 Không dây không phím oán hờn cũng không.
 Đờn tây rồi lại đờn đông,
 Trách trong bá-tánh gặp sông quên nguồn.
 Phàm-trần như chỉ rối cuộn,
 Mà còn say-đắm theo tường lẳng-lơ.
 Lời lành mắt lấp tai ngơ,
750. Dưa theo vật-chất hằng-hờ đảng tiên.
 Hồ sâu tình-dục lại ghềnh,
 Ghềnh cho đến lúc chúng khiêng quan-tài.
 Nhắm mắt cũng nắm hai tay,
 Đâu đem tiền của đem rày hầu non.
 Chỉ có tội phước hồi còn,
 Đến nơi thăm-phán cửa son Diêm-Đài.
 Phước nhiều Tiên-cảnh lên rày,
 Tội nhiều sa-đọa nhiều ngày thăm-thê.
 Chùng ấy mới biết chĩnh ghê,
760. Ăn-năn chẳng kịp khó bề tính-toan.

761. Ngày nay sớm đến Phật-đàng,
Tu cầu chư Phật cứu an linh-hồn.
Tội tiêu phước hưởng trường-tồn,
Không còn mắc nẻo đại-khôn luân-hồi.
Thấy đời khó nổi yên ngồi,
Thêm lời Thầy nhắc một hồi thấp cao.
Nữ nam muốn rõ âm-hao,
768. Rán trau đức-hạnh ngày sau sẽ tường.



*Ngôn-từ đạo hạnh ý Thầy khuyên,
Hạnh đức ân-cần rán tập chuyên,
Thất-tổ Cửu-huyền nơi chín suối,
Mĩa-mai xa lánh sáu đường duyên.*



- Vô-thượng thậm thâm dĩ ý truyền,
Danh-ngôn chép để rạch đàng Tiên.
Cư-gia Tịnh-Độ tâm viên-mãn,*
776. *Sĩ xuất văn-từ dốc dạy khuyên.*

NAM MÔ BỒN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT
(tam niệm)

NAM MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT



QUYÊN SÁU

**CÁCH TU-HIỀN VÀ SỰ ĂN Ở
CỦA MỘT NGƯỜI BỒN-ĐẠO**

LỜI NÓI ĐẦU

Năm năm trường xa cách, cái chánh-sách áp-bức tôn-giáo gắt-gao của người Pháp làm cho tôi không được gần-gũi các người hầu giải-bày tường-tận Tôn-Chỉ Hành Đạo của tôi.

Áy không phải vì tôi cố ý muốn xa lánh các người, song chẳng qua vì sự bắt-buộc của kẻ cường-quyền nên tôi và các người không được trực-tiếp cùng nhau. Tuy nhiên cũng có lắm thiện-nam tín-nữ rất trung-thành, một lòng gìn Đạo. Nhưng gần đây có vài kẻ hiểu lầm, hành-động một vài điều không hợp với tinh-thần đạo-đức, trái chủ-nghĩa từ-bi bác-ái và sự cao-thượng của giáo-pháp nhà Phật. Thế nên điều áy làm cho quyển sách nhỏ này ra đời. Vậy từ nay trở đi Tôi ước mong rằng với vài điều sơ-lược kể ra sau đây, toàn thể thiện-nam tín-nữ trong Đạo sẽ dùng trí-tuệ mình, suy-gẫm gìn-giữ ăn ở theo quy-tắc đã định, đặng tránh những việc đáng tiếc xảy ra, hầu giữ tròn danh-giá của Đạo Phật. Như thế chẳng phụ công ơn của Đức Bổn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni đã khai sáng Đạo Phật và đã dìu-dắt quần-sanh tầm đường giải-thoát.

Nam Mô Bổn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật.

HÒA-HẢO

NHỮNG ĐIỀU SƠ - LƯỢC CẦN BIẾT CỦA KẺ TU-HIỀN



*Đây là quyển thứ sáu mà
ĐỨC THẦY đã viết hồi
tháng 5 dl 1945 tại Sài-Gòn.*

Đạo Phật từ xưa đến nay luôn luôn phân làm hai hạng người :

- 1) Hạng xuất-gia,
- 2) Hạng tại-gia.

HẠNG XUẤT-GIA: Gồm có các nhà sư hay những ni-cô đã hoàn toàn ly-khai với gia-đình, quê-hương, bè-bạn, dựa thân vào cửa Thiên hoặc núi non am-cốc, hằng ngày chỉ chuyên lo kinh kệ, săn-sóc cảnh dả-lam, trau-luyện đức lành, giới-mài trí-tuệ hầu giảng-giải cho bá-tánh, thập phương nghe để quày đầu hướng thiện quy-y Phật Pháp, không còn thiết đến việc đời. Gia-đình nhà-cửa của nhà sư là cả thế-gian, thân-quyến nhà sư là khắp cả nhân-loại đại-đồng.

Đó là hạng người dốc tu cho mau thành Phật-quả, thoát kiếp luân-hồi.

HẠNG TẠI-GIA: Gồm tất cả đại-chúng, tất cả thiện-nam tín-nữ chưa đủ những điều-kiện xuất-gia, vì cảm thấy mình còn nặng nợ với non-sông tổ-quốc, với gia-đình, với đồng-bào xã-hội, nên chưa thể làm như các nhà sư hay ni-cô đặng. Tuy vậy họ cũng sẵn-sàng hoan-nginh ca-tụng lý-tượng từ-bi bác-ái đại-đồng

của nhà Phật và luật Nhân-Quả do Phật thuyết ra. Thế nên ở tại nhà, họ phượng thờ Đức Phật, phát-nguyện quy-y, giữ-gìn ít điều giới-luật, hằng coi kinh sách, sửa tánh, răn lòng, ủng-hộ các sư. Như thế họ cũng lần lần lên con đường giải-thoát.

Đây là hạng người học Phật tu Nhân.

Bàn xét như trên, thấy rằng toàn-thể trong Đạo chúng ta thuộc hạng tại-gia cư-sĩ, học Phật tu Nhân vậy.

Sách xưa có câu: “Thiên kinh vạn điển hiếu nghĩa vi tiên” (muôn vạn quyển kinh của Phật Thánh Tiên đều dạy sự hiếu nghĩa làm đầu). Hôm nay đã quy-y đầu Phật tu-niệm tại-gia, ta hãy cố-gắng vung lời Thầy, Tổ đã dạy, lo tròn câu hiếu nghĩa.

Đức Thầy Tây-An thưở xưa thường khuyến-khích các môn-nhơn đệ-tử rằng: muốn làm xong hiếu nghĩa có bốn điều ân ta cần phải hy-sinh gắng-gỗ mới mong làm trọn.

- 1.– Ân Tổ-Tiên cha mẹ,
- 2.– Ân Đất-Nước,
- 3.– Ân Tam-Bảo,
- 4.– Ân Đồng-Bào và Nhơn-Loại (*với kẻ xuất-gia thì ân đàn-na thí-chủ*).

ÂN TỔ-TIÊN CHA MẸ: Ta sanh ra cõi đời được có hình-hài để hoạt-động từ thưở bé cho đến lúc trưởng thành, đủ trí khôn-ngoan, trong khoảng bao nhiêu năm trường ấy, cha mẹ ta chịu biết bao khổ-nhọc; nhưng sanh ra cha mẹ là nhờ có tổ-tiên nên khi

biết ơn cha mẹ, cũng có bổn-phận phải biết ơn tổ-tiên nữa.

Muốn đền ơn cha mẹ, lúc cha mẹ còn đang sanh-tiền, có dạy ta những điều hay lẽ phải ta rán chăm-chỉ nghe lời, chớ nên xao-lãng, làm phiền lòng cha mẹ. Nếu cha mẹ có làm điều gì lầm-lẫn trái với nhân-đạo, ta rán hết sức tìm cách khuyên-lơn ngăn-cản. Chẳng thế ta còn phải lo nuôi dưỡng báo đền, lo cho cha mẹ khỏi đói rách, khỏi bệnh-hoạn ốm-đau, gây sự hòa-hảo trong đệ-huynh, tạo hạnh-phúc cho gia-đình, cho cha mẹ vui lòng thỏa-mãn. Rán cầu cho cha mẹ được hưởng điều phước thọ. Lúc cha mẹ quá vãng, hãy tu cầu cho linh-hồn được siêu-thăng nơi miền Phật cảnh, thoát đọa trầm-luân.

Còn đền ơn tổ-tiên, là đừng làm điều gì tội-tệ điểm-nhục tông-môn, nếu tổ-tiên có làm điều gì sai lầm gieo họa đau-thương lại cho con cháu, ta phải quyết chí tu cầu và hy-sinh đời ta làm điều đạo-nghĩa, rửa nhục tổ-đường.

ÂN ĐẤT-NUỚC: Sanh ra, ta phải nhờ Tổ-tiên, cha mẹ, sống ta cũng nhờ đất-nước, quê-hương. Hưởng những tác đất, ăn những ngọn rau, muốn cho sự sống được dễ-dàng, giống nòi được truyền-thụ, ta cảm thấy bổn-phận phải bảo-vệ đất nước khi bị kẻ xâm-lãng giày đạp. Rán nâng- đỡ xứ sở quê-hương lúc nghiêng-nghèo, và làm cho được trở nên cường-thạnh. Rán cứu-cấp nước nhà khi bị kẻ ngoài thống-trị. Bờ-cõi vững lạng thân ta mới yên, quốc-gia mạnh giàu mình ta mới ấm.

Hãy tùy tài tùy sức, nỗ lực hy-sinh cho xứ-sở. Thảng như không đủ tài-lực đảm-đương việc lớn, chưa gặp thời-cơ giúp-đỡ quê-hương, ta phải rón tránh đừng làm việc gì sơ-suất đến đổi làm cho nước nhà đau-khổ, và đừng giúp sức cho kẻ ngoại địch gây sự tổn-hại đến đất nước.

Đó là ta đền ơn cho đất-nước vậy.

ÂN TAM-BẢO: Tam-Bảo là gì ? – Túc Phật, Pháp, Tăng.

Con người nhờ tổ-tiên cha mẹ sanh ra nuôi dưỡng, nhờ đất nước tạo kiếp sống cho mình. Ấy về phương-diện vật-chất.

Về phương-diện tinh-thần, con người cần nhờ đến sự giúp-đỡ của Phật, Pháp, Tăng, khai mở trí-óc cho sáng-suốt. Phật là đáng toàn-thiện, toàn-mỹ, bác-ái vô cùng, quyết cứu-vớt sanh-linh ra khỏi vòng trầm-luân khổ-hải. Thế nên Ngài mới truyền lại giáo-pháp, tức là những lời chỉ dạy cho các chư tăng đặng đem nền Đạo cả của Ngài ban bố khắp trần-thế. Các chư tăng chẳng ai lạ hơn những đại-đệ-tử của Đức Phật vậy. Bởi vì Đức Phật luôn luôn chỉ-dẫn và cứu-vớt quần-sanh thoát miền mê-khổ, nên ta hãy kính-trọng Phật, hãy tin-tưởng và tín-nhiệm vào sự-nghiệp cứu đời của Ngài, làm theo những điều chỉ dạy do các chư tăng cho biết. Tổ-tiên ta đã hiểu rõ sự nhiệm-mầu, lòng quảng-ái của Phật đối với chúng-sanh, đã kính trọng sùng-bái Ngài, đã hành-động đúng theo khuôn-khổ Ngài đã dạy và đã vun-trồng bồi-đắp cho nền Đạo được phát-triển thêm ra, xây-dựng một tòa lâu-đài

Đạo-hạnh vô thượng vô song, roi truyền mãi mãi với hậu-thế.

Nên bôn-phận chúng ta phải noi theo chí đức của tiên-nhân hầu làm cho trí-tuệ minh-mẫn đặng đi đến con đường giải-thoát, dẫn-dắt giùm kẻ sa-cơ và nhứt là phải tiếp-tục khai-thông nền Đạo-đức đặng cái tinh-thần từ-bi bác-ái được gieo rải khắp nơi nơi trong bá-tánh. Như thế mới chẳng phụ công-trình vĩ-đại của Đức Phật và của tiên-nhân để lại và không đắc tội với kẻ đời sau vậy.

ÂN ĐỒNG-BÀO VÀ NHÂN-LOẠI: Con người vừa mở mắt chào đời đã thấy mình phải nhờ đến sự giúp-đỡ của những kẻ ở xung quanh, và cái niên-kỷ càng lớn thêm bao nhiêu, sự nhờ-nhỡ càng tuần-tự thêm nhiều chừng nấy.

Ta nhờ hột cơm của họ mới sống, nhờ miếng vải của họ mới ấm thân, nhờ cửa nhà của họ mới tránh cơn phong vũ. Vui-sướng: ta đồng hưởng với họ. Hoạn-nạn: họ cùng chịu với ta.

Họ và ta cũng một màu da, cũng nói một thứ tiếng. Ta và họ hợp nhau thì thành lại làm một: ấy Quốc-gia đó. Họ là ai? Tức những người ta thường gọi bằng đồng-bào vậy.

Đồng-bào ta và ta cùng chung một chủng-tộc, cùng một nòi giống roi-truyền, cùng có những trang lịch-sử vẻ-vang oanh-liệt, cùng tương-trợ lẫn nhau trong cơn nguy-biến, cùng chung phận-sự đào-tạo một tương-lai rực-rỡ trong bước tiên-đồ của giang-san đất-nước. Đồng-bào ta và ta có một liên-quan mật-thiết, không

thẽ rời nhau, chẳng thẽ chia nhau, và chẳng khi nào có ta mà không có đồng-bào, hay có đồng-bào mà không có ta. Thẽ nên, ta phải rán giúp-đỡ họ hầu đáp đền cái ơn mà ta đã thọ trong muôn một.

Chẳng những thẽ thòi, ngoài đồng-bào, ta còn có thẽ-giới người đang cặm-cui cần-lao cung-cấp những điều nhu-cầu cần-thiết. Họ là nhân-loại, là những người đang sanh-sống với chúng ta trên quả địa-cầu. Nếu không có nhân-loại, thử hỏi dân-tộc ta ra như thế nào ? Ta có đủ vật-liệu để dùng chãng ? Ta có thể tự-túc một cách đầy-đủ chãng ? Nói tóm lại, ta có thể lè-loi đương đầu với những khi phong vũ nhiệt hàn, với những lúc ốm-đau, nguy-biến, giữ vững cuộc sống còn này chãng ? Hẳn không vậy. Thẽ nên dân-tộc ta phải nhờ đến Nhân-loại, nghĩa là nhờ đến dân-tộc khác và phải biết ơn họ. Hãy nghĩ đến họ cũng như mình nghĩ đến mình và đồng-chúng mình.

Vả lại cái tình từ-bi bác-ái của Đức Phật mà ta đã nhận-thức, rất thâm-huyền quảng-huộ. Cái tình ấy, nó không bển không bờ, không phân-biệt màu da, không phân-biệt chủng-tộc; nó cũng không luận sang hèn và xóa bỏ hết các tầng lớp đẳng-cấp xã-hội, mà chỉ đặt vào một: Nhân-loại Chúng-sanh.

Thẽ, ta không có lý-do gì chánh-đáng để vì mình hay vì đồng-bào mình, gây ra tai-hại cho các dân-tộc khác. Trái lại, hãy đặt vào họ một tư-tưởng nhân-hòa, một tinh-thần hi-xả và hãy tự xem mình có bổn-phận giúp-đỡ họ trong cơn hoạn-nạn.

Đối với những kẻ xuất-gia quy-y đầu Phật, phụ vào những ân-huệ đã thọ như đã nói trên, họ còn phải trực-tiếp chịu-ân của các đàn-na thí-chủ, nghĩa là những thiện-nam tín-nữ có hảo tâm cung-cấp những vật dụng cần-thiết cho họ. Họ nhờ đến hột cơm, đến miếng vải, đến thuốc men đặng sanh sống. Rồi lại họ phải nhờ đến sự nuôi dưỡng hoàn-toàn của những kẻ tốt lòng.

Với quần-sanh, họ mang cái ân rất nặng cho nên họ phải dìu-dắt sinh-linh đi tìm Chân-lý đặng đáp-tạ tấm lòng chiếu-cổ của Thiện tín.



LUẬN VỀ TAM-NGHIỆP

Sanh ra ở đời, con người dầu muốn hay dầu không, cũng phải chịu dưới sự chi-phối của định-luật thiên-nhiên. Định-luật ấy gồm vào một chữ Đạo, đạo của con người kêu bằng “Đạo Nhân”, và nó là một con đường đi trúng thì sống, bước trật tất chết.

Muốn làm tròn Nhân-Đạo, phải giữ vẹn tứ ân. Nhưng trước hết hãy tránh Tam-nghiệp và chừa Thập-ác, cũng như muốn làm giàu phải tránh đừng cho thiếu nợ.

Mỗi người đều có ba nghiệp chương sau đây :

- Thân-nghiệp*: (tội-lỗi do xác thân gây nên);
- Khẩu-nghiệp*: (tội-lỗi do miệng-lưỡi gây nên);
- Ý-nghiệp*: (tội-lỗi do ý-tưởng gây nên).

Ba nghiệp-chương ấy khiến con người phạm mười điều ác kể ra dưới đây :

Thân-nghiệp sanh 3 điều ác :

- 1) Sát-sanh
- 2) Đạo-tặc
- 3) Tà-dâm

Khẩu-nghiệp sanh 4 điều ác :

- 1) Lưỡng-thiệt
- 2) Ý-ngôn
- 3) Ác-khẩu
- 4) Vọng-ngữ

Ý-nghiệp sanh 3 điều ác :

- 1) Tham-lam
- 2) Sân-nộ
- 3) Mê-si

SÁT-SANH.— Con người mới sanh ra ở đời đều có tánh hiền lành cả. Song đến lúc lớn khôn vì phải sống chung-chạ với thế-giới người hung-tàn bạo-ngược, tánh-nết liền ô-nhiễm những sự xấu-xa hèn kém, trở nên độc-ác dữ-dẫn.

Loài người giết nhau vì tiền bạc, vì sắc đẹp, vì lợi-danh, vì quyền-thế, vì thù-hềm, vì háo thắng... nghĩa là họ giết nhau vì sự ích-lợi của một người, của một nhóm người, của một đảng-cấp xã-hội, của một quốc-gia; họ muốn tiêu-diệt tất cả nhân-loại, không một ai có quyền sống sanh cùng họ cả.

Tại trào-nội, sự mà vua coi bầy tôi như cỏ rác, bầy tôi sánh vua như thể địch-thù đã làm nguyên-nhân cho biết bao cuộc tương-tàn tương-sát. Ngoài lê-thứ thì con giết mẹ cha, tứ hại chủ, trò giết thầy, chồng vợ giết nhau, đệ huynh râu-xé. Những cuộc tương-tàn rất thường xảy ra trong nhân-loại không ngoài các lý-do đã kể trên. Đó là người đối với người.

Người đối với thú-cầm sanh-vật còn tàn-nhẫn gấp mấy nữa: họ giết thú-vật vì miếng ăn, vì sự dị-đoan mê-tín, vì sự vui thích. Đành rằng mình không thể dứt tuyệt giết các sanh-vật (gà, vịt, heo...) để nuôi thân sống; nhưng chẳng khá dựa vào lý “vật dưỡng nhơn” (thú-vật sanh ra đặng nuôi con người) mà giết nó một cách quá đáng. Chỉ cần dùng nó vừa đúng theo sự nhu-cầu cần-thiết của các món thực-phẩm mình thôi

và không nên hoang phí hy-sinh nó, nếu sự hy-sinh ấy không ích-lợi cho mình lắm. Nhứt là chẳng khá giết các thú-vật trong khi tế-lễ. Người ta tưởng rằng khi mình phạm tội với Thánh, Thần, Trời, Đất có thể sát hại sanh-vật cúng-tế cầu cho tội-quả tiêu-trừ. Sự tin-tưởng ấy rất sai-lầm huyền-hoặc, vì đứng vào bực siêu-hình cao-cả như chư-vị Thánh Thần, có lý nào vì một tình riêng làm sai chạy lẽ công. Khi gặp tai-nạn bất ngờ hay rủi ro đau ốm, con người không chịu thuốc-thang, khẩn vái Phật Trời cầu cho tai qua nạn khỏi, lại giết các thú vật tế Thần cúng Thánh, kêu cốt, kêu đồng. Họ không chịu tìm nguyên-nhân các sự họa-hoạn, không chịu tìm hiểu rằng những tai-biến xảy ra đều do căn tiền báo quả hậu, và không chịu ăn-năn chừa lỗi, tạo-tác phước điền. Trong khi giết các thú-vật đặng tế-lễ, họ đã phạm thêm một tội ác lúc họ chưa đền-bồi các tội ác trước được.

Chẳng những vậy thôi, họ còn giết các thú-vật vì sự vui thích của mình; kẻ bắn chim đang bay trên trời, người chặt cá đang lội dưới nước. Họ bắt thú-vật làm tấm bia cho họ nhắm trong những khi cao hứng, quên hẳn rằng sanh-vật cũng có linh-hồn, cũng có thân xác, cũng biết tìm lẽ sống còn như nhân-loại vậy.

Thế nên, hãy tha-thứ cho chúng, hãy dung-dưỡng chúng và nhứt là đối với các gia-súc: trâu, bò, ngựa, chó, mèo... chẳng khá sát-hại, vì chúng đã giúp ích cho ta trong các việc sanh-hoạt hằng ngày. Tóm lại, không có sự sát-sanh vô cơ nào có thể tha-thứ được và trong những ngày chay-lạt hãy cứ hẳn.

ĐẠO-TẶC.— Câu: “Bần cùng sanh đạo-tặc” cần phải là một câu chừa mình của bọn bất-lương vô đạo. Những kẻ này ngày vẫn-vơ đầu đường xó chợ, tới kiếm chỗ khoét vách đào tường, không làm muốn có ăn, không lo muốn có mặc. Lóp người cận-bã của xã-hội này, sống ngoài vòng pháp-luật, trốn nhủi trốn chui, phá rối sự an-ninh của dân-chúng, chuyên lo giết người cướp của, đoạt giựt tài-sản lương dân, không nghĩ rằng phải tốn bao nhiêu giọt mồ-hôi, bao nhiêu dòng nước mắt mới làm ra được. Họ là giống sâu làm rầu nòi canh, là tội-nhân gây ra những tai-biến trong những gia-đình cần-lao kiệm-tiết, là nguyên-nhân của sự nghèo sự khó, họ phá-hoại hạnh-phúc của con người.

Cơ-hàn đói khó, thay vì phải làm-lụng như những kẻ khác mưu cuộc sống còn, họ gây cái lỗi này rồi đến cái lỗi khác, phạm tội này rồi tới tội nọ, tạo chẳng biết bao nhiêu chuyện bất lành cho nhân-chúng. Lưới trời tuy thưa nhưng khó lọt, những kẻ ấy dầu họ không bị luật hình của loài người phân xử, song cơ Trời cũng sẽ báo ứng đến những hành-vi đen tối, nếu họ không chịu ăn-năn chừa lỗi, sửa tánh tu-thân, bỏ thói vô-nghĩ lánh điều phi-nghĩa.

TÀ-DÂM.— “Muôn việc lành hiếu-thuận đứng đầu, ngàn việc dữ tà-dâm đứng trước”. Sách sử thường bảo như thế.

Lần dở xem sử sách, thời thấy tội ác ấy lan-diễn khắp nơi, từ trào-nội cho đến thứ-dân, từ trong gia-đình đến kẻ xa người lạ; nó là mầm gây ra biết bao thảm trạng ! Gương của vua Tề với vợ Thôi-Tử, An-

Lộc-Sơn với Dương-Quý-Phi há chẳng còn lưu-liên hậu thế ? Giàu ý của hiệp-dâm kẻ khó, quan ý quyền cường-bức đám dân hèn. Gian-phu dâm-phụ, từ xưa đến nay luôn luôn đều có.

Muốn tránh sự bại-hoại nền luân-lý nước nhà, muốn giữ-gìn tiếng tăm của gia-thế, phải đừng để đục-tình lồi cuốn, bắt chước gương xưa trau-giồi lòng hiếu-trung trinh-tiết.

LUỖNG-THIỆT.— Đứng đầu các tội ác do miệng lưỡi gây ra, ác lưỡng-thiệt này đã làm duyên-cớ cho những sự hiểu lầm nhau, những sự cãi-vã, gây-gỗ sanh oán sanh thù. Sự phải của người thì bót, sự quấy của người thì thêm, cái lưỡi đã tạo những sự chia rẽ, những cuộc phân-tranh, phá tan sự đoàn-kết, tình thân yêu giữa nhân-loại. Nó cũng là nguồn-cội của bao nhiêu bất hòa, hiềm-khích.

Để giải-trừ những tai-vạ ấy, phải giữ cho lời nói mình được thành-thật chánh-đáng, được vậy trong hương-đảng mới bót rày-rà, ngoài xã-hội không điều xích-mích và mình cũng không còn chịu ác-cảm, tránh sự miệt-khinh của kẻ khác.

Ỡ-NGÔN.— Nói đến tội này tức là nói đến những vụ chủ ý quyền nhiếc xài tội tở, quan ý thế mắng chưởi dân ngu. Kẻ giàu có thường ý tiền bạc xài-xỉ người nghèo, kẻ xảo-quyệt ý sự khôn-lanh nói những điều thất thiệt, kẻ học-thức ý sự khôn-ngoaan dùng lời nói hạ-nhục người dốt-nát.

Hãy tránh những sự hiệp người như thế ấy, vì những kẻ dưới tay mình cũng có đầu óc, cũng biết

ngĩ suy, nhưng tại họ bạc-phước vô phần nên phải chịu lụy mình vậy. Nếu họ có lỗi lầm hãy dạy-dỗ họ, dùng những cam-ngôn mỹ-từ, những lời trang-nghiêm êm-dịu chỉ bảo, không khá bao-biếm mà mang điều tội-lỗi.

ÁC-KHẤU.— Những tiếng thề-thốt, lỗ mãng, chưởi mắng tục-tần làm ra tội này; con chưởi mẹ mắng cha, không kể luân-thường thảo-hiếu; mạnh-bạo hăm-he đánh giết những kẻ yếu-hèn, hiếp-đáp xóm-chòm cô bác. Mở miệng ra chưởi gió mắng mây, trừ rửa gia-đình, không kiêng Thần Thánh. Tồi ngày kêu réo Phật Trời, mời thỉnh Long-cung, làm cho tội-lỗi càng thêm chồng-chập.

Hãy bỏ những tiếng tục-tần thô-lỗ, làm cho đời sống được êm-dịu thanh-bai hơn. Đối với cha mẹ phải có lễ độ, với gia-đình, với bà con cô bác, với xóm-chòm quen thuộc, lời nói mình phải đoan-trang nghiêm-chính. Đối với con cháu trong nhà, không nên nói những điều ác đức; phải dùng lời nói dịu-dàng hiền-hậu dạy-dỗ chúng.

VỌNG-NGŨ.— Thêm thừa, huyễn-hoặc, có nói không, không nói có, ác vọng-ngũ đã làm nguyên-nhân cho những sự bất-công của nhân-loại. Thương người nào kiếm cách bào-chữa, giấu-giếm sự quấy và theo-thừa sự tốt ra, ghét ai đặt điều nói xấu và che-đậy cái điều phải của họ. Khoe-khoang tự-đắc, xảo-trá đa-ngôn, những kẻ điêu-ngoa làm cho thiên-hạ khinh-khi miệt-thị.

Muốn tránh những điều khiến cho tư-cách nhân-quần phải bị giảm hạ, hãy tập tánh nói năng chân-chánh, bỏ lối láo-xược trớ-trêu. Chẳng nên tráo-chác với người, bỏ tiếng xảo-ngôn và phải dùng lời chơn-chất.

THAM-LAM.— Tánh tham-lam đã làm cho loài người phải chịu bao nhiêu thảm khổ: Chiến-tranh, cướp bóc, giết người... tham danh, tham lợi, tham sắc, tham tài, tham quyền, tham thế... Những sự ấy đã xô đẩy con người vào chẳng biết bao nhiêu cuộc chiến-đấu ác-liệt, gây nên những thảm-họa tày trời. Những tấn tuồng giặc giã, cướp của sát nhơn, những vụ hồi-lộ, những vụ tranh thế giành quyền đã làm cho nhân-sanh điêu-linh trong vòng tai-nạn khốc-hại. Cái tham ấy cũng đã làm cho con người đau buồn hận khổ, phải khóc đứng than ngồi, phải liêu mình tự-sát chỉ vì sự ham muốn không được thực-hiện; người ta quyên-sinh vì tình yêu, vì lợi-quyền, vì thất trận... Những cuộc cấu xé lẫn nhau, những vụ nổi da xáo thịt, những tương sát tương tàn, những điều hung-hăng bạo-ác cũng do sự tham-lam mà ra cả. Ngày giờ nào loài người diệt được tánh ham muốn của mình, ngày giờ ấy bớt được một phần lớn của sự khổ. Và lại, ở đời phải có những lúc thăng trầm chìm nổi, có thì ta xài, không ta nhịn, can gì phải bày mưu tính kế chiếm đoạt của kẻ ngoài. Cửa là của chung trong thiên-hạ; đời ta còn, nó còn; đời ta mất, nó mất; gương Thạch-Sùng Vương-Khải há không để lại cho ta một bài học đích-đáng lắm ru ? Thế nên hãy nghĩ đến người cũng như mình nghĩ đến mình, hãy dẹp lòng vị-kỷ tham-

lam, lo vun-trồng phước-đức, bổ-thí kẻ nghèo hèn, rán công-phu sám-hối để có thể yên vui nơi miền Cực-Lạc, lánh sự giả tạm ở cõi trần này.

SÂN-NỘ.— Tánh nóng-nảy thường xúi con người làm những chuyện bất-công sai phép, chém-giết oán-thù nhau. Kẻ thắng kiêu-hãnh, người bại hổ-ngươi, nên sự hèn-thù càng lan rộng. “Giận mất khôn”, con giận làm cho con người cuồng trí, mất sự tự chủ, trở nên dữ-dằn bạo-tợn, chẳng còn nghĩ đến việc công-bình, lẽ phải trái.

Diệt được nó tâm ta được thanh-thoi, trí ta được thông-thả. Hãy mở lượng khoan hồng dung tha kẻ làm lỗi. Hãy nhẫn-nhịn và chẳng nên cãi cọ tranh luận hơn thua làm cho nảy sanh ra những điều hèn-khích.

MÊ-SI.— Tội ác này do sự thiếu óc phán-đoán, thiếu sự nghĩ suy mà ra; vì vậy con người ít hay phân-biệt được lẽ phải trái, bo bo giữ thiên kiến sai làm, chẳng chịu nhìn-nhận chân-lý, suốt cả đời ngu-muội, chỉ biết mê-man theo những vật nhỏ-nhen, mau tan, mau rã, chỉ biết tin bướng làm càn, không tìm hiểu con đường giải-thoát.

Hãy xóa bỏ các điều mê-tín, qui-thuận theo tinh-thần đạo-đức, lánh chốn mê-làm tỉnh cơn mộng-huyễn, phá tan màn vô-minh che mờ tâm trí, lần bước trên con đường đạo-hạnh, đi đến chỗ Bất diệt, Bất sanh.



LUẬN VỀ BÁT-CHÁNH

Trừ xong ba nghiệp-chướng, hãy làm theo tám điều chánh, và sau khi diệt được thập-ác rồi, tự nhiên mười điều lành hiện ra; như thế ta đã đi thêm được một bước trên con đường Đạo-hạnh. Nhưng sự tấn-bộ ấy không có nghĩa là đạt được mục-đích. Thế nên, cần phải hành luôn Đạo Bát-Chánh tiếp theo, vì đó là quyển kinh nhứt tụng của những ai muốn thoát chốn mê-đò, tấn-triển trên đường Giải-Thoát.

Bát-Chánh gồm có :

- 1.- Chánh-kiến
- 2.- Chánh tư-duy
- 3.- Chánh-nghiệp
- 4.- Chánh tinh-tấn
- 5.- Chánh-mạng
- 6.- Chánh-ngữ
- 7.- Chánh-niệm
- 8.- Chánh-định

CHÁNH - KIẾN.— Chánh: đúng sự thật – Kiến: thấy, xem xét. Chánh-kiến: dòm thấy, xem đúng theo sự thật.

Phàm con người thường hay bị bản-ngã lôi cuốn, trí mờ-ám làm cho sai-chạy ít nhiều sự thật. Khi vì thiếu sự sáng-suốt, khi vì tư thù, khi vì lợi kỷ, khiến cho con người không biết đường ngay nẻo thẳng nên sự phán-đoán không công-bình chánh-đáng, làm cho kẻ khác chịu oan tình. Vì thế, mục Chánh-Kiến dạy ta phải đem hết trí-năng truy-cứu các sự rắc-rối, cẩn-thận xem xét tránh sự lạc-lầm trong khi phê-đoán bất

cứ việc gì, dầu của mình hay của kẻ khác. Sự quan-sát cực-điểm, cách xét đoán tận tường, tránh cho ta những tà-kiến (sự xem xét lầm lạc) sai chạy, khiến ta dẹp bản-ngã đã làm cho trí-tuệ mịt mờ u-ám; giúp cho ta hiểu biết được rõ-ràng, minh-bạch, cách phán-đoán được ngay thẳng, công-bình.

Chẳng thế, nó còn giúp cho ta hiểu biết các điều tục-lụy trong trần, biết được lẽ nhiệm-màu tôn-giáo khiến ta xua đuổi các điều tà-mị, bỏ các sự say-mê, trở về với đạo-lý, thoát đọa hồng-trần. Nó tránh cho ta tất cả sự giả-dối và nhờ thế nên ta khỏi bị lạc lầm trong khi hành Đạo.

CHÁNH TU-DUY.— Tư-tưởng chơn-chánh.

Sanh ở trong trần con người thường hay bị các thị-dục cám-dỗ: lợi danh, quyền-tước, nghĩa vợ tình chồng...; cái tư-tưởng đã rù quên tâm trí mãi mãi quây cuồng vào những sự ấy, không thể nào thoát-ly ra được. Ấy về phần tà.

Phần chánh dạy rằng: tâm cần phải bình, tánh cần phải tịnh, giữ tư-tưởng cho thanh-cao, trí rón tìm cái Chân-lý. Chân-lý ấy là cái Đạo của mình đối với nhân-loại, của mình đối với Trời Phật, của mình đối với mình. Vì thế, hãy đặt tư-tưởng mình vào công cuộc tìm phương cứu giúp sanh-linh trong vòng trầm-luân oan-nghiệt. Hãy tin-tưởng Phật Trời và cầu nguyện đấng Thiêng-liêng ban-bố phước lành cho nhân-chúng. Hãy tìm con đường giải-thoát cho mình bằng cách lạc Đạo an bản, xả thân tu-tĩnh.

CHÁNH-NGHIỆP.– Việc làm chánh-đáng ngay-thẳng.

Đối với kẻ xuất-gia đầu Phật, ngoài những lúc tham-thiền nhập-định, những khi trì tụng kinh hành, những khi đọc kinh viết sách, những lúc công-quả cho nhà Thiên, chẳng có làm việc chi có thể tạo thành ác nghiệp cả.

Những kẻ tại gia cư-sĩ, trái lại, còn cần phải lo kế sinh nhai, mưu cuộc sống còn: kẻ buôn tảo bán tần, người việc này việc nọ, tóm lại cũng tại vì xác thân mà ra cả. Tuy nhiên, dầu đời sống của họ có bị sự sinh nhai chi-phối, song cái chi-phối ấy, khác hẳn với kẻ gian-tà đạo-tặc, chẳng có làm việc gì xảo-trá bất nhân. Trong cuộc mưu cầu cho lẽ sống, họ cũng nguyện bỏ những nghề-nghiệp gây tai hại cho con người: nuôi điếm, bán á-phiện, buôn rượu, đầu-cơ, cho vay cắt cổ, v.v...

Đành rằng những người buôn bán ấy không có ép buộc bạn hàng, song tại có họ làm các nghề-nghiệp ấy, con người mới bị hư-hỏng, truy-lạc, hoang-đàng, trà đĩnh tửu-điếm... Họ là đồng-lõa mà phạm-nhân là những kẻ nghiệm-ngập say-sưa.

Thế nên mục Chánh-nghiệp răn-cấm chúng ta làm các nghề ấy.

Kẻ tại gia cư-sĩ cũng chẳng sát hại vô cơ các sanh-vật, hoặc không đánh đập chém đâm ai có thể gây ra nhiều điều tội-lỗi.

CHÁNH TINH-TẤN.— Tín-ngưỡng chơn-chánh và lướt tới.

Phái vô-thần-luận thường cho rằng thân xác tức là con người. Thân còn tức là người còn, thân mất, người mất. Không có Thánh, Thần, Trời, Phật, không có quả-báo luân-hồi; cũng chẳng có tội, có phước, có vía, có hồn. Đời là thân-xác con người, sống là tranh-đấu, mạnh được yếu thua. Thế nên biết bao nhiêu mảnh-khỏe gian-hùng, bao nhiêu ngón điều-ngoa xảo-trá, bao nhiêu tàn-bạo ngược-ngang đều được đem ra dùng cả thấy.

Vì vậy mục Chánh tinh-tấn này khuyên hãy rán giữ đức-tin cho mạnh-mẽ. Dầu các thị-dục có lớn-lao thế mấy, dầu cho có sức lực gì cảm-dỗ hay bức-bách bỏ lòng tín-ngưỡng Phật Trời đặng theo việc khác, các sự ấy cũng chẳng thể lôi kéo được. Và ta luôn luôn phải nhớ đến công cuộc cứu-vớt quần-sanh thoát nơi khổ-hải của Đức Thế-Tôn, phải nhớ rằng sanh-linh đang chìm đắm trong bể hồng-trần, rằng ngày giờ nào còn có kẻ trong chúng-sanh chịu khổ thì ta cũng phải khổ vì họ vậy, rằng ta có cái bổn-phận giác-ngộ trần-gian bỏ những oan-trái luân-hồi cay-nghiệt. Muốn thế trước hết phải tìm phương tự-giác, nhắm cảnh Niết-Bàn tấn-tới; quyết chí tu-hành đắc thành Đạo quả hầu dất-diêu bá-tánh thập phương xa miền tục-lụy. Người bỏ hết các sự rầu-buồn, các điều tà-vạy, dẹp lục-căn, lục-trần và rán làm cho tinh-thần được thêm sáng-suốt, rèn luyện các đức tánh cho thiện-mỹ: yên-tĩnh, hi-lạc, nghiêm-trang quyết gắng công phu, một lòng bước

tới Niết-Bàn đặng có tế-độ chúng-sanh thoát khỏi luân-hồi quả-báo.

CHÁNH-MẠNG.— Sanh mạng chân-chánh, trong sạch.

Ở đời, người ta hay lấy xác thân mình làm gốc và hay quý trọng săn-sóc nó. Ấy cũng do lục-căn mà ra: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Mắt ưa xem sắc đẹp, tai ưa nghe tiếng hay, mũi ưa ngửi hương thơm, lưỡi ưa đồ ngon béo, thân ưa sự sung-sướng, ý ưa chức-phận cao.

Người ta tìm đủ phương-thế bổ-dưỡng thân xác mình, làm cho trí-tuệ càng ngày càng thêm mờ-ám, ngu-đần, không còn lo-lắng đến sự tiêu-diệt.

Thế nên, hãy xa lánh những điều làm tinh-thần bị đen-tối; bỏ hết đài-các xa-hoa, thân mình tự-chủ để tìm chỗ bất diệt bất sanh; thiên-định đặt làm thể, trí-tuệ đặt làm mạng, linh-hồn nhập liên-hoa, siêu-sanh vào cõi Niết-Bàn.

CHÁNH-NGŨ.— Lời nói chơn thật.

Lục-căn làm cho con người nhiễm lục-trần.

Vì muốn nuôi dưỡng xác thân nên mới sanh ra các điều ham-hố là nguồn-cội các tội-lỗi. Trong những tội-lỗi ấy cũng có nghiệp-chướng của miệng lưỡi: Lưỡn-thiệt (làm cho thiên-hạ bất hòa nhau), Ý-ngôn (lời chưởi mắng kẻ dưới tay), Ác-khẩu (tiếng độc-ác tục-tàn chưởi rủa Thần Thánh), Vọng-ngữ (nói láo, nói huyễn-hoặc).

Hãy tập lời nói mình cho chân-chánh, đúng với sự thật; hãy bỏ hết những xảo-ngôn tráo-chác, những

tiếng thô-lỗ cộc-cằn, phạm những khi bàn luận việc chi, phải nói tỏ tường ngay thẳng. Đối với kẻ dưới bề trên, lời nói phải cho hiền-lương đức-hạnh và những sự khuyên dạy chỉ bảo kẻ khác làm theo lẽ phải đều có ích-lợi cho chúng-sanh và đều hợp với tinh-thần đạo-đức.

CHÁNH-NIỆM.— Ghi nhớ sự chân-chánh.

Còn cũng tưởng, mất cũng tưởng, có cũng tưởng, không cũng tưởng, thành cũng tưởng, bại cũng tưởng, thương cũng tưởng, ghét cũng tưởng... Thất-tình lục-dục bắt buộc con người phải phí biết bao nhiêu tâm cơ, bao nhiêu trí-não phụng-sự nó. Danh lợi, cảm-tình, uy-quyền, phú-quí... được hằng ngày ghi nhớ. Vì thế con người mãi mãi lăn-lộn trong sáu đường không thoát khỏi vòng sanh-tử.

Để thoát khỏi luân-hồi bỏ cuộc đời làm-than hoạn-họa, hãy rán tưởng-niệm phương-pháp hành Đạo, bỏ các điều phù-phiếm, ghi nhớ công-lao Đức Phật đối với quần-sanh, bia tạc vào lòng những điều Phật giáo. Phải nhớ rằng xác-thân do tứ-đại (đất, nước, lửa, khí) tạo thành và sớm muộn gì nó cũng sẽ bị tan rã. Đặng vậy, ta mới bỏ được các sự xúc-động, các mối dục-tình tránh điều lụy khổ do nó gây nên.

CHÁNH-ĐỊNH.— Suy-gẫm chân-chánh.

Con người thường hay có những ý-định làm cho mình được sáng thêm lên, được giàu thêm lên, được sung-sướng thêm lên... nghĩa là những ý-định hoàn-toàn nhỏ-nhen thấp-thỏi. Họ không hiểu rằng cuộc đời là giả-tạm, nay vậy mai khác, thân-thể lạc-luân, của-

cải gia-tài như đám phù-vân trước gió, nước bọt, mây bèo. Những cái sanh, cái bệnh, cái lão, cái tử được đặt lên cuộc đời của người này rồi đến người khác... rồi đến người khác nữa, nghĩa là tất cả Nhân-Loại không thiếu sót một ai. Thế mà, họ vẫn cuống-cuồng tâm trí theo bả lợi danh, mùi phú-quí, đi theo những vật-vụn, tiểu-ti, eo-hẹp.

Họ không chịu hiểu rằng ngoài kiếp phù-du của trần-thế, có cái gì không di không dịch, vĩnh-viễn trường tồn. Nếu lấy sự Thiên-định phá tan màn u-minh che phủ, thì thấy rằng ở cảnh ấy con người sẽ hết buồn hết khổ, hết quả-báo luân-hồi. Và khi ta dùng sự chánh-định dẹp bỏ hết các sự phiền-não rầu-buồn, phá tan các làn sóng thị-dục lôi kéo vào những nẻo tà, tâm ta chẳng còn xao-động, trí ta tỏ rạng như trăng rằm, một màu sáng-suốt, không nhiễm ô cảnh ngoại, dứt tuyệt hết sự phạm-trần, lần bước đi đến cõi Giải-thoát.



CÁCH THỜ-PHƯỢNG, HÀNH-LỄ VÀ SỰ ĂN Ở CỦA MỘT TÍN-ĐỒ P.G.H.H.

THỜ-PHƯỢNG

Từ trước đến nay, các chùa-chiền đã tạo quá nhiều hình-tượng. Đành rằng vì tôn-kính đáng Từ-Bi mới làm ra thờ-phượng Ngài, nhưng cũng có kẻ lợi-dụng để thủ lợi. Bây giờ chúng ta không nên tạo thêm nữa. Làm thế chúng ta không có ý hủy-báng sự phượng-thờ của các chùa-chiền. Cách thờ-phượng ấy tùy theo điều-kiện các sư mà chúng ta cũng có thể sùng-ngưỡng đặng. Nhưng riêng về cư-sĩ ở nhà không nên tạo thêm nữa; nên thờ đơn-giản cho lòng tin-tưởng trở lại tâm-hồn hơn ở vào sự hào-nháng bề ngoài. Từ trước chúng ta thờ trần điều là di-tích của Đức Phật-Thầy Tây-An để lại. Nhưng gần đây có nhiều kẻ thờ trần điều tự xưng cùng tông-phái với chúng ta, làm sai phép, sai với tôn-chỉ của Đức Phật, nên toàn thể trong Đạo đổi lại màu da. Lại nữa, từ trước đến giờ các sư dùng màu da để biểu-hiện cho sự thoát tục của mình, và màu ấy là sự kết hợp của tất cả các màu sắc khác, nên có thể tượng-trung cho sự hòa-hiệp của nhân-loại không phân-biệt chủng-tộc và cá-nhân. Vì vậy chúng ta dùng nó trong chỗ thờ-phượng để tiêu-biểu cho tinh-thần vô thượng của nhà Phật.

Nếu trong nhà chật, nội bàn Thông-Thiên với một lư hương không cũng được, bởi vì sự tu-hành cốt ở chỗ trau tâm tria tánh hơn là do sự lễ-bái ở ngoài. Còn người nào có cốt Phật trong nhà để vậy cũng đặng.

Hình tượng bằng giấy không nên chừa lại và phải đốt đi. Kẻ nào phải ở chung đậu với người khác không có tu-hiền hay không cùng một Đạo với mình hoặc nhà cửa nhỏ hẹp quá không có chỗ phượng-thờ, thì đến giờ cúng kiếng chỉ vái thăm và niệm Phật trong tâm cũng đặng.

Về cách cúng Phật, chỉ nên cúng nước lạnh, bông hoa và nhang thơm. Nước lạnh tiêu-biểu cho sự trong sạch, bông hoa tiêu-biểu cho sự tinh-khiết, còn nhang, dùng đặng bán mùi ướ-trước. Ngoài ra chẳng nên cúng một món gì khác cả. Bàn thờ ông bà cúng món chi cũng đặng.

Ngoài sự thờ Phật, tổ-tiên, ông bà, cha mẹ và những vị anh-hùng của đất nước, không nên thờ vị tà thần nào khác mà mình không rõ căn-tích.

HÀNH LỄ

Chỉ thờ lạy Đức Phật, tổ-tiên, ông bà, cha mẹ lúc còn sống và các vị anh-hùng cứu-quốc. Với những kẻ khác, nên bỏ hẳn sự lạy-lục người sống, cho đến Thầy mình cũng vậy, chỉ xá thôi.

Tất cả các hành-động trong Đạo hay ngoài đời, trước khi làm điều gì phải tính-toán một cách cẩn-thận, đừng làm chuyện ngông-cuồng vô-ý-thức. Một đừng ý-lại vào kẻ mạnh, hai đừng ý-lại vào sự cứu-vớt của Thần Thánh, ba đừng ý-lại sự binh-vực của Thầy mình. Luôn luôn, lúc nào cũng phải nhớ câu Nhơn-Quả của Phật dạy, nếu Nhơn toàn-thiện thì Quả cũng sẽ do đó được toàn-thiện vậy. Kẻ nào hành-động ngông-cuồng không suy-xét cẩn-thận để đến đổi thất

bại đem đến sự khó-khăn, khổ-não rồi trách-cứ kẻ mạnh sao không cứu mình, Thầy sao không giúp mình, Trời Phật sao không độ mình, thì sự lâm-lạc ấy rất đáng thương-hại.

Mỗi người hãy nên lấy trí thông-minh nhận xét Đạo-lý hay lời nói của Thầy mình, chớ đừng lấy đức-tin thọ-lãnh những lời nói đó trong khi mình chưa hỏi tường-tận. Như thế, mình mới có thể tấn-hóa trên con đường Đạo-đức.

Những điều sơ-lược giải-thích trên đây, mong rằng toàn-thể trong Đạo suy-gẫm kỹ-càng và thực-hiện để bài-trừ sự mê-tín ngông-cuồng của thiểu số người trong Đạo, làm cho tư-tưởng thiện-hòa của Phật-đạo được phát-triển mau chóng.

TANG-LỄ

Lúc ông bà cha mẹ từ trần, tục để tang chúng ta vẫn giữ theo cổ lệ; chỉ cần sửa đổi các sự như sau đây:

Bây giờ chúng ta đã quy-y đầu Phật, thì phải do sự thành-tâm cầu-nguyện, và đem sức khẩn-vái của anh chị em trong Đạo cầu-nguyện cho vong-linh người chết được siêu-sinh nơi cõi thọ. Chẳng nên rước những ông thầy dung bông, đốt giấy-tiền vàng-bạc, xá-phước lâu-kho, vì đó là chuyện tốn tiền vô ích, bởi vì người ta nhận-định rằng xác thịt là hư-hoại, thì trong lúc chết chỉ đem chôn cất cho kín đáo, đừng để hôi thúi có hại cho người sống, như thế là đủ rồi. Còn hiếu-sự do hồi còn sanh tiền và do sự tu-hành, sự thành tâm cầu-nguyện chớ không phải có tiền rước

người khác cầu-nguyện mà đạt được hiệu-thuận hơn-nghĩa. Chỉ vọng bàn giữa nhà hay giữa trời cầu-nguyện, rồi im-lặng đi chôn.

Về việc cúng kiếng ông bà cha mẹ, có chi cúng nầy trong những ngày kỷ-niệm theo như tục lệ. Còn về việc đãi-đăng hương-đăng thì tùy ý. Những điều nào xét ra giản-tiện, ít lãng-phí cứ làm.

CÁCH CẦU-NGUYỆN CHO NGƯỜI CHẾT

Mỗi người đứng trước bàn Phật niệm: “*Nam mô Bổn-sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật*” (ba lần) và “*Nam mô A-Di-Đà Phật*” (ba lần).

Vái: “*Phật-Tổ, Phật-Thầy, nay mình thành tâm cầu-nguyện cho tên (tên người chết), nhờ ơn Đức Phật từ-bi cứu-độ vong-linh được thoát chốn mê-đồ, vãng-sanh miền Cực-Lạc !*” Trong lúc ở nhà hay trong lúc đưa đám tang gì cũng vậy, nếu có tổ-chức sắp hàng chấp tay niệm :

“*Nam mô Tây-phương Cực-lạc thế-giới tam thập lục vạn ức, nhưt thập nhưt vạn cứu thiên ngũ bá đồng danh đồng hiệu đại-từ đại-bi tiếp dẫn vong linh A-Di-Đà Phật*” (nếu người chết là nhà sư thì câu chót đọc: “*tiếp dẫn đạo sư A-Di-Đà Phật*”).

NÊN LƯU-Ý: Tang-gia đừng nên khóc-lóc làm trở ngại sự siêu-thoát anh-linh của người chết.

HÔN-NHÂN

Bôn-phận cha mẹ phải chọn-lựa đôi bạn cho con một cách xứng-đáng bằng sự quan-sát tường-tận về đức-tánh đôi trai gái. Không nên ép-uổng con mình quá đáng vì như thế làm cho khôn-khổ nó về sau, nhưng cũng không nên để chúng quá tự-do mà sự thiếu kinh-nghiệm làm cho đời chúng phải hư-hỏng.

Nên bỏ tục-lệ thách giá đòi tiền và đòi lễ-vật. Thông-gia hai bên không nên làm khó cho nhau. Cũng chẳng nên bày ra tiệc lễ linh-đình tốn kém nhiều tiền làm cho trở nên nghèo-khổ.

NHỮNG ĐIỀU PHẢI TRÁNH HẢN HOẶC ĐƯỢC CHÂM-CHẾ HOẶC NÊN LÀM

UỐNG RƯỢU.— Phải cũ tuyệt; nhưng khi có tiệc lễ với người ngoài và không phải nhằm ngày chay-lạt, có thể dùng một đôi chút rượu thật nhẹ để đừng có tỏ sự chia rẽ với kẻ ngoài Đạo. Nếu say-sưa sẽ phải tội-lỗi.

THUỐC PHIỆN.— Phải cũ tuyệt; không được hút một điếu nào hết. Những kẻ hút muốn vào Đạo, phải bỏ hút rồi mới được nhìn-nhận. Trừ ra những người đau mà thầy thuốc bảo phải dùng một chút ít hợp với các vị thuốc khác mới có thể châm-chế đặng.

CỜ-BẠC.— Phải cũ tuyệt; những kẻ cờ-bạc muốn vào Đạo, phải thệ-nguyện bỏ cờ-bạc rồi mới được nhìn-nhận. Về sự này, chẳng có cuộc vui nào có thể châm-chế đặng.

ĐỐI-ĐÃI CÁC TĂNG-SU.— Tất cả bôn-đạo nên cung-kính các tăng-sư tu-hành chân-chánh. Nếu các ông ấy có dạy điều chánh-lý, phải nghe lời. Đối với những hạng tu-hành mà mình biết rõ là dối thế (*như mấy ông thầy đám...*) hãy tìm cách khuyên can các ông trở lại con đường chân-chính của Đạo Phật. Nếu các ông vẫn tiếp-tục làm điều tà-mị, mình phải bài-trừ triệt-đề và giảng-giải cho quần-chúng cùng những tín-đồ nhà Phật hiểu đặng xa lánh họ.

ĐỐI VỚI CHÙA-CHIÊN.— Những ngày vía của các Đức Phật, ngày rằm hay ba mươi, mình muốn đi chùa cũng tốt, đặng lễ Phật, dung hoa, không có cấm. Nếu chùa nào nghèo, hư, rách, mà mình giúp-đỡ được càng tốt (có điều mình không nên mua sắm hình-tượng cho nhiều).

Khi đến chùa cũng phải tôn-trọng sự thờ-phượng trong chùa không nên hủy-báng.

ĐỐI VỚI CÁC TÔN-GIÁO KHÁC VÀ NHÂN-SANH.— Đối với những người theo tôn-giáo khác, không nên động chạm đến cách-thức tu-hành của họ. Nhứt là không ý động hiếp đáp hoặc nói xấu người ta. Nếu họ có làm dữ với mình, thì mình cũng chẳng được phép vì sự dữ của họ mà trả thù, và phải luôn luôn làm lành với họ. Mình phải hoài hoài làm phải với những kẻ ấy dầu họ có làm quấy với mình cũng mặc và phải nhẫn-nhịn họ.

Đối với nhân-sanh, bao giờ cũng phải hòa hợp với họ và làm cho đôi đảng có thiện-cảm với nhau. Phải

biết thương xót đến họ và nếu khi nào họ cần dùng, phải rán hết sức giúp-đỡ họ.

ĐỂ TÓC.— Tất cả môn-đạo nên biết rằng Thầy không có buộc để tóc, vì đó thuộc về phong-tục chớ chẳng phải về tôn-giáo; nhưng sở-dĩ Thầy để tóc là muốn giữ kỷ-niệm cái phong-tục cổ của Tổ-Tiên và tỏ cho thiên hạ biết Thầy không chịu ảnh hưởng cái đời văn-minh cận-bã của phương Tây. Thấy vậy, nhiều người trong môn-đạo yêu mến Thầy liền bắc chước, vì thế số đông người hiểu lầm rằng để tóc là tu. *Thật ra tu là tu, để tóc là để tóc, và tu không phải là để tóc, để tóc không phải là tu. Nếu để tóc mà không chịu trau tâm sửa tánh cũng chẳng phải là kẻ tu-hành.* Từ rày trở đi, đã thoát được ách người Pháp và tùy theo phong-trào tiến-hóa của nước nhà, Thầy cho phép môn-đạo tự-do cải-cách hầu hòa-hợp với lương dân cùng tôn-giáo khác.

SỰ HỌC.— Sự học hành không làm trở ngại cho đạo-đức. Trái lại, nhờ nó mình được biết rõ-ràng giáo-lý cao-siêu của tôn-giáo. Nó tránh cho mình những sự lạc lầm, bỏ các điều dị-đoan mê-tín. Nó làm cho mình dẹp bỏ những điều huyền-hoặc không bàn-bạc những chuyện xa vời (như tiên-đoán thiên-cơ chẳng hạn...).

Vậy hãy tự mình học hỏi (học chữ quốc-ngữ...) và hãy cho con cháu mình vào trường học tập đặng sự hiểu biết của chúng thêm rộng-rãi. Và lại, sự hiểu biết về khoa-học không cản-trở sự tu-hành và nó giúp cho mình nghiên-cứu Phật Đạo một cách rành-rẽ.

THỂ-DỤC.— Người trong bôn-đạo nam nữ bất-luận, phải giữ-gìn thân-thể cho khỏe-mạnh. Như thế nên luyện-tập những môn thể-dục nào hợp với sức khỏe nếu mình muốn, bởi vì xác-thịt có khỏe mạnh tinh-thần mới sáng suốt, như vậy mình mới có thể làm sự đạo nghĩa một cách đắc-lực.

ĂN Ồ.— Kẻ tu-hành ăn uống phải có điều-độ. Tránh những món ngon, song nấu toàn đồ độc cho cơ-thể ăn vào sanh bịnh.

Phải giữ-gìn thân-thể sạch-sẽ và từ nhà cửa cho đến chỗ ăn, chỗ nằm, phải biết trọng vệ-sinh. Bỏ những thói quen ăn ở dơ-bẩn, vì xác-thịt dơ-dáy thì tinh-thần không thể nào mở-mang được, và vì Thần Thánh chỉ gần những kẻ trong sạch; nên nếu ai muốn được tiếp-độ phải trong sạch vừa tinh-thần lẫn vật-chất.

CÁCH LÀM ĂN.— Cách làm ăn phải y như trong mục Bát-Chánh đã dạy :

— Bỏ những sự bất chánh: lường cân, tráo đấu, buôn lậu, đầu cơ, buôn rượu, bán thuốc phiện...

— Làm những nghề lương-thiện, không có lường gạt ai, bỏ những thói gian xảo.

ĐIỀU-KIỆN VÀO ĐẠO.— Người nào muốn quy-y phải có hai người bôn-đạo cũ, có đức-hạnh tiên-cử và bảo-lãnh, đến Ban Trị-Sự trong làng cho người làm đầu biết và người làm đầu phải đọc hết thể-lệ về sự tu-hành cho người quy-y nghe, hỏi coi có bằng lòng quy-y như lời nguyện dạy và răn cấm trong Đạo chăng.

Nếu họ bằng lòng, biểu họ về nhà cho ông bà, cha mẹ biết, hoặc nguyện trước bàn thờ ông bà, tổ-tiên rằng: Ngày ... tháng ... con chịu quy-y theo Đạo. Sau đó, người làm đầu (Hội-Trưởng) cho cuốn sách nhỏ này. Chỗ nào không có Ban Trị-Sự, hai người bôn-đạo cũ phải diu-dắt người mới, rồi sau sẽ dẫn lên Ban Trị-Sự gần đó, không bắt-buộc thề thốt chi hết, vì người muốn tu do nơi sự phát-nguyện của mình thôi. Khi nào mình không muốn giữ Đạo, mình phải cho người tiến-cử hay được bôi tên mình ra. Không người nào được phép xưng mình là người trong Đạo mà lại không giữ luật. Kẻ nào làm trái luật-lệ trong sự đạo-đức, dầu không xin thôi Đạo hay là chưa bị bôi tên cũng bị trách-nhiệm việc làm của họ và bị coi như người ngoại Đạo.

Nên nhớ rằng: Đức Phật sẽ diu-dắt và ủng-hộ những kẻ nào làm ăn chơn thật, hiền lành đúng theo giáo-lý của Ngài; chớ không bao giờ Ngài lại ủng-hộ những kẻ gian-tà xảo-quyệt, làm các việc hung-ác ôn-gông-cuồng trái những lời mà Ngài đã chỉ dạy.



SỰ CÚNG LẠY CỦA NGƯỜI CƯ-SĨ TẠI GIA

BÀI NGUYỆN TRƯỚC BÀN THỜ ÔNG BÀ

Cầm hương xá 3 xá quì xuống chấp tay đưa lên trán nguyện:

Cúi kính dựng hương trước Cửu-Huyền,
Cầu trên Thất-Tổ chứng lòng thiêng.
Nay con tỉnh-ngộ quy-y Phật,
Chí dốc tu-hiền tạo phước-duyên.

Cầm hương rồi đứng ngay thẳng chấp tay vào ngực đọc tiếp:

Cúi đầu lạy tạ Tổ-Tông,
Báo ơn sanh-dưỡng dày công nhọc-nhần.
Rày con xin giữ Đạo hằng,
Tu cầu Tông-Tổ siêu-thăng Phật-đài.
Nguyện làm cho đẹp mặt mày,
Thoát nơi khổ-hải Liên-đài được lên.
Mong nhờ Đức Cả bề trên,
Độ con yên-ổn vững bền cội tu. (lạy 4 lạy)

BÀI NGUYỆN TRƯỚC BÀN THỜ PHẬT

Cầm hương xá 3 xá, quì xuống chấp tay đưa lên trán đọc bài Quy-Y:

Nam Mô Ta-Bà Giáo-Chủ Bồn-Sư Thích-Ca
Mâu-Ni Phật (tam niệm).

Nam Mô Thập Phương Phật.

Nam Mô Thập Phương Pháp.

Nam Mô Thập Phương Tăng.

Nam Mô Phật-TỔ, Phật-Thầy, Quan Thượng-Dăng Đại-Thần, chư quan Cựu Thần, chư vị Sơn-Thần, chư vị Năm Non Bảy-Núi, cảm-ứng chứng-minh, nay con nguyện cải-hối ăn-năn, làm lành lánh dữ, quy-y theo mây Ngài, tu-hiền theo Phật Đạo.

Cắm hương lạy 4 lạy cũng được, hoặc cắm hương đứng ngay thẳng chấp tay vào ngực đọc tiếp:

Nam Mô Tây-Phương Cực-Lạc thế-giới Đại-từ Đại-bi phổ-độ chúng-sanh A-Di-Đà Phật.

Nam Mô nhứt nguyện cầu: Thiên-Hoàng, Địa-Hoàng, Nhơn-Hoàng, Liên-hoa hải-hội, thượng Phật từ-bi, Phật-vương độ chúng, thế-giới bình-an.

Nam Mô nhị nguyện cầu: Cứu-Huyền Thất-TỔ Tịnh-độ siêu-sanh.

Nam Mô tam nguyện cầu: Phụ-mẫu tại đường tăng long phước-thọ, phụ-mẫu quá khứ trực vãng Tây-phương.

Nam Mô tứ nguyện-cầu: Bá-tánh vạn dân từ-tâm bác-ái, giải-thoát mê-ly.

Nam Mô ngũ nguyện-cầu: Phật-TỔ, Phật-Thầy từ-bi xá tội đệ-tử tiêu tai tịnh sự, trí-huệ thông-minh, giai đắc đạo quả.

Lạy 4 lạy rồi xá:

1 xá chính giữa niệm: Nam Mô A-Di-Đà Phật.

1 xá bên trái niệm: Nam Mô Đại-Thế-Chí Bồ-Tát.

1 xá bên mặt niệm: Nam Mô Quan-Thế-Âm Bồ-Tát.

BÀN THÔNG THIÊN

Cầu-nguyện bàn Phật xong, ra bàn Thông Thiên cầu nguyện 4 hướng (lấy bàn Thông Thiên làm hướng chánh) trước mặt, sau lưng, hai bên vai.

Hướng chánh bàn Thông Thiên có nguyện đọc bài Quy-Y, còn ba hướng kia chỉ đọc bài Tây-Phương ngũ nguyện (*mỗi hướng đọc rồi lay 4 lay*).

(Khi cầu nguyện nếu không thể lay được thì xá 3 xá).

Lay đứng hay lay quì tùy theo lúc yếu mạnh.

NIỆM PHẬT

Cúng xong muốn niệm Phật cũng được. Ngồi bán già thẳng lưng niệm: Nam Mô A-Di-Đà Phật.

Hay niệm: Nam Mô Tây-Phương Cực-lạc thế-giới tam thập lục vạn ức, nhưt thập nhưt vạn, cửu thiên ngũ bá đồng danh đồng hiệu đại-từ đại-bi phổ-độ chúng-sanh A-Di-Đà Phật.

(Niệm Phật nhiều ít tùy theo sức mình, lúc cầu-nguyện và niệm Phật chỉ niệm trong tâm).

Nam Mô A-Di-Đà Phật, sáu chữ đi, đứng, nằm, ngồi, rán niệm chớ quên, không đợi gì thời-khắc.

KHI ĂN CƠM

Mỗi khi ăn cơm với mắm muối chi cũng vậy đều nguyện vái Cửu-Huyền, Thất-Tổ, ông bà cha mẹ quá vãng về ăn với mình để tỏ lòng hiếu-thảo.

ĂN CHAY

Đến ngày đơm-quả có chi cúng này.

Ăn chay ngày 14 – 15, 29 – 30, tháng thiếu 29 và mùng 1, có nhang thì đốt, không có thì nguyện không.

Hằng năm đến ba ngày xuân nhựt thì ngày 29 – 30 và mùng 1 phải ăn chay, trong mấy ngày ăn chay phải cúng chay, qua đến ngày mùng 2 có chi cúng này cũng được, đến ngày mùng 3 ra mắt không nên sát-sanh loài vật mà cúng-tế Trời Phật, chỉ dùng bông hoa mà cúng thôi.

ĐI XA NHÀ

Đi làm ruộng đến thời cúng, ngó về hướng Tây nguyện rồi xá 4 hướng. Còn đi xa nhà thì nguyện tưởng trong tâm cũng được.



LỜI KHUYÊN BỒN-ĐẠO



Khi đã coi giảng thì phải tự xét mình và sửa-sang những thói hư tật xấu, mình làm lỗi thì rút bỏ và giữ những điều răn cấm sau đây:

Điều thứ nhất: Ta chẳng nên uống rượu, cờ-bạc, á-phiện, chơi bời theo đàn điếm, phải giữ cho tròn luân-lý tam-cang ngũ-thường.

Điều thứ nhì: Ta chẳng nên lười-biếng, phải cần-kiệm, sót-sắng, lo làm ăn và lo tu-hiền chơn chất, chẳng nên gây-gỗ lẫn nhau, hãy tha-thứ tội-lỗi cho nhau trong khi nóng giận.

Điều thứ ba: Ta chẳng nên ăn-xài chung dọn cho thái quá và lợi-dụng tiền tài mà đành quên nhơn-nghĩa và đạo-lý, đừng ích-kỷ và xu-phụng kẻ giàu sang, phụ người nghèo khó.

Điều thứ tư: Ta chẳng nên kêu Trời, Phật, Thần, Thánh mà sai hay hoặc nguyên-rủa vì Thần Thánh không can phạm đến ta.

Điều thứ năm: Ta chẳng nên ăn thịt trâu, chó, bò và không nên sát-sanh hại vật mà cúng Thần Thánh nào, vì Thần Thánh không bao giờ dùng hối-lộ mà tha tội cho ta, vì nếu ta làm tội sẽ hưởng tội, còn những hạng ăn đồ cúng kiếng mà làm hết bệnh là Tà Thần; nếu ta cúng kiếng mãi thì nó ăn quen sẽ nhiều hại ta.

Điều thứ sáu: Ta không nên đốt giấy tiền vàng-bạc, giấy quần-áo mà tốn tiền vô-lý, vì cõi Diêm-Vương không bao giờ ăn hối-lộ của ta, mà cũng không xài được nữa, phải để tiền lãng-phí ấy mà trợ cứu cho những người lỡ đường đói rách, tàn tật.

Điều thứ bảy: Đứng trước mọi việc chi về sự đời hay đạo-đức, ta phải suy-xét cho minh lý rồi sẽ phán-đoán việc ấy.

Điều thứ tám: Tóm tắt, ta phải thương yêu lẫn nhau như con một cha, diu-dắt lẫn nhau vào con đường đạo-đức, nếu ai giữ đặng trọn lành trọn sáng về nơi cõi Tây-phương an-dưỡng mà học Đạo cho hoàn-toàn đặng trở lại cứu vớt chúng-sanh.

Tất cả thiện-nam tín-nữ trong Tôn-giáo nhà Phật lúc rảnh việc nên thường coi kê giảng mà giữ-gìn phong-hóa nước nhà, giữ những tục-lệ chơn-chánh, bỏ tất cả những sự dị-đoan mê-tín thái quá mà làm cho đạo-đức suy-đổi.

*Đạo-pháp thường hay dung với hòa,
Xét người cho tột xét thân ta.
Nếu người rõ phận vui lòng thứ,
Ta thứ được người, người thứ ta.*



PHẦN THỨ HAI
THI VĂN GIÁO-LÝ

**NHỮNG BÀI SÁNG-TÁC
NĂM KỶ-MÃO
(1939)**

NĂM KỶ-MÃO

(1939)

LỘ CHÚT CƠ HUYỀN

1. Trần-thế lợi danh giấc mộng tràng,
Đời cùng Tiên Phật hạ phạm gian.
Hỡi ai tâm trí mau tâm Đạo,
Tâm đáng hiền-từ cứu thế-gian.
Khấp trong bá-tánh kẻ cảnh khổ,
Đạo-đức hiền-lành kiến Tiên-bang.



- Thiên Địa u-minh dĩ đạo tràng,
Thập bát chư hầu lụy há khan.
Đạo-lý tầm sâu, sâu chẳng cạn,
10. Đời cùng ly-loạn khắp chư bang.



Thương hải tang điền ất chẳng yên,
Thiên Địa diệt gian dĩ thiện riêng.
Cơ thâm họa diệc từ đây có,
Bộ máy thiên-cơ ất đảo huyền.
Tuất-Hợi nhị niên giai tiền định,
Huờn lai Thượng-cổ mới bình-yên.



- Diên này vốn thiệt ở núi Vàng,
Thương đời nói rõ việc làm than.
Khuyên trong lê-thứ mau mau tỉnh,
20. Yên trí nghĩ suy biết đá vàng.



21. Ý gì Tiên-Trưởng muốn khuyên đời,
 Mà đời lầm-lạc lắm đời ôi !
 Đạo-đức nhuốc-nhơ mà sao đặng,
 Tình giặc mau mau mới kịp thời.



Bi-động từ tâm gọi mấy lời,
 Chúng-sanh Nam Bắc lụy tuôn rơi.
 Kim-Son xem thấy lòng tha-thiết,
 Mà còn nhiều lắm, chúng-sanh ôi !



30. Nam-Việt cúi lòn dài dậm-dặc,
 Nhưng ấy chẳng qua tại lẽ trời.
 Đạo-hạnh huyền-cơ khuyên đó kiếm,
 Chẳng vậy sau này khó thành-thời.



Cổ-ngữ hằng ghi thậm khổ đa,
 Tận diệt nhơn-gian trực tiên khoa.
 Lão giả hậu qui nhơn ấu giả,
 Ly-kỳ thiên định dĩ thiên-la.



40. Tây-Phương trở gót quá xa đàng,
 Thương xót Nam-kỳ lại An-giang.
 Đoái thấy xóm làng thêm bắt chán,
 Yêu đời mê-muội luống bầm gan.



Thiên-Trước tòa sen có chỗ ngồi,
 Xuống trần chẳng dụng chốn cao ngời.
 Khắp trong Sáu-Tĩnh toàn giả dối,
 Xá phước tăng-sư tạo việc tồi.

48. Thiên-cơ thế-giới đà biến-chuyển,
Từ rày trần-hạ lợi danh trôi.
Tu-hành giả dối khuyên khá đời,
Cúng kiếng trai đàn cũng nên thôi.

Hòa-Hảo, tháng 6 năm Kỷ-Mão.



CHO ĐỨC ÔNG MẮT GHE

Thoàn nhỏ ly gia vị tất nan,
Bửu sanh du-lịch Lục-Châu giang.
Kim-Son thương-mãi toàn lê-thứ,
Thức tỉnh bá-gia giấc mộng tràng.

*(Đức Thầy đọc bài này cho Đức Ông nghe và bảo
Đức Ông kiểm máy ông thầy nho mượn bàn thử !).*

Hòa-Hảo, tháng 7 Kỷ-Mão.



MẶC TÌNH AI

(Nhơn việc người ngoại Đạo chỉ-trích Đức Thầy)

Bá-gia mặt lạt mặc tình ai,
Đạo-lý tâm đầu chẳng thấy rày.
Chỉ thấy hình trơ thân xác trọi,
Ai người tâm đạo nghĩ càng hay;
Ai người thích đạo thấy chàng rày.



Thầm thầm tối tối gẫm ai hay,
Mặc sức dương-trần chữ đấng cay.

Có bấu thì ta dành của bấu,
Ai tầm cho giỏi mới được hay.



Lo lo liệu liệu chịu tiếng trần,
Có một hội này rán lập thân.
Chớ để trễ chầy rèn chẳng kịp,
Khuyên ai khuya sớm rán chuyên cần.

Hòa-Hảo, tháng 6 năm Kỷ-Mão.



BÁNH MÌ

Mì kia gốc phải nước mình không ?
Nghe thấy rao mì thốt động lòng.
Chiếc bánh nảo-nùng mùi khách lạ,
Bát cơm đau-đớn máu cha ông.
Văn-minh những vỏ trung ba mặt,
Thẩm-thía tim gan ứa máu giòng.
Nhớ lại bảy mươi năm trở ngược,
Say mì lắm kẻ bán non sông.



Khải-hoàn dân-chúng mới nhàn an,
Dân mẫn còn mê giấc mộng tràng.
Thảm-thê thế-sự mùi cay đắng,
Ta hỡi đau lòng khách ngoại bang.

Hòa-Hảo, năm Kỷ-Mão (tại nhà ông Nguyễn-Duy-Hình).



Ông LƯƠNG-VĂN-TỐT hỏi :

(Ông Tốt ở làng Mỹ-Hội-Đông, tỉnh Long-Xuyên)

Mộ đạo ơn trên chưa hiểu danh,
Xin ông phân cặn chúng nghe rành.
Ba ngàn thế-giới ai là chủ ?
Mở lượng từ-bi dạy chúng-sanh.

ĐỨC THẦY đáp họa :

1. Vưng lịnh Phật Tôn chưa hiệu danh,
Ngặt vì pháp-luật khó phân rành.
Càn-khôn muốn biết ai là chủ,
Tu-hành theo dõi đến mây xanh.



Vì sao thế-giới lại ba ngàn ?
Học đã rành chưa đến hỏi han ?
Đã lăm nho-văn thì hãy đổi,
Đáp lời cho vẹn kiến Tiên-bang.



10. Đòi văn-vật say mê khổ thảm,
Người nào đã tường lăm nho-văn;
Xưa nay mèo-mả lung-lãng,
Làm cho quên mất Đạo hằng thánh-nhon.
Nay gặp kẻ có cơn thức-tỉnh,
Phận làm người thủng-thỉnh sửa-sang.
Tay xuống bút nói lang chuyện thế,
Bày Đạo màu cứu-tế nhơn sanh;
Kìa kìa các bực công-khanh,
Miếu son tạc để dành rành chẳng sai.

- Hỡi ai kẻ học hay lo liệu,
 20. Rút bụi trần bận-bịu làm chi.
 Làm cho rồi phận tu-mi,
 Sau này sẽ thấy ly-kỳ Năm-Non.
 Chùng Bảy-Núi lâu son lộ vẻ,
 Thì người già hóa trẻ dân ôi !
 Tu-hành ắt được thanh-thời,
 Lại xem được Phật được Trời báu thay !
 Thân hành Đạo đấng cay phải chịu,
 Phận làm người phải liệu cho xong.
 Cần chi gạn hỏi viển-vông,
 30. Làm người chưa vẹn khó hòng thanh-thời.
 Nói nhiều lắm xe lơ tình nghĩa,
 Chữ hiền-lành trau-trũa cho xong.
 Thấy đời trần hạ long-đong,
 Chẳng lo khó thấy Mây-Rồng hội kia.

Hòa-Hảo, tháng 6 năm Kỷ-Mão.



CHO CÔ TƯ CỨNG Ở HÒA-HẢO (CHÂU-ĐỐC) MẮT ĐỒ

Kích động thiện tâm lụy xót-xa,
 Thoàn loan trở gót dụng tiên-khoa.
 Khuyên giải phạm nhờn tan sàu muộn,
 Vật-dụng gia-đình khó kiếm ra.



Thương đó lòng đây rất thiết-tha,
 Thiên định số căn mới xảy ra.

Đoái thấy tà-gian Trung-Trực ghét,
Nhưng vì vận hạn chẳng phui ra.

Hòa-Hảo, ngày 17 tháng 7 năm Kỷ-Mão.

(Bài này Đức Thầy bảo cậu út Huỳnh-Thạnh-Mậu, bào-đệ của Ngài, đem trao cho cô tư Cứng nói rằng là “của ông thầy bói mượn đưa cho cô”).

L.S.G.— Trong cuốn “Sấm Giảng khuyên người đời tu-niệm” có đoạn nói về chuyện cô tư Cứng mất đồ như vầy:

*“Con thuyền đơng lướt gió sương,
Bỗng nghe tiếng khóc tu-lương ai-hoài.
Có người ở xóm bằng nay,
Bị mất trộm rày đồ-đạc sạch trơn.
Du-thần bày tỏ nguồn cơn,
Rằng người nghèo khó đơng hờn phận duyên.
Diên nghe vội-vã quày thuyền,
Dùng khoa coi bói giải phiền phàm nhơn.
Coi rồi bày tỏ thiệt hơn,
Khuyên cô đừng giận đừng hờn làm chi.”*



CHO ĐỨC ÔNG VÀ ĐỨC BÀ

Chùng nào vết nọ liền da, ⁽¹⁾
Chuột kia mẫn hạn khỉ vào vườn hoa.
Ấy là thời đại của Ta,
Thầy ra cứu thế mới là hiển-vinh.

Hòa-Hảo, tháng 8 năm Kỷ-Mão.

⁽¹⁾ Sau khi đi Tà-Lon với Đức Thầy về, Đức Ông đau bàn chơn trái ngón hai tháng.

« HỒ HÒ KHOAN » ⁽¹⁾

Huỳnh long lộ vĩ; Bạch-sĩ tiên sanh,
 Nam-quốc công khanh; Ra đòi cứu tề;
 Hồ xang xự xế; Mắc kế Trương-Lương,
 Tự giác thôn-hương; Qua dương cơ-khí.
 Lập chí hiền nhơn; Nên mới có con,
 Thất-Son tiếng nổ; Qui cổ diệt kim.
 Cừ cừ y nhiên; Tình riêng tham báu,
 Đổ máu tuôn rơi; Khùng mới nói chơi,
 Chư bang hàng-phục.
 Anh hồ hò khoan; Tình lang xự xế,
 Bỏ phé hương thôn; Ác đức vô môn.
 Ròng Mây hội yên; Ra đòi bắt chiến,
 Nổi tiếng từ-bi; Lời lẽ rán ghi.
 Thành công êm thắm; Có lắm người yêu.

Hòa-Hảo, lời tháng 8 năm Kỷ-Mão.



HƯƠNG-CHỦ ĐẠT xướng :

(Ông Đạt ở làng Nhơn-Mỹ, tỉnh Long-Xuyên)

Đạo màu phận tứ hiếu chưa rành,
 Cầu nguyện Di-Đà độ chúng-sanh.

⁽¹⁾ Phần nhiều bài của Đức Thầy không có đề tựa. Muốn cho tiện việc sắp-đặt trong quyển sách này, chúng tôi tùy theo ý nghĩa của mỗi bài mà đề một cái tựa. Những bài nào có tựa mà chúng tôi chắc rằng do Đức Thầy đặt thì chúng tôi để vào cái móc (entrecrochets).

Bể giác, bờ mê mong thoát khỏi,
Nhờ thuyền bát-nhã giúp công thành.

ĐỨC THẦY họa :

Thâm diệu rồi đây cũng hiểu rành,
Một lòng nguyện độ tận nhơn-sanh.
Giác-mê hai chữ rồi Ta chỉ,
Chí dốc ngày kia sẽ đạt thành.

Hòa-Hảo, năm Kỷ-Mão.



Ông NGUYỄN-THANH-TÂN xướng :

Ông Nguyễn-Thanh-Tân, tức Hương-lễ Ưống là người ở làng Mỹ-Hội-Đông, thuộc tỉnh Long-Xuyên. Theo lời một người con trai của ông, thì mấy bài thi dưới đây ông đã làm khi diện-kiến Đức Thầy lần thứ nhứt:

Phận hèn cảm tưởng nghĩa non sông,
Hắn mặt rồi đây khách cõi Bồng.
Cảm-tú lắng tai người Nhược-thủy,
Từ-bi cảm-ứng thứ trung thông.

ĐỨC THẦY đáp họa :

Cảm nghĩa sĩ hiền tưởng núi sông,
Thương người đưa đến chốn tiên Bồng.
Cảm-tú lòng yêu vì quốc thủy,
Đợi thời đưa đến ứng trung thông.

Hòa-Hảo, năm Kỷ-Mão.

THANH-TÂN hựu tác

Mãng mê danh lợi đạo lu-bù,
 Nhờ có ơn Thầy dẫn-dắt tu.
 Mê tỉnh, tỉnh mê, mê phải tỉnh,
 Bò-đề say gục phá tâm ngu.

ĐỨC THẦY họa :

Dạy chúng chưa xong dạ rối bù,
 Mấy chục năm trường lạc chữ tu.
 Sanh-chúng say mê, mê khó tỉnh,
 Bò-đề chẳng mên, ấy người ngu.

Hòa-Hảo, năm Kỷ-Mão.

**THANH-TÂN vấn gia-đình**

Gia-đình kỷ cá hội long đàn,
 Ngưỡng vọng cao ân tổ nghiệp xang.
 Phi vụ tiết phong tâm chánh lý,
 Nho tông vị bác hiệp tôn nhan.

ĐỨC THẦY đáp :

Mộng sâu tan giác hiệp liên đàn,
 Hai chữ từ-bi thâm nghiệp an.
 Bài trí năng soi chơn giáo-lý,
 Phật tiền hưởng-úng kiến long nhan.

Hòa-Hảo, năm Kỷ-Mão.



HIẾU NGHĨA VI TIÊN

Nhơn-sanh hiếu nghĩa dĩ vi tiên,
Hành thiện tri kinh thị sĩ hiền.
Kiếm huệ phi tiêu đoàn chương-nghiệp,
Phật tiền hữu nhật vĩnh an-nhiên.

Hòa-Hảo, năm Kỷ-Mão.

(Ông Thanh-Tân có họa lại bài thơ trên đây, nhưng xin miễn chép).



CÚC CUNG BÁI

(cho ông Hương-lễ Uống)

Cúc cung, hưng báỉ, cúc cung hoàỉ,
Lui tới nhún trề, xướng lại dai.
Ton-tán, ton-tòn thêm cóc-xẻng,
Vỗ bông vác hát, thấy càng gay.



Khuyên thôi mà tiếc vẫn cung hoàỉ,
Mền trứu hơ-hà thiệt rất dai.
Sắp đến khó mong mà cóc-xẻng,
Thất mùa chẳng rước thật là gay.



Vóc-vạc trung trung béo mập người,
Tuổi vừa sồn-sộn quá năm mươi.
Bụng to tai điếc ưà nghề lể,
Thi phú thâm trầm chớ dễ người.



Khá khen cho đó ý như lời,
 Chon-chất hiền hòa ít nói chơi.
 Nhu sĩ lương-từ thêm cảm mến,
 Nên làm thi phú gheo người ơi !

Hòa-Hảo, năm Kỷ-Mão.

*(Ông Hương-lễ Ương tức Nguyễn-Thanh-Tân có đáp
 họa 4 bài thi trên đây, nhưng xin miễn đăng).*



BÀI CẦU CƠ

Nguyễn đặc thanh-danh tam hữu phân,
 Đa công hoài luyện thập niên phân.
 Chúng kỳ vật xảo thiên truyền bá,
 Phước lộ hoành thân ngũ sắc vân.

*(Bài này do một người ở Phú-Lâm, cầu cơ tại trên
 núi, đem đến Đức Thầy).*

ĐỨC THẦY HỌA

Nãi chí thi âm tất hữu phân,
 Thiên-nhiên liên huệ tác nhi phân.
 Vạn ninh hà-hải vi vương bá,
 Viễn-vọng thanh-tân tảo phi vân.

Hòa-Hảo, năm Kỷ-Mão.



NHỨC ĐẦU

Nhức đầu rang óc bởi vì đầu,
Nhức mõi lòng trông dạ hết sầu.
Nhứt dạ chờ ngày Trời trả phúc,
Nhức gân, nhức cốt cả trời Âu.



Nhức đầu bị tiếng nổ đầu đầu,
Nhứt quyết làm cho chúng thoát sầu.
Nhứt thống dân-sanh gây hạnh-phúc,
Nhứt tràng lê-thứ khỏi lo âu.

Hòa-Hảo, năm Kỷ-Mão.



KHUYÊN BỎ DỊ-ĐOAN

Thiện-tín tới đây chớ ngã lòng,
Xác trần mê mệt nổi long-đong.
Cậu, cô, chú, bác đừng coi bói,
Theo lối dị-đoan mất bạc đồng.



Bạc đồng chẳng dụng, dụng chơn không,
Quyết chí nâng-niu giống Lạc-Hồng.
Tìm-tối Đạo màu trong Phật-pháp,
Cho đời hiểu rõ lý chơn không.

Hòa-Hảo, năm Kỷ-Mão.

(Đức Thầy viết bài này vì lúc đó có nhiều người đến nhờ Ngài đoán giùm vận mạng hoặc việc gia-đình).



NGHĨ VIỆC HUYỀN-CA

1. Ngồi buồn nghĩ cạn việc huyền-ca,
 Muốn rút cho xong bể ái-hà.
 Phá bức tường mây nhìn vạn vật,
 Ngặt vì trướng lụa lấp đèn pha.
 Lôi-thôi quá chậm trong đường thẳng,
 Trễ-nải khó qua nẻo cạp-xà.
 Một bước leo bờ mà khỏi khô,
 Nam nhân chi chí hỡi đâu là.



10. Đây là ái-quốc với yêu đời,
 Phở cứu cho rồi mới thảnh-thơi.
 Trời Nam sốt ruột chờ con đỏ,
 Đất Bắc lòng lang nổi thậm lời.
 Cố tướng người trần, trần chẳng đoái,
 Tình sâu dân-sự, sự xa vời.
 Ròng tiên mở mắt nhìn thi phú,
 Hiệp mặt tớ thầy sẽ nghi-ngơi.



20. Thâm hiểu lòng Ta nổi cuộc đời,
 Một bầu nhiệt huyết chẳng xa loi.
 Mến yêu quốc-thủy tình đồng chủng,
 Phải tính sao xong nổi cuộc đời.

Hòa-Hảo, năm Kỷ-Mão.



THIÊN-LÝ ca

(Mấy bài dưới đây do ông Cả Châu ở Tân-Long, Châu-Đốc, đem trình với Đức Thầy nói rằng của “ông đồ” cho ông):

1. PHAN lòng chữ dạ chớ hoài lo,
NGOC ả non Côn tợ lửa lò.
CHÂU lạc đường dê nương bước ngựa,
Núi truông qua đặng rán lần dò.
Vườn hoa ngó khỉ giọng chiu-chít,
Cảnh nguyệt coi gà tiếng ó-o.
Tường-tận đã nghe xê công líu,
8. Hương thôn bỏ xế xự xang hò.

Đọc ngược lại bốn câu chót (từ tuyệt nghịch độc)

Hò xang xự xế bỏ thôn hương,
Líu công xê nghe đã tận-tường.
O-ó tiếng gà coi nguyệt cảnh,
Chít-chiu giọng khỉ ngó hoa vườn.



16. Quí ma hay phá rối người tu,
Đạo-đức chừ nhu rán chí hành.
Chớ bỏ lời thề nơi Phật cảnh,
Chớ quên tiếng nguyện chốn non xanh.



20. Đêm thanh vắng tiếng đờn khoan-nhật,
Nghe cho tường giọng Bắc hòa Nam.
Thích-Ca còn phé tước-hàm,
Đài cao cửa rộng mà ham tu-hành.

Hiền-đệ Châu muốn nghe lời ngọc,
Lão tử bày hình-vóc nhiệm-sâu.

(Câu này của Đức Thầy thêm. Đoạn sau đây có khúc của ông đồ, có khúc của Đức Thầy viết xen kẽ).

26. Thiên ý không riêng mới Đạo mầu,
Rằng truyền yếu-lý nhiệm cao-sâu.
Chuyển miền Nam-Địa càng thâm-diệu,
Lạc lẽ tà tâm sự đứng đầu.

30. Nguồn bạch thủy trong veo thấy dạng,
Lẽ nhiệm-mầu chưa hẳn trò ôi !
Đêm ngày buồn-bã vô hồi,
Kìa trên Tiên-cánh vị-ngôi sẵn dành.
Đạo rải khắp năm canh tỏa bút,
Dạy tận-tường chẳng chút nào sai.
Cổ nhọn tích để phân bày,
Đường chơn nẻo chánh âu ai rán tâm.
Thuyền bát-nhã chí tâm trực thẳng,
Thả ra khơi cứu dẫn khách trần.
Phù-sanh lắm cuộc lao thân,
Ngày đêm ta-thán muôn phần đốn-đau.
40. Trông đợi người tài cao đức trọng,
Hầu rõ thông thiên-võng lẽ nao.
Chí tâm tường-lắm thấp cao,
Dạy cho rõ biết Thiên-Tào nơi đâu.
Ngồi nghĩ cạn thêm sàu cho thế,
Bởi ít ai cải chế đường tà.
50. Sợ e nhiệm trước đọa sa,
46. Sợ cho lắm kẻ chan-hòa lụy tuôn.

47. Sợ nhiều kẻ dạ buồn đổi chí,
 Quên những câu chánh kỷ hóa nhơn.
 Mảng lo tìm kiếm tước quờn,
50. Thất kỳ vọng tưởng lánh chơn đường lành.
 Trong buổi khổ mau mau tránh khổ,
 Rán tầm vào đến chỗ an cư.
 Học câu hi-xả đại từ,
 Nêu gương nghĩa sĩ dạ tư chớ gàn.
 Câu bát-chánh rán mài chạm dạ,
 Tứ mục-điều người khá hành y.
 Muôn thu thiên định nhứt kỳ,
 Hạ-nguơn sắc-lệnh khai kỳ Long-Hoa.
 Rán vệt phá sương mù trước mắt,
60. Chớ để cho quỷ dặt linh hồn.
 Lão đây vưng lịnh Phật-Tôn,
 Lãnh cân thưởng phạt chư môn dữ lành.
 Khá chí tâm học-hành kinh sám,
 Thoát nơi miền hắc-ám phong-ba.
 Trở chơn cho kịp Long-Hoa,
 Long-Hoa có mặt ấy là hiền nhơn.
 Đền nợ thế nghĩa-ơn trọn vẹn,
 Lấy tinh-thần hiệp vén ngút-mây.
 Chớ nên bắt-bẻ Phật-Thầy,
70. Ngày sau phải chịu đọa-đày chớ than.



- Cuối năm Thìn sẽ lo vận chuyển,
 Xứ “Hà-tiên” linh-hiễn cơ-quan.
 Nhơn-sanh sẽ hiệp một đàng,
74. Hết Thìn rồi lập Nhơn-Hoàng hội ra.

75. Khuyên sanh-chúng gần xa phân cặn,
 Dụng Nhơn-Hoàng cho rạng Á-Đông.
 Chúng-sanh phải tưởng giống-dòng,
 Hiệp tâm hiệp trí cột đồng nhà Nam.
 Phật chỉ dạy qui tam lập hội,
80. Dụng cho rồi một cội thành ba.
 Chớ mong yển thử ẩm hà,
 Mười ngàn năm lẻ cửa nhà đầu con.
 Ta nhắc lại héo von cho trẻ,
 Cứ đầu lưng đừng rẽ đừng chia.
 Cả kêu lớn nhỏ quày via,
 Trên hòa dưới thuận chớ lia chớ phân.
 Long-Hoa hội ân-cần lo lập,
 Lập cho rồi tam-thập-lục nhơn.
 Lô-Âm giục khởi tiếng đờn,
90. Thất-Sơn dấy loạn là cơn hiểm-nghèo.
 Nơi phía trước cheo leo tiếng khóc,
 Đứng sau lưng hình-vóc dầy chun.
 Nước kia lửa nọ tung-bùng,
 Thảm cho thế-sự lầy-lùng nạn-tai.
 Thời cũng tại không ai tu-niệm,
 Cứ lẳng-lơ ngạo biếm khoe-khoang.
 Đến nay là buổi tai-nàn,
 Tam thiên lục bá khắp tràn hại dân.
 Đến Thân-Dậu Thánh-Thần náo-động,
100. Thảm cho trần nhà trống ruộng hoang.
 Tiếng than lụy ngọc nhỏ tràn,
 Nạn-tai dòn-dập xóm làng còn chi.
 Khuyên sanh-chúng rán ghi mỗi Đạo,
104. Lòng hằng lo ngay thảo nghe con.

105. Tương đưa giữ phận cho tròn,
Cuối niên Thân-Dậu mất còn sẽ phân.
Trong một giáp ân-cần suy tính,
Muốn làm hiền rán nhịn đừng than.
Đến nay gần buổi khoa tràng,
110. Minh-Quân xuất thế khắp tràng thanh-thời.
Đến Thân-Dậu cơ trời thấy lộ,
Hết đao-binh qui cổ diệt kim.
Gia vô bé hộ im-lìm,
Lập thành mỗi Đạo rõ điềm xưa kia.
Thì dân-chúng danh bia hậu thế,
Phật, Thánh, Tiên kèm chế lập thành.
Diệt tà lập chánh đành-rành,
Ba màu nắm chặt Nam-thành xử phân.
Trong tam giáo ân-cần mở Đạo,
120. Trường ngoại bang phục đảo như xưa.
Phật Tiên vận-chuyển lọc-lừa,
Chúng-sanh rán nhớ muối dưa hội này.
Trên cùng dưới sum vầy một buổi,
Dựng mười hai may rủi mới hay.
Làm cho rõ mặt râu mày,
Thượng-nguồn hồi-phục là ngày an-cư.
Cuối Thân-Dậu y như Thượng-cổ,
Thời nhơn-sanh hết khổ đến may.
Đế-Vương xuất thế là ngày,
130. Dậu, Thân bình-trị trong ngoài âu ca.
Phân chỉ rành gần xa để dạ,
Chớ đảo-điên phải đọa phải sa.
Nghĩ suy cho thấu mới là,
134. Một bày Hồng-Lạc nay đà thanh-thời.

135. Khuyên sanh-chúng nhớ lời Ta tỏ,
Trước cùng sau chỉ rõ mỗi đàng.
Nhơn-sanh giữ phận chó than,
Minh-Vương xuất thế mới an dân lành.

- Gội ơn Trời độ khỏi sai lầm,
140. Xin giúp chí bền, chí dục tâm.
Hộ mạng thần Quan-Âm trợ lực,
Nguyện thân ý nhiệm xứng công thần.*



- Từ-bi Trời Phật độ quần sanh,
Cứu khỏi tai ương vạn sự lành.
Đệ-tử gội nhuần ân đức cả,
146. Chung thân quyết chí dốc làm lành.*

Đoạn dưới đây là hoàn toàn của Đức Thầy (chép theo bốn chánh).

147. Buồn voi mượn bút tay đề,
Đã rời trần-thế dựa kê Tiên-bang.
Tay chèo miệng nói lang-mang,
150. Chúng-sanh cách trở nghèo-nàn hỡi ai.
Lục-châu Ta dạo bằng nay,
Thấy trong lê-thứ quá dài gian-nan.
Động tình tá quốc an bang,
Nước nhà vững đặt Nam-đàng hiển-vinh.
Bây giờ Ta mượn kệ kinh,
Khuyên ai mau kíp sửa mình cho an.
Bữa xưa giảng-kệ một nang,
158. Bởi vì Ta mắc đời thoàn cảnh xa.

- Ngày nay Ta cũng nô-m-na,
160. Gẫm trong lê-thứ hằng-hà lụy roi.
Chùng nào mới đặng thanh-thời,
Qua năm Tuất-Hợi Phật Trời định phân.
Chim Ô đà dựa cầu Ngân,
Người xưa trở gót cho gàn người nay.
Người nay rồi vện thảo ngay,
Thì là thấy tận mặt mày người xưa.
Nguyện cầu gắng chí sớm trưa,
Cầu cho bá-tánh sớm ưa tu-hành.
Đầu đuôi Ta tỏ ngọn ngành,
170. Mau mau trau-trĩa chữ lành cho xong.
Đến chùng lập hội mới mong,
Trở về chúa cũ mới hòng xuê-xang.
Người hiền như thể cỏ lan,
Người hung chết rất chật đàng thắm thay.
Cả kêu kìa hỡi là ai,
Quan trường rời dứt mặt mày chùi lau.
Lui chơn ra khỏi cho mau,
Tìm trong lánh đục tâu-đào mới ngoan.
Theo Ta đến chốn Tiên-bang,
180. Đặng coi các nước hội hàng Năm-Non.
Đạo Phật vốn ngàn xưa rạng tỏ,
Nay lu-lờ bị mỗ cùng chuông.
Thấy chúng-sanh đắp Phật bán buôn,
Mà tội-lỗi ngàn muôn lao-ly.
Cho đó hiểu nhiều câu huyền-bí,
Rán nghĩ suy bền chí mới màu.
Đẹp lợi danh đẹp hết mộng sầu,
188. Đặng trở lại với cha cùng chúa.

- Nếu chẳng lo cũng như lá úa,
 190. Lá úa vàng nó rụng người ôi !
 Ngàn năm mới có một đời,
 Tới chùng lập hội Phật-Trời xử phân.
 Ai muốn gần bệ ngọc các lân,
 Thì phải rán lập thân nuôi chí.
 Ta cho đó ít câu hữu lý,
 Diệt tâm trần lập chí hiền-nhơn.
 Đục trong đà tỏ nguồn cơn,
 Lời Ta khuyên đó như đờn Bá-Nha.
 Mặc ai biếm-nhẽ gần xa,
 200. Lòng ta, ta biết ai mà mặc ai.
 Đây khuyên đó đắng cay rán chịu,
 Mặc người trên bận-bịu chẳng phê.
 Muốn cho thân vượt khỏi lề,
 Cấm sào trì chí một bề lo tu.
 Kim ngọc nan tri tường đông hải,
 Phật tà phàm tục tất nan tri.
 Ăn xác phàm phu gìn Thích-Đạo,
 Mặc tình thế-sự chúng khinh-khi.
 Mấy kẻ tu mi tròn nhờn đạo,
 210. Hiền-nhơn thức tỉnh kiến huyên-vi.
 Ngay thẳng hiếu-trung trang hiền-thảo,
 Kim-thời bá-tánh gọi ngu-si.
 Nợ thế đền xong mong giai lão,
 Hiền thần hiếu-nghĩa đáng nên ghi.
 Lâm sâu mộng ở trong trần-thế,
 Việc tu-hành như ế chợ đông.
 Mảng lo danh lợi nảo-nồng,
 218. Chữ tu để dạ chó hòng lợt-phai.

220. Mặc tình ai gièm-pha tai tiếng,
Sửa tâm lành như miếng hoa thơm.
Đến chùng hoa nở nhụy đơm,
Thì là trần-thế mới hờm bẻ hoa.
Câu đạo-lý thiệt tường thiệt tận,
Khuyên dương-trần bớt giận đừng gậy.
Kìa kìa sủng nổ trời Tây,
Đến năm Thân-Dậu tai đầy sấm vang.
Hung-đồ với lũ dọc-ngang,
Đến sau rơi máu khắp tràng mới tu.
Thấy đạo-lý còn lu chưa tỏ,
230. Dân ganh hiền ghét ngỗ làm chi ?
Buồn đời xuống bút làm thi,
Thương dân chịu chữ cố lý dạy dân.
Nào nào dân có biết ân,
Mạnh rồi tưởng Phật vái Thần làm chi.
Lời châu ngọc khuyên ai để dạ,
Nay gặp người quái lạ tỏ phân.
Hãy mau khuya sớm chuyên cần,
Đặng xem chư-quốc non Tần giành chia.
Nay nhằm lúc đêm khuya lặng-lẽ,
240. Nhấn ít lời cho kẻ đàng xa.
Phật-nhi tâm tánh thật-thà,
Ông còn phân biệt chánh tà nữa thôi ?
Dương-trần thường bạc như vôi,
Gặp con bát-loạn mới hồi tâm hung.
Lúc áo-não cội thung lo-liệu,
Gắng bền lòng bận-bịu vì ai.
Thất-sơn lộ vẽ đài lầu,
248. Chùng ni mới thấy nhiệm màu của Ta.

250. Khuyên bôn-đạo gần xa nuôi chí,
 Lẽ nhiệm-mâu huyền-bí nơi đây.
 Bây giờ nương bóng cờ tây,
 Mượn phân xác thịt tỏ bày thiệt hơn.
 Thương sanh-chúng đòi cơn dạ ngọc,
 Ta quyết gìn chủng-tộc giang-sơn.
 Ta Khùng mà chẳng có con,
 Cũng không có tánh giận hờn bá-gia.
 Cười rồi khóc thiết-tha liệ-điụ,
 Vợ xa chồng bận-bịu thê lương.
 Chẳng cần trà, quả, nồng hương,
 260. Miễn cho bá-tánh biết đường chơn tu.
 Nghe kệ sám như ru giấc mộng,
 Lo chê cười hầu họng reo vang.
 Ý mình nhiều của giàu sang,
 Phụ khinh Tông-Tổ chẳng màng người xưa.
 Mặc ý ai ghét ư ư ghét,
 Lấy tâm thần xem xét thể nao ?
 Sấm vang thì lộ bằng vàng,
 Chư nhu thế-giới khắp tràng tới thi.
 Chữ thi gằn chữ sâu-bi,
 270. Bị ham của báu ly-kỳ máu rơi.
 Chùng đó mới trời ơi đất hỡi,
 Mang khổ hình vì bởi chẳng tu.
 Ham vui quyền quý đại ngu,
 Chữ sang danh vọng như mù đi đêm.
 Ta nào có nói thêm cho chúng,
 Quá yêu đời viết túng ít câu.
 Ít câu mà ý nhiệm sâu,
 278. Nghĩ suy cho cạn mới hầu khôn-ngoan.

280. Đây sắp đến làm than khắp chốn,
Việc tu-hành đâu tốn tiền chi.
 Này này lời lẽ rán ghi,
Sau đây sẽ thấy việc gì trên mây.
 Ta mắc lánh tà-tây đa sự,
 Làm Điên Khùng cũng tự lẽ ni.
 Ai là đáng bực tu-mi,
Thương đời Ta mới làm thi khuyên đời.
 Còn ần-nhẫn đợi thời đưa đến,
 Nên phải làm kẻ mền người khinh.
 Người hiền tâm trí thông-minh,
290. Người hung cứ mãi chống kình với Ta.
 Theo học cổ nô-m-na ít tiếng,
 Làm nhiều điều xao-xuyến nhờn tâm.
 Chữ nhu ta học âm-thâm,
Ai là người trí rán tầm cho ra.
 Để đến lúc phong-ba biến-chuyển,
 Cảnh hồng-trần tợ biển mênh-mông.
 Mới là sợ chết ước mong,
Mà không ai cứu bởi lòng ác-gian.
 Tiếng đờn hò líu cống-xang,
300. Đêm khuya khuyên-nhủ khắp tràng chúng-sanh.
 Chốn Phật-cảnh vắng tanh kẻ tới,
 Ta ra đời nên mới đổi thay.
 Bởi vì lời lẽ thẳng ngay,
Cho nên chúng nó ghét bài phú thi.
 Thấy tăng-chúng sàu-bi dạ Mỗ,
 Kệ khuyên tràn nước đổ lá môn.
 Khấp cùng làng xóm hương-thôn,
308. Vì khôn quá thế nên tồn lại ngu.

309. Dạy đạo-đức người tu rạng lý,
Mong cho người hữu chí làm theo.
Không làm thì ắt mang eo,
312. Làm xong vượt khỏi qua đèo chông gai.

Hòa-Hảo, tháng 7 năm Kỷ-Mão.



LUẬN VIỆC TU-HÀNH

1. Tu-hành dương-thế cật đồng tiền,
Phật-Giáo vì tiền phải ngửa-nghiêng.
Bát-nhã chẳng đưa người tội ác,
Thuyền-từ nào rước lại Tây-Thiên.
Trần-gian đầy-dẫy người làm dối,
Đạo cả nào trông đến cảnh thiên.
Đoái thấy người đời lòng bất chán,
8. Dương-trần làm lạc đấng ưu-phiên.



- Muôn đặng về Thần với Thánh-Tiên,
Kỹ xem cõi thế thấy kia liền.
Cư trần bất nhiễm là người Thánh,
Lẫn tục đừng mê chứng bực hiền.
Phú quý tạo đời thêm mệt xác,
Tham danh phé Đạo chí đâu yên.
Sao bằng cửa Phật vui thanh-tịnh,
16. Lánh cõi trần mê giải nghiệp duyên.



Tiếc vì không đức, tiếc chi tiền,
Phật Thánh xưa kia sách vẫn biên.

24. Bác-ái xả thân tầm Đạo chánh,
Độ người lao khổ dạ không phiền.
Minh vàng Thái-tử ngôi còn bỏ,
Vóc ngọc Đông-cung tước phé liền.
Xem đó hỡi người mau lập chí,
Tu-hành khá nhớ giữ cho nguyên.



- Muôn đặng thành Thần với Phật Tiên,
Rán tu ân-đức chớ tu tiên.
Lợi danh chớp nháng như luồng gió,
Thấy đó rồi đâu bỗng mất liền.
Sớm thức tỉnh tâm tâm Đạo chánh,
Sau này về Phật với ngôi Tiên.
Lập thân giúp thế nên công-quả,
32. Muôn kiếp danh hiền sách vẫn biên.

Hòa-Hảo, năm Kỷ-Mão.



TAM HÙNG TRỞ MẶT

Tam hùng trở mặt ngỏ chào đời,
Từ mẫu bé nhi cũng thành-thời.
Nam-Việt xuất thần ơn trên trước,
Đó là việc nước với việc trời.

Hòa-Hảo, tháng 7 năm Kỷ-Mão.

(Bài này viết trong khi người ta đồn bà Sáu ở núi Tượng sanh 3 người con: một mặt xanh, một mặt đỏ, một mặt trắng).



LỤY TAM CHÂU

Tam châu hữu ngạn lụy nhỏ sa,
Thập bát chư bang động can qua.
Dương-gian mãnh thú trừ tàn-ác,
Lê-thứ hậu lai khổ thiết-tha.



Tần bang hậu hận tiên diêu-động,
Nam-quốc lương dân kiến linh-xa.
Phồn hoa đô hội lưu giang huyết,
Dư đảng dọc ngang cấp ma-ha.

Hòa-Hảo, tháng 8 năm Kỷ-Mão.



VÉN MÀN BÍ MẬT

1. Giục-thúc đạo-đồng kiến thúy-quyên,
Chư bang diêm tĩn sĩ danh hiền.
Sa-vi đông-hải tri thiều nhạc,
Nam-đỉnh ngọc-đài lộ kỷ tiên.
Đỡ lực hà quê trung-trực thử,
Hùng ca báo quốc nghĩa đào thiên.
Sơn ly Phật-cảnh hồi Nam-Việt,
8. Diệt khổ sanh kỳ vị trưởng miên.



BỬU-ngọc trường quan ẩn tích kỳ,
SƠN-đài lộ vẻ liễu huyền-vi.
KỶ thâm tá giả thi thành thủy,
HƯƠNG-vị âm thầm mộc túy vi.

16. NĂM năm lục nguyệt cơ hàn thử,
NON lịch đài mây rạng tu mi.
BẢY niên hòa địa nhơn hiền thử,
NÚI ngự hoàng san tự Đĩnh-Chi.



Hòa-bình thế-giải kiến Tiên-bang,
Ngô giả tùng nhùng khí đờm gian.
Hồ thiên tiểu ẩn quân tu ký,
Lương thứ dương-trần đạo dĩ an.



24. Đào-nguyên di khả tứ hồ-văn,
Khảo đảo tâm trung mãi vạn năng.
Thì lai đài ảnh chơn thiên xuất,
Vận thói thô trình trực bình thăng.

Hoà-Hảo, lối tháng 9 năm Kỷ-Mão.



THẦY BA ĐẠO ở Hòa-Hảo hỏi thuốc :

Nghे tiếng ơn trên dốc cứu đời,
Dám xin khếp-nép ngỏ đôi lời.
Nhơn-dân sắp đến vương bịnh khổ,
Tiên dược phương nào được thành-thời.

ĐỨC THẦY đáp họa :

Mượn xác ra cơ dốc dẫn đời,
Bày tỏ cùng ai ngỏ mấy lời.
Lục-châu xao-xiển nhơn-dân khổ,
Phật-Giáo khăn-cầu đặng thành-thời.



THẦY BA ĐẠO hỏi :

Thánh-thời dầu đặng phước tại trời,
Đau ốm qua rồi trẻ ăn chơi.
Cho thuốc chỉ đường nhờ phương-phép,
Ngàn năm ơn đức nguyện y lời.

ĐỨC THẦY đáp họa :

Thành tâm khẩn Phật với lay Trời,
Muốn khỏi hội này trẻ ăn chơi.
Lục-tự trì tâm là phương-phép,
Nhấn-nhủ cùng ai có mấy lời.

**THẦY BA ĐẠO hỏi :**

Y lời dám hỏi lén một câu,
Tiên-Phật rộng xa rất nhiệm-mầu.
Đạo đời bốn chữ đây là gốc,
Tà chánh xin nhờ tiếng ngọc-châu.

ĐỨC THẦY đáp :

Trả lời ý-kiến đó một câu,
Ăn xác phàm phu chữa nhiệm-mầu.
Đạo đời mấy chữ đây là gốc,
Tà chánh tâm trì rõ ngọc-châu.



Muốn đó gần đây giải mộng sâu,
Bốn chữ xuống phàm chớ ở đâu.
Khuyến-khích cùng ai mau tỉnh-ngộ,
Lai vãng gần Ta rõ Đạo mầu.

Văn-sĩ nhẩn-nhen có mấy lời,
Đó muốn tỏ tình có mấy hơi.
Ra ngõ lên xe chùng một lát, ⁽¹⁾
Sáng ngày tiếp kiến chuyện trò chơi.

Hòa-Hảo, năm Kỷ-Mão.



BÁT NHÃN

Nhẫn năng xử thế thị nhơn hiền,
Nhẫn giải kỳ tâm thận thủ tiên.
Nhẫn giả hương-lân hòa ý hỉ,
Nhẫn hòa phu-phụ thuận tình-duyên.
Nhẫn tâm nhựt nhựt thường an-lạc,
Nhẫn tánh niên niên đắc bảo tuyền.
Nhẫn đức bình-an tiêu vạn sự,
Nhẫn thành phú-quới vĩnh miên miên.

Hòa-Hảo, năm Kỷ-Mão.



Cho Ông HƯƠNG-CHỦ BỐ ở Hòa-Hảo

1. Tâm hành từ-thiện vị an nhiên,
Phổ-hóa hiền nhơn kiến Phật tiên.
Huỳnh-long lộ vĩ năng kỳ-diệu,
Xuất thế điều đình chữa hiệu Tiên.

⁽¹⁾ Đức Thầy mời thầy ba Đạo sang chơi vì thầy ấy ở nhà và 3 bài thi gởi Đức Thầy là do một em học trò đem đến.

Danh-Sơn khai bút diu sanh-chúng,
 Trung-Trực phò nguy đãi lĩnh thiên.
 Tạo xác phù-vân khai nhứt điễm,
 Qui hồi tự lập diệt tiền-khiên.



10. Kỷ-Mão hạ san mượn xác trần,
 Cảm tình đồng loại Lão khuyên dân.
 Thâm-thâm đây đó niềm liên-ái,
 Hợp-tác cùng nhau nối bút thân.



Vi lộ thiên-oai bảo giác dân,
 Ngọc nam ản-sĩ di-thường nhân.
 Sơn giang thủ-lĩnh thừa tiên định,
 Tứ hải hòa giai tất hữu phân.



20. Muốn thấy người xưa phải vẹn mày,
 Nam-nhân hữu chí kiến Bồng-lai.
 Nhìn xem hiệu Lão trong thơ ấy,
 Tứ cú nhỏ gia đã cạn bày.

Hòa-Hảo, lối tháng 9 năm Kỷ-Mão.



SAY

1. Say mùi tục-lụy vẫn lao-đao,
 Say nổi kẻ ngu rất hỗn-hào.
 Say thắm Đạo lành ban vạn vật,
 Say đời chưa rõ chuyện vàng thau.



8. Say ngọc bò-đề đức hạnh cao,
Say dân ngu-muội tướng Điền nào.
Say chùng nó biết Ta Tiên-trưởng,
Say chén quỳnh-tương chôn núi cao.



Say thời vận bĩ vẫn còn xa,
Say chuyện trần-gian lấm cáo-xà.
Say lấy gậy thiên toan dẹp hết,
Say chờ Thiên-lịnh phán cho Ta.



16. Say Đạo huyền-vi nước tịnh-dương,
Say câu BỒ-Tát rưới cho thường.
Say mê Tiên-cảnh ôi thanh-nhã,
Say việc trần-gian lấm họa-ương.



Say-sưa chuyện cổ nhắc chùng đời,
Say nói với trần việc tả-tơi.
Say biểu trì tâm đừng vội-vã,
Say buồn lũ chó sủa mùi dơi.



24. Say của Thần-Tiên rút cuộc đời,
Say câu diệu-lý hỡi người ơi !
Say như Lưu-Khánh ai thềm chịu,
Say thể Trần-Đoàn mới thanh-thời.



Say mãi say hoài say vẫn say,
Say cho bá-tánh tập xong bài.
Say như Nhơn-Quý thì mang họa,
Say của Lão Khùng ách nạn bay.



- Say cho tiêu hết giống con buôn,
 Say của Thánh-nhơn xuất lập tuồng.
 Say tạo một nền qui vạn vật,
 32. Say diu trăm họ vượt mây truông. ⁽¹⁾

Hòa-Hảo, lối tháng 9 năm Kỷ-Mão.



Cho SUNG-BIỆN T. ở Hòa-Hảo

Quan trường nhiều lũ sói tà,
 Miệng là mãnh hổ, ý là sài-lang.
 Vinh-quang đâu có vinh-quang,
 Tâm còn ích-kỷ, tánh còn hại dân.
 Có thân chẳng liệu lấy thân,
 Cười người điên dại sao gần Tiên-bang.
 Nực cười cho đũa võ-phu,
 Đui mù chẳng sợ cứ mà gièm-pha.
 Sau này sẽ biết mặt Ta,
 Tiên, Thần cũng chịu qui tà cũng cam.
 Dương-trần lắm nỗi đờn-đau,
 Tu-hành chẳng chịu, Đạo màu chẳng theo.
 Cứ lo ngựa mặt cười reo,
 Trước cười sau khóc, khóc rồi lại than.
 Than rằng: tà qui ác-gian,
 Chẳng cho bá-tánh được toàn thân thi.
 Mấy năm trí óc còn ghi,
 Lời Thầy để lại có thì sai không ?

Hòa-Hảo, tháng 7 năm Kỷ-Mão.

⁽¹⁾ Ông Nguyễn-Thanh-Tân có họa tám bài thơ trên đây, nhưng xin miễn in vào tập này.

HÃY CHỜ THIÊN ĐỊNH

BÛU châu công luyện chôn non thần,
SƠN thủy môn giang bảo giác dân.
KỶ quái chờ nơi Thiên nhứt định,
HUỠNG nồng dành thưởng kẻ tròn ân.



Từ-bi hai chữ sắc nâu sòng,
Gắng chí dạy đời chẳng tiếc công.
Vận bã xa chờ câu thanh-thối,
Buồn ai châm-chích chữ cay nồng.

Hòa-Hảo, năm Kỷ-Mão.



Thơ của « ÔNG BÁN CHIẾU »

1. Đại-Thánh là Phật Thích-Ca,
Người còn khinh-báng huông Ta phàm trần.
Vàng thiệt lại nói vàng râu,
Lúc này vận thối đá mài cũng an.
Cơn buồn phải gượng làm càn,
Cuộc đời rồn-rồn Phật mà phải kiêng.
Trên đời ai tốt bằng sen,
Quan yêu dân chuộng rã bèn sạch tron.
Bề ngoài coi thể cây sơn,
10. Xét trong mỗi mọt ăn mà chẳng hay.
Hiện tiền xem lại tốt thay,
Mặt hậu ngó kỹ lạnh-tanh không ngờ.
Mau mau ta hãy bắt bờ,
Đặng cho bá-tánh leo bờ này qua.

- Có xạ nào phải bán xa,
 Giấu trong chỗ kín cũng thơm đầy nhà.
 Nam mô sáu chữ Di-Đà,
 Từ-bi tế-độ vậy mà chúng-sanh.
 Xưa nay sáu chữ lạnh-tanh,
 20. Kim-Sơn Phật ấy giáng sanh đành-rành.
 Ngưỡng cầu Thượng-Đẳng Đại Thần,
 Phải ra trị nước bảo toàn lê-dân.
 Ở nhà tụng niệm đều xinh,
 24. Lục châu bát loạn nữ nào ngó ngang.

*Bán lộ giang-hồ kính tặng Kim-Sơn Phật ⁽¹⁾
 Năm Kỷ-Mão.*



HỎI HỘI LONG-HOA

Long-Hoa hội ấy còn xa,
 Rán mà tu-niệm đặng nhờ thân sau.
 Phải chi hội ấy hầu gần,
 Thì Ông hà tất xuống trần làm chi ? ⁽²⁾

Hòa-Hảo, cuối năm Kỷ-Mão.

⁽¹⁾ LỜI SOẠN GIẢI: Bài thơ này không phải của Đức Thầy, mà chính là của một Di-Nhơn (đang đi bán chiếu) viết và trao cho một người tín-đồ Hòa-Hảo tại Kiến-An (Chợ Mới, thuộc tỉnh Long Xuyên) đem đến cho Đức Thầy. Theo lời người tín-đồ này nói lại thì trong lúc giữa đường, ông bán chiếu không có đem sẵn viết mực theo; thế mà chẳng biết tại sao không delay một phút, ông viết được một bức thơ tuồng chữ sắc-sảo, giống hình chữ nôm,

KHUYÊN BỚT CHO VAY

Một cuộc phù-vân có mấy hơi,
Cầu xin bá-tánh nhậm đôi lời.
Cho vay mất-mỏ từ nay bớt,
Có hỏi nói tay để giúp đời.
Nạn khổ đâu đâu đều túng rôi,
Tai-ương chồn chồn khắp cùng nơi.
Tiền ma gạo quý đừng nên trữ,
Sau cũng tiêu theo luật của trời.

Hòa-Hảo, năm Kỷ-Mão.



Ông NGUYỄN-KỶ-TRÂN tức chín Diệm xướng ⁽³⁾

Ngàn dặm nghe ông có phép tiên,
Cúi xin lời hỏi chớ ưu-phiền.
Thanh-mạnh đôi mắt đường không thấy,
Cầu có ơn dư cứu kẻ hiền.



mà không một nho sĩ nào đọc được. Liên đó, Đức Thầy mới đọc cho anh em có mặt trong lúc ấy nghe.

- (2) *Có một bà già 80 tuổi xin Đức Thầy cho biết coi bà có thể sống để coi hội Long-Hoa chăng ? Đức Thầy bèn đáp lại bằng mấy câu trên đây.*
- (3) *Ông Nguyễn-Kỳ-Trân là người làng Định-Yên, thuộc tỉnh Long-Xuyên, hai mắt ông không thấy nên nhờ Đức Thầy chữa giùm.*

Kẻ hiền dầu dặng sáng như xưa,
 Ôn ấy bằng non dạ có thừa.
 Lượng rộng xin ông đừng có chấp,
 Ngàn vàng dám đổi một lời ừa.

ĐỨC THẦY đáp :

Chí đại còn xa chữa phép tiên,
 Bệnh tình cụ lão quá ưu phiền.
 Nhà tôi cũng có bà không thấy,
 Thương thảm trời xanh phụ kẻ hiền.



Kẻ hiền lòng dạ tưởng người xưa,
 Tứ khổ cổ kim vẫn có thừa.
 Tríu-mén tâm thành đâu có chấp,
 Vọng cầu hạnh phúc dặng như xưa.



Di-Đà lục-tự ấy phương-châm,
 Ghi dạ xin ông hoặc đứng nằm.
 Khẩn-vái trì tâm người thượng-cổ,
 May Trời phò-hộ phúc cho thâm.



Khuyên đó lòng son chó vội buồn,
 Hữu thành Phật độ ắt qua truông.
 Nhờ ơn Tiên, Thánh trăm muôn một,
 Tôi cũng giùm cho dặng thấy tuông.

Hòa-Hảo, cuối năm Kỷ-Mão.



CHẰNG RA HƠI

(Ông Nguyễn-Kỳ-Trân ao-uớc Đức Thầy giảng-giải về Đạo-đức cho ông nghe, nhưng vì lúc đó có người của sở Mật-Thám đến dò xét nên Đức Thầy chỉ làm bài thi dưới đây):

Định-Yên cụ lão mới sang chơi,
Tâm bịnh bất an khó cạn lời.
Ông chớ nản lòng chờ lúc khác,
Bây giờ mở miệng chẳng ra hơi.

Hòa-Hảo, cuối năm Kỷ-Mão.



KHAN TIẾNG

Lúc này khan tiếng sự sầu riêng,
Mở giọng thi-nhân gọi nổi phiền.
Hoi-hám xác trần ngậm chẳng nổi,
Mực tàu đã cạn ráo ngòi nghiên.

Hòa-Hảo, cuối năm Kỷ-Mão.



TẶNG ÔNG GIÁO XOÀI

(tức Soài, tức Mạnh-Xuân-Quả, lúc ấy dạy học tại làng Phú-An, thuộc tỉnh Châu-Đốc)

Giáo tập hôm nay thấy mặt thầy,
Vóc hình mập-mạp học khoa tây.
Sớm chiều luyện tập diu em trẻ,
A, ẹ, a, b đủ một bày.



Một bảy em trẻ muốn theo tây,
 Văn pháp, văn nam cũng đủ đầy.
 Thương-thảm tấm tình hay nóng-nảy,
 Bởi vì chẳng rảnh đặng vui say.

Hòa-Hảo, năm Kỷ-Mão.



TẶNG ÔNG GIÁO ĐÀNG

*(Lúc ấy ông này đang dạy học tại làng Phú-Lâm,
 tỉnh Châu-Độc)*

Tâm tánh ngày nay muốn việc lành,
 Tu-hiền miệng lưỡi muốn lạnh lạnh.
 Tranh đua xác thịt vừa nghe chớ,
 Cố chí ngày kia sẽ đạt thành.



Đạt thành mới hiểu Đạo cao thanh,
 Trần-thế lánh xa phải học rành.
 Lục-căn trừ tuyệt tâm hai chữ,
 Nhân ngã, sân si hãy dẹp đành.

Hòa-Hảo, cuối năm Kỷ-Mão.



THI XUÂN

1. Rước xuân năm mới tiếng đi-dùng,
Cờ phát trẻ mừng chúc cội thung.
Áo quần lòe-loẹt đi cùng xóm,
Bánh trái đầy-đầy nổi cúc-cung.



- Chúc mừng năm mới, mới buổi qua,
Bỏ bớt dị-đoan chẳng cúng gà.
Tre nêu phơ-phất không còn thấy,
8. Ra mắt tiêu mòn bữa thứ ba.



Kỷ-Mão năm nay đã hết rồi,
Tâm-thần hoài-tưởng chuyện xa-xôi.
Đạo mâu Nam-địa càng thâm diệu,
Dẫn-dắt nhơn-sanh cũng chữa rồi.



- Bước qua năm mới, mới mừng à,
Khuyến-khích dân tâm Đạo Thích-Ca.
Tự giác, giác tha Ta phải nói,
16. Hỡi người dương-thế bớt xa-hoa.



Xa-hoa năm mới, mới khổ à,
Dân chớ chần-chờ chớ bỏ qua.
Đạo-lý xem tường âu mới hẳn,
Rán tìm cận-kế nổi ma-ha.



Năm Thìn bước tới thiệt là rồng,
Nanh gút vẫy-vùng nổi long-đong.

24. Chiến-tranh thảm-khóc toàn lê-thứ,
Lo nổi đói đau giống Lạc-Hồng.



Canh-Thìn bước tới hời dân ơi !
Thế-giới đao-binh ruột rã-rời.
Khốn-nguy đa sự chào xuân mới,
Dân-chúng hoàn-câu khó thành-thời.



32. Phi phi bỗng xuất mặt Huỳnh-Long,
Dụng lối Bá-Nha réo Lạc-Hồng.
Chạnh cảm cha còn con chẳng biết,
Phải nhờ đạo-đức mới tường thông.



Phản Ta thương chúng luống âu-sầu,
Dân-sự nào tường nẻo cao sâu.
Bôn Bắc tẩu Nam cam khổ rồi,
Nhưng vì bôn-phận phải toan âu.



40. Con người Nguơn-hạ mấy nhiều hơi,
Đạo-đức nhiệm-màu chẳng có chơi.
Lê-la chậm bước đàng bụi gió,
Phải sớm lánh xa khỏi cuộc đời.



44. Mãnh hổ đầu đưa chí tang-bồng,
Rạng mày nở mặt với non sông.
Quân-tử Thánh-nhơn ghi Nhược-thủy,
Con buồn chấp bút chuyển huyền-thông.

*Hòa-Hảo, ngày 28 tháng chạp Kỷ-Mão.
(Chép theo bản chánh do Ông Nguyễn-Chi-Diệp giữ)*

CẢM CẢNH DÂN NGHÈO

1. Tết tết cùng năm tháng hết mà,
Thằng bần công nợ chạy bôn-ba.
Hẹn mai hẹn một chờ khai hạ,
Con đòi áo tốt rồi chàng ta.



Năm nay ăn tết thật là nghèo,
Sanh-chúng u-buồn nỗi nạn eo.
Đồng khô lúa ngập coi xơ-xác,
Cảnh đói buông-lung nỗi giạt-bèo.



10. Nhấn-nhủ khắp nơi hỏi một bài,
Ba ngày xuân nhụt bởi nơi ai ?
Rượu-trà, cờ-bạc, ôi phung-phí,
Chẳng biết lệ xưa của ai bày ?



Tết rồi tết nữa, tết liền tay,
Năm cuối mỗi năm cũng tết hoài.
Làm cho dân-sự vui nha-nhớp,
Chơi giỡn ba ngày rước xuân lai.



20. Lòng Ta cảm thấy nỗi u-buồn,
Suy-xét việc đời lụy muốn tuôn.
Chào xuân chẳng thấy xuân mừng nói,
Mê-mệt tâm-can trí bắt cuồng.

Hòa-Hảo, ngày 28 tháng chạp Kỷ-Mão.



HAI MƯƠI CHÍN THÁNG CHẠP

1. Bước tới hùng ca bước tới hoài,
 Đạo đời hủy-báng mặc tình ai.
 Cố chí nhiệm-màu truyền diệu-pháp,
 Bởi vì cốt-nhục cũng hoài thai.



- Diệu-vợi xa-xăm nổi khổ hoài,
 Cuộc đời lao khổ thấy chiều mai.
 Chợt ngó xuân sang xuân biết khóc,
 8. Đến thời Thiên định lỗi bi ai !



Giục-thúc nhơn-sanh kiếm Đạo màu,
 Sao còn hoài tưởng chuyện đầu đầu ?
 Sự sống người đời, ôi ! thấy khổ,
 Miệt-mài Đạo-đức vẽ huyền sâu.



- Hùng-ca chuyển pháp kiếm tôi hiền,
 Thiên-địa tuần hoàn chẳng vị riêng.
 Gian nịnh phản thần, ôi ! nhơ-nhuốc,
 16. Gìn lòng trung hiếu sách ghi biên.



Ghi biên những kẻ quá lương hiền,
 Một mực trung-thành với Phật-Tiên.
 Cố tưởng ước-mơ về Tiên-cảnh,
 Hiếu-hạnh gìn lòng chí ư thiên.



Ư thiên Trời Phật chẳng dụng tiền,
 Tìm kiếm con lành giải nghiệp-duyên.

24. Mê-muội ác-hung về địa-ngục,
Hiền-lành nhắm mắt thấy non Tiên.



Non Tiên ra sức tháo dây xiềng,
Dân-chúng an-nhàn dạ mới yên.
Cám cảnh thương đời, ôi ! mê-muội,
Mong ước ngày kia giải mộng phiền.



32. Mộng-phiền muốn khỏi phải làm sao ?
Hung dữ, ác nơn chớ bước vào.
Gìn tâm nhu-nhược chờ vận đến,
Vậy mới rời xa cảnh máu đào.



Máu đào khắp nước khổ vô cùng,
Nam-Việt dân-tình mãi thung-dung.
Chẳng lo tu-tĩnh cầu Phật Thánh,
Để nước đến chơn mới nhảy đùng.



40. Nhảy đùng ắt phải lọt ngoài sâu,
Chẳng gặp xuống ghe chững mới rầu.
Làm sao lo-liệu tu cho kịp,
Bập-bẹ nam mô cũng nhọc cầu.



Nhoc cầu bịnh tật nổi nào đâu,
Lao khổ nơn-sanh cảnh nước Tàu.
Trẻ nhỏ rã-rời xa bố mẹ,
Sao còn tranh-đoạt mắng mỗi câu.



48. Mọi câu danh lợi chúng dân rầu,
Kim chỉ phải gìn chuyện cạn sâu.
Vinh-hoa phú-quí chòm mây bạc,
Nho-nhã thi-văn nẻo nhiệm-mâu.



Nhiệm-mâu hạnh-đức quá thanh-thao,
Thần, Thánh, Phật, Tiên xuống kêu gào.
Dương-gian mau tỉnh trong tràng-mộng,
Tâm kiếm nơi nào đạo siêu cao.



56. Hòa thôn Hảo cảnh xứ chi Ta,
Tạm dất nhơn sanh khỏi ái-hà.
Tạo xác Huỳnh danh thanh sắc trẻ,
Chờ thời Thiên định thiết hùng ca.



KIM ngọc nào tri Phật, Quý, Tà,
SƠN đài ra sức dẹp loài ma.
THƯỢNG thọ chúc cầu an bốn biển,
ĐẰNG đặng dưới trên sớm thuận-hòa.



64. Mong ước ngày kia đặng khai-hoàn,
Địa cầu sanh-chúng được nhàn an.
Bốn biển một nhà Cha: Phật, Thánh,
Thì là dân-sự hết tàng ngang.



Năm tàn tháng cuối cảnh buồn teo,
Đón rước bạn xuân lẽ quá nghèo.

Thượng-cổ gàn hời nên sửa lối,
Theo nhà Phật-Giáo phải như keo.



72. Dân-chúng chớ nên đốt giấy tiền,
Bởi vì Diêm-chúa chẳng tình riêng.
Phán-quan tả hữu không dùng hối,
Nên phải dạy dân bỏ giấy tiền.



76. Vàng bạc bởi tay khách trú làm,
Phật, Thần, Tiên, Thánh chẳng dùng ham.
Giấy quần giấy áo không nên đốt,
Nghĩ chuyện dối ma chẳng đáng làm.

*Hòa-Hảo, ngày 29 tháng chạp Kỷ-Mão.
(Chép theo bản chánh do Ông Nguyễn-Chi-Diệp giữ)*



ĐÊM BA MƯƠI

Đêm nay mới cũ hiệp hai đàng,
Xuân nhựt lễ này tại thế-gian.
Mèo rồng cao thấp chơi cùng giỡn,
Đông hạ xuân sang khắp địa-hoàn.



Bóng trăng vắng mặt, tối tối hoài,
Hai giờ hiệp mặt, hai giờ hai.
Một đêm mới cũ cùng nhau gặp,
Túc cảnh thi văn nhả một bài.



Một bài từ cũ mới ngày mai,
Tiếng pháo xa xa vẫn đốt hoài.
Dân ta nghèo túng về Đạo-đức,
Chơi giỡn đua-bơi mãi tới ngày.



Một lúc lâu lâu một tiếng đùng,
Đúng giờ cũng rước ông bà chung.
Từ-bi hai chữ Ta ngồi tưởng,
Không có xu mua đốt miệng hùn.

Hòa-Hảo, đêm 30 tháng chạp Kỷ-Mão.



**NHỮNG BÀI SÁNG-TÁC
NĂM CANH-THÌN
(1940)**

NĂM CANH-THÌN (1940)

CỜ TAM SẮC

Tam sắc cờ bay phát-phới mà,
Ngồi nhìn nhớ kỹ héo lòng Ta.
Thuở xưa đâu có cờ tam sắc,
Gặp cảnh vong bang ứa ruột-rà.

Lúc Đức Thầy ở nhà thương Chợ-Quán, Ngài có gửi về Hòa-Hảo bài dưới đây và dặn bôi bỏ bài trên. Anh em bốn-đạo lúc đó cũng chưa hiểu vì sao Đức Thầy bảo sửa. Bỗng một bữa nọ, Cai-Tổng Pho đến nhà Đức Ông đem vấn-đề thi-văn của Đức Thầy ra nói chuyện, có ý muốn làm khó dễ Đức Ông về bài thi “Cờ tam sắc” nói trên. Liền đó, Đức Ông bảo ông Hương-quản Diệp (ngẫu nhiên có mặt trong lúc đó) đọc bài dưới đây. Nghe xong, Cai-Tổng Pho vỗ tay nói: “Vây mà người ta nói lại khác chớ !”.

Tam sắc cờ bay phát-phới mà,
Ngồi nhìn khoan-khoái cỗi lòng Ta.
Thuở xưa đâu có cờ tam sắc,
Nay hiệp Tây Đông thể ruột-rà !

*Hòa-Hảo, ngày 1 tháng giêng Canh-Thìn (1940).
(Chép theo bản chánh do Ông Nguyễn-Chi-Diệp giữ).*



ĐẦU NĂM

1. Đầu năm tục-lệ gọi ngày mừng,
Tiếng pháo đốt hoài cũng thấy chung.
Xóm trên xóm dưới cùng nhau đốt,
Khúc giữa phần Ta mãi nghe hùn.



- Nghê hùn lỗ nhĩ cũng lòng-tung,
Ngày một tiếp xuân mới vô cùng.
Mèo lui rồng tới bay vợ-vân,
8. Thế-giới chiến-tranh nổ khắp bùng.



Mồng một năm nay rõ thiệt Thìn,
Hẹn cùng non-nước vẫn đình-ninh.
Cổ chí tâm lòng gìn đạo-đức,
Mặc tình bá-tánh chẳng thềm tin.



- Nam-Hải Quan-Âm lấy tịnh bình,
Cầm nhành dương-liễu rảy tà-tinh.
Quyết lòng độ tận trong sanh-chúng,
16. Ai ghét ai ưa cũng mặc tình.



Xuân sang ảm-đạm ánh dương mờ,
Thệ quyết một lòng chẳng bỏ ngờ.
Có sông có núi cùng cây cỏ,
Độ tận chúng-sanh khỏi đại khờ.



Lòng Ta gặp cảnh rồi tơ vò,
Gan ruột phổi phèo một bụng to.

24. Lo hoài lo mãi không sao xiết,
Tiên-cảnh chúa tôi vẫn hện-hò.



Hò-hện Phật Tiên hiệp một ngày,
Một ngày thế-giới khỏi bi-ai.
Trung-Uơng tam cõi đều hòa mặt,
Ta mới thanh-thời trở gót hài.



32. Gót hài muốn trở phải làm sao ?
Đạo-đức thâm sâu hãy bước vào.
Sớm chiều lo-liệu rèn tâm trí,
Niệm-tưởng Phật Trời thỏa ước-ao.

*Hòa-Hảo, ngày 1 tháng giêng Canh-Thìn (1940).
(Chép theo bản chánh do Ông Nguyễn-Chi-Diệp giữ).*



ĐÓT PHÁO XUÂN

Lẹt-đẹt rồi đây lẹt-đẹt bùng,
Đùng-đùng lẹt-đẹt nổ lũng-tung.
Lũng-tung lũng-túng dân ta tủng,
Ngao-ngán cho xuân Lão bắt khùng.



Đoái thấy xa xa một cái đèn,
Ngoài đường trời tối thiệt len-nhen.
Tiết xuân buồn-bã vì ngập lúa,
Nên phải ăn chơi cách quá hèn.

*Hòa-Hảo, ngày 1 tháng giêng Canh-Thìn (1940).
(Chép theo bản chánh do Ông Nguyễn-Chi-Diệp giữ).*

TÔI MÔNG MỘT

1. Nhuận gọi ơn trên rải Đạo mầu,
 Thương đời chỉ-vẽ nẻo cao sâu.
 Khai rừng kinh kệ câu huyền-bí,
 Để cứu nhơn-sanh khỏi thảm-sầu.



- Hương đăng nghi-ngút lễ vọng-cầu, ⁽¹⁾
 Cám lòng bá-tánh nguyện từ cầu.
 Chí quyết một lời Ta độ tận,
 8. Dắt chúng lánh xa cảnh mộng sâu.



Giữ nguyện đình-ninh tiếng tạc-thù,
 Làm lành đâu phải tốn tiền xu.
 Mà sau lại được về Tiên-cảnh,
 Thêm thoát ngục mê chốn Diêm-phù.



- Diêm-phù chơn Chúa chọn người tu,
 Hành phạt ác-hung chơn cửa tù.
 Tiếp-nghinh những kẻ lòng nhơn-đức,
 16. Hỡi bớ dương-trần hãy rán tu.



Rán tu vệt phá đạo lu-bù,
 Thấy chúng đời này lạc chữ tu.
 Sớm tỉnh kệ kinh tìm hiểu lý,
 Một ngày hội-hiệp hết mờ lu.

⁽¹⁾ Đêm ấy ông Hương-Kiểm Chương và anh em ở Hung-Nhơn (Châu-Đốc) đến dựng bông lễ Phật.

24. Mờ lu được sáng rần hóa cù,
Hiệp mặt phân trần nổi ám-u.
Tớ Thầy tôi chúa cùng nhau gặp,
Khấp hết thế-gian thoát chôn tù.



Chôn tù vốn thiệt cõi ta-bà,
Tiên-cảnh được về mới lánh xa.
Chúng-sanh chìm đắm trong vòng khổ,
Khuyến dạy bởi vung sắc Ngọc-tòa.



32. Ngọc-tòa Phật-Tổ nấy sai Ta,
Xuống cứu thế-gian nẻo vạy tà.
Hiệp sức tớ Thầy truyền diệu-pháp,
Cho đời thâu tỏ Đạo ma-ha.



Ma-ha toàn nhỏ dọn rồi đa,
Bước xuống đi qua bến giác mà.
Sao hỡi còn chờ Ta réo mãi ?
Dân-tình xem giảng cứ ngâm-nga.



40. Ngâm-nga việc khổ tới bên a,
Bổn-phận tu-hiền phải lánh xa.
Biết Đạo tùy thời mau tránh khổ,
Chớ đừng thi-thố những tài-ba.



Tài-ba khoe sức uổng thầy mà !
Nhứt dạ yêu đời dụng khuyến-ca.
Tỉnh-thức nhơn-dân đang mờ-ám,
Nên làm thi phú đặng ngâm-nga.

- Ngâm-nga hiểu nghĩa đáng kim ngà,
 Huyền-bí nhiều lời chỉ thiệt xa.
 Bôn-đạo rán tìm cho cặn-kẽ,
 48. Lòng hiền Phật độ khỏi tinh-ma.
*Hòa-Hảo, đêm mồng 1 tháng giêng Canh-Thìn.
 (Ông Nguyễn-Thanh-Tân có họa mấy chục bài thi
 xuân trên đây nhưng xin miễn đăng).
 (Chép theo bản chánh do Ông Nguyễn-Chi-Diệp giữ)*



Thầy giáo XOÀI
(tức SOÀI, tức MẠNH-XUÂN-QUẢ) xướng :

Đạo-đức bao nhiêu dám gọi Thần,
 Bìa danh mô-phạm để lừa dân.
 Trời Âu tán hóa nhờ khoa-học,
 Đất Á suy đồi tại biếng thân.
 Nhồi sọ nhọn-sanh kêu thức-tỉnh,
 Mê hồn bá-tánh gọi người ân.
 Dạy đời mở Đạo mình coi dở,
 Sánh lại khác xa Việt với Tần.

ĐỨC THẦY đáp họa :

Ngu-muội Khùng Điên chẳng thuyết Thần,
 Đồi lời cuồng-sĩ gọi lòng dân.
 Văn-minh lợi dụng nhờ hay học,
 Giỏi chữ lòn đời để lập thân.
 Ham sớng dương-trần ôi ! khó tỉnh,
 Ưa vui dân-sự chẳng thi ân.
 Ý mình chê chúng rằng hay dở,
 Ganh-ghét hiền nhu thứ ác Tần.

Thầy giáo XOÀI xưng :

Biết ai là Thánh biết ai Thân,
Học hỏi thầy mô dám dạy dân.
Khuyên nhủ thiện-nam nên để tóc,
Vỗ-về tín-nữ lại tu thân.
Niết-Bàn dành để người phàm-tục,
Trần-thế màng chi cuộc ái-ân.
Muôn dất đồng-bào qua bể khổ,
Đạo màu xin luyện mấy non Tần.

ĐỨC THẦY đáp họa :

Đâu màng bá-tánh gọi danh Thân,
Tự-giác huyền-cơ để giáo dân.
Bất chước ông cha, Ta để tóc,
Nói theo tổ-phụ đừng gìn thân.
Lòng yêu chi sá lời thô-tục,
Dạ ái nào thềm chúng đáp ân.
Hồng-Lạc chỉ đường qua cảnh khổ,
Kìa ai chớ tập tánh dân Tần.

Thầy giáo XOÀI xưng :

Mê-tín dị-đoan mới tặng Thân,
Nói gương hiền-triết lại chặn dân.
Sám kinh lấy nể răn truyền giáo,
Giảng dạy là mưu để ấm thân.
Khai sáng đưa mù đòi trách oán,
Làm ngu kẻ trí gọi là ân.
Ông ôi ! nay đã bao nhiêu tuổi ?
Sao chẳng có lo cuộc Tấn-Tần ?

ĐỨC THẦY đáp họa :

1. Lọc lẽ tà tâm ấy gọi Thần,
 Trượng-phu người phải biết thương dân.
 Nồi cơm thiếu bữa tranh nghề giáo,
 Trách cá hột dùng đoạt mỗi thân.
 Ở phải giúp giùm sao nói oán ?
 Ôi thôi, làm mướn chớ rằng ân.
 Đạo đời chẳng luận người cao tuổi,
 8. Xin miễn cho Ta cuộc Tấn-Tần.



Chẳng phải lòng Ta muốn họa thơ,
 Ví như văn-sĩ đáp lời ngờ.
 Đạo mầu giữ phận không cao thấp,
 Ai đọc qua rồi phải bỏ lơ.



- Thi phú dầu cho thấu đến tai,
 Cũng đừng giận-giũ mới là hay.
 Bóp lòng chịu ý nên lời trả, ⁽¹⁾
 16. Tôn-chỉ người tu sái việc bài.



- Tôi làm như thế khác lời tu,
 Giả dạng nhà nho muốn trả thù.
 Người xỏ tới mình, mình đáp lại,
 20. Chớ tình chẳng chịu viết thi ru.

Hòa-Hảo, Tết Năm Canh-Thìn.

⁽¹⁾ Đức Thầy không muốn trả lời ba bài thi của thầy giáo Xoài, nhưng vì ông giáo Long, người đưa thơ, cổ nài-nỉ mãi nên bắt buộc dĩ Ngài mới chịu đáp họa.

Ông HUỖNH-HIỆP-HÒA
(Làng Bình-Thủy, Tỉnh Long-Xuyên) xướng :

Phỏng cầu Tiên Phật dẫn kim châm,
Phạn ngữ truyền lai tối thậm-thâm.
Phanh luyện ô kim mong điểm đạo,
Tiển ngao thế chỉ hóa khai tâm.
Thuấn Nghiêu thọ thọ nguy duy hiển,
Phật Lão hư không bí khuyết thâm.
Thị nhị giáo-sư đoàn thuyết-pháp,
Tảo tương thích điển chúng-sanh tâm.

ĐỨC THẦY họa :

Mã hồi nhơn diện ngã kim châm,
Pháp-giáo Phạn-văn bát diệu-thâm.
Lam thất thanh chơn hà khuyết Đạo,
Qui hồi bí hiểm trị nhơn tâm.
Môn-gia khảo sát lai duy hiển,
Vị-khí nan thông ký cảm thâm.
Ngã thị vô biên nhiên lập pháp,
Hòa giai Nam-đỉnh tác thi tâm.

Hòa-Hảo, mừng một Tết năm Canh-Thìn.



Ông HUỖNH-HIỆP-HÒA xướng :

Chúng-sanh tâm đắc đạo nan minh,
Bửu-bồi trùng tâm thể dụng tinh.
Cầm-kiếm đánh lư an trí thủ,
Càn-khôn nhựt nguyệt vị đồng linh.

Siêu phàm ôn dưỡng âm-dương số,
 Nhập thánh đề khai thể-tục tình.
 Thái-Thượng, Thích-Ca luân kiếp giáo,
 Đơn song đồ-đệ cổ kim minh.

ĐỨC THẦY họa :

Chúng-sanh khổ diệt diện nan minh,
 Ly cấu từ-bi cái thể tinh.
 Nhan-Thước duyên-do tam diễn thủ,
 Can trừ danh-vị nã kỳ linh.
 Ngộ thâm nan liễu âm-dương số,
 Xác tục trần-gian cổ dục tình.
 Thổ phỉ nam lương toàn khuyến-giáo,
 Tâm tôn ngôn xuất biện kim minh.

Ông HUỲNH-HIỆP-HÒA xướng :

Hội trung bửu-cái cô-kim truyên,
 Tri giác hư linh kê lập thiên.
 Siển, triệt phân-minh Châu-Võ kỹ,
 Âm, dương chuyên-luyện Hớn-thê tiên.
 Lôi-Âm kinh-ký khai đàn-việt,
 Sơn-Thứ từ tăng phản bản nguyên.
 Gia bác na thời di phổ hóa,
 Huyền-cơ như thử kiếp trần yên.

ĐỨC THẦY họa :

Bửu gia nan hồi thể-gian truyên,
 Tam thể hư không tế kiệm thiên.
 Nhon ngã hạ-nguơn phân bất kỹ,
 Qui hồi thượng-cổ bút thê tiên.

Chất âm, thanh, sắc phi tiêu-diệt,
Bài phỏng liêm-gia bệ hộ nguyên.
Lập chí hiền-nhu đương kế hóa,
Thi thần ký chú định hòa yên.



Ông HUỖNH-HIỆP-HÒA xướng :

Ngọc quang cảnh nội chủ càn-khôn,
Tam nhứt vô cùng kiến thức tôn.
Âu-Á chiến-tranh thù thắng lợi ?
Kim lê uổng-tử sắc hà môn ?



Hà môn giáp tý giáng lâm trần,
Đào-tạo lương-tâm khổ não dân.
Xuất-hiện mạng chơn phi quyết chiến,
Cầu ai trị địa hội quân thần.

ĐỨC THẦY họa :

Thành tha ngũ nội nã càn-khôn,
Cái thể vô linh mạng thích tôn.
U lịch bá trừ nô bính lợi,
Tiền đồ lê dị đắc giang môn.



Tam thiên lục bá giáng lâm trần,
Khóc tử lang tâm biến họa dân.
Tà quái hạ-nguơn khai ác-chiến,
Ất niên bình thự kiến quân-thần.

Ông HUỲNH-HIỆP-HÒA xướng :

Phiến ngôn đại chấn điểm nam cương,
 Khẩu tụng Văn-Vương vị bốc tường.
 Dữ thiện ngôn ngôn tung nhứt nhị,
 Hành nhơn tịch tịch muội tâm lương.
 Mã lai thủ thị danh thương pháp,
 Thủy kiệt chưởng thâm tủy khổ trường. ⁽¹⁾
 Thi vấn hồi âm tri bửu hiệu,
 Tứ minh tam vị hiển văn-chương.

ĐỨC THẦY họa :

Hồi đầu điểm Đạo chuyển phong cương,
 Háo thắng bi ly đạo khổ tường.
 Tề tướng Cam-phong an diện nhị,
 Hàn nhơn thọ khóa tác tâm lương.
 Thiên-tôn mật sát nhơn-gian pháp,
 Phật-lý di khai đại-hội trường.
 Tam bá ngoại niên chơn bút hiệu,
 Hàn lâm nhứt đầu vịnh thiên chương.

Hòa-Hảo, mừng một Tết năm Canh-Thìn.



⁽¹⁾ Nếu chiết tự 6 câu đầu của bài này thì chúng ta thấy mấy chữ sau đây: *Trạng Trình, Cữ Đa, Đề Thám*. Ông Huỳnh-Hiệp-Hòa muốn hỏi coi Đức Thầy có phải là một trong 3 Ông đã kể trên đây chăng ?

**Ông HUỲNH-TRUNG-HÒA (thầy ba Tươi)
ở làng Kiến-An (Long-Xuyên) xướng :**

Lung-chung khó hiểu khách trần-gian,
Sớm muộn chiều chay lắm nhộn-nhàng.
Đặc đất phần tình tô láng mếp,
Cả trời lửa chường đốt nòng gan.
Khéo đăm điệu hạnh trên màu Phật,
Đành để xương da nhuộm máu phạm.
Riêng tưởng trông gieo rừng bác-ái,
Những mong trông ngóng đến Thiên-đàng.

ĐỨC THẦY đáp họa :

Từ rày đặng nẻo lánh trần-gian,
Chẳng hiểu muộn chay mới nhộn-nhàng.
Ngao-ngán cho người ôi quá mếp,
Thương đời mê-muội luống bầm gan.
Đạo-mâu chẳng hiểu nên lừa Phật,
Hiển diệu ra cơ giác tỉnh phạm.
Dạ luống ước mong đời bác-ái,
Quyết lòng chỉ rõ nẻo Thiên-đàng.

Hòa-Hảo, mừng 3 Tết Canh-Thìn.



VIỀNG NON ÔNG KẾT

Non Tiên gió mát toại lòng thay,
Tức cảnh thi văn nhả một bài.
Cổ tưởng ước mơ về Nhược-thủy,
Ngặt vì không cánh lấy gì bay.



Dắt xác phàm-phu viếng non Đoài,
 Hỏi nhờ đá cục ngủ đêm nay.
 Chư sơn Bảy-Núi đều qui tựu,
 Thầy tổ cảnh Tiên rõ mặt mây.



Nhìn xem cây lá gió lung-lay,
 Sáng lại lui chơn trở gót hài.
 Vậy hỡi chư Thần mau nối gót,
 Theo Thầy dắt chúng khỏi nòng cay.



Lầu-đài núi Cẩm lộ nay mai,
 Thức tỉnh chúng-sanh mới tỏ bày.
 Khuyên dạy dân tình minh đạo-đức,
 Tu-hành được thấy cảnh Bồng-Lai.

Trên non, ngày 14 tháng giêng năm Canh-Thìn.

(Đức Thầy đọc bốn bài này cho ông Hương-giáo Tập ở Thới-Sơn (Châu-Đốc) viết tại trên non và khi về nhà, Đức Thầy còn đọc lại cho anh em tin-đồ chép).



**ÔNG TÙNG (ở vòm Cái-Đằm, thôn Hòa-Hảo)
 hỏi ĐỨC THẦY :**

Càn-khôn Tạo-Hóa ở một bầu,
 Kính hỏi thăm Thầy vậy ở đâu ?
 Sắc ở Tà-Lơn hay núi Cẩm ?
 Cán còn khô mát cát ở đâu ?



ĐỨC THẦY họa :

Cũng biết càn-khôn vẫn một bầu,
Tây-Phương yêu chúng chẳng ngôi lâu.
Sắc của A-Di là Phật-Tổ,
Bốn chữ xuống trần chớ ở đâu ?

Ông TÙNG hỏi :

Cắc-cớ vì đâu khéo vấn-vương,
Đem lời Phật Thánh dám bày tường.
Thiên-cơ bất khả sao ông nói ?
Phật Thánh Tiên Thần dám phô trương.

ĐỨC THẦY họa :

Vì tình nhơn-loại mới vấn-vương,
Thương đời lầm lạc Lão bày tường.
Thiên-cơ được lệnh nên Ta nói,
Phật Thánh phần Ta mới bày trương.

Hòa-Hảo, năm Canh-Thìn.



THỜI LAI ĐIỆN MỤC

Hồng nhận ô qui thán giả hô,
Thi thân đởm khí ngộ hà mô.
Điện phong vạn hộ vô thiên ảnh,
Tổn khí thao tồi vọng nhứt vô.



Nhút vô tam kiến cái thiên hồng,
 Tông tích kỳ sanh chuyển kiếp thông.
 Khai cảnh nguyệt đài minh hạ giải,
 Thời lai diện mục tác hài công.

Hòa-Hảo, tháng giêng năm Canh-Thìn.

*(Ông Nguyễn-Thanh-Tân có họa hai bài thi trên đây,
 nhưng xin miễn chép).*



Viếng Làng MỸ-HỘI-ĐÔNG (Long-Xuyên)

1. Canh-niên trời bước thừa nhàn,
 Để chơn đến viếng xóm làng Hội-Đông.
 Về non dạ luống ước mong,
 Cảm tình lê-thứ tuôn rờng lụy châu.
 Lời thăm cùng khắp đầu đầu,
 Hương thôn bốn-đạo lo âu mỗi-giềng.
 Tu là tu Phật tu Tiên,
 Tu cho rõ biết chữ hiền ra sao.
 Mùa xuân chưa có mưa dào,
10. Cũng như Đạo hạnh sắc màu chưa thanh.
 Sớm chiều phủ sạch lợi danh,
 Tầm nơi chánh-giác cõi thanh đặng về.
 Hỡi ôi, thấy chúng bớt mê,
 Đạo màu siêu-việt tập-đề là đây.
 Tinh-thần hiệp vén ngút mây,
 Vệt cho rõ mặt tó Thầy Hạ-nguơn.
 Lòng thương bá-tánh đòi con,
 Dầu ai mua oán chác hờn mặc ai.
 Chuông linh giục thúc bên tai,
20. Chúc cầu thanh-trị thói-lai xóm làng.

21. Hiệp chung một cuộc chi-lan,
Rồng đà lổ bóng đá vàng biết nhau.
Lọc-lừa hiểu đặng vàng thau,
Dem thân mua lấy mạn đào thiên-nhiên.
Duyên lành rõ được Khùng Điên,
Chẳng qua kiếp trước thiện-duyên hữu phần.
Làm sao khỏi chốn mê-tân,
Đào-nguyên vạn lượng tỏ phân kính sùng.
Thánh-nhơn ghi sách Trung-Dung,
30. Hiền-nhơn thức-tỉnh biết dùng người ngay.
Hội thanh hiệp mặt vui-vầy,
Gắng công cố chí lòng này chẳng phai.
Vinh-hoa dường thể cúc mai,
Cuối mùa tàn-rụi lâu dài đặng đâu.
Thích-Ca Đạo vị huyền-sâu,
Rạch tim xem được một bầu linh-quang.
Mảng còn tư-lự tình-tang,
Thuyền từ tới bến thanh nhàn bớ dân.
Hóa-công chí-thiện cầm cân,
40. Công-bình thưởng phạt thứ-dân nào tường.
Sum-vầy chiếc nhận thâm-thương,
Nho-văn cảm-kính hiền-lương của người.
Se-sua nói nói cười cười,
Cao sâu lý-diệu vàng mười khó mua.
Trần-gian thiếu trái chi chua,
Bây giờ trái ngọt không mua bởi mình.
Tới đây cạn lẽ phân-minh,
Quyết đem chơn-lý đặng gìn Phật gia.
Tài sơ trí siển nô-m-na,
50. Mặc tình chê ghét phận Ta, Ta tường.

51. Thoảng qua mùi diệu phô-trương,
 Kêu dân mau tỉnh trong trường mộng xuân.
 Keo sơn đầu cật liền lưng,
 Thấy trong bá-tánh nửa mừng nửa lo.
 Mừng là mừng việc hay-ho,
 Lo là lo việc ố-sò trải qua.
 Tỉnh tâm mượn lấy thi ca,
 Giác dân hướng thiện chánh tà phân-minh.
 Rèn lòng giữ dạ sắt-đinh,
60. Đùng phai đùng lợt thân mình thanh-thoi.
 Biển trần lao-ly diệu-voi,
 Khổ tâm chất lưỡi chiều moi phỉ rồi.
 Nhìn xem tâm-não bồi-hồi,
 Sơ nhi đã lậu phá mỗi vinh-vang.
 Chùng nào kim-phụng hòa-loan,
 Đông Tây vô lự mới an sự đời.
 Thừa vung sắc-linh của Trời,
 Cùng ông Phật-Tổ giáo đời khuyên dân.
 Bấy lâu chạnh cảm ô-ngân,
70. Bây giờ hiệp mặt phân-trần sạ-duơn.
 Dập-dôi gió kếp mưa đơn,
 Đau thương vì bởi nghĩa ơn chẳng tròn.
 Bày ra thiên-ly héo-von,
 Giấu trong tim-óc lòng son chẳng đành.
 Trải qua một lúc sỏi-sành,
 Trung-Uơng hòa-hiệp mới đành lòng đây.
 Hoàn-cầu trái-đất chuyển xây,
 Góm-ghê cho chúng phơi thây muôn ngàn.
 Ngày nay đạo-đức chẳng màng,
80. Rồi sau đâu có tiền ngàn khó mua.

81. Biển sông lặn-lội hơn thua,
Tự thân tạo lấy mà mua cái sâu.
 Phật, nhờn, tạo-hóa một bầu,
Kẻ thanh người trước mới hầu khác nhau.
 Thân này sá quản cần lao,
Miễn cho bá-tánh được mau an-nhàn.
 Ngũ niên viễn lự cơ-hàn,
Đến chùng qui phục Hớn-Đàng mới yên.
 Bao-la cảnh Phật cõi Tiên,
90. Tòng mai liễu trúc hữu duyên khoe màu.
 Ngũ vân năm sắc năm màu,
Kìa qui nọ phụng lao-xao vui mừng.
 Vang-vậy sấm nổ chuyển-luân,
Kiêng-tiên lộ vẻ vui mừng cha con.
 Bấy lâu nghĩa nọ tiêu mòn,
Ngày nay hiệp mặt hết còn thờ-than.
 Các nơi liệt-quốc chư-bang,
Chúc cầu bình-trị trướng-loan sum-vầy.
 Bây giờ làm việc tà-tây,
100. Ngày sau bị khốn tội rày điêu-ngoa.
 Biết khôn tìm kiếm ma-ha,
Một câu lục-tự nhà nhà bình-an.
 Xa-xuôi đường sá dặm tràng,
Khó bề lui tới rồi nhàn lao-lung.
 Lo bề cúc-dục cõi thung,
Nghe lời Thầy dạy việc chung của đời.
 Bút nghiên tạm gác đợi thời,
108. Chúc cho bá-tánh xết đời biết Ta.

Mỹ-Hội-Đông, ngày 22-1 Canh-Thìn.



Ông NGUYỄN-THANH-TÂN
(tức Hương-Thân Ưống) xướng :

Bóng thỏ đà lu rạng mặt rông,
 Bốn phương sĩ-tử nhóm càng đông.
 Trời Nghiêu phụng múa vòng tay áo,
 Đất Thuấn voi cày ruộng trở bông.
 Biển lặng sông trong chờ lệnh chánh,
 Nhà an nước trị lẽ thiên công.
 Kìa ai gói-gắm lời cơ-mật,
 Ước bụng kẻ hiền bớ núi sông !

ĐỨC THẦY họa :

Non Lịch rừng nhu lộ vẻ rông,
 Danh hiền bao rải khắp Tây-Đông.
 Chòm ong còn múa trong the áo,
 Nam-Việt giống nòi trở nhụy bông.
 Mặt đất địa cầu qui lập chánh,
 Một nền Đạo hạnh lấy tâm công.
 Văn-nhu áo-não tìm cơ-mật,
 Sẽ hản việc đời hời núi sông !

Mỹ-Hội-Đông, ngày 22-1 Canh-Thìn.



Ông NGUYỄN-THANH-TÂN xướng :

Tiết phong một võ nhứt thân khinh,
 Háo đạo thơ sanh cảm khóc tình.
 Cự vọng nam minh dân tiếp thủy,
 Tường khan bắc chỉ thạch tranh vinh.

Mộng hồi cố quốc tam canh nguyệt,
Tĩnh khởi cô bang vạn lý trình.
Kim nhật phùng chơn tu tận túy,
Hưu tương ly-biệt não bình-sanh.

ĐỨC THẦY đáp họa :

Hải qui thiết lượng ngốc nhơn khinh,
Cổ viễn hà qua kiến hữu tình.
Quý hóa ai thi hà quốc thủy,
Đài phi sơn lãnh vị thành vinh.
Phù vân lộ thức nhiên âm nguyệt,
Tổ giả vong bang kỷ tráng trình.
Phúc họa trừ phong nhiên Bính-tí,
Trùng lai hữu nhật tại hoài sanh.

Mỹ-Hội-Đông, ngày 22-1 Canh-Thìn.



**Ông NGUYỄN-KỶ-TRÂN tức Chín Diệm
(làng Định-Yên, tỉnh Long-Xuyên) xướng:**

Cường-khẩu xâm lăng kỷ thập niên,
Vị tri đại-đức giáng, hà Tiên ?
Hi-Di ngũ quý kim an tại,
Thái-Thượng tam vương cổ bất truyền.
Độc nhãn sa-đà tàng Bắc-địa,
Liên mi chơn mạng ần Nam-thiên.
Phòng ngư xích vĩ đương kim nhật,
Dẫn lãnh minh lương trừ tổ-tiên.



Tổ-tiên cứu loạn hựu phò nguy,
 Hương thiện khử tà chúng bất-tri.
 Vô tránh vô tranh thiên-hạ thiếu,
 Toàn trung toàn hiếu thế-gian hy.
 Ái mao vị tiện ngô đồng phụng,
 Tiết giác thâm tàng trạch thủy qui.
 Bất tận tam tâm danh lợi khách,
 Đáo đầu thâm mãnh niệm từ-bi.

ĐỨC THẦY họa :

Thiên ký Lạc-Hồng đặc ngũ niên,
 Sơn-Trung hồi giả bí danh tiên.
 Trần nhơn đãi thế Nam tồn-tại,
 Lão đạo tiên phong Bắc ý truyền.
 Trình mỗ ngô kim khuê Cổ địa,
 Xích mi hải hội luật trùng thiên.
 Vị phi minh đế đồ tôn nhựt,
 Thạnh khí đào thính giác kỷ tiên.



Kỷ tiên hữu nhựt ngã đình nguy,
 Lượng trí bồi thành thử tất tri.
 Võ kỷ hùng phong nhơn mặt thiếu,
 Thần-Tiên tiêu ản cổ lai hy.
 Thí-sanh tán địa liên đài phụng,
 Nam-sĩ bài kỳ phục kiết qui.
 Vạn vật an-ninh thông điện khách,
 Nhứt trường lê-thứ kiến vô bi.



Ông NGUYỄN-KỶ-TRẦN xướng :

Gió xuân muôn vật toại lòng rồi,
Nghĩ lại băng-khuâng đạo Chúa tôi.
Cá phụ vẫy-vùng trong dấu cạn,
Trông chừng đầu nước luống ngùi-ngùi.



Ngùi-ngùi trông thấy đám mây xanh,
Thoạt vẩy mưa tuôn đượm nhánh lành.
Thẳm đến rừng nhu toại vật sắc,
Dù ai đắp lũy nguyện bồi thành.

ĐỨC THẦY đáp :

Đạo-đức truyền ban cũng chữa rồi,
Xa đường nguyện-ước chuyện con tôi.
Mưa tuôn vừa tiết ngư thông-thả,
Dạ thắm lòng vui cũng bắt ngùi.



Bắt ngùi cho kẻ bạc đầu xanh,
Sum-hiệp cùng nhau cội nhánh lành.
Gặp lúc tiết hòa mưa đượm sắc,
Quyết lòng trợ thế với bồi thành.



Bồi thành mới phải đạo văn-nhu,
Có lẽ ngày kia rắn hóa cù.
Lũ-lợt đàn chim bay kiếm ổ,
Rắn mà theo dõi bớ văn-nhu !



Văn-nhu vệt phá sụp ao tù,
 Nước túng dân nghèo lại thiếu xu.
 Khô, khô thương đời luân chuyển kiếp,
 Phân trần cụ lão chuyện người tu.

Mỹ-Hội-Đông, đêm 22-1 Canh-Thìn.



Vịnh ông ĐỊA bằng sành

*(Đề tại nhà ông hai Xòn ở Vàm-Nao thuộc tỉnh
 Long-Xuyên)*

Bánh-chẹ ngồi chơi sượng hời ông !
 Tâm lành sao chẳng tiếp non sông ?
 Nhơn-dân bốn phía đương đồ-thán,
 Vui sượng chi mà lại tỉnh không ?

Mỹ-Hội-Đông, sáng ngày 23-1 Canh-Thìn.



Viếng làng PHÚ-AN (Châu-Độc)

1. Lung-chung một bước lạ làng,
 Viếng thăm khắp chốn luận bàn huyền-cơ.
 Người đời lòng những ước-mơ,
 Một câu đạo-hạnh lỡ ngờ chuyện xa.
 Đêm khuya còn vắng tiếng gà,
 Bút nghiên tạm lấy tờ hoa tố-trần.
 Ô-kim vàng ấy ngàn cân,
 Dương-gian muốn đổi lập thân cho tròn.
 Trăm năm ghi-tạc miếu son,
10. Trung-quân ái-quốc hã còn danh bia.

11. MẶC TÌNH TIẾNG NỢ LỜI KIA,
Chẳng màng thế-sự đặt-bia nhiều lời.
Gẫm ra chuyện lạ ở đời,
Kẻ ngu người trí nhiều lời phân-vân.
Xưa kia bạo-ngược nhà Tần,
Dem lòng hung-ác giết lẫn văn-nhu.
Ước mong rắn đặng hóa cù,
Đồng tâm hiệp trí chữ tu dốt-diu.
Lòng hiền giữ vẹn sớm chiều,
20. Xem kinh niệm Phật mỹ-miêu mặc ai.
Hung-vong suy-thạnh xưa nay,
Cuộc đời vay trả, trả vay đổi đời.
Mấy ai trăm tuổi ở đời,
Được như Bành-Tổ mà rời lợi danh ?
Quyết lòng tâm kiếm cõi thanh,
Lánh nơi trần tục học-hành đường Tiên.
Trả cho rồi nợ tiền-khiên,
Đến ngày hiệp mặt kiểng-tiên vui-vầy.
Làm sao rõ mặt tở Thầy,
30. Tới chùng trăng rọi đài mây mới tường.
Bây giờ nạn ách còn vương,
Cha làm con chịu nhiều đường gai-chông.
Nhiều người kinh-sử lâu-thông,
Mà không sửa tánh bởi lòng còn mê.
Kiếm con hiền-đức dất về,
Về nơi cõi Phật Tây-Phương an-nhàn.
Nợ trần con sớm liệu-toan,
Nghĩa-nhơn trọn- vẹn mới an tâm lòng.
Thuyền từ kêu gọi ngóng trông,
40. Trông cho dân-chúng bớt lòng tham-ô.

41. Chùng nào thấy được cơ-đồ,
 Nhon vô viễn lự gia vô nhon đình.
 Đến đây thấy cảnh sanh tình,
 Lòng son đòi đoạn công-trình dạy khuyên.
 Cứ lo chế ngạo Khùng Điền,
 Ngày sau chịu mãi chữ phiền chữ đau.
 Ngọt bùi lời Đạo thanh-thao,
 Đòi còn mê-muội chùng nào mới thôi.
 Vinh-hoa một bả làm mỗi,
50. Để câu kẻ đại việc tôi chất lên.
 Muốn mình lên đặng bực trên,
 Hãy lo rèn đúc mới nên Thánh-Hiền.
 Giống lành xưa cũng Rồng Tiên,
 Ngày nay hung-ác đảo-điên khắp cùng.
 Mặc tình nghe phải thì dùng,
 Chớ đừng bỉ-bạc kẻ Khùng làm chi.
 Buồn đời gác bút nghĩ suy,
 Suy cho cạn lẽ sàu-bi quá chùng.

60. *Cầu ngã kiến văn tối thậm đa,
 Thiện duyên tác phước ý như hà.
 Phô trương vạn lượng tam hài tuệ,
 Hội thỉnh na thời kiến thanh hoa.*



*Viễn lự ô hô chí Lão Bành !
 Nhon thì sanh dưỡng khí tồn thanh.
 Hải qui thế-giái nam hòa vọng,
 Nguyệt dữ như hà dụng thức canh.*



- Kim phụng triều vương viễn khứ đình,
Bàì hòi phong nhã lạc trầm thính.
Duyên-do phước thọ lai duy hiển,
70. Thủ đảnh thư hùng thực sử-kinh.



- Quang-minh diện-mục khả hồ sơ,
Nhứt diêu phù-vân phú-quới cơ.
Quân-tử Thánh-nhơn hà đạì lượng ?
74. Liền hồng vạn thứ cảnh thiên-thơ.

Chợ-Vàm (Phú-An), ngày 23 tháng giêng Canh-Thìn, tại nhà Hương-Hào Phi.



**Cho Thầy Ba THẬN ở làng Phú-Lâm
(tỉnh Châu-Đốc)**

Đêm vắng mà sao cảm quá dài,
Vãn-nhu lão trưởng tiếng bi-ai.
Tâm nơi yếu lý câu huyền-diệu,
Thương thâm cho đời thương huệ mai.



Đoái tưởng lòng ông quá đổi hiền,
Dặm tràng tới viếng mượn ngòi-nghiên.
Tỏ tình yêu quý người lương-thiện,
Trông đợi ngày kia khỏi xích-xiềng.

Phú-An, tối 23 tháng giêng Canh-Thìn.



TỔ CÂU HUYỀN-BÍ

1. Đồi đạo liên-quan rạng chói ngời,
Trần-hoàn biển khổ thăm vui-vời.
Thanh minh đạo-đức câu huyền-bí,
Mượn lấy bút nghiên tỏ ít lời.



- Hồng-Lạc giống xưa rất tuyệt vời,
Sao mà dương-thế mắng lo chơi.
Sớm chiều tự liệu rèn tâm trí,
8. Đạo-đức nhiệm-sâu Lão khuyến mời.



Thiên sanh thiện-tánh tác thì gia,
Tông-tích cổ kim lượng thử hà.
Sư giả hạ trần nhơn mặt kiếp,
Ngã hồi dương-thế thuyết huyền ca.



- Đài phong liễu khước tạo Nam-gia,
Thiện-chí hồ thiên thức Ngọc-tòa.
Trung-son tế-giáng Lư-Bồng kiểng,
16. Giác tỉnh sanh kỳ tối diệu đa.



BỮU ngọc mai danh ản nhục tràng,
SƠN đài hồ-hải luyện tứ phang.
KỶ sanh tạo giả thi truyền tục,
HƯƠNG giải thao tồi thị Bảo-giang.



24. Ngũ hồ ly cấu tạn hài tiên,
Nguyên thuyết thanh-danh tác thiện duyên.
Thậm-thâm tối thiểu kim tàng cốc,
Đa giả khứ hồi giải nghiệp-duyên.



Canh tràng dạ đoản, đoản canh sơ,
Ngã thứ trung sanh trực thể thờ.
Ngõi khí yên hùng ghi đảm-liệt,
Hà giang lương thổ vẽ thiên-cơ.



32. Khởi điệu tâm vương Phật cổ hồi,
Vạn năng sĩ-tử hiệp hòa ngôi.
Tam-thanh truyện tích ghi biên tự,
Khán giả tận-tường liệt võng khôi.



Canh niên viễn lự tối thi thân,
Kê thủ nhứt tràng vạn địch nhân.
Nam thức quân thần cuồng Lão-sĩ,
Châu nhi phục thi cổ đồng lân.



40. BỬU kiến trùng tâm dụng thể tiên,
SƠN sanh giả kế chương huyền thiên.
KỶ thâm hạ giải ly đài nguyệt,
HƯƠNG vị trầm thanh bí kỷ niên.

Phú-An, đêm 23-1 Canh-Thìn.



Cho Ông PHAN-THANH-LONG

Long rày năm mới thiệt là rông,
 Mèo-mả bạc-bài bỏ được không ?
 Hiệu, Khuynh cùng gã mau liền lại,
 Kéo đẽ ngày sau chịu nãi-nông.

Trường học Phú-An, ngày 24-1 Canh-Thìn.



DIỆT TIỀN KHIÊN

Bồng-Lai như khứ khổ nan truyền,
 Cảm tác quyền hồ tố thiện duyên.
 Quốc-thủy đài chương trung liệt cổ,
 Trần-gian ngã đáo diệt tiền khiên.



Vạn lý trường đồ mộ nhứt sơn,
 Danh tiên liễu bá định hồi yên.
 Vị phi lai tục đa ưu lự,
 Sơn hải điền viên tất tảo nan.

Hòa-Hảo, tháng giêng năm Canh-Thìn.



ĐỀ CHƠN ĐẤT BẮC

1. Đề chơn đất Bắc Thầy trò,
 Dân còn quê kịch hát hò nghêu-ngao.
 Xóm làng Đồng-Thạnh xôn-xao,
 Cùng nhau bàn-tán khác nào trong Nam.

- Chúng dân tỵ ngũ tòng tam,
Kẻ ma người mị kẻ ham người cười.
Làng này đông-đúc nhiều người,
Dân tình cũng được đôi mươi tu-hành.
Nhiều người già cả lòng lành,
10. Có nhiều kỳ-lão biết rành tích xưa.
Tới đâu cũng ít người ưa,
Năm lẫn ca hát sớm trưa dỡ-dành.
Trung bày tích cũ đành-rành,
Thiên-cơ đạo-đức tu-hành phận tôi.
Dân quê nghe nói hơi ôi !
Hung-đồ cường nghịch một hồi cười reo.
Đâu đây mà có hùm beo,
Khéo bày bá-láp nghe theo làm gì ?
Thấy trong lê-thứ cũng kỳ,
20. Đi đâu cũng bị dân thì ghét vợ.
Ngày đầu nhiều kẻ còn mơ,
Trị chơi ít bịnh ngẩn-ngơ xóm diềng.
Cũng không thềm trọng bạc tiền,
Quyết lòng tìm kiếm người hiền mà thôi.
Bắc-kỳ dân ít mép-môi,
Cũng còn cúng kiếng chè xôi ê-hề.
Thương dân nên chịu nặng-nề,
Lời ăn tiếng nói nhiều bề thấp cao.
Tớ thầy nào nệ cần-lao,
30. Thương dân dạy-dỗ xiết bao nhọc-nhần.
Ngũ-luân lễ nghĩa năm hằng,
Tam cang trung-trực người rằng ngu-si.
Viết ra mới bốn bài thi,
Đặng cho trần thế biết thì Thần Tiên.

- Cũng xưng rằng hiệu Khùng Điền,
36. Nhắc ra nhiều khúc Rồng-Tiên Hồng-Bàng.

THƠ rằng :

- Nam-thiên vô ngại đại Hoành-Sơn,
Nhiên khước hành vi kỷ khách hườn.
Tân tạo huyền sanh hồi châu ngọc,
40. Hữu nhật Tiên Thần hiệp luyện đơn.*



*Vân-vân bạch-bạch thức sinh thân,
Cổ quán thôn-hương nhật dị-nhân.
Tiên-sinh hiện kiếp phò Lê-chúa,
Hậu truyền độ chúng cảm hoài ân.*



*Liên hồng cảm-kích vĩ long tuyền,
Đồng-Thanh hàng kỳ tác thiện duyên.
Kiển-sám truyền danh lưu hậu thế,
Nam-Việt trung-thân đệ nhật Tiên.*



- Nhơn danh ly biệt ngạn Bắc-hà,
50. Cổ sủy lương thân vị phong ca.
Thọ tử tâm trung trung hùng khí,
Qui hồi quốc thủy tiện phương hoa.*

Bốn bài thơ đã làm xong,
Văn-nho bàn-bạc nhiều ông lắc đầu.
Nghĩ ra mới biết cơ cầu,
Người chi thi-phú công-hầu cỡ nhơn.

- Nghiệm suy lời lẽ thiệt hơn,
Dặn-dò bá-tánh thi ơn xóm làng.
Nào Ta có nói bướng càn,
60. Về An-Giang tỉnh rõ ràng ai hay.
Từ đây Nam Bắc chuyển quay,
Khi đây khi đó ra tài khuyển dân.
Tuần-huòn tạo-hóa cảm cân,
Ở đây cũng dạy hương-lân đủ điều.
Xác nghèo nhà tợ cái lều,
Cơ-hàn rách-rưới nhiều điều nan nguy.
Tuy là gia-trạch hàn-vi,
Nhưng mà hiền-đức khác gì người xưa.
Nhiều người lối xóm đẩy-đưa,
70. Tầm lòng không mển mà ưa bề ngoài.
Nước tràn ruộng lúa lạc-loài,
Bắt đầu lo chuyện miệt-mải bắp khoai.
Giáo-truyền lời lẽ thẳng ngay,
Hương-lân trùm-trưởng đắng cay nhiều bề.
Thầy trò ra sức làm hề,
Ca tuồng ly-loạn dựa kê biên-cương.
Có nhiều chệt khách Minh-hương,
Đau lòng nhiều khúc thê-lương bên Tàu.
Chú lùn Nhựt-Bồn hùng-hào,
80. Chẳng thương sanh-mạng dân Tàu đại ngu.
Bởi chung hung-bạo chẳng tu,
Cho nên gây sự lu-bù chiến-tranh.
Bắc-kỳ Trung-Quốc giáp ranh,
Sao không xem đó tu-hành hiền-lương.
Cá không ăn muối cá uơn,
Chẳng nghe lời dạy lâm đường chông gai.

Hát tuồng Trung-Quốc quá dai,
Ta bèn bỏ bản hát bài tà-tinh.

90. Cả kêu lớn nhỏ đệ-huynh,
Từ đây nhẫn-nại chống kinh làm chi.
Bút nghiên lôi lại làm thi,
Đặng cho sanh-chúng bớt nghi tinh-tà.

*Cổ qui tài tận hận do Tân,
Thiện chí tu-trì lập vĩ thân.
Tồn tại hư vô tầm bát-nhã,
Tiên kiếm thần thông chỉ huy cần.*



100. *Diền tan gia phé té nhiên hàn,
Khổ đảo ly kỳ ảo viễn cang.
Nghị xuất Thần Tiên yên truyền đạo,
Bàn phú cơ đồ bát tị sang.*



*Nôn nãi kìa ai nhọc mưu cầu,
Thê-thảm cho đời nẻo huyền sâu.
Kiên-cố của tiền thiên đạo-lý,
Cấp hồi ái truất trót canh trâu.*



*Thiên ý bất tư hoạnh trừ tài,
Biên hình liên huệ tất ư giai.
Kiệm kỹ tha lam mi hài-chí,
Long trì phi ả tạo kiên khai.*



110. *Ngạo cảnh du vân triện Bắc-hà,
Quá khứ trú đình vịnh ngân ca.*

111. *Thanh tích cổ nhân tân cừ khí,
Nghien tông bí khuyết bích-lư xa.*

Thâm canh bắt mền công hầu,
Trông cho lê-thứ gặp châu vinh-huê.
Ở đâu dân cũng còn mê,
Tham câu danh lợi khó kè Thần Tiên.
Tư lương một mối sầu riêng,
Long thiên đãi ảnh vị thiên cô phần.
Ngánh ngao tái chí thi ân,

120. *Biện-minh chí hứng đèn lân dựa kè.*

*Huy-hoàng hương nền tự thiên chi,
Hội kiến truyền linh thuyết vĩnh kỳ.
Lôi chất khai âm vô sắc thí,
Ngại hồi bi hiện án tiền phi.*

Rừng thông bên cạnh gần kè,
Bôn-phi lê-thứ nhiều bề gian-nan.
Bắc-kỳ còn hời hò khoan,
Chúng dân đi cấy reo vang ruộng đồng.
Thấy đời cũng luống động lòng,

130. *Xứ quê nghèo cực muối mòng thiếu chi.*

Đạo miền thành-thị một khi,
Chán-chê thế-sự sầu-bi trong lòng.
Ca xang thảm cảnh não-nông,
Cả kêu dân-chúng Lạc-Hồng hời ơi !
Giống xưa Tiên cảnh tuyết-vời,
Ngày nay đã lạc đạo đời nhuốc-nhơ.
Người hiền nghe thấu ngẩn-ngơ,
Đón-đau sắp đến bơ-vơ một mình.

- Muốn xem được hội Long-Đình,
 140. Thì dân hãy rửa mình cho tron.
 Ở ăn cho vẹn mùi ơn,
 Cảnh tình hiền-đức gặp cơn khải-hoàn.
 Gắng công khỏi buổi nghèo-nàn,
 Sum-vầy một cuộc Hón đàng toại thay.
 Người nào vẹn được thảo ngay,
 Dựa kê cửa Thánh đài mây an-nhàn.
 Khuyên răn cuối xóm cùng làng,
 Giàu sang nắm giữ cửa ngàn làm chi.
 Việc đời nhiều nỗi sầu-bi,
 150. Hạ-nguơn đã hết loạn-ly cơ-đồ.
 Bây giờ còn hỡi mờ-hồ,
 Chẳng nghe dạy chỉ cơ-đồ về sau.
 Thử xem cho biết vàng thau,
 Tình yêu sanh-chúng chẳng nao tác lòng.
 Tu-hiền như thể phụng rồng,
 Mắt nhìn Tiên cảnh mây hồng toại thay.
 Bây giờ rán chịu đắng cay,
 Ngày sau mới biết mặt mày Khùng Điên.
 Đạo đời nào có tư riêng,
 160. Minh-Vương sửa trị mới yên ngôi Trời.
 Xa-xăm các chỗ các nơi,
 Đâu đâu cũng rán nghe lời tiên-tri.
 Kẻ hung ngạo-nghề khinh-khi,
 Nữa sau đến việc sầu-bi nhiều bề.
 Tớ Thầy non núi dựa kê,
 Cũng tìm am cốc liệu bề dạy khuyên.
 Quyết lòng rửa sạch tiền-khiên,
 Ra oai ra lực hùng-yên mới là.

- Bây giờ còn liệu tây-tà,
170. Cho nên đạo-đức khó mà cạn phân.
Nam-thiền báu ngọc châu trần,
Phật Tiên phân định tám thân mới nhàn.

*Duyên sự đê-mê cảnh Hón-đàng,
Lần dò cho thấu nẻo Tiên-bang.
Xuê-xang mây kiếng nhìn swong gió,
Lòn cúi chờ trông lúc khai-hoàn.*



- Mê-man danh lợi cõi hồng-trần,
Có một hội này lập lấy thân.
Nếu để trễ chầy e chẳng kịp,*
180. *Khuyên ai khuya sớm gắng chuyên-cần.*



*Huyền-vi cơ Đạo kiến linh-kỳ,
Tự thán dương-trần tốc kham bi.
Vô vị phi liên tâm phé kỹ,
Điểm hồng nê địa tự thiên chi.*

- Chùng nào thấy được phụng-hoàng,
Rồng châu chớp nháng Hón-đàng hiển-vinh.
Sớm chiều rèn đúc kính-tinh,
Ngày sau mới thấy phép linh của Trời.
Ai ai cũng ở trong đời,
190. Chốn nào không Đạo là đời vô-liêm.
Xét suy cho cạn cổ kim,
Hết tâm bền chí rạch tim xem nhìn.
Ta đây ưa ghét mặc tình,
Dương-gian cứ mãi chống-kình làm chi.

- Chùng nào thượng-cổ hồi-qui,
 Thế-trần mới hết khinh-khi Phật Trời.
 Tu-hành đạo-đức rao mời,
 Như người ngu dại với đời loạn-ly.
 Ở sao cho biết tôn-ti,
 200. Dẽ-ngươi Phật Thánh sàu-bi mãi đời.
 Khùng-Điên ả-nhẫn tùy thời,
 Có con giả dạng dất đời hạ-nguon.
 Mặc tình ai nói thiệt hơn,
 Thấp cao tai tiếng làm ơn cho đời.
 Luân phiên Thầy Tổ tách vời,
 Chẳng nài lao-lý miễn đời bình-an.
 Tiếng đờn hò líu cồng xang,
 Đêm khuya khuyên nhủ khắp tràng chúng-sanh.
 Buổi nay nhằm lúc vắng thanh,
 210. Lời Ta khuyên đó như cành gheo chim.
 Trau giò đúng bực thanh-liêm,
 Nữa sau mới biết thành kim đèn đài.
 Việc đời nhiều lúc khô-hài,
 Quyết lòng cho thế một bài học hay.
 Chuyển miền Nam địa lung-lay,
 Nam Trung cùng Bắc một tay giáo đời.
 Thiếu ai mà bị réo mời,
 Đầu trên xóm dưới thỉnh mời liên-thinh.
 Trớ-trêu phải mượn kệ kinh,
 220. Mặc tình dân-sự biện-minh lẽ nào.

THI

*Thâm-trâm đạo-đức quá thanh-thao,
 Rừng-rú kệ kinh cắt khoen rào.*

Rước đưa sanh-chúng rời bẻ ái,
Thử-thét cho cùng cạn thấp cao.



Liên lụy trần mê bẻ ái-hà,
Bổn xuất toàn tình mượn thi ca.
Thế-thống Thần Tiên kiên bẻ chí,
Tương đồng sanh-chúng gọi ma-ha.



230. Si lung á giá tọa phú hào,
Tiên kiến hậu hiền quý kỷ cao.
Thố tử hồ bi ghi chí hứng,
Đại-đồng Đạo cả khắp trùm bao.



Toan ly bẻ khổ, khổ tới à !
Dân-sự an-nhàn sướng dữ a !
Ta mắng lòng lo gìn sanh-chúng,
Gội nhuần ân-đức vịnh phong ca.



240. Ma-ha toàn nhỏ đã dọn rồi,
Chèo lái trương buồm chớ thả trôi.
Bén giác bờ mê, mê phải tránh,
Ly-biệt hồng-trần hồi ai ôi !



Liên-hoa chín phẩm ở Ngọc-tòa,
Được lệnh Thiên-Hoàng nấy sai Ta.
Hạ-giải dạy khuyên truyền đạo-lý,
Giả dạng Diên-Khùng mượn thi ca.



Ham vui đào mận chẳng xong rồi,
 Trung hiếu giữ-gìn phận con tôi.
 Thế-sự bao la Ta chẳng quản,
 Tiên-cảnh non Bồng sẵn vị-ngôi.



250. Nước non náo-nức giống nòi Hồng,
 Gắng chí kiếm tìm chủ-nhơn-ông.
 Tuổi trẻ đầu xanh khoanh tay rế,
 Liệu-lượng thâm tình tợ biển sông.



Thay cảnh đổi lòng nổi biệt-ly,
 Muốn gặp bằng sơn với linh-kỳ,
 Noi sức bình-sanh quanh nước lửa,
 Có một ngày chờ hội ứng thi.



260. Hồn thơ Tiên Thánh sánh Đạo mâu,
 Chẳng thấy việc đời mắng góp râu.
 Tóm tắt ít lời âu diệt chủng,
 Thế-sự mê hồn lụy song mâu.



Cha nọ bồng con vợ khóc òa,
 Tan nát xóm-diềng khổ dữ a !
 Nhà không kẻ ở, ôi ! nói trước,
 Nếu chẳng tin lời gặp thiết-tha.



Lời xưa di tích rõ việc này,
 Ai muốn mắt phàm gặp Rồng Mây.
 Hãy rán nghe lời Ta mách trước,
 Không gìn đạo-đức phải phơi thầy.

- Thương dân xuống bút tay đề,
270. Dặn-dò bá-tánh chớ hề lọt-phai.
Cuộc thế-giới chuyên-lay như chóng,
Khuyên dân tình hãy lỏng mà nghe.
Lam-kiều hữu lộ vắng hoe,
Ngục môn không cửa mà hề nhau đi.
Thảm cho trẻ hài-nhi liệu-địu,
Vợ xa chồng bận-bịu thê-lương.
Phong trần dày-dạn gió sương,
Chư bang ham báu hùng-cường đua tranh.
Còn một cuộc chiếu manh giành xé,
280. Khấp hoàn-cầu ó-ré một nơi.
Dòm xem châu ngọc chiều moi,
Sao đời không sớm tách đời cỏi mê.
Để đến việc thăm-thê, thê-thảm,
Mất phạm-trần tường-lãm bi-ai.
Cũng đồng cốt-nhục hoài thai,
Nên Ta rán sức miệt-mài dạy khuyên.
Thơ với phú Thần Tiên giáng bút,
Bởi cơ trời đà thúc bên lưng.
Không tu chùng khổ cũng ưng,
290. Tu-hành gặp cảnh vui mừng toại thay !

*Hoàng hôn tái sắc chuyển luân tài,
Nhứt dạ yêu đời chỉ quá dai.
Tỏ thuyết huyền-vi sanh-chúng rõ,
Năng kỳ liên huệ tất biền lai.*



*Tư lương đeo đuổi giấc mộng sâu,
Bớ hồi dương-trần khá liệu âu.*

Nước lửa đến chun, ôi ! khó nháy,
Co giò phóng riết lọt ngoài sâu.



300. Huyền cơ đạo-hạnh hãy rán tâm,
Đòi cùng Tiên Phật dụng nhọn tâm.
Ngàn năm Thích Đạo đành chôn lấp,
Thương tưởng bá-gia nổi lạc-lâm.

Cảnh thảm khổ chiều mai sẽ đến,
Sao dân còn trứ-mên trần-mê ?

Mắt nhìn ngoại-quốc thảm-thê,
Nam-bang cảnh khổ cũng kè bên tai.
Cuộc biến động nay mai nguy ngập,
Một hội này rán lập thân danh.

310. Kia kia các bực công khanh,
Miếu son tạc để dành rành chẳng sai.
Đất với nước hậu lai vinh-diệu,
Đạo lo tròn yếu-diệu tấm thân.

314. Một câu quân-lý tứ ân,
Ta đừng phai-lọt phong-thần bảng ghi.

*Hòa-Hảo, tháng giêng năm Canh-Thìn.
(Chép theo bốn chánh của Đức Thầy do Đức Ông giữ).*



GIỌNG KHÀN

Lập chí giác dân đến giọng khan,
Cảm tình bốn-đạo ngắt lời khan.
Tạm ngưng lý-lẽ trong đôi bữa,
Xin chớ bỏ qua rất muộn-màng.



Muộn-màng chon-ly khó bằng an,
Thế thái trần mê giải mộng tràng.
Hồi giống Tiên-Rồng mau mở mắt,
Kiếm tìm đạo-ly lánh hùm lang.

Hòa-Hảo, tháng 2 năm Canh-Thìn.



Cho Ông THAM-TÁ NGÀ

(con của Ông Đốc-phủ Lê-Quang-Liêm tức Bảy)

1. Lòng buồn gặp kẻ xa-xôi,
Lân-la đến chốn buồn mỗi vinh-hoa.
Xả thân tìm kiếm ma-ha,
Chẳng nài viễn-vọng dẹp tà nơi tâm.
Nay gặp bạn tri-âm tri-kỷ,
Cho những điều thiện mỹ cổ lai.
Đừng nên sớm vội lọt phai,
Xe dây cho chặt mà nài tánh linh.
Nền đạo-đức sắc thình chớ mền,
10. Có thuyền từ đưa đến non Tiên.
Cứu người hữu phước thiện-duyên,
Về nơi cõi Phật khỏi miền trần ai.
Kẻ ác-đức hậu lai khổ thảm,
Mất phạm trần tường lăm hồ binh.
Mấy lời dặn bảo đình-ninh,
Gắn-ghi chạm dạ Long-Đình được xem.
Mùi đạo diệu gỏi nem khó sánh,
Chốn trà-đình xa lánh vắng lai.
Tu-hành nào luận mặn chay,
20. Miễn tâm thanh-tịnh gặp ngày an cư.

- Nền đạo-đức vị tư bất nhã,
 Ta đừng phân nhơn ngã mới hay.
 Nhìn đời thế thái đổi thay,
 24. Hết vinh tới nhục lẽ này thường xưa.

- Đời ⁽¹⁾ vật-chất văn-minh chiều-chuộng,
 Vì thời lai vận bã trái qua.
 Lòng sắt-son đây đó nỡn-nà,
 Tâm não bít bê-tha chậm trề.
 Tu với tỉnh bảo toàn thân-thể,
 30. Giữ đừng mòn linh tánh mới hay.
 Nổi bút-nghiên phận Lão cạn bầy,
 Câu diệu-lý cơ-huyền khó kiếm.
 Sá chi kẻ dùng lời bao-biếm,
 Chê Diên Khùng khó kiếm cho ra.
 Não tâm tràng sớm dứt ái-hà,
 Nên phải vội lìa xa cõi tạm.
 Quyết chỉ nẻo lánh vòng hắc ám,
 Đạo và đời thăm-thẳm sâu-xa.
 Diệm Hồng-Liên thơ-thớ quần ca,
 40. Tạo duyên giả phạm gian thân giả.
 Chớ lấy đó mà tâm buồn-bã,
 Hiệp-hòa nhau chờ đợi năm non.
 Kìa hỡi ai giữ phận cho tròn,
 Sau huynh-đệ có ngày hòa-hiệp.

⁽¹⁾ Lúc hầu chuyện với Đức Thầy, ông Ngà có khen ông Lê-Văn-Trung và nói nếu ông Trung còn sống thì câu chuyện đạo-đức với Đức Thầy ắt là lý thú lắm. Đức Thầy mới viết thêm đoạn dưới đây.

- Chớ nản chí đường tu bỏ líp,
Trôi bước sang gặp Lão thể ngôn.
Trôi hùng phong cốt-cách duy tồn,
Xác tuy mất hồn thiêng chẳng mất.
Lão cũng tỏ đôi lời khờ-khật,
50. Câu huyền sâu cho đó ngụ ngôn.
Mã song phi viễn-vọng tâm-hồn,
Hành thế lữ đêm dài cạn tỏ.
Giết cho sạch những loài sâu bọ,
Giống hại người lúc bỏ rẫy trồng.
Huệ tâm khai ngữ chuyển huyền thông,
Sanh hồi thiện đôi câu thành-thật.
Đêm vắng tắt vài lời để cất,
Gác ngòi nghiên tạm biệt phạm gian.
Rạng vừng mây bóng thả lạc nhân,
60. Để chuyển khác cạn câu hoài vọng.

*Dặm tràng đó mới chuyển sang chơi,
Tỏ ý Thần Tiên khá nhận lời.
Huyền-pháp thâm-trầm thơm bất tuyệt,
Vô-vi chánh Đạo hồi người ôi !*



*Người ôi ! chơn-lý thậm lâu đời,
Thâm cảnh diệu-huyền hẹn một nơi.
Hòa mặt Trung-Uơng tam điệp khách,
Đợi chờ thiên-luật mới về nơi.*



- Về nơi chốn ấy rõ như lời,
70. Nào Lão có bày chuyện khuấy chơi.

71. *Vẽ việc Trời xanh cho đó biết,
Một lòng gắn chặt chẳng xa rời.*



*Xa rời đạo-đức khổ tâm à !
Học cũ ít bài Lão thiết-tha.
Bóng xế tà tây ôi ! lấm thề,
Dạ hiền cất bút mượn thi ca.*



- Thi ca nhiều nẻo thậm rồi đa,
Hỏi tị sự thần dạy chuyên xa.
Lánh thề chẳng bày danh Lão sĩ,*
80. *Ngày nay các chỗ ngộ cuồng-ca.*

Hòa-Hảo, lối tháng 2 Canh-Thìn (trong lúc ban đêm).



KHUYÊN NGƯỜI GIÀU LÒNG PHƯỚC-THIỆN

1. *Mắt nhìn Kỷ-Mão vừa qua,
Gẫm trong thiên hạ nhiều nhà thiếu com.
Ruộng đồng chẳng có rạ rơm,
Trâu bò ngóng cổ nhà nông héo lòng.
Canh-Thìn bước tới thiệt Rông,
Trông cho mùa khác ruộng đồng ra sao.
Nhà nghèo dạ tợ như bào,
Vợ đau con yếu phương nào cho an.
Cả kêu cùng khắp xóm làng,*
10. *Mấy ông điền chủ cứu nạn mới qua.*

11. Làng gần chí những tỉnh xa,
Lúc xưa thì cũng ruột-rà với nhau.
Ngày nay tốt phước sang giàu,
Xin thương kẻ khó giúp hào một khi.
Cậu cô chú bác cùng dì,
Khắp nơi thầy chú một khi hảo lòng.
Việc nhà quý bạn đã xong,
Hiệp nhau làm phước rõ lòng hiền hơn.
Lão đây thân khó chẳng sờn,
20. Tỏ lời khuyên-khích tợ đờn Bá-Nha.
Ông nào lòng dạ hải-hà,
Động tình bác-ái ra mà làm đi.
Giúp người đói khó nhu-mì,
Dạy nó tâm trì niệm Phật làm ngay.
Bà nào góa bụa hữu tài,
Tiền nhiều đất rộng cò bay mút đồng.
Cơm này bố-thí cho xong,
Để khi nhắm mắt bên chồng giành chia.
Ông bang các chợ, xẩm hia,
30. Tiệm hàng thanh-mậu nhờ dân ruộng vườn.
Ngày nay thất-bát khá thương,
Tiền-nong chẳng có cơm lường cho qua.
Mắt nhìn lòng ứa ruột-rà,
Cả kêu bỗn-đạo ai là thiệt tu.
Muốn cho rắn đặng hóa cù,
Xả thân làm phước Diêm-phù vượt qua.
Giữ bo đến lúc phong ba,
Gặp cơn bát-loạn khó mà yên thân.
Phong-trần ai cũng phong-trần,
40. Được sang nhờ của người bản góp trâu.

41. Thấy đời lao-lý mà rầu,
 Giúp cho chúng nó ngõ hầu làm ơn.
 Xin quên mấy lúc giận hờn,
 Ra tay tế-độ nghe đờn Tây-qui.
 Xây vùn trời đất tiết thì,
 Hết con bĩ cực tới kỳ thối lai.
 Cổ kim hiếm lúc nạn-tai,
 Hung vong suy thịnh bằng nay lẽ thường.
 Lớn rông nạn ách phải vương,
50. Muốn qua truông khổ tìm đường Bồng-Lai.
 Ngày kia được trở gót hài,
 Về nơi Tiên cảnh ngàn ngày đẹp tươi.
 Giàu sang nghèo khó cũng người,
 Nên Ta thương hết dầu cười hay khen.
 Lòng nhơn xin khá tập rèn,
 Thạch-Sùng Vương-Khai sách đèn ai ưa.
 Thánh-hiền roi tích đời xưa,
 Nhờ tâm từ-thiện người ưa kính thờ.
 Chết rồi bỏ cửa bơ-vợ,
60. Chi bằng làm phải truyện thơ ghi đời.
 Xác phạm có mấy lăm hơi,
 Hỏi vay có một mà lời đôi ba.
 Của dư cho mượn mới là,
 Hảo tâm bố-thí Ngọc-tòa được lên.
 Chê nghèo, giàu nọ đâu bền,
 Chi bằng bố đức lập nền từ-bi.
 Con hiền khá sớm hôi-qui,
 Nghe lời Thầy dạy kịp thì bớ dân.
 Dòm xem kẻ khó tảo-tần,
70. Rộng tâm sang-sốt dặt lằn với nhau.

71. Nghèo thời cũng rán cháo rau,
Chớ đùng gian-xảo ngày sau thanh-nhàn.
Bần cùng cũng sớm liệu-toan,
Giữ tâm ngay thảo xóm làng mến yêu.
Mộ khan thần tỉnh cần triều,
Khỏi cơn hoạn-nạn Lam-kiều được lên.
Ít ai giữ đặng chí bền,
Tu theo nước lớn rồng bèn thả trôi.
Tuy xa mà tới mấy hồi,
80. Đất còn lở thét phải bồi tự-nhiên.
Thảm-thương cho kẻ tá-điền,
Gặp cơn lúa ngập của tiền ráo tay.
No chiều rồi lại đói mai,
Gia bần trí đoán đặng cay nhiều bề.
Lo tròn cha mẹ nhi thê,
Nhằm năm lưng túc não-nề tâm trung.
Khá thương những kẻ bần cùng,
Tâm lành dư của hãy dùng vào đây.

- Sột-sột nhà sau mụ vét nôi,
90. Ông chồng quần áo rách lôi-thôi.
Bầy con ngo-ngác đòi xoi bữa,
Lũ nhỏ giành nhau lán chỗ ngồi.
Khua đũa mè mun ngờ chủ thảo,
Muống roi chó vện tưởng cho mồi.
Lằm than đói khó vì tai-ách,
Hồi kẻ sang giàu cứu nạn trôi.*



*Nạn trôi lúa ngập đói còn xa,
Điền chủ mau mau nghĩ tận mà !*

100. *Té-độ dân nghèo trong lúc túng,
Giúp giùm kẻ rói buổi vừa qua.
Có ăn dư huệ nhờ thân nó,
Nghèo khổ bản-phu thảm dữ a !
Nếu đã xả thân tâm đạo-đức,
Mở lòng bố-thí ngộ thần ca.*



108. *Tỏ lời nhắn-nhủ khắp đâu đâu.
Vạn-vật từ nay luống thảm-sầu.
Áo-não thương đời đa đói khổ,
U-buồn trăm họ vẽ vài câu.*

Hòa-Hảo, ngày 25-2 Canh-Thìn.

(Đức Thầy viết bài này để kích-thích lòng bác-ái của những bà giàu có ở xứ xa đến viếng Ngài).



DẶN-DÒ BỒN-ĐẠO

1. *Tháng năm mười tám rõ ràng,
Cùng xóm cuối làng ai cũng cười reo.
Xuống trần nhằm buổi nạn eo,
Gẫm trong dân-sự còn nghèo chữ tu.
Hạ-nguơn sanh-chúng ám-u,
Tây-Phương sắc lệnh vân-du Nam-kỳ.
Mượn nhằm một xác nhu-mì,
Giảng dân sáu tháng vậy thì xem sao.
Rất buồn bá-tánh biết bao,*
10. *Nạn nguy sắp đến mà ngao-du hoài !
Viết ra Giảng Kệ bốn bài,
Giã-từ trần-thế lui hài môn-phi.*

- An-Nam phong-hóa lễ-nghi,
Đòi nay văn-vật bỏ đi chẳng gìn.
Mảng lo chế nhạo chống kinh,
Chẳng toan đạo-đức mà gìn thôn hương.
Ta đây dường thể như lươn,
Cứu dân chẳng nệ nắng sương lấm đầu.
Sáu trăng Thầy tứ dải-dầu,
20. Quyết lòng truyền-bá Đạo màu mà thôi.
Bồng-Lai Diên đại có ngôi,
Tây-Phương Cực-Lạc Khùng ngồi tòa sen.
Từ-bi ngọn đuốc mới nhen,
Giả như mở cửa mà then còn cầm.
Dân tình xài-xể dập bầm,
Nào hay Ta đã thương ngầm sanh-linh.
Xác trần Ta mở oai thịnh,
Đạo màu truyền pháp thành-linh không hay.
Trớ-trêu con tạo thày-lay,
30. Lôi-Âm sắc lệnh đòi rày hỏi-han.
Cúi đầu tâu trước Phật đàng :
“Lê-dân ngoan-ngạnh xóm làng cừ-khôi.
Đầu đuôi tâu lại khúc nô,
Một trăm mới đặng ôi thôi mười người !
Mảng lo cao thấp ngạo cười,
Bởi chùng trần-hạ biếng lười không lo”.
Di-Đà nghe tấu buồn xo,
Vạn dân bá-tánh dẫn-đo nhiều bề.
Làm sao cửa Phật dựa kê,
40. Hung-sùng tàn-ác khó bề dạy khuyên.
Thầy khùng Trò lại hóa điên,
Khùng điên mấy tháng tình riêng ai ngờ !

- Tượng xưa dấu cũ còn mờ,
 Không lo tìm kiếm bến bờ mà nương.
 Nói cho bôn-đạo đặng tường,
 Dạy dân nào có gạt lường chi dân.
 Chim ô đà dựa cầu Ngân,
 Người Xưa trở gót mấy lần ai hay.
 50. Đòi này chưa vẹn thảo ngay,
 Thì là khó thấy mặt mày người Xưa.
 Dạy đời nào quản nắng mưa,
 Ước mong bá-tánh sớm ưa tu-hành.
 Đục trong bốn cuốn ngọn ngành,
 Khuyên đời trau-triã chữ lành cho xong.
 Con người có Tổ có Tông,
 Học hay chữ-nghĩa sao không phượng-thờ ?
 Hiếu trung truyện tích sờ-sờ,
 Người đời phải biết phượng-thờ mẹ cha.
 Từ đây Ta mắc bôn-ba,
 60. Dời chơn ra Bắc đặng mà dạy khuyên.
 Vạn dân nên trọng Phật Tiên,
 Dễ người lời dạy đọa riêng một mình.
 Bắc, Nam chờ đợi cuối Thìn,
 Sẽ lo vận-chuyển thân hình xác Ta.
 Viết thêm một khúc ngâm-nga,
 Dặn-dò bôn-đạo vậy mà mấy trương.
 Ta dầu có cách thôn-hương,
 Vạn dân cứ chữ hiền-lương mà làm.
 Thích-Ca còn phé tước hàm,
 70. Lầu cao cửa rộng mà ham tu-hành.
 Phật, Tiên dụng kẻ lòng thành,
 Đạo chơn thì ít ai hành thiệt tâm.

- Trí phàm như chốn sơn-lâm,
Dạy dân như phá rừng cầm cho dân.
Nào đâu dân có biết ân,
Mạnh rồi tưởng Phật vái Thần làm chi.
Đây này lời lẽ rán ghi,
Thương đời nên mới làm thi khuyên đời.
Ra đi dặn lại ít lời,
80. Khuyên trong bôn-đạo vậy thời rán nghe.
Dầu ai tài phép bày khoe,
Ham linh ham nghiệm sợ e mang nghèo.
Lựa cho phải cột phải kèo,
Phải vai phải vế mà theo kéo lằm.
Ngọc kia ẩn dạng khó tầm,
Chọn nơi chơn-chánh khỏi lằm khổ hình.
Ách trời nạn nước thành-linh,
Người hung cứ mãi chống kinh với Ta.
Theo tài học cũ nô-m-na,
90. Hỡi ai trí-thức tầm mà cạn sâu.
Lúc này chưa thể ngồi lâu,
Tách đời chốn khác ngõ hầu dạy răn.
Tín-đồ cùng các chư-tăng,
Từ rày sắp đến nói năng chọn lời.
Bớt phiền bớt não cuộc đời,
Rán nghe lời dạy vậy thời hành y.
Đạo mầu *bát-chánh* rán ghi,
Thứ nhứt *chánh-kiến* việc chi xem nhìn.
Luận bàn chơn-lý cho minh,
100. Chuyện chi xét đoán xảo tinh mới là.
Thứ nhì *chánh-mạng* vậy mà,
Việc làm do lệnh tâm hồn khiến sai.

- Thứ ba *tu-duy* bằng nay,
 Các điều tưởng nhớ thẳng ngay mới mầu.
 Thứ tư *chánh-nghiệp* mặc dầu,
 Nghề chi thì cũng ngõ hầu làm ngay.
 Tà gian tánh ấy tù đày,
 Của người tham-những nghề này chớ ham.
 Thứ năm *tin-tấn* hội-đàm,
 110. Sạch trong kỹ-lưỡng mà làm mới ngoan.
 Thứ sáu *chánh-ngữ* liệu toan,
 Nói năng điều chánh thì an chớ gì !
 Thứ bảy *chánh-niệm* vậy thì,
 Khi cầu khi nguyện chuyện gì thành tâm.
 Thứ tám *chánh-định* chớ lầm,
 Từ-bi hai chữ đứng nằm chớ quên.
 Ngồi đâu cũng định mới nên,
 Đừng cho công việc hớ-hênh với người.
 Hành y thì đáng vàng mười,
 120. Tùy lòng tùy sức của người đời nay.
 Tu-nhơn hiền-hậu cũng hay,
 Dạy đời phải viết ngày rày cho tinh.
 Rút trong các luật các kinh,
 Tùy lòng không ép làm in giảng này.
 Thấp cao các bực chớ chầy,
 Kẻ ngu người trí nghe Thầy dạy khuyên.
 Sớm khuya bá-tánh cần-chuyên,
 Nghe lời dạy bảo cảnh Tiên dựa kê.
 Ít lâu Ta cũng trở về,
 130. Khuyên cùng bổn-đạo chớ hề lãng-xao.
 Trì lòng chớ có núng-nao,
 Từ đây nhơn-vật mòn hao lần-lần.

- Mấy lời nhắn lại ân-cần,
Bôn-đạo xa gần nghĩ cạn mới hay.
Tu-trì nguyện-ước cầu may,
Thượng-Nguơn hồi phục là ngày an-cư.
Học câu hi-xả đại-từ,
Noi gương nghĩa-sĩ dạ tư chớ gần.
Bôn Nam tẩu Bắc tảo-tần,
140. Chúng-sanh rán nhớ thì gần cùng Ta.
Xác trần Ta đã rời xa,
Bá-gia ở lại vậy mà bình-an.
Kìa-kìa anh hổ hò khoan,
Tình lang về mắt hổ-hang mặt-mày.
Sớm lo sắp đặt luyện tài,
Phật Trời phân định mặt mày mới xinh.
Ồn trên lượng rộng thình-thình,
Từ-bi khuyến dạy mặc tình nghe không.
Giống hiền như thể gieo bông,
150. Nhụy đơm thơm phức màu hồng xuê-xang.
Dân ta dòng giống Tiên-bang,
Chớ đâu có giống ngỗ-ngang hung-sùng.
Mặc tình bá-tánh có dùng,
Ai muốn nghe Khùng chép lấy mà coi.
Lấy tâm lấy trí xét-soi,
Thầy đi dạy Bắc thử coi lẽ nào ?
Thôi thôi dân chớ hùng-hào,
158. Khùng từ bôn-đạo tẩu đào Bắc-đô.

Hòa-Hảo, lối tháng 2 Canh-Thìn.

(Chép theo bản chánh do Ông Nguyễn-Chi-Diệp giữ).



MUỐN RỖ ĐẠO MÀU

Đạo màu diệt khổ có từ lâu,
 Thần-Tú ra đời lại góp râu.
 Chuông mõ, sám kinh bèn cải sửa,
 Xá phước truyền-lưu lấp Đạo màu.



Niệm chữ A-Di đẹp lòng sầu,
 Rán trì kinh kệ hoặc mau lâu.
 Cũng có ngày kia ta giải-thoát,
 Giải-thoát thì ta rõ Đạo màu.



Tây-Phương Cực-Lạc Phật hằng-hà,
 Ta rán bèn lòng Phật chẳng xa.
 Trong cõi trần-mê còn mong đợi,
 Thấy Phật trì tâm đến năm gà.

Hòa-Hảo, năm Canh-Thìn.



TRÔNG MÂY

Phiêu-phiêu mây bạc trắng lòa,
 Ấy là tại lĩnh Ngọc-tòa sai Ta.
 Xuống trần thấy chúng thiết-tha,
 Vì đâu sắp đến hằng-hà lụy rơi.
 Chùng nào mới dựng thành-thời ?
 Qua năm Tuất-Hợi Phật Trời định phân.



Tây-Vực liên Nam hiệp định phân,
 Tam giáo qui nguồn viện lý cân.

Hùng-anh Phiên-quốc lai hàng-phục,
Đình-Hội đảo niên tạo thiện nhân.

*Hòa-Hảo, năm Canh-Thìn.
(trong khi Đức Thầy cảm-hứng).*



LÝ-LỊCH

THƯỢNG thăm Đạo mầu nẻo cao sâu,
ĐẰNG đấng hãy làm chớ để lâu.
ĐẠI pháp vô-vi là chơn-ly,
THẦN làm trọn vẹn khỏi lo âu.



*Huỳnh long tự thế gần sanh-chúng,
Bổn tánh Hòa thôn Hảo dĩ đầu.
Tiên-cảnh thoát-ly truyền bá kỷ,
Năng tâm Phật-ly rạch từ câu.*



Oai hùm chấn-động một góc trời,
Độ chúng ra Kinh rải khắp nơi.
Cứu thế chẳng mong ơn ai trả,
Nương xác phàm-phu ngõ đợi thời.



Huỳnh sanh cơ thăm đảo trung đàn,
Tự giác âm thầm kiến Tiên-bang.
BỬU ngọc SƠN trung KỶ-HƯƠNG chí,
Tứ hải bát hòa khởi liên giang.

Hòa-Hảo, năm Canh-Thìn.



KHUYÊN SƯ VẢI

Trước đài sen báu ngát hương đăng,
 Hai chữ Nam Mô ấy lẽ hằng.
 Thế-sự biếng đua bè lợi-hại,
 Tâm-trần rửa sạch mới siêu-thăng.
 Khuyên trong sư vải mau mau tỉnh,
 Luân-hồi quả-báo rất công bằng.
 Mang tiếng xuất gia sao chẳng liệu ?
 Đạo-đức xong chưa hỡi chư tăng ?

Hòa-Hảo, năm Canh-Thìn.

« XUÂN-HẠ TÁC CUÔNG-THƠ »

1. Sĩ điềm tịnh tiểu-nhơn lẩn-lướt,
 Thời-vận hèn dụng nhược thặng cang.
 Cầu cho bốn biển bằng-an,
 Chúc câu lai-thới xóm làng vĩnh-miên.
 Xung danh hiệu nửa Tiên nửa tục,
 Đứng trung-thần gạn đục tầm trong.
 Gìn câu thủ cự gia phong,
 Gom nhành lá rụng vun trồng giống xưa.
 Tơ lòng nhiều đoạn đẫy-đưa,
10. Mong ơn Phật-Thánh phước thừa cho dân.
 Chúng lấy thuyết vô thần bài-bác,
 Quyết một ngày thông đạt địa thiên.
 Chúng-sanh nghe thừa lời truyền,
 Cùng nhau thảo thuận danh hiền mới thom.
 Độc chờ ngày sen đơm nhụy trở,
 Khỏi bùn lầy tông-tổ hiển vang.
 Bá-Nha hiệp mặt tao-đàn,
 Tử-Kỳ trở giọng khái-hoàn bốn phương.

- Lòng chạnh cảm quê-hương nghèo-ngặt,
20. Các nước ngoài bán mắt hàng lên.
 On cha nghĩa mẹ phải đền,
Một ngày hiệp mặt lập nền từ-bi.
 Những mơ-ước hồi qui thương-cổ,
 Thì hết câu ái-ố gièm-pha.
 Phương Nam rạng ngọc chói lò,à,
Luu-ly hồ-phách mấy tòa đài-cung.
 Dành cho kẻ lòng trung chánh-trực,
 Quân cùng Thần náo-nức vui tươi.
 Liên-hoa đua nở nụ cười,
30. Rước tôi lương-đồng chào người chơn-tu.
 Thế-gian thoát chốn ngục-tù,
Thần Tiên hiệp mặt thì cù hóa long.
 Mắt nhìn thấy thần thông biến-hóa,
 Đức Di-Đà hiện chóa hào-quang.
 Việt-Nam là giống Hồng-Bàng,
Không còn hung-bạo lăng-loàn như nay.
 Dòm khắp chốn rồng mây chơi giỡn,
 Dân hai lòng hết bõn Khùng-Điên.
 Thiên-cơ biến-ảo diệu-huyền,
40. Hiệp chung tam cõi dưới miền trần-ai.
 Bút nghiên hạ viết bài an-lạc,
 Dầu cho người dốt-nát cũng nghe.
 Kìa kìa con cuộc gọi hè,
Chẳng lo gieo giống đậu, mè, bắp, khoai.
 Thi tả cảnh Bồng-lai tại thế,
 Mãi chần-chờ e trễ kỳ thi.
 Muôn năm Trời định khắc kỳ,
Ngặt ông thất thủ Hạ-bì khó toan.

50. Ta diên thuở Tam-Hoàng Thượng-cổ,
 Khùng thể thời khùng lộ ngoài da.
 Ghét dòng con nịnh độc-xà,
 Khinh-khi trung nghĩa hải hà lòng nhọn.
 Đường gai gốc thiên sơn vạn hải,
 Đẹp cho rồi tướng bái đàn đấng.
 Tử-Nha như thể cát-đăng,
 Tùng-quân dựa bóng vui bằng hưng Châu.
 Các nơi Tiên-trưởng đầu đầu,
 Lư-bồng hội hiệp đồng châu Thánh-vương.
 Trụ kia bạo-ác phải nhường,
60. Võ-Vương hữu đức đường đường trị dân.
 Thì rõ việc Phong-Thần trở lại,
 Thuyền Đông-Pha lèo lái cánh trương.
 Con lành mau lại Phật-đường,
 Cùng Thầy cộng hưởng một vườn từ-bi.
 Chớ nóng-nảy sân-si hư việc,
 Phải đợi thời vua Kiệt hồi qui.
 Xử phân những đũa vô nghi,
 Mới là khóa lập vít tỳ ngọc son.
70. Khuyên răn giữ cho tròn đời đạo,
 Đùng cho loài cây cáo lung-lăng.
 Yêu tinh chực nuốt Đường-Tăng,
 May nhờ Đại-Thánh phi đằng cứu nguy.
 Lôi-Âm tự đường đi chưa đến,
 Nên giữa chừng kẻ mên người khinh.
 Thôi thôi Ta để mặc tình,
76. Dầu ai chê-nhạo phận mình mình toan.

Hòa-Hảo, tháng tư năm Canh-Thìn.



TỪ GIÃ BỔN-ĐẠO KHẮP NƠI

1. Canh-Thìn năm thiết là rông,
Từ ngày mượn xác trần-hồng đảo lai.
Tháng năm Kỷ-Mão đến nay,
Khắp trong bá-tánh gặp bài sám-kinh.
Lời văn tao-nhã hữu tình,
Bởi vung sắc-lịnh Thiên-Đình sai Ta.
Xuống trần Lão dụng khuyến-ca,
Đầu đuôi cạn tỏ ngâm-nga ít bài.
Tạm đây Ta mắc lui hài,
10. Vì trên bệ-ngọc triệu rày hồi-qui.
Không đành tách gót ra đi,
Nên dùng lời lẽ từ thì bá-gia.
Thiên đường lộ ấy nào xa,
Muốn cho khỏi khổ xem qua lời truyền.
Dấu Xưa noi tích Thánh-hiền,
Thương trần mượn xác bút liền ra cơ.
Thấy trong bá-tánh ngẩn-ngờ,
Nay Thầy xa tở bơ-vơ một mình.
Gẫm trong hai chữ nhục-vinh,
20. Xưa nay thiên hạ kệ kinh ít dùng.
Cúi đầu tâu lại cửu-trùng,
Ngọc-Hoàng ban chiếu Lão Khùng giáo dân.
Gái trai lớn nhỏ ân cần,
Chùi lau vện mặt thì gàn Thánh Tiên.
Tây-Phương đua nở hoa liên,
Chờ người hữu phước thiện duyên từ-hòa.
Nhấn cùng bổn-đạo gần xa,
28. Ta về âm cảnh thiết-tha tâm tràng.

- Đời nay hiểm kẻ nghinh-ngang,
 30. Chẳng kiêng lời lẽ Phật-đàng từ-bi.
 Lang-tâm trắc-nết vô-nghì,
 Nhỏ không biết nể kính-vì bề trên.
 Nhỏ to lời lẽ chớ quên,
 Rán mà nguyện vái đặng đền ơn sâu.
 Bá-gia bá-tánh đầu đầu,
 Xem lời Ta chỉ về cầu tại gia.
 Có đau thì thuốc đó mà,
 Dòm trong bản chữ về nhà kiếm cây.
 Nay Thầy chịu lĩnh về Tây,
 40. Tạm ngưng đạo-đức ít ngày Thầy qua.
 Đạo trong khắp cõi ta-bà,
 Nơi nơi chốn chốn quỷ ma rối loạn.
 Chữ rằng: “Nhơn thiện vi nan”,
 Dầu cho tài trí cũng mang nợ trần.
 Có đeo bịnh tật vào thân,
 Giấy vàng xé nhỏ vái Thần độ vô.
 Thành lòng nước lã nên hồ,
 Hữu tâm chí đức cam-lồ Phật ban.
 Cám thương bá-tánh tai nàn,
 50. Gặp cơn đông-tổ nào an lòng này.
 Đòn Ta vốn thiệt không dây,
 Vô duyên khó biết lời Thầy nói xa.
 Từ trên tới dưới thuận hòa,
 Hay hơn châu báu ngọc-ngà giàu sang.
 Thầy về tâu lại Phật-đàng,
 Cúi xin nhỏ phước xóm làng bình yên.
 Giống nòi thiệt cốt Rồng Tiên,
 58. Mà nay lạc mất gương hiền nơi đâu.

- Muốn xem bốn chữ Long-Châu,
60. Bền gan sắt đá sông-nâu tu-trì.
 Tu-hành mà mãi nan nghi,
 Sợ Ta gạt-gẫm cũng kỳ cho dân.
 Giã từ khắp hết dương-trần,
 Vân du chón cũ lưới Thần bủa ra.
 Non cao nhiều thứ cáo-xà,
 Trừ loài độc-địa mới là yên thân.
 Biết sao cho toại lòng dân,
 Kẻ ưa đạo-đức người cần vinh-hoa.
 Xót lòng cậy nước ma-ha,
70. Hóp vô ba hóp ắt là lạng tâm.
 Thân Khùng đêm vắng khóc thầm,
 Cựa mình cũng nhớ giấc nằm nào an.
 Từ nay cách biệt xa ngàn,
 Ai người tâm đạo đừng toan phụ Thầy.
 Giữa chùng đờn nữ đứt dây,
 Chưa vui buổi hiệp bỗng Thầy lại xa.
 Tỉnh say trong giấc mộng hoa,
 Mơ-màng cũng tưởng như Ta bên mình.
 Tuy là hữu ảnh vô hình,
80. Chớ dân lòng tưởng sân trình đáo lai.
 Nghe sơ lời Lão cạn bày,
 Tìm trong não óc gặp ngày bình-an.
 Kim-lân, Xích-phụng lâm nàn,
 Cho nên phận Lão đâu an thân già.
 Tảo-tần lo liệu năm ba,
 Biết sao hiệp mặt lòng Già mới nguôi.
 Mặt ngoài gượng-gạo bãi-buôi,
88. Chớ trong tim phôi rồi nùi như tơ.

- Tuồng đời như cá trong lò,
 90. Thọc tay vô bắt còn ngờ kệt hom.
 Bao nhiêu tâm não góp tom,
 Dặn-dò kỹ-lưỡng chăm-nom khắp cùng.
 Chùng nào tôi được hết khùng,
 Thì là dân-sự còn dùng làm chi.
 Bận lòng cạn tỏ vân-vi,
 Bớ dân hai chữ công-trì sớm khuya.
 Nhớ câu ăn giầy bỏ bìa,
 Được thân sung-sướng vôi lia Tô-Tông.
 Kê ra lại bắt mũi lòng,
 100. Ngán đời mua buổi bán bồng chát-chua.
 Cứ theo cái lối a-dua,
 Dạ toan đốt miếu phá chùa từ-bi.
 Vàng kho thêm gánh ích gì,
 Thôi Ta than lắm vậy thì thẹn thêm.
 Bóng trăng cây đờ ban đêm,
 Trầu ăn nhả bã lại tằm mời hoài.
 Khùng ngời nói chuyện quá dai,
 Bị lòng bác-ái nói hoài chẳng thôi.
 Thấy đời mặt lọ không bôi,
 110. Lại khoe kếp giỏi một hồi múa men.
 Từ nay cửa Khổng gài then,
 Chờ Ta trở lại thì đèn hết lu.
 Thân Khùng là phận sĩ-phu,
 Chẳng ham danh-diệu miễn tu vuông tròn.
 Khôn thì lánh chốn đau đòn,
 Dại thì lòn cúi đồ ngon ăn thừa.
 Hai lòng uốn lưỡi đẩy đưa,
 118. Ý hơi Hạng-Võ mắc lừa Trương-Lương.

- Nhớ qua hồi lúc đời Đường,
120. Hiền thần Nhơn-Quý người đương ẩn mình.
Cửu-Thiên còn giấu tại dinh,
Chờ ngày mãn hạn phép linh ban rày.
Giảng Kinh đọc tụng chiều mai,
Làm theo lời chỉ ngày rày gặp Ta.
Xác trần để lại làng Hòa,
Lời thăm bốn phía Ngọc-tòa Ta lui.
Âm-dương cách trở xa-xuôi,
Nhấn cùng bá-tánh chớ nguôi tác lòng.
Phận Khùng thân hỡi long-đong,
130. Còn lo cho thế hai lòng toan mưu.
Ta không gây oán kết cừu,
Cớ sao dân-sự phiền ưu nỗi gì ?
Khoa tràng lệnh mở hội thi,
Nên Ta xuống bút dạy thì trần-gian.
Chớ mình hồn dựa lâm-san,
Thảnh-thơi còn xuống thế-gian làm gì ?
Ước-mơ Thượng-cổ hồi qui,
Thế-trần no ấm phú thi an-nhàn.
Quân-thần, phụ-tử vinh-vang,
140. Hết lo cay đắng, Khùng an phận Khùng.
Tới đây từ biệt khắp cùng,
Thầy lia khỏi xác Thiên-cung phản hồi.
Đục trong cạn tỏ khúc nô,
Thấy dân tu dối nghĩ thôi bận lòng.
Lang tâm như thú thiếu lông,
Trớ-trêu cửa miệng trong lòng gươm đao.
Ra đời chẳng nệ công-lao,
148. Chẳng hờn không giận, hùng-hào còn ganh.

- Hiệp chung một cội nhánh-nhàng,
 150. Sum-sê lá thắm chim xanh nổi đường.
 Từ-bi tình ấy đoạn-trường,
 Kể qua tích cũ mà lường lòng đây.
 Như ai có đọc đoạn này,
 Xin đừng chê nhạt rằng Thầy nói nhãng.
 Muốn sao có phép phi đằng,
 Cũng như Đại-Thánh, Đường-Tăng thoát nàn.
 Rung-rung nước mắt hai hàng,
 158. Lánh nơi cội tục Phật-đàng lui chơn.

Hòa-Hảo, ngày 1-4 Canh-Thìn.

(Đức Thầy viết bài này vì Ngài tiên-tri rằng Ngài sẽ xa cách bôn-đạo. Quả thật ngày 12-4 Canh-Thìn nhà chức-trách ở Châu-Đốc dời Ngài đi Sa-Đéc).



TẠM NGỪNG LÝ THUYẾT

Gặp buổi gian-truân tiếng nhộn-nhàng,
 Cảm-tình bôn-đạo sự riêng than.
 Thầy an nghỉ xác trong đôi bửa,
 Đây cũng trải qua hết nhộn-nhàng.



Nhộn-nhàng già trẻ có lòng lo,
 Mà ấy chẳng qua ngược gió dò.
 Đâu lại ít ngày chờ lặng sóng,
 Tớ Thầy sẽ gặp việc hay-ho.

Hòa-Hảo, ngày 10-4 Canh-Thìn.

(Đức Thầy viết bài này vì lúc ấy có nhân-viên sở Mật-thám ở Châu-Đốc đến dòm ngó).

« **DIỆU-PHÁP QUANG-MINH** »

(Khùng Diên tự cảm tác)

1. Gươm trí-huệ từ-bi chớp nhoáng,
Bóng quang-âm ngày tháng dập-dồn.
Ta thừa vưng sắc lệnh Thế-Tôn,
Khắp hạ-giải truyền khai Đạo-pháp.
Tùy phong-hóa dân-sanh phù-hạp,
Chấp bút thần tả ít bốn kinh.
Bởi luật trời mở rộng tinh-thinh,
Tri phong-võ bất kỳ chuyên kiếp.
Giống Hồng-Lạc kim-chi ngọc-diệp,
10. Nay đôi đời nhiều sự thấp hèn.
Từ ngàn xưa Phật-pháp gài then,
Nên ít kẻ tu-hành đắc Đạo.
Ta cũng tỏ đôi lời khờ khạo,
Ngắm cảnh đời tâm não bất cuồng.
Hiệu Diên Khùng ban rải dư muôn,
Khùng đạo-đức Khùng câu tuyệt-diệu.
Khùng toán biết âm-dương kết-liễu,
Khùng huyền-cơ Khùng Đạo Thích-Ca.
Hươi bút thần dẹp lũ cáo-xà,
20. Loài độc-địa toan trừ dứt nọc.
Noi tục cổ xác Khùng để tóc,
Phải đua chen tập tánh ông cha.
Mong dương-trần tỉnh giấc Nam-Kha,
Trừ vật-dục trì chơn bất hoại.
Cặp mắt Thánh dòm xem tứ hải,
26. Thương hồng-trần mượn xác tái-sanh.

- Bởi vì đời văn-vật cạnh-tranh,
 Nên cầu-xé cùng nhau thắm-não.
 Sá chi kẻ ngu-si khinh-ngạo,
 30. Vì trên đời nhiều hạng khác nhau.
 Đấng trung-thần dạ ngọc ước-ao,
 Người bội-phản ghét-vơ đạo-ly.
 Khùng cảm mến truyền câu hồi vị,
 Thà làm hiền mà biết non sông.
 Điên như Ta Điên giống Tiên Rồng,
 Điên gỡ ách xích-xiềng thế tục.
 Chuông Linh-Khứu ba hồi giục-thúc,
 Đòn Lô-i-Âm khởi điệu êm tai.
 Con lành duyên khá trở gót hài,
 40. Điên quyết chí dắt người lánh tục.
 Đạo mở cửa bày câu minh-mục,
 Nước ma-ha tưới tắt lòng phàm.
 Cõi Trung-Uơng luân-chuyển phương Nam,
 Mở hội Thánh chọn người trung hiếu.
 Tử vì nước còn ghi linh miếu, ⁽¹⁾
 Thác vì đời thanh-sử danh bia.
 Mũ cánh chuồn, đai giáp, mang hia,
 Tuy thô-kịch mà tâm chánh-trực.
 Nước văn-minh chề đồ ấy nực,
 50. Mảng trau-tria xác thịt thanh-bai.
 Cảnh dương-trần khó sánh Bồng-Lai,
 Về Tiên-cảnh say mùi rượu Thánh.

⁽¹⁾ Vì để tránh sự khó dễ của người Pháp, Đức Thầy đã có lần đổi lại là: “Tượng Quan Thánh còn ghi linh miếu.”

- Chén quỳnh-tương gác điều gai ngạnh,
Vui tinh-thần bày biện cuộc cờ.
Khi thừa nhàn trỗi giọng ngâm thơ,
Bày thi phú than qua thời-thế.
Xuống dương-gian thân Diên nào nệ,
Chốn hồng-trần đước huệ liền khai.
Cho nam-nhi sửa mặt râu mày,
60. Hàng phụ-nữ giỏi câu trinh-liệt.
Rán bắt chước những trang tuấn-kiệt,
Gái anh-hùng xưa có Trưng-Vương.
Đuổi quân Tàu cứu vớt quê-hương, ⁽¹⁾
Rửa xong hận thù chồng dốt trả.
Xưa Châu-Xáng thanh-long phải tá,
Ngăn Sur-Đồ đặng cứu Ngũ-Viên.
Nói cho đời rõ biết Khùng Diên,
Diên vận bã diên câu ái-quốc.
Viết một ngọn lưỡi này một tấc,
70. Đem Đạo lành ban rải nơi nơi.
Mảng chờ trông bá-tánh thành-thời,
Khắp bốn biển liên dây hòa-hảo.
Rừng bác-ái diên đời biển-ảo,
Diên như Ta vì Đạo vì dân.
Diên tu cầu Quân thánh rải ân,
Cho bốn biển dân lành được hưởng.
Diên đẹp gác âm-thinh sắc-tướng,
78. Tâm vô-vi kiếm cảnh Niết-Bàn.

⁽¹⁾ *Câu này sau lại Đức Thầy có sửa như vậy: “Đến đời nay còn phụng lửa hương.”*

80. Thuyền từ-bi thẳng cánh lướt sang,
 Qua Đông-độ vót người hữu đức.
 Bể ái-hà gương linh sớm dứt,
 Lòng bò-đề sắt đá dảm kinh.
 Cả tiếng kêu lớn nhỏ đệ-huynh,
 Noi chí ấy sửa-sang thời-thế.
 Trời quá buổi chinh-chinh vừa xế,
 Chờ ít lâu cũng lặn về Tây.
 Lúc huỳnh-hôn đèn trí soi đầy,
 Tìm nẻo thẳng đi về Cực-Lạc.
 Diên đàm luận ít câu dốt nát,
90. Mong chị anh bàn-bạc thế-nào ?
 Lời văn thô ý-kiến chẳng cao,
 Nội quang-cảnh tâm vô kỳ vật.
 Đường đạo-đức bước đi từ nấc,
 Ngoại quan hình bất chấp kỳ hình.
 Phải bền lòng chặt nẻo sắt đỉnh,
 Rán kiếm chữ bất sanh bất diệt.
 Chúng-sanh mê nên đem pháp-thuyết,
 Giải-thoát rồi pháp bất khả dùng.
 Nương gia-đình kính trọng cội thung,
100. Lo nung-đỡ trong ngày tuổi hạc.
 Thân Diên Khùng thế-gian tạm xác,
 Chén rượu nồng chẳng nếm mà say.
 Say lê-mê lét-mết tối ngày,
 Say đạo-pháp say mùi hương khói.
 Biết chùng nào chúng-sanh vượt khỏi,
 Bể ái-hà rút bỏ vụn lau.
 Say như xưa nhằm lúc Huỳnh-Bào,
108. Trần-Di ngủ say câu thành-tự.

110. Quyết đưa chúng về nơi non Thứ,
Tạo Lu-bồng ngô hội quần Tiên.
Khương Tử-Nha sông Vị còn phiền,
Câu không ngạnh chờ non phụng gáy.
Thuyền bát-nhã Ta cầm tay lái,
Quyết đưa người khỏi bến sông mê.
Nên phải đành mang lột làm hề,
Mặc bá-tánh khen chê cũng phải.
Chí quân-tử lòng nhơn vạn đại,
Đốc làm sao rõ mặt tang-bồng.
Nghiêng hai vai gánh nặng non sông,
120. Vót trăm họ làm-than bề khổ.
Ví như loại sanh-cầm hồ thố,
Còn thương nhau lại hưởng chi người.
Đứa hai lòng sao chẳng hổ-ngươi,
Đáng thùa-then với cây cùng cỏ.
Dấu bút tích tuôn bay theo gió,
Học sách chi phỉ báng ông cha.
Thấy dân tình xem Giảng ngâm-nga,
Lão xót dạ đôi lời trần-tố.
Đức Không-Thánh người sanh nước Lỗ,
130. Ngài còn xung cuồng quỵên giá hồ.
Sá chi lời đạo-chích tục thô,
Kẻ ngu xuẩn khi người nhơn-đức.
Danh hiền-sĩ non sông náo-nức,
Giả như hội Chiên-Quốc Xuân-Thu.
Thầy Mạnh ra dùng đạo châu-du,
Lúc thập bát chư-hầu rối loạn.
Bực Thánh-nhơn công-lao chẳng chán,
138. Hưởng chi Ta nào dám than-van.

140. Thấy đời mê chưa rõ Phật-dàng,
 Nên tỏ ý khắp nơi đặng biết.
 Coi ai có chứa bầu nhiệt huyết,
 Dùng Đạo màu cứu vớt sanh-linh.
 Nếu để chờ sấm nổ vang thình,
 E bá-tánh ăn-năn đã muộn.
 Giảng với kệ ra đà bốn cuốn,
 Ít có người khám rõ cơ-huyền.
 Ta dùng tay chờ đợi linh Thiên,
 Đức Ngọc-Đế xử phân cho chúng.
 Đêm dài-dặn cạn dầu tim lụn,
 150. Chẳng thấy ai tìm kiếm bóng trăng.
 Để làm cho mích bụng chị Hằng,
 Nơi cung nguyệt chờ trông mồn dạ.
 Thiếu chi kẻ đặng chim bẻ ná,
 Hiềm bao người đượ cá quên nơm.
 Ưa đồ ngon dứt nhét đầy mồm,
 Chẳng thèm kể cha hiền trông đợi.
 Trương-Ban-Xương đành quên nhơn-ngõi,
 Nữ phụ-phàng vua Tống-Khâm-Tôn.
 Xem truyện xưa mà bắt hết hồn,
 160. Gớm cho kẻ thay lòng đổi dạ.
 Gã Tàn-Cối ít ai còn lạ,
 Dụng mưu thần giết thác Nhạc-Phi.
 Thương trung thần ghét nịnh mặt lý,
 Dám thiết kế hại tôi lương-đồng.
 Thuở Hiến-Đế có nhà họ Đông,
 Cũng chuyên-quyền muốn tiếm giang-san.
 Nhờ Tư-Đồ thiết-lập Liên-hoàn,
 168. Nghiệp nhà Hớn mới an một lúc.

170. Cảnh gian-nan như Lưu-Hoàng-Thúc,
Qua ở nhờ Viên-Thiệu dung thân.
Quan-Công-Hầu gìn chặt nghĩa-ân,
Vượt năm ải về thăm huynh-trưởng.
Kẻ nghĩa-khí thiên kim vạn lượng,
Lũ nịnh-thần sách-sử nào khen.
Xem tích xưa thẹn với bóng đèn,
Đòi lắm kẻ đầu trâu mặt ngựa.
Coi sự sống như Tiên nửa-nửa,
Mê môi thơm như cá lục-châu.
Sao chẳng lo thức-tỉnh quày đầu,
180. Cho khỏi thẹn với người thiên-cổ.
Cấp-Cô-Độc là nhà bá hộ,
Còn đành lòng bố-thí xả thân.
Chữ vinh-hoa phú-quí chẳng cần,
Miễn hiểu đạo hơn là châu-báu.
Chẳng sớm lo chân-chờ sợ Lão,
E sau này tâm-não đoạn-trường.
Lũ gian-hùng mang lấy họa-ương,
Trời đất xử những người bội phản.
Phải chối dậy nương dây hùng-tráng,
190. Chữ đại-hùng đại-lực từ-bi.
Vây mới trang quân-tử nam-nhi,
Thân dốc vẹn hai câu ngay thảo.
Đòi cũng lắm bao người giá áo,
Nương bả vinh nhiều hạng túi com.
Thấy dân ngu trong dạ sẵn hờm,
Quyết kiếm thế đặng toan lừa-dối.
Ngọn bút sắt chỉ đường người tối,
198. Gậy kim-cang đưa chúng lên đàng.

200. Kíp nương theo trục chỉ Tây-phang,
 Đến Cực-lạc tìm nơi an-duỡng.
 Đẹp cây cáo dùng cây thiên-trượng,
 Lánh ta-bà cõi thế đua chen.
 Được vinh-hoa khinh-bĩ kẻ hèn,
 Bạn phản bạn như người Bù-Kiệm.
 Trên mặt đất hạng người ấy hiếm,
 Thấy Tiên mù xô xuống giữa dòng.
 Nhìn Trịnh-Hâm Lão bắt mũi lòng,
 Than cặn-kẽ kêu dân sớm tỉnh.
 Viết ít câu cho đời ngậm vịnh,
 210. Phận tài sơ xin hãy thứ tha.
 Yêu non-sanh trối giọng hùng ca,
 Tạm nghiên bút vẽ tranh thế tạo.
 Trong bá-tánh nhìn xem châu-đảo,
 Chớ vội-vàng chê Lão ngu-si.
 Rạch lang-tâm những đũa vô-nghi,
 Nhắc sơ tích người xưa trong sử.
 Khuyên bá-tánh vạn dân gìn-giữ,
 Lão chúc cầu thiên-hạ thái-bình.
 Đứng trung cang hành thiện truy kinh,
 220. Mong trên dưới cùng nhau thảo-thuận.
 Đã thấy lộ cơ trời báo ứng,
 Diệt loài gian tằm kiếm con Tiên.
 Nợ hồng-trần túc-trái tiền-khiên,
 Ta quyết dẹp cứu nạn dương-thế.
 Noi chí đức Hoàng Thang luật chế,
 Đòi không hay những việc xa vời.
 Gặp cơn mưa ta hãy cho toi,
 228. Lúc hạn nắng từ-bi giúp nón.

230. Cảnh thể-tạo càng ngày thỏn-mỏn,
Giống vi-trùng thường đục phổi tim.
Đến cơn đau phương thuốc phải tìm,
Gặp Biến-Thước, Hoa-Đà lai thể.
Kim với cổ nhìn xem thể-hệ,
Sợ có ngày hoạch tội ư thiên.
Nẻo đục trong cạn tỏ cơ-huyền,
Mực đã cạn lòng yêu chẳng mẫn.
Ai coi qua xin đừng bỏ lãng,
Gắng công-trình vạch lá tìm sâu.
Nay dương-trần gặp buổi mưa ngâu,
240. Phải sớm hứng giọt sương Đông-hạ.
Điên nhơn-nghĩa điên vì Đạo cả,
Thôi chào đời khép cửa buồn duyên.
Có thiện-căn sớm lại cửa thiền,
244. Câu niệm Phật chờ ngày chung cuộc.

Nam Mô Định-Tâm Vương Bồ-Tát Ma-Ha Tát.

Hòa-Hảo, ngày 10-4 năm Canh-Thìn.



SA-ĐÉC

(Rằm tháng tư năm Canh-Thìn)

1. Nhìn cuộc thế bộn-bê sóng dậy,
Cửa thiền-môn còn hỡi khóa then.
Nương xứ xa tạm viết với đèn,
Tỏ tâm sự của người liễu Đạo.
Sách có chữ thâm ân dục báo,
6. Phận làm người hiếu-thảo noi gương.

- Ấy chẳng qua là đạo luân thường,
 Chớ Phật Thích lia quê ngàn dặm.
 Non tuyết san rú-rừng thăm-thăm,
 10. Dem thân phàm tâm đạo siêu-sanh.
 Đến ngày nay còn rạng lấy danh,
 Khắp bốn biển dân lành sùng bái.
 Muốn lập Đạo có câu thành bại,
 Sự truân-chuyên của khách thiên-môn.
 Khắp sáu châu nức tiếng người đồn,
 Ta chịu khổ, khổ cho bá-tánh.
 Tiếng gọi đời sông mê hãy lánh,
 Chạm lợi quyền giàu có cạnh-tranh.
 Bước gai chông đường đủ sỏi-sành,
 20. Đành tách gót lia quê hương dã.
 Ta cũng chẳng lấy chi buồn-bã,
 Bởi sự thường của bực siêu-nhơn.
 Dầu gian-lao dạ sắt chẳng sờn,
 Miễn sanh-chúng thông đường giải-thoát.
 Con đông-tổ mịt-mù bụi cát,
 Chẳng nao lòng của đảng từ-bi.
 Vì Thiên-đỉnh chưa mở hội thi,
 Nên Lão phải phiêu-lưu độ chúng.
 Kẻ ác đức cho rằng nói túng,
 30. Nó đâu ngờ lòng Lão yêu đương.
 Xe rô xăng vọt chạy bãi-bươn,
 Đến khuất dạng tình thương não-nức.
 Khắp bá-tánh chớ nên bực-tức,
 Bởi nạn-tai vừa mới vãn-vương.
 Chốn liên-đài bát-ngát mùi hương,
 36. Nhờ chỗ ấy mới thi công-đức.

- Dạy con cả nào đâu than cực,
Tiếng làm Thầy phải nặng đôi vai.
Việc khó-khăn lắm lúc khô-hài,
40. Ấy cũng bởi thầy-lay ông Tạo.
Ông nhồi quả cho người hành Đạo,
Lúc nguy-nàn thối chí cùng chẳng ?
Nếu bền lòng vị-quả cao thẳng,
Chẳng chặt dạ bỏ lãn Phật-Thánh.
Chốn Phật-đường rán trau đức-hạnh,
Phải bền lòng mới rảnh trần-ai.
Chuyện cao siêu Phật-pháp còn dài,
Khó gặp chữ không không mà có.
Lúc trông rầy rủi nhiều sâu bọ,
50. Rồi ngẩn-ngơ bỏ giống hay sao ?
Nấu lọc rành mới biết vàng thau,
Ai thật tánh ai người giả đạo.
Tiếng sấm-sét bên tai xốc-xáo,
Cả muôn người ngơ-ngáo hỏi-han.
Nay thân Thầy cũng đặng bình-an,
Khuyên bền-đạo đừng than lắm tiếng.
Tuy xa đường có lời luận-biện,
Bởi bút thân bay luyện khắp nơi.
Ngọc nhờ lau ngọc mới rạng ngời,
60. Kim mài giữa kim kia mới bén.
Người làm phải như tầm trong kén,
Có muôn tơ bao bọc ấm thân.
Sách có câu “Minh đức tân dân”,
Được thủ trụ huyền khai nhứt khiếu.
Ta còn thương, thương trò liệu-điệu,
66. Chớ cũng mừng được dịp phổ-thông.

- Đắc Đạo rồi cứu vớt Tổ-Tông,
 Cũng như Phật xuất gia thuở trước.
 Các bực Thánh châu-lưu nhiều nước,
 70. Nghèo thầy Nhan bầu nước đai com.
 Tuy cơ-hàn mà được danh thơm,
 Hơn phú-quí ngồi ôm bả lợi.
 Quá sung-sướng rồi quên đạo ngời,
 Thì khác chi loại thú rừng săng.
 Vật hổ-lang đâu biết đạo hằng,
 Chỉ có biết ngủ ăn, ăn ngủ.
 Khi đói môi mặt mảy sù-sụ,
 Chạy quơ quào vật nhỏ đặng ăn.
 Đến chết thầy đầy lũ ruồi lẩn,
 80. Bu nút thịt của loài bạo ác.
 Đạo mà biết mùi thơm bát-ngát,
 Rút bụi trần mặng lạt thầy ai.
 Chữ Nam Mô trì giải giữ chay,
 Chạy được tánh chay tâm mới quý.
 Trong Đạo Phật quá nên huyền-bí,
 Chỗ tâm-thần tọa vị nơi thân.
 Muốn cho nên khuya sớm chuyên cần,
 Lòng chí nguyện sở cầu Phật Thánh.
 Đuốc Thiền-lâm phương Đông chói ánh,
 90. Dắt hồn người vượt khỏi sông mê.
 Dầu cho nay xa cách Sở, Tề,
 Sau Thầy tứ gặp nhau Phật-cảnh.
 Ước trăm họ nhẹ mình có cánh,
 Đồng bay về Cực-Lạc một đàn.
 Thì thân Thầy hết phải gian-nan,
 96. Đâu có chịu mang câu nhạo báng.

- Nói thì nói chờ ngày thấp-thoáng,
Dòm êm trời thì cứ ra tay.
Quyết chèo thuyền đến chốn Bồng-Lai,
100. Mới ngồi-nghi tâm thân của Lão.
Lúc Tam-Tạng Tây-phương quyết đáo,
Bị loài yêu làm bạo lẫm phen.
Đức từ-bi phải lộ trắng đen,
Lôi-Âm tự cũng đi đến chốn.
Đi dọc đường yêu tinh làm hỡn,
Thấy Đường-Tăng thơm thịt muốn ăn.
Nhờ môn-đồ Bát-Giái, Sa-Tăng,
Vớ Đại-Thánh Tề-Thiên cứu vớt.
Lòng sáu chữ nhớ không có ngớt,
110. Thì nạn tai cũng thoát như không.
Khó tìm cho gặp chủ-nhơn-ông,
Còn ả ánh nơi vòng sanh-chúng.
Ai mê tâm nghe qua không phủng,
Rán suy tầm đặng mở tánh linh.
Lòng ngộ rồi chẳng đợi nhiều kinh,
Thì cũng thấy bản lai diện mục.
Lần thứ chót gọi lời kêu thúc,
Thầy nhắc cho bản-đạo rõ lòng.
Chùng Ôn Trên ban được Lục-Thông,
120. Thầy mới được Tây, Đông du-thuyết.
Thâu cho được con long ác-nghiệt,
Thì khắp nơi mới biết mến yêu.
Chúng-sanh nên tâm quạt ba-tiêu,
Chữ hòa-diệm nơi tâm cho tắt.
Thì đạo-hạnh ngày kia mới đắc,
126. Chớ chứa hờn đũa dữ ích chi.

- Phận tu-hành tai gác mặt lý,
 Chịu cay đắng của người sang-sốt.
 Lòng sâu riêng hãy nên nguôi bốt,
 130. Đùng thờ-than bận đến lòng Ta.
 Để cho Thầy đi dạo ta-bà,
 Đặng dạy kẻ đường xa chưa rõ.
 Nay rừng bụi có người mở ngõ,
 Thì noi theo dấu thỏ đàn dê.
 Giục vó cu nhiều nổi thăm-thê,
 Dạy sanh-chúng cho rồi mới rảnh.
 Cũng hiếm kẻ nghinh-ngang cường ngạnh,
 Ôi ! kẻ sao cho hết thói đời !
 Mãi say-sưa theo cuộc vui chơi,
 140. Nên kiếp kiếp đời đời lên xuống.
 Suôi Tiên thanh đồ ra cuồn-cuộn,
 Tràn ruộng lòng gieo giống mới nên.
 Kẻ vô-tình chẳng có chí bền,
 Phải sa-ngã theo nơi mộng-ảo.
 Giác mộng vàng đặng truyền đại-đạo,
 Cảnh vô sanh lòng bạo mà mê.
 Mùa nước tràn ngập cả điền dê,
 Đến nước hạ đồng khô cỏ cháy.
 Cuộc gian-nan năm qua đã thấy,
 150. Luận việc đời cũng khúc lớn rồng.
 Khi dậy thì tràn cả bờ sông,
 Lúc khô hạn đi đồng khao-khát.
 Biết làm sao lên lưng bạch hạc,
 Bay cả trời tỏ ý từ-bi.
 Khấp thế-gian con thảo phục qui,
 156. Châu trước bệ cha hiền Ngọc-Đế.

160. Gấm vinh-nhục sanh trong thế-hệ,
Tuồng xưa kia sắp đặt đã lâu.
Phải chuyên xây trái đất một bầu,
Đặng lừa-lọc con Tiên cháu Phật.
Gồm một nơi sửa-sang tiêm-tất,
Xử phân người cùng vật thưởng phong.
Cho dương-trần rõ luật Thiên-công,
Có Địa-ngục Thiên-đường hay chẳng.
Các chúng-sanh nghe rồi yên-lặng,
Suy cho tường rồi sẽ biện-minh.
Con vui tai từ tạ Thiên-Đình,
Cho phép Lão tổ-trần đôi lẽ.
Lời Thầy dạy thật là cặn-kẽ,
170. Bao nhiêu tình bác-ái góp tom.
Trông bá-gia tìm Đạo quá mòm,
172. Thôi già thế ước mong đời thanh.

NAM MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT

Sa-Đéc, đêm rằm tháng 4 Canh-Thìn.

(Đức Thầy viết bài này trước mặt một số đông người, trong đó có vài phần-tử muốn thử coi sau khi bị đời khỏi quê-quán Ngài còn đủ tinh-thần chẳng).



ĐẾN LÀNG NHON-NGHĨA (Cần-Thơ)

1. Vui mừng gặp chôn hiền-lương,
Đốc lòng mở cửa Phật-đường độ dân.
Làng Nhon-Nghĩa để chân đến chốn,
4. Thấy dương-trần trà-trộn tà tâm.

- Oai Thần đem đạo huyền-thâm,
 Nhiệm-mầu phổ-độ âm-thâm ai hay.
 Mẹo đã hết, rồng bay vơ-vẩn,
 Khấp hoàn-cầu nghịch lẫn cùng nhau.
 Lê-dân trăm họ xáo-xào,
 10. Rã-rời phụ-tử, máu đào nhuộm tuôn.
 Thương quá sức bắt cuồng tâm-não,
 Quyết cứu người dùng Đạo phổ-thông.
 Ước mơ cho được đại-đồng,
 Trần-trê khắp cả, Lạc-Hồng thánh-thời.
 Nhìn vạn-vật cuộc đời ngao-ngán,
 Bởi hoàn-cầu thù-oán cứ gây.
 Vẽ hình rồi lại vẽ mây,
 Vẽ tranh Thiên-tạo Bồng-Lai cảnh tình.
 Lại thêm vẽ phù-sanh cõi tạm,
 20. Dắt hồn người hắc-ám khỏi mang.
 Cầu cho cuối xóm cùng làng,
 Trẻ già lớn nhỏ Phật-đàng yên thân.

THI

*Luân-thường nặng nợ phải vai mang,
 Nhuận gọi thừa ân của Phật-đàng.
 Cố-gắng tâm trì theo đến chốn,
 Một ngày vinh-diệu ắt bằng-an.*



- Bằng-an bốn biển khỏi đua tranh,
 Bởi khắp bá-gia được chí lành.
 Trau sữa tâm phàm tìm cội cũ,
 30. Về nơi Tiên-cảnh mới nhàn thanh.*



31. Nhàn thanh tìm kiếm, kiếm nơi tâm,
Phật cũ ngày xưa hãy rán tâm.
Nhành lá sum-sê màu đượm vẻ,
Non Thân biến đổi hết rừng lâm.



Rừng lâm cây đá thấy ngày nay,
Mà ruột năm non có các đài.
Chờ đợi con hiền nơi tục cổ,
38. Tới thời thượng-cổ điều hòa mai.



Võ-võ đêm thanh mức giọng vàng,
Kiếng cây sum MẬU đượm mùi nhang.
Phù-dung rã gánh thân yên nhã,
THẠNH thối gia trung gặp chữ nhàn.



Chữ nhàn vô sự mới nên Tiên,
Bát-nhã từ đây gặp cửa thiền.
Bể giác bờ mê ngày vượt khỏi,
46. Lánh đời tục-lụy rứt tiền-khiên.



Tiền-khiên kiếp tạo bởi trần thân,
Đạo diệu giới-trau lập chí cần.
Luyện tánh, trau tâm cho sạch-sẽ,
Rút rời nợ thế khỏi ưu-phiền.



Ưu-phiền thường sự chón ta-bà,
Phật-cảnh mau về ắt lánh xa.
Tĩnh ngộ từ đây người gặp chủ,
54. Phủi trần tìm kiếm chữ ma-ha.



*Ma-ha mùi ngọt mật cùng đa !
Cảnh thế nhìn xem lũ cáo-xà.
Múa gút nhả nanh ua thịt béo,
Nào khờn dạ ái của thiên-gia.*



*Thiên-gia chí cả dóc hành thân,
Diêu diêu truyền thi cảm-kích thân.
Những tưởng thói đời ôi chát lạt !
62. Đạo mâu siêu-việt của thiên-lâm.*



*Thiên-lâm Phật Thích thuở xưa kia,
Non tuyết rền ra bát-chánh kia.
Phổ-hóa dân lành trong khắp chúng,
66. Hoàn-cầu bốn biển khắp danh bia.*

(Mấy bài tứ cú trên đây Đức Thầy trao cho ông Võ-Mậu-Thạnh ở làng Nhon-Nghĩa).

*Luồng thanh điển ngoạn qua như chớp,
Chuyên căn tiền nhắc lớp người xưa.
Phật, Tiên vận-chuyển lọc-lừa,
70. Kiếm con hữu phước mà đưa trở về.
Ôi ! khô thảm bốn bề sóng dậy,
Dòm lừng trời lửa cháy liên-miên.
Tiêu-điều sản-vật điền-viên,
Thần-thông biến hóa dưới miền Trung-Uông.
Ngục-môn đầy quỷ vô-thường,
Dắt hồn kẻ bạo Diêm-Vương luật trừng.
Nhìn xa nước mắt rung-rung,
78. Thương đời mê-muội trầm-luân hoài-hoài.*

80. Tay hạ bút viết bài chung cuộc,
Ai rõ lòng con cuộc khởi kêu.
Thân Khùng vận bã trớ-trêu,
Phiêu-lưu trôi giạt danh nêu khắp cùng.
Ai giàu có thung-dung thanh nhã,
Ta lo đời sắt đá bèn gan.

86. Âu sầu nức giọng riêng than,
Trách dân chẳng sợ hùm lang cứ gàn.

Nhon-Nghĩa (Xà-No), ngày 29 tháng 4 Canh-Thìn.



**Ông NGUYỄN-THANH-TÂN (đến Xà-No
thăm Đức Thầy) xướng :**

Cách mấy tuần dư đã vắng lâu,
Mái tây đứng xủ tóc phai màu.
Tin thơ mới đăng thông lời ngọc,
Ngòi bút khôn dần ứa hột châu.
Khắc lụn băng-khuâng nơi cửa Khổng,
Canh tàn thỏ-thẻ chốn thang lầu.
Ngàn trùng nước bích xa xuôi đáy,
Cúi kính lời quê gọi mạch sâu.

ĐỨC THẦY họa :

Xuống trần dạy-dỗ cũng đà lâu,
Sẵn dịp lia quê rải Đạo mầu.
Thong-thả trau-tria đời lựa ngọc,
Thảnh-thơi chùi rửa khắp tim châu.
Trung-dung khuyển đó noi gương Khổng,
Hiếu-hạnh dạy con chớ mền lầu.

Tuyệt đích siêu màu nơi kệ đấy,
Phàm-nhơn sớm vội gác con sâu.

Ông NGUYỄN-THANH-TÂN xướng :

Đạo-đức bủa ra khắp cõi trần,
Ồn Thầy phổ-hóa nặng ngàn cân.
Ngậm vành mong trả ghi muôn thuở,
Nhả ngọc lâm đèn nguyện một thân.
Xử-xếp lũ bàng còn đợi gió,
U-ơ bầy bướm hỡi chờ xuân.
Hội lành rồng gặp cơn mưa-móc,
Chi đề nho-văn khói lửa Tần.

ĐỨC THẦY họa và cho thêm :

1. Thương tưởng người mê Lão xuống trần,
Ngặt vì chưa đẹp lũ Huỳnh-Cân.
Lòng yêu sanh-chúng luân chuyển kiếp,
Dạ ái dương-trần đổi sắc thân.
Lèo-lái sẵn rồi còn ngược gió,
Cánh trương chưa gặp cuộc phù-vân.
Sang hè con cuốc sâu mưa-móc,
8. Đoái thấy đời nay học thói Tần.



Vạn-lý trường-thành khí khẩu chương,
Thanh phong tiết-hạnh dĩ luân-thường.
Dị-nhân tái-thế từ-bi thuyết,
Đào tị long xà thoát họa-ương.



13. Dặn lòng lục-tự mưa dùm sai,
Qua bể về quê ngõ chuốc hài.
Tiên-cảnh kìa kìa gần lộ về,
Chờ người hữu phước đến liên-đài.



- Tỏ lời thăm viếng khắp đâu đâu,
Bỏn-đạo từ nay gác mộng sầu.
Vọng bái Thánh Thần đèn lộc cả,
20. Trọng quyền chỉ bảo khắp đâu đâu.



Đâu đâu cũng mến tới mà tu,
Ngàn dặm xa-xuôi biệt tí mù.
Công-cán thăm Thầy không ngại khổ,
Việc đời lắm kẻ quá là ngu.



- Lập thân hành Đạo phải truân-chuyên,
Cứu thế Thầy đâu mến bạc tiền.
Dặn lòng con hãy bền gan dạ,
28. Sẵn dịp dân lành rõ Phật Tiên.



Phật Tiên thương hết cả nhơn-sanh,
Tu-tĩnh trì tâm đạo rón hành.
Chớ lấy sự sầu gieo não trí,
Để Thầy an-ổn dẫn quần-sanh.



Thâm hiểu lòng Ta nổi cuộc đời,
Một bầu nhiệt huyết chẳng xe hơi.

36. Mến yêu quốc thủy tình đồng chủng,
Phải tính cho xong nổi cuộc đời.

Xà-No, tháng 6 năm Canh-Thìn.



**Cho ông Chín Diệm tức NGUYỄN-KỶ-TRÂN
ở làng Định-Yên (Long-Xuyên)**

1. Đường xa ngàn dặm cụ sang thăm,
Nghe Đạo huyền-vi cảm-kích thâm.
Cổ tưởng ước mơ đời thanh-trị,
Gạn tâm hoài-vọng điệu xa-xăm.
Nòi giống Lạc-Hồng nay nẩy-nở,
Nam-bang vui thú buổi đồng tâm.
Ông ơi, hãy rán tìm chơn-lý,
8. Khác thể Thần Tiên thắm nhạc âm.



- Nhạc âm Châu-Võ cuộc Phong-Thân,
Tảo Bắc chinh Nam ái nước dân.
Treo sợi xích-thằng chờ vận đến,
Cột dây ngọc-đái đợi người ân.
Thiên-công lắt-lẻo sao lâu quá,
Địa-phủ trở-trêu lấp mắt trần.
Tông-Tổ mở-mang nhờ đức cả,
16. Giống dòng no ấm bớt trần thân.



- Đường xa diệu vợi cảm tình ông,
Vây mới nở-nang giống Lạc-Hồng.
Nói chí Thánh-Hiền tìm cội cũ,
20. Theo gương Phật-Tổ thấy non sông.

24. Hồ thiên ngọc ẩn chờ qui kiếng,
Trì địa kim sơn đến cỡi Bồng.
Hãy rán sưu-tầm cho rạch lý,
Một ngày hòa-hiệp hết còn mong.



- Còn mong cho gặp hội Mây Rồng,
Sắp đến bước đường lấm nẻo chông.
Quân-tử tùy thời hơi sút bước,
Tiểu-nhơn ỷ sức mạnh pha xông.
Khốn thay dân-sự người cao thấp,
Đau đớn thân hèn kẻ tiếc công.
32. Dạ luống ai hoài than-thở chút,
Lòng lo dương-thế bắt cuồng nông.



- Cuồng nông cửa Phật quá thêm nông,
Thấy chúng đời này những ước mong.
Trời định nhơn-tâm qui nhưt thống,
Đất xoay vật dụng một nền không.
Diệu-thâm bát-chánh lời truyền giáo,
Xa thăm tứ-đề tiếng giục ông.
40. Bớ hỡi Lạc-Hồng mau lượng xét,
Đề chừng phong võ hết chờ trông.

Xà-No, năm Canh-Thìn.

BÁC-ÁI ĐẠI-ĐỒNG

Nhơn-dân bá-tánh cũng con lành,
Thầy dạy cho đều khắp chúng-sanh.
May-mắn vận thời đưa đến chôn,
Tiền-khiên dẹp gác kiếm con lành.



Nhấn cùng bỗn-đạo khắp đầu đầu,
 Vạn-vật từ nay luống thắm sâu.
 Áo-não thương đời đa đói khổ,
 U-buồn trăm họ vẽ vài câu.

Xà-No, tháng 4 năm Canh-Thìn.



NHẤN-NHỦ CÙNG AI

Nhấn-nhủ cùng ai một ít lời,
 Nhờ ơn đưa đẩy tới nhiều nơi. ⁽¹⁾
 Ghét vợ sĩ khó trau lời hạnh,
 Hạnh-phúc hiền-lương tiếng nức trời.



Nức trời cảm-động cảnh trầm-luân,
 Đùng để tim gan lửa nó lừng.
 Hỏa-diệm mắng chờ cây quạt phép,
 Tâm trần siêu-việt kiến thời hưng.



Thời hưng Trời Đất tảo-trùng gian,
 Ủa, ủa thì ra rất muộn-màng.
 Vui thăm Tiên Bồng nơi thỏa hiệp,
 Hoàn-cầu sanh-chúng khỏi làm than.

Xà-No, tháng 4 năm Canh-Thìn.



⁽¹⁾ Nhà chức-trách đời Đức Thầy từ Hòa-Hảo đến Sa-Đéc
 rồi qua Nhơn-Nghĩa (Cần-Thơ).

GIẤY VÀNG

Giấy vàng nay đã giá cao thẳng,
Bìa trắng lại chê vôi bỏ lẩn.
Thương thâm chúng quặng nầm kẹt hóc,
Chủ nhà quét tước lượm lãng-xãng.

Xà-No, tháng tư năm Canh-Thìn.

(Thấy quý ông Năm Hiệu, Năm Chơn, biện Hùm xé giấy vàng mà bỏ bìa trắng nên Đức Thầy tức cảnh làm bài thơ trên đây. Trước khi làm thơ, Ngài cười nói rằng: “Trắng hay vàng uống cũng được. Giấy mất lăm, tại sao mấy ông xé bỏ?”).



CHO HƯƠNG-BỘ THẠNH

1. HƯƠNG dâng thơm nức quá nhẹ-nhàng,
BỘ đời còn kẹt nổi hùm lang.
THẠNH thay thời-sự đưa Khùng đến,
Đạo-đức bày ra bủa khắp làng.



- Hương-bộ mang soi bạn áo dà,
Đêm ngày tiếp rước khách gần xa.
Nhơn-dân bá-tánh đều trông thấy,
8. Hương-bộ mang soi bạn áo dà.



Áo dà Hương-bộ bạn mang soi,
Ai có tức cười hãy đến coi.
Dòm riết chú chàng vùng mắc-cỡ,
Áo dà Hương-bộ bạn mang soi.



- VỖ nghệ ngày xưa của nước nhà,
 MẬU truyền nên chẳng kiếm cho ra.
 Luyện tập để dành khi đến việc,
 16. THANH thời mới được hưởng vinh-hoa.



Vinh-hoa cũng phải rán công-phu,
 Tìm kiếm mà coi sáu hóa cù.
 Kiếp trước ông cha làm đức cả,
 Ngày sau con cháu rán lo tu.



- Võng dù sao chẳng rán mà tu,
 Gặp đặng người xưa phước bỏ bù.
 Bồi trước giữ-gìn nền đạo-đức,
 24. Bảng vàng chói rạng chẳng hề lu.



HƯƠNG đèn cầu nguyện với ông cha,
 BỘ đạo tìm ra nẻo chánh tà.
 NHƠN ái giữ nền noi lối cũ,
 NGHĨA hòa huynh-đệ phụng tông-gia.



- Rày mừng gặp đặng lúc ban ân,
 Duyên trước ngày nay mới có phần.
 Hãy rán dặn lòng lo trung-hiếu,
 32. Đến chùng gặp hội có Tiên, Thần.



Mùi hương phương-phát gheo cùng đời,
 Công-tử sang giàu tiếp cuộc chơi.

40. Trái mặt phong-trần tìm món lạ,
Nào dè thâm-nhiễm tổn hao hơi.
Bo-bo ngày tối lo nồi ống,
Chặt-chĩa hằng đêm đòi tiếng lời.
Những mảng ham vui mang bệnh nghệt,
Gầy mòn thân thể vội buồn ngồi.



48. Chán bệnh hiểm-nghèo cây Phật Tiên,
Tâm thành phù-hộ hết nạn ghiền.⁽¹⁾
Dưỡng thân đạo-đức giới linh-trí,
An thể hiền tu ắt được nguyên.
Chặt dạ tinh-thần thêm mập khá,
Bền lòng khí-lực trắng ngươn nhiên.
Dẹp mê, dẹp chiếu cho tiêu tán,
Theo dõi Bồng-Lai lánh cõi thiêng.

Xà-No, tháng 5 năm Canh-Thìn.



THÂN GÀ (thơ xưa)

Chặt-chiu trong trứng mới nở ra,
Điều đâu bay lại xót con gà.
Mẹ kêu túc-túc sè cánh đuổi,
Chủ nhà tiếc của vỗ tay la.



⁽¹⁾ Ông Hương-bộ Thạnh trước kia ghiền á-phiện rất nặng, sau nhờ Đức Thầy dùng huyền-diệu làm cho bỏ được bệnh này.

ĐỨC THẦY họa :

Nịnh gian hai dạ chuyện sanh ra,
 Dòm ngó càng thương-hại lũ gà.
 Trở mặt dòm trời cao tuốt mịt,
 Ưc lòng thiếu cánh chớ nên la.

Xà-No, tháng 5 năm Canh-Thìn.

**VIẾNG ĐÊM**

(Bài này là của nội-tổ ông Hương-bộ Thạnh)

Trắng thời chịu vẻ ngọt là nêm,
 Vui dạ chi bằng đọc sách đêm.
 Học đủ ba dư trời chẳng phụ,
 Đến ngày bẻ đặng quế cung Thềm.

ĐỨC THẦY họa :

Tình thương thăm viếng chậ như nêm,
 Tưởng nhớ lòng Ta chớ ở đêm.⁽¹⁾
 Nhà nước khác chi người thiếu-phụ,
 Ôi thôi ! chờ vận bước lên thềm.



⁽¹⁾ *Lúc đó có nhiều anh em bốn-đạo ở Long-Điền (Long-Xuyên) đến tại nhà ông Hương-bộ Thạnh để thăm Đức Thầy và muốn ở lại vài ngày. Đức Thầy làm bài này để khuyên anh em về sớm.*

Canh trường dạ đoán, kiến canh sơ,
Phổ-hóa nhơn-sanh trực thế thờ.
Sư giả hạ trần nhơn mặt kiếp,
Cấp hồi Nam-Việt tác cuồng thơ.



Thôn hành thế lữ ái nhi ca,
Cổ thụ huyền thi thiết nhĩ hà.
Đái bích Lư-bồng thâm tải hận,
Đãi thì Thiên-định thiết phong xa.

Xà-No, ngày 24 tháng 5 năm Canh-Thìn.



ƯỚC VỌNG NGƯỜI HIỀN

(Lúc Đức Thầy ở Rạch So-Đũa (Xà-No) có một nhóm nhân-sĩ đến viếng, Ngài có cho hai bài thơ dưới đây) :

Cảm tình đồng-đạo hiểu tâm không,
Cuồng-sĩ bao giờ cũng ngóng trông.
Mong ước gặp người tri-kỷ ấy,
Toại thay chí cả khách non Bồng.



Non Bồng xót chúng xuống trần-gian,
Gặp buổi hoàn-câu nức tiếng than.
Ước vọng người hiền như khát nước,
Chóng mau liễu kết dẹp lãng-loàn.

Xà-No, năm Canh-Thìn.



« NANG THƠ CẨM TÚ »

1. Trời thanh lặng gió đưa hiu-hắt,
 Ngồi thơ phòng thân bắt lạnh-lùng.
 Gấm xác trần còn cách cội thung,
 Đâu có được giữ mừng quạt gió.
 Con mừng vui nào ngờ lũ ó,
 Vội bay ngang rồi xót đi luôn.
 Chũ ngậm-ngùi lụy ngọc ứa tuôn,
 Nào phải giống chim muông điều-thú.
 Lia quê-hương quên câu nghĩa cũ,
10. Bỏi xác phàm hấp thụ đã lâu.
 Cuộc lung-tung rối-rắm trời Âu,
 Nên còn ngại bước đường trở gót.
 Tiếng riêng than tai nghe thanh-thót,
 Trăm ngàn nhà bỗng-đạo ước mơ.
 Con lạc cha con hỏi u-ơ,
 Thầy xa tứ ngẩn-ngơ thương mến.
 Ngóng trông chờ vận-thời đưa đến,
 Đặng chung cùng một tiệc quỳnh-tương.
 Cây ngô-đồng hứng vẻ đượm sương,
20. Cho chim phụng mặc tình sè mùa.
 Cảnh sum-vầy mây lành bay tủa,
 Cả trời Nam lưới bủa thiên-la.
 Chũ Thánh Hiền mới được nô-na,
 Ta thỏa chí hô-hào trung nghĩa.
 Giống hiền xưa bây giờ mới tía,
 Dốc chờ ngày bông trở thơm-tho.
 Tuy ngày nay chưa được ấm no,
28. Sau được dựa nơi non nhược thủy.

30. Đây trưng bày khuyên gìn cang-kỷ,
Đòn những câu tỉ-mỉ rung hồn.
Cho người lành dạ ái bất nôn,
Cúi đầu trước quy-y Phật-Pháp.
Quản chi thân bị mưa, nắng tấp,
Nơi sang giàu ám-áp mặc ai.
Vẽ cho dân lập chí râu mày,
Phá tan óc tinh-thần nhu-nhuộc.
Thân nặng-nề như chim ô-thước,
Quyết làm xong cầu đá sông Ngân.
Nên chẳng màng báu ngọc châu trân,
40. Miễn con thảo nhuần ân Thánh-Đế.
Đứng anh-hùng dựng nên thời-thế,
Sá chi loài trùn dế nhỏ-nhen.
Vội đem lòng cương lý ghét-ghen,
Thêm cùng bớt tiếng kèn lời huyễn.
Chốn âm-ty ngư đầu, mã diện,
Đang trông ngày tới số bất hồn.
Cõi âm thân bệnh sai dịch ôn,
Chờ mãi phước ra tay bẻ họng.
Cửa Tiên-bang hãy còn khóa cổng,
50. Nhà cha xưa cửa đóng then gài.
Con nào hiền thì vẹn thảo ngay,
Đứa ngỗ-nghịch một mai đứt cổ.
Nhìn gương kiếng sao không biết hồ,
Lũ gian thần nào biết Tổ-Tông.
Làm âu-sầu một góc trời Đông,
Bị miệng sói thổi lông tìm vít.
Vấn cang-thường đem ra bày trích,
58. Vạch chỉ lời cổ tích người xưa.

- Nghĩ vì đâu có cuộc giày bừa,
 60. Cho lãn-lóc những người mới tỉnh.
 Phải chi Phật lấy ngay bình tịnh,
 Rưới cho trần được tỉnh chút tâm.
 Mãi để câu vi diệu thậm thâm,
 Cho sanh-chúng rùng lâm khó mở.
 Được gió nhẹ ngò đâu dễ thở,
 Bỗng đông luồng âm khí nặng-nề.
 Phải ngóng chờ cho phụng gặp kê,
 Ấy thời đại Thánh Tiên trở mặt.
 Càng nhìn dân lòng tơ siết chặt,
 70. Đau chi bằng đau khúc đoạn-trường.
 Ước sao mà thuận gió buồm trương,
 Đò bát-nhã rước tôi lương đồng.
 Ngày vui tươi cũng đà lố bóng,
 Có sao đời còn mãi say-sưa ?
 Không tìm Thầy đặng hưởng phước thừa,
 Ngày lập Hội tay vin nhành quế.
 Trau thân phận rạng danh hiệu để,
 Thỏ dạ Thầy nơi chốn mây rồng.
 Đùng chia lia Bắc tổ Nam tông,
 80. Chỉ biết giống Lạc-Hồng Thượng-cổ.
 Tai nghe chi những câu ái ố,
 Lòng từ-bi chớ cố lời gièm.
 Đạo hiểu rồi ngon tợ gỏi nem,
 Tuy côi thế lấm-lem trần-tục.
 Mây ganh hờn đầy lòng nghi-ngút,
 Giữ dạ trong đùng đục mới mầu.
 Thân bản tăng mặc bộ sòng nâu,
 88. Cuộc thiên-lý một bầu đều hãn.

- Đến kỳ thi danh Thầy chạm bảng,
90. Trên đài cao gọi các linh-hồn.
Nay ngu khờ len-lỏi hương-thôn,
Sau đăc Đạo tiếng đồn bốn biển.
Giảng với sấm ra tài sửa kiếng,
Kệ cùng ca lựa tuyền con lành.
Tuy là Ta không thể sanh-thành,
Nhưng thương hết ra tài dạy-dỗ.
Đòi phải biết suy kim nghiệm cổ,
Thông cơ-đồ dựng nghiệp Thánh Hiền.
Ta quyết lòng rút nợ oan-khiên,
100. Cứu bá-tánh khỏi nơi lao khổ.
Gà lôi sớm mượn oai tổ-hộ,
Có một ngày rút lột hồ-hang.
Nhu hiền hòa nhược ắt thắng cang,
Đòi cùng Đạo bi hoan, ly hiệp.
Tắm lòng thành gian-truân chớ khiếp,
Đức từ-bi tiếp-dẫn linh-hồn.
Nén hương nguyện cầu với Phật-Tôn,
Ban phước-huệ cứu nàn dương-thế.
Nhớ thuở nhỏ nhờ ơn bông-bé,
110. Nay được nên vai-vế trưởng thành.
Ngẫm cuộc đời hai chữ trực-thanh,
Thân hành Đạo vang danh khắp chốn.
Nhưng ngặt nỗi gặp đời hỗn-độn,
Câu quân-thần, phụ-tử rã-rời.
Khuyên tu-hành hao sức tổn hơi,
Chẳng hề mở miệng ra than trách.
Hãy bỏ dứt tánh tình kiêu-cách,
118. Các con lành khá chọn ngay đường.

120. Tuy thân Thầy lướt cuộc gió-sương,
 Mà thỏa chí tang-bồng hồ-thỉ.
 Câu trượng-phu là trang nghĩa-sĩ,
 Chữ anh-tài của đấng trung-lương.
 Phận tu-hành đạm bạc rau tương,
 Miễn cầu được an-khương bốn bề.
 Rung chuông lành bằng muôn tiếng kệ,
 Gọi hồn người hành thiện truy kinh.
 Ra khuyên dân hện có sơn-minh,
 Diu bá-tánh hứa câu thệ-hải.
 Miễn tâm được hư-vô tồn-tại,
 130. Sống ở trần hói-cải tiền phi.
 Sống làm sao vẹn chữ tu-mi,
 Sống vùng-vẫy râu-mày nam-tử.
 Tự như nhiên oai-phong thiên-tử,
 Bút thần-linh mượn mực tay đề.
 E dương-trần công việc trẻ-bê,
 Nên giục-thúc nhơn-sanh cày cấy.
 Dụng Bá-Nha lên dây đàn khảy,
 Lo cho đời quên vóc ốm gầy.
 Ngày hằng mong gặp hội Rồng-mây,
 140. Xanh men-mét cũng thầy thịt xác.
 Đi tới đâu giúp người khao-khát,
 Ngặt giếng sâu khó múc mau đầy.
 Trong suốt ngày làm việc lây-quây,
 Dùng giấy, mực trung-bày đạo-đức.
 Biết bao giờ gái trai tỉnh thức,
 Trẻ cùng già đồng hiểu Phật-gia.
 Nương hùng-phong trỗi giọng cuồng-ca,
 148. Ca cuộc thế ca câu khuynh-đảo.

150. Buổi nhập tiệc trải qua tràng pháo,
Khói mịt-mù văng xác đây đường.
Cuộc đời nay như ngựa buông cương,
Khó dừng lại vó cu lụp-bụp.
Mặt nước biển lô-nhô lặn-hụp,
Chim đua bay, cá lại tranh môi.
Ngọn thủy-triều nô-nức sục-sôi,
Bầu trái đất một phen luân-chuyên.
Ta là kẻ tu-hành thiện kiến,
Xét thế-trần luận-biến đôi điều.
Chớ đâu nào bày việc trớ-trêu,
160. Muốn giác-tỉnh người mê trở lại.
Mong sanh-chúng học điều thông-thái,
Rèn tâm lành bác-ái trau-tria.
Hành đạo thiên cấp-cấp sớm khuya,
Lòng thương chúng khuyển-răn đủ thể.
Mà nào khác chợ trưa đồ ế,
Bán rẻ-rẻ ít kẻ hỏi mua.
Mảng lo theo lối mới tranh-đua,
Lại bỏ ngón se-sua học-thức.
Thân hèn-yếu lại vô năng-lực,
170. Chẳng tìm nơi thuộc nhiệm sửa gân.
Miệng toàn lời bắt-chước chúa Tần,
Muốn chôn sống anh-tài nhu-sĩ.
Nhưng mắc phải từ-bi lập chí,
Lược cùng thao, thao lược vẹn hai.
Của Thần Tiên đã sắp sẵn bày,
Nhờ ơn mọn giúp thêm chí cả.
Miệng nhích môi đây văn tao-nhã,
178. Hạ bút thần thơ đã đề khai.

180. Khó làm cho Hiền-Thánh lung-lay,
 Chỉ tưới nước vun phân cây quý.
 Thêm mắc phải tay chàng Nhạc-Nghị,
 Cận Thầy xưa định việc an dân.
 Tiết trung-lương hiếu-nghĩa rạng ngân,
 Ông Bàn-Cử mẹ ghi chạm thịt.
 Luận sơ-sơ cho dân rõ tích,
 Để chờ ngày hoán võ hô phong.
 Ban cho đời thoát chữ cay-nồng,
 Nay giục thúc câu quân tu ký.
 Ngày nào mà Phật Tiên tọa vị,
190. Ấy thời lai bình trị muôn dân.
 Khắp các nơi chư quốc xung thần,
 Trong bốn biển chúng dân lạc-nghiệp.
 Theo dõi gót người xưa mới kịp,
 Vùng mây lành ngũ sắc hào-quang.
 Phật, Thánh, Tiên, Đông-Độ lướt sang,
 Miền Nam-địa phân chia đẳng-cấp.
 Nước cờ mới nay đà khởi sắp,
 Trỏ tài hay biển lấp non dời.
 Dưới cùng trên âm-đạm khí trời,
200. Cả thế-giới mưa hòa gió thuận.
 Tạo nền móng Thánh-quân đặt vững,
 Nơi triều-ca gây-dựng tôi hiền.
 Giờ mắc câu thiên lý vị nhiên,
 Nên còn đãi thiên oai nấy lịnh.
 Tỏ tình đời ít câu cung thỉnh,
 Mong khán-quan vào cửa xem tuồng.
 Cỏ cùng cây điều-thú chim-muông,
208. Nhon với vật hườn lai bôn-tánh.

- Đó mới biết ai là Phật Thánh,
Ai thảo-hiền ai lỗi đạo nhà.
Đồng hát câu phụ-tử khải-ca,
212. Chúc trăm họ muôn nhà thanh-thới.

NGÂM

*Bồ-đào rượu thánh trà tiên,
Muôn năm cọng lạc chúa hiền tôi trung.*

Nhơn-Nghĩa, ngày 29-5 Canh-Thìn.



Hỏi HẰNG-NGA (CỔ thi) :

Ớ ớ Hằng-Nga dám hỏi đon,
Cớ sao khi khuyết lại khi tròn ?
Ba mươi, mồng một đi đâu vắng ?
Nay về hỏi đặng mấy thẳng con ?

ĐỨC THẦY họa :

Cõi thế nhìn ta gọi tiếng đon,
Phàm nhơn chẳng rõ nói eo tròn ?
Hoàn-cầu luân-chuyển nên mờ mắt,
Tháng cuối rồi qua cũng một con.

Nhơn-Nghĩa, ngày 14 tháng 6 dl. 1940 (Canh-Thìn).



Hỏi HẰNG-NGA (CỔ thi) :

Ớ ớ Hằng-Nga dám hỏi đon,
Cớ sao khi khuyết lại khi tròn ?
Đông qua Dương-cốc bao nhiêu dặm ?
Tây đến U-đô cách mấy hòn ?

Uống thuốc trường-sanh đà mấy lượng ?
 Lây chồng Hậu-Nghệ bấy nhiêu con ?
 Ba mươi, mồng một đi đâu vắng ?
 Hay có tư tình với nước non ?

ĐỨC THẦY họa :

Bởi tại vì ai có tiếng đon,
 Luân-luân chuyên-chuyên mãi eo tròn.
 Nam-thiền quê cũ mù xa dặm,
 Bắc-lý nhà xưa mịt núi hòn.
 Tiên trưởng đon hay dầu ức lượng,
 Phật Thần được giỏi gắng tìm con.
 Thương đời phi pháp tuy nhà vắng,
 Những để đền bù với nước non.

Vịnh HẰNG-NGA (Cổ thi) :

Khen ai các-cớ bám trời tây,
 Tỉnh giấc Hằng-Nga khéo vẽ mây.
 Một phiến linh-đỉnh trôi mặt biển,
 Nửa vùng lũng-đứng dán trên mây.
 Cá ngờ câu thả toi-bời lội,
 Chim tưởng cung trương sập-sập bay.
 Nên một nên hai còn bé tuổi,
 Mười lăm mười bảy bốn phương hay.

ĐỨC THẦY họa :

Mây hồng năm sắc ở phương tây,
 Sáng-suốt ô kim bởi vện mây.
 Miệng nhỏ tiếng to vang bốn biển,
 Lưỡi mềm lời lớn dậy Rồng Mây.

Lòng trong Thánh kệ tình bơi lội,
Dạ sạch Phật kinh ý luyện bay.
Dầu cho thân mỡ thanh xuân tuổi,
Thức giấc đời mê phải được hay.

Nhơn-Nghĩa, ngày 14-6 Canh-Thìn.



BẠC-LIÊU

Diệu-vợi đàng xa đến Bạc-Liêu,
Thiền-môn vẹn-vẽ quá tiêu-diêu.
Bồng-Lai tại thế non dường sánh,
Đẹp-đẽ cho Ta trôi nhạ thiêu.



Bôn-đạo trông chừng chữ Bạc-Liêu,
Cớ sao giành muốn cấm lời diêu.
Lung-chung bèo giạt thân hành đạo,
Bị lũ a-dua cá út thiêu.



Lá phép xin về tỉnh Bạc-Liêu,
Ngụ nơi gia-trạch Hội-đồng Điều.
Lòng trông Chánh-phủ cho hay chẳng,
Khó dễ làm gì việc bấy nhiêu ?

Nhơn-Nghĩa (Xà-No), lối tháng 6 năm Canh-Thìn.



« TỪ-GIÃ LÀNG NHƠN-NGHĨA »

1. Kê từ mười tám tháng tư,
 Canh-Thìn lưu chữ thiện-từ tới đây.
 Cho làng Nhơn-Nghĩa biết Thầy,
 Dem truyền mỗi Đạo thang mây chỉ chùng.
 Nay vì thời vận chuyển-luân,
 Ở trong cõi tạm đã từng đổi thay.
 Cầu cho già trẻ gái trai,
 Rửa nhau niệm Phật liên-đài ắt lên.
 Thế-gian ngay thảo đáp đền,
10. Ngày sau sẽ được chẵn mền thom-tho.
 Tục kêu là rạch Xà-No,
 Vàm kinh ông Bồn eo-co khúc đường.
 Ngày Thầy lìa cách quê-hương,
 Về đây nương ngụ bởi thương dân lành.
 Phải trần xóa bỏ lợi danh,
 Quyết lòng lánh trực tâm thanh mai chiều.
 Thuở xưa thời buổi Thuần Nghiêu,
 Thái-bình thịnh-trị mến yêu khẩn tình.
 Chớ đâu đồ-thán sanh-linh,
20. Bởi nay lỗi đạo kệ kinh ngạo cười.
 Lo cho mình được đẹp tươi,
 Phụ-phàng nghĩa cả lại cười Phật Tiên.
 Luật Trời báo ứng nhãn-tiền,
 Khấp trong thiên-hạ đảo-huyền từ nay.
 Ra đi để lại một bài,
 Cho trong bốn-đạo hôm mai rèn lòng.
 Bể chùng tách dậm xa trông,
28. Dân-sanh gặp trận trời long hầu kê.

- Tới lui bùa thuốc bộn-bề,
30. Chon đời khỏi cửa ra về phủ ơn.
Thấy đời tu dối khuyển-lon,
Từ đây sửa lại gập cơn thái-bình.
Phật Trời đâu dụng phép linh,
Chỉ dùng đạo-đức mặc tình ghét ưa.
Nghinh-ngang làm thiếu lấy thừa,
Mẹ cha chẳng kể dối lừa ngỗ-ngang.
Ngày nay mới đến Phật-đàng,
Niệm một tiếng Phật đời an bịnh liền.
Chậm lành chê Phật ngạo Tiên,
40. Rồi sau tội nghiệp liên-miên tới mình.
Dương-trần phú trọng bản khinh,
Mảng lo bươi móc cầu vinh thân phàm.
Biết sao đây được túi tham,
Không ngăn không đậy càng làm không kiêng.
Mia-mai đến kẻ tu-hiền,
Làm cho thỏa chí mới yên giấc nồng.
Gẫm đời bụng dạ gai chông,
Nên còn khổ-sở trời đông túng nghèo.
Nhìn dân ruột thắt gan teo,
50. Rán tâm gậy cũ mà leo qua bờ.
Nếu không, gặp cảnh bơ-vơ,
Thuyền ghe chẳng có bến bờ cũng không.
Một mai thấy được non Bồng,
Cảnh Tiên rục-rỡ mây rồng đẹp thay.
Lại thêm thấy chốn Phật-đài,
Không già không bịnh chẳng ngày nào lo.
Bây giờ Lão lại thúc đồ,
58. Đưa qua bến giác đông to tới nhà.

- Vậy mà còn ghét kẻ ca,
 60. Không gây tình-cảm để Già nhọc khuyên.
 Thương đời Ta phải truân-chuyên,
 Bạc-Liêu xứ ấy Ta liền đến nơi.
 Giã-từ bốn-đạo ít lời,
 Gìn câu nguyện vái chớ lời nghĩa Thầy.
 Bớt lòng thương nhớ từ đây,
 Chẳng nên bịn-rịn để Thầy an tâm.
 Nhớ lời dạy-dỗ ca ngâm,
 Di-Đà sáu chữ trì tâm chớ sờn.
 Cuộc trần Thầy tỏ thiệt hơn,
 70. Mấy người bê-trễ chận chơn tới Thầy.
 Nghe theo lời chỉ sau đây,
 Lãnh bài cầu nguyện về rày mà tu.
 Dạy dân đầu tóc rồi bù,
 Mà trong bá-tánh hềm-thù chi Ta.
 Trễ chơn Thầy mắc đi xa,
 Hỏi thăm Hương-bộ vậy mà cách tu.
 Trăng còn khi tỏ khi lu,
 Cho nên phận Lão viễn-du đổi dời.
 Càng đi càng biết nhiều nơi,
 80. Càng đem chơn-ly tuyệt-vời phổ thông.
 Người Khùng trí lại cuồng-ngông,
 Có sao thế-cuộc lâu-thông cũng kỳ.
 Xả thân tầm Đạo vô-vi,
 Nhiệm-mâu thâm-diệu nan-tri Lão bày.
 Cầm hương chấp lại hai tay,
 Đưa lên trên trán nguyện bài qui-y.
 Nguyện rồi xá xuống tức thì,
 88. Cầm hương rồi cũng đứng thì thẳng ngay.

- Đọc qua lời nguyện một bài,
90. Lạy luôn bốn lạy tạ rày tông-gia.
 Bàn tay lật ngửa vậ mà,
 Chớ đừng lật sấp vì Thầy tái sanh.
 Đi xa thì phải dặn rành,
 Bàn thông-thiên cũng thiết-hành như y.
 Bốn phương đều đọc vậ thì,
 Cúi đầu bái tạ từ-bi Phật Trời.
 Sớm chiều bình-đẳng chớ loi,
 Thường hành như vậ nhớ lời đừng sai.
 Có đau xem thuốc ba bài,
100. Tâm thành cầu nguyện ắt nay bịnh lành.
 Giấy vàng xé nhỏ đành-rành,
 Đề trên bàn Phật chí thành uống ngay.
 Thánh Thần phương-phát hồn bay,
 Ở đâu cũng đến độ rày chúng-sanh.
 Con rồng mới nửa gút nanh,
 Mà trong bá-tánh thất thanh hải-hùng.
 Chùng nào Thầy lại gia trung,
 Thì trong bốn-đạo bóng tùng phủ che.
 Trách dân còn tiếc lựa the,
110. Chẳng làm phước-thiện họa e đến mình.
 Hết nhục rồi lại đến vinh,
 Nghe không thì cũng mặc tình thế-gian.
 Đề cho dân-sự luận bàn,
 Nếu tu thì phải chọn vàng lừa thau.
 Cá to mà phải ở ao,
 Muốn ra biển rộng phải nhào kiếm sông.
 Một mai đạo đợc Tây, Đông,
118. Khấp trong thế-giải thỏa lòng ước-mơ.

- Nuôi tằm ắt được nên tơ,
 120. Nếu ta làm phải phước hồ bên lưng.
 Núi non rừng thẳm cũng từng,
 Bây giờ phiêu-lạc Ta mừng khắp nơi.
 Cho dân đều hiểu cuộc đời,
 Thiên-cơ để dạ Lão thời yên thân.
 Đại-đồng chuông Đạo bon ngân,
 Cho người say ngủ tỉnh lần giấc mê.
 Biết lo sửa kiếng trồng huê,
 Thơm-tho gia-trụ danh đề Tổ-Tông.
 Bấy lâu lòng những ước mong,
 130. Cha con hội-hiệp thì lòng mới nguôi.
 Từ nay ai có tới lui,
 Cúi đầu bái Phật lòng vui tu-hành.
 Xin đừng đeo-đắm lợi danh,
 Bỏ trôi đạo-đức hư danh dạy truyền.
 Mai sau được gặp cõi Tiên,
 Phỉ tình nguyện-ước khỏi phiền lòng Ta.
 Vài lời để lại khuyên ca,
 Truy phong tách gót đường xa xứ người.
 Trò buồn Thầy lại tức cười,
 140. Đâu đâu bá-tánh cũng người Trời sanh.
 Gần xa Thầy chỉ đành-rành,
 Quyết tuyền con lành đem lại Phật-gia.
 Cáo-từ làng xóm trẻ già,
 144. Chúc cầu lạc-nghiệp nhà nhà ấm no.

Nhon-Nghĩa (Xà-No), ngày rằm tháng 6 Canh-Thìn.



NGAO-NGÁN TÌNH ĐỜI

Ngao-ngán tình đời gấm cuộc âu,
Đông, Tây, Nam, Bắc cũng chung bầu.
Vì sao thế-sự người sang cả,
Phân-biệt tước quờn áo rẽ bầu.



Rẽ bầu dẫu có, có mà chi,
Những mảng say sưa mặt cố lý.
Múa mỏ khua môi tài biệt thụ,
Giống nòi Nam-Việt mãi chia ly.

Xà-No, năm Canh-Thìn.



AI NGƯỜI TRI-KỶ

1. Nghĩ việc đời xưa gấm việc nay,
Ai người tri-kỷ ai là ai ?
Tái-sanh chọn lựa trang hiền-thảo,
Thức tỉnh tâm trung sẽ vẹn mây.



8. Vẹn mây mới đẹp, đẹp Tiên-gia,
Tông-Tổ thơm-tho phước hải-hà.
Tịch-mịch huyền-sâu ai hiểu đặng,
Ắt là thấu tích sĩ cuồng ca.



Cuồng ca nẻo Đạo chôn huyền thâm,
Nghĩ việc xa xa ruột tím bầm.
Đau-đớn cho đời ôi thảm họa,
Mạch sầu có miệng lại dường câm.

16. Đường cam khó nói, nói còn e,
Thiện tín thờ-ơ nổi rụt-rè.
Tiếng động bên tường nghe vắng vắng,
Sức hèn như châu chống ngàn xe.



Ngàn xe muôn nghìn châu còn bay,
Nước túng tìm phương chống kẻ tài.
Rốt cuộc tương-lai do quyết định,
Phương trời xa thăm nắm quyền oai.



24. Quyền oai thế-hệ cực Ta mang,
Luân-chuyển nhơn-sanh lắm cuộc nài.
Ai hỡi dân lành Ta sẽ đọi,
Đạo người sửa trọn dứt làm-than.



Làm-than khói lửa với binh-đạo,
Âu Á lung-tung nhuộm máu đào.
Bá-tánh say-sưa mùi phú-quí,
Sau này sẽ vương cảnh đồ-lao.



32. Đồ-lao muốn lánh sớm nghe Ta,
Bố-thí trì chay giữ giới mà.
Phật Đạo trau-giồi tâm tánh lại,
Giác thuyên chuyên chờ lúc can-qua.



Can-qua dân-chúng chớ buồn lo,
Tích đức chờ Ta chôn hện-hò.
Tiên cảnh Phật đài xem rục-rỡ,
Hoàn-cầu đến đó ẩm cùng no.

- Cùng no bốn biển một cha thôi,
Bỏ dứt thói hư với tật tòi.
Trên có Phật Trời soi việc thế,
40. Dưới đây com áo Lão về ngôi.

Nhà thương Chợ-Quán, đêm 18-7 Canh-Thìn (1940).



SẮP MÀN CẢNH TRÍ

Cảm báy lòng Ta nổi thẹn-thường,
Sắp màn cảnh trí chữa nên khuôn.
Chúng-sanh lỗ bước ngơ bờ bến,
Nhơn-loại tầm đường ngán bụi truông.
Tạo-hóa khiến đời mang sống khổ,
Đất trời xui đạo bị đông luồng.
U-hoài tưởng lại thân lưu-lạc,
Rừng thẳm khát-khao kiếm suối nguồn.

Nhà thương Chợ-Quán, năm Canh-Thìn.



HIẾN THÂN SÃI KHÓ

Bá nhựt thân này chịu nạn-tai,
Cầu xin Phật-Tổ vẽ tuồng hay.
Giúp cho Sãi khó qua bờ giác,
Trừ lũ yêu ma khuấy chọc Ngài.



Nhưng Ngài biến-hóa ở Tây-Phương,
Còn Sãi dân thân cảnh đoạn-trường.
Nam-Hải Quan-Âm bình nước tịnh,
Rưới giùm bá-tánh bớt tai-ương.

Phận tứ xác phàm tứ sẽ dung,
 Cúng dường cho Phật, Phật đàn ung.
 Dù cho phải chịu ngàn cay đắng,
 Cũng nguyện Đạo mâu sẽ chấn-hưng.

Nhà thương Chợ-Quán, năm Canh-Thìn.



BÓNG HỒNG

1. Bóng hồng vừa mới thoáng qua,
 Nhơn-sanh tỉnh giấc tìm nhà Thánh Tiên.
 Thánh chúa phán ra miền Nam-địa,
 Mặc cho đời mai-mia cười chê.
 Nhìn dân châu lụy ử-ê,
 Biết sao trút hết gánh về Ta mang.
 Mang cho hết tai-nàn thế-giới,
 Kẻ tâm lành bớt đợi chờ trông.
 Cốt xưa thiệt giống Lạc-Hồng,
10. Trên hòa dưới thuận một lòng mến yêu.
 Nay hiếm kẻ ỷ nhiều tiền của,
 Vội làm trò hát múa lãng-xăng.
 Xâu nhau đặng có tranh ăn,
 Cùng là giành mặc cho bằng ngoại-bang.
 Người sao lại bi-bàng tôm cá,
 Thức ăn thừa khiếp nổi ném quăng.
 Kẻ nghèo lo chạy ngày hằng,
 Lại không đủ bữa rồi nhặng đời người.
 Xem thế-sự biếng cười biếng khóc,
20. Chẳng rung-rinh quèo móc chi Ta.
 Cười là cười thói ranh ma,
 Khóc là khóc kẻ chưa Ta đỡ-dành.

- Cơn lở-dở buồn tanh chuyện quái,
Tim non đòi kinh-hải bao phen.
 Từ xưa ông cống xù quèn,
Ngày nay ông bịnh ông ghen việc nhà.
 Bởi mắc việc đi xa đánh chén,
 Bà ở nhà sẽ lén cải trang.
 Sét tin ruột nợ bàng-hoàng,
30. Gượng say làm tỉnh rồi nhàn cụng ly.
 Thấy hiểm kẻ vô nghi lạc Đạo,
 Đua một lòng làm bạo làm xăng.
 Ai mà xét đến ăn-năn,
Quày đầu hương thiện bản tặng đất giùm.

« **BÓNG HỒNG** »

(Tiếp theo bài trước)

- Mắt thấy đũa vô nghi phát giận,
Ngặt nổi mình còn bận pháp-thân.
 Chờ con đầy-đủ nghĩa-nhân,
Ra tay tế-độ đất lần về ngôi.
 Có ngày mở rộng qui-khôi,
40. Non thần vang chuyển Khùng ngồi xử phân.
 Huyền cơ máy tạo xoay vần,
Đông về Phật-cảnh mười phần xinh tươi.
 Thánh Tiên vừa nhích miệng cười,
Chúc mừng trần-thế có người chơn tu.
 Ngày nay vừa lúc trăng thu,
Tiết trời âm-đạm mịt-mù gió mây.
 Mưa phùn lác-đác đượm bay,
48. Canh trăng thơ-thần thân Thầy bơ-vơ.

- Truân-chuyên Tào-hóa thờ-ơ,
 50. Đưa người lương-thiện lỗ bờ xa quê.
 Ru con buồn ngủ chưa mê,
 Tầm đòi lên kén sợ dê phá chuông.
 Nực cười cho lũ sói muông,
 Đem điều cay nghiệt phá tuồng Thuấn-Nghiêu.
 Đến sau phách-lạc hồn xiêu,
 Rã-rời thân thể mang nhiều họa-ương.
 Ai ôi ! hãy ngắm cho tường,
 58. Nhìn ông tận mặt hùng-cường làm chi ?

(Viết tại nhà thương Chợ-quán, ngày 25-8 Canh-Thìn).



PHÒNG VẮNG ĐÊM KHUYA

Vận thời luân-chuyên đưa Ta tới,
 Tới chốn nhà thương dưỡng bệnh điên.
 Lắt-lẻo Hóa-công bày tấn kịch,
 Chia xa bản-đạo xuất mộng phiền.



Phòng vắng đêm khuya lặng tiếng người,
 Tâm thần phương-phát cảnh vui tươi.
 Ước-mơ thế giới lân Hòa-Hảo,
 Nhà Phật con Tiên hé miệng cười.



Lạnh-lùng mây bạc bị luồng đông,
 Cũng bởi quá yêu giống Lạc-Hồng.
 Cay đắng siểm-gièm thân Lão chịu,
 Miễn đời thanh-trị hết cường nông.

Ta bước, bước đường gặp nẻo chông,
Mà không nản chí với nao lòng.
Dắt-dìu nhơn-loại câu huyền-bí,
Bủa đức dạy đời rạng Á-đông.

Nhà thương Chợ-Quán, đêm 25-8 Canh-Thìn.



GỎI VỀ CHO BỒN-ĐẠO

*Tiếp đặng lời thăm viếng, ngỏ lời cảm ơn chung
hết thiện-nam tín-nữ trẻ già, cầu chúc cho tất cả
được sáng-suốt và hăng-hái bước vững trên đường
Đạo-hạnh thanh-cao của Phật-pháp.*

*Ở trên này lúc nào Thầy cũng vui-vẻ, rất sung-
sướng mà làm hết phận-sự của đạo-đức.*

*Chốn này là nơi để cho Thầy tỏ dấu cho hầu hết
nhơn-sanh biết rằng chân-hưng Phật-giáo thì phải
chịu những sự tang-thương biến-cải và khuyên tín-
đồ chớ buồn lòng lo-lắng, vì Ôn Trên định vậy thôi.
Rồi ít lâu có ngày sum-hiệp chớ chẳng hề chi cả.*

*Về kinh giảng, tốt hơn kỹ-lưỡng chẳng nên phát
lúc này.*

*Về thuốc men cũng tùy theo tâm Đạo mà chỉ vẽ
thôi. Thời-kỳ nghiêm trọng, chẳng nên làm theo ý
cầu xin của người, tạm ngưng việc đó lại rồi sẽ cho.*

*Bấy nhiêu lời cho nam-nữ mừng lòng, không
cần chi thi phú đông-dài. Ý Thầy tốt hơn giữ lấy*

bề trong, còn bề ngoài thì để cho Thầy yên-tĩnh thì sẽ có nhiều điều may-mắn đưa đến.



Dầu cho xoay-chuyên đất trời,
 Lòng Ta chỉ dốc độ đời mà thôi.
 Cội lành mong đặng đâm chồi,
 Chặt gìn Phật Đạo đèn-bồi ơn xưa.
 Đùng thù kẻ nghịch thêm thừa,
 Mở lòng hà-hải lọc-lừa đàng ngay.
 Thế-gian hiểm kẻ Thánh tài,
 Ra đời phải chịu ít ngày gian-nan.
 Cổ kim nghiệm biết đừng than,
 Để cho Trời Phật lo toan việc này.

Nhà thương Chợ-Quán, ngày 25-9 Canh-Thìn.



NGHĨ NHỮNG NGÀY QUA

1. Bây giờ ngồi nghĩ những ngày qua,
 Lòng tứ lạ không, chẳng nhớ nhà.
 Nhớ cả vạn dân trong bốn biển,
 Gặp hồi trụ-lạc Đạo càng xa.



- Mộng hồn trong bóng vẩn-vơ bay,
 Sương tỏa trắng trong chói rạng đài.
 Bóng xế tà-tà về núi ngủ,
 8. Trông chừng ông Tạo vẽ tuồng hay.



Ông hỡi khách chờ khách sẽ xem,
Cảnh cũ ôi thôi quá cũ mèm !
Vùng-vẫy đỡ nung cơn sấm chớp,
Vinh-hoa phú-quí chẳng mơ thềm.



- Phút chốc vui mừng cuộc trí tri,
Cùng nhau hiệp mặt hết sầu-bi.
Tình yêu nhọn-loại càng thêm đậm,
16. Có lẽ chơn-nhơn lúc thanh thì.



- Xúc-động tâm hoài gọi chúng-sanh,
Thoát-ly cảnh tục sớm tu-hành.
Giác thuyền đến bến đưa người thế,
20. Chớ đắm hồng-trần nẻo lợi danh.

Nhà thương Chợ-Quán, năm Canh-Thìn.



KHÔNG BUỒN NGỦ

1. Đêm nay lại sao Ta không buồn ngủ ?
Đi, đứng, nằm, ủ-rũ nỗi niềm xa.
Hình như say chén rượu quá khề-khà,
Nhớ những kẻ bê-tha trong ảo-mộng.
Đường danh lợi đua chen mùi ong-ông,
Đâu có màng tiếng vọng của người tu.
Cảnh thế-gian dường thể chôn ao tù,
Trong biển khổ mấy ai mà thoát đặng.
Nơi cửa Thánh, ôi ! người càng quạnh vắng,
10. Chốn nhà ma chen-chúc quá thêm đông.

11. Biết làm sao gieo Đạo khắp đại-đồng,
 Đưa nhơn-loại đi vào vòng hạnh-phúc.
 Thương trăm họ ruột tơ thêm vò khúc,
 Để trí suy giục-thúc cả muôn dân.
 Bồng hay đầu nghi-ngút khói vua Tần,
 Tãng-sĩ phải gắng vùi nơi hắc ám.
 Nào ai biết tâm Ta đời bác-lãm,
 Kiếp người dường chùn-gởi bám vào cây.
 Ở thế-gian ai rõ kẻ chơn Thầy,
20. Dắt sanh-chúng lìa nơi sông mê khổ.
 Cõi trần-thế biết bao điều ái ó,
 Hơn cùng thua nhắm mắt cũng ra ma.

Chi cho bằng :

- Lúc sống sanh tìm lấy cuộc nhơn hòa,
 Chữ thuận-thảo hay hơn là tranh-đấu.
 Thuở ít tuổi ấy là thời thơ ấu,
 Ôn mẹ cha dạy-dỗ lúc nâng-niu.
 Lớn lên rồi cần giữ lấy qui điều,
 Của Phật-Thánh dạy người trung lẫn hiếu.
 Con nghịch phản đều mang câu đàm-tiểu,
30. Giữ sao tròn đạo-nghĩa mới khôn ngoan.
 Lòng sắt-son dám sánh nổi ngàn vàng,
 Khó mua chuộc những người đầy liêm-sĩ.
 Đường xa mới rõ biết tài ngựa ký,
 Lúc nguy nàn tường-tận kẻ vô lương.
 Phụ ông cha làm lắm thói bạo cường,
 Giành ăn uống ganh em cùng ghét cháu.
 Trời sanh muỗi là loài thường hút máu,
38. Cũng lắm người mượn kể ấy dung thân.

- Nên thuở xưa Trời sắp cuộc Phong-Thần,
40. Diệt kẻ quấy lọc-lừa dân lương-thiện.
Mong Tạo-hóa sắp xong tuồng cổ-diễn,
Đặng nhơn-sanh kiến cảnh thái bình hòa.
Ngổ lời khuyên nhơn-loại khắp gần xa,
Rán tu-tĩnh hưởng đời chung cực-lạc.
Trên cửa Phật mùi hương thơm bát-ngát,
Dưới quân thần phụ tử khải hoàn ca.
Ấy là xong bốn biển hiệp một nhà,
Không ganh-ghét dứt câu thù hận oán.
Trên kẻ trí lấy công-bình phân-đoán,
50. Dưới vạn dân trăm họ được im-lìm.
Trẻ với già gìn hai chữ từ-khiêm,
Không còn thấy loạn-luân nền cang-kỷ.
Đạo tôi chúa chặt gìn câu chung-thĩ,
Đạo thầy trò khắc cốt với ghi xương.
Đạo cha con chặt-chẽ chữ miên trường,
Đạo chồng vợ thuận-hòa cho đến thác.
Biết lễ nghĩa kính yêu cùng cô bác,
Nội tông cùng ngoại tổ với cậu dì.
Thêm kính nhường anh chị kẻ cố tri,
60. Mất chẳng thấy lũ gian phi xảo-trá.
Đạo bè bạn bắt phân nhơn với ngã,
Chữ nghĩa tình sắt đá mãi bền gan.
Trên non Tiên văng-vẳng tiếng phụng-hoàng,
Phật, Tiên, Thánh an bang cùng định quốc.
Đời xuất Thánh tỏ bày câu tiêm-tất,
Rán giữ-gìn kéo mắt giống hiền xưa.
Những thói hư tật xấu phải răn chừa,
68. Sau sẽ thấy người xưa tường tận mặt.

- Ta kể sơ ít điều cho vắn tắt,
 70. Ước mong đời xét kỹ đặng tu-hành.
 Phật từ-bi đặng chữ cao thanh,
 Người lương-thiện hưởng muôn điều hạnh-phúc.



- Đến đây ngao-ngán việc trần,
 Thôi dừng bút lại định thần xét suy.
 Giàu sang lắm kẻ vô nghi,
 Ý mình trên bực kể gì nghĩa-nhân.
 Chẳng kiêng chẳng nể Phật Thần,
 Suy mưu làm quấy nghiệp trần phải mang.
 Vì chung Ta mắc tai-nàn,
 80. Lòng thương trăm họ lỗ-làng từ nay.
 Cầu Trời, Phật độ tiêu tai,
 82. Cứu trong thiên-hạ Đạo khai khắp trời.
Nhà thương Chợ-Quán, năm Canh-Thìn.



THU ĐÃ CUỐI

*(Bài này không có tựa.
 Chép theo bản chính do Đức Ông giữ)*

1. Thu đã cuối bắc lai-rai thôi,
 Xét cỏi lòng chạnh nỗi thương tâm.
 Canh tràng thỗn-thức đứng nằm,
 Phiền-ba xe ngựa ù-âm bên tai.
 Nguồn mây bạc cuốn quay mũi viết,
 Chấm vào nghiên chi xiết ngại-ngùng.
 Cũng bung sao lại khuấy bung,
 8. Một bày ngõ-ngác cội tùng còn xa.

10. Thấy Tăng-Sĩ thiết-thà hữu chí,
Vội đem lòng ích-kỷ hại nhân.
 Ôi, đời yêm cựu nghinh tân,
Rùng-rùng xóa bỏ Phật, Thần, Thánh, Tiên.
 Làm cho Lão nửa phiền nửa tủi,
 Ước sao mình như cuội trên trăng.
 Đặng soi khắp cả dương-trần,
Cho người trong tối đặng lần điển quang.
 Kể đến lúc băng-ngàn đất khách,
 Dem thân này cắt mạch sâu đông.
 Dầu ai trao đổi lạt nồng,
20. Trao chua chế ngọt tấm lòng chẳng nao.
 Nhưng nghĩ lại héo xào tim phổi,
 Biết gốc lành sao cội không gìn.
 Ngạt-ngào tiếng kệ lời kinh,
 Ôn nhờ chư Phật oai thình giáo-truyền.
 Thân làm Đạo ba giềng năm mối,
 Dù gặp cơn gió thổi mưa tuôn.
 Bại rồi thành lại nên tuồng,
Vạn dân hưởng được nước nguồn Ma-ha.
 Trải một lúc cuồng ba sóng dậy,
30. Chắc non-sanh sẽ thấy việc chi ?
 Trời đà sắp đặt ly-kỳ,
 Tới ngày trả quả âm-ý biết bao.
 Thỏa cho kẻ khát-khạo đạo-đức,
 Danh Thánh tài thơm rục non sông.
 Theo đòi học cổ của ông,
 Nguồn văn kêu gọi người đồng tâm tu.
 Lòng đừng chắt mối thù chi cả,
38. Lũ bạo-tàn tất-tả nay mai.

- Bấy lâu khoe giỏi khoe tài,
 40. Trời xanh rọi thấu diệt loài kiêu-căng.
 Lòi Ta nói có ngăn lắ m nhĩ,
 Để đây rồi chúng qui hiểu lằm.
 Điệu đờn trôi khúc huyền thâm,
 Nhà nghề chọn bản tri-âm đâu nào.
 Giọng Tăng-Sĩ thanh-thao như kiểng,
 Hạn đã lâu sông giếng cạn mòn.
 Cỏ cây khô héo thon-von,
 Nay nhờ mưa đượm mà còn khát-khao.
 Nghĩ đến đây gió ào-ào thổi,
 50. Ngẩng mình ra nhìn ngọn đông phong.
 Không-Minh nhờ gió dụng công,
 Còn Ta nhờ được muối-mòng bay tan.
 Khuyên chớ chấp kẻ lòng lang sói,
 Để đức lành Ta rọi khắp nơi.
 Non sông rục-rỡ chói ngời,
 Mảnh gương Phật Đạo soi đời cở kim.
 Nhơn-loại sẽ khỏi chìm bể khổ,
 Khắp muôn loài nguyện độ siêu-thăng.
 Kẻ chi miệng mồi lưỡi lằm,
 60. Mặc tình thế-sự kêu thằng hay ông.
 Chớ chia rẽ phải đồng tâm lực,
 Khua giọng vàng đánh thức bốn phương.
 Chân-hưng Phật-giáo học-đường,
 Dưới trên hòa-thuận chọn đường qui nguyện.
 Tay Tăng-Sĩ gậy thiên quyết nắm,
 Làn bụi bờ xuống thăm lên đèo.
 Dầu cho gặp lằm hùm beo,
 68. Từ-bi vẫn niệm quyết leo khỏi rùng.

70. Đâu nản chí mà ngừng việc phải,
Cuộc tang-thương biến-cải cảnh trần.
Bực mình đeo-đắm pháp-thân,
Chờ cơn gió tạnh sẽ lần bước ra.
Thấy thiên-tín chan-hòa giọt lụy,
Tâm não-nùng chạnh nghĩ xa vời.
Chim trời dựng ổ chiều mơi,
Bầy con chiu-chít cả đòi nhàn thân.
Còn một đoạn mưa Tần nắng Sở,
Trải qua rồi việc dở hóa hay.
Thế-gian sẽ biết Thánh-tài,
80. Bé-bồng con đại hát bài khai-ca.
Ai mà được trông qua cảnh ấy,
Cội phúc nhà tạo lấy mà nhờ.
Thương đời tả ít lời thơ,
Nẻo tu dân-sự còn chờ dịp nao ?
Phận Tăng-Sĩ nài bao gió bụi,
Miễn xỏ lòng tháo cũi ta-bà.
Theo đòi gương-phẩm Thích-Ca,
Dốc đem tâm chí tâm ra Đạo mầu.
Cả vạn vật chung bầu thế-giải,
90. Vì oán-thù dựng bãi chiến-trường.
Cũng đồng xung bá xung vương,
Tranh quyền đoạt lợi đơm-đương xé giành.
Ta nguyện một lời hành chánh Đạo,
Chẳng phải người thông-thạo hoàn-toàn.
Nhưng mà gắng chí kê vang,
Người ôi ! thức-tỉnh lánh nản tu thân.
Nguồn bạch thủy trong ngàn mát-mẻ,
98. Múc rưới vào độ kẻ chúng-sinh.

- Thần-thông phép Phật muôn nghìn,
 100. Cội lành nắm chặt ắt mình thanh-thoi.
 Nay Tăng-Sĩ có lời kêu gọi,
 Dụng tinh-thần chống-chỏi quỷ tà.
 Đùng cho chúng đến gần ta,
 Nhon-sanh còn hỡi ngà-ngà giặc say.
 Phật, Tiên, Thánh muôn loài vạn-vật,
 Cũng ở trong quả đất dụng gầy.
 Siêu-thăng nhẹ tách đường mây,
 Trầm-luân oan-nghiệt càng gây thêm hoài.
 Ta chí độc tâm đài-nguyệt-kiến,
 110. Cho dương-trần rọi chuyện sai lầm.
 Định thần dẹp hết tà tâm,
 Huồn lai bốn-tánh Thần khâm quỷ nhường.
 Bỏ cái tánh tự cường tự trọng,
 Gẫm cuộc đời cái bóng theo hình.
 Tu-hành đâu kể nhục vinh,
 Ta làm bốn-phận ngạo khinh mặc đời.
 Đầu ngưỡng-vọng đất trời minh chứng,
 Tấm lòng thành quyết dựng Đạo đời.
 Đôi điều hòa-nhã nơi nơi,
 120. Thân này mới chịu ngòi ngòi thạch-bàn.
 Lòng trẻ thảo biết đoàn biết kết,
 Phí xác phàm mê mệt đâu nài.
 Bãng rừng vẹt phá gốc gai,
 Đưa người lương-thiện đến ngay Niết-Bàn.
 Thấy biển khổ đâu an lòng đặng,
 Xông thuyền ra cứu vớt sanh-linh.
 Miễn cho bá-tánh vện mình,
 128. Hết con bệnh tật hết tin đạo tà.

130. Cúi nhờ nước ma-ha mát-mẻ,
Xin Phật ban cho kẻ khát lòng.
Chim khôn thì uống nước trong,
Người khôn mau sớm rửa lòng bợn nhờn.
Đề ma bệnh theo hờ Bén Gót,
Thần chết kia ôm hót bên mình.
Đạo lành sao lại chẳng tin,
Dầu cho thông-thái cũng gìn cốt xưa.
Nỡ đâu lại vầy bừa đồng loại,
Cũng gốc Ngài Thượng-Đế xuống trần.
Quày đầu nghe tiếng chuông ngân,
140. Trở về nơi cũ cho gần Phật, Tiên.
Thấy sanh-chúng quá ghiền cảnh tục,
Nên nhiều lần giục-thúc muôn dân.
Bạch trình giữ lấy nghĩa-nhân,
Muốn về cõi Phật, lập thân cõi trần.
Vượt cảnh khổ muôn phần u-ám,
Ganh, ghét, hờn, thì thảm muôn bề.
Khuyên trong nam nữ chợ quê,
Cúi đầu thiện-niệm trông về Tây-Phương.

NGÂM :

150. *Tu cho kẻ bạo khâm-nhường,*
Đẹp lòng cha mẹ Cửu-Huyền chờ trông.



« ĐÊM NGỒI MỘT MÌNH »

(tiếp theo bài trước)

Riêng phòng vắng-vẽ một mình Ta,
 Đèn điện bật lên ánh sáng lòà.
 Trí não nghĩ suy tuồng biến đổi,
 Tâm hồn liệu-lượng cảnh thay nhà.
 Tai nghe bốn phía xe cùng ngựa,
 Mắt thấy chung quanh vách trắng ngà.
 Cô độc nhưng lòng nô-nức mãi,
 Cố tình kinh-nghiệm những ngày qua.

Nhà thương Chợ-Quán, ngày 30-9 Canh-Thìn.



MƯỜI BÓN THÁNG MƯỜI

Cảnh trời mây mịt vẽ lãng-quảng,
 Mười bốn tháng mười lại khuất trăng.
 Ngẫm việc thiên-cơ càng biến-chuyển,
 Xem chừng địa-lý quá xung-xăng.
 Tư lòng vương-vấn đòi thêm bận,
 Tâm dạ ai-hoài cuộc nhện giăng.
 Biết đó biết đây thời với vận,
 Để ngày kết cuộc khó ăn-năn.

Nhà thương Chợ-Quán, đêm 14-10 năm Canh-Thìn.

(trước khi Cộng-Sản nổi dậy ở Xoài-Hột).



« THAN ĐÒI »

(Chép theo bốn chánh do Đức Ông giữ)

Chạnh lòng nghĩ lại cảnh phiền-ba,
Nghĩ-ngút bợn-nhờ khói vạ tà.
Lăn-lóc phong-trần dày-dạn mặt,
Truân-chuyên bề ái kiếp mây hoa.
Hố sâu chắt chứa người bạc-ác,
Hang thẳm chôn chòng kẻ thiết-tha.
Trời đã hoàng-hôn mau chợt tỉnh,
Tìm đèn Trí-Huệ lánh thân ra.



Lánh thân ra khỏi kéo mang tai,
Tầm nẻo cao siêu đến Phật-đài.
Bến giác Thân, Tiên mau chực sẵn,
Bể mê phàm tục phải cao bay.
Nợ duyên đeo-đắm nơi đòi tạm,
Kiếp số luân-chìm chốn gốc gai.
Rày gặp mưa nhuần ân Thánh-Đế,
Cam-lồ rưới tắt lửa trần-ai.

Nhà thương Chợ-Quán, ngày 3-12 Canh-Thìn.



« TRAO LỜI CÙNG ÔNG TÁO »

(Chép theo bốn chánh do Đức Ông giữ)

1. Đôi lời cặn hỏi Táo-quân ông,
Sắp tính về châu Thượng-giới không.
Nếu có việc trần tâu thẳng lẽ,
Đừng như những kẻ bèn hơi đồng.



5. Đêm ngồi nghĩ hỏi thăm ông Táo,
 Sổ-sách trần ông tính đã xong chưa ?
 Năm Canh-Thìn nhiều trận gió mưa,
 Cho nhơn-loại trăm cay cùng ngàn đắng.
 Còn một tháng trông coi dài-dặm,
10. Chắc hăm-ba theo lệ cũng châu Trời.
 Đêm nay trò chuyện với tôi chơi,
 Thêm dặn trước ít lời ông xin nhớ.
 Táo cười rằng ! có chi nhấn-nhở ?
 Mới hôm nay sao lại gấp quá chừng ?
 Có điều chi lo-liệu băng-khuâng,
 Mà vội-vã dặn-dò tôi sớm vậy ?
 Sãi cả cười, vuốt-ve tấm đũa :
 Sợ ngày về ông bận lắm chè xôi.
 Của chúng-sanh làm lễ vãng hồi,
20. E quên mất những lời tôi gởi-gắm.
 Nên tính trước trao tờ cáo-thảm,
 Cuộc trần-gian đà trải một năm qua.
 Luôn từ ngày Tăng-Sĩ xa nhà,
 Đều uất-kết tâu qua cùng Thượng-Đế :
 Ngày vâng chỉ đảo-lai trần-thế,
 Cõi Trung-Uơng nhằm đất nước Việt-Nam.
 Chọn một chàng tuổi trẻ tục-phàm,
 Mượn tay gã, tờ hoa Thần hạ bút.
 Khuyên bá-tánh tâm Tiên rời tục,
30. Chỉ máy Trời bày tỏ việc về sau.
 Gái cùng trai già trẻ bước vào,
 Đường trí-huê qui-y gìn Đạo-pháp.
 Thần cũng chẳng say mê chùa tháp,
 Chẳng tham tiền, tham vật, món chi chi.

35. Hơn năm dư quyết chí duy trì,
Truyền sanh-chúng phải kính thờ Trời, Phật.
Cũng lắm kẻ phàm-phu sơ-thất,
Vội trêu đùa lũ quỷ ngạo đoàn ma.
Lúc ăn-năn sửa tánh rất thật-thà,
40. Còn lắm kẻ nghinh-ngang theo chọc rôi.
Mượn luật-pháp ẩn trong bóng tối,
Mãi làm điều phi-nghĩa chuyện bất-lương.
Dạ hiểm-sâu không thước đo lường,
Độc phá hoại đường ngay, bôi lẽ trắng.
Thêm lời tiếng thập cao nhẹ nặng,
Làm cho người tu-tĩnh phải xót-xa.
Nên hạ thần kính-cẩn tâm qua,
Xin Ngọc-Đế phân minh giùm trần-thế.
Nay cũng lắm người ưa kinh kệ,
50. Muốn tu mà gặp lúc quá gay-go.
Xác trần còn mắc phải neo dờ,
Giờ rước khách đã ngưng rồi năm tháng.
Thiên-số định cũng chưa quá hạn,
Nên phải còn bận mãi ách nản-tai.
Vọng Thánh-minh đức rạng khắp nhơn-loài,
Ban phước xuống dân lành cho bớt khổ.
Gạo lúa kém là đồ sản-thổ,
Hàng hóa cao, ấy của ngoại-bang vào.
Kẻ nghèo hèn thêm nổi đói, đau,
60. Rất mong-mỏi an-cư cùng lạc-nghiệp.
Oai trời đất, thế-trần khủng-khiếp,
Nhưng ngặt loài thỏ cáo cứ đua tranh.
Lũ sói hùm huơi gút múa nanh,
Cho trăm họ hải-hùng cơn sấm nổ.

65. Thần rún sức ra công khuyến-dỗ,
 Gìn thuần-phong mỹ-tục của Rồng-Tiên.
 Tập ở ăn theo nét Thánh-hiền,
 Lòng tu-tĩnh, dòm Phật-Tiên nội chí.
 Bày tường-tận trước sau chung-thí,
 70. Đòi văn-minh vật-chất bỏ gương xưa.
 Nghiệp Tổ-Tiên con cháu vầy bừa,
 Học thói mới lằng-loàn theo sở dục.
 Khấp thế-giới binh lương cụ túc,
 Quyết tranh-giành quyền-lợi, xé-xâu nhau.
 Thấy nhọn-sanh tuôn giọt máu đào,
 Lòng bác-ái động tình rơi nước mắt.
 Tiếng ai-bi thở than véo-vắt,
 Khấp Đông, Tây, Nam, Bắc chịu ưu sầu.
 Kẻ lương-hiền chờ giọt mưa ngâu,
 80. Người bạo-ngược thừa cơ nguy thủ lợi.
 Ở thị-thiền đua chen xướng-khởi,
 Những tuồng hư, cho bọn gái lẫn trai.
 Nào hút thuốc phiện, hội ve chai,
 Nào trùm-đĩ, ma-cô, nghề hút máu.
 Ai để mắt xem đời chu-đáo,
 Chẳng khỏi than giùm dân-tộc hư hèn.
 Diện áo quần, son phấn lán chen,
 Miễn cho mình được lên xe xuống ngựa.
 Mảng điểm-tô huy-hoàng nhà cửa,
 90. Ai khôn-cùng để mặc đất, trời xây.
 Thấy nhọn gian khuynh-đảo tỏ bày,
 Cho Thượng-Đế lăm tường trong sanh-chúng.
 Bấy nhiêu điều xét xem nhân-chúng,
 Táo đê giùm cho thấu đến Thiên-cung.

95. Còn nhiều điều góm-ghiếc hãi-hùng,
Lấy yếu-lược đôi câu mà trần tố.
Nay cùng ông hữu duyên tương ngộ,
Chúc ông về Thượng-giải được ban khen.
Phân Sĩ-Tăng tay trống miệng kèn,
100. Giác thiện-tín chân-hung nền Phật-giáo.
Nếu chùng nào khai thông đại Đạo,
Đuốc từ-bi rọi khắp cả nhơn-gian.
Bể trầm-luân khô cạn sáu đàng,
104. Tăng-Sĩ mới trở về nơi thanh-tịnh.
Nhà thương Chợ-Quán, ngày 3 tháng chạp Canh-Thìn.



« TỰ THÁN »

(Chép theo bốn chánh do Đức Ông giữ)

1. Vì đâu bốc ngọn lửa Tần,
Mà lòng Tăng-Sĩ như dần nát tan.
Nghĩ mình chọn kiếp con hoang,
Quê-hương rày đã dặm tràng sơn-xuyên.
Tổ-đường còn một cảnh huyên,
Từ-đường hôm sớm luống phiền chờ trông.
Hai em thiếu trí thơ-đồng,
Chị đà an phận theo chồng đàng xa.
Từ mang một tấm áo dà,
10. Mùi thiên đã thấm ơn nhà lọt phai.
Sống sanh ra phận râu mày,
Một đời một Đạo đến ngày chung thân.
Tuy là xa cách cố nhân,
Nơi đời trứu-mên sớm gần cửa không.

15. Từ-bi buộc chặt cõi lòng,
 Còn ơn cúc-dục để hòng mai sau.
 Bể trần sóng cuộn lao-xao,
 Xông thuyền bát-nhã lướt vào một phen.
 Quán chi lực kém tài hèn,
20. Dù đời bạc-đãi ngọn đèn cứ nêu.
 Soi từ đài các xá lều,
 Cho người truy-lạc biết điều nghĩa-nhân.
 Tài, tai hai chữ cân phân,
 Trời ban họa phước một lần cho ta.
 Mắt đen thấy mắt trắng lòà,
 Phật ma, ma Phật mới ra vỡ tuồng.
 Trời già tay khéo, khéo luôn,
 Sắp chi chua ngọt pha buồn lẫn vui ?
 Năm canh luống những sứt-sùi,
30. Cám trong nhân-chúng lắm người dờ-dang.
 Sầu chung Ta cất tiếng than,
 Phù-sinh kiếp có đoạn tràng thì thôi.
 Bon bon chuông giục mấy hồi,
 Râm râm sấm nổ trên đời xa xa.
 Đầu canh tiếng động bên nhà,
 Chờ ba canh một thì gà gáy tan.
 Ngày xuân cách cội xa làng,
 Người quê Quán-Chợ như toàn linh-đình.
 Vừa cơn sóng gió bất bình,
40. Số trời đã định phận mình biết sao.
 Ngày xưa mấy bực yên-hào,
 Vào sanh ra tử dạ nào trách than.
 Thân này đã ngấm trầm nhang,
 Vui câu bác-ái bền gan đợi chờ.

45. Đêm khuya vắng lặng như tờ,
Vài hàng nhủ hết chóng ngo-ngẩn lòng.
Gắng tình đừng lăm ngóng trông,
Hung-tinh sao ấy trời Đông lờ-mờ.
Hèm vì mắc lá thiên-thơ,
50. Đôi điều ghi chép cõi bờ chưa xong.
Thôi thì lòng dặn lấy lòng,
Gẫm đây đến cuộc mây rồng chẳng xa.
Đêm khuya lác-đác sương sa,
Phòng khuya lạnh-lẽo có Ta với phòng.
Gật-gù suy cuộc hưng vong,
Quyết xoay máy tạo gánh gồng chưa yên.
Trí thần nhớ đến tiếng quyên,
Gọi hồn cố-quốc sầu riêng một mình.
Trầm-ngâm vẽ mặt làm thính,
60. Tựa mình bên gối giấc quỳnh đã say.
Mơ tiên hồn muốn vụt bay...

Nhà thương Chợ-Quán, tháng Chạp năm Canh-Thìn.



« **TÌNH BẠN TRẦN-GIAN** »

(Chép theo bản chánh do Đức Ông giữ)

1. Nghiệp chướng lãng-loàn hại xác thân,
Chuông lành buông tiếng vọng bon ngân.
Cương-thường gánh nặng trai gìn trọn,
Tơ-tóc vai quần gái vện phân.
Nợ nước văn-chương toan báo-đáp,
Ởn nhà đạo-đức quyết đền ân.
Khuyên người trí-sĩ mau mau tỉnh,
8. Giấc mộng nam-kha chốn thế-trần.

- Thế-trần tạm giả gạt đời ta,
 Lướt khỏi sông mê khỏi ái-hà.
 Nhân-ngã, ngã-nhân đừng cách biệt,
 Sắc không, không sắc chớ lìa xa.
 Diệu-huyền chơn-lý noi đường sáng,
 Ảo-thuật tà tâm kiếm nẻo ra.
 Lóng-lánh gương xưa lời Phật dạy,
 16. Hồng-trần ái-dục giết tài-hoa.



- Tài-hoa cho lắm, lắm nản-tai,
 Truy-lạc phong-trần chốn gốc gai.
 Nếu đã tỉnh tâm tâm lẽ thẳng,
 Cũng nên rèn tánh gặp đàng ngay.
 Sân si phỏng có điều thêm bận,
 Nhẫn-nhịn ắt không chuyện kéo dài.
 Tiếng gọi hồn mê hồn được giác,
 24. Phải toan sắm-sửa rút trần-ai.



- Trần-ai chỉ có thú phong-lưu,
 Tranh-đấu thành ra mãi oán cừ.
 Chung cuộc chỉ mang câu thất vọng,
 Xong đời ghi chất mối sầu-ưu.
 Cổ kim máy tạo nhiều huyền-bí,
 Lão ấu xây vắn lắm mẹo mưu.
 Cũng chẳng cướp xong quyền võ-trụ,
 32. Mà còn đeo-đắm thú phong-lưu.



Phong-lưu nào phải gọi người ngoan,
 Sa-ngã biến nên kẻ khốn-nàn.

Ngày đến, đến đi đâu kéo ngược,
Năm về, về mãi chẳng ngừng ngang.
Tuổi già thân yếu đa sầu cảm,
Tóc bạc mình ve lấm rộn-ràng.
40. Biết được trần-gian là mộng huyễn,
Tử thần sửa soạn kéo vào quan.



Kéo vào quan-quách biết bao người,
Cảnh sống sum-vầy phỏng mấy mươi ?
Lắm lúc đua chen vui lẫn giận,
Nhiều khi vùng-vẫy khóc pha cười.
Tuồng đời chuốt-ngọt cho xong tiếng,
Cuộc thế trau-giồi mượn tác hơi.
48. Nín thở nằm ngay không chựa quậy,
Xót thương con trẻ khóc đôi lời.



Đôi lời kể lại nỗi hàn-huyên,
Ma lớn chạy to phí lắm tiền.
Tưởng vậy xác thân đa hạnh-phúc,
Nào hay hồn-phách lấm oan-khiên.
Thiên-đường siêu-thoát thời thông-thả,
Địa-ngục trầm-luân ắt đảo-điên.
56. Nên chọn một nơi thanh-tịnh ấy,
Rút trần bắt nhiễm mới là yên.



Mới là yên-ổn lánh trần-gian,
Chí-nguyện tiêu-diêu cảnh Phật-đàng.
Diệu-pháp chuyển thân vô sự thế,
Huyền-thông hóa kiếp chẳng lo toan.

64. Tâm linh mắt thánh xem ba cõi,
Tánh hiển tai thần lóng bốn phang.
Phổ-tế chúng-sanh qua bề khổ,
Di-Đà miệng niệm lánh trần-gian.



- Trần-gian khói lửa với đao binh,
Chư Phật sớm bày phép hiển-linh.
Cứu khổ Nam mô vô lượng phước,
Diệt nản tu-ri hữu thiên kinh.
Sóng xao dương-thế nhiều cay đắng,
Gió cuốn trần-gian nổi bất bình.
Tín-nữ thiện-nam gìn môi Đạo,
72. Dầu cho lăn-lóc rán kiên-trinh.



- Kiên-trinh mà chịu lúc nản-tai,
Dẫu có gian-nan dạ chớ nài.
Vàng đá bao phen cơn nước lửa,
Chì thau lắm chuyện lúc non hài.
Bền gan chờ đợi ngày sum-hiệp,
Gắng chí trông mong bữa tiệc khai.
Thiên địa tuần-huòn gom một mối,
80. Phàm-trần vẹn kiếp kiến Bồng-Lai.

Nhà thương Chợ-Quán, tháng chạp năm Canh-Thìn.



Đức Thầy gọi Ông MƯỜI (chú Đức Ông)

*Ngày Tết đến, nương mực viết thay lời, trước kính
bái tông đường, sau chúc mừng ông bà đặng muôn điều
hạnh-phúc. Sau có hai bài thơ, xin ông xem chơi cho rõ
điều tâm sự:*

Xuân đến chúc mừng tuổi thúc ông,
Đàng xa không thể viếng môn tông.
Câu thơ cao-hứng thay bầu rượu,
Bài phú vui mừng thế chậu bông.
Đạo-đức gắng công nên cách mặt,
Văn-chương rèn chí chẳng phai lòng.
Ở nhà tạm gác sau này trả,
Xin bớt đau lòng bớt ngóng trông.



Trước đã đem thân hiến Phật đài,
Chắc rằng sẽ được buổi trùng-lai.
Ra công khai-hóa vì nhân-chúng,
Nhọc sức mở-mang bởi cốt-hài.
Sanh đáng nam-nhi toan xử thế,
Sống làm hiền-triết nghĩa gồm hai.
Thuận-hòa trăm họ đời an-lạc,
Chùng ấy xe tiên thế dép giày.

Nhà thương Chợ-Quán, tháng Chạp năm Canh-Thìn.



MUỘN CÂY ĐUỐC HUỆ

1. Phụ-mẫu thâm ân vô lượng kiếp,
Quân-thần nghĩa trọng hữu thiên niên.
Vận phải bã trăm điều chua chát,
Thời đáo lai muôn chuyện ngọt ngon.
Nghĩ cuộc đời mà chan-chứa nỗi hao mòn,
Xem cảnh thế luống xót-xa niềm chích mát.
Đời này như thế người kia cũng thế,
8. Làm sao mà tránh khỏi việc làm-than.

- Sống tranh đua khi chết cũng xương tàn,
 10. *Cho nên*: Mượn được huệ đánh tan mùi tục lụy.
 Buồn voi mượn bút tay đề,
 Tu-hành tâm đạo dựa kê Tiên-bang.
 Nào nào trần-thế có sang,
 Sắp đều đau khổ nghèo nàn hỡi ai !
 Thảm trong thế-sự ngày nay,
 Lắm điều lao-lý quá dài gian-nan.
 Một tay tá quốc an bang,
 Nước nhà vững đặt Hớn-đàng hiển-vinh.
 Bây giờ phải mượn kệ kinh,
 20. Dắt-diu trần-thế mặc tình nghe không.
 Kêu thằng hay gọi là ông,
 22. Cũng không có muốn ai hòng tôn-ti.

*Nhà thương Chợ-Quán, tháng Chạp năm Canh-Thìn.
 (Bài trên đây Đức Thầy gửi về nhà, một lượt với 2
 bài thơ gửi Ông Mười).*



NHỎ BÀN THÔNG-THIÊN

*(vì sợ liên-can vụ “Đạo Tưởng” ở Tân-Châu,
 thuộc tỉnh Châu-Đốc)*

Đạo ác xảy ra rất thảm phiền,
 Làm cho dân sự nhỏ thông-thiên.
 Xô ngang ít bữa rồi trông lại,
 Thần Thánh đi xa khó rước liền.

Hòa-Hảo, hạ tuần tháng Giêng năm Canh-Thìn.



**NHỮNG BÀI SÁNG-TÁC
NĂM TÂN-TY
(1941)**

NĂM TÂN-TY (1941)

**Chúc xuân ông Thầy thuốc TRẦN-VĂN-TÂM
làm việc tại Nhà thương Chợ-Quán.**

Tràng pháo vang-vây đến rước xuân,
Chúc ông năm mới chữ vui mừng.
Trăm điều phúc-lộc vừa đem lại,
Muôn chuyện nhàn-cư đến chẳng ngưng.
Tộc-họ cùng chung gìn nghiệp cũ,
Gia-đình sum-hợp giữ thường-luân.
Thanh-liêm một mực tròn hơn-cách,
Rạng vẻ non sông tiếng lẫy-lừng.

Nhà thương Chợ-Quán, Tết năm Tân-Ty (1941).



« NGÀY TẾT »

1. Tháng lụn ngày qua năm đã tàn,
Trẻ già nô-nức đón xuân sang.
Chờ coi năm mới hên hay chẳng ?
Chóng đạt công-danh kéo muộn-màng.



8. Ngày Tết đến rồi các bạn ơi,
Tổ-Tiên truyền lại mấy ngàn đời;
Ước-ao xuân mới bằng xuân cũ,
Thanh-bạch tâm-hồn cuộc thành-thời.



Này hỡi chúa xuân Ta rán chờ,
 Khỏi ngày thảm lệ buổi nguy cơ.
 Pháo tan xác pháo rền rang nhĩ,
 Khói bốc đường mây áng mịt-mờ.



16. Thời giờ kinh hãi sẽ đi qua,
 Thế-giới trì xong cuộc thái-hòa.
 Chùng ấy chúa xuân thêm tráng-lệ,
 Huy-hoàng tục cổ của ông cha.



24. Thiên-hạ đua nhau rẳng mới mới,
 Lòng Ta nào thấy mới chi đâu.
 Lao-xao phố chợ hoành đôi tấm,
 Rộn-riệp cửa nhà liễn mấy câu.
 Lũ trẻ cười reo pha tiếng pháo,
 Cụ già đùa chuyện lẫn năm châu.
 Nào dè xuân ấy là xuân gượng,
 Cửa buổi loạn-ly gọi thảm-sầu.



32. Lộp-bộp pháo chi nổ quá ồn,
 Khắp cùng thành-thị khắp hương-thôn.
 Người dư của-cải tiêu xa-xí,
 Kẻ thiếu tiền-nong nợ mắc đồn.
 Ba bữa cờ trương còn hớn-hở,
 Bảy ngày nêu hạ hết lo nôn.
 Thì ra năm mới như năm cũ,
 Cảnh khó dân đen vẫn tự tồn.

(Chép theo bản chánh do Đức Ông giữ).



CẢNH XUÂN

Kiểm vật khoe màu đua sắc tươi,
Cảnh hoa hé nở tựa như cười.
Xuân về cảnh đẹp càng thêm vẻ,
Dám hỏi Đông-Hoàng tuổi mấy mươi ?

Nhà thương Chợ-Quán, Tết năm Tân-Tỵ.



ĐI TRÌNH-BÁO

(Lúc Đức Thầy về Bạc-Liêu ở nhà ông Võ-Văn-Giỏi thì nhà cầm quyền buộc phải đi trình-diện tại bót cò mỗi tuần một lần, vào ngày thứ hai).

Việc chi mà phải đi trình-báo ?
Mỗi tháng bốn kỳ nhọc căng ông.
Đội máy huyền-cơ xây đến mức,
Tính xong cuộc thế lại non Bông.



Thứ hai bưng sáng mưa tầm-tã,
Lính đứng ngoài đường giục-giã ông.
Kiếp khách trần-gian vay lăm nợ,
Để đèn tròn nghĩa với non sông.



Người cười, người nhạo bảo ông điên,
Ông chẳng giận ai, cũng chẳng phiền.
Chỉ tiếc trần-gian đùa quá vội,
Chưa tường điên tục hay điên tiên.

Bạc-Liêu, 6-6 Tân-Tỵ (30-6-41).



TẠM NGỪNG LÝ-LỄ

(vì nhà cầm quyền ở Bạc-Liêu buộc ràng, dòm ngó)

Gặp lúc truân-chuyên lắm buộc ràng,
 Cảm tình bồn-đạo tiếng riêng than.
 Tạm ngưng lý-lễ trong cơn túng,
 Xin chớ ưu-sầu cuộc dở-dang.



Nghĩ cuộc đời lương-tâm càng cố-gắng,
 Lòng Ta sao rối-rắm cuộc tầm-tơ.
 Vì đâu nên nổi hăng-hờ,
 Vói người tha-thiết đợi chờ ngoài song !

Bạc-Liêu, 20-6 Tân-Tỵ (14-7-41).



VỊNH QUẠT MÁY

Khoa-học đời nay thật khéo cho,
 Bày ra cái máy chạy vo-vo.
 Tranh quyền tạo-hóa nông thay lạnh,
 Đông-Á lần hồi phụ quạt mo.



Có tiền mua lấy cũng nên cho,
 Tủ sắt còn đầy còn gió vo.
 Nhưng ngặt khan dầu e hết điện,
 Trở về lối cũ lượm cau mo.



Cau mo chùng ấy đất tiền cho,
 Ngóng cổ thêm dài hút gió vo.

Chủ khách ngẩn-ngơ cơn nóng bức,
Thôi thì “toa mả” tạm dùng mo.

Bạc-Liêu, 21-6 Tân-Tỵ (15-7-41).



VỊNH CON BEO ĐÁ

(để chung tại nhà ông Võ-Văn-Giỏi ở Bạc-Liêu)

Beo ơi, beo hỡi là beo !
Gần cộp sao mi lại giống mèo ?
Ngóng cổ chờ ai đem thịt tới ?
Hay chờ gạt chó cướp đàn heo ?

Bạc-Liêu, ngày 1-6 nhuận Tân-Tỵ (24-7-41).



Cho ông HẠNH, rể của ông VÕ-VĂN-GIỎI (ở Bạc-Liêu)

Đó rán tầm đường đến cảnh Tiên,
Thú vui phong-nguyệt lắm ưu-phiên.
Lòng phàm rửa sạch niềm nhân-ngã,
Phước Phật trau-giồi kết thiện-duyên.



Thiện-duyên ấy cũng tại nơi ta,
Hộ niệm oai linh Đức Phật-Đà.
Sớm, tối, đi, nằm, y chánh-pháp,
Thầy nguyện dắt đến cảnh Long-Hoa.

Bạc-Liêu, ngày 1-6 nhuận Tân-Tỵ (24-7-41).



VÌ SANH-CHÚNG

Vì nghiệp trần mê hay bởi ai ?
 Tâm, can, tì, phé, thận đau hoài. ⁽¹⁾
 Hay vì sanh-chúng còn lao-lý,
 Nguyệt uống cho đời chén thuốc cay.

Bạc-Liêu, ngày 6-6 nhuận Tân-Tỵ (29-7-41).



NGŨ NGÔN CÁCH CÚ

Đã trải hai năm dư,
 Mang một túi đồ-thư.
 Lòng hằng mong phổ-hóa,
 Dụng đủ cách thanh từ.



Muốn khai kinh thả cá,
 Trời chưa cho thỏa dạ.
 Gặp buổi quá thâm-u,
 Đòi đầy câu nhơn-ngã.



Sóng bề cuộn phương Đông,
 Chùng nào mới cho xong.
 Câu ấy nhơn-dân hỏi,
 Phải chờ lệnh Thiên-công.



⁽¹⁾ *Lúc Đức Thầy còn ở Bạc-Liêu, Ngài thường đau ốm không thuốc nào trị được.*

Tại sao Ta lại đau ?
Quyết trị liệu phương nào ?
Bệnh ni là tâm bệnh,
Để hết được đi sao ?

Bạc-Liêu, ngày 6-6 nhuận Tân-Tỵ (29-7-41).



MONG CHỜ

Tây-Phương chư Phật cảm ta-bà,
Chuyên pháp độ đời khỏi đọa-sa.
Mong-mỏi chúng-sanh đồng mật niệm,
Vọng-cầu thế-giới dứt can-qua.



Can-qua binh lửa sát sanh-linh,
Khẩn bách Quan-Âm trút tịnh bình.
Giọt nước lành dương mau tưới tắt,
Cứu đời an-lạc hết giao chinh.



Lòng người muốn khỏi họa đao-binh,
Nhưng Phật chờ oai sắc Ngọc-đình.
Trị tội cho xong loài ác-bạo,
Công-đồng thưởng phạt hết đao-binh.

Bạc-Liêu, ngày 6-6 nhuận Tân-Tỵ (29-7-41).



NIỆM DI-ĐÀ

Mắt nhìn trần đỏ niệm Di-Đà,
 Nguyện vái thân này khỏi đọa-sa.
 Muôn đạo hồng quang oai Đức Phật,
 Soi đường minh-thiện đến Long-Hoa.

Bạc-Liêu, ngày 10-6 nhuận Tân-Ty (2-8-41).

*(Bài trên đây Đức Thầy viết ra để cho anh em tín-đồ
 nguyện trước khi niệm Phật).*



Cho Ông VÕ-VĂN-GIỎI ở Bạc-Liêu

Hào-quang chư Phật rọi mười phương,
 Đạo-pháp xem qua chớ gọi thường.
 Chuyên-chú nghĩ suy từ nét dấu,
 Cố công gìn-giữ tánh thuần-lương.

Bạc-Liêu, 20-7 Tân Ty (11-9-41).

(Bài này cũng có ở trong quyển Khuyến-Thiện).



GIẢI-THOÁT CỬU-HUYỀN

Rán tu đặc đạo cứu cửu-huyền,
 Thoát chôn mê-đồ đến cảnh Tiên.
 Ngõ đáp ơn dày công sáng-tạo,
 Cho ta hình vóc học cơ-huyền.

Bạc-Liêu, 21-8 Tân-Ty (11-10-41).



TỘI VỚI THIÊN-HOÀNG

Chúng-sanh đắ tội với Thiên-Hoàng,
Đạo-lý chẳng gìn ở dọc ngang.
Nên mới gây ra trường thảm-họa,
Làm cho lê-thứ chịu làm-than.

Bạc-Liêu, 22-10 Tân-Tỵ (10-12-41).



MẤY ĐOẠN TƯ LÒNG

Theo lời ông Hương-bộ Thanh thì trong khi Đức Thầy ở Bạc-Liêu, ông ở Nhơn-Nghĩa (Cần-thơ) hăng-hái đi cô-động cho người ta vào Đạo.

Khi được lệnh Đức Thầy bảo đừng đi hoạt-động nữa, ông buồn lắm. Nhơn thấy người tá-điền đem cho một trái sầu riêng, ông tức cảnh làm bài thi dưới đây rồi cho bà Hương-bộ đem đến Đức Thầy.

Đức Thầy trả lại ông bài thơ “Trái sầu riêng” và có cho thêm bài “Mấy đoạn tư lòng” như dưới đây:

TRÁI SẦU RIÊNG

Thân hình gai góc nghĩ càng thương,
Thật trái sầu riêng báu của vườn.
Lắm kẻ chê bai rằng nhám-nhúa,
Nhiều người yêu-chuộng tại mùi hương.
Giúp đời trái dạ con khao-khát,
Đỡ chủ tàng che lúc nắng sương.
Trinh bạch tấm lòng trời đất rõ,
Đình-ninh dạ trắng núi sông tường.

MÁY ĐOẠN TƯ LÒNG

Mấy đoạn tư lòng mấy đoạn đau,
 Muôn dân ngơ-ngẩn đợi mưa dào.
 Thiết-tha thiện-tín cầu cầu nguyện,
 Vui-đẹp dạ Thầy luống ước-ao.
 Lòng người muốn vậ trời chưa vậ,
 Cuộc thế xây vắn đất phụ sao ?
 Nhẫn nhẫn cho rồi câu bĩ-cực,
 Thời lai sẽ được cảnh tiêu-dao.

Bạc-Liêu, năm 1941.

(Theo lời ông Hương-bộ thì Đức Thầy còn gởi thêm 2 bài tứ cú đăng nơi trang 417 mà Đức Thầy cho rỏ ông Võ-Văn-Giỏi ở Bạc-Liêu).



TƯ TƯỞNG

Khuyên niệm Phật than rằng chưa rảnh,
 Lúc bắt hồn mắc việc cũng đi.



Chấp tay niệm Phật Di-Đà,
 Lòng ta, ta biết ai mà mặc ai.



Cuốn sổ bình-sanh công với tội,
 Chờ nơi thẩm-phán sẽ cung-khai.



Thất đức thì ma quỷ rối-loàn,
 Tu đức thì ma quỷ tiêu-tan.



Phải rán tu đặng mà chết,
Chớ đừng để chết đến mà chẳng có tu.

Bạc-Liêu, 22 tháng 10 Tân-Tỵ.



VỌNG BẮC HÒA NAM

1. Lâm san rày đã rời ra,
Đạo trong lê-thứ vậy mà xét-soi.
Bàn với luận đặng coi chơn-lý,
Lậu cơ trời thiên-ý bày ra.
Thấy đời Ta cũng thiết-tha,
Chiến-tranh ngoại-quốc hằng-hà lụy roi.
Bị danh lợi xe lôi tình nghĩa,
Mới tranh-giành xoi xĩa cùng nhau.
Phơi thây mà chẳng núng-nao,
10. Tranh cùng với đoạt chùng nào mới thôi.
Hạ-nguơn lao khổ lắm ôi !
Tu sau mới được qua đời chông gai.
Lo bồn-phận thảo ngay trọn vẹn,
Chùng lập đời không thẹn tấm thân.
Câu quân lý tứ ân chạm dạ,
Nếu chẳng gìn phải đọa đừng than.
Chùng nào tiếng sấm nổ vang,
Thất-sơn lộ vẻ đèn vàng báu thay.
Chọn bến nước rủi may trong đục,
20. Nếu chân-chờ lục-đục trở chơn.
Yêu đời Ta dạy làm ơn,
Lời Ta khuyên nhủ như đèn Bá-Nha.
Trong bồn-đạo gần xa ghi nhớ,
Phải thi hành phận tớ cho xong.

25. Để sau đến việc long-dong,
 Xác thân khó thấy Mây RỒNG hội kia.
 Chữ trung-tín chạm bia trước mộ,
 Người phượng-thờ đặng độ chúng-sanh.
 Trả nợ thế nghĩa-ân trọn vẹn,
30. Cảnh non BỒng kỳ hẹn ngày kia.
 Chúng ham làm chức nấc-nia,
 Ngày sau như thể vô địa quên nôm.
 Nay nhằm lúc đêm hôm vắng-vẻ,
 Muốn tu-hành lặng-lẽ mà nghe.
 Thử yên-lặng để ve nó gáy,
 Gáy ít điều rõ máy thiên-cơ.
 Người khôn nghe nói ngẩn-ngờ,
 Người ngu nghe nói mãi ngờ Khùng Điền.
 Kẻ chẳng mến tình riêng hay ghét,
40. Ta tu-hành hay mét làm chi.
 Hồ thay cho bực tu-mi,
 Thân mình chẳng vẹn vậy thì không lo.
 Để đến việc dang lưng mà chịu,
 Ai biết điều sớm liệu cho xong.
 Miệng sự thế nhiều ông kiêu-hãnh,
 Ta dạy đời chẳng rảnh mà tranh.
 Gió đưa nhằm lúc đêm thanh,
 Lời Ta dạy-dỗ như hành gheo chim.
 Gắng công mài sắt nên kim,
50. Những câu huyền-bí rần tìm cho ra.
 Viết ít câu ngâm-nga thời-thế,
 Ta khuyên đời như kế Trương-Lương.
 Tắm thân nào nại gió sương,
 Thương-yêu lê-thứ lo lường năm canh.

55. Nếu ai muốn luận-tranh đạo-đức,
Ta cho đòi một bức thi ca.
Hết gần rồi lại nói xa,
Nói cho sanh-chúng rõ mà người chi.
Dân với chúng còn nghi mãi-mãi,
60. Đạo tu-hành nói phải mà nghe.
Ngàn năm đạo-lý vắng hoe,
Bị người Thần-Tú bày chèn cùng xôi.
Kinh với sách ngoài môi nó tụng,
Đạo suy-đòi bại-lụn vì ai.
Đem nguồn chơn-lý bằng nay,
Ta thương dân-chúng lạc-loài giống xưa.
Mặc ý ai ghét ưa, ưa ghét,
Định tâm thần xem xét thể nao.
Dạy đời chẳng nệ công-lao,
70. Khuyên người danh lợi chớ rào làm chi.
Ngày sau đến việc sàu-bi,
Thương đời Ta mới làm thi khuyên đời.
Còn ần-nhẫn đợi thời chưa đến,
74. Nên phải làm kẻ mền người khinh.

Bạc-Liêu, năm Tân-Tỵ.



Ông PHAN-CHÂU-BÁ (Long-Xuyên) hỏi :

Tang-bồng nợ ấy trả sao xong ?
Chí độc từ-bi cõi tác lòng.
Nhơn-đạo còn mang chưa xử trọn,
Nghĩ sao giải-thoát nợ tang-bồng ?



ĐỨC THẦY đáp họa :

Đành rằng nợ thế trả chưa xong,
 Mà biết ăn-năn sửa lấy lòng.
 Niệm chữ Di-Đà tan chướng-nghiệp,
 Thuyền từ Thầy rước lại non Bồng.



Non Bồng Tiên Phật xót nhân-sinh,
 Trí-huệ trau-giồi khán kệ kinh.
 An phận hơn bề danh lợi tạm,
 Tề gia trung hiếu vẹn thân mình.

Bạc-Liêu, năm Tân-Ty.

**BÀI NGUYỆN****TRƯỚC BÀN THỜ CỬU-HUYỀN**

1. Đầu cúi lạy Cửu-Huyền Thất-Tổ,
 Ngõ đáp ơn báo-bổ sanh-thành.
 Nay con qui Phật tu-hành,
 Cửu-Huyền Thất-Tổ lòng lành chứng tri.
 Lời Phật dạy từ-bi bác-ái,
 Dạ nhơn-từ quảng đại mở-mang.
 Hiếu-trung con giữ vẹn toàn,
 Từ rày chẳng dám lãng-loàn như xưa.
 Sau hưởng đặng phước thừa của Phật,
10. Hồn nhẹ-nhàng vượt khỏi tử-sanh.
 Nguyện đem công-quả tu-hành,
 Cứu trong Tông-Tổ vãng-sanh liên-đài.

Về Phật-quốc ngày ngày an lạc,
Cả giống-dòng giải-thoát luân-trần.
Rồi đem đạo-pháp huyền-thâm,
Độ trong sanh-chúng hết lăm hết mê.
Cả vạn-vật đồng về Phật-cảnh,
Chẳng luyến trần ảo-ảnh gạt lường.
Nguyện cầu chư Phật mười phương,

20. Niết-Bàn tịch-tĩnh là đường vô-sanh.

(Bài này Đức Thầy viết tại Bạc-Liêu lối cuối năm Tân-Ty, nhưng vì thấy nó hơi dài nên Đức Thầy viết bài khác chỉ có 12 câu cho anh em bốn-đạo học mau thuộc. Ấy là bài “Cúi kính đưng hương trước Cửu-Huyền”).



NÉM CẤP-BẰNG

Lấy cái cấp-bằng ném xuống sông,
Thôi, thôi ! tôi cũng “mét-xì” ⁽¹⁾ ông.
Tuồng đòi găm lại “nơ quô rên” ⁽²⁾,
“Xăng phú ba manh” ⁽³⁾ trở lại đồng !

Bạc-Liêu, năm 1941.



(1) *Merci.*

(2) *Ne vaut rien.*

(3) *S' en f... pas mal.*

**NHỮNG BÀI SÁNG-TÁC
NĂM NHÂM-NGŨ
(1942)**

NĂM NHÂM-NGŨ (1942)

Cho THẦY ĐỘI GIÀU ⁽¹⁾

Chúc thầy trong năm mới,
Đạo tâm càng phấn khởi.
Mở rộng cửa từ-bi,
Giúp người đang mong đợi.



Mong đợi được tu-hành,
Thầy nên giảng việc lành.
Cho người mê giác-ngộ,
Là phở-tế chúng-sanh.



Chúng-sanh đang thăm-đạm,
Bởi tội ác gây ra.
Bần-tăng thường khấn-nguyện,
Mong trăm họ thái hòa.

Bạc-Liêu, Tết năm Nhâm-Ngũ (1942).



⁽¹⁾ *Thầy đội Giàu là nhân-viên giúp việc sở Mật-Thám Bạc-Liêu và thuộc phái Tịnh-Độ Cư-Sĩ.*

Cho ông TRẦN-QUAN-HẠNH

TRẦN tâm rút sạch cuộc mê-si,
 QUAN sát Đạo màu nẻo ẩn vi.
 HẠNH đức vun bồi thêm rạng tỏ,
 Thoát phàm theo dõi gót Từ-Bi.

Bạc-Liêu, Tết Nguyên-Đán năm Nhâm-Ngũ (1942).



THỨC TỈNH MỘT NỮ TÍN-ĐỒ ở Bạc-Liêu

1. Trót đã qui-y giữa Phật-đài,
 Nguyên rằng đệ-tử dứt trần ai.
 Mong nhờ đuốc huệ soi đường tối,
 Chớ nhiễm nghiệp phiền chớ đắm say.



- Đắm say một phút cội lành xa,
 Sớm tỉnh trì tâm chống quỷ tà.
 Dối gót theo Thầy nương Phật-cảnh,
 8. Vui-vầy xem hội, hội Long-Hoa.



Long-Hoa Tiên-Phật đảo ta-bà,
 Lừa-lọc con lành diệt quỷ ma.
 Nếu mãi mê-man mùi tục-lụy,
 Linh-hồn chìm đắm chốn mê-hà.



- Lòng Thầy chua xót ruột Thầy đau,
 Nghe được lời khuyên tỉnh với nào !
 Kiếm huệ dứt xong rồi quả báo,
 16. Lo gì cửa Phật chẳng chen vào.

Cuộc trần, ôi quá khổ !
Trường đở đen là chỗ nhuộm-nhơ.
Biết bao người vì nó phải bơ-vơ,
Sự-nghiệp hết gia-đình tan-nát.
Sớm tỉnh-ngộ lên đường giải-thoát,
Lánh xa trường đồ-bác chó chen chân.
Nếu lỡ cơ mua tảo bán tần,
24. Thân-trí cực, nợ lần-khôn chẳng dứt.

Chi cho bằng :

Qui-y thì khá làm y,
Giữ lòng thanh-tịnh từ-bi giúp đời.

Bạc-Liêu, 6-3 Nhâm-Ngũ (20-4-42).



Cho ông CÒ TÀU HẢO (Sài-Gòn)

Nam Mô Bôn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật,
Cung kính Phật, cung kính Pháp, cung kính Tăng.
Tam-qui ngũ-giải lòng hằng gìn theo.
Chúc ông toàn nhĩ vững lèo,
Qua bờ giác-ngạn sớm treo gương mầu.
Nơi cõi tạm sông sâu bể khổ,
Làng ngựa xe cá-m-đỗ tao-nhân.
Gây ra lắm nợ phong-trần,
Luân-hồi sáu nẻo khôn lần bước ra.
Rày tỉnh ngộ ái-hà quyết dứt,
Đèn đạo tâm sáng rực soi đường.
Cầu tu cho đạt ngũ-hương,
Hươi gươm trí-huệ Ma-vương hải-hùng.

Làm cho chúng phục tùng chơn-ly,
 Trong sắc-thân giám-thị lục căn.
 Đùng cho chúng tính lãng-quảng,
 Ngoài thì chấp thủ mà ngăn lục trần.
 Phá ngũ uẩn rút lần tham ái,
 Cội sân-si cũng phải tảo trừ.
 Dem về giác-tánh chơn-như,
 Kim-thân thị hiện dứt trừ tử sanh.
 Dem tâm hồi hướng gốc lành,
 Làm tôi Phật-Tổ chí thành chí chơn.
 Dầu mắc phải mưa đơn gió kếp,
 Cũng chuyên trì mà đẹp gai chông.
 Ngày nào đắc được lục thông,
 Vớt hồn cha mẹ, tổ-tông bảy đời.
 Về Cực-Lạc thanh-thoi an dưỡng,
 Ấy là ngày ban thưởng công tu.
 Chúc cho đó vệt mây mù,
 Vững-vàng bất thối công-phu vương tròn.
 Đến ngày biên cạn non mòn,
 Tứ ân đã trả chẳng còn tội căn.
 Nay ông nhập tự làm tăng,
 Trước sau tuy khác thiện-căn vẫn đồng.
 Lắng tai nghe được tin hồng,
 Tờ hoa ít chữ gọi lòng chia vui.

Bạc-Liêu, ngày 25-4 Nhâm-Ngũ (8-6-42).



CẢM TÁC

(Đức Thầy cảm tác viết bài này vì ông Nguyễn-Văn-Ngo ở Bạc-Liêu nghi Ngài cản-trở việc ông muốn kết nghĩa thông-gia với ông kỹ Giỏi ở Bạc-Liêu)

1. Ngồi mà ngẫm nghĩ chuyện xưa,
Thánh-Hiền chẳng biết sao vừa lòng dân.
Đem thân mà rút nợ trần,
Nợ trần đâu khéo chân-ngân chun ra.
Nhìn đời lụy muốn ứa sa,
Thế-gian đui tối nửa ma nửa người.
Muốn reo vang một tiếng cười,
Nhưng lòng chẳng nở khi người mê-si.
Đâu thông pháp-luật từ-bi,
10. Gán cho Tăng-Sĩ làm chi sự đời.
Con thuyền bát-nhã xa khơi,
Dầu cho sóng gió rã-rời cũng cam.
Thường nhờn là tánh tục phạm,
Biết đâu tội phước luận-đàm tương-lai.
Tình trường đầy dẫy thi-hài,
Lạ gì chẳng biết những bài học xưa.
Thánh-nhơn còn hời răn chừa,
Huống chi Phật-Đạo tam thừa qui mô.
Sa-môn chí những tín-đồ,
20. Mai-dong cản mối tựa hồ góm-ghê.
Một là gây nghiệp trần-mê,
Hai là tan-nát phu-thê một đời.
Lòng Ta trong sạch người ơi,
Người sao chẳng xét luận lời phi ngôn.

25. Cờ nguy ngựa chót đánh đòn,
 Trước sau cũng chữ vong-tồn an nguy.
 Tỏ lời tâm huyết lâm-ly,
 Mong ai ngộ-nhận quyết nghi duyên trần.
 Trách làm mang nghiệp vào thân,
30. Chín e vai-vác Thánh Thần chép biên.
 Phận Ta nói gót Phật Tiên,
 Ngợi-khen cũng mặc điều-huyền cũng hay.
 Thương đời phải chịu đắng cay,
 Thân-danh chẳng quản, chông gai chi sòn.
 Ít ai nghe rõ giọng đờn,
 Của người rút bỏ oán ơn cõi phàm.
 Ngày hằng giải ngũ qui tam,
 Sắc không, không sắc, tánh phàm đổi thay.
 Chẳng qua tai-ách những ngày,
40. Nên phân xác thịt đọa-đày trần-gian.
 Lìa quê tách bước xa ngàn,
 Gia-đình chẳng đoái còn màng chi ai.
 Dốc tâm nguyện đến Phật-đài,
 Hiệp cùng chư Phật độ rày chúng-sinh.
 Nện vang một tiếng chuông linh,
46. Cho người trong mộng biện minh lẽ nào.
*Gãm cuộc thế chẳng qua tuồng mộng-ảo,
 Cuộc truy-hoan thường giết khách tài-hoa.
 Nghe chuông linh sớm dứt bể ái-hà,*
50. *Kẻo vật-dục cuốn lôi vào bể khổ.*
 Ví dầu lập chữ công-danh,
 Đến khi rớt cuộc cũng đành thả trôi.
 Lá úa vàng nó rụng người ôi !

54. Muôn năm mới có một thời,
Tới kỳ hiệp ⁽¹⁾ hội Phật Trời định phân.
Con lành đều đủ nghĩa-nhân,
Cha là Phật, Thánh, Tiên, Thần phước dư.
Có đâu như thể bầy chừ,
Loạn-luân cang-kỷ, bắt từ bắt lương.
60. Thân Ta dầu lấm đoạn trường,
Cũng làm cho vẹn chữ thương non-loài.
Ngày kia thỏa chí làm trai,
Tiếng lành như thể hương bay nức-nồng.
Bây giờ bờ bến chưa xong,
Dở-dang thời-vận mà lòng chẳng nao.
Ngàn xưa mấy bực anh-hào,
Năm gai ném mật dạ nào trách than.
Trượng-phu chí cả dọc-ngang,
Đạo trong bốn biển mới trang Thánh-Hiền.
70. Làm cho kẻ bạo ngựa-nghiêng,
Đạo lành mở cửa nơi miền Nam-bang.
Tiếng đờn hò líu cống xang,
Đêm khuya khuyên nhủ khắp tràng chúng-sanh.
Thu còn gặp lúc trăng thanh,
Vang lời thỏ-thẻ như cành gheo chim.
Thấy trong người ấy thanh-liêm,
Tỏ bày tâm sự rán tìm cho ra.
Bồi-hồi chợt tỉnh Nam-kha,
Đường danh nẻo lợi xem ra ích gì.
80. Trời thu âm-đạm ai-bi,
Nạn-tai vương-vấn bởi vì Trời riêng.

⁽¹⁾ Có chỗ chép: Tới kỳ lập hội ...

82. Thảm-thương lê-thứ ưu phiên,
 Chớ lòng đâu có lo riêng nỗi mình.
 Mờ mờ, tỏ tỏ, xinh xinh,
 Đêm nay bóng nguyệt như rình xem Ta.
 Miệng cười Ta bảo Hằng-Nga,
 Làm ơn rọi chữ “San-Hà” nơi đâu.
 Gẫm trong cõi tạm nhiệm-mầu,
 Ngặt mang xác thịt khó hầu cao bay.
90. Chữ tài thường gặp chữ tai,
 Trớ-trêu tạo-hóa ông bày trò chua.
 Ta nào có muốn tranh đua,
 Vun trồng cõi phúc chờ mùa trở bông.
 Bay mùi thơm cả Tây-Đông,
 Bắc, Nam nhơn vật Lạc-Hồng thanh-thời.
 Tâm hồn hoài-cảm nơi nơi,
97. Gẫm người hữu chí đôi lời cảm ơn.
Bạc-Liêu, ngày 29 tháng 6 Nhâm-Ngũ (1942).



BUỒN

Buồn thay chư Phật ả non đoài,
 Buồn biết bao giờ trở gót hài.
 Buồn thấy chúng-sanh đa xót cảm,
 Buồn lo trăm họ nghiệp gây hoài.
 Buồn đời lưu-lạc trong u tối,
 Buồn thế gian-nan suốt cả ngày.
 Buồn buổi cạnh-tranh e hoãn đạo,
 Buồn dân ngu-muội ghét người ngay.



TỬ

Tủi sầu Phật-giáo ở non Tàn,
Tủi phạm môn-đồ quá tối-tân.
Tủi cuộc hôn-nhơn bày trước Phật,
Tủi cơ-nghiệp báu phế nguồn ân.
Tủi thay ai tạo trò vô lý,
Tủi bậy lấp nguồn đạo hữu chân.
Tủi-hổ trông nhìn người dối thế,
Tủi duyên ác-cảm đắm hồng trần.

Bạc-Liêu, ngày 29 tháng 6 Nhâm-Ngũ (1942).



Gởi Bác-Sĩ CAO-TRIỀU-LỢI ở Bạc-Liêu

(để cảm tạ ông này chữa bệnh cho Đức Thầy mà không lấy tiền thuốc)

1. Gởi ít hàng thăm ông bác-sĩ,
Cầu chúc ông phước chỉ được lai tăng.
Cuộc thế-trần nhiều đoạn khó-khăn,
Nên lôi kéo bần-tăng vào cảnh ngộ.
Xuống Bạc-Liêu chưa bao nhiêu độ,
Bỗng ruột tằm quần-quận rút đau.
Phản thương dân phổi héo gan xào,
Ngồi, đi, đứng, nằm lẫn-lóc mãi.
Cũng nhận được trần-hoàn là khổ hải,
10. Dốc tâm đường phóng giải cho thân tâm.
Dìu nhơn-sanh khỏi chốn mê lầm,
Bờ giác-ngạn kiên tâm lần bước tới.

- Hoàn-cảnh chẳng gặp hồi lai-thời,
 Ân-nhẫn hoài chờ đợi vận hanh-thông.
 Để đem phôi trí óc với gan lòng,
 Đền-đáp lại cuộc chờ trông ngoài ngõ.
 Cũng rất thẹn bịnh đau vò-vỡ,
 Tuy thuốc dùng chẳng tuyệt được cơn đau.
 Chớ ơn ông đâu dễ quên nào,
 20. Muốn đáp lại lấy chi mà đền đáp ?
 Nếu ông có vui lòng dung-nạp,
 Tỏ vài hàng gọi đáp ân nhau.
 Phần phước-duyên nguyện để về sau,
 Khi thông-thả sẽ đến trao lời cảm tạ.

- Cám ơn ông tặng thuốc Tây-phương,
 Khâu giúp bản-tặng khúc đoạ-trường.
 Nhưng bịnh trầm-uru nên chẳng mạnh,
 28. Nợ cùng bách-tính hồi còn vương.*



*Vương-vấn trong vòng cương-tỏa ấy,
 Lòng nào mà chẳng xót thương chung.
 Bao giờ đạo-pháp ta thông đạt,
 Quyết cứu sanh-linh cảnh nào-nùng.*



- Thôi cũng an lòng nơi số phận,
 Đợi chờ vận tới sẽ tung mây.
 Về trên thượng-giới đền Kim-khuyết,
 36. Tâu lại trần-gian có sự này.*

Bạc-Liêu, ngày 18-7-42 (Nhâm-Ngũ).



Cho thằng TÂN

(Tân là cháu ngoại ông Võ-Văn-Giỏi ở Bạc-Liêu)

Nghे lời ông dạy hồi con Tân !
Học tập muốn nên phải rán cần.
Chớ có biếng lười theo lũ trẻ,
Ắt đòn bẻ đứt hồi con Tân !



Con Tân có tật đái dầm,
Bởi vì biếng nhác mê tâm quen đời.
Quen đời tuổi đã hai tư,
Mà còn chẳng bỏ thói hư thói hèn.
Muốn cho cha mẹ ngợi-khen,
Từ rày nên rán tập rèn cho siêng.
Ông bà có sẵn của tiền,
Lại thường làm ruộng phước-duyên để dành.
Lớn lên ăn ở cao-thanh,
Biết yêu, biết quý điều lành nghe con !

Bạc-Liêu, ngày 3-7 Nhâm-Ngũ (14-8-42).



HOÀI CỔ

1. Bình tâm cất bút tỏ lời,
Xét xem hai chữ vận thời còn xa.
Liếc nhìn thế-giới can-qua,
Ngàn muôn binh tướng xưa ra chiến-trường.
Độc lòng tranh bá đồ vương,
6. Deo câu danh lợi lập đường nghĩa-nhân.

- Gieo điều tàn-khốc cho dân,
 Khiến lòng Tăng-Sĩ băng-khuông lo lường.
 Tiếc thay đạo-ngĩa luân-thường,
10. Thánh-nhơn đã vạch sẵn đường từ xưa.
 Để cho quân-tử lọc-lừa,
 Ở ăn hợp lẽ rán chừa tiểu-nhân.
 Trên vua minh-chánh cầm cân,
 Dưới quan liêm-tiết xử phân công-bình.
 Quyền cha quản-xuất gia-đình,
 Dạy con phải phép vẹn gìn hiếu-trung.
 Từ ngày cách mặt cứu-trùng,
 Thay đời đổi cách bắt tùng Thánh-Tiên.
 Bút lông đẹp với đĩa nghiên,
20. Thê vào bút sắt cùng viên mực tròn.
 Lần lần thê đạo suy mòn,
 Nền xưa nếp cũ, hỡi còn mấy ai.
 Nên Ta thở vắn than dài,
 Cúi đầu lạy Phật niệm hoài mấy câu.
 Dứt trần mang bộ sòng nâu,
 Trông ngày chừ quốc chừ hầu tỉnh tâm.
 Đùng gậy chinh-chiến ù ầm,
 Để gậy hạnh-phúc mà tầm Phật Tiên.
 Ta-bà thật cảnh ưu-phiền,
30. Duyên trần cấu-kết oan-khiên báo đền.
 Thiều-quang thấm-thoát dường tên,
 Mắc vòng sanh-tử có bèn đượ đầu.
 Chi bằng theo học Đạo mầu,
 Sớm qua khổ hải theo hầu Phật Tiên.
 Tham chi giả tạm của tiền,
36. Như chim vào lưới xích-xiềng trói thân.

- Tính xong món nợ lần-khân,
Thoát vòng cương-tỏa pháp-thân nhẹ-nhàng.
Tiêu diêu đạo đức luận bàn,
40. Vân-du võ-trụ thanh-nhàn biết bao.

Bạc-Liêu, năm Nhâm-Ngũ (1942).



DỤNG KINH-QUYỀN

1. Hỡi ôi ! Trời đất mấy muôn trùng,
Muôn dụng kinh-quyền đạt hiệu-trung.
Ngặt nỗi thân phàm vương-vấn nạn,
Trường thi chưa mở trống chưa thùng.



- Trống chưa thùng sĩ-tử vẫn chờ trông,
Mong ngóng mau mau thấy mặt rồng.
Bảng-hồ danh đề tên chí-sĩ,
8. Dem tài thao-lược giúp non-sông.



Giúp non-sông trong lúc chịu gian-truân,
Thảm-lệ tràn tuôn mãi chẳng ngừng.
Mật mật, mờ mờ mưa gió đạn,
Phong-trần đày-đọa mấy mươi xuân.



- Mấy mươi xuân vắng chúa, trông hoài,
Thân gởi nơi người nợ chẳng vay.
Trời đất lẽ nào không xét đến,
16. Để cho dân Việt khổ lâu dài.



Khổ lâu dài nay sắp mãn hay chưa,
 Cầu-nguyện Phật Trời gọi móc-mưa.
 Kíp mở Long-Hoa xây máy tạo,
 Cho dân Hồng-Lạc thọ ân thừa.



24. Thọ ân thừa mà được cảnh nhàn-an,
 Trăm họ đầu đê trước Thánh-Hoàng.
 Nguyện giữ cang-thường gìn Phật Đạo,
 Giao-hòa mãi mãi với lân-bang.



Với lân-bang sẽ dứt mối thâm thù,
 Trên dưới một lòng chí nguyện tu.
 Chẳng dám trễ-bê đường đạo-đức,
 Đặng mong chẳng vướng cảnh ao-tù.



32. Cảnh ao-tù giờ vẫn phải còn mang,
 Nặng trĩu trên đầu héo ruột gan.
 Chí dốc thoát-ly vòng xích-tỏa,
 Cầu trên Thánh-chúa vừng ngai vàng.



36. Chúa vừng ngai vàng sãi mới yên,
 Rời ngay cảnh tục trở về Tiên.
 Chẳng còn tham-luyến nơi trần-thế,
 Vì cả thế-gian hết não-phiền.

Bạc-Liêu, năm Nhâm-Ngũ (1942).



RÚT CÁI NGU ĐÀN

Vương nghiệp trần-hoàn bởi quả nhân,
Gây ra kiếp số chịu phong-trần.
Nay nhờ đước huệ soi đường tối,
Đặng rút cái ngu lẫn cái đàn.



Muôn bán cái ngu lẫn cái đàn,
Ngu đàn cả nước lẫn cùng dân.
Sớm lo lòn cúi chiều ăn ngủ,
Nào biết liệu toan gỡ nợ-nần.



Nợ-nần tiên-tổ tạo gây nên,
Con cháu ngày nay phải báo đền.
Đành thế, nhưng vừa lời với vốn,
Lẽ gì chịu đại trả nông-nghênh ?

Bạc-Liêu, năm Nhâm-Ngũ (1942).



THẬP NHỊ NHON-DUYÊN

Nhon-duyên thứ nhất phát khởi từ màn vô-minh mà che lấp bản-ngã (linh-hồn) nên làm cho người phải tăm-tối mê say, gây tạo ác-nghiệp, chịu nẻo luân-hồi thống khổ. Đây là 12 duyên-sanh: Vô-minh sanh hành, hành sanh thức, thức sanh danh-sắc, danh-sắc sanh lục-nhập, lục-nhập sanh xúc-động, xúc-động sanh thọ-cảm, thọ-cảm sanh ái, ái sanh bảo-thủ, bảo-thủ sanh hữu, hữu sanh sanh, sanh sanh lão-tử.

Đó là 12 duyên-sanh, nó dắt đi từ kiếp này đến kiếp kia không có dứt; cái vô-minh nghĩa là tối-tăm mê dốt, từ hồi vô-thi. Có mê dốt ta mới hành-động, rồi hành-động ấy sanh ra muôn pháp, nên mới có cái thức (biết), ví như loài cây cỏ, sắt đá (vô tình) không biết chi cả, đâu có danh-sắc, còn ta là loài hữu-tình, cái biết ấy nên có xác-thịt và linh-hồn, danh-sắc. Xác-thịt và linh-hồn có thì phải có 6 căn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nhiệm với 6 trần là: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nên gọi là lục-nhập. Có lục-nhập mới có tiếp-xúc với mọi người và vạn-vật, nên gọi là xúc-động, rồi từ chỗ tiếp-xúc mới thọ hưởng của tiền-trần nên gọi là thọ-cảm. Có thọ-cảm, thọ hưởng của tiền-trần rồi mới có cái ưa thích, quyến luyến, thâm-tình nên gọi là ái.

Muôn việc chi ở đời, nếu ta yêu thích cái điều đó, thì ta phải gắng công gìn-giữ chặt-chĩa nên gọi là bảo-thủ; mà gìn-giữ chặt-chĩa thì mới có sống, nếu không, làm sao mà ta sống, nên gọi là hữu. Rồi cái sống ấy, mền tiếc ấy mới đầu thai trở lại cõi trần đặng hưởng-dụng nên gọi là sanh. Muôn loài vạn-vật hễ sanh ra thì lớn, hễ lớn thì sẽ già bị trong tứ-đại (đất, nước, gió, lửa) làm nên nào là tứ thời, cảm-mạo bất hòa, hễ già thì yếu đau, nếu đau tất là phải chết nên gọi là lão, tử. Ấy vậy cái nghiệp-nhơn của già, chết, ấy là tại cái vô-minh mà ra tất cả.



MÔN HOÀN DIỆT

Nếu ta tìm con đường bát-chánh-đạo của Phật mà đi, giữ tâm thanh-tịnh, làm việc nhơn từ, không lòng

hòn-giận, chẳng dạ ghét-ganh, chuyên tâm niệm Phật, giúp thế độ đời, dùng chữa điều phiền-não và để bụng tham-lam ích-kỷ, gây mối thiện-duyên, lần lần trí-huệ mở-mang, cõi lòng sáng-suốt, thì màn vô-minh sẽ bị diệt mất.

Vô-minh bị diệt thì hành diệt; hành bị diệt thì thức diệt; thức bị diệt thì danh-sắc diệt; danh-sắc diệt thì lục-nhập diệt; lục-nhập diệt thì xúc-động diệt; xúc-động diệt thì thọ-cảm diệt; thọ-cảm bị diệt thì ái diệt; ái bị diệt thì bảo-thủ diệt; bảo-thủ bị diệt thì hữu diệt; hữu bị diệt thì sanh diệt; sanh bị diệt thì lão, tử diệt. Ấy là giải-thoát vậy.

Bạc-Liêu, năm Nhâm-Ngũ (1942).



ĐỨC PHẬT ĐỐI VỚI CHÚNG-SANH

Một ông cha ở trong gia-đình vẫn có lòng thương xót hết các con, dù lớn nhỏ, khôn dại gì cũng vậy. Tại sao ? Vì xét ra lớn nhỏ là tại đũa sanh ra trước, đũa sanh ra sau; khôn dại là tại đũa chăm học cùng biếng trễ, chớ cũng đồng là con đều do huyết nhục sanh ra. Vậy bôn-phận ông cha thì hết lòng lo dạy-dỗ các con, lo-lắng cho có gia-cư, nghiệp-nghệ, tài-sản để cho con, ruộng đất để cho con. Vậy thì tình thương vẫn đồng, mà cái chỗ âu-yếm ban thưởng nhiều khi có khác, ấy là phải tùy theo mỗi đũa. Tại sao vậy ? Vì đũa nào hiếu-thuận từ-hòa, dễ dạy, dễ biểu, thì ông cha âu-yếm hơn đũa ngỗ-nghịch, bạo-tàn. Với đũa khó dạy thì ông chỉ biết than-thở mà thôi, chớ không

thể âu-yếm đặng. Còn đũa nào cần-kiệm, lo giữ-gìn gia-sản của cha nó, chẳng cho hư-hoại, cần-thận từ ly, dầu lời nói hay việc làm để bảo-tồn danh-giá của cha nó, thì cha nó hằng ngày ban thưởng cho nó luôn, chớ không thể ban thưởng cho những đũa hoang chơi, tàn phá sự-nghiệp, làm những điều điểm-nhục gia-môn ! Những đũa ấy, ông cha có thể nén lòng mà rước lấy sự ché-nhạo, trách-cứ là nhiều lắm rồi, chớ làm sao mà ban thưởng đặng.

Cũng mừng-tượng như trên, hỡi các người ! Đức Phật đối với chúng-sanh và môn-đồ như người cha đối với các hạng con trên đây vậy. Phật cũng yêu hết chúng-sanh, dầu kẻ ngu, người trí, yêu tất cả môn-đồ (dầu kẻ biếng-nhác với kẻ siêng-năng). Bởi tại duyên-nghiệp mỗi chúng-sanh chẳng đồng nhau, tu cao thấp khác nhau, nhưng mỗi chúng-sanh đều có Phật-tánh. Vậy lòng từ-bi của Phật là vì thương xót chúng-sanh, lo dạy-dỗ chúng-sanh, nhưng mà sự gàn-gũi và ban phước-huệ vẫn có khác, vì phải tùy theo mỗi kẻ tín-đồ. Người tín-đồ nào hằng ngày vâng lời Phật dạy, rán lo học-hỏi, tìm kiếm đạo mâu, quý trọng chuyện lành thì Phật thường gàn-gũi hơn đũa đã dạy nhiều lần mà chẳng chịu nghe theo, và thường ban thưởng cho kẻ tín-đồ nào quý trọng kinh luật của Phật, chăm lòng giữ theo giới-luật, cần-thận từ lời nói việc làm, đừng để cho người ta nhạo-báng Phật hay chê-bai Thầy của mình. Còn những kẻ tín-đồ dối tu, chẳng vâng lời dạy, chẳng giữ giới-luật thì trên là Đức Phật và dưới là ông Thầy của kẻ ấy chỉ lấy lòng từ-bi mà nhận sự trách-cứ

của kẻ ngoại đạo, chớ không thể nào mà gần-gũi và ban phước-huệ cho kẻ chẳng thành-tín kia đặng.

Bạc-Liêu, ngày 24-8 Nhâm-Ngũ (1942).



LỜI KHUYÊN BỒN-ĐẠO

Trong khi các trò còn ở trong biển mê sông khổ, thường bị những chướng-nghiệp nhiều đời mà làm cho linh-hồn chìm đắm trong ba cõi sáu đường, xuống xuống lên lên, luân-hồi chuyển kiếp, ấy cũng tại sự mê lầm của lục căn mà say đắm lục trần; ý-thức lầm-lạc ấy khiến các trò nhận lấy cái thân ô-trược này là thật, cái cảnh phú-quí cùng cuộc tình duyên tồn-tại vui say. Nào hay thân vô thường tạm mượn do tứ đại hiệp thành. Cuộc phú-quí tựa đám phù vân, cái sắc nước hương trời ấy của các trò có khác chi cảnh hoa sớm nở chiều tàn, không chi bền chắc, còn tội-chướng thì linh-hồn phải chịu luân chuyển báo đền.

Ngày nay đã tinh-ngộ qui-y cùng Phật-pháp. Như vậy cửa trường-sanh bắt diệt các trò đã gặp nẻo, nương đèn trí-huệ, ly-xuất phàm-trần, chán cảnh phồn hoa, tìm nơi tịch-tĩnh. Nhưng các trò tuy lòng mộ Đạo, chớ chưa hiểu rành nẻo bước đường đi. Hãy tạm xét chữ qui-y cho thấu đáo: Qui là về, mà về đâu ? Về cửa Phật. Y có nghĩa là vâng lời theo khuôn-mẫu.

Vậy qui-y đâu Phật là nương nhờ cửa Phật và làm y theo lời Phật dạy. Phật từ-thiện cách nào ta phải từ-thiện theo cách ấy. Phật tu cách nào đắc Đạo rồi dạy

ta, ta cũng làm theo cách này. Thầy cảnh tỉnh giác-ngộ điều gì chánh đáng thì khá vâng lời. Cần nhứt ở chỗ giữ giới-luật hằng ngày. Còn sự lễ bái là điều phụ thuộc, là món trợ đạo để nhắc-nhở các trò nhớ phận sự mà làm. Thầy xét trong tam nghiệp, các trò còn mang nặng lắm. Trong đường tu, nương theo tam nghiệp thì khổ-não lắm. Chúng-sanh tịnh được tam nghiệp mới mong về cõi Phật. Tam nghiệp là: Thân-nghiệp, Khẩu-nghiệp, Ý-nghiệp (đọc lại trong cuốn Khuyến-Thiện.)

Nhưng Thầy xét lại khẩu-nghiệp của các trò nặng-nề hơn hết. Hãy lấy gương trí-huệ mà dọn sạch ma lòng, hãy lấy lòng khoan-dung mà đối-đãi lẫn nhau, hãy lấy lòng bác-ái nhân-đạo mà cư-xử với mọi người. Cần hiểu cái lý vô-ngã của nhà Phật. Hãy rán sức thi hành sẽ có Thầy ủng-hộ.

KỆ RẰNG :

*Đạo-pháp thường hay dung với hòa,
Xét người cho tột xét thân ta.
Nếu người rõ phận vui lòng thứ,
Ta thứ được người, người thứ ta.*

Bạc-Liêu, năm Nhâm-Ngũ.



PHẬT LÀ GÌ ?

Phật giả là Giác giả. Giác giả là Tỉnh giả.

Khi Đức Thích-Ca thành Phật thì Ngài nói pháp tứ-đế mà độ đời trước hơn các pháp, và chỉ con đường Trung Đạo cho người hành theo.

ĐƯỜNG TRUNG ĐẠO CỦA PHẬT :

1.– Không trường-dưỡng xác thịt quá ư sung-sướng như: Ăn nhiều, ngủ nhiều, chẳng lo làm công chuyện, chẳng học hỏi, vì sung-sướng thái quá thì sanh nhiều dục-vọng mê đắm, làm cho trí-đạo tối tăm, không thể đạt huệ được.

2.– Không nên hành xác hay ép xác thái quá như: phơi nắng dầm sương, bỏ ăn, bỏ ngủ, làm lụng quá sức lực của mình, vì ép xác quá độ thì hay sanh bệnh-hoạn nhiều, người mà đa mang bệnh tật rồi, tinh-thần kém-cỏi, nhọc-mệt, trí-hóa lu-lờ, không đủ sức mà học Đạo đặng.

Nên người biết Đạo chẳng ép xác thái quá mà cũng chẳng để nó sung-sướng quá độ, chỉ ăn ngủ có chừng mực, làm việc vừa với sức mình, gìn-giữ sức khỏe mới mong học được đạo-pháp.

Vậy Phật chẳng buộc ai phải ăn ở khổ hạnh và cũng chẳng biểu ai ăn ở sung-sướng, chẳng ép ai ăn chay, chẳng xúi ai ăn mặn, tùy theo trình-độ và lòng nhen của mình.

Điều cần yếu là phải:

- Làm hết các việc từ-thiện,
- Tránh tất cả điều độc-ác,
- Quyết rửa tâm lòng cho trong sạch.

Bạc-Liêu, năm Nhâm-Ngũ.

CHƯ PHẬT CÓ BỐN ĐẠI-ĐỨC

Chư Phật có bốn đại-đức. Vậy ta niệm danh-hiệu Phật để nhớ Phật và rán sức làm theo bốn đại-đức của Phật đặng ngày sau chứng quả như Ngài. Bốn đức ấy là:

1.- **Đức TỪ:** Phật đối với chúng-sanh như mẹ với con, lúc nào cũng lo-lắng đến, hết lòng diu-dắt, dạy-dỗ, không nỡ để chúng-sanh sa vào đường tội-lỗi mà chịu khổ não;

2.- **Đức BI:** Nếu chúng-sanh nào dạy-dỗ chẳng nghe, làm điều độc-ác để phải tội thì Phật chẳng vì thế mà ghét bỏ, lại thương xót không cùng;

3.- **Đức HI:** Thường thường an vui mà làm những việc lành. Dầu gặp hoàn-cảnh trái-nghịch cũng chẳng vì thế mà sanh lòng buồn-bã;

4.- **Đức XẢ:** Ngài chẳng chấp một pháp nào trong thế-gian, sẵn lòng lìa xa các nghiệp tiền-trần, tha-thứ hết thảy những ai tối-tăm lầm-lỗi, chẳng còn vương-víu chi với cuộc lợi danh, tài-sắc, nhìn cõi đời chẳng bao giờ sanh lòng luyến-ái.

Vậy ta niệm Phật, phải biết đại-đức của chư Phật và làm sao cho ta có thể đắc được bốn đức ấy.

Ta cũng nên *bố-thí, nhĩn-nhục, trì-giới* (để độ *tham, sân, si*).

Còn phương-pháp niệm Phật là để trừ cái vọng-niệm của chúng-sanh, vì trong tâm của chúng-sanh niệm niệm mê-làm chẳng dứt; vì cái vọng-niệm về

việc thể-trần ấy mà không cho cõi lòng an-lạc, phiền-não ngăn che, chơn tâm mờ-ám. Nên nay, hễ thành tâm niệm Phật thì nếu được một niệm Phật ắt lia được một niệm chúng-sanh, mà niệm niệm Phật thì lia tất cả niệm chúng-sanh. Cho đến khi nhứt tâm bất loạn, chừng ấy vọng-niệm chúng-sanh đã dứt thì lòng ham muốn và các tình-dục còn đâu mà nảy sanh ra được ?

Nên niệm Phật là niệm cái bản-lai thanh-tịnh của Phật cho lòng của mình nương theo đó mà được thanh-tịnh và chẳng còn trước nhiệm trần-ai.

Cần tu thập-thiện thì sự niệm mới có hiệu quả. Tu thập-thiện, dứt được thập-ác (cũng gọi là *tịnh tam-nghiệp*).

Bạc-Liêu, năm Nhâm-Ngũ.



SƠ GIẢI VỀ TỨ DIỆU-ĐỀ

- 1/- *Khổ-đề*: Gồm các sự khổ trong đời.
- 2/- *Tập-đề*: Gồm có các tập-nhơn sanh ra quả-khổ.
- 3/- *Đạo-đề*: Gồm có tám đường chánh.
- 4/- *Diệt-đề*: Phương-pháp diệt khổ, hưởng quả Niết-Bàn.

SƠ GIẢI :

A) *Khổ-đề*: Đức Phật nói rằng tất cả chúng-sanh trong cõi trần này chịu muôn ngàn điều khổ-não, kể chẳng xiết, nhưng có thể tóm tắt lại làm tám điều, vì

trong tám điều khổ ấy nó có thể nảy ra muôn ngàn sự khổ-não kia.

1/- *Sự sanh khổ* – Vì linh-hồn chưa được hoàn-toàn tròn đạo-hạnh mà đắc quả-vị nên còn phải đầu thai làm con người thế-gian. Khi nhập vào thai trong bụng người đàn-bà thì phải chịu sự tối-tăm tối-túng, chẳng thấy trời trăng. Bị bao-bọc ràng-rịt, thai-nhi bị sự nuôi dưỡng bằng tinh-huyết của mẹ, lúc mẹ đau ốm thì thai-nhi yếu-ớt; lúc mẹ làm-lụng mệt-nhọc, thai-nhi chẳng yên; lúc mẹ đói cơm, thai-nhi dường như cái túi bị treo chẳng vững; lúc mẹ ăn uống no bụng, thai-nhi bị sự lấn-ép của bao-tử và ruột rất nhọc-nhăn. Khi đúng ngày giờ phải chun ra cửa sản-môn ô-úế như hai viên đá ép mình, khi ra khỏi mình mẹ, cảm thấy hơi gió cắt da, đau nhức khó chịu nên cất lên tiếng khóc để tỏ ý chẳng bằng lòng với cảnh cực nhọc.

Xét như vậy nên Phật mới cho sanh là khổ; mà chúng ta là người học đạo, xét cho chí-y đều cũng phải công-nhận sự nhận-xét của Phật rất đúng vậy.

2/- *Sự già khổ* – Hễ sanh ra thì lớn, lớn rồi tất phải già; xét nghĩ trong lúc tuổi xuân-xanh, đời sống cứng-cỏi, hoạt-động hăng-hái, đi đứng lạ-làng, nói năng bật-thiệt, xác thịt mạnh-mẽ, học-hỏi dễ-dàng tỏ tai sáng mắt, thấy biết nhiều điều. Ô hô ! Mà nay sao lại rãng rụng mắt lờ, ù tai, choáng óc, da nhăn má cốp, gồi mỏi, lưng khòm, nằm ngồi chặm-chạp, đi đứng xéo-xiên, uống ăn đồ tháo, bọn trẻ dễ khinh, già đành nhờ cậy, đi tay nương gậy, phé việc dân quan, tinh-

thần hao kém; khí-lực hầu tàn, thoát nhớ thoát quên, nhiều khi lầm-lẫn, tóc bạc da mồi, lắm điều lao nhọc.

Vậy nên Phật mới cho sự già là khổ, mà chúng ta cũng không thể nào không công nhận.

3/- *Sự đau khổ* – Nghĩ vì thân thể con người sanh ra cõi trần, có lớn già thì tất nhiên yếu-đuối; nếu đã yếu-đuối ắt ăn ngủ chẳng được điều-hòa, thêm ngoài thì bốn mùa thay đổi, tám tiết xây-vàn, do nơi thân già yếu-đuối, cảm những tà-khí mà sanh ra bệnh tật. Ôi ! Hễ thân huyễn giả này mang lấy bệnh tật rồi, nào là con tinh, con mê, tay chơn nhúc-nhối, gan ruột quặn đau, phổi héo tim khô, da teo huyết cạn, kẻ mang lao mang tởn, phương đàm ho suyễn, người thì đui cùi lở-lói, bại xuội sung tê, thang-thuốc chẳng an, khăn-nguyên chẳng giảm, cầu sống chẳng đặng, cầu chết chẳng xong.

Vậy thử hỏi khách trần-gian ai mà không muốn xa muốn tránh, mà nào ai được khỏi ? Muốn tránh, tránh chẳng được, lại đa mang; như còn khổ-não về bệnh tật, bút nào mà tỏ ra cho hết.

4/- *Sự chết khổ* – Vật chi mà sanh trong cõi trần-gian theo các công-lệ tự-nhiên, hễ có sanh ra thì phải có ngày tiêu-diệt. Còn cái thân con người của ta đã do nơi tứ-đại (*đất, nước, gió, lửa*) mà hiệp thành, có bền chắc chi đâu mà tránh khỏi ngày tan rã ?

Tại sao mà gọi thân tứ-đại hiệp thành ? Xét rằng tuy là ta thấy có sự cấu-tạo của cha mẹ mà thành thân của ta, nhưng mà cái thân này suy gấm cho kỹ lại: thịt và xương cốt là chất đặc nên thuộc về *đất*; máu huyết

chất lỏng nên thuộc về *nước*; hơi thở của ta thuộc về *gió*; sự âm áp của ta thuộc về *lửa*.

Nhờ bốn món ấy chung hợp lại mới thành cái xác thịt của ta. Nếu hễ đến ngày tàn-hạ rồi thì xương thịt rã ra huồn lại đất, máu huyết chảy ra huồn lại nước, hơi thở dứt đi thì trở lại với gió, sự âm áp dứt đi thì nó trở lại cái nóng của mặt trời. Như vậy tại làm sao gọi rằng khổ ? Vì lúc sống linh-hồn nhờ xác thịt mà học hỏi, kinh-nghiệm việc đời, xử-sự tiếp vật, đeo-đắm theo lợi lợi, danh danh, tài tài, sắc sắc, không có chịu tra-cứu phân biệt cho rõ giả chơn, ý-thức sai lầm, nhận không rằng có, nhận có rằng không, thấy tà nói chánh, gặp chánh tưởng tà, rồi cũng do sự sai lầm ấy mà nhận huyễn-thân này làm thiệt-thân của mình, mãi lo o-bế sửa-sang, giới mài cạo gọt, cung nó dưỡng nó như: tích trữ cơm tiền, dành cho nó ăn, dành để thuốc-thang cho nó uống, kiếm tìm thanh sắc để cho nó vui, xây-dựng cửa nhà cho nó ở (vẫn biết rằng ở trong đời ai cũng phải lo thân, nhưng mà người hiểu Đạo, biết rõ cái thân của mình tạm mượn trong thời-gian để học-hỏi nên lo vừa chừng, chẳng có ích-kỷ, mà lo cho mình vừa giúp-ích cho đời, chừng bỏ xác thì có cái khác, còn người không hiểu Đạo thì bo-bo giữ nó bằng lối ích-kỷ mê-làm) ấy là muốn cho nó được trường-tồn; kịp đến khi tử-thần gõ cửa, số vô-thường đã tới, sanh ra muôn ngàn kinh-hải, thần-trí hôn-mê rất trứu-mên cõi đời, cửa nhà con vợ, mà không làm sao sống được nữa, nên lúc ấy kẻ phùng mang, trợn mắt, người chắt lưỡi, nghiêng răng, lăn-lộn giật mình,

kêu than thảm-thiết. Xét coi lúc ấy khổ sở là dường nào.

5/- *Mưu cầu bất đắc ...*

6/- *Biệt ly ...*

7/- *Oan tắng hội ...*

8/- *Lo ngại ...*

Bạc-Liêu, năm Nhâm-Ngũ (1942).



« TRONG VIỆC TU THÂN XỬ KỶ »

Sự lễ-bái không đủ cho ta tỏ ra một tín-đồ chân-thành của đạo Phật đượ. Tại sao vậy ?

Vì Đức Phật chẳng bao giờ ngờ ý rằng: “Các người hãy lạy thờ ta cho nhiều rồi ta sẽ độ giúp các người” mà trái lại, Ngài dạy rằng: “Các người nên hiểu biết phận-sự con người phải làm gì trong kiếp sống và tìm kiếm chân-tánh của mình”. Thiệt-hành theo giáo-lý của Ngài thì Ngài sẽ hướng-dẫn và ủng-hộ vậy.

Ta hãy đem đức-tin trong sạch mà thờ kính Phật và hãy đem lòng lành mà hành-động y theo lời phán dạy của Phật.

Nếu ta cứ đem đức-tin thờ-phượng tôn-giáo bằng cách sai lầm thì rất có hại cho đời mạng của ta. Như vậy chỉ tỏ ra một người rất mê-tin (mặc dầu đạo của ta thờ là một đạo rất chánh đáng).

Vậy đồng thời với *Đức Tin* là *Lòng Lành* phải để cho nó đi cặp luôn luôn.

Có *Đức Tin* (Tin về thần quyền) mà thiếu *Lòng Lành* thì rất dễ bị tà-thần cám-dỗ, bợn tăng-đồ lợi-dưỡng gạt-lường. Bởi những kẻ ấy thường bày ra cúng kiếng để chuộc tội, hoặc bắt-buộc ta thờ-kính một cách phiền-phức làm cho lòng u-tối của ta càng ngày càng u-tối thêm.

Còn có *Lòng Lành* mà thiếu *Đức Tin* vào công việc từ-thiện của mình thì lòng lành ấy thường hay thối-chuyển vậy.

Vậy đồng thời với đức tin là lòng trí lành phải đi cặp luôn luôn.

Có đức tin và lòng lành rồi thì dùng trí-huệ mà bình-đoán cái đạo của ta đang học hay sẽ học một cách xác-thực, tìm hiểu cho rõ-ràng cái mục-đích ấy, như thế mới mong thoát khỏi tà-kiến gạt-gẫm ta đem đức tin, lòng lành cống hiến vào chỗ thấp hèn hay một ông thầy mê dốt.

Người học Đạo muốn mở-mang trí-huệ cần phải tìm phương-pháp diệt cái vô-minh (tối-tăm ngu-muội).

Muốn diệt cái vô-minh trước hết phải điều-luyện khối tinh-thần cho mạnh-mẽ đặng tự lập con đường rõ-ràng, duy nhất của mỗi Đạo mình đang học để lấy đó làm cương-mục mà bài trừ những thành-kiến, cố chấp, thói quen, sự chần chờ, lòng ham muốn, tánh kiêu-ngạo, tật-đố, gièm-siểm, dua-nịnh, ích-kỷ tư tâm,

sự gây-gỗ, mê đắm trong bề đục-tình và sự phiền-não nó làm cho não loạn cõi lòng. Nên bài trừ được nó rồi trí-huệ tất mở-mang vậy.

Người có tâm nếu không tập suy-gẫm cho mở trí thì hay dễ bị lòng gạt.

Người có trí mà vô tâm thì hay xảo trá. Nên *trí* và *tâm* của người học Đạo cần tìm cách làm cho nó được phát-triển cả hai để lấy tâm làm chủ trì mọi việc, lấy trí mà phán xét mọi việc trước khi ta sắp đưa cho tâm chủ trì. Được như thế chắc-chắn ta học Đạo mau thành công đắc quả.

Đừng thấy ai theo mỗi Đạo nào đông-đảo rồi ta cũng vội vàng theo Đạo ấy mà lúc đó ta chưa hiểu giáo-lý ấy như thế nào.

Cũng đừng thấy người ta thờ Phật rồi vội-vã lập bàn thờ Phật, mà chưa hiểu ông Phật thể nào và tại sao phải thờ kính Đức Phật. Nếu tu như thế, thờ Phật như thế, thì càng tu càng thờ bao nhiêu càng tỏ ra cho thiên-hạ thấy rõ ta mê-tín bấy nhiêu. Đó cũng là cái đích để cho người vô Đạo nhắm đó mà bài-bác, nhạo chê hủy-báng và cũng rất ủng hộ cho cái công-trình thành-kính lễ-bái của ta vậy.

Cho được tránh những điều ấy, trước khi thờ, học Đạo nào, hay theo ông Thầy nào, ta hãy suy-gẫm phán-đoán kỹ-càng; chừng hiểu biết rõ-ràng ta sẽ hành theo Đạo ấy, Thầy ấy. Chẳng được như vậy, dầu mình theo Đạo rất chánh-đáng, ông Thầy rất thông minh cũng chẳng có ích chi cho mình cả.

Sự đầu tiên của người hành Đạo là cốt sửa những tư-tưởng, tìm cách đánh đổ tư-tưởng xấu-xa, đem thay vào những tư-tưởng ôn-hòa, đạo-đức.

Bạc-Liêu, năm Nhâm-Ngũ.



NHỮNG CÂU CHÚ THƯỜNG NIỆM

Thấy trong quyển “Tặng đồ nhà Phật” có chép những câu chú mà xưa kia các vị “tỳ kheo” và “tỳ kheo ni” thường đọc trong những công chuyện thường ngày, Đức Thầy lúc còn ở Bạc-Liêu, bèn dịch mấy câu chú này bằng lối thơ văn.

Dưới đây là những câu chú bằng hán văn và phạn văn, kể đó là những bài của Đức Thầy dịch lại:

Thùy miên thử ngộ,
Đương nguyện chúng-sanh.
Nhứt thiết trí giác,
Châu cổ thập phương.

*Như tôi tỉnh giác lúc bình-minh,
Chí nguyện cầu cho cả chúng-sinh.
Tâm-trí khai hông cùng tỉnh-táo,
Mười phương đều rõ máy anh-linh.*



Đại tiêu tiện thời,
Đương nguyện chúng-sanh.
Khí tham, sân, si,
Quyên trừ tội pháp.
(Án ngân lỗ đà da tá ha !)

Cũng như tôi tiểu tiện ra,
Nguyên cầu sanh-chúng tống ra khỏi mình :
Tham-lam, gây-gổ, si tình,
Khỏi điều tội-lỗi nhẹ mình cao bay.



Sự ngật tự thủy,
Đương nguyện chúng-sanh.
Xuất thế Pháp trung,
Tốc tậ nhi vãng.

Việc xong rồi đến tôi dùng nước,
Cũng như tôi lấy nước này ra.
Nguyên chúng-sanh xuất khỏi ta-bà,
Nhờ Đạo-pháp lướt qua mau chóng.



Tẩy dịch hình uế,
Đương nguyện chúng-sanh.
Thanh-tịnh điều nhu,
Tất kiến vô tất.

Như tôi rửa sạch khỏi dơ mình,
Chỉ nguyện cầu cho cả chúng-sinh.
Đắc được thân tâm, thanh tịnh lạc,
Điều-hòa chẳng nhiễm nghiệp mê-ling.



Dĩ thủy quán chưởng,
Đương nguyện chúng-sanh.
Đắc thanh- tịnh thủ,
Thọ trì Phật-pháp.
(Án chủ ca ra da tá ha !)

*Lấy nước tôi rửa sạch tay,
 Nguyện cầu sanh-chúng được tay thơm lành.
 Ngõ hầu nắm pháp vô sanh,
 Giữ-gìn lời Phật ban hành từ xưa.*



*Dĩ thủy tẩy diện,
 Đương nguyện chúng-sanh.
 Đắc tịnh pháp-môn,
 Vĩnh vô cầu nhiễm.
 (Án lam tá ha !)*

*Lấy nước rửa sạch mặt mày,
 Tôi nguyện sanh-chúng đắc rày pháp-môn.
 Lặng yên trong cõi trường tồn,
 Chẳng hề nhiễm tục hôn bợn nhờn.*



*Thấu khẩu liên tâm tịnh,
 Dẫn thủy bá hoa hương.
 Tam nghiệp hằng thanh-tịnh,
 Đồng Phật vãng Tây-Phương.
 (Án hám án hản tá ha !)*

*Súc miệng tôi cũng lóng lòng,
 Ngậm nước như ngậm trăm bông đủ mùi.
 Cầu tịnh ba nghiệp xong xuôi,
 Tây-Phương quyết đến chung vui Phật-đài.*



Thủ chấp sát nha,
Đương nguyện chúng-sanh.
Giai đắc diệu-pháp,
Cứu-cánh thanh-tịnh.

*Tay tôi cầm lấy sát nha,
Nguyện cầu sanh-chúng gặp khoa diệu-mầu.
Thấy đều thấy lý cao sâu,
Đến nơi yên tĩnh tột sâu vô ngần.*



Trước hạ quần thời,
Đương nguyện chúng-sanh.
Phục chư thiện căn,
Cụ túc tâm hỷ !

*Cũng như tôi mặc quần đây,
Đặng cho phân dưới khỏi thầy lỏa-lô.
Nguyện chúng-sanh điếm-tô điều thiện,
Lấy việc lành che chuyện xấu-xa.*



Nhược trước thượng y,
Đương nguyện chúng-sanh.
Hoạch thắng thiện căn,
Chí pháp bỉ-ngạn.

*Như tôi mặc áo trên vào,
Nguyện cầu sanh-chúng trùm bao góc lành.
Trở bước tìm cuộc vô sanh,
Đến nơi sáng suốt tịnh-thanh Niết-Bàn.*



Chỉnh y thúc đai,
 Đương nguyện chúng-sanh.
 Kiểm thúc thiện căn,
 Bất linh tán thất.

*Như tôi gài áo buộc ràng dây,
 Cầu nguyện chúng-sanh khắp cõi này.
 Buộc chặt căn lành vào thể-phách,
 Chẳng lo thất-lạc đôi cùng thay.*



Nhược đắc kiến Phật,
 Đương nguyện chúng-sanh.
 Đắc vô ngại nhãn,
 Kiến nhưt thiết Phật.

*Như tôi được thấy Phật đây,
 Nguyện cầu sanh-chúng đắc rày nhãn-quan.
 Mắt thông dòm suốt khắp ngàn,
 Nhìn thấy chư Phật thập phang đại-đồng.*



Pháp-vương vô thượng tôn,
 Tam giái vô luân thất;
 Thiên nhơn chi đạo sư,
 Tứ sanh chi từ phụ.
 Ngã kim tạm qui-y,
 Năng diệt tam kỳ nghiệp.
 Xung dương nhược tán thán,
 Ưc kiếp mạc năng tân.

Ngài là vua Pháp tột cao,
Khấp trong ba cõi chẳng sao sánh tày.
Tiên, người đồng kính đạo Thầy,
Cha lành hết cả bốn loài chúng-sanh.
Nay tôi qui mạng thiệt-hành,
Ngõ mong trừ dứt nghiệp sanh ba đời.
Tỏ ra khen ngợi những lời,
Dầu cho ức kiếp chẳng nơi nào cùng.



Thiên thượng thiên hạ vô như Phật,
Thập phương thế-giải diệc vô tỷ.
Thế-gian sở hữu ngã tâm kiến,
Nhứt thiết vô hữu như Phật giả.
Trên dưới trời chẳng ai bằng Phật,
Khấp mười phương hẳn thật khó so.
Dòm trong cõi thế rộng to,
Một người khó kiếm sánh đo cùng Ngài.



Năng lễ, sở lễ, tánh không tịch,
Cảm-ứng đạo giao nan tư-nghị.
Ngã thủ đạo-tràng như đế châu,
Thập phương chư Phật ảnh hiện trung.
Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền,
Đầu diện tiếp túc qui mạng lễ.
Sự lay Phật vốn không yên-tĩnh,
Đạo cảm-giao khó tính khôn bàn.
Nay tôi ở trong đạo-tràng,
Cũng như kết chặt vào đoàn ngọc-châu.

*Mười phương Phật hiện bầu hình ảnh,
 Có bóng tôi cũng sánh các Ngài.
 Từ chơn cho chí mặt mày,
 Cúi đầu làm lễ nguyện rày qui-y.*



Phật quan nhưt bát thủy,
 Bát vạn tứ thiên trùng.
 Nhược bất trì thử chú,
 Như thực chúng-sanh nhục.
 (Án phạ tất ba ra ma ni tá ha !)

*Phật thấy chén nước có trùng,
 Bốn ngàn tám vạn muốn dùng cho tinh.
 Nếu không trì chú niệm kinh,
 Khác nào ăn thịt chúng-sinh hằng-hà.*



Nhược kiến không bát,
 Đương nguyện chúng-sanh.
 Cứu cánh thanh-tịnh,
 Không vô phiền-não.

*Như tôi thấy chén không,
 Cầu nguyện chúng-sanh đông.
 Đến tận bờ thanh-tịnh,
 Phiền não vẫn không không.*



Nhược kiến mãn bát,
 Đương nguyện chúng-sanh.
 Cụ túc thanh mãn,
 Nhưt thiết thiện pháp.

*Bằng như tôi thấy bát đầy đây,
Cầu nguyện chúng-sanh khắp cõi này.
Chứa được đủ no thêm vẹn-vẽ,
Pháp lành các món cũng về đây.*



Thiện tai giải-thoát phục,
Vô thượng phước điền y.
Ngã kim đánh đái thọ,
Thế thế bất xả ly !
(Án tất đà da tá ha !)

*Lành thay y-phục thoát trần,
Khác nào thừa ruộng tốt phần tốt tươi.
Cúi đầu đội nó trên người,
Thê nguyên kiếp kiếp đời đời chẳng phai.*



Thiện tai giải-thoát phục,
Vô thượng phước điền y.
Ngã kim đánh đái thọ,
Thế thế thường đắc phi.
(Án độ ba độ ba tá ha !)

*Lành thay y-phục thoát trần,
Khác nào thừa ruộng tốt phần tốt tươi.
Cúi đầu đội nó trên người,
Thê nguyên được mặc đời đời chẳng phai.*



Thiện tai giải-thoát phục,
 Vô thượng phước điền y.
 Phụng trì Như-Lai mạng,
 Quảng-độ chư chúng-sanh.
 (Án ma ha ca bà, ba tra tất đế ta ha !)

*Lành thay y-phục thoát-trần,
 Khác nào thừa ruộng tội phần tốt thay.
 Nguyên theo mạng lệnh Như-Lai,
 Mở lòng rộng-rãi độ rày chúng-sanh.*



Nguyên thử chung thính siêu pháp-giái,
 Thiết vi u-ám tất giai văn.
 Văn trần thanh-tịnh chúng viên thông,
 Nhứt thiết chúng-sanh thành chánh-giác !
*Nguyên tiếng chuông lành thông các cõi,
 Thiết vi địa-ngục cũng nghe rành.
 Nghe rồi thân tịnh tâm tròn sáng,
 Tất cả chúng-sanh Phật đạo thành !*



Văn chung thính phiền-não khinh,
 Trí-huệ chường bồ-đề sanh,
 Ly địa-ngục xuất hỏa khanh,
 Nguyên thành Phật độ chúng-sanh.
 (Án đà ra đế dạ ta bà ha !)
*Nghe chuông phiền-não tiêu tan,
 Bồ-đề tâm mở trí toan huệ mâu.
 Lìa xa địa-ngục thăm sâu,
 Khỏi nơi hầm lửa đặng cầu chơn tâm.*

*Nguyện tu thành Phật chẳng làm,
Độ trong sanh-chúng hết lâm tai-nàn !*



Thủ chấp tịnh bình,
Đương nguyện chúng-sanh.
Nội ngoại vô cầu,
Tất linh quang khiết !
(Án thế dà rô ca sát ta ha,
Án phạ tất ra thí dà lô sát mạng sát tá ha !)

*Tay tôi cầm lấy tịnh bình,
Nguyện cầu thân thể chúng-sinh trong ngoài.
Đều không nhiễm trược trần ai,
Sạch tinh sáng-láng tặc lai diệu-huyền !*

Bạc-Liêu, tháng 7 năm Nhâm-Ngũ.



CHO CÔ HAI GƯƠNG (Cần-Thơ)

1. Thầy thương đệ-tử ngẩn-ngơ sầu,
Vẫn biết công-phu con dải-dầu.
Nhưng nổi tiền-khiên gây lăm nợ,
Đòi này trả dứt mới mong cầu.



8. Mong cầu gặp Phật hội Long-Hoa,
Con rán trì tâm niệm Phật-Đà.
Xét lại xác Thầy xưa cũng hoại,
Thân phàm bỏ lại thế-gian mà !



- Đến hội trăm quan còn hiện được,
Thì ra xác thịt có cần đâu ?
Khuyên con nghĩ cạn đừng ưu-lự,
12. Mượn chước huyền-cơ giải mạch sâu.



Ví Thầy xác thể phải còn đau,
Hà hướng chi con tránh được nào ?
Quả dữ trả rồi nhân thiện đến,
Nếu Thầy đắc Đạo bỏ con sao ?



- Đường xá xa-xuôi Thầy nguyện cầu,
Phật Thần ban rải huệ linh màu.
Cho con yên-ổn thân đôi chút,
20. Chớ dễ nào Thầy quên trẻ đâu !

Bạc-Liêu, 24-8 Nhâm-Ngũ (3-10-42).



CHO CÔ NĂM VÕ-THỊ-HỘI ở Bạc-Liêu

1. Hãy rán tu tâm dưỡng tánh lành,
Đừng cho ma nghiệp vọng tâm-sanh.
Quay về cội phúc đường chân-đạo,
Phật-pháp thiên-na dốc thực hành.



- Chớ nhiễm trần-hoàn đượm phần son,
Chiêm-bao cuộc thế chẳng thường còn.
Chi bằng nhớ lại câu hồng-thệ,
8. Tỉnh-ngộ nghe Thầy dạy hồi con !



12. Hỡi con ! Đòi tặc rất hôi-tanh,
Trí-huệ trau-giồi kiếm nẻo thanh.
Mãn kiếp hồng-trần sanh Lạc-quốc,
Hưởng công niệm Phật rất yên lành.



Thầy thấy con nay đắm cỏi trần,
Đường tu lơ-lãng chẳng ân-cần.
Thương thay công-quả tu từ trước,
Lại muốn bỏ đành gốc thiện nhân !



20. Chẳng sớm về nhà lo sám-hồi,
Cầu trên Phật-Tổ giải mê-căn.
Ắt là hồn trẻ còn chi nữa, ⁽¹⁾
Địa-ngục trầm-luân cách thượng tầng.

Sài-Gòn, ngày 23-12-42 (16-11 Nhâm-Ngũ).



⁽¹⁾ *Quả thật cô này sau chết tại nhà thương Biên-Hòa năm 1945.*

**NHỮNG BÀI SÁNG-TÁC
NĂM
QUÍ-MÙI VÀ GIÁP-THÂN
(1943 - 1944)**

NĂM QUÍ-MÙI (1943)

HỎI PHỔNG ĐÁ (Cổ thi)

Ông đứng làm chi đây hỏi ông ?
Trơ trơ như đá vững như đồng.
Giữ gìn non nước cho ai đó ?
Dâu bể cuộc đời có biết không ?

PHỔNG ĐÁ TRẢ LỜI

Ông đứng đây cho chúng biết ông,
Kêu lên một tiếng tợ chuông đồng.
Khắp trong thiên-hạ đều lai tỉnh,
Bước xuống thuyền từ đến cửa không.



Đứng chờ thời-vận đến cho ông,
Rải Đạo huyền-vi khắp Đại-Đồng.
Bao bọc non Hồng cùng nước Lạc,
Việc đời cũng biết chớ sao không ?



Đứng chờ Đại Chúng trọng tôn ông,
Dựng cuộc hòa-minh khắp Đại-Đồng.
Mao-Việt giang-son bờ cõi vững,
Đuổi loài Phiên-tặc lợi về không.

HỒNG-VÂN CƯ-SĨ
(*biệt hiệu của Đức Thầy*)
Sài-Gòn, năm 1943.

**CHO ÔNG ĐỖ-VĂN-VIỄN
SẮP ĐỔI ĐI LÀM VIỆC XỨ XA**

Ngàn dặm đường xa cách ải quan,
Chúc nguyên đệ-tử được bình-an.
Mong trời nhỏ phước cho dân thiện,
Vô bệnh, vô ưu, muôn việc nhàn.



Đó rán trì lòng ân-nhẫn qua,
Thì-giờ hạnh-phúc có đâu xa.
Ngày nay sư-đệ tuy xa cách,
Trời Phật ban cho sẽ hiệp-hòa.



Con này thế-giới lắm phong-ba,
Lừa-lọc con tiên diệt quỷ tà.
Phú có cao-đàng phân kẻ bạo,
Cho người lương-thiện khỏi xông-pha.



Non nước tuy xa đâu cũng trời,
Cũng trời, cũng Phật, cũng an nơi.
Một tâm chí nguyện cho tròn Đạo,
Lòng chó lo chi sự đổi dời.

Sài-Gòn, năm 1943.



CHO BÀ NĂM CÒ Ở SÀI-GÒN

Ngọn gió thiên môn cuốn bụi hồng,
Lợi danh hai chữ mắt lờ trông.
Nương theo đuốc huệ tầm chơn-ly,
Lóng tiếng từ-bi diệt dục lòng.
Tĩnh ngộ đã nghe lời Phật thuyết,
Thoát mê suy nghiệm lẽ huyền thâm.
Mau chơn bước đến Long-Hoa hội,
Chầu Phật hòa vui cõi Đại-Đồng.

Sài-Gòn, năm 1943.



GỌI ĐOÀN

1. Hồi anh em trong nhà Nam-Việt !
Nhớ nước ta hùng liệt thuở xưa.
 Ngàn năm Bắc địch vầy bừa,
Mà còn đứng dậy tống đưa quân thù.
 Hồn chiến-sĩ ngàn thu rạng tỏ,
 Gương anh-hào chói đỏ như châu.
 Non sông thanh bạch một bầu,
Ngọn cờ độc-lập bay hầu khắp nơi.
 Lịch-sử cũng rạng ngời mấy đoạn,
10. Lắm anh-hùng hảo-hán xuất thân.
 Sanh vi tướng tử vi thần,
Câu châm ngôn ấy truyền lần đến nay.
 Tới Nguyễn-trào sa tay một phút,
 Lũ Tây-dương bòn rút mấy mươi năm.
 Thương dân ruột tím gan bầm,
16. Rửa chưa xong hận còn căm mỗi hòn.

- Nay chẳng lẽ ngồi đờn những bản,
 Vong-quốc-ca cho bạn chung nghe.
 Thôi thì ta hãy hiệp bè,
 20. Cùng nhau đoàn-kết đặng khoe sức hùng.
 Khắp Bắc, Nam đùng đùng một trận,
 Ấy mới mong quốc-vận phản hồi.
 Trước là đẹp lũ Tây bồi,
 Sau đưa quốc-tặc qui-hồi Diêm-cung.
 Nếu nay chẳng vầy-vùng cương-quyết,
 Thì ắt là tiêu-diệt giống nòi.
 Muôn năm chịu kiếp tôi-đòi,
 28. Thân người như thế còn coi ra gì ? !



GỌI ĐOÀN THANH-NIÊN

1. Hỡi thanh-niên trong nhà Nam-Việt,
 Thanh-niên đừng mài-miệt truy-hoan.
 Cùng nhau hiệp bạn vầy đoàn,
 Luyện rèn thao-lược đặng toan báo cừu.
 Cứu được nước danh lưu thanh-sử,
 Noi tinh-thần quân lữ Phù-Tang.
 Lòng yêu tổ-quốc hoàn toàn,
 Xông pha chiến địa gian-nan sá gì.
 Chớ có ngủ li-bì trong mộng,
 10. Để dân ta mãi sống khôn-cùng.
 Á-đông sủng nỗ đùng-đùng,
 Thì ta cũng phải vầy-vùng thoát-ly.
 Đùng nhu-nhược, mê-si tửu sắc,
 Mà buông tha lũ giặc cùng đường.

- Thanh-niên nghĩa-vụ phi-thường,
Phận là phải biết yêu thương giống nòi.
Nay chẳng lẽ ngồi coi thắng bại,
Của cạp, rông trên dãy đất ta.
Một mai cạp đã lia nhà,
20. Biết rông có chịu buông tha chẳng cùng ?
Vậy anh em phải chung lưng lại,
Dùng sức mình đánh bại kẻ thù.
Tỏ ra khí-phách trượng-phu,
Vung long-tuyên-kiếm tận tru gian thần.
Xưa nước đã bao lần khuynh-đảo,
Được cứu nguy nhờ máu anh-hùng.
Hy-sinh báo quốc tận trung,
Dem bầu nhiệt-huyết so cùng sắt gang.
Việt-Nam là giống Hồng-Bàng,
30. Muôn đời xa lánh tai-nạn diệt-vong.

Sài-Gòn, năm 1943.



« TẶNG ĐOÀN THANH-NIÊN ÁI-QUỐC »

1. Vừa nghe nói Đoàn Thanh-Niên Ái-Quốc,
Lòng sĩ-tăng bỗng bật sự vui say.
Ấu là Trời đã sẵn bày,
Non sông chìm đắm có ngày phục-hung.
Khắp Á-Đông tung-bùng náo-nhiệt,
Nô-nức nhau kiến-thiết quốc-gia.
Kẻ sang hải-ngoại về nhà,
Người trong tăng-lữ cũng là ước-ao.
Bấy lâu đã khát-khao tự-trị,
10. Thanh-Niên Đoàn chuẩn-bị xong chưa ?

11. Chùng nào sức mạnh có thừa,
 Diệt-trừ kẻ bạo cho vừa lòng dân.
 Gương trung-nghĩa Thánh Thần cảm-động,
 Ất có ngày mở rộng cơ-quan.
 Từ Nam ra Bắc xa ngàn,
 Nhưng lòng phải một mới toàn mưu hay.
 Chừ dầu có đắng cay rán chịu,
 Đợi cơ Trời kết-liễu thù chung.
 Làm cho rõ mặt anh-hùng,
20. Làm cho địch-thủ rùng-rùng bó tay.
 Vậy mới đáng làm trai Nam-Việt,
 Chen vai cùng hào-kiệt Phù-Tang.
 Gánh-gồng bảo-bọc giang-san,
 Giữ-gìn biên-cảnh bằng an đời đời.
 Trăm họ mới thanh-thoi nhàn-nhã,
 Lo đắp-bồi văn-hóa ngàn năm.
 Tham quan chùng ấy vắng tăm,
 Một dân chùng ấy kiếm tầm đâu ra.
 Đôi lời thô-kịch ngâm-ngã,
30. Tặng viên Đoàn-Trưởng gọi là yêu nhau.

Sài-Gòn, năm 1943.



NHÃN ĐỘI THỜI-CƠ

Vì có nhiều anh em bốn-đạo phân-vân về chỗ mùa hạ năm Quý-Mùi (1943) đã qua mà chưa thấy chuyện gì có thể cho là phù hợp với câu:

“Qua năm dê đến lúc mùa hè,
 Trong bá-tánh biết ai hữu chí.”

nên Đức Thầy có làm mấy bài thi dưới đây:

1. Bay hồn khiếp vía kể từ đây,
Nhấn gởi cho ai vội trách Thầy.
Trời hạ năm dê chưa nữa nữa,
Tuần-huòn máy tạo cũng lần xây.



Lần xây thiện-tín rõ chơn Thầy,
Chớ nóng tánh phàm chớ vội quay.
Ngày lụn tháng qua năm sẽ đến,

8. Trẻ già sẽ thấy cái hay hay.



Hay hay nam nữ thỏa lòng khuây,
Nếu chẳng thì ra lại trách Thầy.
Muốn sớm tận nhìn e úa rụng,
Trì tâm tu-niệm để rồi đây.



Rồi đây úa rụng xót lòng thay,
Uổng tiếc công-trình bấy đến nay.
Có khó mới khôn, khôn rảnh khó,

16. Gìn tâm thiện niệm bớ râu mày.



Râu mày biết giữ đạo tâm chay,
Đắc quả thành công cũng có ngày.
Thất-Tổ Cửu-Huyền nơi chín suối,
Những mong hậu-tấn biết tâm chay.



Tâm chay hậu-tấn rán tu thân,
Bến giác chẳng xa cũng chẳng gần.
Trời Phật thương người lo độ tận,

24. Muốn lo giải-thoát phải tu thân.



Tu thân thiện-tín phải chuyên cần,
 Lục-tự Di-Đà giữ Tứ Ân.
 Rán nhẫn trăm phần dầu khó nhẫn,
 Dạ thừa quan chức phận làm dân.



32. Làm dân bá nhẫn thị lương hiền,
 Chữ nhẫn lời truyền Phật, Thánh, Tiên.
 Gương trước Hón, Tần, Hàn-Tín nhẫn,
 Đã không khổ nhục khỏi ưu-phiền.



Ưu-phiền trăm mối suốt canh thâu,
 Thiện-tín chưa thông lẽ nhiệm-mầu.
 Mảng sợ sông Ngân cầu lỗi nhịp,
 Lo chi ô-thước chẳng xong cầu.



40. Xong cầu bờ giác bên sông mê,
 Thế-sự nhân-sanh hết nhún trề.
 Đạo-pháp huyền-vi thâm diệu diệu,
 Chẳng màng thế-sự tiếng khen chê.

Sài-Gòn, năm Quý-Vì (1943).



BÀ-RÁ

Bà-Rá mấy năm nhót tội nonh,
 Hành-hà những kẻ mền giang-son.
 Bao giờ cuộc thế xoay chiều mới,
 Tháo cũi tuông mây đặng rửa hờn.

Sài-Gòn, năm Quý-Vì (1943).



**ĐI CHƠI ĐÊM VỚI ÔNG LUẬT-SU
MAI-VĂN-DẬU**

Cùng ông thầy kiện đi chơi,
Hứng luồng gió mát thanh-thời tẩm lòng.
Đi vừa giáp đặng một vòng,
Ngồi lại bàn đá ngó mong trên trời.
Sao một nơi, trăng một nơi,
Trời xinh cảnh lịch tuyệt vời như tranh.
Đi ngang bồn cỏ xanh xanh,
Ông quên luật-lệ, ông đành bước lên.
Rầy ông, ông giả đồ quên,
Phải mà có lính biên tên sỏ cò.
Rời đi nhiều nỗi quanh co,
Ngay đường khám lớn nhỏ to luận bàn.
Bỗng đâu một tiếng la vang,
Nắm tay ông kéo chạy sang cạnh lề.
Ấy là tiếng “ách-ta-lê”⁽¹⁾,
Không đứng chính-tề chúng bản dập xương.

Sài-Gòn, mùa thu năm 1943.



⁽¹⁾ Halte là ! (Hiệu lệnh bảo đứng lại).

AN-ỦI MỘT TÍN-ĐỒ

Con thuyền bát-nhã sang sông,
 Miệng ngoài gọi khách lòng trong ngại-ngùng.
 Đã từng dựa kẻ nâu-sùng,
 Có sao tâm trí còn từng ngoại duyên.
 Muốn lên tiên được cảnh tiên,
 Nác thang vinh-hạnh Thầy riêng cho mình.
 Từ đây đến buổi thanh-bình,
 Muôn người niệm Phật quả mình biết bao.
 Trồng cây mà chẳng rắp rào,
 Để cho gió lại tạt vào gốc lay.
 Lòng người chẳng ớt mà cay,
 Bị câu tài-sắc đổi thay khôn lường.
 Một mai đến số vô-thường,
 Công kia với tội có lường kịp chăng ?

Sài-Gòn, năm 1943.



NĂM GIÁP-THÂN (1944)

CHO CÔ KÝ GIỎI Ở BẠC-LIÊU

Rày đã tu thân lánh bụi hồng,
Dạ đừng suy nghĩ chuyện minh-mông.
Để tâm yên tĩnh tâm chơn-lý,
Phổ-cứu nhơn-sanh khắp đại-đồng.



Cô hai cô đã đi về,
Mà sao tâm não nhiều bề ưu tư.
Làm sao gỡ mối sầu tư,
Cho Thầy cho bạn cũng như cho mình ?



Viết cho cô điệu ít hàng,
Chuôi già ăn hết rõ ràng mười hai.
Nội nhà ngó thấy bằng nay,
Từ đây sắp đến không ai dám mời.
Tưởng ăn vài trái đồ chơi,
Ai dè bao-tử là nơi kho-tàng.

Sài-Gòn, năm 1944.



ẠC-NÚC

Ạc-Núc từ khi đến đất này,
Giết đã vô số kẻ thù Tây.
Làm cho chí-sĩ nhà Nam-Việt,
Chẳng đội trời chung với lũ mây.



ĐỜ-CU

Người Pháp bây giờ mới phục-hung,
 Trẻ già múa nhảy từng-từng-tung.
 Đờ-Cu hội-hiệp lãng-xăng xộn,
 Đưa biểu đầu đi đưa biểu đùng.

Sài-Gòn, năm 1944.

**MUỐN LÁNH PHỒN-HOA**

Muốn lánh phồn-hoa, lánh thị-thành,
 Tìm nơi non thắm ngõ mai danh.
 Đợi cơ thiên-địa xây vắn đến,
 Chờ cuộc phong-lôi đổi vận lành.
 Sớm hừng sương trong cùng vũ-trụ,
 Chiều mong gió mát với trời thanh.
 Xa nơi đa sự điều cao hạ,
 Muốn lánh phồn-hoa, lánh thị-thành.

Sài-Gòn, năm 1944.



**NHỮNG BÀI SÁNG-TÁC
NĂM ẤT-DẬU
(1945)**

NĂM ẤT-DẬU (1945)

HUẤN-LỊNH

Hỡi tất cả thiện-nam tín-nữ !

Ngày mà chúng ta chịu khổ dưới gót giày của người Pháp và bọn quan-lại hung-tàn đã vừa qua. Kể từ nay tôn-giáo của chúng ta sẽ được tự-do truyền-bá. Vậy tôi nhân cơ-hội này tỏ cho các người được hiểu rằng :

Đạo Phật là đạo từ-bi bác-ái, dĩ đức hạo sanh khoan hồng đại độ; tuy tình thế đổi thay chớ tâm lòng nhưn chẳng đổi.

Vậy hãy coi toàn dân cũng như anh em một nhà, mong họ liên-kết với chúng ta để kiến-thiết lại quê-hương cùng nền Đạo nghĩa. Những kẻ bạo-tàn từ trước đến giờ, nay đã ăn-năn giác-ngộ thì hãy dĩ đức nhiều dung tội trạng của họ, để sau này quốc-gia định-đoạt, còn mình chỉ khuyên họ trở lại đường lành, chớ chẳng nên làm điều gì thái quá mà động đến từ-tâm của chư Phật.

Mong các người hãy tuân theo huấn-lệnh này.

Sài-Gòn, ngày 2 tháng 2 Ất-Dậu (1945).



HỒI ĐỒNG-BÀO VIỆT-NAM !

Nước nhà đã tuyên-bố độc-lập. Kẻ thù giết cha ông của chúng ta hầu hết đã bị giam cầm. Giờ đây, bổn-phận của mỗi người Việt-Nam cần phải làm thế nào cho sự độc-lập hoàn-toàn của nước nhà chóng thực-hiện.

Vậy tôi xin khuyên tất cả đồng-bào muốn tỏ ra xứng đáng với một người dân một nước tự-do thì chúng ta hãy nên đoàn-kết chặt-chẽ cùng nhau, hãy quên hết những mối thù hèm ganh-ghét, đừng bày ra cái họa nôi da xáo thịt khiến cho ngoại nhơn khinh-bỉ một dân-tộc như dân-tộc Việt-Nam ta đã có nhiều tấm lòng nhân-hậu và những trang lịch-sử vẻ-vang. Còn bọn sâu dân một nước để sau này cho Tòa-án quốc-gia định-đoạt, hiện giờ hãy rán tuân theo kỷ-luật của nhà binh.

Lo trả thù riêng, đốt phá nhà cửa, hoặc trộm cướp sát-nhân, làm rối trật-tự, có hại cho sự kiến-thiết quốc-gia.

Kẻ yêu nước chẳng nên làm.

Những người lính Việt-Nam trong quân-đội Pháp thoát ngũ hãy ra nhà binh Nhứt ghi tên, sẽ vô tội. Những lính cảnh-sát hãy đem khí-giới ra nộp và hiệp-tác với nhà đương cuộc để giữ an-ninh. Những kẻ trộm cướp có khí-giới hãy đem khí-giới nộp và thú tội sẽ được tha-thứ.

Bình-tĩnh hiệp-tác chặt-chẽ với nhà đương cuộc, giữ sự an-ninh cho dân-chúng, có lợi cho sự kiến-thiết quốc-gia.

Kẻ yêu nước nên làm.

Nhân danh cho VIỆT-NAM ĐỘC-LẬP
VẬN-ĐỘNG HỘI kiêm CỐ-VẤN DANH-DỰ
VIỆT-NAM ÁI-QUỐC ĐẢNG

Ký tên: HÒA-HẢO

Sài-Gòn, tháng 2 Ất-Dậu (1945).



LỜI RIÊNG CHO BỒN-ĐẠO

Tôi ở Sài-Gòn khi cuộc đảo-chánh xảy ra, vẫn đoán biết sẽ có vài chuyện chẳng hay trong quần-chúng, lập tức gởi thơ về khuyên giải mọi người, nhưng vì đường giao-thông bất tiện mà thơ ấy đến rất chậm trễ, tôi lấy làm chẳng vui mà thấy một vài người trong Đạo và ngoài đời nhận lấy cái danh-từ của tôi mà làm một ít cử-chỉ trả thù không có xứng đáng với tâm lòng đạo-đức từ-bi; trước kia chúng nó hà-khắc ta, chúng nó đành; ngày nay ta hà-khắc lại, sao đành. Vì lòng chúng nó đầy sự hung-tàn, còn lòng ta lại đầy nhân-ái !

Nên kể từ nay kể nào trong Đạo còn làm điều gì không có mạng linh sẽ bị loại ra khỏi Đạo và giao nhà đương-cuộc xử một cách gắt-gao.

Ký tên: HÒA-HẢO

Sài-Gòn, tháng 2 Ất-Dậu (1945).



HIỆU-TRIỆU

Hỡi Đồng-Bào Việt-Nam !

Vì một cái chánh-sách sai lầm của tiên-nhân ta mà Đé-Quốc Pháp có cơ-hội tốt để chiếm-đoạt lãnh-thổ nước Việt-Nam. Gần ngót trăm năm nay, đồng-bào ta trải biết bao cay đắng: lớp kẻ thù giày-đạp, lớp quan-lại tham-ô, vì thế nên người dân Việt-Nam gánh vác biết bao nhiêu sưu-thuế nặng-nề. Kẻ thù đã lợi-dụng chánh-sách ngu dân để nhồi sợ quần-chúng, gây mầm chia rẽ Bắc, Nam, Trung, phá rối sự đoàn-kết, hầu mong cho cuộc đô-hộ được vĩnh-viễn trên dãy non sông đất nước mà Tổ-Tiên ta phải phí biết bao máu đào mới gây dựng được.

Vả lại từ trước cho đến nay các bực anh-hùng, các nhà chí-sĩ khắp ba kỳ đã bao phen vùng-vẫy chống lại quân thù mong gây dựng lại nền Độc-Lập cho quê-hương đất Việt.

Nhưng than-ôi ! chỉ vì thiếu khí-giới tối-tân, chỉ vì sơ đường luyện tập mà giọt máu anh-hùng đành hòa với bao nhiêu giọt lệ, khóc phút sa cơ, để lại cho người đồng thời và cho đoàn hậu-thế muôn vàn tiếc thương ân-hận.

Cách bốn năm nay, Đé-quốc Pháp đã tan tành gãy đổ; địa vị người Tây cũng bị suy-lạc rất nhiều trên bán đảo Đông-Dương. Kê đến quân-đội Nhựt tràn sang, bọn cầm quyền Pháp ở xứ ta muốn duy-trì quyền chủ-trị của họ bèn lợi-dụng tất cả điều-kiện kinh-tế, để cung-cấp các sự nhu-cầu cho quân-đội Nhựt hầu giữ vững cuộc bang-giao. Đảng khác, họ

gia-tăng sự áp-bức, làm cho dân-chúng ta phải điều-
linh trong vòng khổ-sở, hầu làm cho chúng ta mất cả
năng-lực, cùng tinh-thần tranh-đấu, mong kéo dài
ngày tháng chờ cơ hội thuận-tiện để vẫy-vùng.

Đến ngày hôm nay, giai-đoạn tranh-đấu đã đến
thời-kỳ quyết-liệt, cho nên lòng hân-hoan và mối hy-
vọng của kẻ thù đã bộc-lộ rất rõ-ràng. Vì vậy tình
bang-giao giữa chúng nó với Chánh-phủ Nhật-bổn
chẳng còn được ôn-thỏa nữa.

Đó là lý-do để cho quân-đội Nhật giải-quyết vấn-
đề Đông-Dương và rạng ngày 26 tháng giêng năm Ất-
Dậu ta (nhằm ngày 10 Mars 1945 theo dương-lịch),
bộ máy cai-trị của chúng nó bị hoàn-toàn gãy đổ.

Hỡi Đồng-Bào Việt-Nam !

Chúng ta đã bước và đang bước đến một khúc
nghiêm-trọng trên lịch-sử. Giờ đây ta đã có thêm
nhiều đặc-quyền lo-lắng đến cái giang-san gấm-vóc
của Tổ-Tiên ta di-truyền lại.

Vận-động cuộc độc-lập !

Vận-động cuộc độc-lập !

Phải ! Toàn-quốc phải liên-hiệp vận-động cho
cuộc Độc-Lập. Đây là cái chủ-trương duy nhất của
Việt-Nam Độc-Lập Vận-Động Hội.

“Việt-Nam Hoàn-Toàn Tự-Do, Độc-Lập”

Đây là cái khẩu-hiệu duy-nhất của người Việt-
Nam.

Hỡi các Đồng-Chí thân yêu !

Từ khi Quốc-gia bị khuynh-đảo đến nay, chúng ta chỉ hợp từng đoàn-thể nhỏ hoặc độc-thân tranh-đấu và phải bao phen thất bại một cách đấng cay chỉ vì thiếu tinh-thần đoàn-kết, thiếu sức bền-bỉ dẻo-dai để chống lại kẻ xâm-lãng vô cùng tàn-bạo. Thời giờ này ta đã học-hỏi được nhiều rồi, ta đã thâm thập kinh-nghiệm khá hơn rồi; vậy thì ta nên đồng nhận chân ý-thức như nhau, nắm tay nhau quả-quyết mạnh-dạn tiến bước trên con đường tranh-đấu.

Hỡi các bạn trí-thức Việt-Nam !

– Các bạn có bị cái thứ văn-minh cặn-bã cảm-dỗ chãng ?

– Các bạn có quên tinh-thần quốc-gia hùng-dũng của Việt-Nam chãng ?

– Không ! Không ! Chúng tôi chắc hẳn rằng không vậy.

Các bạn cũng biết cái cặn-bã của nền văn-minh Pháp nhồi nắn rất nhiều đồng-bào ta trở thành những bộ máy của bọn xâm-lãng. Các bạn đã ôn-nhuần những trang lịch-sử vẻ-vàng mà từ ngàn xưa đến giờ, tiền nhân ta viết ra bằng tâm-cơ và bằng huyết-hãn, vẫn còn đầm-đìa trên mặt giấy. Vậy ngày nay, các bạn nên lợi-dụng thời-cơ thuận-tiện để đem tất cả trí, năng, đức, hạnh, tham-gia vào Hội, lãnh-đạo nhân-dân hầu huấn-luyện cho nhau cái tinh-thần quốc-gia kiên-cố.

Hỡi các bạn Thanh-Niên !

Trong ba năm nay, theo mạng lệnh của người Tây, có rất nhiều bạn nhờ sự tháo-luyện, nên thân-thể được cường-tráng. Tuy vậy mà thử hỏi quân thù có thật lòng thương giống-nòi dân Việt này chăng ?

Decoux, Ducouroy có thật lòng thương yêu quý mến các bạn chăng ? Có khi nào kẻ dị-chủng ấy đã chiếm-đoạt cái di-sản quý báu vô cùng vô tận của Tổ-Tiên ta di-truyền lại mà thương bạn mến bạn. Ấy chỉ vì chúng nó lợi-dụng bạn, luyện-tập bạn phòng khi hữu sự thì đem bạn làm mồi cho gươm súng hầu bảo-vệ lợi-quyền tư riêng của chúng.

Nhưng rủi thay cho quân-thù, may thay cho lương-dân Đại-Việt ! Bọn nó chưa đủ ngày giờ thực-hành ý-định liền bị sanh-cầm. Ngày nay, thay vì phải bắt-buộc phụng-sự cho những kẻ đã sát-hại tiền-nhân ta, chiếm-đoạt lãnh-thổ ta, giành-giữ lợi-quyền ta, đàn-áp đồng-chúng ta, các bạn hãy để tinh-thần tráng-khiên ấy vừa giúp vào công cuộc kiến-thiết nền Độc-Lập cho giang-san đất Việt.

Hỡi các bạn thanh-niên ! Các bạn nên tham-gia vào V.N.Đ.L.V.Đ.H. để đạt tới mục-đích.

Hỡi các Cụ Đồ Nho ! Hỡi các Nhà Sư !

Các Cụ Đồ Nho ! Từ trước đến nay, luôn luôn các Cụ vẫn hoài bão một nhiệt-vọng cho sự Độc-Lập của nước Việt-Nam, luôn luôn các Cụ vẫn nuôi-nấng một tinh-thần Quốc-gia càng ngày càng mạnh-mẽ. Cái ngày mà các cụ mong-mỏi, thiết-tha đã đến và ngày giờ này các cụ rất khoan-khoái được thấy cái nguồn

sanh-lực của nước Việt-Nam tái-phát. Bao nhiêu tiết-thảo của thời xưa vẫn còn in sâu vào tâm-não, bao nhiêu thành tích vẻ-vang hùng-tráng của thời xưa đã chép ra mà nét chữ vẫn chưa mờ, còn lưu lại nơi trí óc các cụ những kỷ-niệm liệt-oanh rực-rỡ.

Hỡi các Cụ Đồ Nho ! Hãy tham-gia vào phong-trào mới của nước nhà để khích-lệ nhân-tâm.

Các bực Tăng-Sư, Thiên-Đức ! Các Cụ có nhớ chăng ? Trên lịch-sử Việt-Nam thời xưa nhà Đại-Đức “Khuông-Việt” dầu khoác áo cà-sa, rời miền tục-lụy, thế mà khi Quốc-gia hữu sự cũng ra tay gánh vác non sông.

Từ khi người Pháp qua chiếm đất ta, bề ngoài gọi rằng cho ta tự-do tín-ngưỡng, nhưng bên trong dùng đủ mọi cách âm-thầm chia rẽ và phá hoại cho tín-đồ nhà Phật không có sức đoàn-kết chấn-hung hầu bài-trừ cái lưu-tệ dị-đoan mê-tín.

Đã vậy lại không có cơ-quan tuyên-truyền thống nhứt, cũng chẳng có trường chung đào luyện tăng-sư. Các cụ nên biết: hễ nước mất thì cơ-sở của Đạo phải bị lấp vùi; nước còn nền Đạo được phát khai rực-rỡ.

Chúng tôi ước mong các cụ noi gương Đức Đại-Sư “Khuông-Việt” tự mình gia-nhập vào V.N.Đ.L. V.Đ.H. để làm gương, hay là để khuyến-khích các môn-nhơn đệ-tử mau tham-gia vào phong-trào mới hầu chấn-chỉnh Quốc-gia ta. Khi nào nước nhà được cường-thạnh, đạo Phật mới đặng khuếch-trương tự-do hầu gieo rắc tư-tưởng Thiện-Hòa và tinh-thần Từ-Bi, Bác-Ái khắp bàng-nhân bá-tánh.

Hỡi các nhà Thương-mãi !

Nông-gia ! Thợ-thuyền !

Dưới sự kềm-chế của bọn xâm-lãng, nền thương-mãi quốc-gia bị đắm-chìm kiệt-quệ, cơ-hồ bị tay người ngoại quốc chiếm hẫng. Vì thế dưới sự chi-phối của bọn Đế-quốc Pháp, các nền kinh-tế, thương-mãi của người Nam không có cơ góc đầu dậy nổi.

Các nền tiểu-công-nghệ, thủ-công-nghệ bị uy-hiếp nặng-nề cho đến đổi những nhà tiểu tư-bản đều bị vô-sản hóa, lâm vào một tình-trạng vô cùng lâm-than khổ-não.

Thương-gia Việt-Nam đành bó tay không phương giải-cứu. Muốn cho nền thương-mãi đặng phát-triển, thương-gia đặng thanh-vượng, phi trừ sự “Độc-Lập” của nước nhà ra chẳng có cái gì có thể vãn-cứu nổi.

Các nông-gia bị cái áp-lực bắt-công của bọn thực-dân người Pháp và những kẻ quan-lại kiêm địa-chủ hiệp bức đủ mọi phương-diện, đều bị bóc-lột rất quá đáng. Nông-nghiệp là nguồn gốc kinh-tế của xứ mình; nhưng vì muốn làm cho quân-đội Nhật-Bổn thiếu kém đồ ăn và lấy cơ cung-cấp cho quân-đội Nhật mà người Pháp, ngót mấy năm nay, thi-hành chánh-sách hết sức độc-ác, tịch-thâu hay mua rẻ nông-sản, kiểm-tra hóa-vật, bày ra nông-phổ hợp-tác lũng đoạn lợi-quyền, làm cho nông-nghiệp phải chịu thiệt-thòi rời-rã, không còn sản-xuất như xưa, kẻ làm ruộng vì vậy mà nghèo hèn đói rách. Bọn cầm quyền Pháp chẳng có giúp cho kỹ-thuật canh-cải được điều gì tốt đẹp cả, và chỉ khai-thác ít con kinh cho chiếu lệ, chớ 80 năm nay nghề

nông ta vẫn còn nằm trong vòng ấu-trĩ phôi-thai với những khí-cụ của ông bà ta để lại. Họ chẳng có đem lại thứ máy-móc nào giúp cho nông-nghiệp được phát-đạt và vì thế mà đời sống của nông-phu cũng không khi nào được thư-thái, cho đến muối là một món ăn mà Đông-Dương sản-xuất rất nhiều, nhưng vì người Pháp mà mấy năm nay trở nên thiếu-thốn chẳng đủ cung-cấp cho nhân-dân.

Nền kỹ-nghệ trong xứ chẳng những không được khuyến-kích giúp-đỡ mà lại còn bị cấm ngăn gián-tiếp khiến cho sự nhu-cầu của dân-chúng thiếu-thốn mọi bề, từ một cây-kim may cho đến một cơ-khí tinh-xảo. Tóm lại tất cả các nhà kinh-tế, kỹ-nghệ, thương-mãi, nông-nghiệp, tất cả các nguồn-lợi thiên-nhiên hay nhân-tạo, tất cả các nguyên-liệu cho sự sống còn của xứ sở bị người Pháp hoặc chiếm-đoạt, hoặc tàn-phá làm cho nước nhà không còn là một nơi phì-nhiều phong-phú nữa.

Thợ-thuyền nhơn-công cũng ở dưới sự bạc-đãi, bức bách như nông-dân; họ sống một cuộc đời luôn-luôn thiếu kém và vẫn phải rụt-rè khép-nép với bọn chủ xưởng người Tây, về mặt đầy hung-ác.

Nhiều khi lắm người nhơn công bị hành-hạ tàn-nhẫn, giết chết biệt thân, hoặc bị sót-rét rút hết máu-me nơi cánh rừng cao-su bát-ngát, hoặc chết dưới những hầm mỏ âm-u mà nào ai có mở cuộc điều-tra, nào ai dám mở lời kêu ca thông-trách và pháp-luật vẫn bỏ mặc tình, chẳng một điều gì chớ-che bảo-bọc, ấy cũng tại nguyên-nhân nào ? Nếu chẳng phải tại

nước mắt nhà tan, nên đám người vong-quốc ấy phải ngậm-ngùi với biết bao điều ân-hận.

Hỡi các Thương-gia, Nông-gia, Thợ-thuyền ! Cố-gắng lên ! Hùng mạnh lên ! Và liên-kết cổ-động tranh-đấu cho nền độc-lập hoàn-toàn của Quốc-gia hầu vãn-cứu đồng-bào mình cùng quyền-lợi mình.

VIỆT-NAM ĐỘC-LẬP VẬN-ĐỘNG HỘI

thành-lập chẳng phải chỉ để lo riêng cho cái quyền-lợi của một người hay một hạng người mà là cho chung cả mấy mươi triệu người dân Việt.

Vậy thì mỗi người công-dân Việt-Nam đều phải nghĩ đến xứ-sở mình, đến tương-lai đất nước mình, đến sự sống còn của dân-tộc mình; vì mặc dầu đã bị triệt-hạ trên giải đất Đông-Dương, Đế-quốc Pháp bên kia trời cũng vẫn còn hoài-bảo cái mộng-tưởng khôi-phục lại quyền chủ-trị; vậy thì đồng-bào hãy cố gắng lên !

Chúng tôi mong rằng các bậc lão thành, các hàng trí-thức, các thanh-niên nam nữ, các đồng-bào vì đất nước chung, vì mục-đích chung, hợp sức cùng nhau để đạt cái nhiệt-vọng tối-đại tối-cao thì tiền-nhân ta mới đành ngậm cười nơi chín-suối.

VIỆT-NAM ĐỘC-LẬP VẬN-ĐỘNG HỘI

“Ủng-hộ triệt-để các Đảng Ái-Quốc chân chính”

“Bãi-trừ triệt-để bọn mọt nước sâu dân”.

Sài-Gòn, tháng 3 dl. 1945.



Sài-Gòn, ngày 21 tháng 4 năm 1945 dl.

Lời ủy-nhiệm cho các Ban Trị-Sự Tỉnh-bộ.

Vì Thầy không thể trực-tiếp giải quyết những việc biến-cố xảy ra hằng ngày ở trong Đạo, nên cho Ban Trị-Sự được thay mặt trọn quyền thu-xếp tổ-chức giữ-gìn cho toàn-thể bổn-đạo được có trật-tự yên-ôn làm ăn. Xét những việc đã xảy ra từ ngày chánh biến đến nay, đều do những kẻ không vâng lệnh Thầy, và các nhà trí-thức trong Đạo, tự mình hành-động không ý-thức, phương-pháp :

- 1) Là vì có nhiều kẻ dối tu làm bậy.
- 2) Thiếu học-thức kinh-nghiệm, hành-động không thứ lớp.
- 3) Thiếu tổ-chức và Ban Chi-huy.
- 4) Không vâng lời Thầy dạy.
- 5) Để bọn trộm-cướp xen vào tá danh.

Nên trong khi chờ Chánh-phủ phê-chuẩn Hội Phật-Giáo Liên-Hiệp, chúng ta phải lo cho toàn thể trong Đạo bằng cách xếp họ vào trật-tự một cách yên-tĩnh, không ồn-ào quảng-cáo, không phiền-nhiều đến cơ-quan cai-trị và nhơn tâm.

Ban Trị-Sự phải giải-quyết những vấn-đề dưới đây, khởi phải hỏi ý kiến Thầy :

Điều 1.— Được quyền tổ-chức các Ban Trị-Sự trong Đạo ở các làng trong tỉnh.

Điều 2.— Được quyền chi-huy họ, bắt-buộc họ phải

tuân lệnh Ban Trị-Sự ở Tỉnh, không được khinh-suất hành-động.

Điều 3.— Chưa được phép quyền tiền và góp chi-phí, phải ngăn-cấm điều ấy.

Điều 4.— Cho các Ban Trị-Sự các nơi hay, phải lập thông-qui trong Đạo, biên tên tuổi, nghề-nghiệp, để kiểm-soát bôn-đạo mới và cũ, biên riêng sổ.

Điều 5.— Kẻ nào làm bậy được quyền bôi tên trong sổ Đạo, cho nhà chức-trách hay, hoặc bắt mà nạp cho nhà chức-trách trừng-trị.

Điều 6.— Nếu có xảy ra việc biến-cố bất ngờ, Ban Trị-Sự nên phái người trực-tiếp với nhà chức-trách thương-lượng, điều-đinh cho ôn-thỏa, đừng để hiểu lầm nhau.

Điều 7.— Những kẻ nào gân đây có phạm vào tội trộm-cướp, không đăng biên tên vào sổ Đạo.

Điều 8.— Ra lệnh cấm bôn-đạo không được tự ý lên Thầy, phải báo-cáo sự biến-động cho Ban Trị-Sự biết, để Ban Trị-Sự phúc-trình cho Thầy biết mà thôi.

Điều 9.— Những việc nhỏ-nhặt đã giải quyết xong, khỏi báo cáo cũng được.

Điều 10.— Cho bôn-đạo biết từ đây có tin gì trên Thầy về, chỉ gửi bằng giấy tờ có chữ ký tên, và gửi cho Ban Trị-Sự Tỉnh-bộ mới được, đừng nghe theo lời truyền khẩu sẽ vô giá-trị, dầu người đó nói ở trên Thầy mới về cũng không được tin.

Điều 11.— Kẻ nào đem tuyên-truyền tin láo-xược, kẻ đó sẽ bị Ban Trị-Sự quở và kêu nhà chức-trách bắt.

Điều 12.— Kẻ nào xét coi những việc gì có ích-lợi chung trong Đạo, mà không có trái với luật nước, không náo-động nhơn tâm, cả Ban Trị-Sự đồng ý, thì được tùy-tiện bổ-cứu thi-hành.

Điều 13.— Kẻ nào tự ý đi Sài-Gòn thì sẽ không được trên này thừa-nhận.

Điều 14.— Cảnh-cáo cho mọi người biết, kẻ háo danh tham lợi là kẻ làm cho hoen-ố nền Đạo.

Điều 15.— Giải nghĩa cho anh em trong Đạo biết rằng: thay-thế vào những hành-động điên cuồng, anh em nên để thì giờ đó học chữ quốc-ngữ, đặng xem kinh sách, cho thông hiểu việc đời, mở-mang trí-huệ, mà biết được phải trái, trước khi hành-động một việc gì.

Điều 16.— Kẻ nào biết người đồng-đạo làm việc trái phép mà không thông-báo cho Ban Trị-Sự hay, thì đồng tội với kẻ quấy, sẽ bị loại ra khỏi Đạo.

Những điều trên đây lần-lượt thi-hành và liên-lạc với nhà chức-trách hiện thời, để giải nghĩa cho họ biết mình làm việc như vậy là có ý giúp Chánh-Phủ trong việc trị-an, mà từ trước đến giờ mình không tổ-chức được.

Thầy ước-ao và tin cậy sự sốt-sắng của các Ban Trị-Sự, để các nơi đừng có việc xảy ra đáng tiếc, thì nền Đạo chúng ta mới bành-trướng được.

Bức thơ này có thể cho Tham-Biện, Chủ-Quận hay Tổng coi cũng được.

Ký tên :
HÒA-HẢO

LỜI TÂM HUYẾT ⁽¹⁾

Hỡi tất cả thiện-nam tín-nữ ! Trước khi các người qui-y Phật-Pháp, ai ai cũng có lời nguyện cải-hối ăn-năn làm lành lánh dữ, theo dõi mục đích từ-bi bác-ái của chư Phật.

Thầy nhận thấy có nhiều người thành tâm làm điều phải mà cũng có một ít kẻ tu-hành giả dối, lợi dụng nền tôn-giáo gạt lương bôn-đạo mà lấy tiền để sống hoặc nói nhiều điều mộng-huyễn sai lạc sự tín-ngưỡng chơn-chánh.

Vì muốn giữ sự trật-tự, sự yên-tĩnh chung cho toàn-thể, nên hôm nay Thầy nhắc lại cho bôn-đạo một lần nữa, những điều sau đây để mọi người làm theo :

1./ Không ai được phép đến nhà Thầy để thăm hay nói chuyện riêng về gia-đình cá-nhân chỉ trừ khi nào vô cơ bị áp-bức.

2./ Không được chép bài vở nào của người khác để làm rối sự tín-ngưỡng.

Phải coi chừng những bài giả của bọn khác mạo nhận là của Thầy (những giảng cấm dung-trữ).

3./ Không được bàn-tán thời-cuộc.

4./ Không được bàn-tán về chánh-trị và làm việc nào nhỏ mọn có thể gây ác-cảm với những người ngoại đạo.

⁽¹⁾ Đây là lời lẽ trong một Huấn-lệnh hay Chi-thị mà Đức Thầy gửi cho Ban Trị-Sự P.G.H.H. ở các tỉnh. Vì không có bôn-chánh nên chúng tôi chẳng nhớ rõ ngày tháng.

5./ Tôn-trọng giới-luật của Đạo, rán sửa mình cho trong sạch để gây quả-phúc tốt cho linh-hồn và xác-thịt.

6./ Phải tổ-giác hành-vi xấu-xa của anh em đồng-đạo cho người có nhiệm-vụ và trí-thức trong Đạo, không được yêm-ẩn hay vì tình riêng mà che-chở.

7./ Nếu người nào không giữ được giới-luật của Đạo, tốt hơn là ra khỏi Đạo, không có sự ép buộc phải ở trong Đạo.

8./ Những người nào cờ-bạc, rượu trà, làm điều xấu-xa, nên biên tên họ đem cho mấy người có trách-nhiệm để những người ấy đem cho Thầy, Thầy sẽ trừng-trị một cách thích-đáng để làm gương cho kẻ khác, thời giờ này cần nhứt mỗi người bỏn-đạo phải bình-tĩnh, nhẫn-nhục, không nên nghe lời ai xúi biếu làm điều phi pháp, tổn-hại đến danh-dự chung.

Thầy mong rằng các thiện-nam tín-nữ thân yêu không trái ý Thầy, để Thầy yên tâm mà tịnh-dưỡng trong một thời-gian.

Sài-Gòn, mùa hè năm Ất-Dậu (1945).



GỌI ĐOÀN TRÁNG-SĨ

Hãy tỉnh giấc hồi muôn ngàn tráng-sĩ,
Nhìn thời xưa hùng-vĩ nước nhà ta.
Bắc Nam một dãy san-hà,
Mồ hôi giọt máu ông cha tài-bồi.
Trải qua cũng lắm hồi vận bĩ,
Rồi anh em tráng-sĩ đứng lên.
Liều mình đục pháo xông tên,
Liều mình giết giặc xây nền tự-do.
Tiếng roi lại bình Ngô, sát Đất,
Sử xanh còn ngào-ngạt hương thơm.
Trông phường giá áo túi com,
Trông phường úy tử mà nhòm đi thôi.
Nay vận nước đến hồi thịnh-thái,
Chí anh-hùng ta hãy noi gương.
Một mai nước được phú-cường,
Tâm thân tráng-sĩ cột rường nhà Nam.

Sài-Gòn, tháng tư năm Ất-Dậu (1945).



GỌI ĐOÀN PHỤ-NỮ

Chị em ôi, Bắc Nam là một,
Chị em là rường cột giống-nòi.
Dở sử xanh Nam-Việt mà coi,
Gương Trưng, Triệu còn roi muôn thuở.
Chẳng có lẽ xưa hay mà nay dở,
Khiếp-nhược là cái cố vong-gia.
Chí anh-hùng của khách quần-thoa,
Đâu có kém bực tu-mi nam-tử.

Sách Thánh-Hiền truyền lưu mấy chữ,
 Thất-phụ còn trách-nhiệm với non-sông.
 Cả tiếng kêu bạn gái má hồng,
 Dem son phấn điểm-tô Tô-Quốc.

Sài-Gòn, tháng tư năm Ất-Dậu (1945).



KHUYẾN NÔNG

- Hỡi đồng-bào ! Hỡi đồng-bào !
1. Thần chết đã tràn vào Trung-Bắc,
 Ngày lại ngày siết chặt giống nòi.
 Lật qua các báo mà coi,
 Thấy con số chết xem mòi kinh-nguy.
 Cũng tại vì Tây-di bày kế,
 Phá-hoại nền kinh-tế nước ta.
 Làm cho điên-đảo sơn-hà,
 Làm cho điêu-đứng con nhà Lạc-Long.
 Bỗng phút đâu cuông phong một trận,
10. Quân Phù-Tang khai-hấn bất kỳ.
 Còn đâu mưu khéo giải vi,
 Còn đâu hoãn kế trong kỳ viện-binh ?
 Dầu những kẻ vô tình với nước,
 Cũng tỉnh hồn mơ-ước tự-do.
 Tiếng vang độc-lập reo hò,
 Từ Nam chí Bắc nung lò khí thiêng.
 Quyết phen này kết-liên một khối,
 Dem máu đào tắm gội giang-san.
 Giờ đây xem lại mùa-màng,
20. Năm rồi miền Bắc tan-hoang còn gì.

21. Chỉ có xứ Nam-kỳ béo-bở,
Cơ-hội này bỏ dở sao xong.
Cả kêu điền-chủ phu-nông,
Đứng lên đừng để ruộng đồng bỏ hoang.
Muốn cứu khỏi tai-nạn của nước,
No dạ-dày là chước đầu tiên.
Nam-kỳ đâu phải sống riêng,
Mà còn cung-cấp cho miền Bắc, Trung.
Quân-đội Nhứt cần dùng lương-thảo,
30. Cũng phải ăn lúa gạo Nam-kỳ.
Ta còn ngần-ngại nỗi chi,
Mà không cày cấy kịp thì hỡi-dân ? !
Điền-chủ phải một lần chịu tổn,
Giúp áo quần, giúp vốn thêm lên.
Muốn cho dân được lòng bền,
Mua giùm canh-cụ là nền khuếch-trương.
Giá mướn phải thường thường để thờ,
Xử ôn-hòa niềm-nở yêu nhau.
Cùng chung một giọt máu đào,
40. Phên này hiệp sức nâng cao nước nhà.
Kẻ phu-tá cũng là trọng trách,
Cứu giống-nòi quét sạch non sông.
Một phên vác cuốc ra đồng,
Thề rằng ruộng phải được trồng lúa khoai.
Mưa nắng ấy đâu nài thân xác,
Chí hy-sinh dầu thác cũng cam.
Miễn sao cho cánh đồng Nam,
Dồi-dào lúa chín gặt đơm về nhà.
Chùng ấy mới hát ca vui-vẻ,
50. Ai còn khinh là kẻ dân ngu.

51. Không đem được chút công-phu,
 Không đem sức-lực đèn-bù nước non.
 Gởi một tấc lòng son nhẩn-nhủ,
 Khuyên đồng-bào hãy rửa cho đông.
 Năm tay trở lại cánh đồng,
 56. Càn-lao, nhẩn-nại Lạc-Long tổ truyền.
Sài-Gòn, tháng tư năm Ất-Dậu (1945).



ĐÍNH-CHÁNH

1. Gân đây lắm kẻ ngoa truyền,
 Một bài sấm-ngũ nơi miền Hậu-giang.
 Nói rằng: tháng tám tai-nàn,
 Tội-tảm trời đất, tan-hoang cửa nhà.
 Kẻ gân rồi đến người xa,
 Từ trong thôn-dã đến ra thị-thành.
 Hại cho quốc-kế dân-sanh,
 Ruộng đồng tươi đẹp dân đành ngó lơ.
 Thương thay những kẻ ngu khờ,
 10. Lầm mưu gian-trá ngẩn-ngơ ưu-sầu.
 Hỏi rằng: Sấm bởi nơi đâu,
 Nói: “Ông Hòa-Hảo làm đầu truyền ra”.
 Buộc lòng tôi phải đính ngoa,
 Cho trong toàn quốc gân xa được tường.
 Chuyện ấy là chuyện hoang-đường,
 Của bọn phá-hoại chủ-trương hại mình.
 Anh em ta hãy đồng tình,
 Nếu gặp “năm óc” đem trình “Công-An”.

Chúng ta giải-quyết lệ-làng,
20. Đùng để chuyện huyền tràn lan ra nhiều.

Ký tên: HÒA-HẢO

Sài-Gòn, tháng tư năm Ất-Dậu (1945).



VIỆT-NAM PHẬT-GIÁO LIÊN-HIỆP HỘI

TÔN-CHỈ

Liên-hiệp các tôn-phái đạo Phật, các nhà sư, các tín-đồ, các nhà trí-thức có xu-hướng về Phật-giáo để:

- 1/. Tìm cách nâng cao tinh-thần đạo Phật.
- 2/. Tìm những phương-tiện cứu-giúp kẻ nguy-nàn vì thời cuộc gây ra.
- 3/. Giúp đỡ lẫn nhau trong việc quan, hôn, tang, tế.
- 4/. Bình-vực lẫn nhau trong sự tín-ngưỡng tự-do.

ĐIỀU-KIỆN NHẬP HỘI

Bất luận nhà sư hay cư-sĩ, trí-thức, bần-dân hễ được có xu-hướng rõ-rệt về Phật-Giáo, thành tâm chuẩn-nhận cái tôn-chỉ trên đây, đều được gia-nhập vào Hội, ở tôn-phái nào cũng đặng, mặc dầu gia-nhập Hội, nhưng vẫn giữ được sự tu-hành và cúng kiếng của THẦY mình hay TÔN-PHÁI mình.

Các tôn-giáo khác muốn liên-hiệp, phải có cuộc bàn-bạc riêng.

HỘI-VIÊN

Hội-viên phân làm hai hạng:

- I .- Hoạt-động hội-viên.
- II .- Tương-trợ hội-viên.

a)- *Hoạt-động hội-viên.*— Gồm các nhà sư hay cư-sĩ, trí-thức có lòng hy-sinh đời mình, tài-sản mình, mong mở-mang nền đạo-nghĩa và giúp nhân-loại trong sự lâm-than.

b)- *Tương-trợ hội-viên.*— Gồm tất cả đại-chúng có lòng thiện-từ, vì gia-đình, vì sự-nghiệp làm ăn, không thể hy-sinh nhất-thiết, nhưng có lòng tán-dương ủng-hộ công việc của Hội bằng tinh-thần hay vật-chất.

TRỌNG-TRÁCH HỘI-VIÊN

- 1/. Phải giải-thích các tôn-chỉ của Hội cho quần-chúng hiểu rõ và làm cho Hội mau phát-triển.
- 2/. Tuân theo các điều-lệ của Hội.
- 3/. Giúp nguyệt-phí cho Hội.

QUYỀN-LỢI CỦA HỘI-VIÊN

- 1/. Hội phải cho giấy chứng-nận là người của Hội.
- 2/. Hội sẽ binh-vực khi sự tín-ngưỡng của mình bị kẻ khác hủy-hoại.
- 3/. Nếu cần đến, Hội sẽ giúp-đỡ trong việc ốm đau, hay quan, hôn, tang, tế, tùy theo sức của Hội.
- 4/. Hội-viên có quyền bày tỏ ý-kiến mình về việc đạo-đức hay công cuộc phước-thiện đối với non-sanh.
- 5/. Hội-viên có quyền bình-phẩm, chất-vấn hoặc tố-cáo các công việc của Hội một cách thân-hữu.
- 6/. Hội-viên có quyền xin ra khỏi Hội khi thấy mình không thể đeo-đuổi công việc của Hội.

7/. Hội-viên có quyền cử Ban Trị-Sự và ứng-cử.

TRỤ-SỞ CỦA HỘI

Hội sẽ lấy chùa của Hội-viên, nhà cửa của những người từ tâm dựng cúng, hoặc là Hội mua, cất hay mượn, làm trụ-sở cho Hội.

NGUYÊN-TẮC TỔ-CHỨC

Các Ban Trị-Sự của Hội ở các nơi sẽ do đại-biểu của các tôn-phái nhà Phật trong xứ, các trí-thức và Thiện-nam, Tín-nữ đề-cử thành-lập. Các nhà sư, các cư-sĩ, các thiện trí-thức hoạt-động (nam nữ không phân) có đủ tài để chỉ-huy và được lòng tín-nhiệm của đại-chúng là điều-kiện tối cần cho nhân-viên trong Ban Trị-Sự.

Mỗi phái đều cử người đại-biểu trong Ban Trị-Sự.

HỆ-THỐNG TỔ-CHỨC

a)- Về toàn quốc, có Ban Trị-Sự Việt-Nam Phật-Giáo Liên-Hiệp Hội chấp-hành toàn quốc, về toàn xứ có Ban Trị-Sự V.N.P.G.L.H.H. chấp-hành toàn xứ, về toàn tỉnh có Ban Trị-Sự V.N.P.G.L.H.H. chấp-hành toàn tỉnh, về toàn thôn thì có Ban Trị-Sự chấp-hành toàn thôn.

b)- Các Ban Trị-Sự mỗi xứ, mỗi tỉnh, mỗi quận, mỗi thôn đều phải tuân theo mạng-lệnh của Trung-Uương, làm việc hằng ngày phải liên-lạc với Thượng và Hạ cấp.

c)- Tất cả Ban Trị-Sự mỗi năm phải cử lại một lần, ngày cử sẽ có Ủy-Ban Trung-Uương thông-cáo trước,

khi cử xong Ban Trung-Ương sẽ báo cáo danh-sách của các nhân-viên đăc cử cho Hội-viên hay.

d)- Khi các B.T.S. mỗi xứ, mỗi tỉnh, mỗi quận, mỗi thôn cử xong phải đệ-trình danh-sách lên cho Ban Trung-Ương thừa-nhận.

Ban Trị-Sự gồm có:

- I.- Chánh và Phó Hội-Trưởng
- II.- Chánh và Phó Thư-Ký
- III.- Chánh và Phó Thủ-Quỹ
- IV.- Hai viên Kiểm-Soát
- V.- Hai viên Cố-Vấn
- VI.- Hai viên Tuyên-Truyền và Liên-Lạc
- VII.- Ba viên Dự-Khuyết

e)- Các B.T.S. ngoài việc hằng ngày ra mỗi tháng phải hội-họp một lần tại hội-quán, hoặc nhà, hoặc chùa của Hội-viên đặng hội nhóm để nghe các nhân-viên trong Ban Trị-Sự bày tỏ sự hoạt-động của Hội.

Ngày hội-họp định vào ngày 15 và 30 âm-lịch trong mỗi tháng.

f)- Khi các B.T.S. cử xong, phải khẩn-cấp lập thêm 3 Ban :

- I.- Ban Nghiên-cứ đạo Phật.
- II.- Ban Huấn-luyện và Truyền-bá đạo Phật.
- III.- Ban Chẩn-tế, lo tìm phương giúp-đỡ kẻ khôn-cùng.

I.- *Ban Nghiên-cứ đạo Phật.* - Gồm các nhà sư, những nhà thông-thái, để hằng ngày tra cứu kinh-điển, dịch sách, hay viết sách nói về đạo Phật.

II.- *Ban Huấn-luyện và Truyền-bá.*- Gồm các nhà sư, cư-sĩ, trí-thức hoạt-động, đặng Hội phái đi các nơi giảng-giải đạo Phật cho đại-chúng nghe, hoặc giả mở trường dạy đạo Phật.

III.- *Ban Chẩn-tế.*- Gồm các nhà hảo tâm từ-thiện nam-nữ hoạt-động, chuyên lo cứu giúp kẻ nghèo-nàn đói khó, tật-bệnh, hoặc giả thành-lập các nhà dưỡng lão nuôi trẻ mồ côi, người tàn-tật, nếu có thể được, nên mua trữ thuốc men vải bô, lúa gạo để dành cho cuộc phước-thiện.

KỶ-LUẬT CỦA HỘI

- A)- Không được ganh-ghét chế-nhạo lẫn nhau nếu khác Thầy hay khác Tôn-giáo.
- B)- Không được khuyến dụ bôn-đạo của ông sư hoặc tôn-phái khác bỏ Thầy hay Tôn-phái người ta theo Thầy hay Tôn-giáo mình.
- C)- Không được lợi dụng danh từ-thiện của Hội để quyền góp tiền bạc làm của riêng.
- D)- Không được chế-nhạo các Tôn-phái khác.
- Đ)- Phải hòa-nhã với tất cả các tôn-giáo khác và dân-chúng.
- E)- Phải thành-thật yêu-thương đoàn-kết và tìm cách chỉ dạy lẫn nhau.
- G)- Phải trung-thành với tôn-chỉ của Hội.
- H)- Phải tố-cáo các hành-vi bất chánh của các Hội-viên trước Ban Trị-Sự, không được vì tình riêng mà giấu-giếm.

I)- Phải nhận lỗi và tỏ lòng ăn-năn hối-ngộ khi Ban Trị-Sự xét mình có lỗi.

K)- Phải chịu sự chỉ-huy của Ban Trị-Sự địa-phương mình.

Nếu phạm những điều trên đây :

Lần thứ nhứt: Bị phê-bình

Lần thứ nhì : Cảnh-cáo

Lần thứ ba : Trục-xuất lập tức và giao cho pháp-luật trừng-trị.

HẠNG ĐỊNH VỀ NGUYỆT-PHÍ

Vì có kẻ đủ sức người không, nên nguyệt-phí phân làm bốn hạng:

Hạng thứ nhứt: 3 \$00

Hạng thứ nhì : 2 \$00

Hạng thứ ba : 1 \$00

Hạng thứ tư : 0 \$50

Tất cả Ban Trị-Sự hễ chỗ nào cử xong đều trình lên Chánh-phủ và nhà cầm quyền địa-phương danh-sách của Ban Trị-Sự và sổ-sách cho Nhà-Nước kiểm-soát.

Sài-Gòn, tháng tư Ất-Dậu (1945).



YÊU NƯỚC

Yêu nước bao đành trơ mắt ngó,
Thương đời chưa vội ả non cao.
Quyết đem tâm sự tâu cùng Phật,
Coi linh từ-bi dạy lẽ nào.

Phụng-Hiệp, tháng tư Ất-Dậu (1945).

Bài này Đức Thầy đọc tại Phụng-Hiệp lúc đi khuyến nông; sau khi diễn thuyết Đức Thầy hỏi câu này: “Tôi là một nhà tu-hành, lẽ thì vào chốn non cao, núi thẳm tu tâm dưỡng tánh, có nào hôm nay lại xen vào chánh-trị ? !”.

Không ai nói gì, Đức Thầy có vẻ buồn, cau chon mày rồi ngâm bài thơ tứ tuyệt trên đây.

(Do theo lời ông Mai-Ngọc-Quế thuật lại).



HÒI CHUÔNG CẢNH-TĨNH NHỮNG KẺ TRÔNG TÂY, HÃNG-HỜ VỚI NẠN ĐÓI BẮC-KỲ

1. Nam-kỳ có một lũ hề,
Mày râu nhẵn-nhụi chuyên nghề buôn dân.
Nhờ ơn Mẫu-quốc vinh thân,
Giờ toan mua tảo bán tần nữa sao ?
Dừng-dưng trước nghĩa đồng-bào,
Đói cơm khát nước trông vào thống tâm.
Làm ngư, giả điếc, giả câm,
Tay ôm hũ bạc, mắt đăm đăm chờ.
Vái rằng: “Mẫu-quốc gặp cơ”,
10. Trở qua Nam-Việt con thờ muôn năm.

11. Dầu con nay ở xa-xăm,
 Chớ lòng thương nhớ đứng nằm không yên.
 Trước kia “nước mẹ” xin tiền,
 Của muôn trong túi con liền tuôn ra.
 Ngày nay tuy chẳng lại qua,
 Con cũng lén-lén cúng cha ít nhiều.
 Đồng-bào con chết bao nhiêu,
 Con để mặc kệ quạ diều bươi thây.
 Ai ơi còn ước mơ Tây,
20. Mắt kia quá tối lại Thầy chữa cho.

SĨ-CUÔNG (biệt hiệu của Đức Thầy)
Tháng tư Ất-Dậu (1945).



CAI TỔNG CHÁNH (Cù-Lao GIỀNG) xướng :

Giữ đạo từ lâu kín nhem màu,
 Để lòng tầm đạo biết nơi đâu.
 Ngửa mong bác-ái từ-bi hóa,
 Trông lượng ơn Thầy chỉ đạo sâu.

ĐỨC THẦY đáp họa :

Kín nhem lòng nhơn ấy mới màu,
 Đức là đạo cả chớ nơi đâu ?
 Duyên lành sẵn có ơn trên hóa,
 Bồi đắp nền nhơn, đức lại sâu.

Long-Xuyên, tháng 4 Ất-Dậu 1945.

(Đức Thầy ứng khẩu đáp họa liền bằng cách đọc cho một người tín-đồ chép vì lúc ấy Ngài đang dùng cơm).



« PHỤ-NỮ CA DIÊU »

Ngán thay bốn-đạo đàn bà,
Lắm lời điêu-xảo gần xa đều tường.
Làm cho hoen-ố Phật-đường,
Không rèn được đức khiêm-nhường từ-bi.
Tu còn ái-ố sân-si,
Tu còn nhiều tánh dị-kỳ trần-mê.
Khó mong cửa Phật dựa kê,
Càng gần địa-ngục nhiều bề thảm-thương.
Tĩnh tâm đốt nén tâm hương,
Nguyện rằng đệ-tử một đường lo tu.
Ăn-năn kéo uổng công-phu... !

Sa-Đéc, ngày 28-7-45.

(trong lúc Đức Thầy đi Khuyến nông).



TẶNG THI-SĨ VIỆT-CHÂU

Thi-sĩ Việt-Châu tức là ông Nguyễn-Xuân-Thiếp mà hầu hết anh em tín-đồ đều nghe danh. Là văn-sĩ kiêm thi-sĩ, ông Việt-Châu có viết một tập thơ xuất-sắc, nhan đề “Lông ngỗng gieo tình” để kể lại đoạn tình-duyên của Trọng-Thủy và Mị-Châu.

Trong khi cùng ngồi xe với Đức Thầy trên đường về Sài-Gòn, ông có trao cho Đức Thầy xem tập thơ ấy. Đức Thầy liền ngâm hai câu thơ dưới đây để phê-bình gián-tiếp áng văn kiệt-tác của ông Việt-Châu :

“Mị-Châu ơi hỡi Mị-Châu,
Mê chi thằng chệt để sầu cho cha !”

Liền đó, Đức Thầy bảo ông Việt-Châu thử làm thi tả cảnh ngồi trên xe trên đường về Sài-Gòn. Thấy ông Việt-Châu nặn óc mãi mà không ra thơ, Đức Thầy liền ứng khẩu đọc bài dưới đây :

1. Xe về chở theo chàng thi-sĩ,
 Bảo làm thi mãi nghĩ không ra.
 Vậy mà giữa chốn phồn-hoa,
 Vang danh thi-sĩ hiệu là Việt-Châu.
 Quen thói viết thơ sàu thơ cảm,
 Không diu dân hắc-ám qua truông.
 Ngâm nga giọng quá u buồn,
 Làm cho độc-giả quay cuồng mê-ly.
 Theo dõi gót từ-bi mây bữa,
10. Phàm tâm kia đã rửa hay chăng ?
 Đương cơn sóng dậy đất bằng,
 Thi-nhân đứng ngó để tăng-sĩ làm.
 Tăng-sĩ quyết chùa, am bé cửa,
 Tuốt gươm vàng lên ngựa xông pha.
 Đền xong nợ nước thù nhà,
 Thiên môn trở gót Phật-Đà nam mô.
 Chùng ấy mới tịnh vô nhứt vật,
 Bụi hồng trần rút sạch cửa không.
 Chuông linh ngân tiếng đại-đồng,
20. Ta-bà thế-giới sắc không một màu.
 Sài-Gòn đến, trống lầu đã trở,
 Đè-huề nhau cửa mở xuống xe.
 Khuyến nông chấm dứt mùa hè ...

Trên đường về Sài-Gòn, tháng 6 năm Ất-Dậu 1945.



ĐI KHUYẾN NÔNG VỀ

Lìa Sài-Gòn trong vòng hai tháng,
Khi lộn về tiệm quán tanh-banh.
Bởi chung pháo-lũy phi-hành,
Quảng bom mù-quáng tan-tành còn chi.
Động lòng của kẻ từ-bi,
Tây-phương tấu lại A-Di Phật-Đà.
Rằng: bên thế-giới ta-bà,
Chúng-sanh tàn-sát cũng là vì tham.
Di-Đà mở cuộc hội-đàm,
Cùng chư Bồ-Tát quyết đăm phép lành.
Tịnh-bình rưới khắp chúng-sanh,
Làm cho giác-ngộ hiền-lành như Ta.
Công-đồng hoạch-định san-hà,
Nước ai nấy ở nhà nhà tự-do.

Sài-Gòn, tháng 6 năm Ất-Dậu (1945).



TỰ-THÁN

1. Gió hiu-hắt bên rừng quạnh-quẽ,
 Nhìn non-sông đượm vẻ tang-thương.
 Mối tình chủng-loại vắn-vương,
Thấy quân xâm-lược hùng-cường căm gan.
 Vừa toan rút gươm vàng ngăn giặc,
 Bỗng họa đầu gieo-rắc bất-kỳ.
 Cường quyền một lũ ngu-si,
Oan này hận ấy sử ghi muôn đời.
 Truyền khắp nước muôn lời vu cáo,
10. Dùng trăm ngàn thói bạo hiếp dân.

11. Làm cho trong nước rẽ phân,
 Làm cho giặc Pháp một lần sừng rang.
 Vậy cũng gọi an bang định quốc,
 Rồi rút lui bỏ mất thành-trì.
 Giống nòi nữ giết nhau chi ?
 Bạng duật tương trì lợi lũ ngư ông.
 Đoàn hậu tấn có lòng yêu nước,
 Khá nhìn xem gương trước răn mình.
 Riêng Ta hai chữ nhục vinh,
20. Thoảng cười thế-sự nhân-tình quá đen.



Lòng dân chó khá xem khinh,
 Bạo-tàn giết mất nhân-tình thì thua.

Miền Đông, cuối năm Ất-Dậu (1945).



**NHỮNG BÀI SÁNG-TÁC
NĂM BÌNH-TUẤT
(1946)**

NĂM BÌNH-TUẤT

(1946)

TIẾNG SÚNG BÊN LẦU

1. Nước non tan vỡ bởi vì đâu ?
Riêng một Ta mang nặng khối sầu.
Lòng những hiến thân mưu độc-lập,
Nào hay tai họa áp bên lầu.



- Bên lầu tiếng súng nổ vang tai,
Trời đất phụ chi kẻ trí tài.
Mưu quốc hóa ra người phản quốc,
8. Ngàn thu mỗi hận dễ nào phai.



Từ ấy lao mình vượt khôn-nguy,
Băng rừng lội suối giả man-di.
Ngày mong ải Bắc oan này giải,
Dem sức ra nâng lá quốc-kỳ.



- Nhưng khổ càng mong càng vắng bật,
Trời Nam tràn ngập lũ Tây-di.
Biết bao đồng-chí phơi xương máu,
16. Thúc-giả nhìn nhau hỏi tội gì ?



Vì tội không đành phụ nước non,
Phô-bày tiết-tháo tấm lòng son.
Ngăn phòng sâu một lừa dân-chúng,
Chẳng nệ thân-danh nổi mắt còn.

- Nếu mắt thôi đành xong món nợ,
 Nay còn há dễ ngó lơ sao ?
 Dọc-ngang chí cả dù lao-khổ,
 24. Thất bại đâu làm dạ núng-nao.



- Thất bại đâu làm dạ núng-nao,
 Non sông bao phủ khí anh-hào.
 Phen này cũng quyết đền ơn nước,
 28. Máu giặc nguyệt đem nhuộm chiến-bào.

Miền-Đông, năm 1946.

(Trong khi Đức Thầy ẩn lánh Việt-Minh và người Pháp vừa mới tái chiếm Nam-Việt).



ĐỒNG ĐẢNG TƯƠNG TÀN

Người đồng đảng giết người đồng đảng,
 Ai Việt-Minh, Cộng-Sản là ai ?
 Đương cơn quyền lợi đắm say,
 Anh hùng chí-sĩ râu mày thế ư ?
 Đường muôn dặm lời thư một khúc,
 Giờ giặc đà tá-túc nhà ta.
 Ai ra nung đỡ san-hà,
 Ai ra cứu vớt nước nhà lâm nguy ?
 Phát-xít sẽ tầm-truy tàn-sát,
 Không đảng nào mà thoát tai-ương.
 Nghĩ càng bực-tức đau-thương,
 Giết nhau để lợi cho phường xâm-lãng.

Miền-Đông, năm 1946.



CHÍ NAM-NHI

Nam-nhi mang chí cả,
Bao tấm lòng sắt đá.

Thương giống-nòi đẹp bả vinh-huê,
Lướt đạn bom giữ vững một lời thề :

Tàn-sát hết quân thù xâm-lược,
Tranh độc-lập tự-do cho nước.

Cho giống nòi rạng-rỡ trước năm châu.

Khí thiêng-liêng sông núi nhiệm-mầu,
Un-đúc giống anh-hùng vang bốn bề.

Gương sáng ấy soi chung hậu thế,
Anh em ôi ! theo dõi gót cùng Ta.

Ra tay quét sạch san-hà,
Ra tay bồi-đắp nước ta hùng-cường.

Miền-Đông, ngày 10 tháng giêng Bính-Tuất (1946).



RIÊNG TÔI

Rút áo cà-sa khoác chiến-bào,
Hiềm vì nghịch-cảnh quá thương-đau.
Bên rừng tạm gởi thân cô-quạnh,
Nhìn thấy non sông suối lệ trào.



Nhìn thấy non sông suối lệ trào,
Lòng nguyên giữ vững chí thanh-cao.
Ai người mãi quốc cầu vinh nhi,
Hậu thế muôn thu xét thử nào ?



Hậu thế muôn thu xét thử nào ?
 Lòng này yêu nước biết là bao ?
 Vì ai gieo-rắc điều hồ-mị,
 Đành ngó non sông nhuộm máu đào.



Đành ngó non sông nhuộm máu đào,
 Thời-cơ độc-nhút cứu đồng-bào.
 Muôn ngàn chiến-sĩ chờ ra trận,
 Bổng vương gông-cùm chôn ngục-lao.

Miền-Đông, năm 1946.



TIẾNG CHUÔNG CẢNH-TỈNH

1. Hãy tỉnh giấc hỡi muôn ngàn chiến-sĩ,
 Mở lòng ra thương nghĩ sanh-linh.
 Đồng-bào ai nữ dứt tình,
 Mà đem chém giết để mình an vui.
 Dù lúc trước ném mùi cay đắng,
 Kẻ độc-tài đem tặng cho ta.
 Sau này tòa-án nước nhà,
 Sẽ đem kẻ ấy mà gia tội hình.
 Lúc bây giờ muôn binh xâm-lược,
10. Đang đạp giày non nước Việt-Nam.
 Thù riêng muôn vạn cho cam,
 Cũng nên gác bỏ để làm nghĩa công.
 Khắp Bắc Nam Lạc-Hồng một giống,
 Tha thứ nhau để sống cùng nhau.
 Quý nhau từng giọt máu đào,
 Để đem máu ấy tưới vào địch quân.

- Đảng anh-hùng vang lừng bốn bề,
Các sắc dân đều nể đều vì.
 Đồng-bào nữ giết nhau chi,
20. Bạng duật tương trì lợi lũ ngu-ông.
 Hỡi những kẻ có lòng yêu nước,
 Nghe lời khuyên tỉnh được giấc mê.
 Anh em lớn nhỏ quày về,
 Hiệp nhau một khối chớ hề phân ly.
 Đả-đảo bọn Nam-kỳ nô-lệ,
 Kiếp cúi lòn thế-hệ qua rồi.
 Lời vàng kêu gọi khắp nơi,
28. Anh em chiến-sĩ nhớ lời Ta khuyên.

*(Viết vào lời tháng 2 tại Miền-Đông năm 1946 để
khuyên anh em tín-đồ Hòa-Hảo chấm dứt cuộc xung-đột
với Việt-Minh).*



QUYẾT RÚT CÀ-SA

Thấy dân thấy nước nghĩ mà đau,
Quyết rút cà-sa khoác chiến-bào.
Đuổi bọn xâm-lãng, gìn đất nước,
Ngọn cờ độc-lập phát-phơ cao.



Ngọn cờ độc-lập phát-phơ cao,
Nòi giống Lạc-Hồng hiệp sức nhau.
Tay súng tay gươm xông trận địa,
Dầu cho giặc mạnh há lòng nao.



Dầu cho giặc mạnh há lòng nao,
 Nam-Việt ngàn xưa đúc khí hào.
 Lúc giặc xâm-lãng mưu thống-trị,
 Anh-hùng đâu sá cảnh gian-lao.



Anh-hùng đâu sá cảnh gian-lao,
 Chiến-trận giao-phong rưới máu đào.
 Miễn đặng bảo tồn non nước cũ,
 Giữ an tánh-mạng cả đồng-bào.

Miền-Đông, năm 1946.



TẶNG HỘI-ĐỒNG CỔ-VẤN NAM-KỲ

1. Tám ông Cổ-vấn Hội-đồng,
 Phùng mang trọn mắt ra công bán nòi.
 Hô-hào nghinh-tiếp quân voi,
 Về giày mộ tổ để vùi mồ-đay.
 Thịnh mùa mỏ, Phát khoe tài,
 Nam-kỳ hiến-pháp sắp bày mị dân.
 Nào là chấn-chỉnh (củng-cố) hương-lân,
 Để cho lũ chó làm sên sấn mồi.
 Vụng-về thay, bọn Tây-bồi !
10. Sấm tuồng vẽ mặt mà giò phẩn đen.
 Ngàn muôn cử chỉ đê-hèn,
 Cúi-lòn, bung-bọt tập rèn công phu.
 Lòng mong dân nước đại ngu,
 Để đám nghị mù tự-tiện làm quan.
 Nào ngờ trong lúc dở-dang,
16. Nghị Phát vẫn số suôi vàng vôi đi.

- Nghị Thịnh lụy nhỏ lâm-ly,
Than rằng bạn nữ bỏ đi giữa chừng !
Hợp bàn tính kế trùng-hung,
20. Vợ bạn đã nửa chừng xuân nhưng còn.
Ra tay diu-dắt bốn con,
Suối vàng bạn hồi lòng còn ghen không ?
Muôn dân như chữa vừa lòng,
Ước sao cả lũ vào tròng Diêm-La.
Từ nay trong nước Nam ta,
26. Thề rằng chẳng chịu để ra giống này.

Miền-Đông, năm 1946.



NGHỊ THỊNH VỚI CAO-ỦY D'ARGENLIEU

1. *Nghị Thịnh:* Dạ, dạ... Dám bẩm quan Cao-Ủy,
Thậm chí nguy, thậm cấp chí nguy !
Rối beng trật-tự Nam-kỳ,
Bạn tôi Nghị Phát mạng phi mất rồi.
Còn bầy ông ngồi trơ mỏ chó,
Lòng những lo sóng gió bất kỳ.
Nếu không phương-pháp phòng nguy,
Ước tình tôi sẽ điện đi hoàn-cầu.
Cho thế-giới góp thâu tài-liệu,
10. Rằng Việt dân chẳng chịu phục-tòng.
Thế này cai-trị sao xong,
Trả nước lại nó mới hòng ngủ yên.
D'Argenlieu: Quan Cao-Ủy mặt liền sầm lại,
14. Lũ dân gì kỳ quái lạ thường.

Máy bay tàu chiến biểu-dương,
 Rõ ràng Đại-Pháp hùng-cường thế ni.
 Mà chúng vẫn khinh-khi sự chết,
 Chẳng lẽ ta giết hết trẻ già.

- Bằng không, muốn dứt can qua,
 20. Giao cho việc nước, việc nhà nó toan.
 Minh làm khách bàng-quan khi khỏe,
 Nước Việt-Nam son trẻ ra đời.
 Cộng-hòa đem lại khắp nơi,
 Muôn dân an-lạc thanh-thời phú-cường.

Ngũ Thinh: Nghị Thinh nghe bèn òa tiếng khóc :
 Thế còn công khó nhọc tôi đâu ?

- D'Argenlieu:* Mua cho ông một vé tàu,
 28. Ba-ri đến đó ngõ hầu dung thân.

Miền-Đông, năm 1946.



TÌNH YÊU

Ta có tình yêu rất đượm nồng,
 Yêu đời yêu lẫn cả non sông.
 Tình yêu chan-chứa trên hoàn-vũ,
 Không thể yêu riêng khách má hồng.



Nếu khách má hồng muốn được yêu,
 Thì trong tâm chí hãy xoay chiều.
 Hướng về phụng-sự cho nhơn-loại,
 Sẽ gặp tình Ta trong khối yêu.



Ta đã đa mang một khối tình,
Dường như thệ-hải với sơn-minh.
Tình yêu mà chẳng riêng ai cả,
Yêu khắp muôn loài lẫn chúng-sinh.

Miền-Đông, năm 1946.

(Một thiếu-nữ ở Sài-Gòn thăm yêu Đức Thầy trong khi Ngài còn ẩn lánh V.M. và Pháp; thấy vậy, Đức Thầy bèn viết ba bài thi trên đây để cảnh-tình cô ấy).



LẤY CHỒNG CHỆT

Lúc Đức Thầy đang ẩn lánh 1946, Ngài có gặp một cô gái Việt lấy chồng Ngô. Tức cảnh, Ngài có làm bài thi sau đây (dùng biệt-hiệu Hoài-Việt):

1. Cô ơi, nước Việt-Nam thiếu gì trai trẻ,
Mà vội đi lấy lẽ “ba Tàu” ? !
Của tiền quý báu là bao,
Đem tuổi mười tám so vào bốn mươi ?
Rồi nuôi tánh biếng-lười mê ngủ,
Để ngày kia ủ-rũ đau thương.
Khi ba Tàu xách gói hồi hương,
Vàng bạc tóm, bỏ cô thơ-thẩn.
Cô nhìn theo muôn vòn tiếc hận,
10. Cô vì chàng mà bản tiết-trinh.
Cô tử thân, cô lại bất bình,
Nhưng muộn quá, tuổi xuân không trở lại.
Trông tương-lai cô đầy sợ hãi,
Hoa úa tàn người lại rẻ khinh.
Cô tiếc rằng phải tuổi còn xanh (xanh),
16. Cô sẽ chọn người chồng Nam-Việt.

- Ở trong hàng thanh-niên, thanh-niết,
 Tuy nghèo hèn mà biết thi-chung.
 Yêu-đương nhau đến phút cuối cùng,
 20. Vợ chồng ấy mới chân hạnh-phúc.
 Ta là khách phương xa tá-túc,
 Thấy sự đời vẽ khúc văn-chương.
 Thấy đời cô chìm-đắm trong gió sương,
 Than ít tiếng gọi hồn chùng-loại.
 Việt-Nam ! người Việt-Nam mau trở lại !
 Yêu giống nòi có phải hơn không ?
 27. Dầu sao cũng giống Lạc-Hồng !

Miền-Đông, năm 1946.



TUYÊN-NGÔN
 CỦA
ĐẢNG VIỆT-NAM DÂN-CHỦ XÃ-HỘI

Do Đức Huỳnh Thủ-Lãnh công-bố ngày 21-9-46
 (Theo bốn của B.C.H. Liên-Tỉnh Dân-Xã M.T.N.V.)

1947 – 1949

Đảng VIỆT-NAM DÂN-CHỦ XÃ-HỘI (gọi tắt là Việt-Nam Dân-Xã Đảng) thành-lập ngày 21 tháng 9 năm 1946, do sự thỏa-thuận và đoàn-kết giữa nhiều đoàn-thể ái-quốc (kháng-chiến, cần-lao, tôn-giáo và chánh-trị).

Việt-Nam Dân-Xã Đảng là một đảng quốc-gia tranh-thủ sự tự-chủ hoàn-toàn của dân-tộc, củng-cố nền độc-lập quốc-gia và cấu-tạo xã-hội Việt-Nam mới.

Sở dĩ Đảng đặt vấn-đề độc-lập quốc-gia trước các vấn-đề khác là vì:

1/- Trên lập-trường quốc-tế, nước Việt-Nam có được độc-lập, dân-tộc Việt-Nam mới được sống bình-đẳng với dân-tộc khác; dân-tộc bình-đẳng nhau mới chủ-trương được dân-tộc hiệp-lực, mới kiến-thiết được hòa-bình xác-thực cho thế-giới.

2/- Dân-tộc Việt-Nam được tự-chủ và mạnh mới tránh khỏi sự chi-phối của đế-quốc chủ-nghĩa để thi-hành một cách có hiệu-quả những biện-pháp chánh-trị và kinh-tế, đem lại hạnh-phúc cho các tầng lớp dân-chúng.



Việt-Nam Dân-Xã Đảng là một đảng dân-chủ, chủ-trương thiết-thi triệt-để nguyên-tắc chánh-trị của chủ-nghĩa dân-chủ: “Chủ-quyền ở nơi toàn-thể nhân-dân”.

Đã chủ-trương “Toàn dân chánh-trị” thế tất đảng chống độc-tài bất cứ hình-thức nào.



Việt-Nam Dân-Xã Đảng là một đảng cách-mạng xã-hội, chủ-trương tổ-chức nền kinh-tế theo nguyên-tắc chủ-nghĩa xã-hội: không để giai-cấp mạnh cướp công-quả của giai-cấp yếu, làm cho mọi người đều được hưởng phúc-lợi cân-xúng với tài-năng và việc làm của mình; những người tàn-tật yếu-đuôi thì được nuôi dưỡng đầy-đủ.



Đặc-điểm của Việt-Nam Dân-Xã Đảng là, trong giai-đoạn hiện tại, không chủ-trương giai-cấp đấu-tranh giữa dân-tộc Việt-Nam vì lẽ ở xã-hội Việt-Nam hiện thời, trên 80 năm bị-trị, chỉ có một giai-cấp bị “tư-bản thực-dân” bóc-lột.

Muốn tránh khỏi giai-cấp tranh-đấu về sau, thì sự cấu-tạo “xã-hội Việt-Nam mới” phải căn-cứ nơi những yếu-tố không cho sanh-trưởng giai-cấp bóc-lột và chỉ trợ-trưởng một giai-cấp một, tức là giai-cấp sanh-sản.



CHƯƠNG-TRÌNH

CỦA

ĐẢNG VIỆT-NAM DÂN-CHỦ XÃ-HỘI

Do Đức Huỳnh Thủ-Lãnh công-bố ngày 21-9-46

(Theo bốn của B.C.H. Liên-Tỉnh Dân-Xã M.T.N.V.)

1947 – 1949

I.- CHÁNH-TRỊ

a) Đối ngoại:

1/- Căn-cứ vào chánh-sách ⁽¹⁾ của Liên-Hiệp-Quốc (O.N.U.) và sự bảo-vệ chung nền hòa-bình, cộng-tác với các dân-tộc khác trên lập-trường tự-do và bình-đẳng.

2/- Tranh-đấu giải-phóng dân-tộc, đem lại độc-lập cho nước nhà.

⁽¹⁾ Có bản chép là: căn-cứ vào Hiến-Chương của Liên-Hiệp-Quốc (*Charte des Nations Unies*).

3/- Thừa-nhận quyền dân-tộc tự-quyết của các dân-tộc nhược-tiểu. Đoàn-kết với các dân-tộc ấy để chống đế-quốc xâm-lãng.

b) Đối nội:

4/- Nước Việt-Nam có một: ba bộ Trung-Nam-Bắc gồm một.

5/- Củng-cố chánh-thể Dân-Chủ Cộng-Hòa bằng cách đảm-bảo tự-do dân-chủ cho toàn dân.

6/- Ủng-hộ Chánh-phủ Trung-Uơng về mặt tranh-thủ thông-nhứt và độc-lập.

7/- Liên-hiệp với các đảng-phái để chống họa thực-dân.

8/- Chủ-trương “Toàn dân chánh-trị”.

9/- Chống độc-tài bất cứ hình-thức nào.

II.- KINH-TẾ

a) Nguyên-tắc chung:

– Trọng quyền tư-hữu tài-sản *đến một độ* không có hại đến đời sống công-cộng.

– Dự-bị: Một phần xí-nghiệp quốc-gia (Secteur de l'État).

Một phần xí-nghiệp quốc-hữu-hóa (Secteur nationalisé).

Một phần tự-do cho tư-nhân và ngoại-kiều (Secteur libre pour Vietnamiens et Étrangers).

– Thi-hành những biện-pháp không cho bóc-lột công-nhân.

b) Nông-nghiệp:

1/- Di dân để mở đất hoang.

2/- Lập đồn-điền quốc-gia, lập làng kiều-mẫu theo chủ-nghĩa xã-hội đồn-điền.

3/- Mua lại đồn-điền bị tập-trung quá độ để bán lại cho nông-dân hoặc để cho quốc-gia.

4/- Lập bình-dân ngân-quỹ và lập hợp-tác-xã sản-xuất để giúp nông-dân mua dụng-cụ và máy-móc (cày, gặt, vận-tải...), hợp-tác-xã để tránh nạn trung-gian.

5/- Phổ-thông khoa-học để gia-tăng sản-xuất nông-nghiệp, chăn-nuôi, thủy-lợi, lâm-sản...

c) Công-nghệ:

1/- Mở-mang khí-cụ cần-thiết cho sự khuếch-trương nền kinh-tế quốc-gia.

2/- Lần-lượt phát-triển kỹ-nghệ cần-yếu, bắt đầu từ kỹ-nghệ nhẹ.

d) Thương-mãi:

Lập hợp-tác-xã tiêu-thụ bán vật-dụng cần-thiết từ thành-thị, từ làng.

e) Tài-chánh:

Lập Ngân-hàng quốc-gia.

III.- XÃ-HỘI

1/- Bài-trừ thuốc phiện, rượu mạnh, cờ-bạc, mãi-dâm, tham-ô.

2/- Thi-hành triệt-để luật xã-hội.

3/- Cải-thiện và nâng cao đời sống tinh-thần và vật-chất của dân cày và thợ thợ bằng cách mở thật nhiều

cơ-quan y-tế, giáo-dục, cứu-tế, nhà bảo-sanh, ấu-trĩ viện, nhà dưỡng-lão, nhà-thương, trường-học, nhà hát-bóng... làm cho dân cày cũng hưởng được những ích-lợi của khoa-học như thầy thợ ở đô-thị.

IV.- VĂN-HÓA

- 1/- Bài-trừ văn-hóa nô-lệ.
- 2/- Sơ-học, tiểu-học cưỡng-bách và vô-phí.
- 3/- Giáo-dục chuyên môn, tổ-chức du-học, cấp học-bổng.
- 4/- Lập cơ-quan điều-hướng nghề-nghiệp.

V.- THANH-NIÊN

- 1/- Tổ-chức thanh-niên thành đoàn-thể và huấn-luyện cho thành người thích-ứng với thời-đại mới.
- 2/- Mở quán, trạm, nhà hội, sân vận-động cho thanh-niên.

VI.- BINH-BỊ

- 1/- Thành-lập một đội binh phòng-vệ.
- 2/- Mở lớp dự-bị quân-sự phòng-vệ từng làng trong một thời hạn ngắn.
- 3/- Mở trường đào-tạo sĩ-quan, gọi võ-quan cao cấp đi tập-sự ở ngoại-quốc.
- 4/- Mở lớp huấn-luyện đặc-biệt cho sĩ-quan và quân-sĩ của các đạo quân muốn gia-nhập đạo binh thường-trực quốc-gia.



TẾ CHIẾN-SĨ TRẬN-VONG Ở VƯỜN THƠM

1. Trên linh-tọa hương trầm nghi-ngút,
Tắc lòng thành cầu chúc vong linh.
Sa-trường hồi các sĩ-binh,
Vườn Thơm tuyệt mạng hiến mình non sông.
Thiệt chẳng hổ giống-dòng Nam-Việt,
Tùng nêu cao khí-tiết Lạc-Hồng.
Đã mang lấy nợ non sông,
Quyết lòng báo-quốc tồn vong sá gì.
Gương yêu nước đáng ghi đáng nhớ,
10. Chí hy-sinh nhắc-nhở mai sau.
Sống không hổ kiếp anh-hào,
Không ham tiền bạc sang giàu cá-nhân.
Thân chiến-sĩ vì dân vì nước,
Vì tự-do hạnh-phước đồng-bào.
Bao nài nguy-hiểm gian-lao,
Một năm kháng-chiến ra vào chông gai.
Bom, đạn thét không phai tâm ý,
Súng gươm rền nung chí hùng-anh.
Quyết đem xương máu hy-sanh,
20. Hy-sanh cứu nước rạng danh muôn đời.
Thù giặc Pháp làm người phải trả,
Trừ tham quân bởi quá ngang-tàng.
Nước mất đâu dễ ngồi an,
Mượn gươm Lê, Lý dẹp tan quân thù.
Ngày hôm ấy tàn thu sương đượm,
Quân Pháp đem lực-lượng tấn-công.

- Máy bay, tàu thủy, súng đồng,
Lục-quân, cơ-khí quyết lòng hại dân.
Chúng gặp phải liên-quân anh-dũng,
30. Hạ phi-cơ, tuốt súng, lầy bom.
Quanh tàu vây chặt mấy vòng,
Cả kinh giặc Pháp phục-tòng rút lui.
Phận rủi-ro riêng xui mạng bạc,
Khiến anh-hùng cỡi hạc xa bay.
Nước non đang thiếu anh-tài,
Tử-thần vội cướp đưa ngay châu Trời.
Hồn tử-sĩ nghe lời than tiếc,
Trừ tham quân tận diệt xâm-lãng.
40. Nam binh sát-khí đằng đặng,
Thề-nguyên thành lũy đập bằng mới thôi.
Kẻ chết đã yên rồi một kiếp,
Người sống còn tái tiếp nơi gương.
Lòng thành thấp một tuần hương,
Vái hồn liệt-sĩ bốn phương tựu về.
Nơi làng vắng cam bẻ đơn-giản,
Lễ mọn này trước án bày ra.
47. Hiên-linh xin chúng gọi là ...

Quéo-Ba, ngày 1-10-46 (Bính-Tuất).



CỤ PHẠM-THIỀU MỜI ĐỨC THẦY THAM-CHÁNH

1. Mưa gió thâu canh mãi dập-dồn,
Âm-u tràn ngập cả càn-khôn.
Hỡi ai thức ngủ trong đêm ấy,
Có thấu tai chãng tiếng quốc-hồn ?



- Sao còn khoắc-khoải nhớ hiềm xưa ?
Trang sử chùi đi những vết nhơ.
Gìn-giữ tim son không chút bọt,
8. Mặc tòa du-luận thấu hay chưa.



Sao còn lãnh-đạm với đồng-bang,
Toan trút cho ai gánh trị-an ?
Thảm-kịch “tương-tàn” chưa hết diễn,
Long-Xuyên, Châu-Đốc lụy muôn hàng.



- Sao còn ngần-ngại chẳng ra tay,
Trước cảnh xâm-lãng, cảnh đọa-dày ?
Ngọn lửa binh đao lan khắp đất,
16. Phật Trời soi thấu cũng châu mày.



- Chẳng áo cà-sa, chẳng chiến-bào,
Về đây tham-chánh mới là cao.
Non sông chờ đợi người minh-triết,
20. Chớ để danh thơm chỉ Võ-Hầu.

TRƯỜNG-PHONG

(biệt hiệu của cụ Phạm-Thiều)

ĐỨC THẦY họa :

1. Những nỗi đau-thương mãi dập-dồn,
Càng nhiều luân-lạc lại càng khôn.
Lặng nhìn thế-sự nào ai ngủ !
Chờ dịp vung tay dậy quốc-hồn.



- Từ-bi đâu vương mối hiềm xưa,
Nhưng vẫn lọc-lừa bạn sạch như.
Nếu quả tri-âm tri-ngộ có,
8. Thì là hiệp lực, hiểu hay chưa ?



Nhìn sang Trung-quốc khách lân-bang,
Cứ cố xỏ ngằm sao trị an ?
Nếu thiệt hai bên đồng hiệp trí,
Kẻ gây thảm-kịch phải qui-hàng.



- Lắm kẻ chực hờ đặng phông tay,
Mà sao chánh-sách bắt dân đày.
Vẫn còn áp-dụng vì phe-đảng ?
16. Chẳng muốn xông ra sợ cháy mày !



- Thà ở trong quân mặc chiến-bào,
Ngày qua sẽ biết thấp hay cao.
Nào ai đem sánh mình minh-triết,
20. Mà dám lăm-le mộng Võ-Hầu ?

HOÀNG-ANH

(biệt hiệu của Đức Thầy)

Miền-Đông, ngày 1 tháng 10-1946.



ĐỨC HUỲNH GIÁO-CHỦ TUYÊN-BỐ

LỜI TÒA-SOẠN (Báo QUẦN-CHUNG ngày 14-11-46) – Ông Huỳnh-Phú-S... tức là Giáo-Chủ Phật-Giáo Hòa-Hảo, Người đã có một lịch-sử chánh-trị cận-đại ở Nam-Bộ, người ta đã nói về Ông rất nhiều. Kế sau này các báo đều đăng tin rằng Ông có dự vào U.B.H.C.N.B.

Nhớ lại đoạn đường đã qua, nhiều người phân-vân.

Để trả lời chung, hôm nay Ông Huỳnh-Phú-S... nhờ chúng tôi đăng bài tuyên-bố để trả lời: “Vì sao tôi tham-chánh”. Chúng tôi sẵn-sàng đưa ra trước dư-luận :

Tháng tám năm 1945, Phát-xít Nhật đầu hàng không điều-kiện. Tin ấy bay ra làm cho tất cả dân-chúng Việt-Nam từ nhà lãnh-đạo cách-mạng cho đến đại-chúng cần-lao, mọi người đều nhận thấy một ánh sáng của quê-hương chói dậy. Giờ thiêng-liêng của lịch-sử đã đến; sự hoạt-động bí-mật nhường chỗ cho sự hoạt-động công-khai.

Tôi, một đệ-tử trung-thành của đạo Phật, một chiến-sĩ tri-chí của phong-trào giải-phóng dân-tộc Việt-Nam, sẵn-sàng cùng đoàn-thể mình cương-quyết đứng dậy đáp lại tiếng gọi của non sông, cương-quyết tranh-đấu để bảo-vệ quyền-lợi chung cho nòi giống.

Tiếc vì một hoàn-cảnh đặc-biệt đau-thương buộc tôi phải dung mình trong non cao rừng thẳm. Sự độc-đoán, sự ngờ-vực đã đưa đến chỗ chia-ly, mà kẻ thức-thời nhìn qua sự thật không khỏi ngậm-ngùi than-

trách. Một năm trời biến-cổ, dẫu tang thương gieo khắp trời Nam, song cảnh cam-go ấy tôi muốn tìm phương cứu chữa, nhưng khôn thay, bị đứt mối liên-lạc với Trung-Ương và các đồng-chí, nên đành nuốt hận và nhìn bọn xâm-lãng tung-hoành trong đất nước. Lúc ấy tất cả quần-chúng của tôi, Ban chỉ-huy cao-cấp không còn. Ban chỉ-huy địa-phương tan rã, họ bơ-vơ như bầy chim lạc đàn không nơi nương dựa, mà còn phải trải qua những giờ phút hãi-hùng, rồi nén lòng chờ đợi cứu tinh, rồi tuyệt vọng. Khi quân giặc đến, không ai chỉ đạo cho họ tranh-đấu, nổi lòng hoang-mang xui cho những phần-tử quá trung-thành mà nông-nổi không dần được khí phần-uất nên họ đi tới chỗ xung-đột vô ý-thức.

Tháng 2 năm 1946, tôi vừa bắt được liên-lạc và hiểu rõ tình-trạng đau-đớn trên thì liền dùng đủ biện-pháp làm cho cuộc xô-xát âm-thầm chấm-dứt. Hơn nữa, trên các mặt trận, cũng cố-gắng tìm cách ủng-hộ chiến-sĩ về hai phương-diện vật-chất lẫn tinh-thần, đồng thời xếp đặt các chiến-sĩ mình vào một tổ-chức quân-sự, chen vai thích cánh với đồng-bào trong cuộc kháng-chiến.

Hôm nay, nhận rõ cuộc tranh-đấu cho tổ-quốc còn dài và cần nhiều nỗ-lực, hưởng-ứng với tiếng gọi đại đoàn-kết của Chánh-Phủ Trung-Ương, tôi quyết-định tham-gia hành-chánh với những mục-đích này:

1. Để tỏ cho quốc-dân và Chánh-phủ thấy rằng chúng tôi chủ-trương thống-nhứt lãnh-thổ và độc-lập quốc-gia.

2. Để biểu-dương tinh-thần đoàn-kết của dân-tộc hầu mau đem thắng-lợi cuối cùng.

3. Để tỏ cho các đảng phái thấy rằng chúng tôi không khi nào có những tham-vọng cao-sang vương-bá hay vì hềm riêng mà hờ-hững với phận-sự cứu-quốc.

Biểu-lộ tấm lòng thành-thật ấy, tôi chỉ nhận một nhiệm-vụ cần-thiết, hạp với hoàn-cảnh và năng-lực mình, cố-gắng giàn-xếp về hành-chánh và quân-sự để củng-cố và tăng-cường lực-lượng của quốc-gia.

Đối với toàn thể tín-đồ Phật-Giáo, tôi vẫn không quên rằng tôi là một đệ-tử trung-thành của Đức Phật Thích-Ca, tôi tin chắc rằng giáo-lý giải-thoát chúng-sanh chẳng những được truyền-bá ở Thiên-lâm mà còn phải thực-hiện trên trường chánh-trị.

Đối với các đồng-chí hiện đang cùng tôi đeo-đuổi một chương-trình Dân-Chủ Xã-Hội, tôi tuyên-bố luôn luôn sát cánh với họ để chung lo gầy dựng một nước Việt-Nam công-bình và nhơn-đạo, một nước Việt-Nam tương-xúng với các nước Dân-chủ tiên-tiến trên hoàn-cầu.



ÔNG HÒN-QUYÊN (Ở SÀI-GÒN)

VÀO CHIẾN-KHU PHÔNG-VẤN

ĐỨC HUỲNH GIÁO-CHỦ

Vấn.— Ông có thể cho chúng tôi biết về tổ-chức quân-sự và hành-chánh trong đoàn-thể của ông chẳng?

Đáp.— Tôi không thể nói cho ông rõ tất cả những chi-tiết của sự tổ-chức ấy. Nhưng về đại-cương tôi có thể nói rằng cách chừng 6 tháng nay, những chiến-sĩ trong hàng-ngũ của tôi, khi họ nghe tôi còn sống, họ bắt đầu tập-hợp lại thành những bộ-đội kháng-chiến ở khắp các tỉnh miền Tây. Tuy không trực-tiếp liên-lạc với Chánh-Phủ Trung-Ương nhưng họ cũng lấy tên là Vệ-Quốc Đoàn để tỏ rằng lúc nào họ cũng theo sự hướng-đạo của Chánh-Phủ mà tranh-đấu. Từ nay về sau các bộ-đội ấy liên-lạc trực-tiếp với các khu-trưởng trong vùng của họ để nối hệ-thống thành đạo quân chánh-qui của nước Việt-Nam.

Về hành-chánh chúng tôi không có tổ-chức nào riêng biệt. Chỉ có những tổ-chức để ủng-hộ cuộc kháng-chiến trong các làng-mạc. Hiện thời chúng tôi đã ra chỉ-dụ cho các tổ-chức ấy phải xem xét chương-trình tổ-chức chung của Chánh-Phủ để sáp-nhập vào các cơ-quan chánh-thức của Chánh-Phủ.

Vấn.— Chúng tôi nghe nói hình như ở Hậu-Giang còn vài cuộc rắc-rối do tín-đồ ông gây ra. Có phải vậy không ?

Đáp.— Từ trước tới nay, tôi đã nghe rất nhiều lời phê-bình của một số đồng-bào về những hành-động vô ý-thức của một nhóm tín-đồ tôi. Hôm nay, nhơn dịp gặp ông, tôi xin thanh-minh và đính-chánh về những lời đồn-đãi đó. Tôi quả quyết với ông rằng: Tất cả tín-đồ có học-thức và những người hiểu biết được rõ-ràng một vài phần trong giáo-lý chơn-chánh của đạo Phật thì trong thời đã qua họ đã thiệt-hành được lời dạy bảo của Đức Phật là lấy lòng nhơn-hậu mà

đổi-đãi với sự thù-oán, mặc dầu trong đó họ bị đau khổ nhiều.

Còn riêng về những cuộc xô-xát vừa qua là do sự phản-uất của một nhóm võ-sĩ mà tôi đã kết-nạp vào hàng-ngũ Bảo-An Đội, bởi vì cửa Phật luôn luôn mở rộng cho bất cứ một chúng-sanh nào muốn trở về với Đạo mà tôi thấy họ rất cần-thiết cho phong-trào tranh-đấu để giải-phóng dân-tộc.

Hiện nay, nếu quả thật như lời ông, còn một vài cuộc rắc-rối là do những bọn bất-lương, mà trong tất cả thời loạn nào cũng có, mượn danh nghĩa của ông Trần-Văn-Soái tự là Năm Lửa để bóc-lột lương-dân. Nhưng chính ông Năm Lửa đang nỗ-lực tiêu-trừ bọn ấy và cũng đang phải đối-phó với những bọn phản-động trong hàng-ngũ binh-đội Pháp, sau ngày 30-10, ở một vài nơi còn tiếp-tục khủng-bố chúng tôi và dân-chúng, như 16 người trong hàng-ngũ chúng tôi bị bắn và đánh chết trong lúc ban đêm tại Lấp-Vò chẳng hạn. Còn toàn thể đều tuân theo lệnh ngưng-chiến theo tinh-thần của Thỏa-Hiệp-Án 14-9.

Vấn.— Vậy sau khi ông tham-chánh, tình-hình tín-đồ của ông ở Hậu-Giang thế nào ?

Đáp.— Một năm qua, tôi mất hẳn liên-lạc trong sáu tháng đầu. Từ tháng hai, khi tôi có vài liên-lạc gián-tiếp thì những xung-đột dữ-dội ngừng dứt rõ-rệt. Tuy vậy, không tránh khỏi vài sự xung-đột nhỏ giữa hai bên. Nó có tánh-cách cá-nhơn hơn là tánh-cách toàn-thể như trước, vì tôi và những người cấp trên Việt-Minh không gặp-gỡ nhau nên những huân-lệnh nghiêm-trị của một bên không được hiệu-lực toàn-

ven. Theo những báo-cáo mấy hôm nay thì sau khi tôi tham-chánh, quần-chúng của tôi bắt đầu có một sự tín-nhiệm ở nơi sự hiệp-tác giữa đôi bên và sự tham-chánh của tôi cáo-chung những tuyên-truyền lão-khoét, phao-vu từ trước tới giờ. Những sự tuyên-truyền đó đã làm cho toàn-thể bị tải-nhục.

Vấn.— Trong việc tham-chánh, ông có đại-biểu cho một chánh-đảng nào không ?

Đáp.— Về dĩ-vãng, sự hoạt-động của tôi xuất-phát trong địa-phận Phật-giáo và kết-nạp được hơn triệu tín-đồ. Thế theo tinh-thần đại đoàn-kết của toàn dân, tôi thay mặt cho đám quần-chúng đó mà tham-gia hành-chánh về mặt tinh-thần. Nhưng trong sự hoạt-động để kiến-thiết quốc-gia về mặt chánh-trị thì tôi sẽ là đại-biểu cho chánh-đảng nào có một chương-trình dân-chủ xã-hội.

Vấn.— Như vậy xin ông cho biết lý-tưởng chánh-trị của ông có liên-quan với giáo-lý nhà Phật không ?

Đáp.— Theo sự nhận-xét của tôi về giáo-lý nhà Phật do nơi Đức Thích-Ca Mâu-Ni Phật đã khai-sáng lấy *Chú-nghĩa từ-bi bác-ái đại-đồng đối với tất cả chúng-sanh* làm nòng-cốt thì tôi nhận Ngài là một nhà cách-mạng triệt-để về tư-tưởng; vì những câu: “*Nhứt thiết chúng-sanh giai hữu Phật tánh*” và “*Phật cũng đồng nhứt thể bình-đẳng với chúng-sanh*”. Đã có những sự bình-đẳng về *thế-tánh* như thế mà chúng-sanh còn không bằng được Đức Phật là do nơi trình-độ giác-ngộ của họ không đồng-đều, chớ không phải họ không tiến-hóa ngang hàng với chư Phật được. Nếu trong cõi nhơn-gian này còn có chúng-sanh tiền-tiến áp-bức

những chúng-sanh lạc-hậu thì là một việc trái hẳn với những giáo-lý chơn-chánh ấy. Giáo-lý đó, Đức Thích-Ca Mâu-Ni không áp-dụng được một cách thiết-thực trong đời của Ngài là do nơi hoàn-cảnh xã-hội của Ấn-Độ xưa không thuận-tiện. Thế nên Ngài chỉ phát-dương cái tinh-thần đó mà thôi. Ngày nay, trình-độ tiến-hóa của nhơn-loại đã tới một mực khả-quan, đồng thời với tiến-bộ về khoa-học thì ta có thể thực-hành giáo-lý ấy để thiết-hiện một xã-hội công-bằng và nhơn-đạo. Thế nên với cái tâm-hồn bác-ái, từ-bi mà tôi đã hấp-thụ, tôi sẽ điều-hòa với phương-pháp tổ-chức xã-hội mới, để phụng-sự một cách thiết-thực đồng-bào và nhơn-loại.

Vấn.— Trước khi từ giã, xin ông cho biết đời sống ở bung-biên có ảnh-hưởng chi tới sự hành Đạo của ông chăng ?

Đáp.— Với sự hành Đạo của tôi cảnh sống nào tôi cũng có thể sống được. Cái hành Đạo đúng theo ý-tưởng xác-thực của nó là làm thế nào phát-hiện được những đức-tánh cao-cả và thực-hành trên thiết-tế bằng mọi biện-pháp để đem lại cái phước-lợi cho toàn-thể chúng-sanh thì đó là sự thỏa-mãn trong đời hành Đạo của mình, chớ những sự tùy-tiện về vật-chất đối với tôi, không có nghĩa lý gì hết.

(Trích lục Báo “NAM-KỶ” ngày 29-11-1946).



**NHỮNG BÀI SÁNG-TÁC
NĂM ĐINH-HỢI
(1947)**

NĂM ĐÌNH-HỢI (1947)

ANH PHIỆT xướng : ⁽¹⁾

Non nước ngửa nghiêng vẫn ngủ ý ?
Ai ôi tỉnh dậy, dậy rồi đi.
Đi lo sự nghiệp trai thời loạn,
Khỏi thẹn người xưa lúc gặp thì.

ĐỨC THẦY họa :

Lặng-lẽ tính toan đầu ngủ ý !
Chỉnh-tu binh mã để rồi đi.
Khi đi muôn sói đều tan-vỡ,
Rõ mặt hùng-anh tạo thế thì ...

Miền-Đông, mùa xuân năm 1947.



TẶNG CHIẾN-SĨ BÌNH-XUYÊN

1. Trước khét tiếng trong làng dao búa,
Lúc quân thù thống-trị nước non Nam.
Khách giang-hồ tụ ngũ từng tam,
Quyết khuấy nước chọc trời cho thỏa chí.

⁽¹⁾ Bài này của anh mười Phiệt, thuộc nhóm Bình-Xuyên (làm đã từ lâu) đọc có ý kích-thích Đức Thầy trong khi Ngài đang nằm nghỉ trưa. Đức Thầy liền ứng khẩu đáp họa liền làm cho anh em Bình-Xuyên vỗ tay hoan-nghinh nhiệt-liệt.

- Dân-chúng trách đăm người không biết nghĩ,
 Cứ quanh năm suốt tháng phá hương-thôn.
 Vì an ninh giặc Pháp cử binh rồn,
 Khi sa lưới phải lao tù nơi hải-đảo.
 Rồi vượt biển bao nài cơn gió bão,
10. Về quê nhà tánh cũ cứ nghinh-ngang.
 Lúc hoàn-cầu tiếng súng nổ vang,
 Bùng tỉnh giấc bàng-hoàng suy nghĩ lại.
 Từ thuở bé bao phen tang-hải,
 Khí kiêu-hùng đem lại những chi đâu ?
 Nhìn non sông đượm vẻ âu-sầu,
 Lòng yêu nước bắt đầu tim sóng dậy.
 Cờ độc-lập Bắc, Nam, Trung phe-phẩy,
 Trước gió chiều hãnh-diện với lân-bang.
 Bỗng phương Âu vô-số bọn tham-tàn,
20. Tàu, bom, súng đem sang non nước Việt.
 Ách nô-lệ dân ta đà chán biết,
 Nên quyết lòng nổi dậy chống xâm-lãng.
 Chỉ quân Tây thề một tiếng rằng :
 Thà cam chết, không làm dân bị trị.
 Bọn cách-mạng giả-danh đang rồi trí,
 Khu Bình-Xuyên tiếng súng nổ vang tai.
 Đoàn dũng-binh tiếng đếm một hai...
 Nhắm hướng có quân thù xông lướt đến.
 Đạp thành-lũy cứu giống nòi yêu mến,
30. Làm roi đầu, đổ máu biết bao ngàn.
 Tiếng anh-hùng nổi dậy khắp giang-san,
 Thay những tiếng bạo-tàn cơn thất-chí.
 Xông trận-địa nêu gương trang dũng-sĩ,
 Tự-hào rằng Nam-Việt kém chi ai.

- Ngàn muôn năm ghi nhớ khách anh-tài,
36. Trong sách sử tiếng Bình-Xuyên luôn chói rạng.
Miền-Đông, ngày 16-1-1947.



TẾT Ở CHIẾN-KHU

1. Tặng bạn ngày xuân chén rượu nồng,
Uống rồi vùng-vẫy khắp Tây-Đông.
Đem nguồn sống mới cho non-loại,
Để tiến, tiến lên cõi đại-đồng.



Rượu xuân càng nhấp càng say,
Gió xuân càng thổi thì tài càng tăng.



- Ngày tết năm nay ở chiến-khu,
Bung-biên gió lốc tiếng vi-vu.
Xa xa súng nổ thay trù-tịch,
10. Dân Việt còn mang nặng mối thù.



Mối thù nô-lệ trả chưa xong,
Pháp-tặc còn trêu giống Lạc-Hồng.
Dùng thói dã-man mưu thống-trị,
Thì ta quyết chiến để nào không !



- Để nào không dám gắng hy-sinh,
Giữ vững non sông đất nước mình.
Tự-lập nghìn xưa gương chói rạng,
18. Anh-hùng khởi xuất chôn dân-binh.



22. Dân-binh Nam-Việt mấy ai bì ?
 Không súng tầm-vông cũng vác đi.
 Xông lướt trận-tiền ngăn giặc mạnh,
 Liều thân cứu nước lúc lâm-nguy.



Nước lúc lâm-nguy há đứng nhìn,
 Lòng mang Đại-Nghĩa để thân khinh.
 Máu đào xương trắng phơi đầy nội,
 Quyết đòi tự-do mới thỏa tình.



30. Thỏa tình được sống dưới trời Đông,
 Tổ phụ ngày xưa rất đẹp lòng.
 Nhìn thấy cháu con không thẹn mặt,
 Từ đây non nước thoát nguy-vong.

Bình-Hòa (Chợ-Lớn) ngày 2-1 Đinh-Hợi (1947).



KỶ-NIỆM RỪNG CHÀ-LÀ

1. Rừng Chà-Là, rừng Chà-Là vạn tuế... !
 Thành lũy ấy chông gai bao xiết kẻ,
 Muôn quân thù đâu dám dẫm chơn vô.
 Đây là nơi tướng Việt thiết mưu-mô,
 Chờ cơ-hội quét tan loài xâm-lược.
 Tranh độc-lập để bảo-tồn non nước,
 Biết bao lần chúng giặc phải cuồng-điên.
 Vì đem quân cả phá Bình-Xuyên,
 Chạm trán với chiến-binh hùng-dũng.
10. Một năm qua bền gan không nao-núng,
 Dù thảo-lương thiếu túng chịu gian-nan.

12. Nơi rừng xanh chịu lăm cảnh cơ-hàn,
Mưa nắng tấp gió sương dầu-dãi.
Nước Nam-Việt ở ven bờ Nam-Hải,
Ngàn xưa từng chống lại họa xâm-lãng.
Bạch-Đằng-Giang công-nghiệp ấy ai bằng,
Quân Việt ít đánh tan Mông-Cổ mạnh.
Nay giặc Pháp buông-lung kiêu-hãnh,
Ỗ-lại vào tàu chiến với phi-cơ.
20. Nơi sa-trường chúng gặp cảnh bất ngờ,
Sức kháng-chiến ngàn xưa nay sống dậy.
Nơi Hành-dinh gió vàng phe phẩy,
Khách viễn-phương mượn lấy tờ hoa.
Vài câu văn thô-kịch gọi là,
25. Để kỷ-niệm chôn “Bình-Xuyên” anh-dũng.

Hòa-Hảo tặng chiến-sĩ Liên-Khu Bình-Xuyên (2-47).



**ÔNG TRẦN-VĂN-SOÁI
và ÔNG NGUYỄN-GIÁC-NGỘ**

Tôi vừa hội-hiệp với ông Bửu-Vinh bỗng có sự biến cố xảy ra, tôi và ông Vinh suýt chết, chưa rõ nguyên-nhân còn điều-tra; trong mấy anh em phòng-vệ không biết chết hay chạy đi, nếu có ai chạy về báo-cáo rằng tôi bị bắt hay mưu-sát thì các ông đừng tin và đừng náo-động.

Cấm chỉ đồn-đãi, cấm chỉ kéo quân đi tiếp cứu, hãy đóng quân y tại chỗ.

Sáng ngày tôi sẽ cùng ông Bửu-Vinh điều-tra kỹ-lưỡng rồi về sau.

Phải triệt-để tuân lệnh.

Ngày 16-4-47; 9 giờ 15 đêm

Ký tên: S.



PHỤ-LỤC

Những bài không rõ thời-gian
tính sáng-tác, và những
phương thuốc gia-truyền



NHỮNG BÀI SAU ĐÂY KHÔNG RÕ
ĐỨC THẦY VIẾT TẠI ĐÂU
VÀ HỒI NÀO

LO NƯỚC

Nước Việt trẻ già mãi ngóng trông,
Ngày nào hưng-phục cõi trời Đông.
Lẽ đâu Tạo-hóa riêng cay độc,
Đày khắc mãi chi giống Lạc-Hồng.



NỢ NƯỚC

Một phen nợ nước lâm đên,
Đạo làm thần-tử cho bền chí trai.
Thừa cơ xoay trở gót hài,
Vung gươm Thần-Thánh dẹp loài cầu-phiên.



KHÔNG KHÔNG

Đại-đạo giáo dân, dân bất tri,
 Khai năng bạch phát đãi hà thi.
 Công-danh phú-quí chung huòn mộng,
 Kỳ-cá miên qui thổ nhứt kỳ.

**TỈNH GIÁC MƠ**

Một giấc mơ-màng, một giấc say,
 Tỉnh hồn mới biết cuộc trần-ai.
 Trần-ai rày đã xa phiền-lụy,
 Rán bước qua truông kéo nữa hoài.



Nợ thế âu toan tròn nợ thế,
 Đường tu sớm liệu vẹn đường tu.

**SÀU BÁ-TÁNH**

Cúi lạy Tây-phương chốn Phật-đàng,
 Vung lời truyền dạy các chư bang.
 Âu-sâu bá-tánh gieo tình ác,
 Bị lũ con buôn quá tráo hàng.



GÌN TỤC CỒ

Cũng dòng dân Việt cũng màu da,
Sao lại chê bai thói tục nhà.
Phong-hóa lễ-nghi trề nhún bỏ,
Gia-nghiêm nghĩa tiết choán Nam-gia !



LÓ VÙNG HỒNG

Khói tỏa mây un sương mịt-mù,
Vùng hồng vừa ló cảnh trời thu.
Ruộng sâu đã cấy chờ bông trái,
Thì sẽ ám no thoát ngục tù.



Ngục tù giam hãm mấy mươi năm,
Nhớ lại quặn đau khúc ruột tầm.
Rày gặp mưa nhuần ân Thánh-đế,
Tươi cho trăm họ bớt mê-làm.



XÉ-XÂU NHAU

Gẫm thấy cuộc đời xô-xát mãi,
Dắt tay nhau đến bãi tha-ma.



Gió Á mưa Âu bùng sấm dậy,
Hãi-hùng tranh-chiến xé-xâu nhau.
Hồng-trần trở lại màn u-ám,
Khắp cả chúng-sanh nhuộm máu đào.



CHUYỂN PHÁP-LUÂN

Lòng thương lê-thứ đảo ta-bà,
 Thừa chuyển pháp-luân dụng khuyến-ca.
 Cảnh-tĩnh người mê về cõi ngộ,
 Dạy răn kẻ tục vượt nê-hà.



LÚC TA TỈNH

Tỉnh giấc mơ màng cảnh mộng-hoa,
 Tỉnh lòng lê-thứ chữ nhơn-hòa.
 Tỉnh thân tâm đạo xa trần-tục,
 Tỉnh chuyện gần xa tiếng thiết-tha.



Tỉnh biết đời nay lỗi đạo-hằng,
 Tỉnh tâm già trẻ bớt làm nhăng.
 Tỉnh câu phụ-tử tình thâm ấy,
 Tỉnh hết vạ dân biết thượng tăng.



CHO MỘT VỊ SỞ-TÂM

Duyên lành mới gặp cảm tình ông,
 Rõ việc mở-mang giống Lạc-Hồng.
 Bí-hiêm cơ-huyền nơi diệu-lý,
 Nhiệm-mầu Phật-pháp chốn thân-thông.
 Trau-tria nhục-thể về nơi cũ,
 Chùi rửa tim gan một tác lòng.

Cổ tưởng ước-mơ đời thanh-trì,
Ngặt vì vận bĩ bắt cuồng-ngông.



CHÍ THANH-CAO

Một thân quyết chí phá lâm tông,
Dắt chúng đời này liễu diệu thông.
Nhắc-nhở con hiền noi tục cổ,
Kêu chừng trẻ thảo góc trời đông.
Ngày thanh mong tưởng cho mau tới,
Đêm vắng ước-mơ lộ vẻ hồng.
Sẽ được hiệp-hòa non phụng gáy,
Trung-thần thỏa dạ hết chờ trông.



BÁO HIẾU ĐẠO NHÀ

Quầy đơm cúng tế lệ xưa nay,
Sát vật trâu heo đưa mị bày.
Kẻ mất cho ăn suy khó hiểu,
Người còn bạc đãi lạ lòng thay.
Cháu con báo hiếu theo nhà Phật,
Cha mẹ qua đời thủ lễ chay.
Trong sạch nghĩa nhân vậy mới đáng,
Hồn linh siêu thoát nhẹ cao bay.



VÀI TOA THUỐC NAM

Mà Đức Thầy đã dùng từ năm 1939 để trị bệnh cho bá-tánh thập-phương

1.- Bệnh Ho

É tía, rau tần, rễ chanh, gừng lùi, lá bưởi, bông thọ, rễ
chòi-mòi (sao), một xu nhơn-trần, một xu trắc-bá-diệp.



2.- Bệnh Ban

Chôi đực, vòi voi, hắc-sửu, rau bọ, rễ chòi-mòi, năm
thứ đậu, đọt tre mỡ một nắm (sao chín).



3.- Bệnh Thường

Lá xoài, lá ổi, lá mít, lá bưởi, bông trang hay là bông
thọ (để sống).



33 TOA THUỐC GIA-TRUYỀN

Mà Đức Thầy đã giao cho anh em tín-đồ
ở Bạc-Liêu hồi tháng 6 dl. 1945,
trong lúc Ngài đi Khuyến Nông.

1.- Cảm mạo (thuốc tán)

Xuyên hậu phát 1 lượng, Quán trần bì (sao) 1 lượng, Bạch bì 1 lượng, Xuyên khung (sao) 1 lượng, Sa nhân 1 lượng, Bạch khấu 1 lượng, Bạch trực (sao) 2 lượng, Thương trực (sao) 2 lượng, Cam thảo 1 lượng, Thảo quả 2 lượng, Hoát hương 2 lượng, Thạch cao 1 lượng, Chánh thần khúc 1 lượng.

Tán khô để vô ve, mỗi lần uống 1 chỉ với nước gừng, trị nóng lạnh, mới cảm, nhức đầu, thổ tả, đau bụng, ban trái.



2.- Cảm gió (thuốc ban)

Sa sâm 2 chỉ, Kiệt cánh 1 chỉ, Phục linh 1 chỉ, Tiên hồ 2 chỉ, Độc huột 2 chỉ, Sài hồ 2 chỉ, Cam thảo 1 chỉ, Xuyên khung 1 chỉ, Chỉ xát 1 chỉ, Khương huột 1 chỉ, Sanh cương 2 chỉ.

Uống rồi trùm lại chờ đổ mồ-hôi.



3- Cảm ba bốn ngày sắp lên, nửa trong nửa ngoài, nóng lạnh từ hồi, cổ không thông, khô cả nước miếng hoặc làm rét.

Sài hồ 3 chỉ, Bạch bì sâm 3 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Trần bì (sao) 2 chỉ, Thảo quả 3 trái, Chế bản hạ 2 chỉ, Hoàng cầm 3 chỉ, Thương trực (sao) 2 chỉ, Hậu phát 2 chỉ, Gừng sống 4 lát.

Uống hai nước.



4.- Ho gió, mới cảm trong mười ngày thì cứ uống.

Tử tô điệp 2 chỉ, Bạc hà 2 chỉ, Quế tiện 1 chỉ, Hạnh nhơn 2 chỉ, Sanh cương 5 lát, Trần bì (sao) 2 chỉ, Tang bạch bì 3 chỉ, Đại phúc bì 2 chỉ, Trầm hương tốt (gói riêng) 2 chỉ, Ma hoàng 1 chỉ, Tô tử 2 chỉ, Cam thảo 2 chỉ.

Sắc uống 2 nước.



5.- Trị bệnh ho vừa phát nóng lạnh dữ lên thì ho dữ-dội ấy là cảm gió vào phổi hóa nóng nhiều.

Sa sâm 3 chỉ, Kiệt cánh 2 chỉ, Cát căn 2 chỉ, Chỉ xác (sao) 2 chỉ, Tử tô điệp 2 chỉ, Tiền hồ 2 chỉ, Phục linh củ 2 chỉ, Nam mộc hương 1 chỉ, Trần bì (sao) 2 chỉ, Chế bản hạ 3 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Sanh cương 5 lát.

Uống hai nước.



6.- Ho thuộc về thận

Trạch tả 3 chỉ, Táo nhục 3 chỉ, Thiên môn đông 2 chỉ, Ngưu tất 2 chỉ, Hoài sơn (sao) 4 chỉ, Lão thực địa 8 chỉ, Mạch môn đông 3 chỉ, Hạnh nhơn 2 chỉ, Phục linh củ 3 chỉ, Ngũ vị tử 1 chỉ, Mẫu đơn 3 chỉ.

Sắc 2 nước, vắt nước cốt chia ra 2 phần uống 2 lần.

7.- Ho gió lâu quá mà thuốc nào cũng vô hiệu

Kha tử (nướng cho vàng) 5 chỉ, Cam thảo 2 chỉ.

Hai vị này chung lại, sắc uống hiệu nghiệm như thần.

**8.- Ho ra huyết ỏi cả tô, lúc đầu vừa ỏi ra nó nặng ngực (thượng tiêu)**

Đại hoàng tốt (sao rượu cho khô) 2 chỉ, Xuyên hoàng liên 3 chỉ, Huỳnh cầm 4 chỉ.

*Sắc 2 nước uống 2 lần, cho ia đừng sợ (mệt mà bỏ).
Xổ rồi lại uống thang dưới đây:*

Văn thảo (sao) 2 chỉ, Lão thực địa 8 chỉ, Ngũ vị tử 1 chỉ, Thiên môn đông (khử bỏ tim) 3 chỉ, Hoài sơn (sao) 4 chỉ, Phục linh củ 3 chỉ, Mạch môn đông 2 chỉ, Đơn bì 4 chỉ, Táo nhục 2 chỉ, Đông hoa 2 chỉ.

Hốt 1 thang sắc 2 nước, vắt lấy nước cốt uống 2 lần, uống luôn 3 thang thì hết, nếu uống mà sôi bụng ia ấy là lão thực địa xấu, phải mua thứ tốt.

**9.- Đàn bà huyết băng cầm lại rồi còn đương mệt nhọc lại hóa ho nhiều.**

Phòng đản sâm 3 chỉ, Bạch trực (sao) 3 chỉ, Xuyên khung 2 chỉ, Mạch môn đông (khử bỏ tim) 2 chỉ, Công giao châu 2 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Lão thực địa 5 chỉ, Đại đương qui 3 chỉ, Phục linh củ 2 chỉ, Bạch thược (sao) 3 chỉ, Đông hoa 2 chỉ, Ngũ vị tử 1 chỉ, Tam thốc can 2 chỉ, Kỳ ngại khô 1 chỉ.

Sắc 2 nước, uống 2 lần. Uống 5 thang mới giảm và hết.

10.- Đàn bà đường kinh đi râm-rỉ cả 10 ngày hay nửa tháng mà không dứt.

Tam thốc can 3 chỉ, Viễn chi 2 chỉ, Phòng đản sâm 3 chỉ, Chánh phục thần 3 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Chá hoàng kỳ 4 chỉ, Quảng mộc hương (gói riêng không sắc) 6 chỉ, Đại qui đầu 3 chỉ, Tàng táo (sao) 2 chỉ, Bạch trực (sao) 3 chỉ, Long nhãn nhục 2 chỉ.

Sắc 2 nước, uống 2 lần. Uống 3 thang thì hết, cứ ăn: hành, tỏi.



11.- Huyết hư, cảm mạo, nóng lạnh, không có mồ-hôi, đường kinh quá kỳ không đi.

Lão thực địa 5 chỉ, Bạch thược 2 chỉ, Đại đương qui 3 chỉ, Tử tô diệp 2 chỉ, Kiết cánh 2 chỉ, Pháp hạ 2 chỉ, Phục linh 2 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Xuyên khung 2 chỉ, Phòng đản sâm 3 chỉ, Trần bì (sao) 2 chỉ, Tiền hồ 2 chỉ, Càn cát 1 chỉ, Chỉ xác (sao) 2 chỉ.

Sắc 2 nước, Chia ra uống 2 lần. Uống 3 thang đổi toa.



12.- Điều hòa huyết, trị huyết nóng đau bụng, nhức mỗi, đường kinh trời sụt.

Lão thực địa 3 chỉ, Xuyên khung 3 chỉ, Chế hương phụ 1 chỉ, Ích mẫu 2 chỉ, Bạch thược 3 chỉ, Đương qui 3 chỉ, Ô dước 2 chỉ, Sanh cương 5 lát.

Sắc 2 nước uống 2 lần.



13.- Điều kinh, đàn bà kinh kỳ trời sứt, đau bụng nhiều ít không chừng.

Trạch tả (sao) 3 chỉ, Táo nhục 2 chỉ, Bạch thược 3 chỉ, Bạch trọc (sao) 3 chỉ, Hoài sơn (sao) 4 chỉ, Lão thực địa 7 chỉ, Xuyên khung 2 chỉ, Mẫu đơn 3 chỉ, Phục linh 3 chỉ, Đương qui 3 chỉ.

Sắc hai nước, uống nhiều thang mới hết.



14.- Thuốc sản hậu (trong 15 ngày mà hóa các chứng bệnh gì cứ uống. Còn trong 8 ngày thì cứ uống chớ ngại chi).

Đương qui vĩ 7 chỉ, Đào nhân 3 chỉ, Cam thảo chá 2 chỉ, Xuyên khung 5 chỉ, Bào cương 2 chỉ.

Nước lã 1 chén, nước đá 1 chén, sắc còn 7 phân, thêm 1 chung nước đá vô chén thuốc, thuốc sắc rồi uống ấm. Khi mới đẻ hốt hai thang, sắc thang trước lấy nước nhứt, lại sắc thang sau lấy nước nhứt uống vô, rồi lấy cái xác của 2 thang (sắc rồi) sắc nước nhì cũng như cách trên bảo vậy. Nếu uống liền 4 thang như vậy thì càng tốt.



15.- Thuốc ỉa nước nhiều và nóng nhiều.

Trạch tả 3 chỉ, Bạch trọc (sao) 3 chỉ, Phòng đản sâm 3 chỉ, Trần bì (sao) 2 chỉ, Sanh cương 5 lát, Phục linh 3 chỉ, Biên đậu (sao) 3 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Sài hồ 3 chỉ, Đại táo 3 trái, Hoài sơn (sao) 3 chỉ.

Sắc hai nước uống ấm.



16.- Tỳ vị quá hư lạnh, sanh ra ỉa nước, ăn không vô.

Bạch trực (sao) 3 chỉ, Phòng đản sâm 3 chỉ, Hắc phụ tử 3 chỉ, Hắc cương 2 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Phục linh 3 chỉ, Hoài sơn (sao) 4 chỉ, Biên đậu (sao) 3 chỉ, Sanh cương 5 lát.

Sắc 2 nước uống 2 lần. Chừng vài thang thì hết ỉa.



17.- Ăn chậm tiêu, sinh bụng no hơi, đau bụng, hoặc lạnh tay chơn, ói mửa, ỉa ra nước mà không thôi.

Phòng đản sâm 4 chỉ, Càn cương 2 chỉ, Hắc phụ tử 2 chỉ, Cam thảo chích 2 chỉ, Bạch trực (sao) 3 chỉ, Hoài sơn (sao) 3 chỉ.

Hốt 1 thang sắc 2 nước uống 2 lần. Uống 3 thang đổi toa.



18.- Ăn không tiêu, đau bụng, ngấn ngực, nghẹn trong cổ.

Phòng đản sâm 2 chỉ, Bạch trực (sao) 3 chỉ, Mạch nha (sao) 2 chỉ, Thần khúc 2 chỉ, Đại táo 3 trái, Phục linh 2 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Bào cương 1 chỉ, Sơn tra 2 chỉ, Gừng sống 5 lát.

Sắc hai nước uống ấm.



19.- Bệnh kiết đi sông nhiều, rặn nhiều và ra đàm ít.

Bạch thực (sao) 3 chỉ, Xuyên hoàng liên 4 chỉ, Võ lự nướng 5 chỉ, Thương trực (sao) 4 chỉ, Quảng mộc hương 3 chỉ.

Chung lại tán nhỏ, thêm vô 1 chỉ nhựa bông, tán chung. Uống mỗi lần 1 chỉ. Chừng 3 lần hết bệnh (cần thêm nhiều cho dứt căn). Đàn bà đẻ cũng uống được.



20.- Trị bệnh uất mới có, xô êm.

Sài hồ 3 chỉ, Đại hoàng 3 chỉ, Sanh cương 4 lát, Chế bản hạ 3 chỉ, Sanh chỉ xác 3 chỉ, Xích thực dược 2 chỉ, Huỳnh cầm 2 chỉ, Đại táo 3 trái.

Uống một nước để lâu ước chừng 2 giờ xem có đi sông chẳng hoặc có sôi ruột mà chưa sông thì uống thêm nước nhè; như có sông mà ít thì uống thêm nửa nước nhè. Uống thuốc xô thì nên dè-dặt vì bệnh hư dễ xô, bệnh thiệt khó xô. Vậy nên mình coi thêm bớt cho vừa ý.



21.- Xô rửa sạch độc cũ, đau lâu uất bốn phong nhiều, ung độc ghê chóc, nóng trong mình.

Phòng phong 2 chỉ, Bạch thực 1 chỉ, Xuyên khung 1 chỉ, Phát tiêu (để riêng) 2 chỉ, Liên kiều 1 chỉ, Kiết cánh 1 chỉ, Ma hoàng 1 chỉ, Huột thạch 15 phân, Đại hoàng 2 chỉ, Bạc hà 1 chỉ, Cam thảo 1 chỉ, Chi tử 1 chỉ, Huỳnh cầm 1 chỉ, Bạch thực (sao) 2 chỉ, Kinh giới 1 chỉ, Thạch cao 15 phân.

Sắc 2 nước uống 2 lần (uống quá sức thuốc có hại).



22.- Thuốc tiêu trị bá chứng như: thũng thực vật, bại xụi.

Hương phụ tử chế 1 cân (chia 4 phần tằm muối, tằm gừng, tằm nước đá, tằm giấm trộn đêm, sao cho cháy

một chút). Hắc sừ nửa cân (phân nửa sao, phân nửa đẽ sống). Ngũ linh chỉ 1 cân (rửa sạch, tẩm giấm sao cháy một chút), Tọa giác nửa cân (đẽ sống).

Bốn vị chế xong đều tán nhỏ, khuấy hồ gạo vò viên bằng hạt bắp, mỗi lần uống 30 hoàn với nước trà tống hạ, như uống nhiều bằng hai thì xỏ êm, uống ít thì tiêu.



23.- Đau lưng.

Trạch tả (sao) 3 chỉ, Mẫu đơn 3 chỉ, Lão thực địa 7 chỉ, Đỗ trọng (sao muối) 2 chỉ, Táo nhục 2 chỉ, Hoài sơn (sao) 4 chỉ, Phục linh 3 chỉ, Thục đoạn 2 chỉ.

Sắc hai nước uống ấm.



24.- Tức và lói ra sau lưng.

Sài hồ 4 chỉ, Bạch trực (sao) 3 chỉ, Phục linh 4 chỉ, Bạc hà 2 chỉ, Hương phụ chế 3 chỉ, Bạch thược (sao) 4 chỉ, Đương qui 3 chỉ, Cam thảo 1 chỉ, Ô dước 2 chỉ.

Sắc hai nước thêm 5 lát gừng sống.



25.- Phong đau mình, nhức mỏi, bổ huyết và hành huyết, bổ khí.

Lão thực địa 4 chỉ, Xuyên khung 3 chỉ, Phòng đàn sâm 4 chỉ, Bạch trực (sao) 3 chỉ, Độc huột dương 2 chỉ, Xuyên túc đoạn 2 chỉ, Bạch thược (sao) 3 chỉ, Đại qui đầu 3 chỉ, Phục linh củ 2 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Chá hoàng kỳ 2 chỉ, Linh tiên 2 chỉ.

Sắc 2 nước uống 2 lần. Uống 2 thang nghỉ. Rồi uống toa thuốc dưới đây:

Độc huột 2 chỉ, Đỗ trọng (sao) 3 chỉ, Tế tân 1 chỉ, Tần giao 2 chỉ, Quế tâm 1 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Phòng phong 2 chỉ, Xuyên khung 2 chỉ, Tang ký sanh 3 chỉ, Ngưu tất 2 chỉ, Phòng đản sâm 3 chỉ, Phục linh 2 chỉ, Bạch thược 2 chỉ, Thục địa 4 chỉ, Đại đương qui 3 chỉ, Sanh cương 5 lát.

Sắc 2 nước chế thêm một chung nhỏ rượu, chia làm hai, uống luôn hai, ba thang mới hay. Bệnh có bớt, uống thêm càng tốt.



26.- Mạnh tỳ vị, mau tiêu, bổ về phần khí cho sanh huyết.

Phòng đản sâm 3 chỉ, Bạch thược (sao) 3 chỉ, Đại táo 3 trái, Sanh cương 5 lát, Phục linh củ 3 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Hoài sơn (sao) 3 chỉ, Liên nhục (sao) 2 chỉ.

Sắc hai nước uống cho nhiều.



27.- Ăn ngủ không được, mệt, lạnh tay chơn, nghẹn cổ, chóng mặt.

Trạch tả (sao) 3 chỉ, Mẫu đơn bì 3 chỉ, Lão thục địa 7 chỉ, Hắc phụ tử 1 chỉ, Đỗ trọng (sao muối) 2 chỉ, Hoài sơn (sao) 4 chỉ, Táo nhục 2 chỉ, Phục linh củ 2 chỉ, Nhục quế (gói riêng) 1 chỉ, Ngưu tất 2 chỉ.

Hốt 1 thang sắc hai nước, vắt xác lấy nước cốt quế ngâm riêng nước sôi để nguội, lấy ra ngâm lại, lần thứ nhì, rót lại 2 nước quế và nước thuốc chung vô một tô, trộn đều chia làm 2 uống 2 lần, uống hơi nguội một chút, cứ ăn hành, tỏi và tiêu vì phạm thuốc.

28.- Ăn ngon ngủ nhiều.

Đại dương qui 3 chỉ, Long nhãn nhục 2 chỉ, Phòng đản sâm 3 chỉ, Chánh phục thần 2 chỉ, Quảng mộc hương (gói riêng) 5 phân, Tàn táo (sao) 2 chỉ, Viễn chi 2 chỉ, Bạch trực (sao) 3 chỉ, Chá hoàng kỳ 4 chỉ, Cam thảo 2 chỉ.

Sắc hai nước uống ấm. Mộc hương để ngoài, mài riêng, thuốc sắc tới rồi chế vô trộn đều chia 2 phần uống 2 lần.



29.- Bổ tim, dưỡng tỳ, trị bệnh hồi hộp, làm cho ăn ngon, mạnh tinh-thần khí-lực.

Phòng đản sâm 3 chỉ, Bạch trực (sao) 3 chỉ, Lão thực địa 4 chỉ, Đương qui lớn 3 chỉ, Ngũ vị tử 1 chỉ, Hoàng kỳ chá mộc 4 chỉ, Sanh cương 5 lát, Phục linh 2 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Bạch thực (sao) 2 chỉ, Viễn chi 2 chỉ, Trần bì (sao) 2 chỉ, Nhục quế 1 chỉ.

Sắc 2 nước uống ấm.



30.- Bổ trung chơn, trị đau lâu, ăn ngủ ít, tay chơn bại-hoại, mồ-hôi ra nhiều, cổ chằng thông, có đàm nhiều.

Hoàng kỳ chá mộc 4 chỉ, Phòng đản sâm 3 chỉ, Đại dương qui 3 chỉ, Thăng ma 2 chỉ, Đại táo 3 trái, Cam thảo 2 chỉ, Bạch trực (sao) 3 chỉ, Bắc sài hồ 2 chỉ, Trần bì (sao) 2 chỉ, Sanh cương 5 lát.

Sắc 2 nước uống ấm.



31.- Chận cũ rét (lạnh nhiều hơn nóng).

Bắc sài hồ 3 chỉ, Phòng đản sâm 3 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Bạch trọc (sao) 3 chỉ, Lá thường sơn tẩm rượu (sao) 5 lá, Chế bản hạ 3 chỉ, Điều cầm 2 chỉ, Phục linh 2 chỉ, Thảo quả 3 chỉ.

Sắc 2 nước, uống trước khi làm cũ một giờ.

**32.- Chận cũ rét (nóng nhiều hơn lạnh).**

Lão thực địa 4 chỉ, Xuyên khung 2 chỉ, Bắc sài hồ 3 chỉ, Chế bản hạ 3 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Thảo quả 3 chỉ, Bạch thực 3 chỉ, Đại táo 3 trái, Lá thường sơn tẩm rượu (sao) 5 lá, Đương qui 3 chỉ, Điều cầm 2 chỉ, Phòng đản sâm 3 chỉ.

Sắc 2 nước, uống trước khi làm cũ một giờ.

**33.- Con nít ỏi sữa.**

Thiên sanh u trực 1 chỉ, Phòng đản sâm 1 chỉ, Phục linh 5 phân, Xuân sa nhơn 8 phân, Cam thảo chá 5 phân, Hoài sơn 1 chỉ, Biên đậu 1 chỉ, Hoát hương 3 lá.

Hốt 1 thang để vô chung cách thủy, một chén còn lại 4 phân cho uống, chẳng cần mấy thang, con uống nước nhứt mẹ uống nước nhì, cứ uống cho nhiều thì mau hết. Đừng để lâu vì bệnh này hay hại con nít.



CHỈ DẪN TRA CỨU

CHỈ DẪN TÌM TỪ-NGŨ, ĐIỂN-TÍCH VÀ CÂU GIẢNG

A Ẫ Ậ

A-Di-Đà, 43, 78, 204, 211,
212
A-Tur-Đà, 153
Á-Đông, 238, 387, 478,
479
Ác khẩu, 163, 186, 191,
198
ác nghiệp, 196, 445
Ạc-Núc, 485
ái ó, 329, 368, 390, 517
An-Giang, 303

An-Lộc-Son, 190
áo dà, 361, 403
áp-dụng, 541, 548
ăn chay, 213
âm-dương, 280, 335, 337
âm-hạo, 57, 171, 173
Âm-Phủ, 83
âm-thinh, 118, 150, 339
ân sĩ, 61, 252
Ấn-Độ, 151, 548
Âu-Châu, 55

B

Ba-Cụm, 53
Ba-Răng, 58
ba Tớ một Thầy, 39
Bà-Rịa, 63
Bá-Nha, 65, 242, 262, 317,
328, 370, 423
Bạc-Liêu, 63
Bạch-Đẳng-Giang, 555
Ban Trị-Sự, 208, 500, 501,
502, 503, 511, 512, 513,
514
Bàn-Cổ, 122
Bạng duật tương trì, 520,
527
Bành-Tổ, 295
Bát-Chánh, 136, 194, 208
bát-chánh, 237, 323, 354,
359, 446
Bát-Nhã, 72, 104, 149, 304
bát-nhã, 229, 236, 246,
341, 353, 368, 404,
435, 484
Bát-Nhẫn, 139, 251

Bảy-Núi, 40, 61, 72, 80,
111, 211, 226, 284
Bắc-hà, 302, 304
Bắc-kỳ, 301, 303, 305
bản tăng, 120, 368, 385, 431,
439, 440
Bệ-Ngọc, 76, 77, 331
bệ ngọc các lân, 242
Bến-Thành, 54
Bến-Tre, 55, 56
Biên-Hòa, 64, 471
Biển-Thước Hoa-Đà, 345
bình-tịnh, 127
Bồ-đề, 147, 161, 230, 468
bồ-đề, 30, 125, 169, 253,
340, 468
Bồ-Tát, 211, 253, 345, 519
bồ-kình, 37, 96
bồ thí, 100, 168, 193, 317,
318, 320, 343, 382, 452
Bốn điều ân, 180
Bồng-Lai, 43, 51, 56, 57,
91, 93, 108, 147, 252,

284, 300, 318, 321, 329,
338, 349, 352, 363, 375,
408
bờ giác, 383, 482

bờ mê, 229, 309, 353
Bùi-Kiệm, 344
Bửu châu, 67, 255
Bửu-Vinh, 556

C

Cà-Mau, 63
Cả-Cái, 49
cam-lồ, 332, 399
Càn-khôn, 225, 279,
281, 284, 285
cang-thường, 367, 444
Các-Lân, 76, 101, 105, 106
Cải-lương, 106
Cao-Lãnh, 52
Cao-Miên, 76
Cần-Thơ, 55
Cấp-Cô-Độc, 343
Chánh-Định, 138, 194, 199,
200, 324
chánh-giác, 286, 468
Chánh-Kiến, 136, 194, 323
Chánh-Mạng, 137, 194, 198,
323
Chánh-Nghiệp, 137, 194,
196, 324
Chánh-Ngũ, 137, 194, 198,
324
Chánh-Niệm, 138, 168,
194, 199, 324
chánh-pháp, 148, 417
Chánh-phủ, 375, 493, 500,
502, 514, 535, 543, 545

Chánh Tinh-Tấn, 137, 194,
197
Chánh Tư-Duy, 137, 194,
195
chân-lý, 185, 193, 195
chân-tê, 513
Châu-Độc, 50, 235, 259,
260
Châu-Võ, 280, 358
Châu-Xáng, 339
Chúng-Sanh Trước, 162
cội Bông, 229, 359
Cổ địa, 292
cội thung, 243, 261, 289,
340, 366
công, dung, ngôn, hạnh, 98
Cộng-Sản, 398, 524
Cuồng-Sĩ, 141, 276, 365
Cực-Lạc, 72, 74, 82, 83,
125, 137, 140, 193, 204,
211, 212, 340, 344, 348,
434
Cửu-Huyền, 72, 210, 397,
420, 426
Cửu-Huyền Thất-Tổ, 41,
171, 173, 211, 212, 481

D

dạ ngọc, 133, 244, 338
danh-sắc, 445, 446, 447
Đâu-Một, 64
Di-Đà, 42, 44, 77, 78, 79,
99, 117, 129, 228, 256,
259, 321, 378, 408, 422,
426, 482, 519
Diêm-chúa, 267

Diêm-Đài, 172
Diêm-Đình, 81, 82, 124
Diêm-La, 171, 529
Diêm-phủ, 39, 274, 317
Diêm-Vương, 44, 215, 354
Diệt-Đê, 138, 453
diệt khổ, 117, 326, 453
diêu-mâu, 150, 463

Du-Gia, 154
Du-Thần, 59, 66, 227

Dũ-Lý, 75
Dương-Quý-Phi, 190

D

Đại-Đạo, 30, 149, 350, 403,
558
đại-đức, 291, 452, 496
đại-hùng, 155
đại-hùng đại-lực, 343
Đại-Lực, 161
Đại-Thánh, 255, 330, 336,
349
đàn-na thí-chủ, 180
Đào-nguyên, 249, 287
Đạo Ba, 57
Đạo chánh, 76, 81, 125
Đạo-đề, 138, 453
đạo-tràng, 221, 465
Đắc-Kỷ, 47
đề tóc, 207, 277, 337
Địa-Hoàng, 105, 211
Địa-ngục, 39, 74, 82, 124,

265, 351, 407, 468,
471, 517
Địa-Tiên, 105
Điểm-đàng dĩ-thỏa, 106
Điền Khùng, 40, 62, 71, 73,
74, 80, 126, 134, 245,
309, 314, 337, 340
Điều-Thuyền, 73
Định-Yên, 257, 291, 358
Đông-Dương, 492, 493,
498, 499
đông hải, 242, 248
Đồng-Thạnh, 300, 302
đơm-quây, 108, 213
Đờn Bá-Nha, 65, 242, 317
Đức Khổng Thánh, 341
Đức Thầy Bửu Sơn, 38
Đường-Tăng, 330, 336, 349

G

Gia-Định, 54, 55
Giác-mê, 229
giác-tánh chơn-như, 434
Giảng Kệ, 127, 320
giảng kệ, 240
giảng kinh, 111, 124
giáo-thuyết, 149

giáo truyền, 30, 81, 103,
393
giấy vàng, 75, 332, 361, 379
giới-luật, 160, 180, 448,
450, 504
Gò-Công, 63
Gươm Lê Lý, 538

H

Hà-Tiên, 61, 237
Hạ-nguồn, 30, 37, 107, 142,
237, 280, 281, 286, 306,
308, 320, 423
Hàn-Tín, 40, 482
Hạng-Võ, 40, 334
hào-quang, 78, 329, 372
Hằng-Nga, 373, 374, 438
Hận-sân, 168

Hậu-Giang, 508, 545, 546
hiền-sĩ, 139, 341
hiền-triệt, 277, 409
Hiển Đê, 342
Hiếu-hạnh, 102, 264, 355
hồ lúu công xang, 245, 308,
437
Hóa-công, 287, 386
hóa-diệm, 349

Hoàng-hậu, 154
 Hoàng-Hậu Ma-Da, 151, 152
 Hoành-Son, 302
 Hội Long-Hoa, 93, 238, 469,
 477
 Hồng-Bàng, 302, 329, 479
 Hồng-Lạc, 239, 277, 298,
 337, 444

Hồng-Ngự, 49
 Hón-dàng, 289, 307, 410
 Hón-Hoàng, 111
 Huệ-Lưu, 65
 Huệ-Tâm, 65
 Huỳnh-Cân, 356
 Huỳnh-long, 228, 251, 262,
 327

K

Khẩu-nghiệp, 186, 450
 khoan-dung, 151, 168, 450
 Khô-đề, 138, 453
 Không Mạnh, 73
 Không-Minh, 394
 Không Thánh, 341
 khuyến tu, 123
 khuyến-thiện, 124, 147, 171

Khuông Việt, 496
 Khương-Từ-Nha, 341
 Kiến Trước, 161
 Kiến-Vàng, 52
 Kiếp Trước, 161
 Kim-Son, 222, 223
 Kim-Son Phật, 256

L

Lạc-Hồng, 233, 262, 292, 305,
 352, 358, 359, 368, 384,
 386, 438, 526, 527, 532,
 553, 557, 560
 Lạc-Long, 506, 508
 Lam-kiều, 311, 319
 Lang-sa, 31, 101
 Lão Bành, 142, 296
 Lão Đưa Đò, 47, 49
 Lão Khùng, 253, 331
 Lão-Sĩ, 118
 lạng tâm, 125
 Liên đài, 91, 147, 292, 346,
 357, 376, 426
 liên-hiệp, 493, 535
 Liên-Hiệp Hội, 511
 liên hoa, 198, 329
 Liên-hoa chín phẩm, 309
 Liên-hoa hải hội, 211
 Liên-hoàn, 342
 liễu mai, 92
 linh hồn, 30, 86, 173, 181,
 188, 198, 237, 369, 432,

445, 446, 449, 456, 504
 Linh-Khứu, 126, 338
 linh quang, 287, 469
 Long-Châu, 333
 Long cung, 163, 191
 Long Đình, 306, 313
 Long Hoa, 30, 81, 237, 417,
 420, 432, 444
 Long-Khánh, 49
 Long-Vân, 94
 Long Xuyên, 62, 229
 Lôi Âm, 238, 280, 321, 338
 Lôi-Âm tự, 330, 349
 Lục-căn, 118, 197, 198, 434,
 449
 Lục-duc, 161, 199
 lục nhập, 445, 446, 447
 Lục-Tặc, 117
 Lục thông, 349, 434
 Lục-Tĩnh, 65, 92, 142
 Lục-Tổ, 81, 127
 Lục-trần, 118, 197, 198, 434,
 449

Lư-bồng, 298, 330, 341, 365
 Lữ-Bố, 73
 Lương đồng, 329, 342, 368
 Lương Thân, 104

Lương-Võ-Đế, 130
 Lư-Hoàng-Thúc, 343
 Lư-Khánh, 253
 Lý-Phủ, 51

M

Ma-Da, 151, 152
 Ma-Vương, 30, 118, 155, 161, 433
 Mạng Trục, 162
 Mạnh-Tông, 111
 Mặc-Dung, 51
 mây rồng, 368, 377, 405
 Mây Rồng, 39, 226, 359, 424
 mê-si, 29, 126, 169, 187, 193, 432, 435, 478
 mê-tân, 140, 287
 Mị-Châu, 517
 Minh đức tân dân, 347
 Minh-Chúa, 74

Minh-Hoàng, 92
 Minh-Tâm, 141
 minh-triết, 540, 541
 Minh-Vương, 38, 48, 75, 79, 104, 240, 306
 Mông-Cổ, 555
 Mục-Liên, 102
 mưa-móc, 356
 mưa ngâu, 345, 402
 mưa Tân nắng Sở, 395
 mười ơn, 83, 306
 mượn xác tái sanh, 337
 Mỹ-Tho, 56

N

Nam-bang, 312, 358, 437
 Nam-dinh, 143, 248, 279
 Nam-Kha, 337, 405, 437
 Nam-Kỳ, 81, 110, 222, 320, 507, 515, 527, 528, 529
 Nam-mô, 38, 48, 62, 148, 172, 204, 210, 256, 265, 408, 518
 Nam-quốc, 123, 228, 248
 Nam-Việt, 71, 76, 85, 222, 247, 248, 265, 290, 302, 365, 381, 477, 478, 480, 485, 505, 515, 524, 528, 531, 538, 552, 554, 555
 Nàng Kiều, 109
 nặc-nia, 47, 424
 Năm Non, 80, 111, 211, 226, 241, 353
 Nghiệt-Long, 122
 Ngọc-Đê, 76, 105, 128, 342, 350, 401

Ngọc-Hoàng, 73, 104, 128, 331
 Ngọc-Thanh, 91, 110
 Ngọc-Tòa, 126, 275, 298, 309, 318, 326, 335
 ngũ-giải, 127, 433
 Ngũ-hành, 75, 93
 Ngũ-Trục, 161
 Ngũ-uân, 121, 434
 Ngũ-Viên-Kỳ, 101
 Ngục A-Tỳ, 80
 Ngục-môn, 105, 311, 354
 Ngươn-hạ, 76, 79, 120, 128, 262
 ngư-ông, 520, 527
 nhà Hón, 342
 Nhạc-Nghị, 372
 Nhạc-Phi, 342
 Nhan-Hôi, 142
 nhân-tiền, 66, 376
 Nhẫn-Đức, 139, 251

Nhẫn-Giải, 139, 251
 nhẫn-hòa, 133, 251
 Nhẫn hòa phụ phụ, 251
 Nhẫn Hương-Lân, 139, 251
 Nhẫn Năng-Xử-Thế, 139, 251
 Nhẫn Phụ-Mẫu, 139
 Nhẫn-Tánh, 139, 251
 Nhẫn-Tâm, 139, 251
 Nhẫn-Thành, 139, 251
 Nhon-Hoàng, 106, 211, 237,
 238
 nhon-quả, 150, 165, 202
 Nhon-Quý, 40, 253, 335
 Như-Lai, 96, 104, 133, 148, 468

nhun-bông, 83
 Nhựt-Bồn, 303, 493, 497
 niệm Di-Đà, 72, 74, 77, 420
 Niết-Bàn, 126, 197, 198, 277,
 339, 396, 427, 453, 463
 Non Bồng, 43, 57, 91, 310,
 365, 377, 415, 424, 426
 Non cây Vua Nghiêu, 58
 non Tân, 61, 67, 92, 94, 106,
 123, 243, 277, 439
 Non Tiên, 61, 265, 283, 313,
 391
 núi Sam, 51, 61, 65, 74
 núi Sập, 51

O Ô

oai-linh, 118, 417
 oan-khiên, 369, 407, 442
 Oan-Tảng-Hội, 158
 oán-thù, 133, 193, 395

ôn-dịch, 75, 122
 Ông-Chường, 56
 Ông-Lãnh, 53
 Ôn Trên, 349

P

Phạn-ngữ, 115, 279
 Pháp-bảo, 170
 Pháp-giáo, 150, 279
 pháp-thân, 385, 395, 443
 phát huyệt, 127
 Phát-xít, 524, 542
 Phật-Bà, 38, 64
 Phật-dài, 147, 159, 160, 210,
 377, 382, 399, 382, 399,
 409, 432, 432, 436, 462
 Phật-đàng, 170, 173, 321,
 332, 336, 342, 352, 377,
 352, 377, 407, 558
 Phật-đường, 38, 44, 48, 115,
 330, 347, 351, 517
 Phật-gia, 149, 287, 370, 380
 Phật-Giáo Hòa-Hào, 542
 Phật-Giáo Liên-Hiệp Hội,
 509, 511
 Phật-nhi, 72, 243
 Phật-pháp, 27, 29, 30, 135,

141, 150, 172, 179, 233,
 337, 347, 367, 387, 449,
 461, 470, 503, 560
 Phật quốc, 30, 156, 171, 427
 Phật-tánh, 125, 448
 Phật-Tổ, 44, 45, 64, 65, 76,
 81, 111, 117, 128, 131,
 138, 149, 204, 211, 275,
 285, 288, 358, 383, 434,
 471
 Phật-Thầy, 111, 204, 211, 237
 Phật-Thầy Tây-An, 201
 Phật-Tôn, 237, 369
 Thiền-Não Trước, 161
 Phong-Mỹ, 52
 Phong-Thân, 143, 312, 330,
 358, 391
 Phù-sanh, 148, 236, 352
 Phù-Tang, 478, 480, 506
 phước-huệ, 449

Q

Quan-Âm, 81, 240, 272, 383, 419
Quan-Âm Nam-Hải Phổ-Đà, 103
Quan-Âm Nhự-Lai, 104
Quan-Công-Hầu, 343
Quan trường, 46, 241, 254

quạt ba-tiêu, 349
quân-lý tứ-ân, 312, 423
Quân-thần, 105, 166, 335, 409
Qui Vô-Thường, 82, 354
Qui-Vương, 130, 131
Quốc-vương, 92, 96
quỳnh-tương, 253, 339, 366

R

Rạch-Chanh, 52
Rạch-Giá, 62
Rạch-Ni Liên-Thuyền, 155
rắn dạng hóa cù, 295, 317
rắn hóa cù, 275, 293

Rồng-Mây, 49, 228, 310, 370, 374
rồng mây chơi giỡn, 77, 329
Rồng-Tiền, 234, 296, 302, 332, 402

S

Sa-Đéc, 62
sám hối, 128, 193, 471
Sáu chữ, 99, 129, 212, 256, 349, 378
Sáu-Tinh, 76, 222
sắc không, 117, 406, 436, 518
sắc-thân, 150, 356, 434
Sắc-Thỉnh, 118
sắc thỉnh, 313
sân-nộ, 168, 193

sân si, 330, 406, 434, 517
Sĩ-Đạt-Ta, 153
Sóc-Trăng, 62
sông Vị, 341
sông nâu, 333, 368, 442
son-minh, 531
son-trung, 126
Son-Trung, 292
sur vãi, 80, 85, 131, 328

T

Tà-dâm, 148, 164, 186, 189
Tà-kiến, 137, 195, 458
Tà-Lon, 227, 284
Tà-tây, 41, 43, 57, 245, 289, 316
tả-đạo, 73, 105
tái-sanh, 337, 379, 381
Tam-Bành, 117
Tam-Bảo, 81, 180, 182
tam-cang, 84, 214, 301
Tam-giáo, 87, 239, 326
Tam-Hoàng, 106, 330

tam-nghiệp, 186, 450, 453, 462
tam thừa, 150, 435
tam-tùng, 78, 98
tang-bồng, 262, 341, 370, 425
tánh linh, 313, 349
tánh thiện, 115, 119
tăng chúng, 44, 81, 82, 127, 129, 127, 129, 245
tăng-đô, 127, 170, 458
Tăng-sĩ, 155, 393, 394, 395, 396, 390, 400, 403, 435,

- 442, 518
 Tâm đạo, 41, 51, 223, 333,
 410
 tâm-linh, 111, 167
 Tân-An, 50, 64
 Tân-Thành, 49
 Tần Cối, 342
 Tấn-Tân, 277, 278
 tận diệt, 79
 Tập-đề, 138, 286, 453
 Tây-An, 180, 201
 Tây-Bá, 75
 Tây-bồi, 478, 528
 Tây-di, 506, 523
 Tây-Ninh, 64
 tây-tà, 66, 307
 Tây-Thiên, 77, 246
 Tăng-sư, 206, 222, 496
 Thạch-Sùng Vương-hải, 192,
 318
 Thái-tử, 152, 154, 155, 247
 Tham-hiêm, 167
 tham-thiên, 131, 155, 196
 Thánh-chúa, 384, 444
 Thánh-Đế, 367, 399, 559
 Thánh-Hoàng, 444
 Thánh nhơn, 142, 225, 254,
 262, 287, 297, 341, 435,
 442
 Thánh tài, 388, 393, 395
 Thánh Tiên, 246, 331, 368,
 384, 385, 442
 Thánh Thần, 103, 128, 163,
 166, 188, 238, 357, 379,
 436, 480
 Thánh-thượng, 151
 thâm ân, 166, 345, 409
 Thân-Dâu, 238, 239, 243
 Thân-nghiệp, 186, 450
 Thần Thánh, 128, 163, 191,
 198, 202, 208, 214, 410,
 557
 Thần-Tú, 81, 82, 83, 326, 425
 thập-ác, 162, 186, 194, 453
 thập-thiện, 453
 Thất-Son, 228, 238, 243, 423
 Thất-tình, 161, 199
 Thất-Tổ, 41, 171, 173, 210,
 211, 212, 426, 481
 Thầy chùa, 44
 thầy đám, 81, 206
 Thầy Mạnh, 341
 Thầy Tớ, 60, 63, 64, 308
 Thầy Trò, 61
 Thế-Tôn, 197, 337
 thế-hải, 370, 531
 Thích-Ca, 80, 81, 84, 118,
 125, 131, 136, 148, 150,
 153, 156, 177, 204, 210,
 235, 255, 261, 280, 287,
 322, 337, 395, 433, 451,
 544, 547
 Thiên-công, 290, 351, 358,
 418
 Thiên-đàng, 124, 283
 Thiên-Đình, 29, 30, 331, 346,
 351
 Thiên-đường, 331, 351, 407
 Thiên-Hoàng, 105, 211, 309,
 421
 thiên-la, 73, 222, 366
 thiên-lý, 288, 368, 372
 Thiên-Tào, 30, 236
 thiên-thơ, 297, 405
 Thiện-Trước, 43, 74, 222
 Thiện-lâm, 348, 354, 544
 thiên-kiến, 193, 371
 thiện-căn, 30, 152, 345, 434
 thiện-hòa, 203, 496
 thiện nghiệp, 169
 Thôi Tử, 189
 Thông-Thiên, 201, 212, 379,
 410
 thờ-phượng, 201, 206, 457
 thù-hềm, 48, 52
 thuần-lương, 148, 168, 420
 Thuần-Nghiêu, 75, 279, 376,
 386
 Thuyền Đông-Pha, 330
 Thuyền loan, 55, 63

- thừa nhân, 147, 286, 339
Thượng-Đẳng Đại-Thần, 111, 211, 256
Thượng-Đế, 85, 104, 132, 397, 400, 402
Thượng-giải, 85, 138, 403
thượng-lộ đẳng-trình, 103
Thượng Nguồn, 79, 106, 239, 325
Tiên Bồng, 229, 360
Tiên-Đài, 172
Tiên-gia, 31, 381
Tiên Phật, 221, 250, 279, 312, 426, 432
Tiên Rồng, 313, 338
Tiên Thánh, 74, 92, 310
Tiên Thần, 302
tiên xử kỷ, 119
tiểu-nhơn, 328, 359
tín-ngưỡng, 137, 197, 496, 503, 509, 510
tinh tâm, 31, 37, 44, 47, 64, 71, 77, 119, 288, 406, 442, 517, 560
tịnh-bình, 272, 419, 469, 519
Tịnh-độ, 148, 155, 156, 160, 211
Tịnh-Độ, 54, 173
Tịnh-Phạn, 151
tỏ ngộ, 125, 127
Tòa-Chương, 92, 130
tọa sen, 96, 222, 321
tô-phụ, 163, 277, 554
Tô-quốc, 179, 478, 506, 543
Tô-tiên, 165, 181, 182, 291, 292
Tổ-Tông, 38, 79, 96, 210, 334, 348, 367, 380, 434
tôn chỉ, 177, 201, 278, 509, 510, 513
tôn-phái, 509, 511, 513
tông-gia, 362, 379
tông-phái, 201
Tông-Tổ, 132, 210, 244, 328, 358, 381, 426
Tống-Khâm-Tôn, 342
Tố Thủy, 49, 54, 275, 306, 336
Trà-Vinh, 56
traị-đàn, 82, 83, 223
tráng-sĩ, 505
Trạng-Trình, 107
trào-nội, 187, 189
trau tâm, 132, 201, 207, 353
trau thân, 150, 161
trần-diều, 201
Trần-Đổ, 81
trần đồ, 420
Trần-Đoàn, 253
tri-âm, 91, 313, 394
tri-kỷ, 313, 365, 381
tri-chí, 64, 75, 92, 141, 242, 542
trì niệm, 147, 317
trì tâm, 99, 481
trí-đạo, 119, 451
trí-huệ, 211, 337, 399, 400, 426, 433, 447, 449, 450, 458, 459, 468, 471, 502
trí-tuệ, 177, 179, 183, 195, 198
tria tánh, 132
trình-độ, 31, 451, 547
Trình mỗ, 292
Trịnh Hâm, 344
Trọng-Ngư, 51
Trọng-Thủy, 517
Trời Nam, 234, 523
Trụ Kiệt, 75, 80
Trụ-Vương, 47
trung-chánh, 137
Trung-Dung, 287
trung-dung, 355
trung-đạo, 451
trung-liệt, 72, 300
trung-lương, 94, 370, 372
Trung-Quốc, 150, 303, 304
Trung-Trực, 252
trung-trực, 227, 248, 301
Trung Ương, 85, 273, 288,

315, 338, 354, 400, 512,
535, 543
truyền giáo, 102, 277, 359
truyền sấm, 107, 123
Trung Triệu, 505
Trung-Vương, 339
Trương-Ban-Xương, 342
Trương-Lương, 228, 334, 424
trưởng-lão, 77, 124
trương-phu, 278, 370, 437,
479
Tu Vô-Vi, 83
Tur-Đồ, 342

u-ám, 195, 397, 468, 559
u-minh, 81, 200, 221

Vàm-Nao, 51, 60
vãng-sanh, 54, 72, 74, 86,
204, 426
văn-hóa, 480
văn-nhu, 290, 293, 294, 295,
297
văn-sĩ, 251, 278, 517
Văn-Thù Bồ-Tát, 104
Văn-Trường, 56
vận chuyên, 237, 239, 322,
354
Viên-Thiệu, 343
Việt-Châu, 517, 518
Việt-Minh, 524, 527, 546
Việt-Nam Dân Xã Đảng, 532,
533, 534
Vĩnh-Long, 55
Vĩnh-Tê, 51
Võ-Hầu, 134, 540, 541
Võ-Vương, 75, 330

tư-lương ai-hoài, 59, 227
Tử-hoàng, 153
Tử-Nha, 330, 341
Tử-Phòng, 141
Tử-Vi, 107
Tứ-Ân, 94, 187,
186, 312, 423, 434, 482
Tứ-Điều-Đề, 138, 453
tứ-đại, 160, 199, 446, 449,
455
Tứ-đồ-tường, 78
Tứ-Khố, 118, 258

U

ù-âm, 392, 442

V

vong bang, 271, 291
vong-linh, 203, 204
Vọng-câu, 258, 274, 419
vọng-niệm, 452, 453
Vọng-ngữ, 164, 186, 191, 198
vô duyên, 98, 332
vô-minh, 155, 169, 193, 445,
446, 447, 458
vô-sanh, 350, 427, 462, 463
vô-thần, 328
vô-thần luận, 197
vô-thi, 169, 446
vô-thường, 456, 484
vô-thượng, 173, 183, 201, 464
vô-vi, 80, 83, 125, 315, 327,
339, 378
Vua Nghiêu, 58, 65
Vua Tần, 390
Vua Tề, 189

X

xá-mã, 129
xá-phước, 203, 222, 326

xạ-hương, 118, 122
Xe-Loan, 130

Y

ỷ lại, 202, 555
ỷ ngôn, 162, 186, 190, 198

ý nghiệp, 186, 450
yết kiến, 120, 153
yêu quái, 79, 130
yêu tinh, 96, 97, 349



CHỈ DẪN TÌM TỰA BÀI

A

Ac-núc, 485
Ai người tri-kỷ, 381- 383
An-ùi một tín-đồ, 484
Anh Phiệt xương – Đức Thầy họa, 551

B

Bà-Rá, 482
Bác ái đại đồng, 359-360
Bạc-Liêu, 375
Bài cầu cơ – Đức Thầy họa, 232
Bài nguyện trước bàn thờ Cửu-huyền, 426-427
Bánh mì, 224
Báo hiệu đạo nhà, 561
Bát nhãn, 251
Bóng hồng, 384-386
Buồn, 438

C

Cách thờ-phượng, hành-lễ và sự ăn ở của một tín-đồ P.G.H.H., 201-209
Cách tu-hiền và sự ăn ở của một người bôn-đạo - Lời nói đầu (quyển sáu), 177
Cai tổng Chánh (Cù-lao Giêng) xương – Đức Thầy đáp họa, 516
Cảm tác, 435-438
Cảm cảnh dân nghèo, 263
Cảnh xuân, 415
Chặng ra hơi, 259

Chí nam-nhi, 525
Chí thanh-cao, 561
Cho bà năm Cò ở Sài-Gòn, 477
Cho cô hai Gương (Cần-Thơ), 469-470
Cho cô ký Giỏi ở Bạc-Liêu, 485
Cho cô năm Võ-Thị-Hội ở Bạc-Liêu, 470-471
Cho cô tư Cứng ở Hòa-Hảo (Châu-Đốc) mất đồ, 226-227
Cho Đức Ông mất ghe, 223
Cho Đức Ông và Đức Bà, 227
Cho Hương-bộ Thanh, 361-363
Cho một vị sơ tâm, 560-561
Cho ông chín Diệm tức Nguyễn-Kỳ-Trần ở làng Định-Yên (Long-xuyên), 358-359
Cho ông Cò tàu Hảo (Sài-Gòn), 433-434
Cho ông Đỗ-Văn-Viễn sắp đôi đi làm việc xứ xa, 476
Cho ông Hạnh, rể của ông Võ-Văn-Giỏi (ở Bạc Liêu), 417
Cho ông Hương-chủ Bó ở Hòa-Hảo, 251-252
Cho ông Phan-Thanh-Long, 300
Cho ông Tham-tá Ngà, 313-316
Cho ông Trần-Quan-Hạnh, 432
Cho ông Võ-Văn-Giỏi ở Bạc-Liêu, 420
Cho Sung-Biện T. ở Hòa-Hảo, 254
Cho thăng Tân, 441
Cho Thầy Ba Thận ở làng Phú-Lâm (Châu-Đốc), 297
Cho Thầy đội Giàu, 431

Chúc xuân ông Thầy thuốc Trần-Văn-Tâm làm việc tại nhà thương Chợ-Quán, 413
 Chuyển pháp-luân, 560
 Chư Phật có bốn đại-đức, 452-453
 Chương trình của Đảng Việt-Nam Dân-Chủ Xã-Hội, do Đức Huỳnh Thủ-Lãnh công-bố ngày 21-9-1946, 534-537
 Cờ tam sắc, 271
 Cụ Phạm-Thiều mời Đức Thầy tham-chánh – Đức Thầy họa, 540-541
 Cúc cung bái, 231-232

D

Dặn dò bản-đạo, 320-325
 Diệt tiền khiên, 300
 Diệu-pháp quang-minh, 337-345
 Dụng kinh-quyền, 443-444

Đ

Đầu năm, 272-273
 Đề chơn đất Bắc, 300-312
 Đêm ba mươi, 267-268
 Đêm ngồi một mình, 398
 Đến làng Nhơn-Nghĩa (Cần-Thơ), 351-355
 Đi chơi đêm với ông Luật-sư Mai-Văn-Dậu, 483
 Đi khuyến nông về, 519
 Đi trình báo, 415
 Đính-chánh, 508-509

Đông đảng tương tàn, 524
 Đốt pháo xuân, 273
 Đờ-cu, 486
 Đức Huỳnh Giáo-Chủ tuyên-bố, 542-544
 Đức Phật đối với chúng-sanh, 447-449
 Đức Thầy gởi ông Mười (chú Đức Ông), 408-409

G

Giác mê tâm kệ (quyển tư), 115-143
 Giải thoát Cửu-huyền, 420
 Giấy vàng, 361
 Gìn tục cổ, 559
 Giọng khàn, 312-313
 Gọi đoàn, 477-478
 Gọi đoàn phụ-nữ, 505-506
 Gọi đoàn thanh-niên, 478-479
 Gọi đoàn tráng-sĩ, 505
 Gởi Bác-sĩ Cao-Triều-Lợi ở Bạc-Liêu, 439-440
 Gởi về cho bản-đạo, 387-388

H

Hai mươi chín tháng chạp, 264-267
 Hãy chờ thiên định, 255
 Hiến thân sãi khó, 383-384
 Hiếu nghĩa vi tiên, 231
 Hiệu-triệu, 492-499
 Hoài cổ, 441-443

Hỏi Hằng-Nga (Cổ thi) – Đức
 Thầy họa, 373-374
 Hỏi Hội Long-Hoa, 256
 Hỏi phỗng đá (Cổ thi) – phỗng
 đá trả lời, 475
 Hồ hồ khoan, 228
 Hỏi chuông cảnh-tỉnh những kẻ
 trông Tây, hăng-hờ với nạn
 đói Bắc-Kỳ, 515-516
 Hỏi Đồng-Bào Việt-Nam ! , 490-
 491
 Huấn-lệnh, 489
 Hương-chủ Đạt xương – Đức
 Thầy họa, 228-229

K

Kệ dân của người Khùng (quyển
 nhì), 71-87
 Khan tiếng, 259
 Không buồn ngủ, 389-392
 Không không, 558
 Khuyến bỏ dị đoan, 233
 Khuyến bớt cho vay, 257
 Khuyến người giàu lòng phước-
 thiện, 316-320
 Khuyến sư vải, 328
 Khuyến nông, 506-508
 Khuyến thiện của Ông Vô-Danh
 Cư-Sĩ (quyển năm), 147-173
 Kỷ-niệm rừng Chà-Là, 554-555

L

Lấy chồng Chệt, 531-532
 Lo nước, 557

Lồ vừng hồng, 559
 Lộ chút cơ huyền, 221-223
 Lời khuyên bốn-đạo, 214-215
 Lời khuyên bốn-đạo, 449-450
 Lời riêng cho bốn-đạo, 491
 Lời tâm huyết, 503-504
 Lời ủy-nhiệm cho các Ban Trị-
 Sự Tỉnh-Bộ, 500-502
 Luận về bát-chánh, 194-200
 Luận về tam nghiệp, 186-193
 Luận việc tu-hành, 246-247
 Lúc ta tỉnh, 560
 Lụy tam châu, 248
 Lý lịch, 327

M

Mặc tình ai, 223-224
 Mấy đoạn tơ lòng – Trái sầu
 riêng, 421-422
 Mong chờ, 419
 Môn hoàn diệt, 446-447
 Muốn lánh phồn-hoa, 486
 Muốn rõ đạo màu, 326
 Mười bốn tháng mười, 398
 Mượn cây thuốc huệ, 409-410

N

Nang thơ cảm tú, 366-373
 Ném cấp bằng, 427
 Ngao ngán tình đời, 381
 Ngày Tết, 413-414
 Nghĩ những ngày qua, 388-389
 Nghĩ việc huyền ca, 234

Nghị Thịnh với Cao-ùy
 D'Argenlieu, 529-530
 Ngũ ngôn cách cú, 418-419
 Nhấn-nhủ cùng ai, 360
 Nhấn đợi thời-cơ, 480-482
 Nhỏ bàn thông-thiên, 410
 Nhức đầu, 233
 Những câu chú thường niệm,
 460-469
 Những điều sơ-lược cần biết của
 kẻ tu-hiền, 179-185
 Niệm Di-Đà, 420
 Nợ nước, 557

Ô

Ông Hồn-Quyên (ở Sài-Gòn) vào
 chiến khu phòng-vấn Đức
 Huỳnh Giáo-Chủ, 544-548
 Ông Huỳnh-Hiệp-Hòa xướng –
 Đức Thầy đáp họa, 279-282
 Ông Huỳnh-Trung-Hòa xướng –
 Đức Thầy họa, 283
 Ông Lương-Văn-Tốt hỏi – Đức
 Thầy đáp họa, 225-226
 Ông Nguyễn-Kỳ-Trân tức chín
 Diệm xướng – Đức Thầy đáp,
 257-258
 Ông Nguyễn-Kỳ-Trân xướng –
 Đức Thầy họa, 291-294
 Ông Nguyễn-Thanh-Tân
 xướng – Đức Thầy đáp họa,
 229
 Ông Nguyễn-Thanh-Tân
 xướng – Đức Thầy họa, 290-
 291

Ông Nguyễn-Thanh-Tân
 xướng – Đức Thầy họa, 355-
 358
 Ông Phan-Châu-Bá (Long-
 Xuyên) hỏi – Đức Thầy đáp,
 425-426
 Ông Trần-Văn-Soái và Ông
 Nguyễn-Giác-Ngộ, 556
 Ông Tùng hỏi Đức Thầy – Đức
 Thầy họa, 284-285

P

Phật là gì ?, 450-451
 Phòng vắng đêm khuya, 386-387
 Phụ-nữ ca điệu, 517

Q

Quyết rút cà-sa, 527-528

R

Riêng tôi, 525-526
 Rút cái ngu đàn, 445

S

Sa-đéc, 345-351
 Sám Giảng (quyển ba), 91-111
 Say, 252-254
 Sắp màn cảnh trí, 383
 Sám Giảng khuyên người đòi tu
 niệm (quyển nhứt), 37-67
 Sầu bá-tánh, 558
 Sơ giải tứ-diệu-đề, 453-457

Sự cúng lạy của người cư-sĩ tại gia, 210-213

T

Tam hùng trở mặt, 247
 Tạm ngưng lý lẽ, 416
 Tạm ngưng lý-thuyết, 336
 Tặng chiến-sĩ Bình-Xuyên, 551-553
 Tặng đoàn thanh-niên ái quốc, 479-480
 Tặng Hội-đồng Cố-vấn Nam-Kỳ, 528-529
 Tặng ông Giáo Đàng, 260
 Tặng ông Giáo Xoài, 259-260
 Tặng thi-sĩ Việt-Châu, 517-518
 Tế chiến-sĩ trần-vong ở Vườn Thơm, 538-539
 Tết ở chiến-khu, 553-554
 Than đời, 399
 Thanh-Tân hựu tác – Đức Thầy họa, 230
 Thanh-Tân vấn gia-đình – Đức Thầy đáp, 230
 Thân gà (thơ xưa) – Đức Thầy họa, 363-364
 Thập nhị nhơn-duyên, 445-446
 Thầy Ba Đạo ở Hòa-Hảo hỏi thuốc - Đức Thầy đáp họa, 249-251
 Thầy Giáo Xoài xướng – Đức Thầy đáp họa, 276-278
 Thi xuân, 261-262
 Thiên-lý ca, 235-246

Thơ của “Ông Bán Chiêu”, 255-256

Thời lai diện mục, 285-286
 Thu đã cuối, 392-397
 Thức tỉnh một nữ tín-đồ ở Bạc-Liêu, 432-433
 Tiếng chuông cảnh-tỉnh, 526-527
 Tiếng súng bên lầu, 523-524
 Tình yêu, 530-531
 Tinh bạn trần-gian, 405-408
 Tỉnh giấc mơ, 558
 Tô câu huyền-bí, 298-299
 Tội mồng một, 274-276
 Tội với Thiên-Hoàng, 421
 Trao lời cùng Ông Táo, 399-403
 Trong việc tu thân xử kỷ, 457-460
 Trông mây, 326-327
 Tủi, 439
 Tuyên-ngôn của đảng Việt-Nam Dân-Chủ Xã-Hội, do Đức Huỳnh Thủ-Lãnh công-bố ngày 21-9-46, 532-534
 Tu-tướng, 422-423
 Từ-giã bốn-đạo khắp nơi, 331-336
 Từ giã làng Nhơn-Nghĩa, 376-380
 Tự thán, 403-405
 Tự thán, 519-520

Ư

Ước-vọng người hiền, 365

V

- Vén màn bí mật, 248-249
 Vĩ sanh-chúng, 418
 Viếng đêm – Đức Thầy họa,
 364-365
 Viếng làng Mỹ-Hội-Đông, 286-
 289
 Viếng làng Phú-An (Châu-Đốc),
 294-297
 Viếng non Ông Két, 283-284
 Việt-Nam Phật-Giáo Liên-Hiệp
 Hội, 509-514
 Vịnh con beo đá, 417
 Vịnh Hằng-Nga (Cổ thi) – Đức
 Thầy họa, 374-375
- Vịnh ông Địa bằng sành, 294
 Vịnh quạt máy, 416-417
 Vọng Bắc hòa Nam, 423-425
- X**
- Xé-xâu nhau, 559
 Xuân hạ tác cuồng thơ, 328-330
- Y**
- Yêu nước, 515.



MỤC-LỤC

Số thứ tự	Trang
Vài nét về Đức Huỳnh Giáo-Chủ	5 – 10
Khái ngôn	11 – 27
Thay lời tựa	29 – 31

Phần thứ nhất : SÁM GIẢNG GIÁO-LÝ

1.- Sám giảng khuyên người đời tu-niệm (quyển nhất)	37 – 67
2.- Kệ dân của người Khùng (quyển nhì)	71 – 87
3.- Sám giảng (quyển ba)	91 – 111
4.- Giác mê tâm kệ (quyển tư)	115 – 143
5.- Khuyên thiện của Ông Vô-Danh Cư-Sĩ. (quyển năm)	147 – 173
6.- Cách tu-hiền và sự ăn ở của một người bôn-đạo Lời nói đầu (quyển sáu)	177
7.- Những điều sơ-lược cần biết của kẻ tu-hiền ..	179 – 185
8.- Luận về tam-nghiệp	186 – 193
9.- Luận về bát-chánh	194 – 200
10.- Cách thờ-phượng, hành-lễ và sự ăn ở của một tín-đồ P.G.H.H.	201 – 209
11.- Sự cúng lạy của người cư-sĩ tại-gia	210 – 213
12.- Lời khuyên bôn-đạo	214 – 215

Phần thứ hai : THI VĂN GIÁO-LÝ

NĂM KỶ-MÃO (1939)

13.- Lộ chút cơ huyền	221 – 223
14.- Cho Đức Ông mất ghe	223
15.- Mặc tình ai	223 – 224
16.- Bánh mì	224

Số thứ tự	Trang
17.- Ông Lương-Văn-Tốt hỏi – Đức Thầy đáp họa	225 – 226
18.- Cho cô tư Cứng ở Hòa-Hảo (Châu-Độc) mất đồ	226 – 227
19.- Cho Đức Ông và Đức Bà	227
20.- Hồ hò-khoan	228
21.- Hương-chủ Đạt xướng – Đức Thầy họa	228 – 229
22.- Ông Nguyễn-Thanh-Tân xướng – Đức Thầy đáp họa	229
23.- Thanh-Tân hựu tác – Đức Thầy họa	230
24.- Thanh-Tân vấn gia-đình – Đức Thầy đáp	230
25.- Hiếu-ngĩa vi tiên	231
26.- Cúc cung bái	231 – 232
27.- Bài cầu cơ – Đức Thầy họa	232
28.- Nhức đầu	233
29.- Khuyên bỏ dị-đoan	233
30.- Nghĩ việc huyền ca	234
31.- Thiên-Lý ca	235 – 246
32.- Luận việc tu-hành	246 – 247
33.- Tam hùng trở mặt	247
34.- Lụy tam châu	248
35.- Vén màn bí mật	248 – 249
36.- Thầy Ba Đạo ở Hòa-Hảo hỏi thuốc – Đức Thầy đáp họa	249 – 251
37.- Bát nhãn	251
38.- Cho ông Hương-chủ Bó ở Hòa-Hảo	251 – 252
39.- Say	252 – 254
40.- Cho Sung-Biện T. ở Hòa-Hảo	254
41.- Hãy chờ Thiên-định	255
42.- Thơ của “Ông Bán Chiếu”	255 – 256
43.- Hội Hội Long-Hoa	256

Số thứ tự	Trang
44.- Khuyên bớt cho vay	257
45.- Ông Nguyễn-Kỳ-Trân, tức chín Diệm xướng – Đức Thầy đáp	257 – 258
46.- Chẳng ra hơi	259
47.- Khan tiếng	259
48.- Tặng Ông Giáo Xoài	259 – 260
49.- Tặng Ông Giáo Đàng	260
50.- Thi xuân	261 – 262
51.- Cảnh cảnh dân nghèo	263
52.- Hai mươi chín tháng chạp	264 – 267
53.- Đêm ba mươi	267 – 268

NĂM CANH-THÌN (1940)

54.- Cờ tam sắc	271
55.- Đầu năm	272 – 273
56.- Đốt pháo xuân	273
57.- Tỏi mồng một	274 – 276
58.- Thầy Giáo Xoài xướng – Đức Thầy đáp họa	276 – 278
59.- Ông Huỳnh-Hiệp-Hòa xướng – Đức Thầy họa	279 – 282
60.- Ông Huỳnh-Trung-Hòa xướng – Đức Thầy họa ...	283
61.- Viếng non Ông Kết	283 – 284
62.- Ông Tùng hỏi Đức Thầy – Đức Thầy họa ...	284 – 285
63.- Thời lai diện mục	285 – 286
64.- Viếng làng Mỹ-Hội-Đông	286 – 289
65.- Ông Nguyễn-Thanh-Tân xướng – Đức Thầy họa	290 – 291
66.- Ông Nguyễn-Kỳ-Trân xướng – Đức Thầy họa	291 – 294
67.- Vịnh ông Địa bằng sành	294
68.- Viếng làng Phú-An (Châu-Độc)	294 – 297
69.- Cho Thầy ba Thận ở làng Phú-Lâm (Châu-Độc) ...	297

Số thứ tự	Trang
70.- Tỏ câu huyền-bí	298 – 299
71.- Cho ông Phan-Thanh-Long	300
72.- Diệt tiền-khiên	300
73.- Để chơn đất Bắc	300 – 312
74.- Giọng khàn	312 – 313
75.- Cho ông Tham-tá Ngà	313 – 316
76.- Khuyên người giàu lòng phước-thiện	316 – 320
77.- Dặn-dò bôn-đạo	320 – 325
78.- Muốn rõ đạo mâu	326
79.- Trông mây	326 – 327
80.- Lý-lich	327
81.- Khuyên sư vãi	328
82.- Xuân-hạ tác cuồng-thơ	328 – 330
83.- Từ-giã bôn-đạo khắp nơi	331 – 336
84.- Tạm ngưng lý-thuyết	336
85.- Diệu-pháp quang-minh	337 – 345
86.- Sa-Đéc	345 – 351
87.- Đến làng Nhơn-Nghĩa (Cần-Thơ)	351 – 355
88.- Ông Nguyễn-Thanh-Tân xướng – Đức Thầy họa	355 – 358
89.- Cho ông chín Diệm tức Nguyễn-Kỳ-Trân ở làng Định-Yên (Long-Xuyên)	358 – 359
90.- Bác-ái đại-đồng	359 – 360
91.- Nhấn-nhủ cùng ai	360
92.- Giấy vàng	361
93.- Cho Hương-Bộ Thạnh	361 – 363
94.- Thân gà (thơ xưa) – Đức Thầy họa	363 – 364
95.- Viếng đêm – Đức Thầy họa	364 – 365
96.- Ước-vọng người hiền	365
97.- Nang thơ cầm tú	366 – 373
98.- Hỏi Hằng-Nga (Cổ thi) – Đức Thầy họa	373 – 374

Số thứ tự	Trang
99.- Vịnh Hằng-Nga (Cổ thi) – Đức Thầy họa ...	374 – 375
100.- Bạc-Liêu	375
101.- Từ-giã làng Nhơn-Nghĩa	376 – 380
102.- Ngao-ngán tình đời	381
103.- Ai người tri-kỷ	381 – 383
104.- Sắp màn cảnh trí	383
105.- Hiến thân sãi khó	383 – 384
106.- Bóng hồng	384 – 386
107.- Phòng vắng đêm khuya	386 – 387
108.- Gởi về cho bôn-đạo	387 – 388
109.- Nghĩ những ngày qua	388 – 389
110.- Không buồn ngủ	389 – 392
111.- Thu đã cuối	392 – 397
112.- Đêm ngồi một mình	398
113.- Mười bốn tháng mười	398
114.- Than đời	399
115.- Trao lời cùng ông Táo	399 – 403
116.- Tự thán	403 – 405
117.- Tình bạn trần-gian	405 – 408
118.- Đức Thầy gởi ông Mười (chú Đức Ông) ...	408 – 409
119.- Mượn cây đuốc huệ	409 – 410
120.- Nhỏ bàn Thông-Thiên	410

NĂM TÂN-TY (1941)

121.- Chúc xuân ông Thầy thuốc Trần-Văn-Tâm làm việc tại nhà thương Chợ-Quán	413
122.- Ngày Tết	413 – 414
123.- Cảnh xuân	415
124.- Đi trình-báo	415
125.- Tạm ngưng lý-lễ	416
126.- Vịnh quạt máy	416 – 417
127.- Vịnh con beo đá	417

Số thứ tự	Trang
128.- Cho ông Hạnh, rể của ông Võ-Văn-Giỏi (ở Bạc-Liêu)	417
129.- Vì sanh-chúng	418
130.- Ngũ ngôn cách cú	418 – 419
131.- Mong chờ	419
132.- Niệm Di-Đà	420
133.- Cho ông Võ-Văn-Giỏi ở Bạc-Liêu	420
134.- Giải-thoát Cửu-huyền	420
135.- Tội với Thiên-Hoàng	421
136.- Mấy đoạn tơ lòng – Trái sầu riêng	421 – 422
137.- Tư-tưởng	422 – 423
138.- Vọng Bắc hòa Nam	423 – 425
139.- Ông Phan-Châu-Bá (Long-Xuyên) hỏi – Đức Thầy đáp	425 – 426
140.- Bài nguyện trước bàn thờ Cửu-huyền	426 – 427
141.- Ném cấp-băng	427
NĂM NHÂM-NGŨ (1942)	
142.- Cho Thầy đội Giàu	431
143.- Cho ông Trần-Quan-Hạnh	432
144.- Thức-tỉnh một nữ tín-đồ ở Bạc-Liêu	432 – 433
145.- Cho ông Cò tàu Hảo (Sài-Gòn)	433 – 434
146.- Cảm tác	435 – 438
147.- Buồn	438
148.- Tủi	439
149.- Gởi Bác-sĩ Cao-Triều-Lợi ở Bạc-Liêu	439 – 440
150.- Cho thằng Tân	441
151.- Hoài cổ	441 – 443
152.- Dụng kinh-quyền	443 – 444
153.- Rút cái ngu đàn	445
154.- Thập nhị nhơn-duyên	445 – 446
155.- Môn hoàn diệt	446 – 447

Số thứ tự	Trang
156.- Đức Phật đối với chúng-sanh	447 – 449
157.- Lời khuyên bốn-đạo	449 – 450
158.- Phật là gì ?	450 – 451
159.- Chư Phật có bốn đại-đức	452 – 453
160.- Sơ giải về tứ-diệu-đề	453 – 457
161.- Trong việc tu thân xử kỷ	457 – 460
162.- Những câu chú thường niệm	460 – 469
163.- Cho cô hai Gương (Cần-Thơ)	469 – 470
164.- Cho cô năm Võ-Thị-Hợi ở Bạc-Liêu	470 – 471

NĂM QUÍ-MÙI (1943)

165.- Hỏi phỏng đá (Cổ thi) – phỏng đá trả lời	475
166.- Cho ông Đỗ-Văn-Viễn sắp đổi đi làm việc xứ xa	476
167.- Cho bà năm Cò ở Sài-Gòn	477
168.- Gọi đoàn	477 – 478
169.- Gọi đoàn thanh-niên	478 – 479
170.- Tặng đoàn thanh-niên ái-quốc	479 – 480
171.- Nhấn đợi thời-cơ	480 – 482
172.- Bà-Rá	482
173.- Đi chơi đêm với ông Luật-sư Mai-Văn-Dậu	483
174.- An-ủi một tín-đồ	484

NĂM GIÁP-THÂN (1944)

175.- Cho cô ký Giới ở Bạc-Liêu	485
176.- A-c-núc	485
177.- Đờ-cu	486
178.- Muốn lánh phồn-hoa	486

NĂM ÁT-DẬU (1945)

179.- Huấn-lệnh	489
180.- Hỡi Đồng-Bào Việt-Nam !	490 – 491
181.- Lời riêng cho bốn-đạo	491
182.- Hiệu-triệu	492 – 499

Số thứ tự	Trang
208.- Chương-trình của Đảng Việt-Nam Dân-Chủ Xã-Hội, do Đức Huỳnh Thủ-Lãnh công-bố ngày 21-9-1946	534 – 537
209.- Tể chiến-sĩ trận-vong ở Vườn-Thơm	538 – 539
210.- Cụ Phạm-Thiều mời Đức Thầy tham-chánh – Đức Thầy họa	540 – 541
211.- Đức Huỳnh Giáo-Chủ tuyên-bố	542 – 544
212.- Ông Hồn-Quyên (ở Sài-Gòn) vào chiến-khu phỏng-vấn Đức Huỳnh Giáo-Chủ	544 – 548

NĂM ĐINH-HỢI (1947)

213.- Anh Phiệt xướng – Đức Thầy họa	551
214.- Tặng chiến-sĩ Bình-Xuyên	551 – 553
215.- Tết ở chiến-khu	553 – 554
216.- Kỷ-niệm rừng Chà-Là	554 – 555
217.- Ông Trần-Văn-Soái và ông Nguyễn-Giác-Ngộ	556

Những bài không rõ thời-gian tính sáng-tác

218.- Lo nước	557
219.- Nợ nước	557
220.- Không không	558
221.- Tỉnh giấc mơ	558
222.- Sâu bá-tánh	558
223.- Gìn tục cổ	559
224.- Lố vùng hồng	559
225.- Xé-xâu nhau	559
226.- Chuyển pháp-luân	560
227.- Lúc ta tỉnh	560
228.- Cho một vị sơ-tâm	560 – 561
229.- Chí thanh-cao	561
230.- Báo hiệu đạo nhà	561

